

*THOMAS L.
FRIEDMAN*

*MICHAEL
MANDELBAUM*

Nguyễn Hằng dịch



**TỪNG LÀ
BÁ CHỦ**

NƯỚC MỸ BỊ TỤT HẬU NGAY TRONG
THẾ GIỚI MÌNH TẠO RA NHƯ THẾ NÀO
VÀ LÀM SAO ĐỂ QUAY TRỞ LẠI



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Người Mỹ chúng ta không quan tâm Trung Quốc có hệ thống đường sắt tốt hơn, Singapore có những sân bay tốt hơn. Và rồi chúng ta chợt nhận thấy chiếc siêu máy tính nhanh nhất thế giới hiện nay lại thuộc về Trung Quốc - vị trí bá chủ từng là của chúng ta.

- Tổng thống Barrack Obama, ngày 03/11/2010

Tặng Ann Friedman và Anne Mandelbaum

Lời mở đầu

Giờ nghỉ của nước Mỹ

Giống như nhiều người mê phim ảnh, cả hai chúng tôi đều hâm mộ Clint Eastwood. Và chưa bao giờ hâm mộ hơn vào giờ giải lao giữa trận bóng bầu dục thuộc giải vô địch quốc gia năm 2012 ở Indianapolis, khi quảng cáo ô tô của hãng Chrysler xuất hiện với giọng nói của Eastwood trước hơn 100 triệu người xem: “Đây là giờ giải lao giữa hai hiệp của nước Mỹ”.

Trong hai phút, Eastwood đã tóm tắt xong chủ đề chính của cuốn sách này: Cả đất nước chúng ta đã mắc sai lầm – một hiệp đấu thứ nhất tệ hại. Nhưng chúng ta lại có mọi nguồn lực và khả năng để quay lại vào hiệp hai. Chúng ta đã từng làm được như vậy trước đây và có thể lặp lại, nhưng chỉ khi chúng ta cùng cố gắng thực hiện những nhiệm vụ vừa đúng đắn vừa khó khăn. Eastwood tường thuật:

Đang là giờ nghỉ giữa hai hiệp. Cả hai đội đều đã vào phòng thay quần áo để bàn cách giành chiến thắng trong hiệp hai. Nước Mỹ cũng đang nghỉ giữa hai hiệp. Mọi người đang bị thất nghiệp và họ thấy mệt mỏi. Tất cả họ đang tự hỏi mình phải làm gì để quay trở lại. Và tất cả chúng ta đều đang sợ hãi vì đây không phải là trò chơi. Người dân Detroit hiểu chút ít về điều này. Họ gần như đã mất tất cả. Nhưng chúng ta đang xích lại gần nhau. Thành phố Motor (tức Detroit) đã quay lại cuộc chiến. Trong đời tôi đã chứng kiến rất nhiều thời kỳ gian khó, nhiều giai đoạn xuống dốc mỗi khi chúng ta không hiểu nhau. Có vẻ như đôi khi chúng ta đã đánh mất dũng khí khi màn sương mù của sự chia rẽ, bất hòa và đổ lỗi bao phủ khiến chúng ta không nhìn thấy điều gì ở phía trước. Nhưng sau những lần đó, chúng ta đều tập trung lại quanh những giá trị đúng đắn và hành động như một quốc gia thống nhất vì chúng ta là như thế. Chúng ta luôn

tìm ra con đường thoát khỏi khó khăn, còn nếu không có đường thì chúng ta sẽ tự tạo ra nó. Vấn đề giờ đây là cái gì đang ở phía trước. Làm thế nào để vượt lên? Làm thế nào để đi cùng nhau? Làm thế nào để giành chiến thắng? Detroit đang cho thấy là chúng ta có thể làm được. Và cái gì đúng với họ thì cũng sẽ đúng với tất cả chúng ta. Đất nước này không thể gục ngã chỉ vì một cú đấm. Chúng ta sẽ quay lại, và khi ấy, cả thế giới sẽ phải nghe thấy tiếng động cơ của chúng ta gầm rú. Phải, đây là lúc nước Mỹ đang nghỉ giữa hiệp. Và hiệp hai sắp bắt đầu.

Chúng tôi đồng ý với Eastwood, và chúng tôi muốn cuốn sách này sẽ là kế hoạch thi đấu cho hiệp hai của nước Mỹ, là lộ trình hành động trước những thách thức và cơ hội sẽ quyết định liệu chúng ta có còn là một đất nước có khả năng truyền sự thịnh vượng từ thế hệ này sang thế hệ khác – như chúng ta luôn luôn làm được trước đây, và tiếp tục đóng vai trò là người giữ ổn định cho toàn thế giới – điều chúng ta phải làm được – hay không. Các thách thức đang sờ sờ trước mắt, và chúng vẫn y nguyên, chưa được giải quyết, từ khi cuốn sách này được xuất bản lần đầu vào năm 2011. Giải pháp cũng chưa hề thay đổi: Nếu không cùng nhau hành động, chúng ta sẽ không thể sửa chữa những gì cần thiết. Nước Mỹ đang hết sức cần một loạt những cuộc Mặc cả Vĩ đại* giữa hai đảng chính và những đối tượng có liên quan đến các lĩnh vực tài chính, năng lượng và giáo dục.

Ban đầu, chúng ta cần một kế hoạch ngắn hạn để tạo ra tăng trưởng việc làm thông qua những khoản đầu tư nhằm nâng cấp cơ sở hạ tầng của Mỹ: đường sá, cầu cống, trường học, băng thông đường truyền và giao thông công cộng. Nhưng để kế hoạch ngắn hạn được Quốc hội thông qua và đảm bảo không làm tăng thâm hụt ngân sách, nó phải được đi kèm với một kế hoạch dài hạn nhằm giải quyết tình trạng mất cân đối ngân sách ở quy mô đúng với thực tế. Để làm được thì đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa cần có một cuộc Mặc cả Vĩ đại về cải cách phúc lợi xã hội, cải cách thuế và tăng thu cho chính phủ.

Đồng thời, chúng ta còn cần một cuộc Mặc cả Vĩ đại về vấn đề năng lượng giữa các nhà môi trường và ngành dầu khí. Thỏa thuận giữa hai bên sẽ dẫn tới Mỹ áp dụng những tiêu chuẩn môi trường cao nhất cho hoạt động khai thác khí tự nhiên bằng công nghệ phá vỡ vỉa thủy lực và khai thác dầu ở những địa điểm xa xôi để chúng ta có thể tận dụng được lợi thế có nhiều cả

* Từ được Tổng thống Obama dùng khi ông đề xuất thỏa thuận với đảng Cộng hòa kế hoạch tăng thuế và giảm chi tiêu ngân sách năm 2011.

dầu lẫn khí. Trong năm năm qua, nhờ công nghệ khoan khai thác hiện đại, tăng thành phần nhiên liệu sinh học trong xăng và tăng tiêu chuẩn sử dụng nhiên liệu của ô tô, Mỹ đã thay đổi được tình trạng 20 năm phụ thuộc ngày càng nặng nề vào năng lượng nhập khẩu. Năm 2011, Mỹ đã tự đáp ứng được hơn 80% nhu cầu năng lượng trong nước. Nếu chúng ta tiếp tục khai thác tài nguyên một cách hợp lý thì các chuyên gia năng lượng ước tính Mỹ có thể trở thành nhà sản xuất dầu khí lớn nhất, sạch nhất thế giới vào năm 2020. Thu từ thuế sẽ tăng lên và chúng ta đỡ phải lo ngại về tình hình Trung Đông, đồng thời vẫn gây ảnh hưởng lớn hơn lên khu vực này. Ngoài ra, chúng ta sẽ giảm được phát thải khí nhà kính khi thay các nhà máy nhiệt điện than bằng khí tự nhiên sạch hơn nhiều cũng như chạy xe tải cỡ lớn bằng gas. Nhưng chúng ta phải làm hai việc. Thứ nhất, phải khoan dầu và khai thác khí tự nhiên với tiêu chuẩn môi trường cao nhất, an toàn nhất có thể. Thứ hai là phải dần dần chuyển nền kinh tế sang sử dụng hệ thống năng lượng sạch hơn – có thể là hạt nhân, gió, mặt trời, thủy triều hoặc khí tự nhiên – và sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn. Để làm được hai việc này, cần đánh thuế những thứ chúng ta không thích, ví dụ nguồn nhiên liệu hóa thạch phát thải carbon; và trợ cấp, tạo động cơ khuyến khích những thứ chúng ta ưa thích, ví dụ hệ thống sưởi ấm, làm mát, chiếu sáng, đi lại sử dụng tài nguyên ít hơn, sạch hơn, có khả năng tái tạo hơn. Không những chúng ta không có lý do gì để không đạt được thỏa thuận trong cuộc Mặc cả Vĩ đại ấy – vì công nghệ đã có, còn chi phí gia tăng hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát – mà nếu chúng ta không làm thì nước Mỹ sẽ mất đi lợi thế cạnh tranh trong ngành công nghiệp chính của thế giới sắp tới – công nghệ năng lượng sạch và sử dụng năng lượng hiệu quả. Khi thế giới tăng từ 7 tỷ người lên 9 tỷ người vào năm 2050, đạt được tăng trưởng cao hơn với ít tài nguyên hơn và năng lượng sạch hơn sẽ là động lực tạo ra làn sóng sáng tạo mới. Nước Mỹ phải đi đầu làn sóng ấy.

Chúng ta cũng cần có một cuộc Mặc cả Vĩ đại giữa các thế hệ với nhau. Cần bổ sung thêm vào chương trình cải cách y tế của Tổng thống Obama – vốn dự kiến sẽ mở rộng bảo hiểm y tế cho thêm 32 triệu người Mỹ hiện chưa có bảo hiểm – một kế hoạch đáng tin cậy, tham vọng để có nguồn thu bù đắp chi phí, nếu không bảo hiểm sẽ lấn át hết những khoản chi khác trong ngân sách Liên bang, biến chúng ta thành một đất nước đầu tư quá nhiều vào các trung tâm chăm sóc sức khỏe nhưng lại quá ít vào trường đào tạo ra những con người làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe. Với tư cách là một quốc gia, chúng ta phải đầu tư vào tương lai đồng thời với đầu tư vào quá khứ.

Cuối cùng, chúng ta cần một kế hoạch tổng thể tạo việc làm, tập trung cả vào các giải pháp làm thế nào để có nhiều người mở công ty mới hơn – vì nếu chúng ta muốn có nhiều *người lao động* hơn thì phải có nhiều *người sử dụng lao động* đã – và làm thế nào để có nhiều người Mỹ hơn có được những kỹ năng, kiến thức mà các ngành công nghiệp và dịch vụ của thế kỷ 21 cần. Điều này đòi hỏi phải có một cuộc Mặc cả Vĩ đại giữa các yếu tố lao động, vốn và chính phủ. Các nhà tư bản cần tìm kiếm thêm cơ hội đầu tư ở Mỹ, giới lao động cần đảm bảo cung cấp nhiều người có trình độ đáp ứng được các công việc cho tương lai, và chính phủ cần có chính sách tạo điều kiện cho cả hai.

Cục Thống kê lao động Mỹ không chỉ theo dõi số người thất nghiệp ở Mỹ mà còn tính toán cả số việc làm không thể tìm được người. Vào đầu năm 2012, có hơn 3 triệu việc làm đang bỏ trống mặc dù tỷ lệ thất nghiệp chung vào khoảng 8%. Có nghĩa là có quá nhiều người Mỹ không có khả năng tính toán, đọc hiểu hoặc trình độ kỹ thuật mà các công ty trong lĩnh vực chế tạo công nghệ cao – lĩnh vực chế tạo duy nhất sẽ tồn tại ở Mỹ trong tương lai – yêu cầu.

Như thị trưởng thành phố Chicago là Rahm Emanuel kể với chúng tôi vào tháng 10/2011: Vào một ngày đẹp trời, ông đọc được trên báo địa phương rằng một công ty, Accenture chẳng hạn, tuyên bố sẽ tạo thêm 500 việc làm ở Chicago. Vào một ngày xấu trời khác, ông nhận thấy mình “đang phải đối diện rất gần với tình trạng lao động thiếu kỹ năng”. Thành phố Chicago có hàng nghìn việc làm không tìm được người. Ông cho biết: “Có hai vị giám đốc điều hành trẻ trong ngành phần mềm y tế đến gặp tôi. Tôi hỏi: ‘Tôi có thể giúp gì được cho các bạn?’ Họ đáp: ‘Chúng tôi cần tuyển 50 người, nhưng chẳng tìm được ai cả’”. Có thể nghe thấy câu này từ giới tuyển dụng trên khắp đất Mỹ, về công việc của cả công nhân cổ xanh lẫn công nhân cổ trắng.

Chúng ta không thể tiếp tục là cường quốc trong ngành chế tạo trừ khi tất cả mọi người – người lao động, nhà tư bản, chính phủ và cả hai đảng Cộng hòa và Dân chủ – nhất trí với việc tái đầu tư, tiếp thêm sinh lực cho cái mà trong cuốn sách này chúng tôi gọi là công thức thành công năm trụ cột của nước Mỹ: cung cấp giáo dục hậu trung học cơ sở (gồm dạy nghề, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và toán học) cho nhiều người Mỹ hơn, nâng cấp cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện cho thêm nhiều người nhập cư có tài năng và nhiệt huyết, thực thi các quy định khuyến khích mọi người chấp nhận rủi ro chứ không phải sự liều lĩnh, và tăng đầu tư vào nghiên cứu và triển khai để mở rộng thêm biên giới các ngành vật lý, sinh học, hóa học, năng lượng và vật chất.

Nếu nhìn từ góc độ này, không khó để nhận thấy người Mỹ có cảm xúc lẩn lộn trước sự kiện Thomas Edison của thời đại chúng ta – người đồng sáng lập Apple là Steve Jobs – qua đời vào năm 2011. Một mặt, có những lời tung hô mạnh mẽ, dồn dập dành cho hiện thân của tinh thần sáng tạo của nước Mỹ. Sau khi bỏ học đại học vào những năm 1970, trong bốn thập kỷ sau đó, Jobs đã tạo ra những sản phẩm mang tính biểu tượng, từ máy tính Mac đến máy tính bảng iPad, từ những bộ phim sản xuất trên máy tính đến cửa hàng bán nhạc trên mạng. Trong Jobs có cái gì đó như tinh hoa của nước Mỹ. Nhưng mặt khác, xuyên suốt những lời ca tụng, tưởng niệm ông, có thể thấy một tâm trạng u buồn, day dứt rằng nước Mỹ sẽ không bao giờ sản sinh ra một người như thế nữa.

Chúng tôi không tin điều đó. Nhưng để chắc chắn nước Mỹ sẽ còn tạo ra nhiều công ty như Apple, nhiều nhà kinh doanh có tầm nhìn như Steve Jobs thì đất nước cần nghiêm túc thực hiện chương trình hành động mà chúng tôi đã nói ở trên. Và việc chúng ta có thực hiện được hay không lại phụ thuộc vào hệ thống chính trị – gót chân Achilles của nước Mỹ hiện nay.

Hệ thống chính trị của chúng ta vẫn chưa thể hiện được vai trò vào thời điểm này. Không đơn giản là chúng ta bị chia rẽ quá sâu sắc. Tình hình còn tệ hơn thế. Chúng ta bị chia rẽ về những vấn đề không phù hợp. Điều đáng lo ngại về tình hình chính trị hiện nay không chỉ là tình trạng siêu chia rẽ đảng phái mà vì nó quá thường xuyên xảy ra với những chuyện không quan trọng. Khi chúng tôi viết lời giới thiệu này, trong không khí nóng hổi của chiến dịch vận động tranh cử tổng thống 2012, không có gì lạ nếu một người sao Hỏa có mặt ở Mỹ nghĩ rằng vấn đề quan trọng nhất ở Mỹ là ai sẽ chi trả cho các biện pháp tránh thai, liệu quỷ Satan có xuất hiện ở Mỹ hay Tổng thống Obama có phải một người Kenya bí mật theo chủ nghĩa xã hội, chống chủ nghĩa thực dân hay không. Chúng ta không cần lịch sự thêm nữa mà cần sự thật. Nước Mỹ và giới lãnh đạo trước đây đã rất xuất sắc khi họ kết hợp được chủ nghĩa kinh nghiệm cực đoan và tính linh hoạt, chứ không phải chủ nghĩa cực đoan và thái độ từ chối thỏa hiệp. Chúng ta sẽ không bao giờ đồng thuận được tuyệt đối về cách thức tiến lên phía trước, nhưng ít nhất chúng ta cũng nên đồng thuận về việc nên đi về đâu. Và hiện tại, mặc dù mục tiêu nước Mỹ nên đạt được đã quá rõ ràng, nhưng chúng ta vẫn không thể đồng thuận. Câu hỏi chính trong nền chính trị hiện nay nên là: Chúng ta nên tăng trưởng bao nhiêu và tạo ra bao nhiêu việc làm thì đủ để trả nợ và truyền lại mức sống cao hơn cho thế hệ sau, đồng thời không gây ảnh hưởng đến môi trường và vẫn duy trì được vị thế lãnh đạo toàn cầu mà cả thế giới cần?

Không may là có quá nhiều thành viên đảng Cộng hòa đang nghĩ rằng câu trả lời đơn giản là quay về với những gì Ronald Reagan đã làm. Cách tư duy này có hai sai lầm. Thứ nhất, Reagan không làm những việc như họ nghĩ, và những gì ông làm đã diễn ra từ 30 năm trước – mà từ đó đến nay thế giới đã thay đổi về cơ bản. Như chúng tôi sẽ chứng minh trong cuốn sách, khi Ronald Reagan đối mặt với thâm hụt ngân sách nặng nề do cắt giảm thuế, ông đã thông qua giải pháp tăng thuế, hay dùng cụm từ ông ưa thích trong nhiều dịp là “cải thiện nguồn thu”, trong đó có việc tăng đáng kể thuế xăng. Nếu không có gì thay đổi thì thật tuyệt nếu chính phủ giảm thuế thay vì tăng thuế, nhưng giờ đây mọi thứ đã thay đổi. Nợ quốc gia hiện đã lên tới hơn 15,7 nghìn tỷ dollar – lớn hơn cả tổng giá trị kinh tế hàng năm chúng ta tạo ra – tương đương 138.000 dollar tính trên một người dân, cùng với khoản thâm hụt hàng năm vào khoảng 1,5 nghìn tỷ dollar.

Với uy tín của mình, Tổng thống Obama ít nhất cũng đã thể hiện mong muốn sẵn sàng tiến hành những cải cách ngân sách cần thiết. Nhưng chúng ta vẫn chưa rõ liệu ông có thuyết phục được đảng của ông chấp nhận những thay đổi cơ bản về dài hạn trong chính sách Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế hay không, và ông sẽ nỗ lực như thế nào để làm việc đó.

Tóm lại, quá nhiều đảng viên Cộng hòa muốn quay lại quá khứ, thời kỳ không còn tồn tại như họ tưởng tượng, và trong bất cứ tình huống nào cũng không còn phù hợp với hiện tại. Và có quá nhiều đảng viên Dân chủ mặc dù biết rõ cần phải thay đổi, nhưng vẫn muốn chính phủ phải làm nhiều hơn cái họ sẵn sàng bỏ ra, nhiều hơn khả năng mà đất nước có thể chịu đựng.

Cái mà chúng ta đang vô cùng cần là một cuộc tranh luận chính trị về những vấn đề thực tế, liên quan đến thế giới chúng ta đang sống. Vì vậy, trong cuốn sách này, chúng tôi bày tỏ hy vọng rằng nếu hai đảng không thể đem lại cuộc tranh luận đất nước cần thì trong cuộc bầu cử, sẽ có một ứng cử viên độc lập trung dung xuất hiện, người mà nếu không đạt được thành công gì thì cũng có thể tham gia vào cuộc tranh luận của các ứng cử viên tổng thống để đặt câu hỏi – và trung thực – với cả hai đảng. Một người có tư tưởng độc lập như vậy là David Walker, từng là Tổng Kiểm toán nhà nước từ năm 1998 đến 2008 và hiện là tổng giám đốc điều hành Comeback America Initiative, một tổ chức phi đảng phái có mục tiêu phục hồi ngân sách quốc gia. Chúng tôi nhất trí với Walker rằng người Mỹ hiện nay “đang khát khao ba thứ: sự thật, vai trò lãnh đạo và giải pháp”. Không may là hai đảng chỉ đem lại “sự chậm chạp, chờ đợi xem có vụ bê bối nào không” để họ lại phản ứng theo kiểu “thiếu đi sự can thiệp cần thiết”.

Walker khẳng định cuộc Mặc cả Vĩ đại về vấn đề ngân sách vẫn chưa được rõ ràng. Ông khen ngợi Tổng thống Obama vì đã tập trung vào đúng vấn đề – đó là tỷ lệ nợ/GDP – và đã đưa ra được những ý tưởng trong ngắn hạn nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giải quyết nạn thất nghiệp thông qua đầu tư vào cơ sở hạ tầng. Nhưng những ý tưởng này phải “đi kèm với một kế hoạch đáng tin cậy và khả thi nhằm giải quyết vấn đề thâm hụt đã ăn vào bản chất ngân sách, đe dọa vị thế của đất nước trên thế giới cũng như mức sống của người dân trong nước trong tương lai”. Về vấn đề này thì Obama vẫn thất bại trong nhiệm kỳ đầu tiên của mình. Walker cho rằng các đảng viên Dân chủ luôn “không thừa nhận sự cần thiết phải đàm phán lại vấn đề bảo hiểm trong xã hội”.

Còn với các đảng viên Cộng hòa, theo Walker, “họ cũng không có kế hoạch gì để phục hồi tình trạng lành mạnh về tài khóa”. Họ không thừa nhận rằng chúng ta không thể giải quyết bài toán thâm hụt ngân sách nếu giữ nguyên mức thu thuế hiện tại – tương đương 15-16% GDP – hoặc thậm chí kể cả với mức trung bình trước đây là 18% GDP. Chúng ta cần tăng thu lên nữa. Vấn đề thâm hụt về cơ bản là do chi tiêu quá mức, nhưng còn nhiều lý do khác. “Cứ cắt giảm đi 3 dollar chi tiêu thì chúng ta phải tăng được 1 dollar trong thu ngân sách, đấy là chưa tính lãi”. Và mục tiêu này chỉ có thể đạt được thông qua cải cách thuế sao cho hệ thống thuế của chúng ta “đơn giản hơn, công bằng hơn, cạnh tranh hơn” mà vẫn đem lại số thu lớn hơn. Theo ông, “đảng Cộng hòa đơn giản là không chịu thừa nhận điều đó”.

Như Bill Gates từng trả lời chúng tôi trong một buổi phỏng vấn về nền chính trị Mỹ hiện nay:

Một vấn đề quan trọng đang bị bỏ qua là giới chính trị phải hiểu đúng thực tế, chỗ nào mọi thứ đang hoạt động tốt và chỗ nào không. Tôi thực sự nghĩ rằng khi tình hình chia rẽ đảng phái giảm bớt thì sẽ có những người ở Quốc hội nói rằng: “Tốt rồi, tôi sẽ dành thời gian làm việc ở ủy ban của tôi. Tôi sẽ tìm hiểu về lĩnh vực giao thông hoặc nhà ở”. Và họ sẽ trở nên thạo việc. Họ sẽ không bị kiểm tra xem có trung thành với đảng hay không. Các chuyên gia sẽ tham gia vào ủy ban của họ. Lúc đó, chúng ta sẽ có một chính phủ mang tính kỹ trị hơn. Còn hiện tại, khi chúng ta gặp phải tình trạng chia rẽ vì chính phủ không đủ khả năng làm việc thì chúng ta sẽ có cách nhìn hết sức đơn giản: “Chính phủ hoàn toàn không nên làm việc này. Chính phủ nên tham gia toàn bộ vào việc kia”, chứ không phải: “Hãy

cho tôi biết bạn muốn chính phủ tham gia đến mức độ nào và sau đây là kế hoạch chi tiêu hợp lý nhất”. Ví dụ, trong ngành giáo dục chẳng hạn, quỹ của chúng tôi đang thử nghiệm với hệ thống nhân sự. Chúng tôi biết nếu các giáo viên và học sinh không thích điều chúng tôi làm và kết quả đạt được không tốt thì thử nghiệm ấy sẽ không bao giờ được áp dụng rộng rãi.

Nghề có vẻ ngây thơ trong bối cảnh chính trị siêu chia rẽ đảng phái, nhưng theo Gates, chúng ta vẫn cần áp dụng cách tư duy này trong chính trị: “Hệ thống chính trị phải điều chỉnh mỗi khi có vấn đề, và đó là lý do tại sao nước Mỹ chúng ta đã vượt qua được rất nhiều giai đoạn khủng hoảng... Khi nhìn vào tình hình ngân sách, năng lượng, rất dễ nhận ra rằng chúng ta đang thiếu quan điểm chung về cuộc khủng hoảng và không thể áp dụng một giải pháp chung. Nếu chính phủ chỉ làm cho tình hình xấu đi thì liệu nên giảm bớt sự can thiệp của chính phủ hay chần chừ lại chính phủ? Câu trả lời sẽ tùy thuộc vào từng lĩnh vực”.

Đó là lý do tại sao sẽ rất tốt nếu có thêm một ứng cử viên có trách nhiệm thuộc đảng thứ ba trong cuộc đua hay ít nhất cũng tham gia và cuộc tranh luận. Theo Gates, thật tuyệt nếu có thêm một người để phát biểu rằng: “Hai ngài nói rất hay, nhưng chưa đủ. Thừa các cử tri, tôi xin nói rằng cắt giảm chi tiêu bao nhiêu thì vẫn cứ phải tăng thuế. Và không may là các ngài mới chỉ thu được thêm ít thuế từ những người giàu nhất. Các ngài phải tăng thuế thêm nữa và *cắt giảm* chi tiêu”.

Gates kết luận: Lý do của tất cả những điều này quan trọng hơn bao giờ hết, đó là “chúng ta đang đòi hỏi phải thay đổi hiện trạng. Chúng ta đã tạo ra một hệ thống có khả năng tránh những thay đổi hiện trạng làm tổn hại đến người khác một cách bất hợp lý. Và hệ thống ấy đã hoạt động rất tốt. Nhưng giờ đây, vấn đề trở nên phức tạp hơn. Có lẽ trong những lĩnh vực như năng lượng hay ngân sách, những gì chúng ta đang làm, với tốc độ đang có sẽ không đưa chúng ta đến được mục tiêu mong muốn”. Chất lượng của cuộc tranh luận thực sự quan trọng, nhưng không may là hiện tại “chúng ta chưa tập trung tranh luận vào những lựa chọn sẵn có như đáng lẽ chúng ta phải làm”.

Nếu chúng ta làm đúng thì rất nhiều người khác cũng được hưởng lợi chứ không chỉ nước Mỹ trong tương lai. Kể từ khi cuốn sách này được xuất bản lần đầu tiên vào năm 2011, sự cần thiết phải có một nước Mỹ hùng mạnh, ổn định, sôi động càng trở nên bức thiết. Ở Đông Á, khu vực tăng trưởng nhanh nhất thế giới, quan hệ giữa Trung Quốc và các quốc gia láng giềng đang trở

nên căng thẳng hơn trong những năm gần đây. Chính quyền khép kín, bí mật, được trang bị vũ khí hạt nhân ở Bắc Triều Tiên đang trong giai đoạn chuyển giao quyền lực khó lường. Ở Trung Đông, nơi có nguồn tài nguyên dầu mỏ dễ dàng khai thác với trữ lượng lớn nhất thế giới, hàng loạt làn sóng nổi dậy đã lật đổ các chính phủ cầm quyền lâu năm ở Tunisia, Ai Cập, Libya và đang đe dọa các chính phủ Bahrain và Syria. Nhưng chúng ta vẫn chưa biết bản chất của những người sẽ nắm quyền sau phong trào “Thức tỉnh Ả Rập”. Trong khi đó, giới cầm quyền cực đoan, chống phương Tây ở Iran vẫn tiếp tục nỗ lực phát triển vũ khí hạt nhân. Ở Liên minh châu Âu, khu vực kinh tế lớn nhất thế giới, khủng hoảng tài chính đang diễn ra ở một số nước thành viên, còn đồng tiền chung euro đang đe dọa kéo cả châu Âu và nhiều quốc gia khác vào giai đoạn suy thoái kinh tế nghiêm trọng, thậm chí còn tồi tệ, lâu dài hơn cuộc khủng hoảng 2007-2009 do những sự sụp đổ khoản vay dưới chuẩn ở Mỹ gây ra.

Đông Á, Trung Đông và châu Âu là những nơi trong hàng chục năm, Mỹ đã góp phần đáng kể tạo ra sự ổn định và thịnh vượng. Chỉ sức mạnh của Mỹ thì không đủ để giải quyết các vấn đề trong khu vực, nhưng sẽ các nước sẽ gặp khó khăn hơn rất nhiều nếu không có một nước Mỹ hùng mạnh về mặt kinh tế, gắn kết về mặt xã hội và đáng tin cậy về mặt chính trị. Lionel Barber, biên tập viên báo *Financial Times* từng nhận xét, nước Mỹ không “vắng mặt vào thời điểm sáng tạo” ra thế giới hiện nay, nhưng chúng ta không còn hùng mạnh bằng lúc trước, vì vậy sự “có mặt” của chúng ta cũng không được thể hiện rõ ràng bằng lúc trước. Sau hai cuộc chiến tốn kém hàng nghìn tỷ dollar ở Trung Đông và đưa thâm hụt ngân sách lên mức mà chúng ta không thể tránh khỏi việc đánh đổi giữa nhu cầu lương hưu của thế hệ bùng nổ dân số với nhu cầu máy bay cường kích của quân đội, làm sao chúng ta có thể như trước được?

Vì vậy, những cuộc Mặc cả Vĩ đại mà nước Mỹ cần cũng quan trọng đối với sự an toàn và thịnh vượng của hàng tỷ người sống xa lục địa Mỹ không kém gì đối với chính người dân Mỹ. Nếu hệ thống chính trị của chúng ta chỉ tiếp tục tạo ra những chính sách đối phó kém tối ưu, hoặc tệ hơn, chẳng có chính sách đối phó gì – vì cả hệ thống đã bị tê liệt bởi tình trạng siêu chia rẽ đảng phái, không thể đặt câu hỏi và trả lời cho vấn đề quan trọng nhất đối với mọi chính sách là “Chúng ta đang sống trong thế giới như thế nào?” – thì người dân trên khắp thế giới này sẽ phải gánh chịu hậu quả.

Tóm lại, việc nước Mỹ có thể quay lại, có thể vượt lên trên, hay nói theo

ngôn ngữ của Clint Eastwood là có thi đấu tốt trong hiệp hai hay không đang được quan tâm hơn bao giờ hết. Liệu chúng ta có làm được không? Với tất cả những khó khăn đang có, kể cả xu hướng chính trị đáng ngại hiện nay, chúng tôi, các tác giả cuốn sách, vẫn tin tưởng là chúng ta làm được. Chúng tôi lạc quan về tương lai của nước Mỹ dựa vào quá khứ chúng ta đã có. Với tư cách là một quốc gia, chúng ta đã từng vượt qua những thách thức thậm chí còn khó khăn hơn những thách thức chúng ta đang đối mặt. Chúng ta đã hoàn thành tốt những nhiệm vụ thậm chí còn dễ gây nản chí hơn việc tiến hành cuộc mặc cả quyết định lợi ích của đất nước. Chúng ta đã từng là một nước Mỹ có khả năng nhận biết, đối mặt và giải quyết mọi thách thức. Chúng tôi tin rằng nước Mỹ sẽ làm được điều đó lần nữa.

Thomas L. Friedman

Michael Mandelbaum

Bethesda, Maryland, tháng 4/2012

PHẦN I
CHẨN ĐOÁN

MỘT

Hãy cho chúng tôi biết những gì bạn thấy

Đây là cuốn sách viết về nước Mỹ, nhưng bắt đầu từ Trung Quốc.

Tháng 9/2010, Tom^{*} tham gia một cuộc hội thảo mùa hè trong khuôn khổ Diễn đàn Kinh tế thế giới tại Thiên Tân, Trung Quốc. Năm năm trước, phải lái xe mất ba-giờ-rưỡi đồng hồ từ Bắc Kinh đến Thiên Tân – một phiên bản ô nhiễm, đông đúc kiểu Trung Quốc của Detroit. Nhưng giờ thì khác. Để đi Thiên Tân, bạn hãy đến ga Nam Bắc Kinh – một tòa nhà hình đĩa bay siêu hiện đại với tường kính và mái nhà hình bầu dục gắn 3.246 tấm pin mặt trời. Bạn mua vé từ máy bán vé điện tử hiển thị tiếng Trung và tiếng Anh, lên chuyến tàu cao tốc đẳng cấp quốc tế chạy thẳng đến một nhà ga rộng lớn, hiện đại khác nằm ở trung tâm Thiên Tân. Được coi là chuyến tàu chạy nhanh nhất thế giới khi đi vào hoạt động vào năm 2008, chuyến tàu siêu tốc Trung Quốc chạy trên đoạn đường dài 115km, tương đương 72 dặm chỉ trong khoảng 29 phút.

Hội thảo diễn ra ở Trung tâm Hội nghị và Triển lãm Meijiang Thiên Tân – một công trình khổng lồ và đẹp mà chỉ rất ít thành phố ở Mỹ có được. Và như thể bản thân Trung tâm chưa gây đủ ấn tượng, các nhà đồng tài trợ ở Thiên Tân còn cho biết thêm một số thông tin (trên trang web www.tj-summerdavos.cn). Theo đó, Trung tâm có tổng diện tích mặt sàn là 230.000m² và “quá trình xây dựng Trung tâm Hội nghị Meijiang bắt đầu vào ngày 15/9/2009 và hoàn thành vào tháng 5/2010”. Khi đọc dòng đó, Tom đếm đốt ngón tay – Xem nào, tháng chín, mười, mười một, mười hai, tháng một...

Tám tháng.

Sau khi quay về nhà ở bang Maryland, Tom mô tả cho Michael^{**} và vợ là Anne nghe về tổ hợp Thiên Tân và thời gian xây dựng nó ngắn như thế

^{*} Thomas L. Friedman, đồng tác giả cuốn sách.

^{**} Michael Mandelbaum, đồng tác giả cuốn sách.

nào. Đột nhiên Anne hỏi: “Tom này, cho tôi hỏi, gần đây anh có đến ga tàu điện ngầm của chúng ta không?”. Tất cả chúng tôi đều sống ở Bethesda và thường sử dụng hệ thống tàu điện ngầm Washington để đi làm ở trung tâm thủ đô Washington D.C. Tom vừa ở nhà ga Bethesda nên biết rõ Anne đang nói chuyện gì. Hai thang cuốn nhỏ đã sửa chữa được gần sáu tháng. Khi sửa một bên thang thì phải tắt điện bên thang còn lại và nó trở thành thang bộ hai chiều. Vào lúc cao điểm, chỗ này trở nên vô cùng hỗn độn. Tất cả những người đang cố ra vào sân ga đều phải chen từng bước một trên cái thang cuốn đứng im. Có khi phải mất đến mười phút mới ra khỏi nhà ga. Phía trên chiếc thang đang được sửa có một tấm biển thông báo đây là một phần của dự án “hiện đại hóa” quy mô lớn hệ thống thang cuốn.

Điều gì khiến dự án “hiện đại hóa” kéo dài đến như thế? Chúng tôi đã tìm hiểu lý do. Cathy Asato, phát ngôn viên của Cơ quan Giao thông đô thị Washington đã trả lời báo *Maryland Community News* (ngày 20/10/2010) rằng “quá trình sửa chữa dự kiến mất sáu tháng và đang diễn ra đúng tiến độ. Thợ sửa chữa cần khoảng 10 đến 12 tuần cho mỗi bên thang”. Một phép so sánh đơn giản cũng đem lại kết quả đáng ngạc nhiên: Tập đoàn xây dựng Teda của Trung Quốc mất 32 tuần để xây dựng một trung tâm hội nghị đẳng cấp quốc tế từ chỗ không có gì – trong đó có hệ thống thang cuốn khổng lồ ở tất cả mọi góc ngách. Còn các nhân viên hệ thống tàu điện ngầm Washington mất 24 tuần chỉ để sửa hai thang cuốn nhỏ xíu, mỗi cái có đúng 21 bậc. Chúng tôi tìm hiểu kỹ hơn và biết rằng *WTOP* – một đài phát thanh địa phương – đã phỏng vấn Richard Sarles, giám đốc điều hành tạm thời của hệ thống tàu điện ngầm vào ngày 20/7/2010. Theo ông, những thang cuốn này đã cũ, nhưng “chúng không được sửa chữa đúng mức. Chúng ta đang bị chậm nên phải cố gắng tăng tốc... Vừa mới tuần trước thôi, thang cuốn ở ga Dupont Circle đã bốc khói khi đang hoạt động trong giờ cao điểm”.

Ngày 14/11/2010, báo *Washington Post* đăng bức thư của Mark Thompson ở Kensington, Maryland gửi ban biên tập. Thư viết:

Tôi rất lưu tâm đến bài báo viết về nghiên cứu trị giá 225.000USD dẫn tới việc Cơ quan quản lý tàu điện ngầm phải mời công ty VTX sửa chữa tình trạng tồi tệ của hệ thống thang cuốn và thang máy... Tôi chắc chắn rằng nghiên cứu này rất có giá trị. Nhưng là người đã đi tàu điện ngầm hơn 30 năm nay, tôi nghĩ có một cách dễ hơn nhiều để đánh giá thực trạng hệ thống thang cuốn. Chúng đã hoạt động êm ái, hiệu quả hàng chục năm. Nhưng mấy năm gần đây, khi thang chạy, nó phát ra những âm thanh

đáng sợ vì nhiều bộ phận đã già nua hoặc hỏng hóc đầu đò. Với tôi tiếng động này nghe như tiếng gào hấp hối của con khủng long bạo chúa bị roi xuống hồ nhựa đường* vậy.

Nhưng câu chuyện khiến chúng tôi lo ngại nhất là của báo *Maryland Community News* về những dòng người xếp hàng dài vào giờ cao điểm do quá trình sửa chữa đường như không bao giờ hoàn thành ở Metro: “Khi đứng xếp hàng, tôi có cảm giác rằng mọi người như đã quen với tình trạng ấy” – Benjamin Ross nói. Anh sống ở Bethesda và ngày nào cũng đi về từ ga trung tâm”.

Chủ đề chung trên cả nước

Mọi người như đã quen với tình trạng ấy. Thực tế là thái độ cam chịu... thái độ cho rằng đó là những gì đang diễn ra ở nước Mỹ ngày nay, rằng những ngày tươi đẹp của nước Mỹ đã qua rồi, còn trước mặt là những ngày tươi đẹp của Trung Quốc đã trở thành là chủ đề bàn tán của mọi người khi uống nước, trong bữa tiệc tối, khi xếp hàng mua tạp phẩm hoặc trong lớp học trên khắp nước Mỹ. Chúng ta thấy trẻ em – những người chưa từng đến Trung Quốc – cũng bày tỏ sự hoài nghi. Vào tháng 9/2010, Tom tham gia cuộc họp của Hội đồng Quy hoạch cơ sở giáo dục quốc tế (CEFPI) tại San Jose, California. Trong chương trình có “Cuộc thi thiết kế trường học tương lai” dành cho học sinh trung học cơ sở thiết kế ngôi trường xanh lý tưởng của riêng mình. Vào buổi sáng cuối cùng của cuộc hội thảo, ông gặp các bạn học sinh lọt vào vòng chung kết và họ cùng nói chuyện về xu hướng toàn cầu hiện nay. Tom hỏi các em nghĩ gì về Trung Quốc. Một cô bé tóc vàng tên là Isabelle Foster, học sinh trường trung học Old Lyme bang Connecticut trả lời: “Có vẻ như họ có tham vọng và lòng quyết tâm lớn hơn chúng ta”. Tom hỏi: “Sao cháu lại nghĩ thế?” Cô bé trả lời là thực sự cô cũng không giải thích được. Cô bé chưa đến Trung Quốc bao giờ. Nhưng cô vẫn cảm thấy điều đó. Nó hiển hiện ở khắp mọi nơi.

Chúng ta cũng thấy Thống đốc Ed Rendell của bang Pennsylvania bày tỏ thái độ nghi ngờ nước Mỹ khi ông có phản ứng bức bối vì ban tổ chức Giải vô địch bóng bầu dục quốc gia (NFL) đã hoãn trận đấu tại Philadelphia

* Hồ tự nhiên hình thành do nhựa đường (bitum) trong lòng đất tràn lên mặt đất.

giữa hai đội Philadelphia Eagles và Minnesota Vikings hai ngày vì bão tuyết dữ dội. NFL buộc trận đấu phải hoãn lại vì họ không muốn người hâm mộ phải lái xe đến xem trên những con đường phủ đầy băng tuyết. Nhưng với Rendell, đây là dấu hiệu cho thấy một vấn đề tệ hơn: người Mỹ đã trở nên yếu đuối. “Quyết định của họ đi ngược lại tất cả những gì là đặc trưng của bóng bầu dục” – Rendell nói trong cuộc phỏng vấn với kênh phát thanh thể thao *Fanatic 97,5* của Philadelphia (27/12/2010). “Chúng ta đã trở thành một đất nước của những kẻ quặt quẹo. Người Trung Quốc đang lấn át chúng ta về mọi mặt. Nếu giải diễn ra ở Trung Quốc, anh có nghĩ họ sẽ hoãn trận đấu không? Họ sẽ vẫn lữ lượt kéo tới sân, họ sẽ đi bộ và thậm chí yêu đương nhau suốt đường về”.

Tôi đọc thấy thái độ hoài nghi trong đồng thư từ gửi ban biên tập – ví dụ nhận xét đầy nhiệt huyết sau đây của Eric R. đăng trên trang ý kiến độc giả của báo *New York Times*, ngay dưới bài báo Tom viết về Trung Quốc (ngày 1/12/2010):

Chúng ta đã gần như hoàn thành quá trình tiến hóa từ thời Lewis và Clark để trở thành Elmer Fudd và Yosemite Sam*. Trước kia, chúng ta ưa thích thách thức, chịu đựng thiếu thốn, nén chặt nỗi sợ hãi và lao vào thiên nhiên hoang dã (chưa từng biết đến). Chúng ta đoàn kết với nhau để xây dựng khắp lục địa này hệ thống đường sắt và đường cao tốc, đánh bại những kẻ độc tài xấu xa, chữa trị bệnh bại liệt, đưa con người đặt chân lên mặt trăng. Giờ đây, chúng ta nhấn tin và trang điểm trong khi lái xe, chơi trò chơi điện tử nhiều hơn đọc sách, lờ đi các bài tập thể dục, coi săn bắn là tội ác và gục ngã trước bệnh béo phì và tiểu đường. Không còn gì của tinh thần tiên phong (từng) giúp chúng ta trở thành quốc gia vĩ đại nhất thế giới, khiến những người khác phải ngước nhìn và gọi chúng ta là “ngoại lệ khác thường”.

Đôi khi thái độ nghi ngờ xuất hiện đúng lúc chúng ta không chờ đợi nhất. Chỉ vài tuần sau khi trở về từ Trung Quốc, Tom đến Nhà Trắng để thực hiện một cuộc phỏng vấn. Ông đi qua điểm kiểm tra an ninh trên đại lộ Pennsylvania.

* Meriwether Lewis và William Clark đã tiến hành cuộc thám hiểm trên bộ đầu tiên của người Mỹ đến bờ biển Thái Bình Dương với mục đích tìm hiểu, khám phá miền Tây sau khi chính phủ Mỹ mua vùng đất Louisiana (1804-1806).

Elmer Fudd và Yosemite Sam: các nhân vật hoạt hình, chuyên săn đuổi con thỏ lấu linh Bugs Bunny.

Sau khi cho túi xách đi qua máy soi, ông vịn tay nắm cửa kim loại để bước vào con đường dẫn đến Nhà Trắng. Tay nắm cửa rời ra nằm gọn trong tay ông. “Ồ, đôi khi nó bị thế đấy” – nhân viên an ninh nói với vẻ thờ ơ khi thấy Tom cố lấp lại cái tay nắm lỏng lẻo vào lỗ hổng trên cửa.

Và giờ đây chúng ta thường xuyên thấy khách đến chơi cũng tỏ ra ngỡ vực. Một người sống ở Bethesda kể rằng mấy năm nay, ông đã thuê vài cô gái người Đức đến giúp ông chăm sóc con. Tất cả họ đều nói về hai chuyện: một là Washington có thật nhiều sóc, hai là đường phố ở đây mấp mô quá. Họ không thể tin được đường phố thủ đô nước Mỹ lại nhiều ổ gà đến thế.

Người lạc quan đã nản lòng

Như vậy có phải là chúng tôi tin vào một điều đang ngày càng quen thuộc đối với một số nhóm người: Nước Anh sở hữu thế kỷ 19, nước Mỹ thống trị thế kỷ 20, và chắc chắn rằng Trung Quốc sẽ đóng vai trò quyền lực nhất trong thế kỷ 21 – và bạn chỉ cần bay từ Thiên Tân hoặc Thượng Hải đến Washington D.C. rồi đi tàu điện ngầm là kết luận ngay điều đó?

Không, chúng tôi không tin điều đó. Và chúng tôi viết cuốn sách này để giải thích tại sao không người Mỹ nào dù trẻ hay già nên cam chịu ý nghĩ đó. Cả hai tác giả đều không phải người bi quan về nước Mỹ cũng như tương lai nước Mỹ. Chúng tôi là những người lạc quan, nhưng chúng tôi cảm thấy nản. Chúng tôi là những người lạc quan đã nản lòng. Hai thái độ này đang song hành với nhau. Chúng tôi lạc quan vì với tinh thần phóng khoáng, tư tưởng đa dạng, tài năng phong phú, nền kinh tế linh hoạt, thái độ làm việc có đạo đức và luôn hướng tới sự thay đổi, xã hội Mỹ thực sự có đầy đủ điều kiện để phát triển trong bối cảnh thế giới đầy thách thức ngày nay. Chúng tôi lạc quan vì hệ thống kinh tế và chính trị của nước Mỹ nếu vận hành tốt thì có thể khai thác được triệt để tài năng, sức lực của đất nước nhằm giải quyết những khó khăn mà đất nước đang gặp phải. Và chúng tôi lạc quan vì những thành tựu nước Mỹ đã đạt được chính là nền tảng vững chắc để đất nước vượt qua những trở ngại hiện tại.

Nhưng đó cũng là lý do tại sao chúng tôi nản lòng. Lạc quan hay bi quan về tương lai nước Mỹ không chỉ đơn thuần phụ thuộc vào việc chúng ta có khả năng làm được những điều vĩ đại hay lịch sử chúng ta có hùng tráng hay không. Nó còn phụ thuộc vào việc liệu chúng ta có thực sự muốn lặp lại

những thành tích đó không nữa. Rất nhiều người Mỹ hiện đang làm những công việc vĩ đại nhưng mới chỉ ở quy mô nhỏ hẹp. Làm từ thiện, tình nguyện, các sáng kiến cá nhân – tất cả đều ấn tượng, nhưng cái chúng ta cần nhất là hành động chung trên phạm vi lớn.

Chúng ta không thể bi quan về nước Mỹ nếu ta biết rằng đất nước này là quê hương của vô số những con người sáng tạo, tài năng, chăm chỉ. Nhưng chúng ta cũng khó tránh khỏi cảm giác nản chí khi phát hiện ra rằng rất nhiều người trong số đó đang cảm thấy đất nước chưa đào tạo ra lực lượng lao động cần thiết, chưa thu hút được những người nhập cư chăm chỉ, chưa đầu tư vào cơ sở hạ tầng, chưa tài trợ cho hoạt động nghiên cứu, chưa thực thi những chính sách thuế và ưu đãi khôn ngoan như các đối thủ cạnh tranh đã làm được.

Vì thế, chương mở đầu này mới có tên là “Hãy cho chúng tôi biết những gì bạn thấy”. Đây chính là câu thần chú mà Bộ An ninh nội địa lặp đi lặp lại trên loa ở các sân bay và nhà ga trên khắp cả nước. Đúng là chúng tôi có nghe, có thấy nhiều thứ, và hàng triệu người Mỹ khác cũng thế. Cái chúng tôi nhìn thấy không phải một kiện hàng vô chủ đáng ngờ bị bỏ ở cầu thang mà là những thứ không thể phát hiện bằng mắt thường. Chúng tôi thấy mối đe dọa tiềm ẩn lớn lao đối với an ninh và phúc lợi đất nước, hơn cả nguy cơ từ phía al-Qaeda. Chúng tôi thấy một đất nước có tiềm năng khổng lồ nhưng đang dần cũ hỏng, chính trị thì xáo trộn và rõ ràng là đang lo ngại về hiện tại cũng như tương lai của chính mình.

Cuốn sách này là tiếng nói của chúng tôi – điều gì không ổn, tại sao không ổn, và có thể và phải làm gì để khắc phục.

Nhưng tại sao phải nhắc đến ngay vào lúc này, tại sao phải khẩn cấp đến thế?

Trả lời câu hỏi “tại sao ngay vào lúc này?” rất dễ. Đó là vì đất nước chúng ta đang suy yếu một cách chậm chạp, chậm đến mức chúng ta có thể giả bộ – hoặc tin – rằng nó không hề diễn ra. Timothy Shriver – chủ tịch Ủy ban Olympic dành cho người khuyết tật, con trai của người sáng lập Tổ chức Hòa bình Mỹ Sargent Shriver và là cháu của Tổng thống John F. Kennedy – là một người luôn lạc quan. Khi chúng tôi nói chuyện với ông về cuốn sách, ông trả lời: “Như thể mỗi năm chúng ta lại tụt dốc đi một ít, và chúng ta cứ mặc kệ để cho mọi thứ dần vượt ra ngoài tầm kiểm soát – suy thoái kinh tế chỗ này, vấn đề xã hội ở chỗ kia, rắc rối chính trị trong năm nọ. Mỗi ngày chúng ta lại tụt xuống một bước và không ai nói: Dừng lại!” Không nghi ngờ gì nữa, Shriver nói thêm, hầu hết người Mỹ “sẽ vẫn muốn Mỹ là đất nước

của những tư tưởng và thành tựu vĩ đại, nhưng có vẻ nhưng không ai muốn trả giá để có được kết quả đó”. Hay như Jeffrey Immelt, tổng giám đốc công ty General Electric nói: “Cái nước Mỹ ngày nay thiếu chính là lòng tin người dân có được khi cùng nhau giải quyết được một vấn đề lớn và phức tạp”. Đã lâu lắm rồi chúng ta chưa cùng nhau làm được điều gì vĩ đại, khó khăn.

Theo chúng tôi, quá trình suy thoái chậm chạp này có bốn nguyên nhân chính. Thứ nhất, từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, chúng ta, đặc biệt là các nhà lãnh đạo chính trị, đã không còn bắt đầu mỗi ngày bằng hai câu hỏi hết sức quan trọng khi ra chính sách công. Đó là: chúng ta đang sống trong thế giới nào? Chính xác là chúng ta phải làm gì để phát triển được trong thế giới đó? Không quân Mỹ có một học thuyết chiến lược do sỹ quan John Boyd xây dựng, gọi là chu kỳ QĐQH, viết tắt của các từ: quan sát, định hướng, quyết định, hành động. Boyd lập luận rằng giả sử bạn là phi công chiến đấu, nếu QĐQH của bạn vận hành nhanh hơn của người khác thì bạn sẽ luôn là người giành thắng lợi trong cuộc không chiến. Hiện tại, nước Mỹ thực hiện QĐQH rất chậm và thường xuyên tỏ ra lúng túng. Trong lĩnh vực chính trị, người ta rất ít khi chịu quan sát, định hướng, quyết định và hành động, nhưng họ lại làm quá nhiều những việc như la hét, đòi hỏi, chia rẽ và trì hoãn. Khi thế giới vận động càng nhanh thì khả năng quan sát, định hướng, quyết định và hành động của một quốc gia càng quan trọng hơn bao giờ hết.

Thứ hai, trong hơn 20 năm qua, cả quốc gia này đã thất bại trong việc giải quyết những vấn đề lớn nhất, đặc biệt là giáo dục, thâm hụt ngân sách và nợ quốc gia, năng lượng và biến đổi khí hậu. Và giờ đây, những vấn đề đó đã trở nên tồi tệ đến mức chúng ta không thể lờ chúng đi được nữa, và cũng không thể giải quyết chúng một cách triệt để nếu không cùng hành động và cùng hy sinh. Thứ ba, như thể để mọi chuyện xấu hơn nữa, chúng ta còn ngừng đầu tư vào những công thức truyền thống từng giúp chúng ta đạt được thành tựu vĩ đại có từ thời lập quốc. Thứ tư – chúng tôi sẽ giải thích thêm ở đoạn sau – chúng ta đã không thể giải quyết được khó khăn hay tái đầu tư vào mặt mạnh của mình vì hệ thống chính trị đã tê liệt, còn hệ thống giá trị thì bị xói mòn nghiêm trọng. Nhưng rút cục, là những người lạc quan, chúng tôi vẫn sẽ đề xuất chiến lược để vượt qua những thách thức này.

“Tại sao lại khẩn cấp?” cũng là một câu hỏi dễ trả lời. Sự khẩn cấp bắt nguồn một phần từ thực tế rằng cả quốc gia không còn có đủ nguồn lực, thời gian để hoang phí như 20 năm trước, khi thâm hụt ngân sách còn nằm trong tầm kiểm soát, và chúng ta vẫn có vẻ đang điều khiển được tất cả

những thách thức lớn nhất của mình. Đặc biệt, trong 10 năm qua, chúng ta đã tốn rất nhiều thời gian, năng lượng – và tiền bạc của thế hệ sau – vào việc chống chủ nghĩa khủng bố, tự chiều chuộng bản thân với chính sách cắt giảm thuế, tín dụng với lãi suất thấp. Kết quả là hiện giờ chúng ta không có dự trữ. Chúng ta đang lái một chiếc xe không có ốp cản, không có lớp dự phòng, còn đồng hồ xăng báo gần cạn. Nếu thị trường hay Mẹ Thiên nhiên đột ngột chuyển theo chiều hướng xấu thì chúng ta sẽ không có đủ nguồn lực để tự bảo vệ mình trước những tác động xấu nhất – như những gì chúng ta làm được trước đây. Winston Churchill rất thích nói câu này: “Nước Mỹ luôn chọn phương pháp đúng đắn, nhưng chỉ sau khi họ đã thử mọi cách khác”. Giờ đây, đơn giản là Mỹ không còn đủ thời gian để thử mọi cách khác trước khi thực hiện theo cách đúng đắn nhất nữa.

Chúng tôi thấy khẩn cấp còn vì thực tế rằng giới chính trị chưa hình dung đúng đắn – chứ chưa nói đến giải quyết được – những thách thức của đất nước. Mục tiêu của chúng ta không nên chỉ đơn thuần là giải quyết vấn đề nợ quốc gia và thâm hụt ngân sách – như thế là quá hẹp. Hai vấn đề này rất quan trọng, thực tế là rất cần thiết và khẩn cấp, nhưng giải quyết được chúng mới chỉ là phương tiện đi đến mục tiêu cuối cùng. Mục tiêu của nước Mỹ phải là tiếp tục giữ được vị thế là một cường quốc. Có nghĩa là ngoài giảm thâm hụt, chúng ta còn phải đầu tư vào giáo dục, cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và triển khai, đồng thời mở rộng cửa hơn với những người nhập cư có tài năng, sửa đổi các quy định liên quan đến nền kinh tế. Nhập cư, giáo dục, luật pháp thực dụng là những thành phần truyền thống tạo nên công thức trở thành cường quốc của nước Mỹ. Và chúng đang có vai trò sống còn hơn bao giờ hết nếu chúng ta muốn tận dụng được toàn bộ tiềm năng của người Mỹ trong những thập niên tới để có thể tạo ra được nguồn lực giúp duy trì sự thịnh vượng, tiếp tục là quốc gia đứng đầu thế giới như chúng ta đã làm được và thế giới cũng mong muốn chúng ta làm được. Chúng tôi, những tác giả của cuốn sách này, không chỉ muốn nước Mỹ trả được nợ nần mà còn muốn duy trì vị thế cường quốc. Chúng tôi không phải những người ưa đi vào chi tiết. Chúng tôi là kiểu người muốn làm cách mạng.

Lại là Trung Quốc

Để duy trì vị thế cường quốc của Mỹ thì lựa chọn đúng đắn là không nên trở thành giống Trung Quốc. Chúng ta nên là chính mình. Tất nhiên, Trung

Quốc đã có những tiến bộ phi thường khi đưa 10 triệu người dân thoát khỏi nghèo đói và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng từ các trung tâm hội nghị đến đường cao tốc, sân bay, nhà cửa. Trung Quốc không ngừng chú trọng phát triển kinh tế, luôn tìm kiếm những phương pháp tốt nhất trên thế giới – mọi thứ từ giáo dục, năng lượng đến quy hoạch đô thị – để thử nghiệm rồi áp dụng rộng rãi cách nào có hiệu quả nhất – tất cả đều thực sự ấn tượng.

Nhưng Trung Quốc vẫn đang phải đối mặt với nhiều vấn đề có nguy cơ làm suy yếu đất nước như: thiếu quyền tự do, tham nhũng quá mức, ô nhiễm nghiêm trọng, một hệ thống kinh tế lộn ngược và nền giáo dục có truyền thống lâu đời là hạn chế sự sáng tạo. Thu nhập đầu người của Trung Quốc – khoảng 4.000 dolla – bằng 10% của Mỹ và khoảng cách giàu nghèo thuộc loại lớn nhất thế giới. Trung Quốc chỉ tạo ra được một vài công ty có tên tuổi toàn cầu và vẫn chỉ được biết đến nhờ sao chép và lắp ráp hơn là phát minh và thiết kế. Khó mà tin rằng trong thập kỷ tới Trung Quốc sẽ không phải gánh chịu một dạng khủng hoảng kinh tế nào đó, vì mô hình tăng trưởng phụ thuộc vào xuất khẩu – vốn phụ thuộc nặng nề vào các ngân hàng quốc doanh và các doanh nghiệp quốc doanh huy động tiết kiệm lãi suất thấp, lao động rẻ và sáng tạo của các nước khác – đã chạm đến ngưỡng.

Hệ thống chính trị và kinh tế của Trung Quốc không hề tốt hơn so với Mỹ. Chúng tôi tin rằng để duy trì được quá trình tăng trưởng kinh tế cao, cuối cùng Trung Quốc sẽ phải đổi mới nhiều hơn, tạo ra những khởi đầu của chính mình, và phát triển một nền kinh tế tri thức/dịch vụ. Trung Quốc thực hiện chuyển đổi bởi vì đất nước cần làm giàu trước khi nắm vững vấn đề. Với chính sách một con, Trung Quốc đã chuyển nhanh từ một đất nước mà hai đời dành dụm mới mua được cái laptop cho đời cháu sang một đất nước mà đứa cháu đó phải trả tiền chăm sóc cha mẹ, và có thể cả ông bà. Điều này chỉ có thể xảy ra nếu Trung Quốc trở thành một nền kinh tế tri thức nhiều hơn và nếu Trung Quốc mở cửa về chính trị và học cách nắm bắt “sự phá hủy mang tính sáng tạo” – ngay cả khi cần phá hủy nền công nghiệp quốc doanh của mình. Nói ngắn gọn, Trung Quốc sẽ cần áp dụng thêm nhiều đặc điểm của hệ thống kiểu Mỹ, nhất là sự tự do trong chính trị và kinh tế vốn là yếu tố cơ bản dẫn đến thành công của chúng ta.

Nhưng hiện tại, chúng tôi tin rằng Trung Quốc đã thu được 90% lợi ích tiềm năng mà hệ thống chính trị loại hai của họ mang lại. Họ đang tận dụng được những gì tốt nhất của một nhà nước toàn trị. Ngược lại, người Mỹ chúng ta mới chỉ thu được 50% lợi ích tiềm năng của hệ thống dân chủ hạng nhất của

chúng ta. Và cái chúng ta đang có là ít hơn nhiều so với những gì mà đáng lẽ chúng ta có thể, nên và phải nhận được từ nền dân chủ.

Theo Nathan Gardels, chủ bút NPQ, một chuyên san các tư tưởng chính trị và xã hội, mặc dù ý nghĩ thông thường là “Trung Quốc phải khai minh để tự sửa đổi, Mỹ phải nghiêm khắc. Nhưng dân chủ trong một xã hội tiêu dùng được dẫn dắt bởi đặc trưng hài lòng ngay lập tức cũng không tự sửa đổi nếu không áp dụng lâu dài thể chế nhân tài mà cũng có ích tương tự với Trung Quốc. Tất cả các dấu hiệu phản hồi trong nền dân chủ tiêu dùng [của chúng ta] – thị trường, phương tiện truyền thông và chính trị – đều là ngắn hạn. Trừ phi điều này được cân bằng với các thể chế thích cái nhìn dài hạn hơn, còn không thì sự quản lý tập trung cũng không khả thi. Những Nhà lập quốc của chúng ta hiểu rõ điều này.

Nói tóm lại, vấn đề lớn nhất không phải là chúng ta không thể đuổi kịp được thành tựu xuất sắc của Trung Quốc mà là chúng ta đã rời quá xa những thành tựu vĩ đại nhất của chính mình. Tương lai của nước Mỹ không phụ thuộc vào việc bắt chước hệ thống Trung Quốc. Nó phụ thuộc vào việc chúng ta có làm cho hệ thống dân chủ của mình hoạt động một cách tập trung, nghiêm túc, kiên định, giới lãnh đạo có đạo đức và mọi người đoàn kết trong hành động hay không – những phẩm chất mà Trung Quốc đã tạo ra được bằng phương cách độc tài trong hàng chục năm qua.

Theo chúng tôi, sự so sánh giữa Trung Quốc và Mỹ xuất hiện trong mọi câu chuyện phiếm trên khắp nước Mỹ ngày nay hoàn toàn không phải nhằm vào Trung Quốc. Mục tiêu chính là chúng ta. Trung Quốc chỉ là tấm gương phản chiếu mà thôi. Thực ra chúng ta đang nói về bản thân và sự mất tự tin của chính mình. Chúng ta thấy người Trung Quốc có những tính cách đã từng có trong người Mỹ, đã từng là đặc trưng của cả nước Mỹ – nhưng giờ chúng ta đã đánh mất rồi.

Orville Schell là người đứng đầu Trung tâm Quan hệ Mỹ - Trung thuộc Hiệp hội Á châu đặt tại thành phố New York. Ông cũng là một trong những nhà quan sát tình hình Trung Quốc có kinh nghiệm nhất của Mỹ. Ông có tham gia hội nghị Thiên Tân. Một chiều nọ, sau một bài trình bày cực kỳ thuyết phục về bước nhảy kinh tế vượt bậc của Trung Quốc gần đây, Tom hỏi Schell tại sao ông ấy lại nghĩ sự nổi lên của Trung Quốc làm người Mỹ mất tinh thần và bị ám ảnh như vậy.

“Vì chúng ta bắt đầu cảm thấy mình không thể giải quyết được mọi chuyện, chúng ta có xu hướng nhìn nhận những vấn đề liên quan đến Trung Quốc

với thái độ mơ ước, lý tưởng hóa quá mức”, Schell trả lời. “Chúng ta nhìn những điều họ làm và thấy rằng họ đang làm được những điều chúng ta đã đánh mất và chỉ còn nhớ đến một cách e dè. Đó chính là tinh thần “có thể làm được, làm bằng được, đoàn kết lại, bằng bất cứ giá nào” – nhờ tinh thần ấy mà chúng ta đã xây dựng được những con đường cao tốc, những con đập ngăn nước và đặt chân lên mặt trăng. Nó là đặc điểm nổi bật của nền văn hóa thời chúng ta còn nhỏ. Nhưng giờ đây, chúng ta đang chứng kiến đất nước đi theo hướng ngược lại, trong khi đó, Trung Quốc trở nên cực kỳ năng động bởi chính nguồn năng lượng tương tự... Trung Quốc khát khao muốn chứng minh bản thân với cả thế giới, còn Mỹ có vẻ như đã đánh mất mong muốn thể hiện sự ưu việt của mình”. Động lực của Trung Quốc là “khát vọng sâu xa muốn phục hồi lại vị thế cường quốc của mình, và thật đáng buồn, tất cả mọi người đều luôn có cảm giác rằng nước Mỹ chúng ta đã đánh mất chính động lực lớn lao đó”.

Hai chúng tôi đều có chung cảm nhận, nhưng chúng tôi không ủng hộ những chính sách, giải pháp duy trì vị thế cường quốc của nước Mỹ với thái độ ngạo mạn hay chủ nghĩa sô-vanh. Chúng tôi ủng hộ bằng lòng ái quốc và niềm tin mạnh mẽ vào bất cứ cách thức nào đem lại điều tốt đẹp nhất cho nước Mỹ – cho người Mỹ lẫn cho toàn thế giới. Chúng tôi hiểu rõ rằng nước Mỹ có những điểm chưa hoàn hảo, cả trong quá khứ và hiện tại. Chúng tôi biết tuần nào cũng có chính trị gia nhận hối lộ, có người bị kết án bởi tội lỗi mà họ không hề mắc phải, có tiền ngân sách đáng lẽ có thể dùng để xây một cây cầu mới, một trường học mới hoặc đầu tư vào một nghiên cứu đột phá nhưng lại bị sử dụng hoang phí, có rất nhiều thanh thiếu niên bỏ học, có nhiều cô gái trẻ mang thai những đứa con không cha, và có người bị mất việc làm hoặc mất nhà cửa một cách vô lý. Người theo chủ nghĩa hoài nghi sẽ nói: “Hãy nhìn khoảng cách giữa ý nghĩ và thực tế xem. Mọi phát biểu về nước Mỹ vĩ đại đều là dối trá”. Người theo tư tưởng bè phái thì bảo: “Khoảng cách gì cũng mặc kệ. Chúng ta vẫn là “ngoại lệ khác thường””. Quan điểm của chúng tôi là khoảng cách thực sự là vấn đề cần quan tâm, nhưng không ai nhận diện nước Mỹ qua chúng. Chúng ta là một quốc gia vĩ đại – sự vĩ đại mới thực sự là đặc trưng của nước Mỹ – vì chúng ta luôn luôn nỗ lực không ngừng để xóa đi những khoảng cách ấy, vì chúng ta luôn luôn đấu tranh không mệt mỏi để ngày càng đoàn kết hơn. Khoảng cách chỉ là dấu hiệu cho thấy chúng ta còn nhiều việc phải làm.

Chúng tôi nhắc lại lần nữa: Vấn đề không phải là Trung Quốc, và giải pháp

cũng không phải trở thành Trung Quốc. Vấn đề là ở chính bản thân chúng ta – chúng ta đang làm và không làm những gì, hệ thống chính trị của chúng ta hoạt động và không hoạt động ra sao, chúng ta sống và không sống theo hệ giá trị nào. Và giải pháp cũng chính là bản thân chúng ta – con người, xã hội, chính phủ mà chúng ta từng có và có thể tìm lại. Đó mới là mục đích của cuốn sách: vừa là lời cảnh báo, vừa là lời động viên. Cuốn sách sẽ chứa đầy những lời phê phán về tình trạng của chúng ta hiện tại, nhưng cũng giữ vững tinh thần lạc quan về kết quả trong tương lai nếu chúng ta hành động cùng nhau.

HAI

Lờ đi những rắc rối

Những loài sinh vật sống sót được không phải loài khỏe nhất hay thông minh nhất. Mà là những loài có khả năng thích ứng với thay đổi nhất.

– Thuyết tiến hóa

Chúng tôi sẽ làm một điều kinh khủng với các ông.

Chúng tôi sẽ tước đi của các ông một kẻ thù.

– Georgi Arbatov, chuyên gia về Mỹ của Liên Xô phát biểu
khi Chiến tranh Lạnh kết thúc

Hiện tại mọi chuyện có vẻ đã quá rõ ràng, nhưng vào cái ngày lịch sử khi Bức tường Berlin sụp đổ – ngày 11/11/1989 – không ai có thể đoán được rằng Mỹ sắp mắc sai lầm lớn nhất của một quốc gia: đánh giá sai tình thế của mình. Đáng lẽ chúng ta phải nhớ đến lời cảnh cáo của Oscar Wilde: “Trên đời này chỉ có hai bi kịch. Một là không đạt được thứ ta muốn, hai là đạt được thứ đó”. Lúc đó Mỹ sắp phải trải qua bi kịch thứ hai. Chúng ta đã đạt được mục tiêu mà chúng ta từng theo đuổi trong một thời gian dài: chấm dứt Chiến tranh Lạnh theo những điều kiện phương Tây đặt ra. Nhưng chính thành tựu này lại đánh dấu sự ra đời của thế giới mới với những thách thức chưa từng có dành cho Mỹ. Không ai cảnh báo chúng ta, cho dù đó là Oscar Wilde hay một người nào đó, ví dụ như một chính trị gia đã làm chính xác điều đó 40 năm trước: George Kennan.

Tối ngày 22/2/1946, Kennan, 42 tuổi, phó đại sứ Mỹ tại Liên Xô đã gửi một bức điện dài 8000 từ cho Bộ Ngoại giao Mỹ ở Washington mà sau này được gọi là “Bức điện dài”. Nó đã trở thành tin tức ngoại giao nổi tiếng nhất lịch sử nước Mỹ. Phiên bản ngắn gọn của nó xuất hiện trên báo *Foreign Affairs* năm sau đó dưới tiêu đề “X” có lẽ cũng là bài báo gây ảnh hưởng lớn nhất.

Bức điện của Kennan lại nổi tiếng lần nữa vì nó đóng vai trò cơ sở cho chính sách ngoại giao Mỹ suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Theo đó, cần “ngăn

chặn” sức mạnh quân sự và chống phá về chính trị ý thức hệ cộng sản của Liên Xô. Kết quả là Kế hoạch Marshall với mục đích viện trợ tái thiết châu Âu vừa bị chiến tranh tàn phá; NATO – liên minh quân sự duy nhất trong thời bình trong lịch sử nước Mỹ – và duy trì một lực lượng quân đội Mỹ ở châu Âu; các cuộc chiến tranh Mỹ ở Triều Tiên và Việt Nam; chạy đua vũ khí hạt nhân; tiệt cận chớp nhoáng nguy cơ chiến tranh hạt nhân tại Cuba; sự đối đầu về chính trị hình thành ở mọi góc ngách trên thế giới thông qua viện trợ quân sự, hoạt động gián điệp, quan hệ công chúng và viện trợ kinh tế.

Chiến tranh Lạnh kết thúc với việc khối xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã năm 1989 và sự sụp đổ của Liên Xô năm 1991. Nhưng thông điệp rộng lớn hơn của Bức điện dài mới là điều chúng ta cần nghe hiện nay: “Tình dậy đi! Chú ý kia! Thế giới đã thay đổi về cơ bản rồi. Không còn là thế giới mà các anh nghĩ nữa. Các anh phải điều chỉnh bản thân, vì kinh tế, an ninh và tương lai đất nước phụ thuộc vào điều đó”.

Khó mà hình dung được thông điệp này sẽ khiến cho rất nhiều người Mỹ choáng váng như thế nào. Thế giới mà Kennan nhắc đến trong bức điện không phải thế giới mà phần lớn người Mỹ cho rằng họ đang sống hoặc muốn sống ở đó nữa. Hầu hết họ đều nghĩ rằng khi Thế chiến thứ hai kết thúc, Mỹ có thể có được mối quan hệ tốt với Liên Xô – đồng minh trong chiến tranh cũng như chấm dứt được giai đoạn cả đất nước phải bỏ ra nỗ lực khổng lồ để giành thắng lợi trong cuộc chiến. Theo Bức điện dài thì cả hai mong muốn đều sai lầm. Cuối cùng, giới lãnh đạo đất nước cũng nhất trí với phân tích của Kennan và nghe theo toa thuốc của ông. Đã từ lâu, người Mỹ hiểu ra rằng họ phải thận trọng, sáng tạo và đoàn kết. Họ biết họ phải đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, cải tiến công nghệ, tăng tính linh hoạt của xã hội để tránh bị thất bại trong cuộc cạnh tranh toàn cầu trên lĩnh vực địa chính trị. Chiến tranh Lạnh có những sự kiện tồi tệ và những thất bại của riêng nó, ví dụ như Việt Nam hay sự kiện vịnh Con Lợn. Đồng thời nó cũng đặt giới hạn nhất định cho chính trị và xã hội Mỹ. Chỉ cần nhìn xuyên qua Bức màn sắt và những gì đằng sau nó, hoặc tham gia vào những cuộc diễn tập phòng chống bom hạt nhân ngay trong tầng hầm trường tiểu học của chúng ta là có thể hiểu: thế giới chúng ta đang sống là cuộc chiến giành ưu thế giữa hai siêu cường có trang bị vũ khí hạt nhân. Thực tế này đã hình thành nên nền chính trị nước Mỹ cũng như thái độ, quan điểm phổ biến của giới lãnh đạo và người dân Mỹ: luôn luôn phải thận trọng. Không phải lúc nào chúng ta cũng đánh giá chính xác thế giới xung quanh, nhưng chúng ta theo dõi rất cẩn thận mọi diễn biến bên ngoài đất nước.

Người Mỹ đã chứng kiến phe cộng sản chi phối phần lớn thế giới, đe dọa các xã hội tư bản. Nước Mỹ phải hy sinh rất nhiều để đẩy lùi ảnh hưởng ấy. Nếu chúng ta nao núng, chúng ta có nguy cơ bị phe cộng sản lấn át. Nếu chúng ta hiếu chiến quá mức, chúng ta sẽ gặp phải nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Vì thế, đó là thời kỳ hết sức hệ trọng.

Ở đây có ai biết viết điện tín không?

Rồi sau đó Bức tường Berlin sụp đổ. Và vô vàn giả định của người Mỹ về tương lai lại mọc lên tung bồng như hoa nở mùa xuân. Điều đó có gì lạ? Kết cục của cuộc xung đột toàn cầu này đã xóa bỏ bóng ma phủ lên đầu hai thế hệ với tư cách là thách thức lớn nhất mà đất nước từng gặp phải: mối đe dọa về chính trị, kinh tế và quân sự từ phía Liên Xô và các nước cộng sản khác.

Lẽ ra chúng ta đã có thể sử dụng một Bức điện dài khác. Chiến tranh Lạnh kết thúc chắc chắn là thắng lợi, nhưng nó cũng mang lại một *thách thức mới rất lớn*. Có điều tại thời điểm đó, chúng ta lại không nhận ra.

Chúng ta đã góp phần mở ra cánh cửa mới cho hai tỷ người để họ có được cuộc sống như chúng ta. Hai tỷ người này sẽ có giấc mơ Mỹ của riêng mình. Hai tỷ người này sẽ đi theo kinh tế thị trường. Hai tỷ người này sẽ có nửa thế kỷ khát khao cháy bỏng được sống, được làm việc, được đi lại và được tiêu dùng như người Mỹ. Phần còn lại của thế giới nhìn chúng ta và nói: “Chúng tôi cũng muốn được sống như họ”. Xét từ góc độ đó thì thế giới chúng ta đang sống chính là do chúng ta tạo ra.

Sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa cũng đẩy mạnh quá trình toàn cầu hóa, qua đó rất nhiều rào cản cạnh tranh bị xóa bỏ. Toàn cầu hóa đã trở thành yếu tố giúp ổn định tình hình thế giới và thúc đẩy tăng trưởng toàn cầu. Nhưng nó cũng tạo ra rất nhiều “người Mỹ mới”, có khả năng cạnh tranh vốn và việc làm với người Mỹ ở nước Mỹ. Theo kinh tế học thì điều đó có nghĩa là người Mỹ phải chạy nhanh hơn nữa – tức là làm việc chăm chỉ hơn nữa – mới giữ được vị trí của mình. Khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, tình thế của Mỹ giống như vận động viên chạy xuyên quốc gia thường xuyên vô địch quốc gia hết năm này sang năm khác, nhưng lần này trọng tài trao cho anh ta chiếc cúp và bảo: “Chúc mừng anh. Anh sẽ không bao giờ thi đấu ở cấp quốc gia nữa. Từ giờ trở đi anh sẽ thi đấu ở Thế vận hội, với những người giỏi nhất thế giới – mỗi ngày và mãi mãi về sau”.

Chúng ta không hiểu hết chuyện gì đang diễn ra nên chúng ta không có câu trả lời thích hợp. Thời gian trôi đi, chúng ta thư giãn, giảm đầu tư ở đúng thời điểm đáng lẽ cần phải học tập chăm chỉ, tiết kiệm nhiều hơn, xây dựng lại cơ sở hạ tầng và làm cho đất nước trở nên cỗi mả, hấp dẫn hơn đối với các tài năng nước ngoài. Mất đi đối thủ cạnh tranh chính cũng là một rắc rối. Đội bóng chày New York Yankees sẽ ra sao nếu không có đối thủ Boston Red Sox, đội bóng bầu dục Alabama sẽ là gì nếu không có đối thủ Auburn? Khi phương Tây giành thắng lợi trong Chiến tranh Lạnh, nước Mỹ cũng đồng thời mất đi một đối thủ từng giúp chúng ta gìn giữ được sự sắc sảo, tập trung khi giải quyết các vấn đề ngoại giao và nghiêm túc với nhiệm vụ xây dựng đất nước.

Trong khi đó ở vùng duyên hải Trung Quốc, Ấn Độ và Brazil, các rào cản kinh tế đã bắt đầu được dỡ bỏ từ 10 năm trước. Người Trung Quốc không giống người dân Liên Xô cũ, như người ta nói là mọi người giả bộ làm việc, còn chính phủ giả bộ trả lương. Không, người Trung Quốc giống người Mỹ. Họ có đạo đức nghề nghiệp mạnh mẽ, có khát vọng làm giàu khổng lồ nhưng bị kìm nén lâu ngày – như thể một chai sâm-panh được lắc suốt 50 năm và sắp sửa được mở nút. Bạn sẽ không muốn rơi vào tình cảnh của cái nút chai đâu. Thêm nữa, cùng với sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh là sự phát triển của công nghệ, nó san bằng sân chơi kinh tế toàn cầu, dần xóa đi lợi thế của người dân các nước phát triển như Mỹ và đem lại sức mạnh lớn hơn cho người dân các nước đang phát triển. Thế giới đang thay đổi với tốc độ ngày càng nhanh hơn bao giờ hết. Người Mỹ phải mất một thời gian mới hiểu được rằng mặc dù nhiều đối thủ cạnh tranh mới của mình là những công nhân lương thấp và kỹ năng thấp, nhưng lần đầu tiên chúng ta thấy trong số đó có ngày càng nhiều công nhân lương thấp và trình độ cao, đặc biệt ở châu Á. Chúng ta biết rất rõ lực lượng lao động rẻ tiền, nhưng chưa bao giờ chúng ta phải đối mặt với nhiều *người làm công xuất sắc đồng ý nhận lương thấp* như vậy. Kinh nghiệm lịch sử của chúng ta chủ yếu là ở châu Âu. Chúng ta đã không hiểu được rằng chúng ta đang sống trong một thế giới mới và phải thích ứng với nó, và đây là một thất bại to lớn và đắt giá của nước Mỹ.

Chắc chắn rằng hai thập kỷ sau Chiến tranh Lạnh là giai đoạn phát triển vượt bậc đối với một số người Mỹ và một vài lĩnh vực kinh tế Mỹ. Đây là thời đại của cách mạng công nghệ thông tin, khởi đầu ở Mỹ và lan rộng trên khắp thế giới. Nó khiến một số người Mỹ trở nên giàu có, giúp tất cả mọi người có khả năng tiếp cận với thông tin, giải trí và giao tiếp với nhau – cũng như với thế giới – nhiều hơn bao giờ hết. Nó thực sự là một cuộc cách mạng. Nhưng

nó cũng đặt ra thách thức lớn lao cho người Mỹ và góp phần khiến nước Mỹ chúng ta thất bại trong việc đối phó với hậu quả nó gây ra. Thất bại ấy có nguồn gốc từ cái mà giờ chúng ta có thể coi là sự tự tin thái quá. “Sự kết hợp chết người của tính vĩnh vào và tự mãn” – Bộ trưởng Giáo dục Arne Dunan nói. “Chúng ta là bá chủ thế giới. Nhưng chúng ta đã lạc đường. Chúng ta nghỉ ngơi với vòng nguyệt quế vinh quang... lúc nào cũng chỉ nhắc đến những gì đã làm được ngày hôm trước và sống trong quá khứ. Chúng ta ngủ quên trên chiến thắng và sống bằng danh tiếng. Chúng ta không khác gì một gã ở tuổi bốn mươi, kể đi kể lại chuyện mình từng là một cầu thủ xuất sắc ở đội bóng trường trung học”. Chính tính tự mãn nguy hiểm này là nguyên nhân khiến nước Mỹ của thế kỷ 21 có những con đường đầy ổ gà, tay nắm cửa bung ra và thang máy phải sửa chữa kéo dài. Thật không may là cơ sở hạ tầng xuống cấp mới chỉ là rắc rối nhỏ nhất mà chúng ta gặp phải.

Bốn thách thức lớn

Chúng ta đã đi đến lập luận chính của cuốn sách. Thực tế là sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh đã mở ra một kỷ nguyên mới với bốn thách thức lớn dành cho nước Mỹ. Đó là: làm thế nào để thích ứng được với quá trình toàn cầu hóa, làm thế nào để điều chỉnh cho phù hợp với cuộc cách mạng công nghệ thông tin (IT), làm thế nào để giải quyết phần thâm hụt ngân sách khổng lồ và đang ngày càng tăng lên do nhu cầu của chính quyền các cấp ngày càng cao và làm thế nào để điều khiển được một thế giới có mức tiêu thụ năng lượng lẫn nguy cơ biến đổi khí hậu đều gia tăng. Bốn thách thức này và cách thức chúng ta đối đầu với chúng sẽ quyết định tương lai của nước Mỹ.

Bản chất của toàn cầu hóa là con người, hàng hóa, dịch vụ và vốn đều có thể tự do di chuyển từ nước này sang nước khác. Quá trình toàn cầu hóa đang mở rộng nhanh chóng nhờ những thành tựu kinh tế xuất sắc của các quốc gia đi theo mô hình thị trường tự do ở phương Tây, những nước có quan hệ thương mại và đầu tư với nhau rất sâu sắc. Các nước khác sau khi quan sát thành công phương Tây đạt được đã quyết định đi theo mô hình của họ. Trung Quốc, các nước Đông Á và Đông Nam Á, Ấn Độ, các nước Mỹ Latin và các quốc gia Đông Âu đều tham gia vào nền kinh tế toàn cầu hóa. Người Mỹ đã không hiểu hết ý nghĩa của quá trình toàn cầu hóa đang ngày càng mở rộng – nếu chúng ta có thể nói như vậy – một phần vì chúng ta nghĩ mình đã từng chứng kiến hết rồi.

Tất cả những cuộc tranh luận về Trung Quốc dường như khiến những người Mỹ trên 40 tuổi gặp phải một ảo ảnh quen thuộc. Nói cho cùng, chúng ta đã gặp thách thức tương tự từ phía Nhật Bản hồi những năm 1980. Kết quả là Mỹ tiếp tục phát triển, còn Nhật Bản lại đi xuống. Chúng ta muốn tin rằng Trung Quốc hôm nay cũng chỉ là một nước Nhật ở quy mô lớn hơn. Nhưng không may là Trung Quốc và quá trình mở rộng toàn cầu hóa – phần nào đó là nguyên nhân của sự tăng trưởng vượt bậc của Trung Quốc – nguy hiểm hơn Nhật Bản nhiều lần. Với Mỹ, Nhật chỉ đe dọa một thành phố là Detroit và hai ngành công nghiệp là ô tô và sản phẩm điện tử gia dụng. Còn Trung Quốc nói riêng và toàn cầu hóa nói chung đang đe dọa mọi thành phố, mọi ngành công nghiệp của nước Mỹ. Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, Singapore, Việt Nam, Đài Loan, Hàn Quốc, Chile và Thụy Sĩ (danh sách có thể còn rất dài) đã đặt ra thách thức khổng lồ cho nước Mỹ nhờ sự kết hợp giữa máy tính, viễn thông, trang web toàn cầu và thị trường tự do. Nhật Bản giống như con lốc xoáy hoạt động trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Còn Trung Quốc và toàn cầu hóa lại là cơn bão cấp 5, sẽ không bao giờ di chuyển ra biển trong thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh.

Theo Charles Vest, cựu chủ tịch Học viện Công nghệ Massachusetts (MIT), khi nhìn lại thập kỷ 1970 và 1980, ngay lúc chúng ta nhận thấy mối đe dọa to lớn đến từ Nhật Bản, “chúng ta đã thực hiện những bước đi đầu đón nhưng cần thiết để trở lại cuộc chơi. Chúng ta phân tích, tái định vị, kiên nhẫn và đã quay lại mạnh mẽ hơn trước. Chúng ta đã làm được điều đó. Trong câu chuyện này, “chúng ta” chính là nền công nghiệp của nước Mỹ”. Nhưng giờ đây, nước Mỹ cần một thứ rộng lớn hơn, toàn diện hơn thế.

Vest nói: “Lần này, chúng ta cần sự thức tỉnh của tất cả mọi người, tạo nên quyết tâm chính trị, thay đổi mục tiêu ưu tiên, hy sinh vì tương lai, cần sự hợp tác giữa chính phủ, doanh nghiệp và mọi công dân. Chúng ta cần thành thật, đầu tư khôn ngoan, xây dựng lại lễ nghĩa, còn giới lãnh đạo chính trị và doanh nghiệp cần chấm dứt việc cố thỏa mãn bản năng thấp hèn của con người. Kỹ thuật, giáo dục, khoa học và công nghệ rõ ràng là những ngành cốt lõi phải quan tâm. Nói cho cùng, đây là thời đại tri thức. Nước Mỹ không thể phát triển thịnh vượng nhờ trả lương thấp, vị trí địa lý tách biệt hay sức mạnh quân sự. Chúng ta chỉ có thể trở nên giàu mạnh nhờ trí tuệ được chuẩn bị đầy đủ và được áp dụng đúng lúc”.

Nếu quá trình toàn cầu hóa khiến hầu như mọi người lao động Mỹ đều phải chịu sức ép thì cuộc cách mạng IT lại thay đổi cách thức làm việc vì máy tính, điện thoại di động, Internet và mọi phương tiện giao tiếp xã hội

đang ngày càng phổ biến. Chúng làm mất đi những công việc cũ và sinh ra những công việc mới, thậm chí cả ngành công nghiệp mới với tốc độ nhanh chưa từng có. Hơn nữa, vì cuộc cách mạng IT khiến hầu hết các công việc trở nên phức tạp hơn, đòi hỏi phải có tư duy phản biện cao hơn nên mọi người Mỹ cần được đào tạo tốt hơn bao giờ hết để đảm bảo giữ được việc làm lương cao. Thời mà bạn tốt nghiệp phổ thông rồi đi làm ngay với mức lương đảm bảo cuộc sống trung lưu, cái thời đáng nhớ được phản ánh trong hai bộ phim hài tình huống nổi tiếng nhất – phim *Trong tuần trăng mật* (The Honeymooners) hồi những năm 1950 với Jackie Gleason trong vai anh chàng lái xe buýt Ralph Kramden và phim *Tất cả chuyện gia đình* (All in the Family) của thập niên 1970 với Carroll O'Connor trong vai Archie Bunker, anh chàng nhập cư màu mè ở Queens, New York – đã trôi qua lâu rồi. Thời mà bạn tốt nghiệp đại học rồi làm một công việc duy nhất với những kỹ năng cần thiết không thay đổi trong bốn mươi năm trước khi nghỉ hưu một cách khoan khoái cũng đã biến mất. Cuộc cách mạng IT đã đặt ra thách thức trong lĩnh vực giáo dục: làm thế nào để phát triển năng lực phân tích và sáng tạo cho người Mỹ. Thách thức này cũng có ảnh hưởng mạnh mẽ không kém gì tác động của việc chuyển từ cây bằng ngựa kéo sang máy cày hoặc từ thuyền buồm sang tàu hơi nước.

Thách thức lớn thứ ba đối với tương lai nước Mỹ là nợ quốc gia và thâm hụt hàng năm đang ngày càng tăng và từ Chiến tranh Lạnh đến nay, cả hai đều đã cao tới mức báo động vì chúng ta đã có thói quen không thu thuế đủ cho chính phủ chi tiêu nên sau đó phải đi vay để bù đắp. Chính phủ Mỹ có khả năng vay được vài nghìn tỷ dollar, phần lớn trong đó là từ Trung Quốc và các nước khác nhờ họ có lòng tin vào nền kinh tế Mỹ cũng như nhờ vai trò đặc biệt của đồng dollar trên thị trường quốc tế – vai trò mà đồng dollar có được từ thời Mỹ là cường quốc kinh tế toàn cầu.

Trên thực tế, Mỹ cũng có phiên bản tài nguyên dầu mỏ của riêng mình: đó là tài nguyên dollar. Vì thực tế là đồng tiền của Mỹ đã trở thành đồng tiền quốc tế không chính thức kể từ Thế chiến thứ hai nên Mỹ có thể in tiền và chấp nhận vay nợ ở mức cao mà không nước nào làm được. Các nước nhiều dầu mỏ có xu hướng không tuân theo kỷ luật tài chính chặt chẽ, và một nước có thể tự in đồng dollar của riêng mình cũng dễ rơi vào cái bẫy tương tự. Chắc chắn rằng kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, đặc biệt là từ năm 2001, Mỹ đã đánh mất kỷ luật tài chính hơn bao giờ hết. Và điều này lại xảy ra rất không đúng lúc: thế hệ bùng nổ dân số bước vào tuổi nghỉ hưu và sẽ phải dựa vào lợi tức từ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế.

Tổng nợ hàng năm tính được chính là nợ quốc gia, và con số thường được nhắc đến thường xuyên này – mặc dù mỗi lần nghe thấy là chúng ta lại dựng tóc gáy – thực tế còn thấp hơn nghĩa vụ trả nợ của người dân Mỹ. Con số nợ quốc gia chưa tính đến các khoản nợ khổng lồ và đôi khi không thể thanh toán được của các tiểu bang và các thành phố. Thử ước tính, các tiểu bang có nghĩa vụ chi trả tổng cộng 3 nghìn tỷ dollar các khoản tiền liên quan đến quỹ hưu trí mà không có nguồn nào bù đắp. Riêng với New York, Illinois và California, chênh lệch giữa số tiền chính phủ phải trả số thuế thu được trong những năm sắp tới sẽ rất lớn.

Vallejo, bang California, một thành phố có khoảng 117.000 dân đã tuyên bố phá sản vào tháng 5/2008. Họ đã phải dành 80% ngân sách để chi trả lương và phúc lợi cho cảnh sát, lính cứu hỏa và các nhân viên xã hội khác thuộc công đoàn lao động thành phố. Tracy cũng thuộc bang California đã gây ngạc nhiên khi tuyên bố từ năm 2010 trở đi, các công dân phải trả tiền cho dịch vụ khẩn cấp 911 – mỗi hộ gia đình phải nộp 48 dollar một năm, còn các hộ thu nhập thấp phải nộp 36 dollar. Mức phí sẽ tự động tăng lên 300 dollar nếu hộ đó có gọi 911 và người trả lời đầu tiên liên quan đến vấn đề y tế. Tất nhiên chính phủ liên bang cũng được yêu cầu phải có trách nhiệm chi trả một phần số tiền này. Chính phủ cũng sẽ gặp sức ép do phải hỗ trợ một số khoản hưu trí cá nhân đã bị phá sản. Và phần lớn các tính toán đều giả định rằng lãi suất mà chính phủ phải trả cho các khoản nợ để bù đắp thâm hụt ngân sách là ở mức thấp nhất. Tuy nhiên, nếu điểm tin nhiệm của chính phủ Mỹ thấp thì có lẽ Bộ Tài chính phải đề xuất mức lãi suất cao hơn thì mới thu hút được mọi người mua giấy tờ có giá do chính phủ ban hành. Điều này sẽ làm tăng tổng số nợ lên đáng kể – tùy lãi suất cao đến đâu. Nói ngắn gọn thì tình trạng tài chính nói chung của nước Mỹ hiện đang tồi tệ hơn chúng ta tưởng tượng. Có một trang web chuyên theo dõi “Nợ công của Mỹ”, và theo họ thì tính đến ngày 29/3/2012, vào lúc 6:45, tổng nợ quốc gia là 15.596.042.778.243 dollar và vài xu lẻ (Có thể Trung Quốc sẽ xóa cho chúng ta vài xu nợ chẳng?)

Và thách thức thứ tư – mối đe dọa mà nhiên liệu hóa thạch mang lại cho bầu khí quyển trái đất – là kết quả trực tiếp của việc tiêu dùng năng lượng nhiều hơn. Bản thân việc tăng tiêu dùng năng lượng lại là kết quả trực tiếp của tăng trưởng kinh tế có được nhờ quá trình toàn cầu hóa và áp dụng mô hình thị trường tự do (nhất là ở châu Á). Nếu chúng ta không tìm ra nguồn năng lượng dồi dào, rẻ, sạch và ổn định cho tương lai của “những người Mỹ

mới” này thì chúng ta sẽ phải đối mặt với rủi ro trái đất bị bốc cháy, bị bịt kín, bị hun nóng, bị bốc khói với tốc độ nhanh hơn cả Al Gore dự đoán.

Tuy nhiên, điều đó cũng có nghĩa là công nghệ nào có khả năng đem lại nguồn năng lượng dồi dào, rẻ, sạch và ổn định sẽ là nền công nghiệp mới của toàn thế giới. Công nghệ năng lượng – ET – sẽ là IT mới. Quốc gia nào có nền công nghiệp ET phát triển sẽ có an ninh năng lượng vững vàng, an ninh quốc gia được đảm bảo và sẽ góp phần vào an ninh môi trường toàn cầu. Đồng thời, nước đó cũng sẽ trở thành quê hương của các công ty sáng tạo hàng đầu vì các công ty không thể tạo ra các sản phẩm xanh hơn nếu không tìm ra được loại nguyên liệu, chương trình phần mềm và kiểu thiết kế thông minh hơn. Thật khó mà tưởng tượng nước Mỹ sẽ tiếp tục cải thiện được mức sống của người dân nếu Mỹ không phải quốc gia đi đầu trong nền công nghiệp mới của thế giới.

Điểm chung của bốn thách thức trên là để đối phó với chúng, con người cần hành động tập thể. Chúng lớn đến mức không một tổ chức, một thành phần riêng lẻ nào trong xã hội có thể giải quyết được. Mỗi thách thức đều mang tầm vóc quốc gia, và chỉ cả quốc gia mới có giải pháp thích đáng cho chúng. Tất nhiên trong mỗi trường hợp, giải pháp có thành công hay không còn phụ thuộc vào việc mỗi cá nhân có làm đúng hay không. Công nhân cần trang bị cho bản thân mình các kỹ năng để kiếm được việc làm có thu nhập cao, và các doanh nghiệp phải tạo ra những việc làm đó. Người Mỹ nên chi tiêu ít hơn, tiết kiệm nhiều hơn, chấp nhận thuế cao hơn. Cá nhân, doanh nghiệp và các ngành công nghiệp phải sử dụng ít nhiên liệu hóa thạch hơn. Nhưng để mỗi cá nhân có hành vi đúng đắn thì chúng ta phải có chính sách khuyến khích, phải có quy định và thể chế thuận lợi, và thực thi chúng chính là nhiệm vụ chung của tất cả mọi người.

Đây là những thách thức mà cả quốc gia phải cùng nhau giải quyết và chúng ta phải nỗ lực và hy sinh khi làm việc đó. Đồng thời, những thách thức này cũng là vấn đề mang tầm quốc tế. Vì vậy, tất nhiên chúng ta có thể thảo luận về chúng dưới góc độ cạnh tranh và xung đột quốc tế. Thách thức mà Kennan nhắc đến trong Bức điện dài thực sự là chiến tranh theo một nghĩa nào đó. Bốn thách thức mà chúng ta phải đối mặt hiện nay lại cần được giải quyết theo cách khác. Có vẻ như cách thức thích hợp chính là học tập động lực lớn nhất cho sự thay đổi trong thế giới tự nhiên – quá trình tiến hóa. Các sinh vật tiến hóa nhờ khả năng thích ứng. Nếu Kennan kêu gọi nước Mỹ đối mặt với kẻ thù mới thì ngày nay, chúng ta kêu gọi đất nước phải thích ứng với môi trường mới.

Trong hàng trăm triệu năm, hàng nghìn loại sinh vật (thực vật và động vật, trong đó có cả loài người) tồn tại được nhờ các đặc điểm sinh học của mỗi loài cho phép chúng thích ứng được với môi trường xung quanh. Nói cách khác, nhờ đó, các loài có thể sinh sản và bảo tồn được gene của mình. Nếu những con diệp màu xám khó bị kẻ thù phát hiện hơn so với diệp trắng thì sẽ có ngày càng nhiều diệp xám và ngày càng ít diệp trắng, và mỗi thế hệ sẽ tiếp tục sinh sản cho đến khi mọi cá thể diệp đều có màu xám. (cụm từ “loài phù hợp nhất sẽ tồn tại” thường được dùng để mô tả quá trình tiến hóa chính là sự tồn tại của những loài có khả năng thích ứng tốt nhất).

Thích ứng là một yêu cầu trở nên đặc biệt cấp thiết khi môi trường sống của các loài sinh vật thay đổi. Chim có thể bay đến một hòn đảo rất xa nơi chúng sống. Các cá thể chim có tồn tại được hay không tùy thuộc vào khả năng thích ứng của chúng với nơi ở mới. Loài chim có tồn tại được hay không phụ thuộc vào khả năng di truyền sự thích ứng đó cho các thế hệ sau.

Các nhà khoa học tin rằng 65 triệu năm trước, một khối thiên thạch, hoặc cũng có thể một loạt các thiên thạch đã va vào Trái Đất, gây ra những đám cháy cực lớn và Trái Đất bị phủ kín bởi một đám mây bụi. Hậu quả là ba phần tư số loài vật bị tuyệt chủng, trong đó có loài vật thống trị thời đó là khủng long.

Chiến tranh Lạnh chấm dứt và những thách thức mới xuất hiện đã làm thay đổi cơ bản môi trường xung quanh chúng ta. Chỉ các cá nhân, công ty và quốc gia nào thích ứng được với môi trường mới thì mới phát triển được trong tương lai. Chiến tranh Lạnh kết thúc không phải cơ hội để chúng ta nghỉ ngơi và tự khen ngợi mình mà chúng ta phải cùng nhau hành động để thích ứng được với chính thế giới mới mà chúng ta đã tạo ra.

Chúng ta cứ nghĩ mình là con sư tử đã đánh bại được con đầu đàn của bầy sư tử đang cạnh tranh với mình và trở thành vị vua không bàn cãi của cả vùng thảo nguyên. Nhưng thực tế chúng ta đã và đang đối mặt với nguy cơ trở thành loài khủng long đã tuyệt chủng.

Nhưng tác động của quá trình tiến hóa lên các loài vật và tác động của những thay đổi về xã hội, kinh tế và chính trị lên một quốc gia lại khác nhau ở hai điểm cơ bản. Thứ nhất, sự thích ứng trong sinh vật học kéo dài qua hàng trăm thế hệ, trong khi đó sự thích ứng mà chúng ta đang bàn sẽ phải xảy ra trong vài năm tới. Thứ hai, một loài có thích ứng tốt với môi trường hay không tùy thuộc vào mã gene của loài đó, một điều nằm ngoài khả năng kiểm soát. Ngược lại, các cá nhân, tổ chức, quốc gia có thể hiểu rõ hoàn cảnh của mình và chủ động thực hiện những điều chỉnh cần thiết để phát triển

được trong môi trường mới. Loài khủng long không có khả năng làm bất cứ điều gì để khỏi bị tuyệt chủng. Nhưng nước Mỹ có thể chọn cách đối mặt với thách thức và thực hiện những chính sách phù hợp để giải quyết chúng.

Nước Mỹ không đang đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng, nhưng những yếu tố liên quan đến Mỹ thì có.

Những yếu tố liên quan

Khả năng giải quyết thành công bốn thách thức sẽ quyết định tốc độ, cách thức tăng trưởng kinh tế của nước Mỹ cũng như số người được hưởng lợi từ quá trình tăng trưởng đó. Trong lịch sử, Mỹ hầu như luôn có tốc độ tăng GDP hàng năm rất ấn tượng, nhờ đó thu nhập của phần lớn người Mỹ đều tăng lên. Tăng trưởng kinh tế chính là nền tảng của hầu hết mọi thứ ở Mỹ: nền chính trị, đời sống xã hội, vai trò của nước Mỹ trên trường quốc tế, tính cách quốc gia. 50 năm trước, trong cuốn *Một dân tộc thịnh vượng* (*People of Plenty*), nhà sử học David Potter đã cho rằng chính sự sung túc đã tạo nên tính cách Mỹ. Thành tựu của nền kinh tế Mỹ đã giúp hầu hết người Mỹ nếu làm việc chăm chỉ thì ít nhất cũng có thể có đời sống vật chất liên tục được cải thiện trong suốt cuộc đời, đồng thời họ cũng tin rằng con cháu họ sẽ được hưởng điều tương tự. Tăng trưởng kinh tế đã tạo cơ hội cho tất cả mọi thế hệ người Mỹ. Qua thời gian, hầu hết người Mỹ đều tin rằng tương lai sẽ tốt đẹp hơn hiện tại, rằng nếu anh làm việc chăm chỉ thì sẽ được tưởng thưởng xứng đáng, rằng thế hệ sau sẽ giàu có hơn thế hệ trước. Niềm hy vọng đó thậm chí còn có tên: “giấc mơ Mỹ”. Giấc mơ Mỹ chỉ có được nếu kinh tế tăng trưởng ổn định, mạnh mẽ – và giờ đây điều đó phụ thuộc vào khả năng giải quyết bốn thách thức của chúng ta.

Như Thượng nghị sỹ Cộng hòa Lindsey Graham của bang South Carolina đã nói: “Nước Mỹ cần tư duy trong dài hạn vào đúng thời điểm khó tư duy dài hạn hơn bao giờ hết. Tôi hy vọng rằng nó chỉ khó hơn chứ không phải không thể làm được”. Ông nói thêm: “Những người không nghĩ rằng giấc mơ Mỹ đang gặp rủi ro hẳn đang sống ở một góc tăm tối nào đó... Tôi hy vọng rằng thành viên phong trào Tea Party*, giới tài chính, công đoàn, các bà mẹ giết

* Những người ủng hộ việc cắt giảm thuế và chi tiêu ngân sách. Phong trào chính trị mới này trùng với tên của phong trào Tea Party cũ, gọi là Boston Tea Party năm 1773. Để chống lại việc Chính phủ Hoàng gia Anh tăng thuế trà nhập khẩu vào Mỹ, khi tàu cập bến Boston, những người Tea Party đã nhảy lên tàu đổ trà xuống biển.

thời gian ở sân bóng của con trai – tất cả sẽ đoàn kết với nhau với một ý nghĩ chung: “Tôi không muốn chứng kiến giấc mơ Mỹ tan biến trước mắt mình””.

Tuy nhiên, ngày càng có nhiều người lo ngại rằng giấc mơ Mỹ đang biến mất. Báo cáo Rasmussen (ngày 19/11/2010) đã công bố kết quả điều tra cho thấy 37% người Mỹ tin rằng những ngày đẹp đẽ của đất nước đang chờ đợi phía trước, nhưng con số cao hơn nhiều: 47% người trả lời cho rằng những ngày tươi đẹp nhất đã trôi qua rồi. Chúng ta không thể cùng nhau hành động để giải quyết những vấn đề mà toàn cầu hóa, cách mạng IT, nợ quốc gia, năng lượng và sự nóng lên của trái đất gây ra, vì vậy chúng ta phải đối mặt với nguy cơ những gì giới bi quan nghĩ sẽ đúng.

Người xưa đã nói: “Trên đời này có rất nhiều thứ quan trọng hơn tiền bạc”, và họ cũng nói thêm: “tất cả những thứ đó đều tốn tiền”. Trong cuốn sách xuất bản năm 2005, *Hậu quả đạo đức của tăng trưởng kinh tế* (The Moral Consequences of Economic Growth), nhà kinh tế học Benjamin M. Friedman của Đại học Harvard đã chứng minh rằng thời kỳ kinh tế thịnh vượng cũng là thời kỳ tự do về xã hội, chính trị và tôn giáo, trong đó các quyền tự do được mở rộng và xã hội phát triển hài hòa. Ngược lại, khi kinh tế Mỹ suy thoái như sau cuộc khủng hoảng 1929 thì mọi mâu thuẫn đều gia tăng. Giấc mơ Mỹ chính là chất kết dính, giúp xã hội rất đa dạng, cạnh tranh quyết liệt và thường nổi cáu này gắn bó được với nhau. Chủ tịch câu lạc bộ Liverpool của Anh sau khi quan sát một trận đấu của môn thể thao mà cả thế giới gọi là bóng đá từ người Mỹ* đã nói: “Có người nói bóng đá là chuyện sống hoặc chết. Họ nhầm. Bóng đá còn quan trọng hơn thế nhiều”. Tương tự, việc nước Mỹ thành công hay thất bại trong việc giải quyết các thách thức của toàn cầu hóa, cách mạng IT, nợ quốc gia, năng lượng và sự nóng lên của trái đất sẽ quyết định tương lai của đất nước. Nhưng không chỉ có tương lai nước Mỹ là vấn đề đáng lo ngại. Vì Mỹ đóng vai trò cực kỳ quan trọng trên trường quốc tế nên những gì xảy ra ở nước Mỹ sẽ có ảnh hưởng đến các thế hệ tiếp theo trên khắp thế giới.

Như Michael đã viết trong một cuốn sách năm 2006 có tên là *Chuyện Goliath: Nước Mỹ với vai trò chính phủ của cả thế giới phải hành động như thế nào trong thế kỷ 21* (The Case for Goliath: How America Acts as the World's Government in the Twenty-First Century): Kể từ năm 1945 và đặc biệt là sau Chiến tranh Lạnh, Mỹ đã đem lại cho thế giới những thứ giống như các chính phủ thường làm cho xã hội của họ. Các nhà lãnh đạo trên thế giới đều

* Người Mỹ gọi bóng bầu dục là football, còn bóng đá là soccer.

đánh giá cao vai trò này của Mỹ cho dù họ không công khai nói ra. Mỹ đã từng là kiến trúc sư, cảnh sát, ngân hàng của nhiều thể chế và quy định quốc tế do chính Mỹ thành lập ra sau Thế chiến thứ hai và hiện giờ mọi quốc gia trên thế giới đều là thành viên. Khi nắm giữ trong tay đồng tiền chính của thế giới là đồng dollar, Mỹ cũng đóng vai trò thị trường xuất khẩu, đem lại sự tăng trưởng vượt bậc cho châu Á và nhiều nơi khác. Lực lượng hải quân Mỹ canh giữ hầu hết các tuyến vận tải biển, đồng thời, việc triển khai quân Mỹ ở châu Âu và Đông Á góp phần đảm bảo an ninh khu vực. Quân đội của chúng ta cũng giúp cả thế giới được tiếp cận với nguồn dầu mỏ ở vịnh Ba Tư – gần như toàn bộ nền kinh tế thế giới phụ thuộc vào nguồn tài nguyên này. Năng lực của Mỹ trong lĩnh vực tình báo, ngoại giao và đôi khi cả quân sự đã góp phần đáng kể nhằm ngăn chặn xu hướng nguy hiểm nhất trong nền chính trị quốc tế hiện nay – đó là phát triển vũ khí hạt nhân. Và trên tất cả, còn có một nước Mỹ thể hiện được rõ mối liên hệ giữa tự do, tăng trưởng kinh tế và phúc lợi cá nhân. Những tấm gương thường có sức thuyết phục mạnh mẽ đối với xã hội, còn tấm gương nước Mỹ, nhờ thành tựu xuất sắc trong lĩnh vực kinh tế nên đã tạo ra ảnh hưởng hết sức mạnh mẽ trên toàn thế giới. Tất nhiên, còn có nhiều quốc gia dân chủ, thịnh vượng, hùng mạnh và có ảnh hưởng lớn khác. Những nguyên tắc kinh tế và chính trị nền tảng của nước Mỹ có nguồn gốc từ Anh. Sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa sụp đổ, các quốc gia Trung và Đông Âu mong muốn đi theo mô hình tư bản chủ nghĩa và con đường dân chủ chính bởi tấm gương từ các nước Tây Âu. Ngày càng nhiều quốc gia châu Á trở nên giàu có là vì họ đã áp dụng phiên bản kinh tế thị trường tự do của Nhật Bản.

Nhưng chính nước Mỹ mới là người tạo ra và bảo vệ nền dân chủ cũng như nền kinh tế thị trường tự do ở Tây Âu và Nhật Bản sau Thế chiến thứ hai. Và cũng chính nước Mỹ, suốt hàng trăm năm qua, là quốc gia luôn luôn dân chủ, thịnh vượng, hùng mạnh – và do đó có sức ảnh hưởng – nhất thế giới. Mỹ xứng đáng được nền chính trị dân chủ và hệ thống kinh tế thị trường tự do trên toàn thế giới ghi công. Xét trên góc độ này, thế giới ngày nay là do nước Mỹ chúng ta tạo ra.

Không nước nào sẵn sàng bước lên thay thế vị trí đứng đầu cả thế giới của Mỹ – giống như chúng ta đã bước lên khi đế quốc Anh bước vào thời kỳ suy thoái. Các đồng minh đang chịu sức ép kinh tế nặng nề ở châu Âu và châu Á của chúng ta cũng không thể gánh chịu được chi phí của nhiệm vụ quốc tế này. Vì vậy, nước Mỹ mà suy yếu thì thế giới sẽ trở nên tồi tệ, nghèo khó và nguy hiểm hơn.

Tóm lại, tương lai của nước Mỹ và của cả thế giới phụ thuộc vào việc chúng ta có giải quyết tốt bốn thách thức trước mặt hay không. Vì chúng quá quan trọng với nước Mỹ, mà nước Mỹ lại quá quan trọng với thế giới nên chúng ta không hề phóng đại khi nói rằng từ nay đến hết thế kỷ, tiến trình lịch sử diễn ra như thế nào là phụ thuộc vào phản ứng của nước Mỹ trước những thách thức đó.

Có đủ lý do để tin rằng Mỹ sẽ giải quyết được chúng. Chúng ta lạc quan vì trong lịch sử, chúng ta đã từng đối phó được với những thách thức lớn lao. Mỹ giành được độc lập thông qua một quá trình ly khai đầy táo bạo và bạo lực với đất nước giàu nhất thế giới, lực lượng hải quân hùng hậu nhất thế giới thời đó. Người Mỹ chinh phục cả một lục địa rộng lớn và hoang dã, tiến hành cuộc nội chiến đẫm máu rồi phục hồi nhanh chóng đến mức chỉ sau vài thập kỷ, họ đã xây dựng được một nền kinh tế lớn nhất thế giới. Quân đội của chúng ta không kém gì châu Âu trong cuộc Thế chiến thứ nhất; và xe tăng, tàu thủy, máy bay cũng như nỗ lực của các nam nữ quân nhân Mỹ là lực lượng quan trọng trong việc đánh bại Đức và Nhật trong Thế chiến thứ hai.

Winston Churchill từng nói với người dân Anh rằng: “Chúng ta chưa thể vượt được qua nhiều thế kỷ, nhiều đại dương, nhiều đỉnh núi, nhiều thảo nguyên vì chúng ta được làm bằng kẹo đường”. Với người Mỹ cũng có thể nói câu tương tự. Giờ đây, chúng ta đang phải đối mặt với những thách thức của kỷ nguyên mới, nhưng chúng ta lại phản ứng với sức mạnh và tính quyết đoán của một cây kẹo mút. Chúng ta không có những chính sách có dự tính, nghiêm túc, được xây dựng tốt và được ủng hộ rộng rãi để giúp người Mỹ chuẩn bị sẵn sàng cho những công việc trong tương lai, để kiểm soát được các vấn đề tài chính của đất nước và để bảo vệ chúng ta khỏi những biến động khí hậu nguy hiểm. Tại sao chúng ta không muốn làm điều đó? Hệ thống chính trị của chúng ta đã trở nên lộn xộn nên nó không thể tạo ra được những chính sách vĩ đại, đầy tham vọng mà chúng ta cần. Còn người dân Mỹ chúng ta lại không hề đòi hỏi giới lãnh đạo phải giải quyết các thách thức trước mắt vì chúng ta cũng chưa hiểu rõ thế giới mình đang sống.

Chúng ta đang sống trong một thế giới như thế nào? Chúng ta cần làm gì để phát triển được trong thế giới ấy? Chúng ta đã có những chính sách cần thiết chưa? Chúng ta đã thực hiện chúng một cách hiệu quả chưa? Chúng ta phải điều chỉnh chúng thế nào để đạt được kết quả tốt hơn?

Ở Singapore, giới lãnh đạo chính trị và doanh nghiệp thường đặt những câu hỏi này như thể họ bị ám ảnh. Tom đã chứng kiến điều đó trong

chuyến thăm Singapore vào mùa đông năm 2011. Nhà kinh tế học người Singapore Tan Kong Yam đã chỉ ra lý do: “Là một nước nhỏ nhưng lại có những người láng giềng lớn, Singapore giống như một người sống trong túp lều không có vách. Chúng tôi cảm thấy rõ từng sự thay đổi nhỏ trong gió, trong nhiệt độ và phải tìm cách thích ứng. Người Mỹ các anh thì vẫn sống trong nhà gạch có hệ thống sưởi tập trung nên các anh không cần phải phản ứng nhanh như chúng tôi”.

Khi đến thăm một giờ khoa học lớp 5 của một trường tiểu học vùng trung lưu, Tom mới thấy rõ thái độ ám ảnh của người Singapore đã tác động thế nào lên những việc họ phải làm để đất nước phát triển. Tất cả các cô bé, cậu bé học sinh 11 tuổi đều mặc áo blu trắng dùng trong phòng thí nghiệm với họ tên được thêu lồng trên áo. Bên ngoài hành lang là dải dây vàng của cảnh sát vây quanh “hiện trường vụ án”. Trên sàn nhà là một thi thể giả đẫm máu của “nạn nhân”. Học sinh đang học về ADN thông qua việc sử dụng vân tay và thu thập chứng cứ, và giáo viên môn khoa học đang biến mỗi học sinh thành một cảnh sát điều tra nhỏ tuổi. Tất cả đều phải lấy dấu vân tay và thu thập các chứng cứ khác từ hiện trường, sau đó phân tích chúng. Khi được hỏi đây có phải một nội dung trong chương trình giáo dục quốc gia không, bà hiệu trưởng cho biết là không. Nhưng bà có một giáo viên môn khoa học rất giỏi, rất hứng thú với ADN, và bà cũng biết rằng Singapore đang nỗ lực đẩy mạnh nền công nghệ sinh học. Vì vậy bà nghĩ cho học sinh học về nội dung này là một ý tưởng rất hay.

Một vài học sinh lấy dấu vân tay của Tom. Tom vô tội, nhưng cảm thấy cực kỳ ấn tượng.

Curtis Carlson, tổng giám đốc điều hành SRI International – một trung tâm thí nghiệm sáng tạo ở thung lũng Silicon – đã từng làm việc với General Motors và chính phủ Singapore. Ông nói: “Đứng bên trong công ty khổng lồ General Motors, tôi cảm thấy rất giống như tôi đang sống trong nước Mỹ ngày nay. Thích ứng là chìa khóa để có thể tồn tại được, và người nào, công ty nào thích ứng được tốt nhất thì cũng có cuộc sống tốt nhất. Khi anh là công ty lớn nhất thế giới, anh dễ trở nên kiêu căng, và với tư duy của anh thì không ai có thể thuyết phục được anh rằng anh có thể học hỏi được điều gì đó từ Toyota. Anh chỉ chú trọng vào nội bộ của anh chứ không quan tâm đến bên ngoài – anh quan tâm đến tình hình chính trị bên trong công ty chứ không biết bên ngoài thế nào, đối thủ cạnh tranh của anh đang làm gì. Khi kiêu ngạo anh sẽ trở nên mù quáng. Đó là General Motors, và thật không

may, đó cũng là nước Mỹ ngày nay... Anh không thể thích ứng được trừ khi anh thường xuyên theo dõi những gì đang diễn ra ở môi trường xung quanh. Những nước thích ứng tốt, như Singapore chẳng hạn, đều là những nước chịu khó quan sát bên ngoài”.

Singapore không có tài nguyên thiên nhiên, thậm chí cát để xây dựng cũng phải nhập khẩu. Nhưng giờ đây, thu nhập trên đầu người của Singapore chỉ thấp hơn Mỹ một chút, hoàn toàn nhờ vào ngành chế tạo tiên tiến, dịch vụ và xuất khẩu. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2010 là 14,7%, chủ yếu là nhờ xuất khẩu trang thiết bị được và y sinh học. Mỹ không phải Singapore, và tất nhiên không thể áp dụng những yếu tố chuyên chế của hệ thống chính trị Singapore. Và chúng ta cũng không thể trả cho các quan chức cao cấp và thành viên chính phủ mức lương tương đương mức cao nhất trong khối tư nhân (tất cả các quan chức cấp cao chính phủ Singapore đều có thu nhập trên 1 triệu dollar một năm) hoặc thưởng cho họ hàng năm theo mức tăng trưởng GDP. Nhưng chúng ta vẫn có thể học được từ người Singapore sự nghiêm túc và sáng tạo trong giáo dục tiểu học và phát triển kinh tế, thái độ lưu tâm của họ trước những điều kiện cần thiết để có thể thành công trong thế giới hậu Chiến tranh Lạnh. Carlson kể với chúng tôi rằng ông đã từng gặp một cựu bộ trưởng kinh tế của Singapore. Carlson khen ngợi các thành tựu về giáo dục và kinh tế của họ, nhưng ông bộ trưởng “không nhận lời khen”. “Mà ông ấy nói: “Thực ra thành tựu của chúng tôi chưa đủ. Chúng tôi không bao giờ được phép nghĩ mình đã làm tốt. Chúng tôi phải thường xuyên cải thiện bản thân”. Hoàn toàn chính xác – không có lựa chọn nào khác: thích ứng hay là chết”.

Xét về mặt kinh tế, rõ ràng là các quốc gia không trực tiếp cạnh tranh với nhau. Singapore hay Trung Quốc có trở nên giàu có hơn thì Mỹ cũng không nghèo đi. Ngược lại, tăng trưởng kinh tế ấn tượng của châu Á đã làm lợi cho nước Mỹ. Nhưng các cá nhân thì phải cạnh tranh với nhau để giành được việc làm tốt, và những ai có kỹ năng tốt nhất thì sẽ có được việc làm với mức lương cao nhất. Trong thế giới hiện nay, có ngày càng nhiều người trên khắp thế giới có thể cạnh tranh được với người Mỹ theo cách này.

Còn một lý do nữa khiến người Mỹ chưa nhận thấy tầm quan trọng của những thách thức mình đang phải đối mặt, đó là những thách thức ấy lại chính là kết quả của sự thành công của nước Mỹ. Trong nhiều năm, Mỹ luôn là quốc gia đi đầu thế giới trong việc bảo vệ tự do thương mại và đầu tư – bản chất của quá trình toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa ngày càng mở rộng

chính nhờ năng suất lao động cao vượt bậc của các nền kinh tế thị trường tự do phương Tây, vốn có quan hệ đầu tư và thương mại với nhau rất chặt chẽ. Ngược lại, các nước cộng sản đã mất uy tín vì thành tích tăng trưởng kinh tế nghèo nàn. Vì vậy họ cũng muốn theo đuổi mô hình thị trường tự do và tham gia toàn cầu hóa.

Tương tự, cuộc cách mạng IT cũng khởi đầu ở Mỹ. Bóng bán dẫn, vệ tinh viễn thông, điện thoại di động, Internet – đấy là chưa nói đến PalmPilot, iPad, iPhone, Kindle* – đều ra đời ở Mỹ và được các công ty Mỹ đưa vào thị trường thế giới. Nhờ đó, ngày càng có nhiều người hơn bao giờ hết có công cụ để cạnh tranh với chính chúng ta và xóa bỏ đi rào cản mà các chính phủ đặt ra.

Chính phủ Mỹ luôn có thể vay vài nghìn tỷ dollar vì mọi người cả trong và ngoài nước đều tin tưởng vào nền kinh tế Mỹ, đồng thời cũng nhờ vai trò đặc biệt của đồng dollar trên thế giới từ những ngày Mỹ là siêu cường kinh tế. Và việc người dân toàn cầu đang sử dụng quá nhiều nhiên liệu hóa thạch đến mức có nguy cơ gây ra biến đổi khí hậu cũng có nguyên nhân chính là vì tăng trưởng kinh tế đang mở rộng ngày càng nhanh, song hành với quá trình tăng tiêu dùng năng lượng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong hai thập kỷ qua gia tăng là nhờ toàn cầu hóa do Mỹ bảo trợ và nhờ các nước, đặc biệt là châu Á, áp dụng mô hình thị trường tự do của Mỹ và phương Tây.

Tóm lại, thế giới mà Mỹ phải thích ứng hầu như chính là thế giới “sản xuất tại Mỹ”, do Mỹ làm ra. Nhưng trong trường hợp này, sự quen thuộc, lòng tự hào vì sinh ra nó là nguyên nhân của tính tự mãn. Chúng ta đang tự hào một cách đáng ngại về thế giới mới này chính vì chúng ta tạo ra nó.

Một đặc điểm nữa của bốn thách thức nước Mỹ đang phải đối mặt là chúng đòi hỏi chúng ta phải hy sinh, có nghĩa là việc huy động mọi người cùng nhau hành động sẽ khó khăn hơn rất nhiều. Có thể thấy rất rõ với trường hợp thâm hụt ngân sách. Người Mỹ sẽ phải nộp thuế nhiều hơn, chấp nhận phúc lợi thấp hơn. Nộp thuế nhiều hơn để nhận được ít phúc lợi hơn trái ngược hoàn toàn với điều mà hầu hết mọi người mong muốn, vì vậy không có gì đáng ngạc nhiên khi thâm hụt ngày càng lớn. Tương tự, người Mỹ sẽ không bắt đầu sử dụng ít nhiên liệu hóa thạch hơn, các ngành công nghiệp sẽ không đầu tư vào nguồn năng lượng khác trừ khi giá than đá, dầu mỏ và khí đốt tăng lên đáng kể để phản ánh chính xác chi phí của toàn xã hội khi sử dụng những nguồn nhiên liệu đó. Giá năng lượng đối với người Mỹ cao

* Các thiết bị điện thoại thông minh, máy tính bảng, điện thoại di động, máy đọc sách điện tử hiện đại được ưa chuộng.

hơn thực sự là một điều tốt cho nước Mỹ lẫn cho cả thế giới vì sẽ khuyến khích con người phát triển năng lượng tái tạo. Nhưng giá năng lượng tăng cũng gây khó khăn cho các hộ gia đình trong ngắn hạn. Để giải quyết được thách thức của toàn cầu hóa và cuộc cách mạng IT, đồng thời để liên tục nâng cao mức sống của người dân như họ mong muốn, người Mỹ sẽ phải tiết kiệm hơn, tiêu dùng ít hơn, học tập nhiều hơn và làm việc chăm chỉ hơn so với những gì họ đã quen làm trong các thập kỷ gần đây.

Vấn đề của chúng ta “gì đây không còn là nên hay không nên hy sinh nữa – chúng ta đã không còn được lựa chọn từ lâu lắm rồi”. Michael Maniates, giáo sư môn khoa học chính trị và khoa học môi trường tại Đại học Allegheny, Pennsylvania đã viết như vậy. Chúng ta không thể lựa chọn liệu người Mỹ có nên hy sinh hay không mà chỉ có thể quyết định ai sẽ là người chịu gánh nặng lớn nhất. Thế hệ hiện tại càng chần chừ trước thách thức, sự hy sinh càng bị trì hoãn thì thiệt hại mà thế hệ sau phải gánh chịu sẽ càng lớn khi cả sức mạnh và sự thịnh vượng của nước Mỹ đều suy giảm.

50 năm trước, trong bài phát biểu nhậm chức, John F. Kennedy đã kêu gọi người dân: “Đừng hỏi Tổ quốc có thể làm gì cho các bạn mà hãy hỏi bạn có thể làm gì để phục vụ Tổ quốc”. Ý tưởng ấy lại một lần nữa vang lên trong tâm trí của hầu hết những người đã từng nghe Kennedy nói ngày ấy, vì họ đều có những kỷ niệm riêng về một thời họ đã từng hy sinh rất nhiều và đạt được thành công – nhờ đó họ mới được gọi là “Thế hệ vĩ đại”.

Không may là những thách thức hiện nay lại có điểm khác biệt quan trọng với thách thức của thế kỷ trước. Những vấn đề mà Thế hệ vĩ đại gặp phải là không thể trốn tránh được, xảy ra ngay lập tức và mang tính sống còn như Đại Khủng hoảng, chủ nghĩa phát xít ở Đức và Nhật, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. Kẻ thù của họ rất đáng sợ và hiển hiện rõ ràng: dòng người thất nghiệp xếp hàng dài, nhà ăn phục vụ người nghèo, nhân viên ngân hàng nhẫn tâm đuổi các gia đình ra khỏi nhà, đống đổ nát còn lại ở Trân Châu Cảng, vết mặt diên khùng và giọng nói chói tai của Adolf Hitler, cuộc diễu hành ngày 1/5 trang bị đầy tên lửa đạn đạo ở Quảng trường Đỏ Moscow – và số vũ khí này sau đó được đưa đến Cuba, chỉ cách bờ biển Mỹ 90 dặm. Khi Liên Xô chưa dựng nên bức tường sắt ngang trung tâm Berlin thì họ đang đưa quân vào Hungary và Tiệp Khắc để truy đuổi một vài phần tử tự do xuyên thủng lớp bê tông mà Liên Xô đã phủ lên hai quốc gia này. Không thể bỏ qua những thách thức như thế.

Cho dù công chúng và các chính trị gia có hoàn toàn nhất trí về chiến lược

đối phó với các thách thức đó hay không – thường câu trả lời là không – họ vẫn nhận thấy cần phải ra quyết định, cần chấm dứt những cuộc tranh cãi vô tận và không thể chấp nhận được thái độ từ chối sự tồn tại của thách thức hoặc trì hoãn việc đối phó với chúng. Phần lớn người Mỹ hiểu thế giới họ đang sống là như thế nào. Họ cũng hiểu rằng khi đối phó với thách thức, họ phải đoàn kết với nhau, cùng hành động một cách thống nhất, nghiêm túc và quyết đoán. Đối phó với các thách thức có nghĩa là người Mỹ phải chịu đựng toàn bộ gánh nặng và sức mạnh. Đồng thời, giới lãnh đạo không thể tránh được việc yêu cầu mọi người phải hy sinh. Kennedy từng kêu gọi người dân “trả mọi giá, chịu mọi gánh nặng, đáp ứng mọi khó khăn, hỗ trợ mọi người bạn, chống trả mọi kẻ thù”. Tất cả mọi người đều phải đóng góp thứ gì đó – thời gian, tiền bạc, năng lượng, và trong nhiều trường hợp còn là mạng sống. Con người không còn được phép lựa chọn mất mát hay không. Trì hoãn, chối bỏ, sợ hãi hay tuyệt vọng cũng tương tự.

Những thách thức lớn ngày nay thì khác. Cả bốn thách thức – toàn cầu hóa, cách mạng IT, thâm hụt và nợ quá mức, nhu cầu năng lượng tăng cao trong điều kiện biến đổi khí hậu – đều đang diễn ra mỗi ngày một ít. Một vài vấn đề nghiêm trọng nhất lại rất khó nhận biết trừ khi chúng đạt đến một mức độ nhất định. Trừ những cơn bão cấp 5 hoặc một vụ tràn dầu nghiêm trọng ra thì những thách thức này không sản sinh ra một Hitler hay sự kiện Trân Châu Cảng nào khiến cả quốc gia phải choáng váng mà hành động. Chúng không tạo ra bức tường Berlin để làm biểu tượng cho mối đe dọa đối với Mỹ và toàn thế giới, không cho các vệ tinh bay vòng quanh Trái Đất để tuyên bố qua mỗi tín hiệu âm thanh như tiếng đế rằng nước Mỹ đang tụt hậu trong cuộc cạnh tranh địa chính trị vô cùng quan trọng. Chúng ta không thấy những dòng sông dollar chảy cuộn cuộn ra nước ngoài hàng tháng – khoảng 28 tỷ dollar – để phục vụ con nghiện dầu của chính mình. Khí CO₂ loài người thải ra bầu khí quyển tính từ thời kỳ Cách mạng Công nghiệp và tăng vọt trong hai thập kỷ gần đây là một loại khí mà chúng ta không thể nhìn thấy, chạm vào hay ngửi được.

Đúng là không khó để nhận thấy bốn thách thức lớn. Nhưng trong những năm gần đây, nước Mỹ đã bị xao lãng, đúng hơn là bị chi phối bởi cuộc khủng hoảng kinh tế tồi tệ nhất trong 80 năm qua. Không có gì đáng ngạc nhiên khi người Mỹ chỉ quan tâm đến tình trạng kinh tế trước mắt của họ. Thực trạng kinh tế thật khắc nghiệt: Trong cuộc khủng hoảng, các hộ gia đình Mỹ đã mất khoảng 10 nghìn tỷ dollar. Quy mô nền kinh tế Mỹ giảm trong khoảng

thời gian có hơn một năm. Thất nghiệp tăng lên 9% (và nếu tính cả những người quá chán nản, không muốn tìm việc thì con số này còn cao hơn nhiều).

Có một điểm khác biệt cơ bản giữa khủng hoảng kinh tế và bốn thách thức dài hạn mà nước Mỹ phải đối mặt. Cuộc khủng hoảng sâu từ cuối năm 2007 đến năm 2009 là cái mà các nhà kinh tế học gọi là “hiện tượng xảy ra theo chu kỳ”. Khủng hoảng sẽ làm tăng trưởng kinh tế giảm xuống dưới mức tiềm năng. Nhưng sau cùng, nền kinh tế cũng như cả quốc gia sẽ phục hồi. Trái lại, bốn thách thức lớn kia sẽ quyết định tiềm năng của nền kinh tế. Khủng hoảng giống như một trận ốm, có thể làm con người bị suy nhược trong một tuần, một tháng, thậm chí một năm. Nhưng bốn thách thức lại giống như căn bệnh kinh niên. Chúng mới là những yếu tố quyết định tuổi thọ và sức khỏe suốt đời của con người. Tương tự, cách thức chúng ta đối phó với những thách thức lớn này sẽ quyết định chất lượng cuộc sống của người Mỹ trong những thập kỷ tới. Và chúng ta hành động chậm chạp hơn chúng ta nghĩ.

Vài năm trước, các thành viên hâm mộ câu lạc bộ bóng chày Chicago Cubs – giành chức vô địch lần cuối là vào năm 1908 – đã cùng mặc áo phông in khẩu hiệu: “Đội bóng nào cũng có thể có một thế kỷ tồi tệ”. Các quốc gia cũng thế. Trung Quốc có ba thế kỷ tồi tệ từ năm 1644 đến 1980. Nếu chúng ta không giải quyết bốn thách thức chúng ta đang đối mặt thì có thể thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ tồi tệ của chúng ta.

Thất bại không phải là thứ không thể tránh được. Quay lại quá khứ, phát triển ngay trong thế kỷ này, giữ gìn giấc mơ Mỹ và vai trò của Mỹ trên trường quốc tế là những việc đòi hỏi chúng ta phải có những chính sách thích hợp để đối phó với bốn thách thức lớn. Để làm được điều đó thì có hai tiên đề cơ bản. Thứ nhất là phải nhận biết được các thách thức – chúng ta còn chậm chạp trong việc này. Thứ hai là phải nhớ lại chúng ta đã xây dựng sức mạnh để đối phó với thách thức tương tự trong quá khứ như thế nào. Như Bill Gates đã nói với chúng tôi: “Những thứ tốt đẹp chúng ta từng có mà các nước khác phải bắt chước là gì?” Câu trả lời chính là nội dung của chương tiếp theo.

Lờ đi lịch sử

Ngày 5/1/2011, phiên họp đầu tiên của Quốc hội khóa 112. Hạ viện bắt đầu làm việc bằng cách đọc Hiến pháp Mỹ. Ý tưởng này xuất phát từ những người thuộc phong trào Tea Party – một phong trào cộng đồng ủng hộ các ứng cử viên đảng Cộng hòa trong cuộc bầu cử năm 2010, giúp họ giành thắng lợi và đảng Cộng hòa nắm được quyền kiểm soát Hạ viện. Các thành viên của phe đa số mới muốn nhấn mạnh một điều rằng họ có mặt ở Washington là để thực thi trần chi tiêu ngân sách cũng như quyền lực chung của chính phủ liên bang. Theo họ, chính phủ liên bang đã đi quá xa so với quy định về quyền lực dành cho chính phủ được ghi trong Hiến pháp. Các nhà sử học cho biết đây là lần đầu tiên Hiến pháp Mỹ – được hoàn thành vào năm 1787 – được đọc toàn văn trước Hạ viện.

Hiến pháp chính là cơ sở của đời sống chính trị và kinh tế Mỹ trong gần 225 năm. Trong khoảng thời gian này, nước Mỹ từ chỗ là tập hợp của những thành phố nhỏ, thị trấn, làng mạc, trang trại dọc bờ biển miền Đông đã phát triển lên thành một lục địa siêu cường với nền kinh tế lớn nhất thế giới. Với lịch sử hào hùng nước Mỹ có được, Hiến pháp xứng đáng giành được sự kính trọng đáng kể.

Nhưng ngay cả sự kính trọng đối với Hiến pháp cũng đã đi quá xa. Cựu nghị sỹ Cộng hòa bảo thủ Bob Inglis của bang South Carolina đã thất bại trước đối thủ cạnh tranh được phong trào Tea Party ủng hộ trong cuộc bầu cử sơ bộ năm 2010. Ông kể cho chúng tôi rằng ông đã có buổi nói chuyện với các thành viên nhóm Tea Party ở thư viện hạt Greenville, South Carolina vài tuần trước cuộc bầu cử sơ bộ. “Sau khoảng nửa giờ và nửa chương trình trôi qua, một người ở tuổi trung niên đứng dậy đặt câu hỏi. Anh ta tự giới thiệu mình làm nghề bảo vệ ban đêm. Anh rút từ trong túi áo ra một cuốn Hiến pháp, vẩy vẩy trong không khí và hỏi: tôi có bỏ phiếu bác bỏ mọi tiền lệ pháp và quay về chỉ ‘cái này’ – Hiến pháp không”.

“Không”, tôi trả lời. Đám đông la ó huyết sáo, còn anh bảo vệ lắc đầu với vẻ phẫn nộ: “Được rồi, ông cứ suy nghĩ đi”. Tôi rút điện thoại ra khỏi vỏ bao, giơ lên và nói: “Hiến pháp không đề cập gì đến điện thoại di động, nhưng có rất nhiều vụ kiện, nhiều điều luật liên quan, điều chỉnh việc sử dụng vật này. Nếu chúng ta bác bỏ hết chúng thì chúng ta sẽ chẳng bao giờ có điện thoại di động để dùng”. Rồi tôi giải thích rằng nếu không có phán quyết của thẩm phán Green trong vụ chia tách hãng viễn thông AT&T thì chúng ta sẽ không có điện thoại di động, và sẽ vẫn phải trả mức cước phí cắt cổ cho những cuộc gọi đường dài”. Inglis cho biết rõ ràng ông không gây được ấn tượng gì cũng như chẳng thuyết phục được anh chàng đặt câu hỏi kia.

Chính những người phác họa ra Hiến pháp cũng biết rằng văn bản mà họ làm ra – thông qua quá trình thỏa thuận kéo dài và đôi khi rất khó khăn – là cần thiết, nhưng vẫn chưa đủ để bảo đảm tương lai đất nước. Và đương nhiên nó chưa bao giờ là yếu tố duy nhất quyết định số phận nước Mỹ. Chúng ta phải dựa vào nhiều thứ hơn thế: không chỉ một văn bản mà còn là một loạt những biện pháp nhằm xây dựng đất nước thịnh vượng, khởi đầu từ thời lập quốc và được cập nhật, ứng dụng liên tục đến tận ngày nay. Chúng ta gọi đó là “công thức kiểu Mỹ”. Mặc dù chúng ta thấy rõ ràng nó rất quan trọng, nhưng ngày nay điều đó không còn rõ ràng nữa. Mỹ đã không còn nhìn thấy nguồn sức mạnh truyền thống đúng lúc chúng ta cần nâng cao sức mạnh ấy. Nước Mỹ sẽ không có một cơ hội nào – hoàn toàn không – để có thể giải quyết được những thách thức lớn hiện nay nếu không thay mới, phục hồi, tái đầu tư vào công thức cũ. Nhưng chúng ta lại để nó bị xói mòn trên mọi khía cạnh suốt hai thập kỷ qua.

Tình hình hiện tại càng đặc biệt xấu khi Mỹ phải giảm mạnh chi tiêu công trong những năm tới vì ngân sách đang thâm hụt trầm trọng. Trong thời kỳ phải cắt giảm chi tiêu, chúng ta sẽ rất dễ không đầu tư đầy đủ vào công thức thành công truyền thống, đã được thời gian kiểm chứng. Chúng ta đang có nguy cơ rơi vào tình trạng đó. Lược sử công thức kiểu Mỹ đã chứng minh rõ tại sao.

Năm trụ cột của sự thịnh vượng

Trong kinh doanh có câu cách ngôn: “Anh sẽ nổi lên khi thời thế thay đổi”. Có nghĩa là khi thị trường biến động mạnh thì công ty giỏi nhất sẽ giành được thị phần và tạo ra được khoảng cách lớn giữa họ và các đối thủ cạnh tranh

vì họ có tầm nhìn, có phẩm chất linh hoạt giúp họ biết được đâu là những thay đổi cơ bản và tiến lên phía trước trong khi các đối thủ cạnh tranh đơn giản là bị chôn vùi. Có nghĩa là họ có công thức thành công. Các quốc gia thường gặp phải những thách thức giống nhau. Nếu nước Mỹ là một công ty thì theo ngôn ngữ của các nhà phân tích tài chính ở Wall Street, Mỹ có thành tích làm ăn rất tốt. Quốc gia này vẫn thịnh vượng qua mọi thăng trầm trong lịch sử với nhiều thay đổi trong công nghệ và trong chuẩn mực xã hội. Mỹ đã tạo nên một nền kinh tế, một nền dân chủ mạnh mẽ nhất thế giới chính bởi vì trong mọi bước ngoặt của lịch sử kể từ khi lập nước, chúng ta đã áp dụng công thức thành công của riêng mình.

Trong công thức ấy có năm trụ cột, cùng tạo nên phiên bản riêng của nước Mỹ về sự hợp tác giữa khu vực công và khu vực tư nhân để thúc đẩy kinh tế phát triển. Trụ cột thứ nhất là phải làm cho ngày càng nhiều người được tiếp cận với giáo dục. Với sự tiến bộ công nghệ liên tục, Mỹ phải giúp người dân sẵn sàng khai thác những ý tưởng mới – từ máy kéo sợi, tàu hơi nước đến dây chuyền lắp ráp, máy tính xách tay, Internet.

Trụ cột thứ hai là xây dựng và liên tục hiện đại hóa cơ sở hạ tầng – đường sá, cầu cảng, sân bay, băng thông, đường cáp quang, mạng không dây – để người lao động và các doanh nghiệp Mỹ có thể giao tiếp, hợp tác với nhau một cách hiệu quả, giao nhận hàng hóa và dịch vụ nhanh và rẻ đến người tiêu dùng. Tính từ kênh đào Erie từ 1817 đến 1825, chính quyền các cấp ở Mỹ liên tục bỏ tiền ra xây dựng các công trình hạ tầng cần thiết để thương mại phát triển.

Trụ cột thứ ba là trừ một vài khoảng thời gian ngoại lệ, nước Mỹ luôn mở rộng cửa với người nhập cư, nhờ đó chúng ta luôn được bổ sung một lực lượng lao động tuy trình độ thấp nhưng lại rất chăm chỉ làm việc, tiếp thêm năng lượng cho xã hội Mỹ. Ngoài ra còn có những bộ óc xuất sắc nhất đến với các trường đại học Mỹ, hoặc mở công ty mới, hoặc thực hiện những giải pháp đột phá mới nhất trong nhiều lĩnh vực từ y sinh học đến chế tạo.

Trụ cột thứ tư là sự hỗ trợ của chính phủ đối với nghiên cứu và triển khai khoa học cơ bản. Những hoạt động này không chỉ làm tăng kiến thức cho con người thông qua việc mở rộng biên giới của hóa học, sinh học, vật lý cơ bản mà còn sinh ra các sản phẩm, dây chuyền công nghệ mới, giúp các công ty và người lao động Mỹ có thu nhập cao hơn. Với nền kinh tế Mỹ, để tiếp tục tăng trưởng trong thời đại thông tin này, khi mà các sáng kiến cải tiến có giá trị kinh tế cao chưa từng thấy, thì nghiên cứu khoa học trong mọi lĩnh vực càng đóng vai trò sống còn hơn bao giờ hết.

Trụ cột thứ năm là nhà nước phải thực thi các quy định cần thiết để quản lý hoạt động kinh tế khối tư nhân. Nhiệm vụ này bao gồm cả việc ngăn chặn sự sụp đổ về tài chính, hủy hoại môi trường, quản lý và khuyến khích đầu tư vào trong nước, định hướng các nhà phát minh sao cho họ phải đến Mỹ để đăng ký bằng sáng chế và quyền sở hữu trí tuệ – vì họ biết ở đây bằng sáng chế và quyền sở hữu trí tuệ được bảo vệ – và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ, các nhà đầu tư mạo hiểm đến khởi nghiệp ở Mỹ.

Trong suốt lịch sử nước Mỹ, năm trụ cột này đã giúp người Mỹ biến nghị lực, tài năng và tinh thần kinh doanh của mình thành động lực để giúp chính bản thân mình cũng như cả đất nước được giàu có, hùng mạnh hơn. Khi kết hợp với nhau, năm trụ cột đã làm nên một công thức cho sự thịnh vượng rất độc đáo, chỉ có ở nước Mỹ và nhờ chúng mà chính phủ Mỹ xây dựng được nền tảng để khu vực tư nhân có thể chấp nhận rủi ro và thực hành sáng tạo. Công thức thành công ấy đã đem lại mức sống ngày càng cao cho người dân Mỹ trong suốt hai thế kỷ. Vì vậy, Mỹ cũng là nơi có sức thu hút lớn nhất với tất cả những ai đang nuôi dưỡng ước mơ trên khắp thế giới.

Những người làm nên công thức

Trong gần 235 năm, nước Mỹ đã thành công trong việc sinh ra những vị lãnh tụ nhận thức được rằng chúng ta đang bước vào khúc ngoặt quan trọng, chỉ ra được những thách thức trước mắt, giúp mọi người hiểu điều gì đang diễn ra, và tập hợp cả xã hội để thực thi những chính sách cần thiết nhằm làm cho công thức của nước Mỹ ngày càng tốt hơn nữa, đáp ứng được những thách thức mới. Và đây là một hình mẫu trong số những người làm nên công thức thành công hàng đầu của chúng ta.

Cha đẻ của mô hình hợp tác công tư ở Mỹ chính là bộ trưởng tài chính đầu tiên: Alexander Hamilton. Hamilton đã nhận thấy sự cần thiết phải có một chính phủ nhỏ nhưng hùng mạnh và tích cực, chủ động. Như nhà viết tiểu sử Ron Chernow đã viết, chúng ta đang sống “trong một thế giới sôi động của những hoạt động thương mại, công nghiệp, thị trường chứng khoán và ngân hàng mà Hamilton đã từng dự đoán”. Ông là người xây dựng nên ngân sách, hệ thống thuế, các khoản nợ dài hạn, dịch vụ hải quan và lực lượng bảo vệ bờ biển. Ông khuyến khích phát triển ngành chế tạo, và sau khi mãn nhiệm, ông vạch ra kế hoạch về lực lượng quốc phòng thời bình của nước Mỹ. Lực lượng này không hề phải ra trận cho đến sau Thế chiến thứ hai. Mặc

dù Hamilton đã qua đời, không thể chứng kiến sự phát triển của nước Mỹ, nhưng công thức năm trụ cột hợp tác công tư xuất hiện ở Mỹ trong nhiều năm chính là nguồn gốc trực tiếp từ tư duy, tầm nhìn của Hamilton từ cuối thế kỷ 18. Ông đã nhận thấy những đặc điểm của nước Mỹ, và ông cũng hiểu rằng vai trò của chính phủ là tạo điều kiện cho sự thịnh vượng.

Từ thời những người sáng lập đất nước, chính phủ đã luôn tạo điều kiện cho giáo dục công. Trước khi qua đời ngày 4/7/1826, Thomas Jefferson yêu cầu khắc lên bia mộ ba thành tựu của đời ông, đó là viết Tuyên ngôn độc lập, chấp bút Đạo luật Tự do tín ngưỡng Virginia và thành lập Đại học Virginia. Nhưng khác với các nước công nghiệp lớn khác, chính phủ liên bang Mỹ chưa bao giờ chịu trách nhiệm chính về giáo dục ở cấp sau trung học cơ sở. Đây là nhiệm vụ của mỗi bang và các hạt địa phương. Các trường học địa phương lấy nguồn kinh phí từ thuế tài sản, thuế liên bang và tiền từ ngân sách liên bang. Sự kết hợp các nguồn hỗ trợ khác nhau của chính phủ đã đưa giáo dục ở Mỹ từ một dịch vụ cao cấp trở thành quyền lợi chung cho mọi người. Trong cuốn sách *Cuộc chạy đua giữa giáo dục và công nghệ* (The Race Between Education and Technology), hai tác giả Claudia Goldin và Lawrence Katz thuộc Đại học Harvard đã nhận xét rằng nhờ giáo dục tiểu học được mở rộng liên tục, tiếp đó là sự phát triển của giáo dục trung học phổ thông rồi đến cao đẳng hai năm và đại học bốn năm, “từng thế hệ người Mỹ đã đạt được trình độ giáo dục vượt xa thế hệ trước họ – thể hiện ở thời gian đi học của một người bình thường sẽ nhiều hơn số thời gian đi học của bố mẹ anh ta một năm”. Kết quả là chênh lệch về nguồn lực, thành tích trong giáo dục và tác động kinh tế mà giáo dục mang lại cho các cộng đồng thuộc chủng tộc, tôn giáo khác nhau đã thu hẹp lại rõ rệt.

Khi bắt đầu thế kỷ 20, chỉ có 6% thanh thiếu niên Mỹ học hết trung học. Nhưng đến cuối thế kỷ con số này đã lên tới 85%. Theo thống kê của Bộ Giáo dục, vào đầu thế kỷ, chỉ có 2% người Mỹ trong độ tuổi từ 18 đến 24 được vào học cao đẳng hoặc đại học, đến cuối thế kỷ đã có 63% trong số họ tiếp tục theo học lên cao hơn sau khi tốt nghiệp phổ thông. Goldin và Katz cho rằng sự đầu tư vào giáo dục phổ thông của Mỹ đã đem lại kết quả to lớn: vừa giảm bất công bằng về thu nhập, vừa đảm bảo người lao động Mỹ thích ứng được với những tiến bộ công nghệ mới.

Tất nhiên, người ta biết đến Abraham Lincoln nhiều nhất vì ông là tổng thống Mỹ trong thời gian nội chiến, nhưng trong suốt thời gian đó, chính phủ của ông cũng đã thông qua nhiều đạo luật mang tính bước ngoặt, thúc

đẩy quá trình biến Mỹ từ một xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp. Một trong số đó là Đạo luật Cấp đất 1862, theo đó bất cứ ai không tham gia chiến đấu chống phe Liên minh đều được cấp đất định cư ở miền Tây. Ngoài ra còn có Đạo luật Đường sắt Thái Bình Dương năm 1862 và 1864 với hệ thống đường sắt nối hai miền Đông Tây của đất nước, tạo nền tảng cho nền kinh tế quốc gia. Thứ ba là Đạo luật Morrill năm 1862 quy định cấp đất cho một loạt các trường đại học, nhờ đó các cơ sở đào tạo đại học phát triển mạnh mẽ từ Georgia đến California, từ Minnesota đến Texas. Các bang được cấp đất liên bang để xây trường đại học hoặc dạy nghề cho sinh viên trong các lĩnh vực nông nghiệp, khoa học, kỹ thuật cũng như nhiều kỹ năng khác mà đất nước cần. Lincoln còn ký quyết định thành lập Viện Khoa học Quốc gia vào ngày 3/3/1863. Đây là nơi tập hợp những nhà nghiên cứu hàng đầu nước Mỹ để “tìm hiểu, kiểm tra, thử nghiệm và báo cáo về mọi lĩnh vực khoa học hay nghệ thuật” khi được chính phủ yêu cầu. Điều đáng chú ý là tất cả những dấu mốc này đều xuất hiện trong thời kỳ nước Mỹ tiến hành nội chiến.

Theodore Roosevelt có một vị trí chắc chắn trên đỉnh núi Rushmore* chủ yếu vì ông đã đóng góp vào công thức thành công của nước Mỹ. Kinh nghiệm khi làm cảnh sát trưởng thành phố New York, người đứng đầu cơ quan Dịch vụ dân sự và thống đốc bang New York giúp ông hiểu rằng để doanh nghiệp phát triển được thì cần có các quy định nhất quán và minh bạch, đồng thời những người thực thi chính sách phải ngăn chặn được các hành vi lạm dụng và đảm bảo các công ty hoạt động có trách nhiệm. Khi làm tổng thống, ông thành lập những công ty độc quyền lớn nhằm khuyến khích tự do cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Các doanh nghiệp Mỹ thường không hài lòng với các quy định, điều luật mà Roosevelt ủng hộ, nhưng có lẽ môi trường cạnh tranh, minh bạch và lòng tin của công chúng do chính ông tạo ra đã đem lại lợi ích cho các doanh nghiệp, các nhà đầu tư hơn cho bất cứ nhóm người nào khác. Tư duy của ông về vai trò sống còn của chính phủ là điều tiết thị trường, bảo vệ sức khỏe và an ninh cho người dân – đó là chưa nhắc đến bảo vệ môi trường hoang dã – chính là nền tảng của Kỷ nguyên tiến bộ** của nước Mỹ.

* Tác phẩm điêu khắc trên đá trên đỉnh núi Rushmore, thể hiện chân dung của bốn tổng thống Mỹ là George Washington, Thomas Jefferson, Theodore Roosevelt và Abraham Lincoln.

** Thời kỳ diễn ra các phong trào xã hội và cải cách chính trị ở Mỹ (1890 – 1920) với các hoạt động như chống tham nhũng, trao quyền bầu cử cho phụ nữ, hiện đại hóa công nghiệp, phát triển khoa học công nghệ...

Năm 1907, ngay sau năm cuối cùng trong nhiệm kỳ tổng thống của Roosevelt, có 1.285.349 người từ nhiều nước khác nhau nhập cư đến Mỹ – là năm có số người nhập cư nhiều nhất trong lịch sử nước Mỹ tính đến thời điểm đó. Mỹ luôn là quốc gia của người nhập cư kể từ thời những người Âu đầu tiên đến cư trú ở nơi hiện là bang Virginia và Massachusetts. Trong nửa đầu thế kỷ 19, phần lớn người nhập cư đến từ Bắc Âu. Vào nửa sau thế kỷ 19 và những thập niên đầu thế kỷ 20, rất nhiều người nhập cư có gốc gác ở Nam và Đông Âu. Mỹ trở thành cường quốc công nghiệp sau nội chiến nhờ lợi dụng tăng trưởng dân số nhanh do nhập cư. Rất nhiều người làm việc cho các nhà máy hoặc trong các mỏ than cung cấp năng lượng cho các nhà máy đó là người gốc Âu.

Franklin D. Roosevelt với Chính sách Kinh tế mới đã xây dựng nên các con đập, đê điều, đường sá, công viên, sân bay, nhà máy điện, hồ chứa nước, đường hầm, hội trường, trường học và thư viện công cộng. Những dự án chính phủ đầu tư vào cơ sở hạ tầng và giáo dục đã khiến nền kinh tế Mỹ tăng trưởng vượt bậc trong suốt thời kỳ Đại Khủng hoảng, Thế chiến thứ hai và nhiều năm sau đó. Với Đạo luật Chứng khoán năm 1933, thường được gọi là luật “chứng khoán trung thực” và các quy định tái kiểm soát hệ thống ngân hàng, FDR đã ổn định tình hình tài chính trong nước. Đồng thời các biện pháp của ông cũng đã cứu chủ nghĩa tư bản ở Mỹ. Ngoài ra, khi giới thiệu hệ thống an sinh xã hội và chương trình bảo hiểm thất nghiệp trong một chương trình Trò chuyện bên lò sưởi* năm 1935, ông đã đặt nền tảng cho hệ thống an sinh xã hội Mỹ mà bản thân nó chính là một phương thức bảo vệ gián tiếp cho chủ nghĩa tư bản. Môi trường cạnh tranh là đặc tính cốt lõi của thị trường tự do, nó tạo ra cả kẻ thắng lẫn người thua. Quá trình “hủy diệt mang tính sáng tạo” này quan trọng với chủ nghĩa tư bản chính ở chỗ đó – sáng tạo và hủy diệt – và sự hủy diệt không thể tiếp tục diễn ra nếu không có hệ thống an sinh xã hội để bảo vệ những người thất bại. Nếu thiếu nó, những người thất bại sẽ tìm cách lật đổ chính hệ thống giúp nước Mỹ trở nên giàu có. Cuộc tranh luận xem chính sách bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế nên hào phóng đến mức nào là cần thiết. Nhưng khi tham gia tranh luận, người Mỹ cũng cần nhớ rằng chính mạng lưới an sinh xã hội này đã giúp nền kinh tế thị trường tự do tồn tại được một cách hợp lý và bền vững.

Mặc dù FDR không mở rộng cửa cho người nhập cư – chính sách này đã

* Chuỗi 30 bài phát biểu trên đài phát thanh của tổng thống Roosevelt từ năm 1933 đến 1944.

bị thu hẹp kể từ thập niên 1920 – nhưng trong nửa cuối thập niên 1930, hàng nghìn người châu Âu, trong đó có rất nhiều người Do Thái vẫn tìm đường đến Mỹ để tị nạn, tránh mối đe dọa từ Đức Quốc xã. Trong số họ có nhiều nhà khoa học, vật lý, nhiều tác gia, nghệ sỹ, nhà soạn nhạc, nhà sử học và học giả xuất sắc. “Làn sóng trí tuệ” mà đại diện là Albert Einstein đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình dịch chuyển vị trí đi đầu về tri thức từ châu Âu sang Mỹ.

Chính phủ của người kế nhiệm FDR là Harry Truman đã ban hành Đạo luật Phục viên 1944, hay còn gọi là Đạo luật GI, trong đó quy định cựu binh Thế chiến thứ hai được chính phủ hỗ trợ học phí đại học hoặc đào tạo nghề. (Sau Thế chiến thứ nhất, phần lớn cựu chiến binh chỉ được cấp vé tàu về nhà và số tiền khoảng hơn 60 USD). Theo trang web của Bộ Cựu chiến binh:

Nhờ Đạo luật GI mà hàng triệu người đáng lẽ sẽ tràn vào thị trường lao động đã lựa chọn con đường đi học. Vào năm cao điểm 1947, các cựu chiến binh chiếm đến 49% số sinh viên nhập học. Khi Đạo luật GI hết hiệu lực vào ngày 25/7/1956, đã có 7,8 trong số 16 triệu cựu chiến binh Thế chiến thứ hai được học đại học hoặc học nghề. Hàng triệu người cũng đã được bảo lãnh vay tiền mua nhà theo Đạo luật GI. Từ năm 1944 đến 1952, Bộ Cựu chiến binh đã bảo lãnh gần 2,4 triệu khoản vay mua nhà cho các cựu binh Thế chiến thứ hai.

Ngoài ra, dưới thời Truman, Mỹ còn thành lập Quỹ Khoa học nhà nước vào năm 1950. Hàng năm, thông qua quỹ này, chính phủ liên bang đã phân bổ hàng tỷ dollar cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Người kế nhiệm Truman là Dwight Eisenhower thường được mô tả một cách hài hước là một vị tướng về hưu thích chơi golf hơn là làm chính sách. Nhưng thực tế, đóng góp của ông vào công thức thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Mỹ là rất vĩ đại. Ông làm điều đó dựa trên mối quan hệ giữa chính phủ và khoa học trong suốt Thế chiến thứ hai, nhờ đó Mỹ đã tạo ra được những quả bom nguyên tử đầu tiên. Ông cũng tận dụng được sự kiện Liên Xô phóng vệ tinh quỹ đạo trái đất đầu tiên, Sputnik 1 vào năm 1957 để khiến cả nước Mỹ phải thức tỉnh. Giờ thì chúng ta đã quên Sputnik đã kích động, thách thức người Mỹ thế nào và tại sao nó buộc chúng ta phải cập nhật công thức thành công một cách hăng hái như vậy.

Chỉ trong vòng một năm sau khi Liên Xô phóng vệ tinh nhân tạo, Quốc hội Mỹ thông qua Đạo luật Giáo dục quốc phòng quốc gia, mục đích là tạo điều kiện cho việc học khoa học, ngoại ngữ, lịch sử, chính trị và kinh tế các

nước khác. Để thúc đẩy nghiên cứu và sáng tạo trong lĩnh vực quốc phòng, chính phủ thành lập Cơ quan Dự án nghiên cứu cao cấp, sau này là Cơ quan Dự án nghiên cứu quốc phòng cao cấp. Trong nhiều năm, cơ quan này góp phần vào sự ra đời của tên lửa Saturn V – là tên lửa đã đưa các phi hành gia trong chương trình Apollo lên mặt trăng. Ngoài ra họ còn tạo ra vệ tinh do thám đầu tiên trên thế giới, mạng lưới nghiên cứu là tiền thân của Internet ngày nay, các loại vật liệu mới được sử dụng trong mạch tích hợp tốc độ cao và con chuột máy tính.

Eisenhower rất ấn tượng với mạng lưới đường sá ở Đức nên ông cũng để lại cho nước Mỹ cơ sở hạ tầng đồ sộ. Ông được mọi người ủng hộ xây dựng hệ thống đường cao tốc xuyên bang nhờ lập luận rằng nó rất cần thiết để vận chuyển trang thiết bị, nhân lực và hậu cần cho quân đội một cách hiệu quả hơn nếu có chiến tranh với Liên Xô. Ngày nay, bạn có thể tải từ Internet một bài hát có tên “Eisenhower là cha đẻ của hệ thống đường cao tốc xuyên bang” về làm chuông điện thoại.

Eisenhower bảo vệ rất quyết liệt cho giới nhập cư, với quan điểm đó là trách nhiệm trước những người tị nạn chính trị hơn là chiến lược nhập khẩu thêm chất xám. Nhưng cả hai ảnh hưởng này đều có. Trong Thông điệp Liên bang ngày 12/01/1961, ông cho biết:

Hơn 32.000 nạn nhân của chế độ chuyên chế ở Hungary đã cập bờ biển nước Mỹ, và vào thời điểm này đất nước chúng ta cũng đang hỗ trợ người tị nạn Cuba. Từ năm 1953, thời gian mà những người xin nhập quốc tịch phải chờ đợi đã giảm từ 18 tháng xuống 45 ngày. Chính phủ cũng đã đưa ra một số đề xuất để tháo gỡ những khó khăn mà người nhập cư đang gặp phải, đồng thời vẫn đảm bảo bảo vệ được lợi ích quốc gia. Chính sách nhập cư nhất định phải là một phần trong truyền thống tốt đẹp nhất của nước Mỹ, đó là cung cấp nơi trú ẩn an toàn cho những người bị áp bức, và nó hoàn toàn phù hợp với trách nhiệm đứng đầu thế giới tự do của chúng ta.

Vài năm sau, dưới thời Tổng thống Lyndon Johnson, trụ cột nhập cư trong công thức thành công của chúng ta còn được củng cố hơn khi Quốc hội nói lỏng các điều luật từng hạn chế nghiêm ngặt người nhập cư từ châu Á. Đạo luật Nhập cư và quốc tịch 1965 đã mở cửa cho một con số khổng lồ lao động tri thức nhập cư từ Ấn Độ. Hiện nay, ở Mỹ đang có gần ba triệu người nhập cư gốc Ấn, rất nhiều người trong số họ là nhà khoa học, bác sỹ, học giả, đóng góp đáng kể vào giới tri thức Mỹ. Theo Subra Suresh, đương kim giám đốc Quỹ Khoa học Quốc gia thì: “Vào thập niên 1970, khoảng 80% số kỹ sư tốt

nghiệp Học viện Công nghệ Ấn Độ (IIT) đến Mỹ để học sau đại học và làm nghiên cứu, đại đa số đã trở thành công dân Mỹ”. Chính Subra cũng là một trong số các sinh viên đó. Nhiều người trong số họ cũng trở thành lãnh đạo các học viện, ngành, cơ sở thí nghiệm của nhà nước và doanh nghiệp mới ở Mỹ. Đến năm 2009, chỉ có khoảng 16% sinh viên tốt nghiệp IIT đến Mỹ để học tập và nghiên cứu sau đại học. Subra, người trước đây cũng đã từng làm trưởng Khoa Công trình của Học viện Công nghệ Massachusetts (MIT), cho biết thêm: “Nếu xu hướng này vẫn tiếp tục ở IIT và các trường cùng ngành ở nhiều nước khác thì sẽ tác động rất lớn lên hoạt động nghiên cứu ở các doanh nghiệp Mỹ. Hơn 40% trong số 375 giảng viên của Trường Kỹ thuật thuộc MIT là người nước ngoài”.

Chính phủ chịu trách nhiệm cung cấp ba trong số năm trụ cột trong công thức thành công của nước Mỹ gồm giáo dục, cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và triển khai nhờ tiền thuế thu được. Trụ cột thứ tư – nhập cư – có được nhờ các đạo luật do Quốc hội ban hành. Còn trụ cột thứ năm không liên quan đến tiền mà liên quan đến quyền lực của chính phủ.

Các quy định kiểm soát nền kinh tế của chính phủ có vẻ như đi ngược lại nguyên tắc cơ bản của thị trường tự do. Tương tự như mạng lưới an sinh xã hội, kiểm soát nền kinh tế đến mức độ nào là chủ đề vẫn đang gây tranh cãi. Và cũng như Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế đang ngày càng trở nên tốn kém, với hình thức hiện tại thì đất nước khó mà chi trả được, các quy định quản lý kinh tế cũng đang ngày càng trở nên phức tạp hơn mức cần thiết để tạo điều kiện cho kinh tế Mỹ phát triển lành mạnh.

Tổng thống Obama cũng thừa nhận như vậy khi tuyên bố trên Tạp chí *Wall Street* (ngày 18/01/2011) rằng ông đang yêu cầu “toàn bộ chính phủ phải xem xét lại các điều luật hiện có để loại bỏ những quy định đã lỗi thời, cản trở quá trình tạo việc làm mới và giảm sức cạnh tranh của nền kinh tế”. Tuy nhiên, cũng như mạng lưới an sinh xã hội, loại bỏ bớt các quy định liên quan đến môi trường kinh doanh là một việc làm sáng suốt, nhưng nếu xóa bỏ hoàn toàn các quy định thì lại hết sức dại dột.

Thị trường không phải khu vườn hoang, có thể để tự do phát triển. Nó cần được định hướng thông qua các quy định, mục tiêu là khuyến khích người kinh doanh chấp nhận rủi ro, nhưng phải hạn chế những việc làm thiếu thận trọng, liều lĩnh ở quy mô lớn, có thể gây tổn hại cho xã hội. Sự cần thiết của các chính sách kiểm soát của chính phủ bắt nguồn từ một đặc điểm tất yếu của thị trường tự do: đó là “ngoại ứng” – theo thuật ngữ của các nhà kinh tế

học. Đó là chi phí phát sinh từ những hoạt động trên thị trường tự do nhưng không được phản ánh trong giá cả, tức là không cá nhân nào phải trả những khoản chi phí này, vì vậy cả xã hội phải gánh chịu. Để khắc phục nhược điểm của thị trường, cần sự có mặt của chính phủ để đảm bảo bằng cách nào đó, có người sẽ phải chịu gần như toàn bộ chi phí mà một hoạt động kinh tế gây ra. Có thể làm được bằng cách chính phủ kiểm soát các hoạt động gây ra chi phí cho xã hội hoặc đánh thuế. Một ví dụ về ngoại ứng quen thuộc, thường gặp là chất thải do các hoạt động sản xuất công nghiệp tạo ra, gây ô nhiễm không khí mà mọi người đang hít thở hoặc ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt. Khi chính phủ nhận thấy tính nghiêm trọng của ô nhiễm môi trường, họ đã thành lập một cơ quan cấp liên bang, chính là Cục Bảo vệ Môi trường ra đời năm 1970 dưới thời Tổng thống Richard Nixon.

Các quy định và tiêu chuẩn thông minh thường ra đời sau khi tham vấn giới doanh nghiệp và chúng có tác dụng khuyến khích đầu tư và sáng tạo. Ví dụ, khi chính phủ Mỹ đặt tiêu chuẩn sử dụng năng lượng cao đối với thiết bị điều hòa không khí, tất cả các hãng sản xuất điều hòa không khí phải tìm cách thay đổi để đáp ứng được tiêu chuẩn mới và từ đó có thể cạnh tranh một cách hiệu quả trên thị trường thế giới. Ngược lại, khi chúng ta hạ thấp tiêu chuẩn thì có nghĩa là chúng ta đang tăng khả năng cạnh tranh cho các công ty giá rẻ trên khắp thế giới.

Đồng thời, các quy định và các cơ quan quản lý còn là nền tảng quan trọng để tạo niềm tin và niềm tin khuyến khích sáng tạo và chấp nhận rủi ro. Sự ra đời của Ủy ban Chứng khoán và Ngoại hối năm 1934 đã nâng cao tầm quan trọng của thị trường chứng khoán New York vì nó giúp thị trường gặp ít rủi ro hơn. Tập đoàn Bảo hiểm tiền gửi Liên bang (FDIC) được thành lập theo Đạo luật Ngân hàng năm 1933 đã làm giảm đáng kể nguy cơ vỡ nợ ngân hàng, ngoài ra tính ổn định của FDIC cũng giúp Mỹ thu hút được vốn từ khắp nơi trên thế giới. Hiệp định Thương mại tự do Bắc Mỹ có hiệu lực vào năm 1994 đã tạo ra khung pháp lý, mở cửa cho dòng đầu tư và thương mại khổng lồ xuyên biên giới giữa Mỹ, Mexico và Canada. Các đạo luật liên quan đến bản quyền đã bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các nhà sáng chế, thậm chí khuyến khích cả người nước ngoài cũng đăng ký bản quyền tại Mỹ vì họ biết ở đây, ý tưởng của họ sẽ không bị ăn cắp như ở Trung Quốc. Trong năm 2010, có hơn 500.000 bằng sáng chế được đăng ký tại Cục Bản quyền và Thương hiệu Mỹ, vài nghìn trong số đó là của người nước ngoài.

Đạo luật Bản quyền đầu tiên của Mỹ được ký thông qua từ thời Tổng

thống George Washington, và trong hơn 200 năm tiếp sau đó, các đời tổng thống tiếp tục mở rộng việc bảo hộ mọi hình thức sở hữu trí tuệ: bản quyền, thương hiệu, bằng sáng chế. Ngày nay Cục Bản quyền và Thương hiệu Mỹ rất tự hào cho biết hơn 200 năm qua, họ đã từng cấp bằng sáng chế cho “bóng đèn điện của Thomas Edison, điện báo của Alexander Graham Bell, máy bay của Orville và Wilbur Wright, máy cày bằng sắt của John Deere, cách sử dụng tinh dầu đậu trong mỹ phẩm và sơn của George Washington Carver, máy ảnh Polaroid của Edwin Land”. Sự phát triển trong lĩnh vực cấp bằng sáng chế của Mỹ đã tạo ra một ngân hàng tri thức khoa học kỹ thuật khổng lồ với gần 80 triệu sáng chế được cấp bằng và hai triệu thương hiệu được bảo hộ kể từ khi cơ quan quản lý này ra đời.

Một lý do khiến Mỹ trở thành đất nước của những người muốn khởi nghiệp là ở Mỹ, thất bại không phải vết nhơ mãi mãi như ở châu Âu cũ kỹ. Đây là khác biệt văn hóa, nhưng cũng là một thành phần quan trọng trong công thức thành công của chúng ta: thông qua những quy định được phát triển thường xuyên để tạo điều kiện cho mọi người khởi nghiệp.

Một trong những quy định đó là luật phá sản. Bắt đầu từ thế kỷ 19, Mỹ đã thông qua các đạo luật cho phép các công ty và cá nhân được tuyên bố phá sản và bắt đầu kinh doanh lại tương đối dễ dàng. Ngân hàng có thể thanh lý tài sản của bạn để buộc bạn phải cải tổ, nhưng sau đó bạn vẫn được thử kinh doanh lần nữa. Tất nhiên hồ sơ tín dụng của bạn sẽ có vết đen trong vài năm, nhưng rồi nó sẽ biến mất. Không ai muốn khuyến khích phá sản, nhưng cũng không nhiều vụ phá sản bị coi là vết nhơ ở Mỹ – ít nhất là khi so sánh với châu Âu, nơi mà chỉ một vụ phá sản cũng bị coi như dấu vết ô nhục*, đồng nghĩa với sự nghiệp kinh doanh của bạn đã chấm dứt. Luật phá sản Mỹ chú trọng việc giúp con nợ khôi phục sự nghiệp hơn là trừng phạt họ. Người châu Âu luôn ngạc nhiên hỏi tại sao các doanh nhân ở thung lũng Silicon lại dễ dàng thử nghiệm, thất bại, tuyên bố phá sản, thử lần nữa, lại thất bại, lại thử, rồi trở nên giàu có đến như vậy. Càng dễ thất bại thì càng dễ làm lại.

Nhà sử học David Kennedy thuộc Đại học Stanford lưu ý rằng tất cả những quy định đó “không nhằm mục đích tăng vai trò kiểm soát của nhà nước và hạn chế sở hữu tư nhân mà là để tạo ra sự kết hợp hợp lý giữa hai điều này”. Khi bạn củng cố thị trường bằng các điều luật, quy định, công cụ khuyến

* Nguyên văn: dấu vết của Cain (mark of Cain). Theo Kinh thánh, Cain đã giết em trai mình là Abel và bị Chúa trời đuổi đi. Chúa đánh dấu lên cơ thể Cain để cảnh báo những người khác là ai giết Cain sẽ bị Chúa báo thù.

khích đúng đắn thì “bạn đã tạo cơ sở để mọi người chấp nhận rủi ro nhiều hơn” – theo lời Kennedy. “Tính chất có thể dự đoán được của thị trường thực sự đem lại cho mọi người cơ hội và động lực lớn hơn để sáng tạo”.

Nền kinh tế Mỹ sẽ không thể được như ngày nay nếu không có những người chấp nhận rủi ro với động lực cực lớn như Warren Buffett, Bill Gates và Steve Jobs. Nhưng họ cũng không thể thành công nếu không có sự ủng hộ của chính phủ – một bên trong công thức thành công liên quan đến hợp tác công - tư mà chỉ Mỹ mới có.

Và đó là lý do tại sao chúng ta lo ngại.

Bí quyết thành công của chúng ta quá bí hiểm

Ở lớp học lái xe, một trong những điều đầu tiên bạn được học là không được vượt người khác khi đi đến đoạn đường ngoặt. Nhưng ở lớp lịch sử kinh tế, bạn sẽ biết rằng khúc cua chính là nơi bạn dễ bị vượt qua. Vì vậy, khi vào đoạn đường cua tốc độ cao thì phải lèo lái đất nước với tính quyết đoán hơn nhiều so với khi đi trên đường thẳng. Chiến tranh Lạnh kết thúc trùng hợp với thời kỳ nước Mỹ bước vào đoạn cua tốc độ cao nhất chúng ta từng thấy. Đoạn đường cua hình thành do sự kết hợp của hai xu hướng lớn: toàn cầu hóa và cách mạng IT. Chúng ta phải vượt lên trong đoạn cua này. Vì vậy, chúng ta phải nâng cấp, cải thiện công thức thành công của mình hơn bao giờ hết. Không may là nền chính trị của chúng ta lại đi theo con đường ngược lại.

Đảng viên đảng Cộng hòa, cựu nghị sĩ bang South Carolina là Bob Inglis có thể xác nhận điều đó. Ông nhắc lại một ví dụ sinh động: trong chiến dịch vận động tranh cử năm 2010, ông đã tổ chức một cuộc họp về dịch vụ y tế ở tòa thị chính Simpsonville, South Carolina. “Tôi đang nói về các vấn đề y tế thì một người đàn ông lớn tuổi đứng lên và nói: ‘Bảo chính phủ của ông đừng động vào bảo hiểm y tế của tôi nữa’.

Tôi trả lời: ‘Nhưng thưa ông, bảo hiểm y tế chính là chương trình của chính phủ’. ‘Phải, nhưng tôi trả tiền cho nó’ – ông ta đáp. Tôi nói: ‘Vâng, đúng là ông có trả tiền. Ông đang trả 25% phí bảo hiểm, còn chính phủ trả 75% còn lại thông qua chương trình bảo hiểm y tế B. Giờ thì ông ta chần, ông ta nói: ‘Đúng, nhưng tôi trả tiền khi tôi đi làm’. Tôi nói: ‘Phải, ông và công ty của ông đều nộp bảo hiểm y tế với tỷ lệ là 1,45% mỗi bên tính trên bảng lương của ông’. Tôi cố tỏ ra lịch sự hết mức có thể. Ông ta vào khoảng 75 tuổi, nhìn có

về có sức khỏe tốt. Nên tôi nói thêm: ‘Và tôi phải nói thêm rằng chỉ cần ông nằm bệnh viện một hoặc hai lần thôi thì ông sẽ dùng hết số tiền mà ông và công ty của ông từng đóng rồi’. Ông ta tức giận ngồi xuống. Trong khái niệm của ông ta thì ông ta tự cưới ngựa chạy ra thảo nguyên, thuần phục cả vùng và những gì ông ta có được là hoàn toàn do nỗ lực cá nhân. Nhưng trong thâm tâm ông ta biết mình không tự làm ra mọi thứ. Ông ta phải phụ thuộc vào những người khác, và điều đó đe dọa cái tôi trong con người ông ta”.

Inglis kể tiếp: “Để thuyết phục ông ta và để thắng cử, đáng lẽ tôi phải nói ‘Tôi sẽ ngăn không cho tay xã hội chủ nghĩa đang ngồi trong Nhà Trắng kia được nhúng tay vào bảo hiểm xã hội. Mà nhân vật trong Nhà Trắng có lẽ thậm chí còn không phải công dân Mỹ và bước vào Nhà Trắng một cách bất hợp pháp’. Khi ấy tôi sẽ trở thành một vị anh hùng chính trị, nhưng tôi cũng biến các công dân thành dốt nát, không biết gì. Bi kịch hiện giờ là chúng ta có những người làm lãnh đạo nhưng lại chọn cách mặc kệ cho người dân không có thông tin, hoặc thậm chí còn khuyến khích họ trở nên ngu ngốc”.

Inglis chắc chắn đã đúng – và điều đó cũng để lại ảnh hưởng. Suzanne Mettler là giáo sư Đại học Cornell và tác giả cuốn sách *Nhà nước ẩn: Những chính sách vô hình của chính phủ đã làm xói mòn nền dân chủ Mỹ như thế nào* (The Submerged State: How Invisible Government Policies Undermine American Democracy). Trong bài viết ngày 20/9/2011 đăng trên báo *New York Times* tóm tắt nghiên cứu của mình, bà lưu ý: Đừng tin điều người ta nói là người Mỹ không ưa chính phủ. Tất nhiên, một cuộc thăm dò dư luận mới đây của ABC News/Washington Post cho thấy 56% người Mỹ nói rằng họ muốn chính phủ nhỏ hơn và ít cơ quan hơn. Các nhà hoạt động phong trào Tea Party, những công dân to mồm nhất của thời đại chúng ta, đã thổi phồng những đòi hỏi này. Tuy nhiên, thực tế là đại đa số người Mỹ vào một lúc nào đó cũng phải dựa vào các chương trình của chính phủ – và coi trọng chúng – mặc dù họ thường không nhận ra rằng chính phủ là nguồn cung cấp những hỗ trợ đó. Một cuộc thăm dò 1.400 người Mỹ của Viện Nghiên cứu thăm dò Cornell cho thấy khi mọi người được hỏi họ đã bao giờ sử dụng một chương trình xã hội nào của chính phủ chưa, 57% trả lời là chưa. Những người này sau đó được hỏi là họ đã bao giờ tận dụng chính sách nào trong 21 chính sách liên bang, bao gồm Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ lãi suất mua nhà trả góp và cho vay học tập. Hóa ra 94% những người phủ nhận đã sử dụng các chương trình của chính phủ đã được hưởng lợi từ ít nhất một chương trình; còn trung bình là bốn chương trình. Người Mỹ thường không nhận ra vai trò của chính phủ

trong xã hội, ngay cả nếu họ đã trải nghiệm điều đó trong cuộc đời. Nguyên nhân là vì quá nhiều những gì chính phủ làm ngày nay là vô hình”. Mettler gọi toàn bộ các chương trình, khuyến khích và trợ cấp của chính phủ – những trụ cột của mối liên hệ công tư của chúng ta – mà hầu hết công chúng không biết đến là “nhà nước ẩn”. Mọi người cảm thấy, hưởng lợi từ chính phủ, nhưng ngừng trông thấy nó, và do đó cũng ngừng đánh giá đúng những gì cần thiết để duy trì nó. Bà viết, “Ngày nay mối đe dọa đối với nền dân chủ không phải là quy mô của chính phủ mà là dạng ẩn của hầu hết các sự mở rộng của nó. Nếu những người cho rằng chính phủ chưa bao giờ giúp họ có thể thấy được sự thật, điều đó có lẽ sẽ giúp làm lắng dịu không khí chính trị phân cực của chúng ta và làm sống lại vị trí của người công dân có hiểu biết”.

Trong cộng đồng doanh nghiệp chúng ta cũng có thể thấy sự ngu ngốc tương tự khi thái độ khinh thường chính phủ và các điều luật đã trở thành chuẩn mực. Làm sao có thể quên khẩu hiệu tranh cử nổi tiếng của Ronald Reagan: “Trong ngôn ngữ, những từ nghe kinh khủng nhất là: ‘Tôi là người của chính phủ và có nhiệm vụ giúp đỡ các bạn’”. Tất nhiên, mọi doanh nhân đều muốn thuế thấp hơn, ít quy định quản lý hơn. Phần lớn các công dân Mỹ cũng thế. Nhưng mỗi người trong số chúng ta đều được hưởng lợi và thực sự phụ thuộc sâu sắc vào năm trụ cột trong công thức thành công của nước Mỹ. Nếu chúng ta không nhận biết được điều đó thì một trong những nguồn sức mạnh chính của nước Mỹ sẽ bị đe dọa.

May mắn là ít nhất thì một vài nhà đầu tư và doanh nhân xuất sắc nhất của Mỹ hiểu rất rõ công thức thành công đã giúp nền kinh tế Mỹ tạo ra ngày càng nhiều của cải từ ngày càng ít nguồn lực đầu vào như thế nào. “Chúng ta phải luôn thay đổi cách thức đi đầu” – Bill Gates từng lưu ý như vậy. “Nhưng chúng ta cũng phải đặt câu hỏi: Vị trí đứng đầu này ở đâu mà ra? Đó là nhờ chúng ta đem lại giáo dục cho nhiều người hơn so với các nước khác. Và chúng ta cũng thu hút được nhiều nhân tài hơn”. Chúng ta xây dựng được cơ sở hạ tầng tốt hơn. Chúng ta cần phải quay lại tập trung vào việc “thay đổi lợi thế của mình” – như lời Bill Gates.

Jeffrey Immelt – chủ tịch kiêm tổng giám đốc điều hành General Electric, một trong những công ty tư nhân lớn nhất thế giới – đã lưu ý rằng nước Mỹ đã mắc sai lầm nguy hiểm khi tin là chính phủ có vai trò không hề tích cực trong nền kinh tế. “Chúng ta đang sai lầm khi tôn thờ vị thánh sức mạnh của thị trường tự do. Trong nhiều thế hệ qua, chính phủ Mỹ luôn đóng vai trò xúc tác cho sự thay đổi. Viện Y học Quốc gia đã tạo ra một thế hệ công nghệ

chăm sóc y tế hàng đầu. Và tất cả những khoản chi tiêu cho quốc phòng đã làm ra đời ngành công nghiệp năng lượng hạt nhân và Internet.

“Tôi ủng hộ thị trường tự do”, Immelt nói thêm. “Tôi tin rằng lựa chọn của cá nhân và ý tưởng từ khu vực tư nhân là vô hạn. Nhưng lịch sử lâu dài của đất nước này cho thấy chính các khoản chi tiêu của chính phủ đã tạo nên nền tảng cho các ngành công nghiệp mới phát triển suốt nhiều thế hệ”.

Warren Buffett cũng nhất trí với quan điểm này thông qua sự nghiệp đặc biệt thành công của ông. Ông giải thích rằng hàng tỷ dollar ông kiếm được từ hoạt động đầu tư chủ yếu là nhờ ông sống và làm việc ở nước Mỹ – một đất nước có thể chế năng động, thị trường tự do, chế độ pháp trị và công thức thành công.

“Tôi sinh ra đúng nơi và đúng thời”. Buffett phát biểu trong một cuộc phỏng vấn trên kênh ABC (ngày 28/11/2010). “Bill Gates vẫn luôn nói với tôi rằng nếu tôi được sinh ra vào thời điểm vài nghìn năm trước thì tôi sẽ trở thành bữa trưa của thú dữ rồi vì tôi không chạy nhanh được, không leo cây được. Sẽ có một con thú nào đó đuổi theo tôi, và nếu tôi bảo tôi làm nghề phân bổ vốn đầu tư thì nó sẽ trả lời: Loại ấy là ngon nhất đấy”.

John Doerr, một trong những nhà đầu tư mạo hiểm hàng đầu ở Mỹ, người đầu tư rất sớm vào Netscape, Google và Amazon.com thì nói: “Bạn phải chấp nhận rủi ro khi đi vào đoạn đường cua tốc độ cao. Đôi khi bạn đi quá nhanh và phải bẻ lái quá gấp khiến ô tô chỉ còn đi bằng hai bánh. Nhưng nếu bạn không chấp nhận rủi ro thì sẽ chẳng làm được điều gì vĩ đại”. Doerr nói thêm rằng chính công thức thành công của nước Mỹ đã tạo điều kiện cho các công ty đầu tư mạo hiểm hoạt động hiệu quả đến như vậy khi bước vào đoạn đường cua thông qua việc hỗ trợ cho nghiên cứu cơ bản, tạo ra những kết quả đột phá trong vật lý, sinh học và hóa học.

Cũng cần lưu ý rằng công thức thành công của Mỹ là thành tựu chủ yếu của đảng Cộng hòa. Có nghĩa là những đảng viên Cộng hòa nào ở thế kỷ 21 đang phản đối vai trò của chính phủ liên bang trong nền kinh tế thì có nghĩa là họ đang đi ngược lại chính truyền thống của đảng mình. Alexander Hamilton là thành viên đảng Liên bang – tiền thân xa xưa của đảng Cộng hòa, đối thủ của phe Dân chủ – cộng hòa mà đại diện là Thomas Jefferson (sau này đổi tên là đảng Dân chủ), tức tiền thân của đảng Dân chủ ngày nay. Các tổng thống thuộc đảng Cộng hòa như Abraham Lincoln, Theodore Roosevelt và Dwight Eisenhower đều góp phần hết sức quan trọng vào việc mở rộng, thay đổi công thức thành công cho nước Mỹ. Đảng Cộng hòa có truyền thống ủng

hộ chính phủ quy mô nhỏ, nhưng phải là một chính phủ có sức mạnh và hoạt động hiệu quả khi cần.

Lincoln, Roosevelt, Eisenhower và các đồng nhiệm đảng Dân chủ đều hiểu rằng thách thức của thế giới mà họ đang tồn tại buộc nước Mỹ phải tăng cường sức mạnh và sự thịnh vượng của mình. Và ở những thời điểm quan trọng, họ đã xây dựng được hình ảnh về một nước Mỹ vĩ đại, đủ để được cả xã hội ủng hộ, được Quốc hội tin tưởng, đồng thời đưa ra những cách thức phù hợp để cải thiện công thức thành công. Chắc chắn giữa các vị tổng thống vĩ đại nhất trong lịch sử có một điểm chung: khả năng tập hợp cả đất nước để làm mới công thức cũ ở mỗi khúc ngoặt quan trọng của lịch sử.

Lịch sử cũng ghi nhận rằng công thức thành công phát triển được nhanh nhất, xa nhất trong thời chiến. Khi đất nước tham gia chiến tranh, đặc biệt là cuộc chiến được coi là có tính chất sống còn thì sẽ có rất nhiều người dân sẵn sàng ủng hộ mọi biện pháp giúp nước mình giành được thắng lợi. Ví dụ, thời Nội chiến là cơ hội để chính phủ lần đầu tiên áp dụng thuế thu nhập liên bang.

Từ khi Benjamin Franklin làm ra cột thu lôi đến nay*, nước Mỹ đã có rất nhiều nhà phát minh tài năng. Nhưng các hoạt động nghiên cứu và triển khai do chính phủ tài trợ chỉ bắt đầu phát triển mạnh vào thời Thế chiến thứ hai với Dự án Manhattan. Mỹ có ý tưởng nỗ lực chế tạo bom nguyên tử vì FDR và các cố vấn của ông sợ rằng nếu Mỹ không làm được thì Đức Quốc xã sẽ thành công trước. Sau chiến tranh, khi nghiên cứu khoa học bắt đầu trở nên quan trọng đối với tiến bộ công nghệ, đồng thời quy mô và mức độ phức tạp của nghiên cứu khoa học đã vượt quá năng lực của các công ty tư nhân thì chính phủ Mỹ phải nhận lấy vai trò chủ đạo. Những phát minh đơn giản thì giới nghiệp dư đã thực hiện được ngay trong ga ra ô tô tại nhà. Giờ đây, để đạt được tiến bộ trong khoa học thì cần phải có những phòng thí nghiệm tầm cỡ quốc gia và cần sự phối hợp giữa chính phủ với các trường đại học và công ty tư nhân. Những chương trình được Eisenhower bổ sung vào công thức thành công của nước Mỹ đều có mục đích chung là hỗ trợ cho cuộc chiến toàn cầu chống Liên Xô và chủ nghĩa cộng sản quốc tế. 75 năm sau Thế chiến thứ hai và 20 năm sau Chiến tranh Lạnh, trung tâm nghiên cứu lâu đời nhất nước Mỹ là Argonne ở Illinois vẫn đang tiến hành những nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực năng lượng mặt trời, mạng điện thông minh và ô tô điện. Những ví dụ về sự hợp tác giữa khu vực nhà nước và tư

* Cột thu lôi do Benjamin Franklin phát minh năm 1749.

nhân xuất hiện trên báo chí hàng ngày. Ví dụ, trang web DailyFinance.com của AOL (ngày 07/01/2011) cho biết công ty General Motors đã được Trung tâm Nghiên cứu Argonne cho phép sử dụng một công nghệ “giúp nâng cao đáng kể hiệu suất của pin lithium sử dụng trong các loại ô tô điện” như xe Volt của GM chẳng hạn. Nhờ đó họ có thể sản xuất ra “loại pin an toàn hơn, rẻ hơn, có tuổi thọ cao hơn và giúp ô tô chạy được quãng đường dài hơn giữa hai lần nạp”.

Những thách thức lớn ngày nay đòi hỏi cả đất nước phải cùng đối phó giống như thời chiến, nhưng nếu không có xung đột chính đang tiếp diễn thì sẽ khó mà thuyết phục được người dân Mỹ lựa chọn những chính sách khó khăn nhưng cần thiết để giải quyết thách thức. Khi nhậm chức, để tìm kiếm sự ủng hộ cho những chính sách như vậy, Tổng thống Obama đã nhắc lại “khoảnh khắc Sputnik” của nước Mỹ. “Khoảnh khắc Sputnik” nguyên gốc trong lịch sử đã khiến hàng nghìn người Mỹ có động lực tham gia làm việc trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và các ngành kinh doanh có liên quan và kích thích cả nước đầu tư vào toán học, khoa học, công nghệ cũng như cải thiện cơ sở hạ tầng. Mục tiêu chính là không bị tụt hậu trước Liên Xô, ngoài ra Mỹ còn có một lợi ích khác là cập nhật công thức để đạt được sự thịnh vượng, nhờ đó nền kinh tế Mỹ càng trở nên sáng tạo và hiệu quả hơn.

Ngày nay, Mỹ không có đối thủ nào như vậy; nhưng chúng ta phải tìm ra cách nào đó có tác dụng giống như sự kiện Sputnik ngày trước: đó là tạo động lực để chúng ta thay đổi công thức thành công để đáp ứng được yêu cầu thời đại. Nói cho cùng thì hiện giờ chúng ta vẫn đang đi trên những con đường, những cây cầu được xây dựng từ thập niên 1950 hoặc thậm chí 1930. Chúng ta đang cắt giảm chi tiêu ở chính những trường đại học do Lincoln thành lập. Chúng ta đang học hỏi từ những phát minh đột phá của các nhà khoa học lấy cảm hứng từ chiến dịch chạy đua lên mặt trăng, hoặc của những người nhập cư vào Mỹ thập niên 1970 và được tư tưởng của Kennedy động viên khuyến khích. Nói một cách ngắn gọn, chúng ta đang sống dựa vào những thay đổi mới nhất trong công thức thành công từ nhiều năm trước. Trong gói kích thích kinh tế trị giá 787 tỷ dollar mà Quốc hội thông qua vào tháng 9/2009 chỉ có một vài khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và triển khai, còn phần lớn khoản tiền đối phó với cuộc khủng hoảng là để phục vụ cắt giảm thuế, chi bảo hiểm thất nghiệp và thực hiện một vài dự án cải tạo nhỏ xíu như hệ thống chiếu sáng các sân ga ở ga Penn, thành phố New York – và khi nó hoàn thành thì chúng ta sẽ càng nhìn thấy rõ hơn sự bần thủ, chật hẹp

và lạc hậu của nơi này. Công thức thành công có thời gian chờ phát huy tác dụng khá dài – thế hệ này đầu tư chính là thay mặt cho thế hệ khác. Nên khi chúng ta quyết định trì hoãn việc thay đổi công thức cho phù hợp thay vì đầu tư dài hạn vào nó thì tức là chúng ta đang từ chối không mang lại cho thế hệ sau công cụ cần thiết để con cháu chúng ta tiếp tục phát huy giấc mơ Mỹ.

Không may là cuộc tranh cãi chính trị ở Mỹ đã đi quá xa khỏi công thức hợp tác công-tư. Phe tự do cho rằng những rắc rối nước Mỹ gặp phải hoàn toàn do ngành tài chính Wall Street và các công ty lớn gây ra, nhưng lại ủng hộ việc chia cái bánh nền kinh tế đang nhỏ lại một cách công bằng. Phe bảo thủ thì khẳng định bí quyết dẫn đến tương lai tốt đẹp hơn rất đơn giản: chỉ cần nhắm mắt lại, gõ giày ba lần và nói “cắt giảm thuế”, thế là cái bánh nền kinh tế sẽ phình ra một cách kỳ diệu.

Chúng ta cần quay về bản chất vấn đề, thật nhanh chóng. Chúng ta cần đầu tư, cải thiện công thức thành công giống như những gì các thế hệ trước đã làm. Chúng ta đang bước vào thời kỳ bước ngoặt của nền kinh tế – thời kỳ mà Mỹ góp phần tạo ra nhiều hơn bất cứ nước nào khác. Giờ đây, chúng ta phải đảm bảo rằng mọi công dân, mọi công ty của Mỹ đều có đủ các kỹ năng và công cụ để vượt qua khúc quanh này.

PHẦN II

THÁCH THỨC VỀ
GIÁO DỤC

BỐN

Lơ lửng trên trời

Năm 2009 có một bộ phim ra đời phản ánh rất sinh động tác động của hai trong số bốn thách thức lớn nước Mỹ đang gặp phải: toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin. Đó là phim *Lơ lửng trên trời* (Up in the air), trong đó George Clooney đóng vai một “tư vấn chuyển việc”, người luôn bay khắp nước Mỹ để sa thải các nhân viên văn phòng dư thừa theo yêu cầu. Cuộc đời anh ta là chuỗi ngày bất tận và cô đơn ở khách sạn sân bay, phòng chờ máy bay của hành khách thân thiết, thủ tục kiểm tra an ninh và những tờ tạp chí trên máy bay. Trên đường đi, Clooney gặp một phiên bản khác phái của mình do Vera Farmiga thủ vai, cũng là một chiến binh cô đơn luôn di chuyển với vô số thẻ tín dụng các loại, quần áo loại không nhàu và va ly nhét vừa in ngăn hành lý trên máy bay. Chuyện tình cảm giữa họ nhắc chúng ta nhớ rằng bất cứ ai, ngay cả những người sống đơn độc cũng cần một người nào đó để yêu. Nhưng ngôi sao thực sự trong phim phải là nhân viên tập sự của Clooney do Anna Kendrick thủ vai – một cô gái 23 tuổi hết sức tự tin, một chuyên gia làm việc vô cùng hiệu quả với sáng kiến sa thải còn hay hơn cách làm của Clooney: thực hiện ngay tại văn phòng trung tâm với máy tính và Internet, vì vậy chuyên gia sa thải không còn cần phải bay khắp nơi, gặp mặt và tỏ thái độ thông cảm – điều mà nhân vật của Clooney làm rất tốt. Như Anthony Lane viết trong bài điểm phim đăng trên tờ *The New Yorker* (ngày 7/12/2009): “Bộ phim bắt đầu với một loạt người đang nói – về mặt và thái độ phản đối của những người vừa bị sa thải khi họ phải đối mặt với tin tức tồi tệ nhất trong đời. Nếu bạn thắc mắc tại sao trông họ không hề giống nghệ sỹ và có vẻ thất thần một cách chân thực đến thế thì câu trả lời là họ hoàn toàn không phải diễn viên phụ ở Hollywood, họ là những nạn nhân thực sự của nạn thất nghiệp ở St.Louis và Detroit”. Họ nhìn thẳng vào máy quay và phản ứng lại trước thông báo mà một kẻ nhẫn tâm y như Clooney vừa đưa

ra. Họ bày tỏ đủ kiểu thái độ, từ “Đây là kết quả 30 năm tôi làm cho công ty này phải không?” cho đến “Thế anh là thằng chó chết nào?”

Một câu hỏi tuyệt hay. Đây là dạng thô mộc của một vấn đề hết sức cơ bản mà nhiều người Mỹ đang thắc mắc.

Một trong những nội dung chính của phim là ngay cả người độc thân chuyên nghiệp thực ra cũng không muốn sống cô đơn. Nhưng phim còn có tư tưởng lớn hơn: chính sức mạnh của công nghệ, tự động hóa và thuê nhân công bên ngoài, những thứ đang tước đi công việc của những người mà Clooney phải sa thải cuối cùng cũng làm Clooney phải mất việc làm khi Kendrick và giải pháp áp dụng công nghệ đã giúp cô ta sa thải nhân viên hàng loạt. Có nghĩa là chủ đề lãng mạn của phim thì là không ai muốn sống cô đơn, nhưng thông điệp lớn hơn là *không ai chắc chắn được an toàn* – ngay cả người làm nghề sa thải người khác. Toàn cầu hóa kết hợp với công nghệ cuối cùng sẽ đụng chạm đến tất cả mọi người. Chúng mạnh hơn nhiều so với bất cứ cá nhân riêng lẻ nào. Chúng rất tàn bạo, vô nhân tính và không ai có thể né tránh được. Chúng đang khiến cho cả giai cấp công nhân Mỹ phải làm việc trong tư thế chên vênh. Tất cả chúng ta có nhiệm vụ phải hiểu hai xu hướng này đang ảnh hưởng lên cuộc sống của người Mỹ như thế nào và chúng ta – mỗi cá nhân và cả quốc gia – phải làm gì để khai thác chúng chứ không bị chúng cuốn đi.

Sự kết hợp

Hãy bắt đầu với một câu tường thuật đơn giản. Sự kết hợp giữa toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin trùng hợp với thời điểm chuyển từ thế kỷ 20 sang thế kỷ 21 đã thay đổi tất cả – mọi việc làm, mọi ngành công nghiệp, mọi ngành dịch vụ, mọi cơ quan các cấp. Chỉ sau một đêm, nó đã tạo ra những thị trường mới, những vấn đề kinh tế chính trị mới. Nó đòi hỏi con người phải có kỹ năng ở trình độ cao hơn mới tìm thấy và duy trì được việc làm tốt, đồng thời tăng sự cạnh tranh việc làm giữa tất cả mọi người trên toàn cầu. Nói một cách ngắn gọn, nó giúp chính trị trở nên minh bạch hơn, thế giới kết nối với nhau nhiều hơn, cạnh tranh việc làm – cả cổ trắng lẫn cổ xanh – trở nên khốc liệt hơn, những kẻ chuyên chế dễ bị tấn công hơn, còn mỗi cá nhân hay nhóm nhỏ lại có quyền lực lớn hơn. Sau đây là bốn mẫu tin ngẫu nhiên tóm tắt cho chúng ta biết điều gì đang xảy ra:

Tin thứ nhất từ châu Á. Một tờ báo của Ấn Độ là *Hindustan Times* (ngày 30/10/2010) đưa tin một công ty viễn thông Nepal vừa bắt đầu cung cấp dịch vụ mạng điện thoại di động thế hệ thứ ba (3G) trên Everest – ngọn núi cao nhất thế giới. Theo bài báo, sự kiện này sẽ “cho phép hàng nghìn người leo núi có thể truy cập Internet tốc độ cao và gọi điện kèm hình ảnh bằng điện thoại di động”. Tiếp theo câu chuyện, hãng tin BBC nhận thấy đây là bước tiến dài so với năm 1953, khi Edmund Hillary lần đầu tiên leo lên đỉnh Everest và phải “nhờ người chạy bộ đưa tin về chuyến thám hiểm của ông đến trạm điện báo gần nhất”.

Bạn có thể hình dung những cuộc điện thoại như sau: “Chào mẹ! Mẹ không đoán được con đang gọi cho mẹ từ đâu đâu...”

Cũng trong tháng đó, trên trang kính tế của các tờ báo Mỹ xuất hiện tin công ty Applied Materials có trụ sở ở Thung lũng Silicon, chuyên chế tạo những tấm phim mỏng dùng trong pin năng lượng mặt trời đã thành lập trung tâm nghiên cứu và triển khai năng lượng mặt trời lớn nhất thế giới ở Tây An, Trung Quốc. Ban đầu, Applied Materials tìm kiếm ứng viên cho 260 vị trí nhà khoa học/ chuyên gia công nghệ ở Tây An. Howard Clabo, phát ngôn viên của công ty cho biết trung tâm ở Tây An nhận được khoảng 26.000 hồ sơ xin việc của người Trung Quốc và họ đã tuyển 330 người, trong đó 31% có bằng thạc sỹ hoặc tiến sỹ. Clabo giải thích: “Năm ngoái, khoảng 50% tấm pin mặt trời trên thế giới được sản xuất ở Trung Quốc. Chúng tôi phải có mặt ở nơi có khách hàng”.

Câu chuyện thứ ba xoay quanh câu trả lời cho một câu hỏi. Tổng thống Obama đã từng hỏi Steve Jobs, đồng sáng lập viên Apple, rằng tại sao Apple lại sản xuất hầu như mọi sản phẩm ở Trung Quốc. Cuộc trao đổi đã được đăng trên *New York Times* vào ngày 21/01/2012:

“Khi Barack Obama dùng bữa tối cùng các nhân vật hàng đầu của Thung lũng Silicon ở California vào tháng 2 rồi, mỗi vị khách được yêu cầu chuẩn bị một câu hỏi cho tổng thống. Nhưng khi Steven P. Jobs của Apple nói, Tổng thống Obama đã ngắt ngang bằng một câu hỏi: phải làm gì để iPhone được sản xuất ở Mỹ? Trước đây không lâu, Apple đã quảng cáo rằng các sản phẩm của mình được làm tại Mỹ. Ngày nay, rất ít sản phẩm còn được làm tại Mỹ. Gần như toàn bộ 70 triệu máy iPhone, 30 triệu máy iPad và 59 triệu sản phẩm khác mà Apple bán vào năm ngoái được sản xuất ở nước ngoài.

Obama hỏi tại sao không đem công việc này trở về nước Mỹ được? Câu trả lời của Jobs rất rõ ràng. Theo một vị khách khác thì ông đã nói, “Những công việc này sẽ không trở lại”.

Câu hỏi của tổng thống đã chạm vào niềm tin cơ bản ở Apple. Không chỉ là chuyện nhân công ở nước ngoài rẻ hơn. Vấn đề là ở chỗ các nhà quản lý của Apple tin rằng quy mô lớn của các nhà máy ở nước ngoài cũng như sự linh hoạt, siêng năng và kỹ năng công nghiệp của công nhân nước ngoài vượt xa công nhân Mỹ đến nỗi “Làm tại Mỹ” không còn là một lựa chọn khả dĩ cho hầu hết các sản phẩm Apple. Apple đã trở thành một trong những công ty nổi tiếng nhất, được khâm phục nhất và bị bắt chước nhiều nhất trên thế giới, một phần nhờ khả năng luôn luôn tận dụng được quá trình vận hành trên toàn cầu. Năm ngoái, công ty đạt lợi nhuận 400.000 dollar/công nhân, cao hơn cả Goldman Sachs, Exxon Mobil hay Google. Tuy nhiên, điều đã làm Obama cũng như các nhà kinh tế và nhà hoạch định chính sách phiền lòng là Apple – và nhiều công ty kỹ thuật cao khác – hầu như không mặn mà với việc tạo ra việc làm tại Mỹ như các công ty nổi tiếng khác đã từng làm vào thời hoàng kim của họ.

Apple hiện sử dụng 43.000 nhân công tại Mỹ và 20.000 ở nước ngoài, một con số rất nhỏ nếu so với hơn 400.000 công nhân Mỹ tại General Motors vào thập niên 1950, hay hàng trăm ngàn tại General Electric vào thập niên 1980. Số người làm việc cho các nhà thầu của Apple lại nhiều hơn: có 700.000 người khác thiết kế, chế tạo và lắp ráp iPad, iPhone và các sản phẩm khác của Apple. Nhưng hầu như không có ai làm tại Mỹ mà họ làm cho các công ty nước ngoài tại châu Á, châu Âu và các nơi khác, tại các nhà máy mà hầu như tất cả các hãng điện tử đặt sản xuất các sản phẩm của mình... Một cựu quản lý đã mô tả công ty dựa vào một nhà máy Trung Quốc [Foxconn] để sửa sang lại sản phẩm iPhone chỉ vài tuần trước khi thiết bị này xuất hiện tại cửa hàng. Apple đã thiết kế lại màn hình của iPhone vào phút cuối, khiến cả dây chuyền lắp ráp phải điều chỉnh. Các màn hình mới bắt đầu được chuyển đến nhà máy vào gần nửa đêm. Theo nhà quản lý trên thì một quản đốc lập tức đánh thức 8.000 công nhân trong ký túc xá của công ty. Mỗi công nhân được phát cho một cái bánh bích quy và một tách trà, dẫn đến xướng và nửa tiếng sau thì bắt đầu một ca làm việc 12 tiếng lắp màn hình thủy tinh vào khung vỏ máy. Trong vòng 96 tiếng, nhà máy đã sản xuất trên 10.000 iPhone một ngày. Vị quản lý nói, “Tốc độ và sự linh hoạt thật ngoạn mục. Không có nhà máy nào ở Mỹ có thể sánh được”.

Tin thứ tư là một câu chuyện vào ngày 13 tháng 7 trên *Adweek* về cách thức [công ty cung cấp dịch vụ video trực tuyến] Netflix đã đối mặt với một cuộc nổi loạn của khách hàng mà trên nhiều phương diện giống với những cuộc phản đối mà Tổng thống Nga Vladimir Putin đã gặp phải khi ông quyết

định ra tranh cử nhiệm kỳ thứ ba mà không tham khảo ý kiến người dân. Câu chuyện như sau: “Ngày hôm qua Netflix tuyên bố tăng giá mạnh, khiến cho các thuê bao nổi điên. Các khách hàng sẽ không còn có thể chỉ trả 9,99 dollar mỗi tháng để xem đĩa DVD trực tuyến không giới hạn – họ sẽ phải trả 7,99 dollar cho mỗi DVD. Hiện nay, hàng ngàn thuê bao giận dữ của Netflix đang lên mạng phản đối mức phí mới này. Theo *New York Post*, những khách hàng giận dữ đã tấn công tổng giám đốc điều hành Reed Hastings của Netflix trên mạng, gọi ông là Greed Hastings (Hastings tham lam) trên các diễn đàn bằng tin nhắn và các trang mạng xã hội như Facebook và Twitter. Chủ đề tuyên bố tăng phí trên trang Facebook của Netflix đã có hơn 30.000 ý kiến từ các thành viên của trang, tất cả đều là phản đối... Mọi người đăng địa chỉ liên lạc lên trang Facebook của Netflix, từ địa chỉ thư điện tử công ty của Hastings cho đến số điện thoại và địa chỉ văn phòng chính của Netflix, để khuyến khích các khách hàng giận dữ khác liên lạc với công ty này và ‘lên tiếng’”,

Một tuần sau, sau khi mất 800.000 khách hàng gần như chỉ trong một đêm, Netflix đã rút lại kế hoạch mới đó. Trong một bức thư cho các cổ đông, Netflix đã xác nhận rằng mình đã xử lý không tốt vấn đề thông tin về việc tăng giá: “Cả 7,99 dollar cho việc xem phim trực tuyến không giới hạn và 7,99 dollar cho việc xem không hạn chế đĩa DVD đều là những mức giá thấp, so với mức giá cạnh tranh và giá trị của các dịch vụ, và trong dài hạn thì đó là mức phù hợp đối với Netflix. Chỉ có điều chúng ta đã nhận định sai về tốc độ tiến đến mức giá đó. Chúng ta đã làm tình thế tồi tệ hơn khi giải thích không đầy đủ về việc chi phí mở rộng nội dung xem trực tuyến tăng, chi phí DVD tăng, vì thế... nhiều người đã coi chúng ta là tham lam”.

Câu chuyện thứ nhất về ngọn Everest cho chúng ta thấy mạng lưới công nghệ thông tin – thứ thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa – đã phát triển nhanh và rộng đến mức nào chỉ trong năm năm qua. Mỗi ngày, các công dân, chính phủ, doanh nghiệp, kẻ khủng bố, và giờ đây cả các đỉnh núi trên khắp thế giới đang được kết nối với nhau trong một mạng lưới chặt chẽ hơn bao giờ hết, khiến cho ngày càng có thêm nhiều người ở nhiều nơi được tiếp cận với công cụ kết nối, sáng tạo và hợp tác có chi phí thấp.

Câu chuyện thứ hai cho chúng ta biết tất cả những sự kết nối này đang dẫn tới hình thành một nhóm người lao động mới gia nhập vào thị trường toàn cầu. Trong quá trình đó, nó đặt nước Mỹ trước sự cạnh tranh của một nhóm người lao động với quy mô lớn chưa từng thấy: *họ có trình độ cao nhưng chỉ cần mức lương thấp*. Chúng ta đã quen với giới công nhân trình

độ thấp, lương thấp vốn rất đồng đều. Nhưng người lao động có trình độ cao mà lương thấp thì thuộc một nhóm hoàn toàn khác biệt và chúng ta phải tìm cách thích ứng với họ.

Câu chuyện về hãng Apple cho thấy tại sao ngành sản xuất duy nhất mà nước Mỹ có thể tiếp tục duy trì ở quy mô lớn là sản xuất kỹ thuật cao, nó đem lại lương cao hơn nhiều nhưng cũng đòi hỏi trình độ cao hơn trung học nhiều – trong khi cách đây hai thập kỷ thì có bằng trung học là đủ để một người có thể làm việc ở nhà máy

Câu chuyện thứ tư về Netflix cho chúng ta thấy ngày càng có nhiều khách hàng và công dân đang sở hữu những công cụ giao tiếp và hợp tác trên toàn cầu nhờ sự kết hợp giữa toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin. Nhờ đó, họ có thể hợp tác để san bằng thứ bậc, thách thức giới lãnh đạo – cả người điều hành công ty lẫn các lãnh tụ chính trị, từ thế giới Ả Rập, Nga đến thế giới tài chính Wall Street, điều mà trước đây chưa bao giờ xảy ra. Và giới lãnh đạo buộc phải thích ứng với hoàn cảnh mới. Thời kỳ lãnh đạo đất nước hoặc công ty “bằng những cuộc đàm thoại một chiều đã qua” – lời Dov Seidman, tổng giám đốc điều hành LRN, công ty chuyên hỗ trợ các công ty khác xây dựng văn hóa kinh doanh bền vững, đồng thời ông còn là tác giả cuốn: *Tại sao cách thức chúng ta làm mọi việc lại có tầm quan trọng quyết định* (How: Why How We Do Anything Means Everything). Hệ thống “mệnh lệnh và kiểm soát” cũ với cây gậy và củ cà rốt nhằm áp đặt quyền lực lên người khác đang nhanh chóng bị thay thế bởi hệ thống “kết nối và hợp tác” nhằm hình thành quyền lực *thông qua* người khác”. Seidman nói thêm: Giới lãnh đạo không thể chỉ áp đặt mong muốn của họ. “Giờ đây bạn phải đối thoại hai chiều nhằm kết nối sâu sắc với công dân, khách hàng hoặc nhân viên của bạn... Những công dân, nhân viên đó đang nhìn vào từng người lãnh đạo và nói: “Chúng tôi có nhiều quyền lực hơn ông nghĩ, và ông không mạnh như ông tưởng”.

Khi bạn kết hợp tất cả các thay đổi này lại với nhau, kết quả là rất nhiều lợi thế về cấu trúc mà Mỹ có được trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh đã biến mất. Đúng thế, Mỹ vẫn có rất nhiều đất đai để sản xuất nông nghiệp, một chuỗi các thành phố cảng mà không nước nào có và nguồn tài nguyên thiên nhiên khổng lồ trong nước. Nhưng chỉ những thứ đó thì chưa đủ để tăng GDP, nhất là khi bạn nghĩ về một thứ mà nước Mỹ chúng ta đã đánh mất: sự vượt trội. Mỹ nổi lên từ Thế chiến thứ hai với tư cách là nền kinh tế lớn duy nhất với nền tảng công nghiệp còn nguyên vẹn. Châu Âu và Nhật cuối cùng cũng bắt kịp, nhưng các nước lớn khác không thực sự tham gia cuộc cạnh tranh. Trung

Quốc gần như bế quan tỏa cảng, tiềm năng của họ đã bị chệch hướng bởi tư tưởng của Mao và cuộc cách mạng văn hóa. Ấn Độ bót khép kín hơn, nhưng giới lãnh đạo của họ lại hài lòng với tốc độ tăng trưởng kinh tế 2% mỗi năm. Brazil đóng cửa một phần nền kinh tế và gặp bất lợi với chính sách kinh tế theo kiểu dân túy. Các công ty ở Hàn Quốc và Đài Loan chỉ tập trung vào sản phẩm nhựa rẻ tiền, hàng điện tử dân dụng và dệt may mặc dù sau này họ có thêm sản phẩm bán dẫn. Mỹ có thể thu hút được những tài năng trí tuệ lớn nhất từ Ấn Độ, Trung Quốc, các nước Ả Rập và Nam Mỹ, nơi họ không có nhiều cơ hội để thực hiện những phát minh táo bạo hoặc nghiên cứu lý thuyết. Các công ty tài chính ở Wall Street thống trị thị trường thế giới và Mỹ là nước duy nhất có hệ thống đầu tư vốn mạo hiểm hoàn chỉnh. Không phải người Mỹ không làm việc chăm chỉ hay mức sống cao ở Mỹ chỉ là may mắn có được. Chúng ta đã thực sự làm việc tích cực. Thành công của chúng ta được dựa trên những sáng tạo thực sự, giáo dục thực sự, nghiên cứu thực sự, thị trường thực sự và tăng trưởng thực sự. *Nhưng* sân chơi thế giới cũng thuận lợi cho chúng ta nữa. Giờ đây chúng ta phải cố gắng để duy trì những ưu điểm đó trong điều kiện không còn những lợi thế về cấu trúc. Con cái chúng ta sẽ chỉ biết đến một thế giới thuận lợi cho nước Mỹ khi đọc sách lịch sử. Sự kết hợp giữa toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin có thể khiến chúng ta trở nên giàu hơn hoặc nghèo đi. Điều đó phụ thuộc vào chúng ta, vào việc chúng ta hiểu cái thế giới mới do chính chúng ta tạo ra có đúng không và phản ứng với nó có hiệu quả không.

Thế giới phẳng 1.0

Toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin đang hòa lẫn hoàn toàn với nhau, cái này bị ảnh hưởng bởi cái kia. Các công nghệ mới đang xóa nhòa đường biên giới, phá vỡ tường ngăn và kết nối tất cả những ai trước kia chưa từng được kết nối. Rồi các cá nhân, công ty và chính phủ khi được kết nối với nhau lại xây dựng nên mạng lưới thương mại, đầu tư, sáng tạo và hợp tác, qua đó tạo ra thêm thị trường và nhu cầu đối với công nghệ để kết nối thêm nhiều người hơn với chi phí thấp hơn. Tất cả đang diễn ra rất nhanh, nhưng rõ ràng là vào một thời điểm nào đó của năm 2000, rất nhiều người ở rất nhiều nơi nhận thấy họ đang làm việc với những người mà họ chưa từng hợp tác trước đó – đó có thể là mẹ của Tom và bạn chơi bài bridge của bà ở Siberia hay chủ một trạm xăng địa phương đã tìm ra nhà cung cấp lốp xe mới

rẻ hơn ở Panama thông qua Internet. Đồng thời, chính những người này lại thấy họ đang bị tác động bởi những người chưa từng ảnh hưởng đến họ – đó có thể là một giọng nói Ấn Độ trong cuộc gọi từ trung tâm dịch vụ qua điện thoại đặt ở Bangalore với mục đích thuyết phục họ dùng thẻ tín dụng Visa hay một sinh viên Trung Quốc ở Thượng Hải vừa được nhận vào học ở nơi họ luôn ao ước là Harvard.

Tất cả những gì họ cảm thấy là *thế giới phẳng* (cũng là tên cuốn sách của Tom năm 2005), tức là có thêm nhiều người đột nhiên tham gia cạnh tranh, kết nối và hợp tác với thêm nhiều người khác ở nhiều nơi khác nhau với chi phí thấp hơn, phương tiện dễ dàng hơn lúc nào hết trong lịch sử. Quá trình phẳng hóa thế giới mà sau sẽ ảnh hưởng lên các công ty, trường học, quân đội, nhóm khủng bố, chính phủ và hơn cả là cá nhân người lao động trên toàn cầu là sản phẩm của ba xu hướng mạnh mẽ cùng diễn ra vào cuối thập niên 1980 và thiên niên kỷ mới.

Thứ nhất là máy tính cá nhân. Nó cho phép ngày càng nhiều người tạo ra từ ngữ, sách vở, phép tính, chương trình, ảnh, dữ liệu, bảng tính, âm nhạc, ứng dụng và video của riêng mình dưới dạng số hóa. Con người vẫn tạo ra cái mà hiện nay chúng ta gọi là “tư liệu” từ thời những người sống trong hang đá bắt đầu vẽ lên tường. Nhưng với máy tính cá nhân, họ có thể tạo ra tư liệu dưới dạng số hóa, và một khi tư liệu được lưu bằng bit và byte thì con người có thể sử dụng chúng theo rất nhiều cách khác nhau.

Thứ hai là Internet và World Wide Web đã mở rộng khắp thế giới từ cuối thập niên 1990. Chúng đột nhiên khiến con người có khả năng gửi tư liệu số hóa của họ đi rất, rất nhiều nơi để chia sẻ và hợp tác làm việc với rất, rất nhiều người, trong khi đó chi phí tiếp cận với máy tính và Internet lại thấp.

Thứ ba và đồng thời với hai xu hướng trên, có một cuộc cách mạng trầm lặng nhưng vô cùng quan trọng đã diễn ra. Đó là cách mạng trong ngôn ngữ lập trình phần mềm và giao thức truyền dữ liệu với những cái tên như HTML, HTTP, XML, SOAP, AJAX, EDI, FTP, SSH, SFTP, VAN, SMTP và AS2. Bạn không cần biết chúng viết tắt cho từ gì, bạn chỉ cần biết là khi đi với nhau, hỗn hợp các chữ cái này đã khiến máy tính để bàn, máy tính xách tay, điện thoại thông minh Blackberry và iPhone, máy tính bảng iPad và các loại điện thoại di động không tên tuổi của Trung Quốc và Ấn Độ của người này có khả năng kết hợp vận hành với các thiết bị tương tự của người khác. Chúng ta gọi nó là “cách mạng quy trình làm việc” vì nó khiến cho tư liệu số di chuyển dễ dàng theo mọi hướng. Kết quả là bất cứ ai cũng có thể bật máy tính hoặc mở

điện thoại để gửi một tập tin PDF, viết thư điện tử cho bạn bè, nhấn tin cho đồng nghiệp hoặc chuyển một tấm ảnh, và người đó biết rằng tất cả những gì mình nói, nhấn gửi, quay video hay biến thành dạng Powerpoint đều có thể đến được bất cứ nơi nào trên thế giới và ở đâu cũng tiếp cận được, cho dù người gửi và người nhận sử dụng loại máy tính và phần mềm nào đi nữa. Ngày nay chúng ta thấy chuyện đó rất tự nhiên, nhưng đây thực sự là là cuộc cách mạng ở thời điểm mà rất nhiều người sử dụng đủ loại máy móc khác nhau với hệ điều hành và phần mềm khác nhau.

Khi kết hợp ba phát minh này với nhau, kết quả thu được là chỉ trong một thập kỷ, mọi người ở Boston, Bangkok, Bangalore, Mumbai, Manhattan và Moscow đều trở thành hàng xóm của nhau. Có khoảng hai tỷ người đột nhiên thấy mình có năng lực mới giúp cá nhân họ có thể giao tiếp, cạnh tranh và hợp tác trên phạm vi toàn cầu. Nếu trước kia, hầu như chỉ có các quốc gia và các công ty có thể hoạt động trên quy mô này thì khi thế giới trở nên phẳng, ngày càng nhiều cá nhân cũng có thể giao tiếp với mọi người trên khắp thế giới hàng ngày.

Thế giới phẳng 2.0

Theo Hiệp hội Viễn thông quốc tế (ITU), một cơ quan thuộc Liên hiệp quốc, đến giữa năm 2012 thế giới có khoảng 6 tỷ thuê bao điện thoại di động. Hành tinh này có 7 tỷ người. Vì năm 2002 chúng ta chỉ có khoảng 1 tỷ thuê bao di động nên rõ ràng con số này đã tăng với tốc độ chóng mặt, trong đó phần lớn thuê bao mới là từ các nước đang phát triển. Ví dụ, mỗi tháng Ấn Độ có thêm 15 đến 18 triệu người sử dụng điện thoại di động. Theo trang web mobithinking.com chuyên nghiên cứu về ngành này, Ấn Độ và Trung Quốc đã tăng thêm 300 triệu thuê bao di động mới chỉ riêng năm 2010 – cao hơn tổng số thuê bao di động tại Mỹ. ITU cho biết hiện nay có khoảng 25% dân số thế giới sử dụng Internet so với 12% năm 2002. Mỗi ngày có hàng triệu hoạt động giao tiếp và hợp tác diễn ra ở mọi nơi, giữa những người mà chỉ năm năm trước đây chưa từng có liên hệ với nhau. Chúng ta đã biết cuối cùng mọi chuyện dẫn đến đâu: đó là cả thế giới đã kết nối với Internet thông qua điện thoại di động, điện thoại thông minh hoặc máy tính cá nhân truyền thống chỉ trong vòng một thập kỷ.

“Ngày nào tôi cũng gọi điện cho mẹ tôi đang sống ở Karachi. Tôi dùng phần mềm Skype, còn mẹ tôi dùng điện thoại thường. Giá cước rất rẻ, gần

như cho không”. Raziuddin Syed, kỹ sư công nghệ thông tin cao cấp đang làm việc ở Tampa, Florida kể với báo *Dawn* của Pakistan (ngày 20/02/2011) như vậy. Syed “làm việc cho một công ty kế toán quốc tế nhờ vào máy tính xách tay có kết nối với Internet và công nghệ truyền giọng nói trên giao thức IP (VoIP). ‘Năm năm trước, giá cước điện thoại, đặc biệt là VoIP đắt hơn hiện giờ rất nhiều. Nếu các thành viên của dịch vụ Skype gọi điện cho nhau thì được miễn phí, còn nếu họ gọi sang mạng điện thoại có dây hoặc không dây thì giá cước mỗi phút cũng rất thấp’, Syed cho biết thêm”.

Nói cách khác, kể từ khi Tom bắt tay vào viết cuốn sách *Thế giới phẳng* vào năm 2004, thế giới lại trở nên ngày càng phẳng hơn. Chúng ta đã tiến xa và nhanh đến mức nào? Khi Tom xuất bản *Thế giới phẳng* vào năm 2005, Facebook còn chưa được đề cập đến. Nó mới được tung ra và chỉ là một hiện tượng rất nhỏ. Thực tế là hồi năm 2005, với phần lớn mọi người, Facebook chưa hề tồn tại. “Twitter” là từ chỉ âm thanh, “đám mây” là một thứ chỉ tồn tại trên trời, “4G” nghĩa là nơi đỗ xe, “apps” là hồ sơ bạn nộp để xin học ở trường đại học, “Linked-In” là một nhà tù, còn đối với đa số mọi người “Skype” là một từ bị gõ sai chính tả. Tất cả những điều này trôi dạt và lan rộng chỉ trong vòng sáu năm qua.

Tất cả kết hợp với nhau đã tăng thêm đáng kể những công cụ cho chúng ta để cạnh tranh, kết nối và phối hợp. Thực tế là có quá nhiều công nghệ, dịch vụ mới ra đời khiến chúng ta phải đi đến lập luận cho rằng vào khoảng năm 2010, chúng ta sẽ bước vào Thế giới phẳng 2.0 – một bước phát triển mới xứng đáng được ghi nhận. Đó là vì Thế giới phẳng 2.0 là tất cả những gì Thế giới phẳng 1.0 có, nhưng có thêm nhiều người hơn có khả năng kết nối vào sân chơi phẳng, nhiều người hơn có thể giao tiếp với những người đã tham gia kết nối khác, nhiều người hơn có đủ sức mạnh để tìm kiếm những người có tư tưởng tương đồng để hợp tác dựa trên giá trị, lợi ích, ý tưởng chung. Họ có thể cùng ủng hộ một chính trị gia, cùng hâm mộ một nhóm nhạc rock, cùng phát minh ra một sản phẩm hoặc cùng tiến hành một cuộc cách mạng.

Chúng ta hãy nhìn nhận thế này: Thế giới phẳng 1.0 được hình thành dựa trên mối quan hệ giữa máy tính cá nhân và máy chủ. Để tham gia thế giới 1.0, phần lớn mọi người phải sử dụng máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn, thường được kết nối bằng dây mạng hoặc cáp quang tới một máy chủ Internet ở đâu đó. Việc kết nối không được di động lắm, và chi phí để kết nối đã khiến một số người không đủ khả năng tham gia. Bạn phải có đủ

tiền để mua máy tính, hoặc thuê một chiếc ở quán café Internet, hoặc dùng máy tính ở cơ quan. Quá trình xâm nhập của Internet diễn ra trên toàn thế giới, theo nghĩa này, nó thực sự làm thế giới phẳng hơn nhờ dây mạng và cáp quang trên đất liền và dưới biển nhanh chóng trở nên phổ biến. Nhưng nó cũng có xu hướng chỉ kết nối người dân ở khu vực thành thị với nhau và ít quan tâm hơn đến người dân sống ở làng mạc, nông thôn, nơi thu nhập chỉ ở mức tối thiểu.

Thế giới phẳng 1.0 có sức mạnh đặc biệt không chỉ ở chỗ nó cho phép mỗi cá nhân tham gia đối thoại trên toàn thế giới thông qua thư điện tử mà còn giúp con người cùng làm việc với nhau để sản xuất, mua và bán hàng hóa từ nhiều nơi hơn bao giờ hết. Nó cho phép Boeing có thể chế tạo từng phần của máy bay 777 nhờ một nhóm người bao gồm các nhà thiết kế ở Moscow, các công ty chế tạo ở Trung Quốc và các nhà sản xuất thiết bị điện tử điều khiển ở Wichita. Nó cho phép mọi người có thể thuê ngoài mọi dịch vụ, từ đọc kết quả chụp X quang đến tìm kiếm hành lý bị mất trên chuyến bay của hãng Delta. Nó đem lại những đột phá lớn trong đào tạo, giải trí, xuất bản và thương mại điện tử và thực sự tăng tính đa dạng văn hóa cho thế giới chứ không hề làm xói mòn văn hóa. Và nó cho phép các cá nhân đẩy mạnh hợp tác trên toàn cầu, nhờ đó một “đám đông” có thể cùng nhau viết và đưa mọi thứ lên mạng, từ bách khoa toàn thư (Wikipedia) đến hệ điều hành máy tính mới (Linux).

Thế giới phẳng 2.0 vẫn đang làm tất cả những việc đó và còn hơn thế nữa. Jeff Bezos, người sáng lập kiêm tổng giám đốc điều hành của Amazon.com đã nói với tạp chí *The Economist* vào tháng 3/2012: “Trong vài năm gần đây, tốc độ thay đổi công nghệ lại tăng nhanh”. Nó đang đi lên với sự phổ biến của nhiều máy tính cá nhân hơn (năm 2010, đã có hơn 350 triệu chiếc được bán ra); sự ra đời của các loại điện thoại thông minh có thể dùng để nhắn tin, truy cập các trang web, quay phim chụp ảnh, cũng như kết nối không dây thay vì phải dùng dây mạng để cả những cộng đồng xa xôi cũng vào được mạng; và sự xuất hiện của nhiều mạng xã hội mới cho phép con người hợp tác với nhau trên ngày càng nhiều mặt. Và tất cả những hoạt động này giờ đây được hỗ trợ thêm bởi hàng loạt phần mềm ứng dụng mới được lưu trữ trên những cụm máy chủ khổng lồ liên kết với nhau, được gọi chung là “đám mây”.

Đám mây thực sự là một thứ “mới tinh”. Nó chứa tất cả các chương trình phần mềm và tất cả các ứng dụng mà bạn có thể tưởng tượng ra – từ hướng

dẫn theo dõi các loài chim ở Nam Phi đến hướng dẫn đầu tư ở Wall Street – và được cập nhật liên tục từng giây. Cái đẹp của đám mây này và lý do khiến nó làm thế giới ngày càng phẳng hơn một cách nhanh hơn là nó có thể biến một máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc một thiết bị cầm tay đơn giản bất kỳ có trình duyệt web thành một trạm sáng-tạo-thông-tin hoặc tiêu-thụ-thông-tin vì nó là trung tâm chứa vô số các ứng dụng có thể chạy trên từng thiết bị cá nhân riêng lẻ.

Ví dụ, Amazon.com hiện không chỉ bán sách và cửa máy mà còn bán các ứng dụng phục vụ sản xuất kinh doanh có trong đám mây. Andy Jassy là phó tổng giám đốc Amazon, phụ trách Amazon Web Services. Như tuần báo *Bloomberg Businessweek* (ngày 03/3/2011) giải thích, nhiệm vụ của anh là cho các công ty hoặc các nhà sáng chế thuê chỗ trên đám-mây-cho-thuê của Amazon.

Mặc dù tất cả mọi người đều được chào đón, nhưng dịch vụ này của Amazon – theo lời Jassy – hướng đến khách hàng là doanh nghiệp và Amazon không đề rõ dịch vụ này trên trang web chủ. Amazon Web Services hay AWS... là dịch vụ cho thuê công suất làm việc của máy tính với giá chỉ vài xu một giờ. “Dịch vụ này đã hoàn toàn san phẳng sân chơi”, Jassy nói. AWS giúp cho bất kỳ ai có kết nối Internet và có thể tin dụng đều có thể tiếp cận với hệ thống máy tính đẳng cấp thế giới như nhau, chính là hệ thống mà Amazon đang sử dụng cho hoạt động bán lẻ với chi phí vận hành lên tới 34 tỷ dollar một năm... AWS đang phát triển như vũ bão. Mặc dù Jassy không tiết lộ con số chính xác nhưng anh cho biết có “hàng trăm ngàn khách hàng” đã sử dụng dịch vụ này. Và các nhà phân tích ước tính trong năm nay Amazon sẽ kiếm được khoảng 750 triệu dollar nhờ AWS. Thực tế là cả một thế hệ các công ty Internet sẽ không thể tồn tại nếu thiếu AWS. Để chế phim trực tuyến Netflix vận hành nhờ nó. Zynga, công ty trò chơi điện tử xã hội dùng nó để đáp ứng khách hàng khi cầu tăng đột biến. AWS cũng đã trở thành một phần trong cuộc sống của các doanh nghiệp mới thành lập ở Thung lũng Silicon, đến mức các nhà đầu tư vốn mạo hiểm thường tặng thẻ mua quà của Amazon cho các doanh nghiệp. Để đáp ứng được nhu cầu của thị trường thì phải liên tục mở rộng. Mỗi ngày, Jassy bổ sung thêm một lượng công suất máy tính hoạt động đủ để phục vụ nguyên tập đoàn Amazon thời năm 2000 với doanh thu 2,8 tỷ dollar. Sự mở rộng của tất cả lượng dữ liệu đó diễn ra trong những tòa nhà khổng lồ, được thiết

kế đặc biệt của Amazon. Tòa lớn nhất có diện tích lên tới hơn 65.000 m², tương đương với 16 sân bóng. Các thiết bị được kết nối với nhau này nằm rải rác trên khắp thế giới và chính là nơi AWS hoạt động kinh doanh: điện toán đám mây. Từ “đám mây” chỉ vô số tác vụ không định hình, không thể nhìn thấy, không thể hình dung đang diễn ra trên máy tính của người khác.

Mặc dù đám mây mới đang trong thời kỳ sơ khai, nhưng nhờ công nghệ này và khả năng kết nối không dây mà riêng trong năm 2009, lưu lượng dữ liệu trên toàn thế giới đã tăng 50%. “Càng nhiều người được kết nối thì càng có thêm nhiều người tham gia kết nối” – lời Léo Apotheker, cựu tổng giám đốc điều hành Hewlett-Packard. “Nhờ đó tạo nên hiệu ứng mạng lưới, làm thế giới càng phẳng thêm mỗi ngày”.

Thực tế là mỗi ngày, thêm nhiều đặc tính trước đây chỉ riêng có của máy tính cá nhân giờ cũng xuất hiện trên điện thoại và máy tính bảng. Đúng là đa phần mọi người không sở hữu điện thoại thông minh. Nhưng bạn có thể thấy trong tương lai, điện thoại sẽ thông minh. Sẽ xuất hiện những chiếc điện thoại có thể truy cập web và quay video ở mọi nơi, dành cho mọi người – và sẽ sớm hơn bạn nghĩ. Kết quả là sẽ có thêm hai tỷ người nữa tham gia giao tiếp trên toàn cầu và hợp tác trên sân chơi toàn cầu. Rất nhiều người trong số họ chỉ cần biết thò tay lấy điện thoại và gõ phím chứ không phải thuê, mua máy tính hay học bất cứ ngôn ngữ lập trình nào cả.

Tóm lại: Thế giới phẳng 1.0 tồn tại từ khoảng năm 1995 đến 2005 đã khiến Boston và Bangalore trở thành hàng xóm của nhau. Thế giới phẳng 2.0 tồn tại từ năm 2005 đến nay đang khiến Boston, Bangalore và Sirsi trở thành hàng xóm của nhau. Sirsi là nơi nào? Đó là một trung tâm thương mại nông nghiệp có 90.000 dân, cách Bangalore khoảng 443 km, nằm ở vùng nông thôn Ấn Độ. Và điều này đang diễn ra khắp nơi, trên mọi quốc gia.

Trong Thế giới phẳng 1.0, theo Alan Cohen, phó chủ tịch phụ trách tiếp thị của Nicira, một công ty mạng phần mềm mới sống nhờ đám mây trên mạng thì “mọi người đều là người tiêu dùng hàng hóa và thông tin trong cái đang trở thành thị trường người tiêu dùng cuối cùng. Bạn có thể mua bất cứ thứ gì, từ bất cứ ai, ở bất cứ đâu”. Một số người cũng có thể trở thành nhà sản xuất hàng hóa và thông tin (đó là những người chưa bao giờ nghĩ mình có thể làm như vậy), lập trang web riêng hoặc tải lên mạng và chia sẻ ý kiến, âm nhạc, tranh ảnh, phần mềm hoặc bài viết về kiến thức chung của họ. Hệ thống kết nối của Thế giới phẳng 2.0 mới rất rẻ và di động này giúp hiện

tượng nói trên liên tục mở rộng đến những vùng xa xôi nhất, đưa một nhóm người hoàn toàn mới nữa tham gia cuộc chơi. Kết quả chỉ là càng có thêm nhiều phát minh trên mọi lĩnh vực xuất hiện nhanh hơn. Cohen nói: “Hãy tưởng tượng họ sẽ sản xuất ra những gì. Đám mây giống như một xưởng sản xuất chung khổng lồ, nơi bất cứ ai muốn làm ra thứ gì đó đều có thể đến, thuê công cụ làm việc với giá gần như bằng không... [Điều đó] có nghĩa là bất cứ ai cũng có thể có nguồn lực máy tính của Google và thuê theo giờ”. Theo Cohen, điều này nghĩa là các công ty cũ sẽ đổi mới nhanh hơn, công ty nhỏ phát triển thành lớn nhanh hơn, sản phẩm đất tiền sẽ trở nên rẻ đi nhanh hơn, những công ty lớn sẽ phải điều chỉnh nhanh hơn. Nó cũng có nghĩa là bạn có thể khởi đầu nhanh hơn, thành công nhanh hơn và lụn bại nhanh hơn.

Nếu Thế giới phẳng 1.0 có đặc thù là con người làm ra hàng hóa và dịch vụ trên nền tảng toàn cầu mới thì Thế giới phẳng 2.0 là tất cả những điều đó cộng thêm việc con người có thể đưa ra và chia sẻ ý tưởng cũng trên một nền tảng chung. Craig Mundie, giám đốc điều hành chiến lược và nghiên cứu của Microsoft giải thích với chúng tôi rằng những gì máy tính cá nhân, Internet và công cụ tìm kiếm làm cho các trang web “đã cho phép những người có kết nối Internet có thể tìm kiếm *bất cứ thứ gì* họ quan tâm”. Còn những gì máy tính cá nhân, điện thoại thông minh, Internet và Facebook đang làm lại “cho phép bất cứ ai cũng có khả năng tìm được *bất cứ người nào*” mà họ quan tâm – ít nhất là với 500 triệu người đang sử dụng mạng xã hội. Họ có thể tìm những người có chung sở thích đan lát, thích nấu ăn kiểu Ethiopia, hâm mộ đội bóng chày New York Yankees, có con bị hội chứng Down, nghiên cứu bệnh ung thư, tiến hành thánh chiến chống Mỹ hay lật đổ chính quyền Ai Cập, Tunisia hay Syria.

Khi có rất nhiều người có thể tìm thấy bất cứ thứ gì và bất cứ ai dễ dàng hơn bao giờ hết, và liên lạc với nhau thuận tiện hơn bao giờ hết nhằm làm ra sản phẩm, viết bách khoa thư, tiến hành cách mạng thì có nghĩa là bạn đang sống trong Thế giới phẳng 2.0 – một thế giới *siêu kết nối*. Và nó có những tác động rất sâu sắc.

“Giờ đây, con người không chỉ có hệ thống tiếp cận thông tin riêng để biết những gì đang xảy ra trong và ngoài nước và thảo luận những vấn đề này với người khác mà còn có cơ chế ra lệnh và kiểm soát để chính họ có thể làm được điều gì đó” – Mundie nói thêm. “Trước đây, chỉ các chính phủ và quân đội mới có hệ thống ra lệnh và kiểm soát ở quy mô lớn. Giờ đây con người bình thường cũng có. Và những công cụ này càng phát triển trên diện rộng

thì giá của việc sản xuất và sử dụng chúng càng thấp, kết quả là chúng càng phát triển, càng phổ biến rộng hơn. Lúc đó thì cấp trung ương không thể kiểm soát bất cứ chuyện gì”. Mà cũng không vấn đề gì có thể bị hạn chế ở tầm “địa phương” được nữa. Mọi thông tin giờ đây đều di chuyển ngay lập tức từ mọi góc ngách tận cùng của thế giới đến sân chơi chung toàn cầu, nơi chúng được chia sẻ với mọi người.

Có thể thấy một biểu hiện rõ rệt của quá trình chuyển đổi từ Thế giới phẳng 1.0 sang 2.0 trong những cuộc nổi dậy ở khắp thế giới Ả Rập năm 2011. Thế giới phẳng 1.0 đã kết nối Detroit và Damascus. Còn Thế giới phẳng 2.0 đã kết nối Detroit, Damascus và Dara’a. Dara’a ở đâu? Đó là một thị trấn nhỏ không có gì đặc biệt của Syria nằm ở vùng biên giới với Jordan, nơi khởi đầu cuộc cách mạng ở Syria và là nơi hàng loạt những bức ảnh, video và tin tức về những gì đang xảy ra ở Syrie được tung lên cho cả thế giới. Người dân Dara’a có nhiều điện thoại di động và kết nối không dây đến mức chính quyền Syria không thể giấu giếm thông tin về những hành động tàn bạo của họ được nữa. Bạn thử nghĩ xem: chính quyền Syria không cho bất cứ một kênh truyền hình nước ngoài nào được hoạt động trong nước – không CNN hay BBC, nên họ nghĩ không ai sống ngoài Syria có thể biết hành vi đàn áp dã man của họ. Nhưng từ một nơi nào đó, một người không rõ có sống ở Syria hay không đã tạo ra một trang web có tên “Mạng tin tức của Sham”, hay còn gọi là SNN. Và người Syria ở Dara’a và nhiều nơi khác bắt đầu đưa những đoạn video quay cảnh chính quyền giết hại dân chúng trong điện thoại di động của họ lên trang web SNN. Họ cũng đưa lên cả trang YouTube. Thế là đột nhiên, các kênh truyền hình quốc tế như al-Jazeera và CNN đều phát các đoạn video đề nguồn là SNN – một trang web có lẽ chỉ tốn vài trăm dollar để tạo ra và vận hành, mà cũng không ai biết chủ sở hữu nó là ai. Người dân đang kể câu chuyện của riêng mình. Trước đây, chính quyền Syria chỉ việc đóng cửa đài truyền hình hoặc đài phát thanh nào phát những tin tức trái ý họ. Nhưng giờ đây, họ không thể đóng cửa mạng di động trong nước, cũng giống như họ không thể tắt lưới điện quốc gia vậy.

Chính vì tất cả những lý do này mà chúng tôi cho rằng Thế giới phẳng 1.0 và 2.0 đã tạo ra điểm thay đổi quan trọng nhất trong giao tiếp, sáng tạo và thương mại kể từ thời Gutenberg chế tạo ra máy in. Trong một thời gian tương đối ngắn, gần như ai cũng có cả công cụ và mạng lưới để tham gia thế giới siêu kết nối trong khi máy in mất hàng trăm năm mới tạo được ảnh hưởng sâu rộng lên cả xã hội. Điều này xảy ra chỉ trong vài thập niên, khiến con người gặp khó khăn hơn nhiều trong việc thích ứng.

Sự thay đổi này tác động lên nước Mỹ và người Mỹ trên rất nhiều lĩnh vực – từ chính trị, thương mại đến việc làm, giáo dục. Điều chúng ta quan tâm nhất trong chương này là những tác động ấy đã góp phần khiến công ăn việc làm của chúng ta khác đi như thế nào, những kỹ năng một người cần có để tìm và duy trì được công việc là gì. Chúng ta đã thấy thế giới siêu kết nối đang thay đổi hoạt động kinh doanh của tất cả mọi người và buộc họ phải học cách tận dụng được lợi thế của những công cụ mới để đạt năng suất cao hơn bất kể quy mô công ty của họ lớn hay nhỏ. Chúng ta có thể thấy khi có rất nhiều người có rất nhiều công cụ để cạnh tranh, kết nối, vừa thu hút vừa thúc đẩy sáng tạo và thông tin thì các công ty càng cần cập nhật sản phẩm hoặc phát minh ra sản phẩm mới nhanh hơn đối thủ. Ngoài ra, nhờ thế giới siêu kết nối, có thêm nhiều cá nhân hoặc các nhóm cá nhân có thể thành lập công ty riêng, tạo việc làm một cách dễ dàng hơn, ít tốn kém hơn trước đây. Và cuối cùng, thế giới này đang đặt ra thách thức cho tất cả những ai muốn giữ được việc làm – dù ngắn hạn hay dài hạn, ở công ty lớn hay công ty nhỏ – là phải học được những kỹ năng cần thiết.

Hãy cùng xem xét tất cả những thách thức đó.

Mọi người đều phải chịu sức ép

Michael Barber, giám đốc phụ trách mảng giáo dục của tập đoàn xuất bản Pearson, cựu cố vấn giáo dục cao cấp của thủ tướng Anh Tony Blair cho biết giờ đây, mỗi khi giảng bài về toàn cầu hóa, ông thường bắt đầu bằng câu chuyện sau: “Tôi đến dự lễ sinh nhật lần thứ 50 của một người bạn ở Wales. Vào buổi sáng sau bữa tiệc, tôi và một vị khách khác cùng đi dạo lên ngọn đồi gần đó. Chúng tôi chưa từng quen nhau. Để bắt chuyện, tôi hỏi: ‘Ông làm nghề gì?’ Ông ta trả lời: ‘Tôi là thợ làm bia đá’, tức là ông ấy chuyên làm các bia mộ bằng đá. Tôi nói luôn: ‘Thật may vì ông làm một công việc không bị ảnh hưởng bởi toàn cầu hóa’. Ông ta nhìn tôi với ánh mắt khó hiểu: ‘Ý ông là sao? Nếu tôi không biết mua đá qua mạng từ Ấn Độ thì tôi đã thất nghiệp rồi’. Trong hai, ba năm trở lại đây, tất cả mọi thứ với ông đã thay đổi. Nếu một thợ làm bia đá [ở xứ Wales] cũng phải mua loại đá tốt nhất ở Ấn Độ để đảm bảo cạnh tranh được trên thị trường thì hẳn là không còn công việc gì trên đời không bị toàn cầu hóa tác động nữa”.

Giờ đây câu chuyện của Barber không phải là hiếm. Dù bạn nói chuyện với người làm bia đá hay chủ một doanh nghiệp đa quốc gia khổng lồ thì

tất cả bọn họ đều nói với bạn rằng: Những thay đổi công nghệ tác động lên hoạt động kinh doanh chính của họ đang diễn ra nhanh hơn họ tưởng tượng. Những thách thức mới đang đến từ những nơi họ chưa bao giờ ngờ tới. Và cơ hội cũng mở rộng ở những chỗ họ chưa từng hình dung ra. Vì vậy, mọi chủ doanh nghiệp từ lớn đến nhỏ đều phải nghiên cứu thật kỹ thế giới mỗi ngày và tận dụng mọi cách để thu hút người tài, phát triển thị trường mới và giảm chi phí sản xuất. Nếu họ không làm thì người khác sẽ làm thay họ.

Các tổng giám đốc điều hành không còn đề cập nhiều đến việc “thuê ngoài” nữa. Thế giới giờ đây hội nhập đến nỗi chẳng còn khái niệm “ngoài” hay “trong”. Trong các công ty của họ, mỗi sản phẩm và nhiều dịch vụ giờ đây được hình dung, thiết kế, tiếp thị và sản xuất thông qua các chuỗi cung cấp toàn cầu vốn tìm cách tiếp cận các tài năng có chất lượng tốt nhất với chi phí thấp nhất, ở bất cứ nơi nào có tài năng.

Trong mười năm qua, Tom đã vài lần phỏng vấn Victor Fung, chủ tịch tập đoàn Li & Fung, một trong những công ty dệt may lâu đời và đáng kính nhất ở Hong Kong. Ông Fung trưởng thành trong ngành dệt và trong nhiều năm, ngành này hoạt động dựa trên một số nguyên tắc cơ bản. Ông cho biết: “Tìm đầu vào ở châu Á và bán hàng ở châu Âu và châu Mỹ”. Đầu năm 2011, khi Tom phỏng vấn Fung, ông đã nói khác. Theo ông, trong thế giới siêu kết nối ngày nay, toàn bộ mô hình kinh doanh của ông đã phẳng hóa. Bản thân châu Á trở thành một thị trường khổng lồ, giống như các khu vực đang phát triển khác. Và các cơ hội mới trong sản xuất và thiết kế lại xuất hiện ở những nơi mà ông chưa bao giờ nghĩ đến. Fung nói: “Giờ đây, khẩu hiệu của chúng tôi là ‘Nguyên liệu ở mọi nơi, sản xuất ở mọi nơi, bán hàng ở mọi nơi’. Từ ‘xuất khẩu’ thực sự đã mất đi hoàn toàn ý nghĩa của nó”. Đó là lý do tại sao Pascal Lamy, giám đốc Tổ chức Thương mại thế giới, cho rằng những cụm từ như “sản xuất ở Mỹ” hay “sản xuất ở Trung Quốc” đang biến mất. Lamy nói, từ phù hợp là “sản xuất ở thế giới”. Nhiều sản phẩm hơn được thiết kế, sản xuất và bán ở mọi nơi.

Mike Splinter, tổng giám đốc điều hành Applied Materials cũng khẳng định điểm này. Ông giải thích: “Thuê ngoài là chuyện của mười năm trước rồi. Hồi đó tôi nói: ‘Hãy gửi một vài đời phần mềm ra nước ngoài’. Giờ thì tôi không gọi thuê ngoài nữa. Mà là sản phẩm của tôi được hoàn thiện ở nơi khác. Tôi có thể nói: ‘À, một nửa số tiến sỹ làm việc ở bộ phận Nghiên cứu và triển khai của tôi muốn sống ở Singapore, Đài Loan và Trung Quốc vì đó là

quê hương của họ. Nên họ về quê và vẫn có thể làm việc cho tôi'. Đây chính là cuộc cách mạng tiếp theo. Tôi có thêm lựa chọn, thêm nhiều lựa chọn, để làm được nhiều việc hơn so với năm hay mười năm trước”.

Từ St. Louis đến New Delhi

Nhưng các công ty nhỏ trên thế giới cũng trong tình trạng tương tự. Mỗi năm, con người lại tốn càng ít tiền hơn để thành lập một công ty với tham vọng lớn hơn, mục tiêu cao hơn, xa hơn. Hãy xem ba công ty, một của người Mỹ đặt tại St. Louis chuyên sản xuất thiết bị y tế, một đặt trong ga-ra tại nhà ở Nam Delhi, chuyên cung cấp dịch vụ vay tiền cho người nghèo ở Ấn Độ và một đặt trên “đám mây” chuyên bán đồng hồ đeo tay kiểu “độc”. Câu chuyện của họ cho bạn thấy mỗi công ty Mỹ có vô vàn cơ hội mới, nhưng cũng phải đối mặt với hàng loạt đối thủ cạnh tranh mới hết sức mạnh mẽ trong thế giới mới này.

Bạn đã từng nghe câu nói: “General Motors ở đâu, nước Mỹ có mặt ở đó”. May thay nó không còn đúng nữa. Chúng ta chúc GM mới may mắn, nhưng nhờ thế giới siêu kết nối, tương lai kinh tế của nước Mỹ không còn phụ thuộc vào vận mệnh của họ. Những ngày mà chỉ một công ty đã đem lại 10.000 việc làm cho một thị trấn đã trôi qua rất nhanh. Thứ chúng ta cần là những công ty mới thành lập, trên mọi lĩnh vực, mọi quy mô, mọi hình thức. Đó là lý do mà khẩu hiệu của chúng ta giờ là “EndoStim ở đâu, nước Mỹ có mặt ở đó”.

EndoStim là công ty đặt ở St. Louis, bang Missouri, đã phát triển một thiết bị y tế có thể cấy ghép vào cơ thể người để điều trị chứng trào ngược axit. Chúng tôi không biết sản phẩm này sẽ chiếm lĩnh thị trường như thế nào, nhưng chúng tôi thấy quá trình hình thành và hoạt động của EndoStim rất thú vị. Đây là hình mẫu thu nhỏ của những công ty mới đi vào hoạt động đang đóng vai trò thúc đẩy nền kinh tế Mỹ: những người nhập cư mới sử dụng tiền cũ để sáng tạo trong một thế giới đang phẳng dần. EndoStim ra đời bởi những người nhập cư gốc Cuba và Ấn Độ ở Mỹ, được tài trợ vốn bởi các nhà đầu tư mạo hiểm thành phố St. Louis. Sản phẩm của họ được sản xuất ở Uruguay với sự hỗ trợ của các kỹ sư người Israel và phản hồi thường xuyên của các bác sỹ ở Ấn Độ, Mỹ, châu Âu và Chile. Ông, tổng giám đốc của công ty lại là người Nam Phi, từng học ở Đại học Sorbonne (Pháp) nhưng hiện sống ở Missouri và California. Văn phòng làm việc chính của ông là chiếc máy

tính bằng iPad. Tuy việc cứu vãn General Motors có thể giúp duy trì được một vài việc làm cũ, nhưng chỉ khi hàng nghìn EndoStim xuất hiện – đúng là phải hàng nghìn – thì chúng ta mới tạo ra được những việc làm mới, tốt, cần thiết để nâng cao mức sống của người dân.

EndoStim ra đời một cách ngẫu nhiên. Raul Perez là bác sỹ sản phụ khoa. Ông từ Cuba nhập cư vào Mỹ vào những năm 1960 và đến sống ở St. Louis – nơi ông gặp một nhà đầu tư tên là Dan Burkhardt. Burkhardt nhớ lại: “Raul thực sự rất nhạy bén khi đầu tư vào lĩnh vực y tế, ông biết cái gì có thể đem lại lợi nhuận trong môi trường này. Thế là chúng tôi bắt đầu đầu tư cùng nhau”. Năm 1997, họ thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm trong lĩnh vực y tế có tên là Oakwood Medical Investors. Perez bị chứng trào ngược axit và ông đến khám ở bệnh viện Mayo, Arizona. Bác sỹ người Mỹ gốc Ấn Virender K. Sharma là người điều trị cho ông. Trong những lần ông đi khám về sau, bác sỹ Sharma có nói năm từ mà bất cứ nhà đầu tư mạo hiểm nào cũng muốn nghe: “Tôi có một ý tưởng”, đó là sản xuất một thứ giống như thiết bị điều hòa nhịp tim để điều khiển các cơ bắp chặn sự trào ngược axit. Sau đó có thêm Bevil Hogg gia nhập cùng Burkhardt, Perez và Sharma, (gốc Nam Phi, người sáng lập công ty Trek Bicycle Corporation) để gây dựng nên quỹ tài chính ban đầu phục vụ phát triển công nghệ mới và Hogg trở thành tổng giám đốc điều hành. Hai người Israel là Shai Policker, kỹ sư y khoa và bác sỹ Edy Soffer, bác sỹ chuyên khoa tiêu hóa cũng tham gia nhóm kỹ sư làm việc ở Seattle (dưới sự lãnh đạo của một người Australia) để hỗ trợ công việc thiết kế. Một công ty ở Uruguay chuyên chế tạo máy điều hòa nhịp tim đã làm ra sản phẩm mẫu đầu tiên.

Đây là kiểu mẫu mới nhất của các dự án đầu tư mạo hiểm: một công ty nhỏ bé mới thành lập, có những ông chủ rất ít khi ở cùng một địa điểm cùng một lúc, nhưng họ biết sử dụng ưu thế của mọi công cụ trong thế giới kết nối – hội thảo từ xa, thư điện tử, Internet, Facebook, Twitter và fax – để khai thác được những chuyên gia giỏi nhất, những cơ sở sản xuất chi phí thấp nhất và chất lượng tốt nhất. Chúng tôi đã nói đến điện toán đám mây. Còn cái này là công nghệ chế tạo bằng đám mây.

Những thử nghiệm điều trị ban đầu của EndoStim được tiến hành ở Ấn Độ và Chile và hiện đang được mở rộng sang châu Âu. Hogg nói: “Những nơi tiến hành thử nghiệm có điểm chung là các bác sỹ phẫu thuật xuất sắc với trình độ kỹ thuật cao, thái độ lạc quan với dự án, quan tâm đến lĩnh vực nghiên cứu và có chi phí phù hợp”. Nước Mỹ được gì trong đó? Chừng nào

vốn mạo hiểm, phát minh cơ bản và thành viên lãnh đạo chủ chốt vẫn là của Mỹ thì Mỹ được rất nhiều. Nếu EndoStim thành công, trụ sở nhỏ bé của công ty ở St. Louis sẽ lớn hơn rất nhiều. Mỹ sẽ là nơi có được những việc làm tốt nhất: lãnh đạo cao cấp, marketing và thiết kế và là nơi ở của các cổ đông chính. Ý tưởng sáng tạo nảy ra ở đâu, vốn được huy động chỗ nào vẫn là những yếu tố quan trọng.

Từ EndoStim đến dịch vụ tài chính Eko Ấn Độ – một công ty đang phát triển mạnh từ một ga-ra ở Nam Delhi – chính là từ dạng khởi nghiệp ảo nhất đến cách khởi nghiệp truyền thống nhất, nhưng điều đáng chú ý là chúng vẫn có điểm chung. Người sáng lập Eko, Abhishek Sinha và em trai Abhinav có ý tưởng kinh doanh từ một quan sát rất đơn giản: các công nhân lương thấp từ những vùng nghèo khổ hơn đến Delhi làm việc không hề có chỗ cất giữ tiền tiết kiệm và họ cũng không tìm ra cách nào an toàn để gửi tiền về nhà. Ấn Độ có rất ít chi nhánh ngân hàng ở nông thôn, vì vậy rất nhiều người dân di cư phải cất giấu tiền dưới đệm giường hoặc gửi tiền về nhà qua cách thức *hawala* truyền thống, tức là mạng lưới chuyển tiền trao tay.

Thực tế ấy đem lại ý tưởng cho hai anh em. Đa phần các vùng nông thôn, làng mạc Ấn Độ thường có những ki-ốt gia đình bán đồ uống, thuốc lá, kẹo và vài thứ tạp phẩm khác. Tại sao không biến mỗi ki-ốt này thành một ngân hàng ảo – họ tự hỏi. Họ liền xây dựng một chương trình phần mềm, nhờ đó một công nhân nhập cư làm việc ở Delhi, với giấy tờ tùy thân, có thể nhắn tin qua điện thoại di động để mở một tài khoản ngân hàng. Chủ các ki-ốt gia đình sẽ đóng vai trò các ngân hàng thân thiện tại địa phương. Nhờ đó không hề cần đến gạch vữa xây ngân hàng mới. Khi đó, một công nhân sống ở khu ổ chuột quanh Delhi có thể gửi cho người chủ ki-ốt đóng vai trò ngân hàng của mình 1000 rupee (khoảng 20 dollar) và người này sẽ ghi lại trên điện thoại rồi gửi tin nhắn đã nhận được tiền vào hệ thống của ngân hàng mẹ, tức Ngân hàng Nhà nước Ấn Độ. Vợ anh công nhân sống ở Bihar chỉ cần đến ki-ốt tạp hóa làng mình – cũng là một thành viên trong hệ thống – và rút tiền bằng điện thoại di động. Người chủ ki-ốt sẽ đưa chị ta 1000 rupee do anh chồng gửi. Mỗi chủ ki-ốt sẽ thu được một khoản phí nhỏ từ mỗi giao dịch và Ngân hàng Nhà nước Ấn Độ cũng vậy. Ngoài chuyển tiền, công nhân còn có thể sử dụng dịch vụ gửi tiết kiệm.

Mười tám tháng sau khi đi vào hoạt động từ năm 2008, ngân hàng ảo này đã có 180.000 khách hàng với hơn 7.000 giao dịch mỗi ngày thông qua 500 “chi nhánh” – tức các ki-ốt gia đình – ở Delhi và 200 chi nhánh khác ở Bihar

và Jharkhand, quê hương của rất nhiều phụ nữ làm nghề giúp việc và nhiều người di cư khác. Eko được Ngân hàng Nhà nước Ấn Độ trả một khoản hoa hồng nhỏ cho mỗi giao dịch và đến năm 2010 thì họ bắt đầu có chút lợi nhuận. Abhishek, người có sáng kiến từ một dịch vụ tương tự ở Brazil cho biết các chủ ki-ốt “vốn là những người đáng tin cậy ở cộng đồng địa phương” và thường cho khách hàng nghèo nợ tiền. “Nên chúng tôi nghĩ: ‘Tại sao không tận dụng họ?’ Chúng tôi là đại lý của ngân hàng, còn họ là các đại lý cấp hai của chúng tôi”.

Đúng, tại sao không? Điện thoại di động giá rẻ nhất do Ấn Độ sản xuất ngày nay đã có đủ khả năng xử lý thông tin để trở thành “tám đệm giấu tiền” số hóa và ngân hàng số hóa cho người nghèo. Cả hệ thống được vận hành trong một ngôi nhà nhỏ có ga-ra với hơn chục nhân viên, vài cái máy tính xách tay và đường truyền Internet giá rẻ. Không có gì ngạc nhiên khi nhóm Sinha bắt đầu xây dựng phần mềm chủ đạo của họ với mã nguồn mở miễn phí tải về từ đám mây. Khi họ nhận thấy mình không có đủ vốn để đầu tư vào thiết bị phần cứng ở quy mô lớn, họ chọn cách làm việc trên các máy chủ điện toán đám mây đặt tại trung tâm dữ liệu Noida, ngoại ô Delhi.

Theo Abhishek, ý tưởng kinh doanh cốt lõi của họ là “xóa đi khoảng cách cuối cùng giữa dịch vụ của chính phủ và người sử dụng”. Xóa đi khoảng cách ấy của hàng triệu người nghèo Ấn Độ, những người không được hưởng dịch vụ y tế, giáo dục, bảo hiểm thích hợp là một cơ hội kinh doanh lớn. Abhishek nói thêm rằng Eko “tận dụng mạng lưới viễn thông và mạng lưới phân phối sẵn có”, và chỉ với số tiền đầu tư ban đầu khá nhỏ, giờ đây công ty đã có thể phục vụ hơn 700.000 khách hàng thu nhập thấp trên khắp tám bang của Ấn Độ. Đến đầu năm 2011, Eko thực hiện hơn 20.000 giao dịch mỗi ngày với tổng trị giá 2.5 triệu dollar.

Nghe nói trong đội ngũ nhân sự nhỏ của Eko có những người tốt nghiệp từ những học viện công nghệ danh giá nhất Ấn Độ, trước kia từng làm việc ở Mỹ nhưng đã quyết định quay về Delhi làm cho công ty mới thành lập này. Jishnu Kinwar có bằng thạc sỹ ngành khoa học máy tính ở Đại học Lamar, bang Texas và bằng thạc sỹ quản trị kinh doanh ở Đại học Alabama, đã từng làm việc mười năm ở Mỹ trước khi cùng vợ bỏ công việc rất tốt ở Mỹ để quay về Delhi. Giờ đây Kinwar làm việc trong văn phòng đặt tại ga-ra của Eko. Tổng giám đốc điều hành Matteo Chiamp là một kỹ sư công nghệ người Italia, cũng đã bỏ một việc làm tốt ở Boston để sang làm việc ở Ấn Độ vì như lời anh nói, “đây mới là nơi thú vị”.

Cuối cùng là Scott Wilson và băng nhạc (đeo tay) một người chơi của anh ta. Câu chuyện của anh được kể trên số tháng 10/2011 của *Fast Company*. Wilson, một nhà thiết kế có văn phòng ở Chicago, là một doanh nhân khởi nghiệp liên tục đưa ra và theo đuổi những ý tưởng mới. Anh có ý tưởng gắn một thân máy iPod Nano vào một dây đeo đồng hồ, biến nó thành một thiết bị giống như đồng hồ đeo tay có thể báo thức và chơi nhạc. Tuy nhiên, anh ta không có tiền để đưa ý tưởng ra thị trường, vì thế anh ta tìm đến Kickstarter, một sàn trực tuyến tìm kiếm nguồn tiền cho những dự án sáng tạo độc lập. Theo *Fast Company*, anh đăng ý tưởng của mình vào ngày 16/11/2011, và “trong vòng một tháng, 13.500 người từ 50 quốc gia đã đầu tư gần 1 triệu dollar”, và anh đang thực hiện dự án. Apple đã nhanh chóng lấy hàng để bán ở các cửa hàng của mình. Đây chính là vốn mạo hiểm của số đông.

Mỗi ngày càng có nhiều EndoStims, Ekos và Wilsons nhờ vào sự trỗi dậy bất chợt của ngành công nghiệp mới sản xuất các “ứng dụng” trị giá hàng tỉ dollar. Apple tung ra điện thoại iPhone vào tháng 6/2007 và máy tính bảng iPad vào tháng 4/2010. Báo cáo năm 2011 của công ty nghiên cứu thị trường và công nghệ Forrester Research ước tính đến năm 2015, doanh thu từ các ứng dụng dành cho hai sản phẩm này sẽ lên tới 38 tỷ dollar mỗi năm. Bạn thử nghĩ xem: Một ngành công nghiệp chưa tồn tại vào năm 2006, nhưng chỉ trong vòng 10 năm đã tạo ra doanh thu 38 tỷ dollar và hàng loạt các cửa hàng trên mạng mới: Android Market của Google, Marketplace của Microsoft, App World của Blackberry và Palm App Catalog của Hewlett-Packard. Chỉ riêng từ các sản phẩm iPhone, iPod Touch và iPad của Apple đã có khoảng 350.000 ứng dụng vào thời điểm chúng tôi viết cuốn sách này là mùa đông năm 2011, và Apple đã trả hơn 2 tỷ dollar cho tác giả các phần mềm được bán ở cửa hàng App Store của họ. Giờ đây, mỗi cá nhân đều có thể khiến các phần mềm ứng dụng chứa đựng năng lực, sở thích và đam mê của họ trở thành phổ biến trên toàn cầu nhờ thị trường toàn cầu. Điều này chưa từng có tiền lệ trong lịch sử và có tiềm năng vô hạn.

Tin tốt là như thế. Còn tin xấu, hay như chúng tôi thích gọi là “thử thách” hơn thì là: Ngành công nghiệp sản xuất ứng dụng đang nổi lên là sự kết hợp giữa phần mềm, nghệ thuật, toán học, sức sáng tạo, khả năng viết, khả năng chơi, giáo dục, sáng tác và marketing – tất cả mọi thứ có trong các phần mềm ứng dụng khác nhau. Nói cách khác, nó đòi hỏi những kỹ năng có ở Học viện công nghệ Massachusetts, ở kênh âm nhạc MTV và đại lộ quảng cáo Madison. Để có những kỹ năng ấy lại cần học hỏi và sáng tạo hơn nhiều chứ không chỉ cần biết ngôn ngữ lập trình.

Chỉ trong vài năm, gần như mọi người trên hành tinh này sẽ có công cụ và mạng lưới để tham gia vào thế giới phẳng siêu kết nối. Khi điều đó xảy ra, tất cả những công cụ phục vụ sáng tạo và kết nối sẽ đóng vai trò quan trọng không kém gì điện năng đối với phần lớn loài người. Joel Cawley, phó chủ tịch phụ trách chiến lược của IBM giải thích: “Bạn chỉ đoán chừng là chúng đang tồn tại – thực sự chúng sẽ hòa vào không gian xung quanh”. Lúc ấy, sẽ có hai điểm khiến các công ty, các quốc gia và các cá nhân khác biệt với nhau. Thứ nhất là khả năng phân tích. Khi mọi người đều tham gia kết nối thì việc bạn có thành công hay không phụ thuộc vào năng lực của công ty của bạn, đất nước của bạn trong việc “phân tích và ứng dụng” tất cả các dữ liệu thu được và tối ưu hóa để cung cấp các dịch vụ y tế, giáo dục, thương mại điện tử, phát minh, dịch vụ khách hàng và dịch vụ của chính phủ cho mọi thành viên trong mạng lưới. Vì nói cho cùng thì mọi công cụ mà công ty bạn sử dụng để phân tích đều có sẵn trong đám mây và các công ty khác cũng có thể sử dụng như bạn.

Cawley cũng dự đoán khi mọi người có trong tay mọi công nghệ rồi thì “tất cả những yếu tố cổ điển sẽ bắt đầu trở nên quan trọng hơn trước”. Và rồi “lợi thế duy nhất bạn có thể có chính là yếu tố con người”. Hệ thống trường học của bạn có tốt không? Bạn đào tạo người lao động có tốt không? Người lao động đem lại được sự sáng tạo, cảm hứng và trí tưởng tượng gì cho thế giới? Chế độ pháp quyền và quản lý nhà nước của bạn có hiệu quả không? Các quy định pháp luật, chính sách bằng sáng chế và chính sách thuế của bạn tốt đến mức nào? Theo Cawley, “đây mới là những điểm khác biệt thực sự. Còn công nghệ thì ai cũng có thể có được”.

Dov Seidman, tổng giám đốc điều hành LRN, tóm tắt lại những thay đổi này như sau: “Chúng ta đang di chuyển từ thế giới kết nối sang thế giới kết nối lẫn nhau rồi thế giới phụ thuộc lẫn nhau”. Mọi mối liên kết đang ngày càng chặt chẽ hơn. Rất nhiều người có thể kết nối, hợp tác, trở thành đối tác của nhau một cách sâu sắc hơn. Khi thế giới gắn kết với nhau mật thiết như hiện tại thì giá trị, hành vi của mỗi cá nhân lại càng quan trọng hơn bao giờ hết, vì mọi giá trị, hành vi đó đều gây tác động lên rất nhiều người so với trước đây”.

Người sáng tạo và người phục vụ

Và những câu chuyện này lại đưa chúng ta quay về với nước Mỹ.

Tất cả những thay đổi lớn lao ở nơi làm việc đang diễn ra liên tục với tốc độ chóng mặt khiến rất nhiều người cảm thấy mình đang bị lơ lửng trên trời và tự hỏi: “Nơi nào phù hợp với mình? Làm sao để mình vẫn phù hợp với công việc? Mình cần học thêm kỹ năng gì ở trường?”. Câu trả lời ngắn gọn là: nơi làm việc của chúng ta đang trải qua một thời kỳ tái cấu trúc cơ bản, đòi hỏi mọi cá nhân làm giáo dục, mọi bậc cha mẹ và mọi người lao động phải hiểu quá trình đó.

Sức ép người lao động phải chịu trước hết xuất phát từ thực tế rằng sự kết hợp giữa cuộc Đại Khủng hoảng với một thị trường toàn cầu siêu phẳng, siêu kết nối đang buộc mọi công ty phải đạt năng suất cao hơn – tức là sản xuất ra nhiều hàng hóa, dịch vụ hơn với ít vốn và lao động hơn. Đây là lý do tại sao mặc dù đang lâm vào khủng hoảng, nhưng năng suất của nước Mỹ vẫn tăng, lợi nhuận các công ty vẫn tăng, đồng thời thất nghiệp cũng tăng. Các công ty phải học cách làm được nhiều hơn với ít nguồn lực hơn, vì vậy sẽ ngày càng có thêm nhiều việc làm cũ biến mất không bao giờ trở lại, và ngày càng có thêm nhiều việc làm mới được máy móc và các vi mạch thực hiện.

“Đang diễn ra một thay đổi lớn mang tính cấu trúc do công nghệ gây ra”, Raghuram Rajan, giáo sư môn tài chính tại Trường Kinh doanh Booth thuộc Đại học Chicago, tác giả cuốn *Những đường đứt gãy* (Fault Lines) nói. Ông cho biết trong suốt giai đoạn sau Thế chiến thứ hai cho đến năm 1991, “thông thường những việc làm đã mất đi ở giai đoạn đáy khủng hoảng sẽ mất khoảng tám tháng để xuất hiện trở lại”. Nhưng với tất cả những công nghệ, mạng lưới mới ra đời trong hai thập kỷ qua, tình hình không còn như trước nữa. Với mỗi cuộc khủng hoảng trong thị trường toàn cầu siêu phẳng, siêu kết nối này, ngày càng có thêm nhiều việc làm được tự động hóa, số hóa hoặc được thuê làm ở nơi khác.

Rajan nói: “Hãy nhìn vào ba cuộc khủng hoảng gần đây nhất. Sau năm 1991, mất 23 tháng để lượng việc làm quay lại ngang bằng mức trước khủng hoảng. Sau năm 2001, khoảng thời gian này là 38 tháng. Và sau năm 2007, mọi người cho rằng phải mất đến hơn năm năm”. Nguyên nhân chính là vào chu kỳ phục hồi trước kia, những người bị sa thải sẽ nhanh chóng được tuyển dụng trở lại khi cầu thị trường tăng. Bản chất công việc của họ không thay đổi mấy từ cuộc khủng hoảng này sang cuộc khủng hoảng khác, do đó người lao động không phải điều chỉnh nhiều. Nhưng ngày nay, theo Rajan, dưới sức ép của toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin, các ngành công nghiệp phải chú trọng nhiều hơn đến năng suất. Và “một khi họ bắt

đầu sa thải người lao động thì họ nghĩ tại sao mình không thay đổi đến tận cùng, tư duy lại toàn bộ cách thức và địa điểm sản xuất của mình”.

Điều này đang xảy ra ở mọi nơi. Nó đang xảy ra ở các nhà máy. Nhờ sự liên kết của toàn cầu hóa – vốn đã cung cấp thêm 200 triệu lao động lương thấp mới cho lực lượng lao động trong vòng 30 năm qua – và nhờ cách mạng thông tin, có lẽ đã cung cấp thêm 200 triệu người máy mới cho lực lượng lao động trong cùng khoảng thời gian – nước Mỹ đã mất đi hàng triệu công việc sản xuất cổ xanh và các công việc dịch vụ cổ trắng cấp thấp. Vào tháng 1-2012, tạp chí *The Atlantic* đăng một câu chuyện trên trang nhất của tác giả Adam Davidson với nhan đề “Thực hiện ở nước Mỹ: Làm sao để tạo ra và giữ một công việc trong nền kinh tế toàn cầu hóa, cơ khí hóa, tàn bạo hóa (và có lẽ đang tái sinh)”. Ngày nay nó đặt ra thách thức cho các công nhân làm việc trong một nhà máy điển hình. Các công nhân có kỹ năng thấp đang bị đe dọa bởi tự động hóa, người máy và các công nhân có kỹ năng cao hơn – những người được trả lương cao hơn, được yêu cầu phải giải toán hơn nhiều để làm công việc vận hành các hệ thống sản xuất, người máy và thiết bị cao cấp. Chúng ta vẫn còn nhớ một giai thoại cụ thể: Ở vùng trồng bông có một câu chuyện cười rằng một nhà máy sợi hiện đại ngày nay chỉ cần một người và một con chó – con người ở đó để cho chó ăn còn con chó ở đó để giữ cho con người không lại gần máy móc.

Điều đó cũng đang diễn ra ở các nhà hàng. Vào tháng 4/2011, Annie Lowrey của tờ *Slate* đã viết về một sự khởi đầu gọi là “E la Carte” sẽ làm giảm nhu cầu đối với nhân viên chạy bàn: Công ty “đã sản xuất ra một dạng máy iPad cải tiến cho phép bạn đặt món và trả tiền ngay tại bàn. Sản phẩm trí óc của một nhóm kỹ sư tốt nghiệp Học viện Công nghệ Massachusetts, phát minh tiện lợi được gọi là Presto này chẳng bao lâu nữa có thể sẽ có mặt ở nhà hàng gần nhà bạn... Bạn chọn món và bỏ vào “xe đẩy”. Tùy vào sở thích của nhà hàng, thiết bị đầu cuối sẽ giới thiệu thông tin về dinh dưỡng, bảng công thức và ảnh chụp. Bạn có thể có yêu cầu đặc biệt, như “để gia vị riêng để tự trộn” hay “phần thịt hun khói nhiều gấp năm lần bình thường”. Khi bạn đã chọn xong, thông tin đặt món xẹt vào nhà bếp, và thiết bị Presto sẽ cho bạn biết phải chờ bao lâu... Chán nói chuyện với người đi cùng? Bạn có thể chơi game trên máy này. Khi dùng xong bữa, bạn sẽ trả tiền cho thiết bị đầu cuối, có thể tách hóa đơn theo món và trả theo bất cứ cách nào bạn muốn. Và bạn có thể yêu cầu e-mail hóa đơn cho bạn. Mỗi thiết bị đầu cuối tốn chi phí 100 dollar/tháng. Nếu một nhà hàng phục vụ tám tiếng /ngày, bảy ngày/tuần thì chi phí sẽ là 42 xu/giờ/bàn – rẻ hơn nhân viên chạy bàn rẻ nhất”.

Điều này cũng đang xảy ra ở các khu trượt tuyết. Trong hai mươi năm, các khu nghỉ dưỡng trượt tuyết ở bang Colorado bán vé lên đỉnh núi và bạn sẽ cài tấm vé này lên áo khoác ngoài. Mỗi buổi sáng, người vận hành hệ thống vận chuyển sẽ bấm lỗ lên vé khi bạn đi chuyến đầu tiên lên đỉnh núi. Công việc vận hành hệ thống vận chuyển gần như không đòi hỏi kỹ năng gì và nó thu hút chủ yếu là thanh niên từ khắp thế giới đến Mỹ làm việc vào mùa đông với thị thực ngắn hạn. Thẻ nhân viên của họ có ghi họ từ đầu đến, và những người đi trượt tuyết thường vui vẻ hỏi họ: “A, thì ra cậu là người Argentina. Năm ngoái bọn tôi vừa đến đây”. Rồi với hệ thống máy móc tự động hóa và số hóa, tấm vé được in mã vạch, không cần dụng cụ bấm lỗ nữa mà người ta sử dụng máy quét cầm tay. Lúc này khu nghỉ dưỡng vẫn cần người để làm động tác quét tấm vé cài trên áo khách. Nhưng đến năm 2010, khu nghỉ dưỡng Snowmass đã đưa vào sử dụng một hệ thống hoàn toàn khác. Bây giờ, vé lên đỉnh núi của khách là một tấm nhựa có cùng kích cỡ với một tấm thẻ tín dụng, trên đó có gắn vi mạch. Bạn có thể nhét gọn vé trong túi áo khoác. Ở lối vào hệ thống vận chuyển lên đỉnh núi, thay vì phải dừng lại để bấm vé thì bạn đi qua cánh cửa quay có gắn bộ cảm biến. Thiết bị này sẽ tự động nhận biết vé của bạn và khi nhận được tín hiệu, nó sẽ bật đèn xanh và cho bạn đi qua. Đây là hệ thống E-ZPass dành cho người đi trượt tuyết. Chẳng còn những nhân viên người Argentina hay Colorado kiểm tra vé của bạn với nụ cười thân thiện nữa. Thay vì phải thuê bốn người đứng ở bốn cửa, giờ đây khu nghỉ dưỡng chỉ cần một người để điều khiển toàn bộ hệ thống từ màn hình máy tính. Rõ ràng là một nhân viên trình độ cao, lương cao cộng một máy tính đã thay thế bốn nhân viên trình độ thấp và lương thấp hơn.

Và chẳng bao lâu điều này sẽ diễn ra ở mọi nơi, theo giải thích của Curtis Carlson, tổng giám đốc điều hành của SRI – phòng thí nghiệm ý tưởng ở Thung lũng Silicon đã phát minh ra chương trình cho máy Apple iPhone được gọi là Siri – thư ký riêng kỹ thuật số. “Siri là khởi đầu của một sự chuyển đổi lớn trong cách chúng ta giao tiếp với ngân hàng, công ty bảo hiểm, cửa hàng bán lẻ, nhà cung cấp dịch vụ y tế, dịch vụ tìm kiếm thông tin và dịch vụ cung cấp sản phẩm”.

Trong mười năm qua, sự liên kết của toàn cầu hóa và cách mạng thông tin đã làm mất đi ngày càng nhiều việc làm kỹ năng thấp của người Mỹ, với tốc độ ngày càng nhanh hơn. Nhưng theo Rajan, sự tăng trưởng vượt bậc của nền kinh tế đã che đậy, đồng thời giảm nhẹ hậu quả của nó lên xã hội. Bằng cách nào? Ông giải thích: “Bằng cách tạo ra một bong bóng bất động

sản khổng lồ cộng với một bong bóng tín dụng cũng khổng lồ để duy trì được đời sống cao cho mọi người. Trên thực tế, chúng ta đã tạo ra một ngành công nghiệp, đó là xây dựng nhà ở để tiêu thụ toàn bộ số lao động không có trình độ”. Nếu không những người này sẽ phải đấu tranh rất vất vả trên thị trường lao động siêu cạnh tranh.

Chúng ta cũng tăng đáng kể các việc làm trong cơ quan chính phủ ở địa phương, tiểu bang và liên bang với cùng lý do đó. Theo nhà kinh tế đoạt giải Nobel Michael Spence lưu ý trong bài tiểu luận ngày 17/9/2011 trên tờ bình luận và phân tích *Project Syndicate*: “Trong hai thập niên trước khủng hoảng 2008, nền kinh tế duy trì – và áp lực suy giảm thu nhập được giảm nhẹ – bằng cách tạo ra công việc ở các khu vực phi thương mại. Trong một số trường hợp, điều này thể hiện qua sự mở rộng nhanh chóng của chính phủ; ở các nước khác, cũng như ở Mỹ xu hướng tiêu dùng quá trớn, dựa vào vay nợ đã thúc đẩy việc làm chuyển dịch mạnh mẽ sang ngành dịch vụ và xây dựng cơ bản (phi thương mại). Thật ra, chi tiêu chính phủ và dịch vụ y tế (đều chủ yếu là phi thương mại) chiếm gần 40% tăng trưởng lao động ròng ở Mỹ từ 1990 đến 2008).

Nhưng khi bong bóng nhà ở và tín dụng vỡ thì rất nhiều người sẽ thấy mình đang lơ lửng trên trời theo đúng nghĩa. Bong bóng nhà ở vỡ khiến cho một loạt việc làm dành cho giới công nhân cổ xanh trình độ thấp bị loại bỏ (rất nhiều người trong số họ đang thực hiện công việc xây nhà), giống như sự tăng mạnh của quá trình toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin đã tước mất một loạt việc làm của giới công nhân cổ trắng cấp trung và cấp thấp (rất nhiều người trong số họ đang nỗ lực để mua được nhà).

Không có gì phải nghi ngờ việc kích thích nền kinh tế bằng các biện pháp kích cầu trong ngắn hạn (như giảm thuế, giảm lãi suất, tăng chi tiêu chính phủ) sẽ hồi sinh một số việc làm. Chúng ta đang thiếu cầu nghiêm trọng. Ngoài ra chúng ta còn phải đối mặt với thách thức mới trong cơ cấu thị trường lao động và vấn đề này chỉ có thể giải quyết bằng giáo dục và đổi mới mạnh mẽ hơn: Khi máy móc có thể làm được ngày càng nhiều việc hơn thì cũng cần ngày càng nhiều kỹ năng hơn để vận hành chúng và ngày càng phải đưa ra các sản phẩm và dịch vụ mới để tạo ra những dạng lao động thay thế. Người sử dụng lao động ngày nay đang tìm cách sử dụng sự kết hợp của toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin để tăng năng suất lao động. Họ sử dụng thêm các công nghệ tự động, phần mềm, thuê ngoài, người máy – bất cứ thứ gì họ có thể dùng để làm ra các sản phẩm tốt hơn với ít công nhân

hơn và giảm trách nhiệm y tế và lương hưu. Điều này sẽ không thay đổi, như một giám đốc ngân hàng ở Texas đã nói với chúng tôi: “Ngày nay, bạn chỉ thuê người nếu bạn buộc phải làm vậy”. Xu hướng thay đổi này đang diễn ra ở khắp nơi: tăng năng suất cho các công ty, loại bỏ hoàn toàn một công việc và đòi hỏi một công việc khác có trình độ cao hơn.

Ai đã cướp việc làm của tôi?

Tháng 9/2010, hai nhà kinh tế học lao động là Lawrence Katz của Đại học Harvard và David Autor của Học viện Công nghệ Massachusetts đã công bố một báo cáo trong khuôn khổ nghiên cứu của Quỹ Khoa học Quốc gia có tên *Thách thức lớn trong nghiên cứu việc làm và thay đổi công nghệ*. Báo cáo giải thích hiện tượng đang xảy ra hiện nay.

Theo Katz và Autor, toàn cầu hóa kết hợp với cách mạng công nghệ thông tin đã tạo ra thay đổi lớn, và sự thay đổi này lại sinh ra “thị trường lao động hết sức có lợi cho những người tốt nghiệp đại học và sau đại học, nhưng lại bất lợi đặc biệt cho các lao động nam giới có trình độ thấp hơn”. Xu hướng này được gọi là “phân cực việc làm” hoặc thay đổi công nghệ theo hướng thiên vị trình độ cao. Có nghĩa là máy tính hoặc robot khiến người có trình độ có năng suất cao hơn, bán được hàng hóa dịch vụ trên nhiều thị trường hơn, nhưng cũng làm cho người không có trình độ khó kiếm việc hơn. Khi toàn cầu hóa và công nghệ thông tin kết hợp với nhau thì những người lao động có trình độ cao nhất sẽ ngày càng phát triển, còn những người trình độ thấp hơn sẽ bị sa thải hoặc không kiếm được việc làm ngay. Đồng nghiệp của Tom ở báo *New York Times* là David Leonhardt cũng nhất trí với ý kiến này với một vài con số thống kê lạnh lẽo (ngày 11/4/2011): “Trong thời kỳ khó khăn nhất về kinh tế của những năm 1950 và 1960, có khoảng 9% đàn ông trong độ tuổi sung sức nhất (25-54 tuổi) không được làm việc. Vào đáy cuộc khủng hoảng nghiêm trọng hồi đầu những năm 1980, khoảng 15% đàn ông trong độ tuổi này không có việc làm. Ngày nay, con số này lên đến 18%. Một thống kê đáng sợ: gần như cứ năm người trong độ tuổi từ 25 đến 54 thì có một người thất nghiệp. Đúng là một vài người trong số họ hài lòng khi được nghỉ ngơi. Một số người khác đi học. Còn một số ở nhà chăm sóc con. Nhưng phần lớn trong số họ không như thế. Họ đơn giản là không có việc làm. Họ phải cố tìm cách khác để kiếm việc”.

Nói rộng hơn, thị trường việc làm hiện nay có thể chia thành ba phần và đang dần còn lại hai. Phần thứ nhất là những việc làm trình độ cao không lặp đi lặp lại. Đó là công việc không thể dùng thuật toán để mô tả, và do đó không thể lập trình cho máy tính, người máy, số hóa hay thuê người nước ngoài làm được. Những việc làm này liên quan đến lập luận và tư duy phản biện, cần đến kỹ năng phân tích, tưởng tượng, đánh giá, sáng tạo và hiểu biết về toán học. Chúng đòi hỏi người làm phải có khả năng đọc tình huống và ngoại suy, sáng tạo ra cái mới – sản phẩm mới, cách nhìn mới, dịch vụ mới, đầu tư mới, cách làm mới cho những vấn đề đã cũ hoặc cái mới được làm theo cách mới ở một công ty cũ. Công việc trình độ cao không lặp đi lặp lại thường là kỹ sư, lập trình viên, nhà thiết kế, chuyên gia tài chính, giám đốc cao cấp, chuyên gia giao dịch chứng khoán và trái phiếu, kế toán, nghệ sỹ biểu diễn, vận động viên, nhà khoa học, bác sỹ, luật sư, nghệ sỹ, tác gia, giảng viên đại học, kiến trúc sư, nhà thầu thi công, đầu bếp, nhà báo chuyên môn, biên tập viên, chuyên gia vận hành các thiết bị - máy móc phức tạp và nhà phát minh.

Không những không thể thay thế nhóm công việc này, sự kết hợp giữa toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin còn làm tăng năng suất của người thực hiện chúng. Họ sử dụng Google để tự tìm hiểu, nghiên cứu; họ sử dụng Windows để làm ra chương trình trình chiếu của riêng mình; họ sử dụng Macs để thiết kế quảng cáo, tranh ảnh, phần mềm ứng dụng trên mạng, biên tập bộ phim họ tự làm hoặc vẽ ra ngôi nhà họ tự thiết kế. Họ dùng máy tính xách tay để làm bảng tính và tự xử lý số liệu, dùng điện thoại di động để giao dịch và thu thập thông tin. Họ có thể tự làm tất cả những việc đó ở bất cứ đâu, với tốc độ nhanh hơn, chi phí rẻ hơn so với thuê thư ký hay trợ lý. Nếu bạn là thành viên của nhóm nghề trình độ cao, không lặp đi lặp lại này thì toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin là bạn tốt của bạn, giúp cá nhân bạn có năng suất làm việc tốt hơn, thu hút được nhiều khách hàng hơn trên phạm vi toàn cầu và hơn cả là có thu nhập cao hơn.

Nhóm thứ hai là những việc làm trình độ trung bình và lặp đi lặp lại, chủ yếu liên quan đến các công việc đã được chuẩn hóa, có thể của công nhân cổ trắng hoặc công nhân cổ xanh. Chúng bao gồm thao tác trên dây chuyền lắp ráp của nhà máy, tính toán và lưu trữ số liệu ở văn phòng ngân hàng hoặc công ty môi giới chứng khoán, đưa tin tức hàng ngày trên báo, ghi chép các cuộc phỏng vấn hoặc ý kiến của bác sỹ, chuẩn bị bài trình bày Power Point cho lãnh đạo, gọi điện hàng ngày để bán hàng qua điện thoại hoặc tìm kiếm

hành lý thất lạc. Nhóm việc làm trình độ trung bình lặp đi lặp lại này đang bị mất dần đi khi toàn cầu hóa kết hợp với cách mạng công nghệ thông tin. Công việc mang tính lặp đi lặp lại của công nhân cổ trắng như quản lý hồ sơ giấy tờ ở ngân hàng hoặc công ty chứng khoán chẳng hạn có thể được mô tả bằng thuật toán rồi số hóa cho máy tính thực hiện hoặc thuê người ngoài làm trên thị trường lao động giá rẻ thông qua Internet. Thậm chí một số công việc trình độ cao nhưng lặp đi lặp lại cũng bị rơi vào nhóm này, ví dụ đọc kết quả chụp X quang hoặc lập hồ sơ hoàn thuế. Nhờ quá trình toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin, chúng được chuyển hóa thành bit và byte, chỉ trong một đêm có thể đến Ấn Độ nhờ đường cáp quang và tại đây, các chuyên gia đọc kết quả chụp X quang hoặc kế toán viên có mức lương thấp có thể hoàn thành công việc và gửi lại qua chính đường cáp quang đó vào sáng hôm sau. Toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin không phải là bạn tốt của những công việc kiểu lặp đi lặp lại dù là của công nhân cổ trắng hay công nhân cổ xanh.

Curtis Carlson, tổng giám đốc điều hành SRI International nói thêm: “Nói cho cùng thì tất cả chúng ta đều tự bom xăng đấy thôi. Ý tôi là những dịch vụ nào có thể tự động hóa, thay đổi sao cho chúng ta có thể tự làm được thì đều sẽ đi theo hướng đó: dịch vụ trực tuyến, cho hàng đã mua vào túi, người trực tổng đài điện thoại, trợ lý v.v. Lý do chính là cắt giảm chi phí, nhưng chúng ta cũng thích tự làm hơn vì thấy mình kiểm soát được mọi việc hơn”. Bạn thử nghĩ lại xem, tại sao bạn lại cần có nhân viên thu ngân ở cửa hàng thuốc? Bạn không hề cần. Đó là lý do tại sao chuỗi cửa hàng thuốc CVS đã tiến hành tự động hóa mọi hoạt động thanh toán. Giờ đây bạn tự thực hiện thủ tục thanh toán với máy tính dưới sự giám sát của một nhân viên có trình độ cao hơn nhân viên thu ngân thông thường.

Katz và Autor trích lời nhà kinh tế học William Nordhaus thuộc Đại học Yale với ước tính “chi phí thực của việc thực hiện một loạt các công việc đã được chuẩn hóa trên máy tính đã giảm ít nhất 1,7 nghìn tỷ tính từ năm 1850 đến 2006 và mức giảm chủ yếu diễn ra trong ba thập niên vừa qua... Hậu quả là tỷ trọng của nhóm việc làm ‘trình độ trung bình’ truyền thống giảm đáng kể trong cơ cấu việc làm cả nước Mỹ. Bốn công việc ‘trình độ trung bình’ gồm bán hàng, nhân viên văn phòng, nhân viên sản xuất và nhân viên điều khiển chiếm 57% tổng số việc làm vào năm 1979, nhưng đến năm 2009 chỉ còn chiếm 46%”. Và tỷ lệ này chắc chắn sẽ còn giảm.

Nhóm thứ ba trên thị trường việc làm là những công việc trình độ thấp

không lặp đi lặp lại và phải do một người thực hiện hoặc làm bằng tay; tồn tại ở văn phòng, bệnh viện, trung tâm thương mại, nhà hàng, hoặc ở một công trường xây dựng, nhà máy, v.v. Những công việc này không cần nhiều đến tư duy phân biệt hay bằng cấp cao, bao gồm trợ lý nha sỹ, nhà tạo mẫu tóc, thợ cắt tóc, phục vụ nhà hàng, tài xế xe tải, đầu bếp, thợ làm bánh, cảnh sát, lính cứu hỏa, công nhân xây dựng, nhân viên giao hàng, thợ ống nước, thợ điện, người giúp việc gia đình, lái xe taxi, nhân viên xoa bóp, nhân viên thu ngân, y tá, nhân viên chăm sóc y tế ở các cơ sở điều dưỡng. Người máy hay máy tính không thể thay thế được con người, và những người sống ở tận Ấn Độ hay Trung Quốc cũng không thể làm được. Nhóm việc làm này luôn tồn tại, nhưng có bao nhiêu việc làm và mức lương đến đâu lại phụ thuộc vào tình trạng chung của toàn bộ nền kinh tế cũng như cung cầu tại địa phương.

Khi ghép ba nhóm việc làm lại với nhau, chúng ta thấy rõ tại sao các chuyên gia lại nói rằng thị trường việc làm đang bị “phân cực”. Việc làm trình độ cao không lặp đi lặp lại đang ngày càng có mức lương cao hơn, tùy vào tình trạng chung của nền kinh tế, bởi vì thị trường hàng hóa và dịch vụ của các công nhân làm công việc không lặp đi lặp lại đã trở nên ngày càng lớn hơn và có quy mô toàn cầu hơn. Việc làm trình độ thấp không lặp đi lặp lại có mức lương khá, tùy vào nền kinh tế địa phương và chất lượng công việc mà người lao động thực hiện. Còn việc làm lặp đi lặp lại của cả giới công nhân cổ trắng và cổ xanh thì giảm dần, thu nhập giảm, hoặc thậm chí biến mất. Kết quả của “việc gia tăng cầu đối với người lao động trình độ cao, chuyên thực hiện các công việc trừu tượng cũng như đối với người lao động trình độ thấp, chuyên thực hiện các công việc ‘chân tay’ hoặc làm nghề dịch vụ đang phần nào đảo hớ sâu ngăn cách, hay nói cách khác là phân cực các cơ hội việc làm”, Katz và Autor kết luận.

Andy Kessler, cựu giám đốc quản lý quỹ phòng ngừa rủi ro, tác giả cuốn *Ăn thịt người: Những quy tắc không thể tranh cãi của những doanh nghiệp có khả năng lật ngược tình thế* (Eat People: And Other Unapologetic Rules for Game-Changing Entrepreneurs) có viết một bài báo trên tạp chí *Wall Street* (ngày 17/02/2011), trong đó ông đưa ra một mô thức thậm chí còn đơn giản hơn và dễ hình dung hơn của thị trường lao động mới:

Hãy quên cách phân loại công nhân cổ trắng và công nhân cổ xanh đi. Trong nền kinh tế giờ chỉ có hai nhóm người lao động: người sáng tạo và người phục vụ. Người sáng tạo là những người góp phần thay đổi năng

suất lao động, ví dụ lập trình, thiết kế các con chip, chế tạo thuốc men, chạy các công cụ tìm kiếm. Còn người phục vụ cung cấp dịch vụ cho người sáng tạo (và những người cùng nghề phục vụ khác), ví dụ xây nhà cửa, bán lương thực, tư vấn luật hay làm việc ở Bộ Quản lý xe cơ giới. Rất nhiều người làm nghề phục vụ sẽ bị thay thế bởi máy móc, máy tính cũng như cách thức hoạt động của doanh nghiệp.

Sự khác biệt giữa “người sáng tạo” và “người phục vụ” tập trung chủ yếu vào vấn đề quan trọng nhất mà mỗi người lao động nên tự hỏi bản thân: Mình có đang tạo ra được giá trị gia tăng bằng một thứ độc đáo, không thể thay thế không? Với mỗi thứ mình làm ra, mình có phủ thêm được socola, kem tươi và quả anh đào lên trên không?

Chúng tôi nghĩ cách tốt nhất để hiểu đúng thị trường lao động hiện nay là trộn lẫn các quan điểm của Katz, Autor và Kessler. Khi đó bạn sẽ thấy có bốn nhóm việc làm. Nhóm đầu tiên là “những người sáng tạo mang tính sáng tạo”, tức là họ làm những công việc không bao giờ trùng lặp cũng theo cách đặc biệt không lặp đi lặp lại: những luật sư, kế toán, bác sỹ, nghệ sỹ giải trí, tác gia, giảng viên đại học, nhà khoa học giỏi nhất. Nhóm thứ hai là “những người sáng tạo đều đặn”, họ làm công việc không lặp đi lặp lại nhưng theo cách thông thường, đều đặn: những luật sư, kế toán, chuyên gia đọc kết quả chụp X quang, giảng viên đại học, nhà khoa học ở tầm trung bình. Nhóm thứ ba được gọi là “người phục vụ có óc sáng tạo” gồm những người lao động kỹ năng thấp, nhưng làm việc một cách sáng tạo. Đó có thể là một thợ làm bánh nghĩ ra một công thức và cách trang trí bánh đặc biệt, một y tá với khả năng chăm sóc và giao tiếp tuyệt vời với bệnh nhân, một người phục vụ rượu vang làm bạn choáng váng vì hiểu biết sâu sắc về loại vang đỏ carbenet của Australia. Và nhóm cuối cùng là “những người phục vụ thường xuyên”, chuyên làm những công việc phục vụ theo cách lặp đi lặp lại, không đem lại giá trị gia tăng nào.

Lưu ý: Kể cả khi bạn đang làm một công việc “không lặp đi lặp lại”, như bác sỹ, luật sư, nhà báo, kế toán viên, giảng viên, giáo sư chẳng hạn, thì điều đó cũng không có nghĩa bạn có thể yên tâm. Nếu bạn làm một công việc trình độ cao, không lặp đi lặp lại nhưng lại theo cách thông thường, tức là “người sáng tạo đều đặn” thì bạn rất dễ bị ảnh hưởng bởi quá trình thuê ngoài, tự động hóa hoặc số hóa, hoặc bạn sẽ là người đầu tiên bị mất việc khi nền kinh tế gặp khó khăn. Trong trường hợp bạn là người phục vụ, làm công việc

thường phải đối mặt với người khác thì bạn cũng không chắc được an toàn. Bạn cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi thuế ngoài, tự động hóa, số hóa cho lao động nước ngoài, hoặc cũng sẽ bị sa thải khi nền kinh tế suy thoái.

Hãy nhớ nhân vật của George Clooney. Không ai chắc chắn được an toàn cả.

Ngày 04/3/2011, các luật sư Mỹ phải bùng tỉnh trước dòng tin lớn chạy trên báo *New York Times*: “Lực lượng luật sư đất tiền có thể được thay thế bằng phần mềm rẻ tiền”. Bài báo giải thích:

Khi năm công ty truyền hình Mỹ vướng vào vụ kiện của Bộ Tư pháp chống độc quyền đối với hãng CBS, chi phí của họ đội lên khủng khiếp. Chỉ một phần trong nhiệm vụ mơ hồ là “tìm hiểu”, tức là cung cấp các tài liệu cần thiết cho phiên tòa đã buộc các công ty này phải kiểm tra 6 triệu văn bản với chi phí hơn 2,2 triệu dollar, phần lớn trong đó là để trả lương cho một trung đội luật sư và trợ lý của họ. Những người này đã phải làm việc trong nhiều tháng với mức lương tính theo giờ rất cao. Nhưng đó là chuyện của năm 1978. Giờ đây, nhờ những tiến bộ trong công nghệ trí tuệ nhân tạo, phần mềm “khám phá điện tử” có thể phân tích tài liệu với thời gian ngắn hơn và chi phí thấp hơn nhiều. Ví dụ, vào tháng 1, công ty Blackstone Discovery, thành phố Palo Alto, bang California đã phân tích 1,5 triệu văn bản chỉ với chi phí 100.000 dollar. Một số phần mềm không chỉ giúp bạn tìm văn bản từ một số từ khóa với tốc độ của máy tính mà chúng còn có thể trích ra những nội dung phù hợp... kể cả khi không được cung cấp thuật ngữ, và suy ra được mô thức hành vi vốn là điều vượt quá khả năng của các luật sư khi phải nghiên cứu hàng triệu tài liệu. “Xét trên quan điểm nhân sự ngành luật, điều này có nghĩa là rất nhiều người từng có nhiệm vụ nghiên cứu tài liệu trước kia giờ đây sẽ không được trả lương nữa”, Bill Herr cho biết. Ông là luật sư của một công ty hóa chất lớn, từng phải huy động vô số luật sư để nghiên cứu tài liệu liên tục trong nhiều tuần. “Con người có thể chán nản, mệt mỏi. Nhưng máy tính thì không”.

Đó là thế giới mà chúng ta đang sống. Mọi cuộc tranh luận về việc chúng ta nên làm gì để cải thiện nền kinh tế, thay đổi hệ thống giáo dục đều phải bắt đầu từ luận điểm này. Trong thế giới hiện tại, nước Mỹ phải có những công ty có năng suất cao hơn thông qua việc tận dụng những công cụ siêu kết nối bằng mọi biện pháp có thể để sản xuất ra nhiều hàng hóa và dịch vụ hơn với ít lao động hơn. Đồng thời nước Mỹ cũng phải có thêm ngày càng nhiều công ty tạo ra những việc làm có mức lương cao.

Chỉ có một cách duy nhất để làm được điều đó: mọi người Mỹ phải sáng tạo hơn từ việc được hưởng dịch vụ giáo dục tốt hơn. Một nền kinh tế mạnh không chỉ dựa trên hoạt động hiệu quả hơn, năng suất cao hơn mà còn phải sáng tạo hơn. Có nghĩa là ngày càng có nhiều người sáng tạo ra nhiều hàng hóa và dịch vụ hơn, giúp thêm nhiều người khác có cuộc sống dễ chịu hơn, có năng suất làm việc cao hơn, được hưởng nền giáo dục tốt hơn, được giải trí vui hơn, có sức khỏe hơn và được an toàn hơn. Đồng thời họ cũng tìm ra nhiều cách để làm ra các hàng hóa dịch vụ đó và mang chúng đến khắp nước Mỹ. Các thành phố, đô thị Mỹ không thể chỉ ngồi đó và hy vọng Ford, Boeing hay Intel sẽ đến và xây dựng cho họ một nhà máy quy mô 5.000 lao động. Những nhà máy lớn kiểu như vậy là rất ít, và sẽ còn ít hơn nữa trong thời đại người máy. Giờ đây, để phát triển thì điều một thành phố cần là phải có 100 người mở công ty mới với quy mô 25 lao động, 20 người mở công ty mới với quy mô 50 lao động và 5 người mở công ty mới với quy mô 300 lao động.

Nói một cách ngắn gọn, chúng ta cần có càng nhiều người trở thành người sáng tạo hoặc người phục vụ có óc sáng tạo càng tốt. Một số người có thể thực hiện bằng cách nghĩ ra sản phẩm mới, một số người khác lại tái khám phá một công việc cũ, những người khác nữa lại cung cấp một dịch vụ quen thuộc với nhiều đam mê hơn, với dấu ấn cá nhân, hoặc với cách nhìn mới. Đây chính là thứ mà mọi nhà tuyển dụng đang tìm kiếm. Nếu bạn không tin, bạn có thể hỏi họ. Hoặc đơn giản hơn là lật sang trang tiếp.

NĂM

Cần giúp đỡ

Bạn mong muốn nhân viên có phẩm chất gì?

Chúng tôi đã đặt câu hỏi này với năm nhà tuyển dụng: một tuyển công nhân cổ trắng trình độ thấp ở Ấn Độ; một tuyển luật sư trình độ cao ở Washington, D.C.; một tuyển người khắp Afghanistan và Iraq (quân đội Mỹ); một tuyển công nhân cổ xanh trên khắp thế giới (DuPont); và một tuyển những lao động tự do từ bất cứ nơi đâu cho bất cứ việc gì. Cho dù tuyển loại lao động gì thì cả năm nhà tuyển dụng đều cho câu trả lời gần như nhau. Họ tìm kiếm những người có tư duy phản biện, có thể giải quyết những tình huống phức tạp bất thường, và có thể hợp tác với đồng nghiệp tại trụ sở chính hoặc trên toàn cầu.

Đó là những gì cần thiết để bạn được gọi vào vòng phỏng vấn.

Đúng thế. Những nhà tuyển dụng mà chúng tôi hỏi đều coi những kỹ năng nói trên là “tiền đặt cọc” – chỉ là những điều kiện cần khi tìm việc. Giờ đây, họ đều kỳ vọng tất cả những người họ tuyển dụng phải tự định hướng bản thân theo cái mà chúng ta gọi là “người sáng tạo có óc sáng tạo” hay “người phục vụ có óc sáng tạo” – những người không chỉ có khả năng làm những nhiệm vụ phức tạp mà còn nâng cao chất lượng, cải tiến, thậm chí tự đổi mới công việc bằng cách bổ sung giá trị gia tăng cho nó. Khi nghe những gì các nhà tuyển dụng nói, những gì họ tìm kiếm ở người lao động, chúng ta có thể hiểu được sự cần thiết phải nhanh chóng điều chỉnh hệ thống giáo dục để cạnh tranh và phát triển được trong thế giới siêu kết nối.

“Trong tương lai chúng tôi sẽ đòi hỏi ở người lao động nhiều thứ hơn bao giờ hết – cả ở giới lãnh đạo lẫn cấp nhân viên” – Dov Seidman nói. Công ty của ông, LRN, chuyên tư vấn về giải pháp cho lãnh đạo. “Ngày nay, chúng ta đòi hỏi mỗi người Mỹ phải tự vượt qua đỉnh Everest của chính mình và khi leo lên đến nơi sẽ gọi điện thoại cho mẹ: ‘Mẹ ơi, mẹ đoán xem con đang ở đâu’. Trên thị trường siêu kết nối, để chiếm vị trí hàng đầu, mỗi công ty

phải là công ty của những người lãnh đạo – mỗi người phải tạo ra được giá trị và ảnh hưởng lớn lên công ty”.

Và sau đây là phần yêu cầu mới.

Công nhân cổ trắng người Ấn

Vào tháng 2/2004, Tom đến Bangalore, Ấn Độ để làm một bộ phim tài liệu cho báo *New York Times* và kênh Discovery về thực tế hoạt động thuê ngoài. Một phần phim được quay ở công ty Dịch vụ khách hàng 24/7, nơi có hàng trăm người Ấn đang làm công việc của công nhân cổ trắng lương thấp thông qua điện thoại đường dài. Ban đêm – tức là ban ngày ở Mỹ – căn phòng lộn xộn đầy giọng nói của người Ấn giải thích cách sửa máy tính Dell, giải quyết rắc rối liên quan đến tài khoản thẻ tín dụng hay bán một hợp đồng thuê bao điện thoại mới. Căn phòng là sự kết hợp giữa phòng ký túc xá nữ với phòng gọi điện huy động tiền cho đài truyền hình địa phương. Có khoảng 2.500 người ở độ tuổi 20, vài người có bằng đại học, vài người khác mới chỉ học xong phổ thông. Họ đang làm việc với tư cách là nhân viên trực tổng đài “của khách hàng nước ngoài”, chuyên bán thẻ tín dụng hoặc thẻ điện thoại, hoặc nhân viên trực tổng đài “của khách hàng trong nước”, chuyên tìm kiếm hành lý thất lạc hoặc giải quyết sự cố hỏng hóc của máy tính.

Bảy năm sau, PV Kannan, người sáng lập công ty nói rằng chúng tôi sẽ không nhận ra nơi làm việc của ông nữa. “Đầu tiên là văn phòng ít ồn ào hơn nhiều”. Đó là vì phần lớn công việc gọi điện trước kia được thực hiện qua cáp quang điện thoại đường dài hoặc vệ tinh giờ đây đã được chuyển thành tin nhắn trên Internet. Ngoài ra, Dịch vụ khách hàng 24/7 không còn thụ động đợi khách hàng gọi điện khi có sự cố. “Mà chúng tôi hoàn toàn chủ động làm việc”, Kannan giải thích. “Khi một khách hàng truy cập vào mạng và mở hóa đơn điện thoại hoặc hóa đơn truyền hình cáp của nhà cung cấp là khách hàng của chúng tôi chẳng hạn thì chúng tôi biết ngay”. Hiện nay, phần lớn các câu hỏi của khách hàng đều xoay quanh hóa đơn mà họ nhận được trên mạng. Bằng phần mềm, chúng tôi biết được đây là hóa đơn đầu tiên công ty truyền hình cáp hay công ty điện thoại gửi cho bạn. Bạn nghĩ mình đăng ký gói dịch vụ cáp 99,99 dollar một tháng, nhưng hóa đơn lại lên tới 278 dollar. Chúng tôi biết thời điểm bạn mở hóa đơn trên mạng, và nếu bạn mở nó trong khoảng thời gian hơn hai phút thì một hộp thoại nhỏ sẽ hiện ra với dòng chữ: “Quý khách có muốn trao đổi về hóa đơn không?” Và một

nhân viên trực tổng đài của chúng tôi sẽ làm việc trực tuyến với bạn. Công việc đòi hỏi nhân viên trực tổng đài phải hoàn toàn khác trước. Vì vậy, hiện giờ khi tuyển nhân viên, chúng tôi muốn họ phải có kiến thức để kết nối các vấn đề với nhau và phải có khả năng làm được nhiều việc: biết khách hàng đang xem xét cái gì, nhạy bén với cuộc trò chuyện, thu thập những thông tin thích hợp thật nhanh và giải quyết tình huống. Cách tuyển dụng của chúng tôi là mời các ứng viên làm bài kiểm tra trên mạng, trong đó mô phỏng lại mọi tình huống nói trên”.

Bảy năm trước, khi Tom đến thăm văn phòng công ty Dịch vụ khách hàng 24/7 ở Ấn Độ, phần lớn nhân viên mới ở “trình độ khởi đầu”, như lời Kannan. Hiện tại công ty của ông đặt trụ sở chính ở Campbell, bang California. “Họ không rời được tờ hướng dẫn, và nếu ai lấy đi của họ tờ giấy đó thì ngay lập tức họ trở nên sợ hãi. Có một nhân viên giám sát sẽ chọn ngẫu nhiên các cuộc gọi để nghe, đưa ra nhận xét phản hồi hoặc trợ giúp... Hiện tại, phần mềm của chúng tôi tự dự đoán được khách hàng đang làm gì, vì vậy chúng tôi không cần nhiều giám sát viên nữa. Công nghệ cho phép chúng tôi theo dõi nhân viên trực tổng đài đang gõ chữ gì trên mạng ngay trong khi họ đang làm việc đó! Điều tôi quan tâm nhất là biết được khách hàng còn gặp vấn đề ở đâu khác, họ có vẻ như đang tìm kiếm dịch vụ nào. Vì thế, chúng tôi chuyển nhiều giám sát viên sang công việc mới, liên quan đến phân tích số liệu. Công việc này có mức lương cao hơn nhưng đòi hỏi nhiều kỹ năng hơn. Nên chúng tôi chỉ chọn những người có bằng khoa học và toán, còn những người khác thì tiếp tục làm giám sát viên.”

Kannan cho biết: “Trước đây trung tâm chăm sóc khách hàng không bao giờ tuyển người có bằng tiến sỹ cả, nhưng hiện giờ tôi có cả một đội quân tiến sỹ chuyên phân tích số liệu. Chúng tôi bắt đầu làm việc này từ bốn năm trước, nhưng 2010 là năm bước ngoặt”. Thay vì chỉ tuyển những người làm nhiệm vụ trả lời điện thoại hoặc gọi điện thoại – vị trí mà hiện công ty vẫn tuyển rất nhiều – hiện tại Kannan còn tìm kiếm các chuyên gia thống kê, chuyên gia tâm lý và các tiến sỹ.

“Điều chúng tôi muốn được làm nhất là kết hợp được trong cùng một con người khả năng hiểu được ý nghĩa của số liệu và kỹ năng cung cấp được cho khách hàng những dịch vụ mới mà số liệu cho thấy là họ cần”. Kannan giải thích: “Nếu số liệu cho thấy 80% khách hàng khi nhận được hóa đơn đầu tiên từ công ty điện thoại hoặc truyền hình cáp sẽ nhắc máy lên gọi điện thì chúng tôi biết chính xác phải cung cấp dịch vụ nào cho họ. Có nghĩa là người trực tiếp làm việc với khách hàng đã được chuẩn bị trước tốt hơn nhiều”.

Kannan nói: “Tất cả mọi người trong chuỗi cung cấp dịch vụ đều kiếm được nhiều tiền hơn vì có thể thu phí cao hơn khi đem lại nhiều giá trị hơn cho khách hàng. Và ai cũng hài lòng hơn với công việc mình đang làm. Bạn không phải gọi điện cho khách hàng từ giờ này sang giờ khác, nỗ lực để bán được thẻ tín dụng nữa. Giờ đây, chúng tôi tìm kiếm những nhân viên có tài khoản Facebook riêng, viết blog giỏi, thực sự cảm thấy thoải mái khi sống và giao tiếp trên thế giới ảo. Thế hệ công nhân cũ chỉ biết đi làm và đọc theo tờ hướng dẫn thì phần lớn đã phải ra đi.

Ông nói thêm: “Chúng tôi muốn những người có tư tưởng cởi mở, tiếp theo là có khả năng học hỏi không ngừng, không chấp nhận duy trì mãi tình trạng hiện tại bất kể họ đang làm việc cho công ty nào. Mong muốn thay đổi hiện trạng là điều quan trọng nhất, vì nếu nhân viên của bạn không làm thì nhân viên của công ty khác cũng sẽ làm và công ty họ sẽ phá vỡ hiện trạng trước công ty bạn.

Theo Kannan, “không còn những thứ gọi là công việc cấp thấp nữa. Nếu công việc thực sự là lặp đi lặp lại thì nó sẽ được tự động hóa. Cứ mỗi hai hay ba năm, các kỹ năng bạn đang thực hiện sẽ không còn được sử dụng. Câu hỏi đặt ra là liệu bạn có bị sa thải và được tuyển dụng cho công việc xuất hiện tiếp theo hay không, hay một người khác sẽ làm điều đó”.

Mặc dù Kannan đang nói về doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, nhưng ông cũng chỉ ra một trong những lý do quan trọng nhất khiến nước Mỹ cần phải giữ ngành chế tạo trình độ cao ở lại trong nước. Rất nhiều cải tiến, sáng tạo là của các kỹ sư, công nhân thực sự đang sản xuất sản phẩm. Họ biết có gì trục trặc và đoán được những thay đổi mang tính đột phá sắp diễn ra. “Nếu nước Mỹ không còn ngành chế tạo nữa thì thật nguy hiểm”, Kannan giải thích. “Đôi khi khách hàng nói với tôi: ‘PV à, tôi không hiểu sao anh vẫn làm dịch vụ tổng đài, toàn là những công việc đơn giản. Giá trị của dịch vụ chúng tôi nhận được từ anh là số liệu và kết quả phân tích chúng. Tại sao anh không tách nó ra thành một công ty riêng và niêm yết trên thị trường chứng khoán?’ Câu trả lời của tôi là nếu tôi không làm công việc tiếp xúc với khách hàng thì tức là tôi không được tiếp xúc với thực tế nữa, tôi sẽ ở trên trời mất”.

Kannan cho biết, mặc dù rất nhiều nhân viên của ông đang ở Ấn Độ, nhưng toàn bộ nền tảng công nghệ đang hoạt động trên các máy chủ đặt ở Mỹ. Một số công việc phân tích số liệu được làm ở Mỹ. Các chuyên gia giúp khách hàng đọc hiểu số liệu và giải thích chúng có ý nghĩa gì đối với họ thực ra lại làm việc ngay tại văn phòng của khách hàng, bên cạnh khách hàng. “Xét từ

hiều góc độ, những việc làm tốt nhất có mặt ở đây, tại California, và chúng đòi hỏi những kỹ năng ở trình độ cao nhất”, theo lời Kannan.

Rõ ràng là chúng ta không thể cố giữ mọi nhà máy ở lại đất Mỹ. Nhưng chúng ta cần hiểu rằng đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất công nghệ cao, khi một nhà máy chuyển ra nước ngoài thì nó không chỉ đem theo việc làm của hiện tại mà cả của tương lai. “Nếu tất cả các ngành chế tạo và tiếp đó là ngày càng nhiều công việc thiết kế sản phẩm được chuyển sang Ấn Độ và Trung Quốc thì chuyện Google hay Facebook tiếp theo sẽ xuất hiện từ những nước này chỉ còn là vấn đề thời gian”, Kannan cảnh báo.

Công nhân cổ trắng người Mỹ

Vào thời điểm tồi tệ nhất của cuộc khủng hoảng các khoản vay dưới chuẩn, Tom hỏi một người bạn là Jeff Lesk, thành viên điều hành văn phòng Washington của công ty luật quốc tế Nixon Peabody xem cuộc khủng hoảng ảnh hưởng tới ngành luật như thế nào. “Rất nặng nề”, Lesk trả lời. Tất cả mọi người đều sa thải luật sư của họ. Vì tò mò nên Tom hỏi những ai bị sa thải trước tiên. Câu trả lời thật đáng ngạc nhiên. Lesk cho biết không phải những người được tuyển dụng cuối cùng sẽ bị sa thải đầu tiên. Phần lớn các công ty luật sẽ sa thải những người kiếm được việc làm trong thời kỳ bùng nổ của bong bóng tín dụng và bất động sản – họ nhận việc, thực hiện rồi bàn giao lại công việc khi đã hoàn thành. Giờ đây một vài người trong số họ phải ra đi, vì họ làm một công việc không lặp đi lặp lại nhưng theo cách không thay đổi – những người làm nghề sáng tạo kém sáng tạo. Còn những người giữ được việc làm là vì họ tìm ra cách thức làm việc mới, hiệu quả hơn cho những công việc cũ, ứng dụng được công nghệ và quy trình mới, hoặc thậm chí nghĩ ra công việc mới hoàn toàn, được thực hiện theo cách mới hoàn toàn.

Đó là những biểu hiện của xu hướng mới trên thị trường lao động trong thế giới siêu kết nối. Mặc dù về lý thuyết, nghề luật sư – và nhiều nghề khác tương tự – có thể rơi vào nhóm sáng tạo lặp đi lặp lại, nhưng điều đó không có nghĩa là họ không bị ảnh hưởng bởi sức ép của toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin. Hiển nhiên là vào thời kỳ đỉnh cao của bong bóng tín dụng, bất cứ ai vừa tốt nghiệp những trường luật nổi tiếng nhất đều được các công ty tuyển dụng ngay với mức lương hào phóng. Nhưng quá trình toàn cầu hóa, cách mạng công nghệ thông tin và nền kinh tế thất lung buộc bụng

hiện nay đang tạo điều kiện cho ngày càng nhiều công ty lớn có thể tổ chức “đấu thầu” các công việc pháp lý bất cứ khi nào họ muốn – tức là coi nó như một dạng hàng hóa. Vì vậy, công ty luật nào muốn trả lương cao cho nhân viên thì phải cung cấp được thêm giá trị gia tăng nào đó cho khách hàng.

Vì lý do này, vào mùa đông năm 2011, ở công ty Nixon Peabody xuất hiện một chức danh mới: giám đốc sáng tạo.

Nhắc lại xem? Giám đốc sáng tạo? Tại sao công ty luật lại cần người phụ trách sáng tạo?

“Lĩnh vực kinh doanh của chúng tôi là hỗ trợ các hoạt động kinh doanh khác”, Lesk giải thích. Ông là chuyên gia kết hợp các giao dịch bất động sản được hưởng tín dụng thuế để tạo nguồn tài chính cho các dự án phát triển vì cộng đồng, ví dụ dự án nhà cho người thu nhập thấp. “Và chúng tôi nhận thấy cốt lõi hoạt động kinh doanh ở Mỹ đang thay đổi – những giao dịch lặp đi lặp lại với đặc tính tương tự như nhau đang ngày càng ít và thưa thớt hơn. Tính cạnh tranh tăng lên, các rào cản gia nhập thị trường đã giảm bớt. Khách hàng đến với chúng tôi để tìm kiếm những ý tưởng mới thường xuyên hơn”. Vì vậy, công ty luật của ông cũng phải sáng tạo, nhanh nhạy hơn trên mọi lĩnh vực.

Ví dụ, Lesk cho biết, công ty của ông đang đi tiên phong trong việc kết hợp các khoản tín dụng nhà thu nhập thấp với tín dụng năng lượng mặt trời để xây dựng nhà ở sử dụng năng lượng mặt trời dành cho người thu nhập thấp.

Lesk giải thích: “Vài chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành đang tìm hiểu dịch vụ cơ bản mà chúng tôi đã sử dụng được nhiều năm – đó là tín dụng thuế dành cho nhà thu nhập thấp, đồng thời chúng tôi cũng đang nghiên cứu tín dụng thuế dành cho năng lượng tái tạo. Chúng tôi tự hỏi nếu kết hợp chúng với nhau thì thế nào. Vì vậy, chúng tôi đang cùng với khách hàng và đồng nghiệp thử kết hợp hai công cụ tài chính với nhau, tìm hiểu các quy định, yêu cầu và mâu thuẫn giữa hai chương trình phức tạp này của chính phủ rồi nghĩ cách giải quyết các mâu thuẫn”. Tiếp đó, họ thử xây dựng mô hình, đưa ra một vài giả định về giá, kết quả là tìm ra một mô hình cho thấy “chúng tôi có thể đầu tư một dự án nhà thu nhập thấp sử dụng năng lượng mặt trời với việc tận dụng được chính sách tín dụng thuế cho cả hai chương trình quan trọng này ở mức chi phí tối thiểu hoặc chấp nhận được”. Lesk cho biết: “Tức là bạn đã có cách để mọi người có thể mua được những căn nhà vừa túi tiền, lại có chi phí điện thấp hơn. Dự án sẽ do các nhà đầu tư tư nhân bỏ tiền và họ được hưởng tín dụng thuế. Chúng tôi là một trong

những công ty đầu tiên giải quyết được vấn đề và đưa ra một sản phẩm đáp ứng được yêu cầu của chính phủ, thu hút được vốn đầu tư tư nhân và quan trọng nhất là có ý nghĩa”.

Nhưng ngay khi Nixon Peabody mở ra con đường mới thì các công ty luật và kế toán khác cũng đi theo họ, nhờ thế sản phẩm họ đưa ra đã trở thành hàng hóa. Kết quả là, như Lesk nói, “chúng tôi liên tục phải tìm cách cải tiến, điều chỉnh sản phẩm. Hiện tại, chúng tôi đang kết hợp xây nhà giá rẻ với việc sử dụng năng lượng địa nhiệt, đồng thời phác thảo dự án sử dụng pin nhiên liệu. Thế còn dự án năng lượng gió cộng đồng thì sao? Bạn phải tìm ra những cách kết hợp, những phương pháp độc đáo để đi trước đối thủ cạnh tranh”.

Lesk nói tiếp: “Cái khó ló cái khôn. Chúng ta đang sống trong thời kỳ hết sức khó khăn vì những thứ từng có trong quá khứ giờ rất ít ỏi – các loại phí, các loại dự án, các loại giao dịch và nguồn tài chính. Tôi đã làm về tín dụng thuế và nhà giá rẻ được 25 năm rồi. Đây là một lĩnh vực rất chuyên biệt, và lâu nay chỉ có ít người nghiên cứu nó. Nhưng hiện tại nó thay đổi rất nhanh, các rào cản gia nhập thị trường quá thấp khiến chúng tôi đang phải đối mặt với đủ loại đối thủ cạnh tranh chứ không riêng gì các công ty cùng ngành luật”.

Giám đốc sáng tạo ở công ty của Lesk có nhiệm vụ thực hiện các chương trình tuyển dụng, đào tạo và tạo cảm hứng cho các luật sư nhân viên để họ không chỉ làm những công việc pháp lý thông thường ở hiện tại mà còn sáng tạo ra công việc cho tương lai. Đây được coi là tiêu chuẩn đánh giá khi công ty xét lương và thưởng hàng năm cho nhân viên.

Lesk còn là trưởng nhóm chuyên về tài chính tín dụng thuế của công ty. Ông nói: “Trong bản đánh giá năm nay, tôi yêu cầu mỗi thành viên trong nhóm phải nêu được ý tưởng sáng tạo nhất trong năm vừa rồi của họ và họ có gì để đưa ra cho năm tới... Chúng tôi là công ty hợp danh, và chúng tôi chia lợi nhuận sao cho vừa nhìn nhận được đóng góp trong quá khứ vừa dự báo được hiệu quả làm việc của họ trong tương lai”. Cách dự báo hiệu quả làm việc tương lai tốt nhất không nhất thiết phải dựa trên những gì họ làm được trong quá khứ mà còn có thể tính theo khả năng thích ứng, sáng tạo, đổi mới của mỗi người. Lesk cho biết: “Nếu tôi thấy khó khăn trong việc quyết định mức lương giữa các luật sư thì một yếu tố quan trọng được tính đến là khả năng sáng tạo của họ. Và thách thức đối với tôi chính là tìm cách đào tạo cho họ khả năng sáng tạo nếu họ không có sẵn khả năng đó”.

Chỉ tư duy phản biện không thôi thì chưa đủ mang lại những thứ như trước đây – Lesk kết luận. “Tư duy phản biện đã trở thành yếu tố cơ bản để bạn được

tuyển dụng. Nếu tôi phải chọn người nào đó để đảm bảo công ty này tiếp tục thành công thì một trong những phẩm chất quan trọng nhất mà tôi tìm kiếm là khả năng sáng tạo, đổi mới, vì trong điều kiện thế giới thay đổi nhanh như hiện nay thì chỉ phẩm chất ấy mới giúp chúng ta tồn tại và phát triển”.

Công nhân cỏ xanh người Mỹ

Tướng Martin Dempsey là Chủ tịch Hội đồng tham mưu liên quân Mỹ, một cơ quan bao gồm các tướng lĩnh hàng đầu, nhưng trước đó ông là Tư lệnh Sư đoàn thiết giáp số 1 trong cuộc chiến tranh tại Iraq. Chính đơn vị của ông đã chiếm Baghdad từ tay chính quyền Saddam Hussein năm 2003. Sau này ông lần lượt là quyền chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Trung tâm Mỹ (CENTCOM), nơi điều hành toàn bộ lực lượng quân đội Mỹ ở Trung Đông và từ năm 2008 đến 2011 ông là tổng tư lệnh của Bộ tư lệnh Học thuyết và đào tạo Quân đội Mỹ, chuyên phụ trách các cơ sở đào tạo, huấn luyện lính Mỹ cho các cuộc chiến tranh ở thế kỷ 21. Ông vẫn nhớ chính xác khoảnh khắc ánh sáng lóe lên trong đầu: “Chúng ta phải đào tạo, huấn luyện các binh lính và sỹ quan chỉ huy theo một cách khác”.

Ông kể: “Khi tôi là quyền chỉ huy trưởng CENTCOM, tôi có đến thăm một đại úy lục quân trẻ đóng quân ở Afghanistan, gần biên giới với Pakistan. Đó là mùa hè năm 2008. Tại khu doanh trại, cậu ta mô tả cho tôi nghe nhiệm vụ và mục đích hoạt động của mình, và những đợt tuyển quân gần đây của đơn vị cậu ta mà Taliban đang tìm cách giải người vào. Tôi nghĩ doanh trại của cậu ta cách doanh trại gần nhất phải 25km. Ở căn cứ quân sự nhỏ bé vùng biên giới này, cậu ta vẫn tiếp cận được với thông tin tình báo từ cấp chiến thuật thấp nhất cho đến cấp quốc gia và cậu ta được quyền yêu cầu không quân và pháo binh hỗ trợ hỏa lực. Tôi đoán cậu ta khoảng 26 tuổi. Trong khi trò chuyện, tôi có nói với cậu ta: ‘Anh đang có điều kiện tốt hơn cả tôi hồi làm tư lệnh thiết giáp năm 2003 ở Baghdad đấy’. Công nghệ đã thay đổi được rất nhiều thứ... Những nguy cơ mà chúng tôi phải đối mặt đang ngày càng phân cấp, kết nối thành mạng lưới và kết hợp lại với nhau. Chúng không phải là những nguy cơ lớn, nhưng lại khá nguy hiểm. Để chống lại một mạng lưới, bạn cũng phải là một mạng lưới, để chống lại kẻ thù phân tán thì bạn cũng phải phân quyền”.

Khi Dempsey từ Afghanistan quay về tổng hành dinh CENTCOM ở Tampa,

bang Florida, ông tự nhủ: “Chúng ta phải trao quyền lực cho binh lính để họ chiến đấu hiệu quả hơn trong cuộc chiến kiểu mới này. Chúng ta đã cho họ khả năng, quyền hạn và trách nhiệm hoạt động trong các cuộc hành quân riêng lẻ một cách bán độc lập. Nhưng chúng ta chưa thay đổi cách huấn luyện để họ chấp nhận trách nhiệm này”.

Ngay khi nắm quyền chỉ huy hệ thống đào tạo, huấn luyện của quân đội Mỹ, những suy nghĩ của ông đã trở thành trọng tâm hoạt động. Ông kể: “Chúng tôi nói rằng trách nhiệm của người chỉ huy là phải hình dung, hiểu, ra quyết định và chỉ đạo cấp dưới làm theo. Cho đến hiện tại thì chúng tôi vẫn dành đại đa số thời gian để cung cấp các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất để người chỉ huy ra quyết định và chỉ đạo, nhưng gần như không đào tạo cho họ cách hình dung và hiểu tình huống”.

Những thay đổi trong quân đội Mỹ bắt đầu được thực hiện, trước hết là quá trình tuyển quân. Dempsey cho biết 30 năm trước, “chúng tôi muốn tìm những người có thể hình phù hợp, có học vấn và có kỷ luật. Giờ đây, chúng tôi tìm kiếm những người có mong muốn là thành viên của một nhóm có chung giá trị, những người có khả năng giao tiếp, có tính tò mò và có bản năng muốn hợp tác. Các phẩm chất còn lại chúng tôi sẽ đào tạo”.

Dempsey bắt đầu cải cách hoạt động đào tạo trong quân đội với câu hỏi quan trọng nhất: Chúng ta đang sống trong thế giới như thế nào? Ông kết luận rằng quân đội đang phải hoạt động trong cái mà ông gọi là “môi trường học tập cạnh tranh”. Đó là một thế giới mà trong đó, năng lực của quân đội đang được các thành phần phi chính phủ, phe khủng bố và giới tội phạm học tập. Quốc gia - nhà nước không còn là đối thủ cạnh tranh duy nhất của quân đội nữa.

Dempsey cho rằng sẽ là ngốc nghếch, ảo tưởng khi đuổi theo bằng được bất cứ phẩm chất gì mà đối thủ có – cho dù đó là loại bom “lề đường” (được kích nổ từ xa) hay thiết bị gây nhiễu tín hiệu định vị toàn cầu. “Chúng ta không thể không biết những thứ này, nhưng cũng không nên chỉ tập trung vào đối phó với chúng. Cái chúng ta nên làm là đào tạo ra những sỹ quan chỉ huy có khả năng thích ứng với mọi hoàn cảnh trong tương lai mà họ gặp phải, đồng thời biết tạo ra tương lai có lợi cho mình”. Bạn cần những người luôn thích ứng được với môi trường và có thể sáng tạo, vì cả công nghệ lẫn cách thức áp dụng công nghệ của đối thủ đang liên tục thay đổi.

Dempsey lưu ý rằng 30 năm trước, những trải nghiệm một người có được ở trường trung học, ở quân trường, ở đơn vị mà lính mới được phân về hoặc

trên chiến trường thực “không khác nhau nhiều”. Nhờ đó quá trình huấn luyện khá dễ dàng, nhưng hiện tại điều đó không còn đúng. Ngay cả những lực lượng quân sự truyền thống cũng đối mặt với quân Mỹ trên chiến trường theo cách thức phi tập trung “hỗn hợp”. Vì vậy, quân đội phải huấn luyện binh lính sao cho họ hình dung được viễn cảnh đó. Chúng ta phải đem lại cho họ năng lực đối phó được với những diễn biến nằm ngoài dự đoán mà họ sẽ phải trải qua ở những ngôi làng Iraq hay Afghanistan.

Chống lại kẻ thù phân tán cũng giống như “ném quả bóng bowling vào dung dịch thủy ngân”. Đôi khi bạn phải cố tình tạo sự hỗn loạn trong lớp học. Theo Dempsey, “khi tôi nói chúng tôi muốn tạo sự hỗn loạn, thúc đẩy sáng tạo, tận dụng công nghệ để tạo ra mô hình học tập khác” thì ý ông muốn nói chính những giảng viên quân sự cũng phải thay đổi. “Chủ yếu hiện giờ chúng ta chỉ có những giảng viên muốn đóng vai nhân vật uyên bác trên bục giảng: ‘Tôi có kiến thức, còn các anh không có gì. Nên các anh phải chú ý vào bài giảng Power Point của tôi và ghi chép lại. Đến buổi học cuối cùng chúng ta có thể cùng làm các bài tập giải quyết tình huống’. Mô hình lớp học mới phải cung cấp một thứ giống như kho chứa mọi công cụ và phần mềm ứng dụng để sinh viên có thể tự tải về sử dụng”.

Tài liệu hướng dẫn huấn luyện trong quân đội cũng đang thay đổi theo. Dempsey nói: “Chúng tôi có khoảng 400-500 tài liệu về lý thuyết đang được chuyển sang dạng Wiki (bách khoa toàn thư mở). Chúng tôi đã hoàn thành được khoảng 50 tài liệu về những thứ như cách vận hành căn cứ tiền phương, hướng dẫn vượt cầu, cách xử lý thiết bị nổ tự chế (IED), cách tuyển dụng các thủ lĩnh quan trọng ở Iraq hoặc Afghanistan, cách sử dụng máy bay không người lái (UAS) sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Giả sử bạn có trong tay tài liệu về cách vận hành một căn cứ tiền phương ở Afghanistan. Trước đây, những người chịu trách nhiệm về lý thuyết sẽ xuất bản nó. Sẽ mất ba hoặc bốn năm để hội đồng thẩm định hoàn chỉnh tài liệu, rồi phải mất năm đến bảy năm để nó được đưa xuống giảng dạy ở trường quân sự. Nhưng giờ đây, chúng tôi đưa hết lên một trang Wiki để những người trong nghề có thể liên tục chỉnh sửa, đóng góp vào nội dung tài liệu dựa trên kinh nghiệm thực tế trên chiến trường của mỗi người. Nhờ vậy, các tài liệu luôn luôn được binh lính trên chiến trường cập nhật, tự thay đổi và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Wiki trở thành cuốn giáo trình sống và có các sỹ quan chuyên thực hiện nhiệm vụ theo dõi, quản lý trang Wiki lý thuyết này”. (Bạn đừng lo, trang web được bảo vệ nên lực lượng al-Qaeda không đọc được đâu!)

Dempsey cho biết hiện tại, các tân binh đều có thái độ ham thích gần như vô hạn đối với thông tin, truy cập và kết nối. “Họ muốn một mình ngồi giữa sân bóng mà kết nối được với cả thế giới”. Dempsey nói thêm: “Họ có thể lực kém hơn so với thế hệ trước vì ít luyện tập. Và mỗi người có các giá trị sống khác nhau”. Có nghĩa là họ có mục đích và lòng yêu nước chân thành và có mong muốn chung là thuộc về một cộng đồng nào đó, nhưng họ không có thêm gì hơn. “Thế nên chúng tôi đã thực hiện những thay đổi lớn trong chương trình huấn luyện thể lực cũng như xây dựng giá trị sống. Ý tôi không phải là giá trị sống của họ không tốt, nhưng trong số tất cả những giá trị làm nên binh nghiệp, điều đầu tiên và quan trọng nhất là lòng tin. Nếu chúng tôi có thể làm được một điều cho các tân binh thì đó là truyền cho họ sự tin tưởng lẫn nhau, vì mục tiêu thực hiện mệnh lệnh cũng như vì cả quốc gia”.

Mười năm trước, quân đội thực hiện truyền đạt kiến thức bằng cách học vẹt, nhất là trong huấn luyện cơ bản. “Hiện chúng tôi vẫn làm như cũ, nhưng có điều chỉnh sao cho cân bằng với phương pháp đào tạo dựa trên kết quả. Giả sử bài tập là sơ tán một người bị thương. Trước kia chúng tôi giảng với bài trình bày Power Point trên lớp, sau đó đưa học viên ra thực hành ở hiện trường. Giờ thì chúng tôi bắt đầu luôn tại hiện trường vì chúng tôi không chỉ muốn học viên làm tốt nhiệm vụ mà khi học xong, họ còn phải tin tưởng lẫn nhau. Chúng tôi cũng thực hiện học nhóm. Trước đây, sỹ quan huấn luyện là Chúa trời. Anh ta nói gì mọi người phải tin đúng như thế. Còn điều gì anh ta không nói thì tức là nó không quan trọng. Hiện tại, các sỹ quan huấn luyện đều hiểu rằng dưới quyền họ có những thanh niên có khả năng lãnh đạo, và họ tạo điều kiện cho những người đó. Họ sẽ nói với một vài học viên: ‘Anh sẽ chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ này. Đây là chiếc điện thoại iPhone có phần mềm ứng dụng. Anh hãy tìm hiểu và dùng nó để cộng tác với người khác, và đến thứ sáu anh sẽ lên giảng cho cả lớp’. Chúng tôi nhận thấy học viên lắng nghe bạn học hơn là lắng nghe chúng tôi. Khi làm như vậy, mỗi người lính không chỉ phải nắm vững kỹ năng anh ta phải giảng mà còn tạo được giá trị gia tăng khi giảng lại cho bạn bè”.

Nguyên tắc cơ bản: “Hợp tác đóng vai trò rất quan trọng trên chiến trường và sự tin tưởng lẫn nhau chính là chất xi măng kết dính” – theo lời Dempsey. “Và sự tin tưởng cũng là yếu tố tiên quyết để có sáng tạo. Bạn không bao giờ sáng tạo được nếu bạn nghĩ không ai quan tâm đến những điều mình nói. Vì vậy, nếu thiếu đi sự tin tưởng thì sẽ không có sáng tạo, không có giao tiếp, và không có hợp tác. Sự tin tưởng chính là động lực cơ bản. Đó là lý do tại sao giờ đây bạn cần xây dựng quyền lực từ dưới lên thay vì từ trên xuống”.

Dempsey giải thích rằng cách đây chưa lâu, một sỹ quan cấp thấp có thể nhận được thông tin tình báo từ cấp trên và thừa hành nhiệm vụ dựa trên chúng. Không ai tin rằng viên sỹ quan có thể nắm vững thông tin và đóng góp đáng kể vào cách hiểu thông tin của cấp trên. “Nhưng trong bối cảnh hiện nay, những thông tin quan trọng lại từ dưới đi lên chứ không phải từ trên xuống nữa”. Có nghĩa là nhân sự cấp thấp cũng đang chịu trách nhiệm sáng tạo ra và nhận biết được bối cảnh tác chiến của họ không kém gì các sỹ quan cấp cao trên chiến trường. “Chúng tôi giao điện thoại iPhone cho học viên đang tham gia huấn luyện cơ bản để họ có thể sử dụng các phần mềm ứng dụng và hợp tác khi làm bài tập. Tôi thích cái ý nghĩ rằng chúng tôi đang ngày càng thích ứng với môi trường tốt hơn – nhanh chóng học hỏi được từ những kinh nghiệm và rút kinh nghiệm. Chúng tôi phải làm việc này một cách nhanh chóng và khôn ngoan... Tôi muốn họ [quân đội Mỹ] phải là một tổ chức ham học hỏi và có khả năng thích ứng”.

Cựu đồng ngũ của Dempsey ở Iraq, tướng Stanley McChrystal cũng chứng kiến cuộc cách mạng này trên chiến trường ở khía cạnh hiệu quả nhất của nó. Thời gian này ông chỉ huy lực lượng đặc nhiệm tại Iraq, tham gia các cuộc chiến tranh bí mật với lực lượng al-Qaeda và các phần tử đảng Baath và hỗ trợ phe nổi dậy. Ông sử dụng kết hợp các phương pháp sáng tạo, phi truyền thống với công nghệ hiện đại. Chrystal kể cho chúng tôi nghe cuộc cách mạng ông tiến hành như sau:

“Ông tôi là lính. Bố tôi cũng là lính. Hồi cuối Thế chiến thứ nhất, từ lúc ông tôi làm trung úy đến khi lên đại tá, công nghệ cũng có thay đổi. Nhưng nó không thay đổi quá nhanh, quá nhiều đến mức kinh nghiệm của ông không đem lại cho ông năng lực chuyên môn để xứng đáng với vị trí và đáng tin cậy đối với cấp dưới. Thực tế ngày nay thì là khi một vị tướng nói chuyện với một đại úy thì vị tướng đó hầu như chưa bao giờ sử dụng những hệ thống thông tin liên lạc, mạng lưới tình báo hay hệ thống vũ khí mà viên đại úy đang có. Vì vậy khi vị tướng hoặc viên đại tá tổ thái độ lãnh đạo với cấp dưới thì viên đại úy sẽ nhìn vào ông ta và nghĩ: tay này chưa bao giờ làm việc mình đang làm, thậm chí giống vậy cũng chưa. Tức là vấn đề là ở chỗ: Người lãnh đạo phải làm gì để duy trì được vị thế của mình trong một tổ chức lớn? Cấp dưới dựa vào đâu để tin ông ta? Trông ông ta có đáng nể phục không? Đây là vấn đề thực sự lớn. Mọi thứ thay đổi quá nhanh khiến cho ai cũng cảm thấy khó mà giữ được vị thế một chuyên gia và lãnh đạo được cấp dưới”.

Có một cách giúp bạn đạt được cả hai mục tiêu này: hãy làm người soạn nhạc và truyền cảm hứng thay vì đóng vai một vị chỉ huy cổ điển hiếu chiến,

cứng nhắc. Để lấy ví dụ, McChrystal mô tả một vài sỹ quan chỉ huy lực lượng đặc nhiệm ở Iraq, để thích ứng với thực tế, đã biến đơn vị của mình từ những “tay súng thông thường” – chỉ biết giết hoặc bắt sống đối thủ – thành những chuyên gia điều tra phân tích, luôn tìm kiếm mục tiêu, nghĩ về mục tiêu ngay cả khi không ở chiến trường. “Trước đây, khi không phải thực hiện nhiệm vụ thì binh lính chỉ tập thể lực hoặc ngủ”, McChrystal kể. Các sỹ quan chỉ huy liền yêu cầu họ ngồi vào bàn để phân tích, sàng lọc và lập luận dựa trên tất cả các thông tin tình báo ban đầu về mục tiêu dự kiến. “Kết quả là năng lực chiến đấu trên chiến trường [của các sỹ quan chỉ huy] có thể tăng lên mười lần. Họ đã tạo ra những người lính có óc sáng tạo, luôn tìm kiếm thông tin. Họ tham gia chủ động hơn vào nhiệm vụ vì họ chính là người lắp ghép, phân tích thông tin và đưa ra lựa chọn ưu tiên... Họ cẩn trọng không bỏ phí các điệp viên cảm vì điều đó ảnh hưởng đến khả năng làm việc của họ, [và] họ sẽ không quyết định điều quân đi thực hiện một nhiệm vụ ngớ ngẩn vì chính họ là người phải ra trận. Khi bắt đối phương, họ sẽ tiến hành thẩm vấn. Nhờ đó họ làm việc hiệu quả hơn rất nhiều”.

Công nhân cổ xanh người Mỹ

DuPont sản xuất rất nhiều thứ. Để tồn tại được sau 208 năm, một công ty phải có khả năng làm tốt nhiều sản phẩm. Thực tế là DuPont có nhiều sản phẩm đến mức nếu bạn vào trang web của họ, mở phần “Sản phẩm và Dịch vụ” ra bạn sẽ thấy một danh sách xếp theo thứ tự bảng chữ cái. Khi mở bất cứ chữ cái nào – trừ các chữ J, Q và X – bạn sẽ thấy các sản phẩm của DuPont bắt đầu bằng chữ cái đó. Chữ H sẽ cho bạn thấy thuốc diệt cỏ Harmony® Extra XP. Chữ Z sẽ là chất tổng hợp nhân tạo Zenite® LCP. Với từng ấy sản phẩm của DuPont và số công nhân cổ xanh mà họ đang sử dụng trên toàn thế giới thì không ai có thể mô tả chính xác hơn những yêu cầu đối với công nhân cổ xanh của thế kỷ 21 hơn Ellen Kullman, tổng giám đốc điều hành thứ 19 của DuPont, nhậm chức năm 2009. Trong cuộc phỏng vấn tại trụ sở công ty ở Wilmington, bang Delaware, Kullman dùng một từ duy nhất để chỉ cái mà bà tìm kiếm ở mọi nhân viên trong bối cảnh hiện tại – từ phó chủ tịch công ty đến công nhân trên dây chuyền sản xuất: “sự hiện diện”. “Chúng tôi muốn mọi nhân viên phải hiện diện trong phòng. Ý tôi là những công việc lặp đi lặp lại đều đã mất đi nhờ có máy móc. Giờ đây, bạn cần có những người

có thể tư duy, tương tác và hợp tác. Để làm được, họ phải tham gia, phải lưu tâm, tức là *phải hiện diện* tại văn phòng thì họ mới thể hiện được cái mình đem lại cho mọi người chứ không chỉ là chiếm không gian. Cho dù bạn nắm giữ nhiệm vụ gì ở công ty đi nữa, bạn đều phải hiểu bạn đem lại *thêm* giá trị gì [cho toàn bộ chuỗi công việc]. Nhưng bạn sẽ thất bại nếu bạn chỉ đến công ty và hỏi: “Khi nào tôi phải đến và khi nào tôi phải về?”

Bà nói thêm là các công nhân làm việc trên dây chuyền sản xuất của DuPont ngày nay phải biết “hợp tác và làm việc theo nhóm, họ phải có khả năng giao tiếp với các kỹ sư, báo cho họ biết về tất cả những gì mình thấy trên dây chuyền mỗi ngày. Họ phải tư duy trong mỗi việc họ làm – chứ không chỉ đến chỗ ngồi nhỏ của mình và ấn nút suốt ngày. Môi trường làm việc ngày nay mang tính thống nhất và hợp tác”.

Một công nhân dây chuyền sản xuất khi tham gia hợp tác có thể giúp công ty tiết kiệm được hàng triệu dollar chỉ với một ý tưởng. Kullman đã kể cho chúng tôi một ví dụ. DuPont đầu tư một số tiền khổng lồ vào nhà xưởng và máy móc mỗi năm, và bí quyết để họ có lợi nhuận là số máy móc đó phải hoạt động 24 giờ một ngày, bảy ngày một tuần. Kullman nói: “Nên chúng tôi thường xuyên đo thời gian chạy máy và hiệu suất của từng loại thiết bị”. Công ty có một nhà máy lớn ở Spruance, bang Virginia. Trên một dây chuyền thiết bị nhả sợi Kevlar, máy móc liên tục hỏng khiến cả dây chuyền phải ngừng hoạt động. Kullman nhớ lại: “Các kỹ sư ngồi tại đó và cố tìm ra cách giải quyết, rồi một công nhân vận hành dây chuyền bước vào và nói: ‘Các anh biết không, lạ một điều là tiếng kêu của mấy cái máy hỏng nghe khác lắm’. Các kỹ sư liền làm việc với người công nhân và tìm ra chỗ hỏng hóc ở thiết bị mới. Ngay lập tức cả nhà máy lại hoạt động hết công suất. Nghĩa là các kỹ sư không phải lúc nào cũng ở nhà máy như công nhân. Họ không nghe được tiếng máy hàng ngày... Đó là lý do tại sao mỗi nhân viên cần có tư duy về cách thức làm cho mọi sản phẩm được tốt hơn”.

Gần đây, DuPont đã áp dụng hệ thống quản lý sản xuất trên toàn công ty với nguyên tắc là họ mời tất cả các nhân viên tham gia cải tiến sản phẩm hoặc quy trình sản xuất. Kullman giải thích: “Mọi nhân viên đều phải tham gia, nên chúng tôi đang dành rất nhiều thời gian để nghĩ xem ban lãnh đạo phải làm gì để tạo ra môi trường tốt nhất, từ đó chúng tôi khai thác được hết năng lực của người lao động, máy móc và nhà xưởng, và cả công ty”.

Kevlar là loại sợi tổng hợp dùng để làm áo chống đạn và là một trong những sản phẩm đặc trưng của DuPont. DuPont chỉ sử dụng tài sản nội bộ trong

công ty nhưng vẫn duy trì được vị thế đứng đầu thị trường về sản phẩm này. Theo Kullman, “sợi Kevlar chúng tôi làm ra ngày nay đã hoàn toàn khác so với 20 năm trước xét về cả độ bền và độ nhẹ. Các nhà nghiên cứu đã phải làm việc với các kỹ sư và công nhân sản xuất để làm cho cả hệ thống hoạt động tốt hơn. Và chúng tôi phải làm như vậy. Thế giới không đợi bạn. Có nhiều đối thủ cạnh tranh hết sức mạnh mẽ. Gần đây tôi có xuống một nhà máy ở bang Texas, và họ có một bộ phận bao gồm công nhân bảo trì, công nhân vận hành máy và kỹ sư cũng làm việc trong một căn phòng. Mười người bọn họ sẽ cùng giải quyết một vấn đề: làm thế nào để giảm thời gian chờ đợi bảo trì cho mỗi máy và tăng thời gian sản xuất mỗi ngày. Rất đáng xem cách họ làm việc với nhau: mỗi người lần lượt phát biểu bên bàn vẽ và cùng nỗ lực giải quyết một vấn đề chung”.

DuPont không có lao động rẻ tiền. “Nhà máy của chúng tôi chứa toàn thiết bị lớn”, Kullman giải thích. “Một trong những yếu tố được chúng tôi xem xét khi quyết định địa điểm đặt nhà máy là địa phương có lực lượng lao động có trình độ hay không. Nhà máy ở Spruance chuyên sản xuất sợi Kevlar đặt ra ba tiêu chuẩn khi tuyển công nhân vận hành dây chuyền sản xuất: tốt nghiệp trên phổ thông – có thể là bằng trung cấp nghề hoặc cao đẳng; hoặc có kinh nghiệm ở công ty khác; hoặc đã từng ở trong quân ngũ. Bạn phải có hai trong số ba tiêu chuẩn trên. Và chúng tôi hợp tác với các trường cao đẳng địa phương để đảm bảo rằng chúng tôi được tiếp xúc với đúng những người như yêu cầu. Cách phỏng vấn ứng viên cũng khác so với hàng chục năm trước. Ứng viên phải có khả năng giao tiếp với các kỹ sư. Họ phải có khả năng tư duy về công việc”.

Mọi công nhân, mọi màu sắc, mọi nơi

Matt Barrie là người sáng lập trang web freelancer.com. Công việc của ông là kết nối một người bất kỳ trên thế giới đang tìm một sản phẩm hoặc dịch vụ với một người bất kỳ khác trên thế giới có thể sản xuất sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ đó. Bất kể bạn muốn gì, bạn cũng chỉ cần đưa yêu cầu lên trang Freelancer.com và xem ai sẵn sàng cung cấp cái bạn muốn với giá rẻ nhất. Mọi người sẽ kinh ngạc nếu biết ngày nay có bao nhiêu thứ được làm theo cách như vậy, không chỉ những công việc rõ ràng như xây dựng phần mềm, làm trang web, thiết kế logo, đồ họa, nhập dữ liệu và viết bài tự do.

Freelancer hưởng một tỉ lệ hoa hồng từ người sử dụng lao động và người lao động. Chắc chắn một vài người sử dụng sẽ phàn nàn là freelancer.com lấy phí trước khi thực hiện công việc và cũng có vài trường hợp một bên không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Nhưng những người sử dụng nói rằng nếu bạn đòi thanh toán trước một ít tiền trước khi hoàn thành công việc và đọc hết những đánh giá trên mạng về đối tác tiềm năng của bạn, những ý kiến của người đi trước cho biết họ được đối xử như thế nào thì trang web sẽ là nguồn thu nhập và cung cấp lao động tuyệt vời. Xét về nhiều mặt, đây chính là dạng cuối cùng của diễn đàn “Cần giúp đỡ” và chắc chắn tương lai diễn đàn sẽ trở thành như vậy. Hồi chúng tôi nói chuyện với Barrie vào tháng 3/2010 freelancer.com có 2,8 triệu người làm việc tự do đăng tin, nhận cung cấp mọi loại sản phẩm, dịch vụ mà bạn có thể tưởng tượng ra.

Barrie nói: “Cả thế giới đang kết nối với nhau với tốc độ khó tin”, và rất nhiều người vừa tham gia kết nối đã đến với trang web freelancer.com để đăng tin về năng lực của mình. Barrie cho biết trang web của ông chủ yếu được các công ty vừa và nhỏ sử dụng để thuê ngoài các dự án nhỏ, thường có giá trị dưới 200 dollar ở các nước phát triển và đang phát triển. Đến cuối năm 2011, đã có trên 1 triệu dự án được giao cho những người làm việc tự do, đem lại cho họ thu nhập hơn 100 triệu dollar. Barrie sống ở Australia. Ông mô tả đội quân làm việc tự do toàn cầu ngày càng đông này như thế họ là người của ông: “Họ đều có bằng Ph.D (tiến sỹ). Họ nghèo (poor), đói (hungry) và có động lực làm việc (driven)”.

Barrie đã cho chúng tôi vài ví dụ về sự “cần giúp đỡ” mà mọi người tìm kiếm trên trang web của ông vào tháng 3/2010: Có người đang tìm một chuyên gia thiết kế để thiết kế “một chiếc xe chạy thật tốt trên cát”. 40 người đã tham gia đấu thầu với mức giá trung bình là 268 dollar. Một người khác tìm kiến trúc sư để thiết kế “một quán cà phê rửa xe”. 37 người tham gia đấu thầu với mức giá trung bình 168 dollar. Một người khác đang tìm “sáu công thức kẹo cao su” phù hợp với thị trường Australia. Có hai người tham gia đấu thầu với mức giá trung bình 375 dollar. Một người nữa tìm “một bài hát nhạc rap để giúp các sinh viên người Hoa học tiếng Anh” và nhận được ba đề xuất với mức giá trung bình 157 dollar. Khi Barrie cần một bài phát biểu chỉ có vài từ để đọc khi nhận giải Webby, ông đặt mức thù lao 1.000 dollar cho người có ý tưởng hay nhất. Ông đã nhận được 2.730 đề xuất và đã chọn câu: “Sự bùng nổ công nghệ đã quay lại”

Sự thực đúng là như thế.

Quy luật của Carlson

Nếu chúng ta quay lại và xem xét tất cả các câu chuyện nói trên thì sẽ thấy rõ xu hướng rất quan trọng hiện nay ở các công ty: những người làm việc ở cấp độ thấp nhất đang ngày càng có nhiều quyền lực hơn, tức là quá trình cải tiến, đổi mới sẽ xuất hiện từ dưới lên chứ không phải từ trên xuống nữa. Vì vậy, chúng ta phải nỗ lực hết sức để duy trì càng nhiều hoạt động sản xuất chế tạo cao cấp ở Mỹ càng tốt để tạo cơ hội cho công nhân tham gia vào quá trình cải tiến.

“Mọi người thường nghĩ sáng kiến thường xuất hiện khi bạn đang tắm”, Ernie Moniz nói. Ông là nhà vật lý đứng đầu nhóm Sáng kiến Năng lượng của Học viện công nghệ Massachusetts. “Nhưng sự thực là nó sẽ ngày càng xuất hiện nhiều từ quá trình bạn quan sát vấn đề. Bạn sẽ có sáng kiến khi bạn làm việc với thực tế”. Đương nhiên có những sáng kiến là sáng tạo thuần túy, làm ra đời một sản phẩm hoặc một dịch vụ mà chưa ai nghĩ đến trước đó. Nhưng sẽ có ngày càng nhiều sáng kiến hình thành từ quá trình con người làm việc trên dây chuyền sản xuất, quan sát vấn đề và tìm ra giải pháp, sau đó chính nó sẽ trở thành sản phẩm mới. Đó là lý do tại sao nếu chúng ta không giữ được các ngành chế tạo ở Mỹ, nhất là chế tạo sản phẩm công nghệ cao thì chúng ta sẽ mất đi một nguồn sáng tạo quan trọng: kinh nghiệm làm việc trực tiếp với sản phẩm và kinh nghiệm nghiên cứu cải tiến nó, làm thế nào để thay thế nó bằng sản phẩm tốt hơn.

“Giờ đây, rất nhiều sáng kiến hình thành ngay trên sàn công xưởng”, tổng giám đốc điều hành Hewlett-Packard là Léo Apotheker cho biết. Thực tế là khi bạn mở một nhà máy và làm đúng cách thì “năng suất của nó sẽ cao hơn sau một năm vì bản thân các công nhân trực tiếp làm việc chính là những người có tư duy phản biện, họ có thể cải tiến quy trình sản xuất ngay trong công việc hàng ngày” – theo lời Byron Auguste, giám đốc McKinsey. Ông lưu ý rằng ở bất cứ một công xưởng hay một tổng đài điện thoại nào cũng vậy, “giữa các bộ phận khác nhau trong cùng một hệ thống, năng suất làm việc đều có thể rất khác nhau. Nếu ngay ở tổng đài, bạn có những con người thường xuyên học hỏi thì ai cũng có cơ hội học tập và truyền lại cho người khác, nhờ vậy tất cả mọi người đều tiến bộ hơn. Nếu bạn làm được điều này trong mọi giai đoạn sản xuất, thiết kế và dịch vụ hậu mãi, bạn sẽ có một hệ

thống có tốc độ tăng trưởng năng suất là 3% mỗi năm, bất kể bạn có được tiếp cận với những phát minh mới ở Đại học Carnegia Mellon hay Thung lũng Silicon hay không”.

Trước kia, các công ty thường có “trung tâm sáng tạo” riêng biệt, tại đó các nhóm nghiên cứu và triển khai gồm các cá nhân xuất sắc sẽ tìm ra các sản phẩm mới mà sau này sẽ được sản xuất trên dây chuyền. Một số công ty vẫn có những trung tâm như vậy, nhưng nhiều công ty khác đang chọn cách sáng tạo liên tục với sự tham gia của cả công nhân trên dây chuyền sản xuất lẫn ban lãnh đạo công ty. Giờ đây, mọi công nhân đều là tham gia vào quá trình sáng tạo, sử dụng những công cụ kết nối như Twitter và Facebook. Công nhân sản xuất không chỉ có nhiều thông tin hơn trước kia mà họ còn có khả năng truyền đạt những gì họ học được tới quản lý cấp cao hơn cũng như tới mọi thành viên khác của công ty.

Sáng tạo liên tục không còn là điều xa xỉ nữa mà đã trở thành nhu cầu bức thiết. Trong thế giới siêu kết nối, điều gì cũng có thể xảy ra và nó sẽ xảy ra. Câu hỏi duy nhất một công ty gặp phải lại liệu họ sẽ tự làm điều đó hay đối thủ sẽ làm, nhưng trước sau gì nó cũng được thực hiện. Một sản phẩm mang tính đột phá, ví dụ điện thoại iPhone đã ngay lập tức làm xuất hiện đối thủ cạnh tranh – điện thoại Android. Chỉ trong vài tháng, máy tính bảng iPad cũng đã có vô số sản phẩm cạnh tranh cùng. Vì thế, công ty nào không thường xuyên sáng tạo bằng cách tận dụng trí tuệ của mọi thành viên, mọi cấp quản lý thì sẽ bị tụt hậu nhanh và xa hơn bao giờ hết.

Trước khi thế giới trở thành siêu kết nối, các công ty Mỹ đã chuyển việc làm trong nước đi khắp thế giới, tức là họ thuê người nước khác làm một số phần trong quy trình kinh doanh của họ. Bằng cách này, họ tiết kiệm được tiền để có thể tái đầu tư vào sản phẩm mới, dịch vụ mới và vào con người ở nước Mỹ, lý do là họ có thể làm được như vậy. Giờ đây, các công ty đem việc làm đi khắp thế giới để “thuê đám đông cùng làm”, phân phối hoạt động sáng tạo khắp nơi, bởi vì họ buộc phải làm như vậy. Họ tìm những trí tuệ sáng tạo nhất, lực lượng lao động có năng suất cao nhất, nơi có chính sách thuế hấp dẫn nhất, cơ sở hạ tầng tốt nhất hoặc gần thị trường tăng trưởng lớn nhất vì *họ buộc phải làm như vậy*. Họ buộc phải sử dụng “đám đông” trên toàn cầu để phát minh, thiết kế, chế tạo, cải tiến và bán sản phẩm. Nếu không đối thủ của họ sẽ làm thay. Chúng tôi xin nhắc lại: trong thế giới siêu kết nối, bất cứ điều gì có thể xảy ra đều sẽ xảy ra. Vấn đề duy nhất chỉ là bạn làm hay đối thủ làm mà thôi.

Hãy hỏi Curtis Carlson, tổng giám đốc điều hành SRI International, một công ty đóng vai trò như một trung tâm sáng tạo của các chính phủ và công ty khác về mọi lĩnh vực từ giáo dục, năng lượng sạch đến an ninh trong nước. Các cơ quan nhà nước và công ty tư nhân đến với Carlson và đội ngũ nhà khoa học, kỹ sư, chuyên gia giáo dục của ông, mô tả cho ông nghe điều họ muốn – thường là những mơ ước cao siêu hoặc giải pháp cho những vấn đề có vẻ như không thể giải quyết được – và yêu cầu SRI tìm ra đáp số. Khi nhận được yêu cầu, việc đầu tiên Carlson làm là xây dựng đội ngũ sẽ thực hiện công việc, bao gồm các nhà khoa học, kỹ sư và nhà thiết kế của SRI cộng với chuyên gia từ bên ngoài – những người phù hợp nhất mà ông có.

Carlson giải thích: “Ngày nay, còn rất ít những vấn đề mà chỉ một người với một kỹ năng cũng có thể giải quyết được. Có nghĩa là bạn phải lập được một nhóm làm việc tốt nhất. Không phải tốt mà là tốt nhất. Nếu bạn không muốn mình ở ‘đẳng cấp thế giới’ thì cũng có nghĩa là rất nhiều người khác cũng làm được như bạn. Bạn phải muốn nhóm của mình là nhóm tốt nhất trên thế giới này”.

Với khả năng sáng tạo đang gia tăng và kiến thức thì dễ dàng đi từ dưới lên trên chứ không phải từ trên xuống như hiện nay – bao gồm khả năng phát minh, thiết kế, chế tạo, cải tiến và bán sản phẩm, Carlson đang chứng kiến một xu hướng đang lớn dần: “Có ngày càng nhiều sáng kiến đi từ trên xuống, bắt buộc người khác phải làm theo nhưng rất ngớ ngẩn. Những sáng kiến đi từ dưới lên thì có vẻ lộn xộn, nhưng thực ra lại rất khôn ngoan”. Nên “điểm kết hợp các nhân tố tối ưu trong sáng tạo ngày nay đang dịch chuyển dần xuống cấp thấp hơn”.

Chúng tôi gọi đây là Quy luật của Carlson: *Những sáng kiến đi từ trên xuống mang tính bắt buộc nhưng rất ngớ ngẩn. Những sáng kiến đi từ dưới lên có vẻ lộn xộn nhưng lại khôn ngoan.* Do vậy, quan trọng là mọi công nhân phải trở thành người sáng tạo có tính sáng tạo, hoặc người phục vụ có tính sáng tạo, còn mọi nhà quản lý phải hiểu rằng nhiệm vụ của mình là tận dụng Quy luật của Carlson, tức là tìm cách tạo nguồn cảm hứng, tạo điều kiện và giải phóng cho sự sáng tạo từ dưới lên, sau đó chỉnh sửa, giám sát và lồng ghép sáng kiến thu được vào cả tổ chức, từ trên xuống dưới, để sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ, tạo ra các khái niệm mới.

Vào tháng 3/2011, Carlson kể: “Có lần chúng tôi có một nhóm người Nhật đến thăm SRI và một thành viên trong đoàn hỏi tôi: ‘Mỗi ngày ông phải ra bao nhiêu quyết định quan trọng?’ Tôi đáp: ‘Mục đích của tôi không phải ra

quyết định quan trọng. Không phải ngày nào tôi cũng tiếp xúc, tương tác với khách hàng hoặc với công nghệ. Nhân viên của tôi mới là người làm công việc tương tác đó, nên [nếu họ đang phải theo tiến độ dự án mà] cứ phải chờ đợi tôi quyết định thì sẽ rất chậm. Nhưng điều đó không có nghĩa là tôi không có việc gì làm. Nhiệm vụ của tôi là tham gia tạo ra môi trường làm việc mà trong đó các quyết định cần thiết sẽ xuất hiện khi cần – và tôi hỗ trợ, khen thưởng, tạo điều kiện cho những người ra quyết định”.

Theo Carlson, ông tự coi mình giống như một “thị trường” trong công ty, giúp mọi bộ phận hòa hợp với nhau, lắng nghe những gì cử tri – nhân viên nói thay vì đóng vai một tổng giám đốc điều hành cổ điển chuyên ra lệnh từ trên xuống.

Như vậy là: Không còn thị trường lao động như thời ông bà bạn nữa, thậm chí cũng chẳng giống thời bố mẹ bạn. Mỗi chúng ta phải “hiện diện” ở đây, mọi lúc, trong mọi việc chúng ta làm để chúng ta có thể trở thành hoặc người sáng tạo có óc sáng tạo, hoặc người phục vụ có óc sáng tạo. Có thể bạn mới tìm được việc làm. Đó là lý do tại sao các trường học phải trang bị cho học viên để họ làm được những công việc mà không chỉ gồm nhiệm vụ họ được giao mà còn đem lại giá trị gia tăng khác.

Lý do là trong thế giới siêu kết nối này, ngày càng không còn khái niệm “ở đây” hay “ở kia”, không còn “đi vào” hay “đi ra” mà chỉ còn “tốt”, “tốt hơn” và “tốt nhất”. Và hơn bao giờ hết, các nhà quản lý, các doanh nhân ở khắp mọi nơi đang có khả năng tiếp cận với những người giỏi nhất, những người máy tốt nhất, những phần mềm tuyệt vời nhất đến từ bất cứ đâu. Vì vậy, điều hết sức quan trọng là chúng ta phải có những trường học có thể khuyến khích, tạo cảm hứng cho thêm nhiều thanh niên phấn đấu bước vào nhóm người “tốt hơn” và “tốt nhất” bởi ngay cả “tốt” cũng chưa đủ, còn “trung bình” thì rõ ràng đã hết thời.

Với ai cũng vậy, để tìm ra “giá trị gia tăng” thì đều cần được học nhiều hơn, tốt hơn. Hai chương tiếp theo sẽ cho biết chúng ta phải cung cấp dịch vụ giáo dục như thế nào để mọi người Mỹ có thể thích ứng được với quá trình kết hợp giữa toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin.

SÁU

Làm việc x 2 = giấc mơ Mỹ

ORLANDO, Fla, ngày 31/5/2011/Bản tin PR/ – Nhóm sinh viên Đại học Chiết Giang đã giành được chức vô địch thế giới trong cuộc thi của Hiệp hội Lập trình máy tính quốc tế 2011. Cuộc thi do IBM tài trợ, còn được gọi là “cuộc chiến trí tuệ” đã thu hút sự tham gia của 105 đội tuyển từ các trường đại học tham gia giải quyết những bài toán lập trình khó nhất chỉ trong năm giờ. Với tốc độ và trình độ xuất sắc, đội tuyển Đại học Chiết Giang đã giải quyết thành công tám bài toán trong năm giờ. Các nhà vô địch sẽ trở về nhà với cúp lưu niệm dành cho những người “thông minh nhất thế giới” cùng phần thưởng của IBM, học bổng và cam kết tuyển dụng hoặc thực tập tại IBM. 12 đội tuyển hàng đầu được trao huy chương gồm:

- Đại học Chiết Giang (huy chương vàng, vô địch thế giới, Trung Quốc)
- Đại học Michigan tại Ann Arbor (huy chương vàng, đứng thứ 2, Mỹ)
- Đại học Thanh Hoa (huy chương vàng, đứng thứ 3, Trung Quốc)
- Đại học St. Petersburg (huy chương vàng, đứng thứ 4, Nga)
- Đại học Nizhny Novgorod (huy chương bạc, đứng thứ 5, Nga)
- Đại học Saratov (huy chương bạc, đứng thứ 6, Nga)
- Đại học Friedrich – Alexander Erlangen – Nuremberg (huy chương bạc, đứng thứ 7, Đức)
- Đại học Quốc gia Donetsk (huy chương bạc, đứng thứ 8, Ukraine)
- Đại học Jagiellonia tại Krakow (huy chương đồng, đứng thứ 9, Ba Lan)
- Đại học Moscow (huy chương đồng, đứng thứ 10, Nga)
- Đại học Uran (huy chương đồng, đứng thứ 11, Nga)
- Đại học Waterloo (huy chương đồng, đứng thứ 12, Canada).

Hillary Clinton chưa bao giờ xin chúng tôi lời khuyên về sự nghiệp. Nếu bà có hỏi thì chúng tôi sẽ trả lời như sau: Khi Tổng thống Barack Obama đến gặp bà và mời bà làm bộ trưởng ngoại giao, đáng lẽ bà nên nói: “Không, cảm ơn ngài. Tôi thích vị trí đứng đầu đất nước hơn. Ngài tổng thống ạ, bộ trưởng ngoại giao là một vị trí tuyệt vời thời kỳ Chiến tranh Lạnh vì hồi đó nó quan trọng. Tất nhiên một số thứ vẫn chưa thay đổi. Vẫn như trước kia, bộ trưởng ngoại giao dành phần lớn thời gian để nói chuyện, đàm phán với chính phủ các nước. Vẫn như trước kia, thành công phụ thuộc chủ yếu vào tài ăn nói của bộ trưởng hơn là bộ trưởng có được ưu thế gì trước khi ngồi vào bàn đàm phán. Vẫn như trước kia, thành công phụ thuộc đầu tiên và nhiều nhất vào sức mạnh của nền kinh tế Mỹ. Nhưng ngày nay, hơn bao giờ hết, an ninh quốc gia đang phụ thuộc vào chất lượng của hệ thống giáo dục. Ngài tổng thống ạ, đó là lý do tại sao tôi không muốn làm bộ trưởng ngoại giao. Tôi muốn có vị trí trung tâm trong chính sách an ninh quốc gia. Tôi muốn làm bộ trưởng giáo dục”.

Chúng tôi biết rõ rằng với việc nâng cao thành tựu giáo dục trong nước thì ngay cả bộ trưởng giáo dục cũng chỉ có vai trò hạn chế. Theo chúng tôi, trách nhiệm ấy thuộc về tất cả chúng ta – cả xã hội Mỹ. Nhưng mặt biểu tượng thì bộ trưởng giáo dục vẫn là quan trọng nhất. Do quá trình toàn cầu hóa kết hợp với cách mạng công nghệ thông tin nên việc nâng cao trình độ toán học, khoa học, khả năng đọc và sáng tạo ở các trường học Mỹ chính là yếu tố hàng đầu giúp tăng trưởng kinh tế. Đến lượt nó, tăng trưởng kinh tế lại là yếu tố cơ bản nhất quyết định quyền lực và khả năng gây ảnh hưởng của cả quốc gia cũng như phúc lợi của từng người dân. Trong thế giới siêu kết nối, quốc gia và cá nhân nào nâng cao được thành tựu giáo dục sẽ nhận được phần thưởng lớn nhất từ trước đến nay, còn quốc gia, cá nhân nào không làm được điều đó sẽ gặp phải kết cục tồi tệ nhất. Nếu không có giáo dục thì không có cá nhân nào được an toàn. Nếu không có giáo dục thì không quốc gia nào được an toàn. Vì vậy, không hề ngẫu nhiên khi Tổng thống Obama tuyên bố “đất nước nào vượt qua chúng ta trên lĩnh vực giáo dục hôm nay sẽ vượt qua chúng ta trên mọi lĩnh vực trong tương lai”. Cũng không hề ngẫu nhiên khi công ty tư vấn nhân sự cao cấp Heidrick & Struggles đã hợp tác với ban nghiên cứu của báo *The Economist* xây dựng Chỉ số Tài năng toàn cầu và xếp hạng các quốc gia theo chỉ số này. Khẩu hiệu của họ là: “Tài năng là loại dầu mỡ mới, và cũng như dầu mỡ, cầu luôn vượt xa cung”.

Đất nước chúng ta chưa thích ứng được với thực tế mới. Chúng ta không

coi giáo dục là một khoản đầu tư cho tăng trưởng kinh tế và an ninh quốc gia vì trong lịch sử, giáo dục luôn là bài toán thuộc về từng vùng, từng địa phương chứ không phải vấn đề chung của cả nước. Nhưng hiện nay, điều quan trọng lại không phải mỗi trường địa phương xếp thứ mấy so với cả quốc gia mà là các trường của Mỹ đứng ở vị trí nào so với cả thế giới.

Michelle Rhee, cựu chủ tịch hệ thống các trường học của Washington, D.C. cũng phát biểu với ý tương tự trong cuộc phỏng vấn với tạp chí *Washingtonian* ngay sau khi bà thôi chức (tháng 12/2010):

Chúng ta đang rơi vào một cuộc khủng hoảng giáo dục tồi tệ mà không hề hay biết. Nếu bạn nhìn vào các nước khác, Singapore chẳng hạn, chúng ta sẽ thấy họ đang đạt được thành tựu rất lớn. Tại sao? Vì chiến lược quan trọng nhất trong kế hoạch phát triển kinh tế của họ là giáo dục. Chúng ta thì coi giáo dục là vấn đề xã hội. Để tôi nói cho anh biết vấn đề xã hội thì thế nào: Khi ngân sách thiếu tiền thì các vấn đề xã hội sẽ bị gạt bỏ, bị đẩy sang một bên. Nên chúng ta phải bắt đầu coi giáo dục là vấn đề kinh tế chứ không phải xã hội nữa.

Michelle Rhee nói đúng. 50 năm trước, “giáo dục là một lựa chọn chứ không phải nhu cầu thiết yếu – tôi có thể chọn đi học hoặc không, nhưng dù chọn con đường nào tôi cũng kiếm được việc làm đàng hoàng và có cuộc sống đàng hoàng”, theo lời Andreas Schleicher, chuyên gia giáo dục cao cấp thuộc Tổ chức Hợp tác kinh tế và phát triển (OECD) tại Paris. “Ngày nay, giáo dục không còn là lựa chọn” – nó là nhu cầu tất yếu của bất cứ ai muốn có mức sống trung lưu.

Những việc làm mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới thực sự sẽ liên tục hợp nhất với nhau. Nhưng chúng ta biết chắc một điều là với mỗi bước tiến mới của quá trình toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin, những việc làm tốt nhất sẽ đòi hỏi công nhân phải được đào tạo nhiều hơn, tốt hơn để tạo ra giá trị gia tăng. Được đào tạo nhiều hơn, tốt hơn có thể vẫn chưa đủ để bạn tìm ra giá trị gia tăng của mình và có cuộc sống đầy đủ hơn, nhưng với phần lớn mọi người, có lẽ thế là đủ. Cục Thống kê lao động Mỹ cho biết tỷ lệ thất nghiệp của những người trên 25 tuổi trong tháng 1/2012 như sau: Những người chưa tốt nghiệp trung học: 13,8%. Những người chỉ mới tốt nghiệp trung học: 8,7%. Những người có bằng cao đẳng hoặc tương đương: 7,7%. Những người có bằng đại học hoặc trên đại học: 4,1%.

Stacey Childress, phó giám đốc phụ trách giáo dục của Quỹ Bill & Melinda Gates đã viết trong bài “Suy nghĩ lại về trường học” trên tạp chí *Harvard Business Review* số tháng 3/2012 như sau: “Nước Mỹ phải hiểu rằng tăng trưởng trong dài hạn phụ thuộc vào việc phải nâng cao đáng kể chất lượng hệ thống giáo dục”. Nhưng chúng ta chưa làm được như vậy. “Trong 30 năm qua, gần như mọi ngành dịch vụ sử dụng nhiều lao động đều có năng suất tăng nhanh, trong khi đó năng suất của giáo dục công lại giảm đi một nửa: họ phải chi gấp đôi số tiền tính trên mỗi học sinh để duy trì được kết quả giống như trước”. Và khi chúng ta dậm chân tại chỗ thì các nước khác đã chạy nhanh hơn: “Năm 1990, Mỹ là nước đứng đầu thế giới về tỷ lệ người trong độ tuổi 25 – 34 có bằng đại học” – Childress viết. “Hiện tại chúng ta đứng thứ 10 và đang tiếp tục tụt hạng”. Một kết quả đáng buồn nếu chúng ta biết rằng Bộ Giáo dục ước tính vào năm 2018, gần một nửa số việc làm ở Mỹ đòi hỏi phải có bằng đại học.

Các con số thống kê về mức lương sẽ chứng minh rõ điều này. Quá trình phân cực hóa việc làm trong ba thập kỷ qua “đi cùng với việc những người học cao hơn trung học có thu nhập trong dài hạn tăng lên đáng kể”, Laurence Katz và David Autor nhận xét. “Năm 1979, ở Mỹ, lương tính theo giờ của một người tốt nghiệp đại học gấp khoảng 1,5 lần lương theo giờ của một người tốt nghiệp phổ thông. Đến năm 2009, tỷ lệ này là 1,95. Chênh lệch đáng kể giữa mức lương của người tốt nghiệp đại học và tốt nghiệp phổ thông là kết quả tác động tích lũy của quá trình gia tăng khoảng cách thu nhập liên tục trong 30 năm”. Vào tháng 11/2010, Viện Brookings đã công bố một báo cáo có tên: *Các mức độ khác biệt: Giáo dục, việc làm và cuộc đại khủng hoảng tại các đô thị Mỹ*. Báo cáo cho biết “trong cuộc đại khủng hoảng, số việc làm của người có bằng đại học giảm ít hơn nhiều so với số việc làm của những người khác. Với những người không có bằng đại học, tỷ lệ việc làm/tổng dân số giảm hơn 2% trong thời gian từ 2007 đến 2009, nhưng với người có bằng đại học thì tỷ lệ này chỉ giảm khoảng 0,5%”. Theo Brookings thì xét trên mọi mặt, mặc dù giữa các vùng có sự khác biệt đôi chút, nhưng “giáo dục vẫn chứng tỏ được nó là một phương tiện đảm bảo khá an toàn đối với người lao động trong đại khủng hoảng”.

Trong lịch sử, tại bất cứ thời điểm nào Mỹ cũng cung cấp cho người dân dịch vụ giáo dục đáp ứng được hoặc hơn yêu cầu về công nghệ của thời đại đó. Trong cuốn sách *Cuộc chạy đua giữa giáo dục và công nghệ* (The Race Between Education and Technology), Lawrence Katz và Claudia Goldin đã

chúng minh rằng khi hệ thống giáo dục theo kịp tốc độ thay đổi công nghệ – điều luôn xảy ra cho đến những năm 1970 thì rất nhiều người dân được hưởng lợi ích từ tăng trưởng kinh tế. Còn khi giáo dục bị tụt hậu thì bất bình đẳng thu nhập bắt đầu xuất hiện vì cơ hội việc làm của những người chưa tốt nghiệp phổ thông giảm xuống, trong khi các nhà tuyển dụng chỉ tìm kiếm một số rất ít người lao động có trình độ cao. Thế giới siêu kết nối ngày nay đang đặt ra thách thức mới cho giáo dục: Để trở nên thịnh vượng, nước Mỹ phải cung cấp cho thanh niên dịch vụ giáo dục đáp ứng và vượt xa hơn trình độ phát triển mới của công nghệ.

Ngày nay, tất cả mọi người không chỉ cần học tập *nhiều hơn* để có tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề – những điều rất cần thiết để kiếm được việc làm tốt mà họ còn cần được hưởng nền giáo dục có chất lượng *tốt hơn*. Chúng tôi định nghĩa “nền giáo dục có chất lượng tốt hơn” ở đây là một nền giáo dục nuôi dưỡng được người học thành những người sáng tạo có óc sáng tạo và người phục vụ có óc sáng tạo. Có nghĩa là hệ thống giáo dục không chỉ cần củng cố các kỹ năng cơ bản như đọc, viết, tính toán mà còn phải dạy và tạo được cảm hứng cho mọi người Mỹ muốn bắt đầu một cái gì đó mới, tạo được giá trị gia tăng hay thay đổi một thứ cũ để thích ứng được với bất cứ công việc mới nào họ đang làm.

Khi thế giới đang ngày càng kết nối sâu rộng hơn thì *muốn duy trì được giấc mơ Mỹ, chúng ta phải học tập, làm việc, sản xuất, tái học tập và sáng tạo tích cực gấp đôi, nhanh gấp đôi, thường xuyên gấp đôi và với khối lượng gấp đôi so với trước*. Vì vậy, tiêu đề chương này và cũng là công thức mới dành cho giới trung lưu Mỹ mới là: Làm việc x 2 = Giấc mơ Mỹ.

Vì thách thức giáo dục này rất quan trọng nên chúng tôi chia nội dung thảo luận thành hai phần. Phần sau của chương sẽ giải thích giáo dục “nhiều hơn” nghĩa là gì. Chương tiếp theo sẽ giải thích ý nghĩa của giáo dục “tốt hơn”.

Vấn đề “nhiều hơn”

Nước Mỹ cần đồng thời xóa bỏ ngay hai khoảng cách giáo dục. Chúng ta cần xóa bỏ khoảng cách giữa người da đen, người Hispanic và các nhóm thiểu số khác so với người da trắng xét về các kỹ năng chuẩn như đọc, viết và tính toán. Ngoài ra, chúng ta còn đang đối mặt với một vấn đề nghiêm trọng không kém là trình độ của một học sinh Mỹ bình thường kém hơn so với trình

độ của một học sinh bình thường ở rất nhiều nước công nghiệp khác đang được coi là đồng minh hoặc đối thủ cạnh tranh của chúng ta như Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan, Phần Lan và một vài vùng phát triển ở Trung Quốc.

Một vài người tin chắc rằng kết quả nói trên không phản ánh hoàn toàn thực tế, và rằng những học sinh, những trường học tốt nhất của chúng ta không hề kém so với nước nào trên thế giới. Họ nhầm. Một nghiên cứu báo cáo cho Hội đồng Thống đốc có tên “Truyền thuyết và thực tế về so sánh giữa các quốc gia” đã kết luận là ý kiến cho rằng các nước khác chỉ chọn ra những nhóm học sinh xuất sắc trong các cuộc kiểm tra là không đúng. Trong các cuộc kiểm tra nhằm so sánh giữa các nước với nhau, mỗi nước đã chọn ra mẫu đại diện cho toàn bộ học sinh nước đó. Báo cáo được công bố trên tạp chí *Learning System* (mùa xuân 2011) cũng bác bỏ ý kiến cho rằng kết quả của Mỹ thấp vì lý do nghèo đói và các yếu tố khác liên quan đến gia đình. Thực tế là các học sinh của chúng ta có đặc điểm kinh tế - xã hội hoàn toàn tương tự như học sinh các nước đối chúng. Với “truyền thuyết” nói rằng kết quả kiểm tra của học sinh Mỹ không thể đem so sánh với học sinh các nước khác vì Mỹ luôn cố gắng đem dịch vụ giáo dục đại học đến với nhiều người hơn thì báo cáo cho biết Mỹ chỉ đứng ở mức trên trung bình về tỷ lệ người học đại học. Và điều đó không giải thích được một thực tế rằng “rõ ràng tỷ lệ nhập học đại học ở Mỹ cao hơn mức trung bình của các nước OECD, nhưng tỷ lệ ‘tồn tại được ở trường đại học’ của học sinh Mỹ lại thấp hơn mức trung bình 17%”. Nó cũng không chỉ ra được nguyên nhân tại sao một nước như Phần Lan, quốc gia không thể gọi là đa dạng, vốn nằm ở nhóm cuối trong giáo dục giờ lại vươn lên dẫn đầu. Phần Lan không hề đa dạng khi họ còn ở vị trí tầm thường, và vẫn không đa dạng khi vượt lên trên các nước khác. Chưa bao giờ tính đa dạng lại là yếu tố quyết định. Phần Lan đạt được thành tựu như vậy nhờ các chính sách cụ thể cho giáo dục. Đó là lý do khiến cuộc kiểm tra so sánh này có ý nghĩa.

Các cuộc kiểm tra toán và đọc hiểu được chuẩn hóa quốc tế cũng luôn cho thấy học sinh lớp bốn của Mỹ có trình độ hoàn toàn ngang bằng so với bạn cùng tuổi ở Phần Lan, Hàn Quốc và Singapore. Nhưng học sinh trung học Mỹ thì lại kém hơn, tức là “càng học lên cao, học sinh Mỹ càng kém so với bạn cùng tuổi các nước” – theo kết luận của công ty tư vấn McKinsey & Company trong báo cáo *Tác động kinh tế của sự chênh lệch kết quả học tập ở các trường học Mỹ* được công bố vào tháng 4/2009. Có hàng triệu học sinh ở các trường ngoại ô hiện đại của Mỹ “không hề biết mình đang tụt hậu đến

mức nào” – lời Matt Miller, một trong các tác giả báo cáo. “Các em được đào tạo để làm những việc có mức lương 12 dollar chứ không phải 40 hay 50 dollar một giờ”.

Cứ ba năm một lần, Chương trình Đánh giá học sinh sinh viên quốc tế (PISA) của OECD lại thực hiện đánh giá xem học sinh 15 tuổi ở các nước công nghiệp được chuẩn bị như thế nào cho tương lai. Các em được yêu cầu sử dụng kiến thức toán và khoa học để giải quyết một số bài toán thực tế và vận dụng kỹ năng đọc hiểu để “xây dựng, mở rộng và trình bày lại những gì các em đã đọc”.

Sau đây là một câu hỏi mẫu của PISA. Bạn thử trả lời xem: “Xe của Ray cũng giống như phần lớn các xe buýt khác, chạy bằng động cơ xăng. Chúng đều góp phần gây ô nhiễm môi trường. Một số thành phố sử dụng xe điện, tức là chạy bằng động cơ điện. Nguồn điện được cung cấp qua hệ thống dây điện trên cao (giống như với tàu điện). Điện này lại được lấy từ nhà máy điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Những người ủng hộ thành phố sử dụng xe điện nói rằng loại xe này không gây ô nhiễm môi trường. Họ đúng hay sai và tại sao?”

Còn sau đây là câu hỏi toán: “Một người bán pizza bán hai loại pizza tròn dày bằng nhau nhưng đường kính khác nhau. Loại nhỏ có đường kính 30cm và có giá 30 zed. Loại to có đường kính 40cm và giá là 40 zed. Loại bánh nào rẻ hơn và tại sao?”

Chính vì bài kiểm tra của PISA nhằm phát huy và đánh giá tư duy phản biện và các kỹ năng khác trong công việc của thế kỷ 21 nên kết quả của học sinh Mỹ năm 2009 thật đáng ngại. Về đọc hiểu, học sinh ở Thượng Hải, Hàn Quốc, Phần Lan, Hồng Kông, Singapore, Canada, New Zealand, Nhật Bản và Australia có kết quả cao nhất. Học sinh Mỹ đứng ở vị trí ở giữa cùng với Iceland và Ba Lan. Về toán, học sinh 15 tuổi của Mỹ nhận được kết quả thấp hơn so với mức trung bình các nước, ngang với Ireland và Bồ Đào Nha, nhưng thua xa Hàn Quốc, Thượng Hải, Singapore, Hồng Kông, Phần Lan và Thụy Sĩ. Về khoa học, học sinh Mỹ tiếp tục đứng ở vị trí trung bình và cũng thua học sinh Thượng Hải, Singapore và Phần Lan. Đáng chú ý là Thượng Hải, thành phố duy nhất của Trung Quốc tham gia cuộc kiểm tra lại có kết quả tốt nhất trong cả ba môn toán, khoa học và đọc hiểu so với 65 quốc gia khác. Về những gì học sinh Thượng Hải đạt được, Chester E. Finn Jr., từng làm việc tại Bộ Giáo dục thời Tổng thống Reagan đã nói với báo *The New York Times* (ngày 07/12/2010): “Ồ, phải nói là tôi bị choáng váng. Tôi đang nghĩ đến về

tin Sputnik... Tôi đã thấy người Trung Quốc luôn nỗ lực đạt được mục đích như thế nào. Nếu họ làm được như thế (với nền giáo dục) ở Thượng Hải năm 2009 thì đến năm 2019 họ sẽ làm được với 10 thành phố khác, và năm 2029 sẽ là 50 thành phố. Đó là cách người Trung Quốc thường làm: thử nghiệm, tìm xem cách nào tốt rồi nhân rộng. Marc Tucker, chủ tịch Trung tâm quốc gia về Giáo dục và kinh tế lưu ý rằng “rất nhiều người Mỹ tin rằng các nước khác có kết quả kiểm tra tốt hơn vì họ có ít người đi học hơn còn Mỹ cung cấp giáo dục cho mọi người dân, nhưng điều đó thực ra không đúng”. So với Mỹ thì các nước có kết quả tốt hơn đều cung cấp dịch vụ giáo dục tốt hơn cho người có thu nhập thấp – ông cho biết.

Trong bóng đá có câu: “Kết quả trận đấu cho biết anh là ai”. Kết quả kiểm tra cho biết Mỹ là một quốc gia có trình độ giáo dục ở mức bình thường. Bộ trưởng Giáo dục Arne Duncan không đưa ra lời giải thích nào. Vào hôm kết quả PISA 2009 được công bố (ngày 07/12/2010), ông có bài phát biểu, trong đó ông nói: “Đứng ở vị trí trung bình trong môn đọc hiểu và khoa học và dưới trung bình trong môn toán là hoàn toàn chưa đủ trong bối cảnh nền kinh tế tri thức hiện nay, khi kiến thức khoa học và công nghệ đóng vai trò cốt lõi trong việc duy trì khả năng sáng tạo và sức cạnh tranh trên trường quốc tế”.

Kết quả kiểm tra PISA được đưa tin thoáng qua trên vài tờ báo rồi bị lãng quên. Không đài phát thanh, truyền hình nào cắt ngang chương trình đang phát để thông tin cho khán thính giả biết học sinh của chúng ta đạt kết quả tệ thế nào. Cũng không có đảng phái chính trị nào coi đây là vấn đề quan trọng và sử dụng nó trong chiến lược trung hạn năm 2010. Các quan điểm khác nhau về nạn phá thai còn thu hút được nhiều sự quan tâm hơn. Tổng thống không hề có bài phát biểu vào giờ cao điểm trên các phương tiện truyền thông. Một sự kiện ngang với sự xuất hiện của Sputnik trong thế kỷ 21, nhưng có vẻ như rất ít người Mỹ nhận thấy dấu hiệu của nó.

Susan Engel là giảng viên cao cấp môn tâm lý học, giám đốc chương trình giảng dạy tại Đại học Williams, đồng thời là tác giả cuốn *Tín hiệu nguy hiểm hay đánh lạc hướng? Dự đoán con bạn sẽ trở thành người như thế nào* (Red Flags or Red Herrings? Predicting Who Your Child Will Become). Bà mô tả thách thức giáo dục chúng ta đang gặp phải như sau: “Nền giáo dục Mỹ đang có hai vấn đề cơ bản phải giải quyết. Vấn đề hiển nhiên thứ nhất, rất được mọi người quan tâm là có quá nhiều trẻ em không có lựa chọn nào khác ngoài đi học ở những trường học nguy hiểm, giáo viên kém, không quan tâm đến học sinh và thiếu nguồn tài chính hoạt động. Nếu chúng ta cho các em đến

Kết quả kiểm tra toán, đọc hiểu và khoa học của một số nước năm 2009

Toán		Đọc hiểu		Khoa học	
Thượng Hải – Trung Quốc	600	Thượng Hải – Trung Quốc	556	Thượng Hải – Trung Quốc	556
Singapore	562	Hàn Quốc	539	Phần Lan	539
Hồng Kông – Trung Quốc	555	Phần Lan	536	Hồng Kông – Trung Quốc	536
Hàn Quốc	546	Hồng Kông – Trung Quốc	533	Singapore	533
Đài Bắc Trung Quốc	543	Singapore	526	Nhật Bản	526
Phần Lan	541	Canada	524	Hàn Quốc	524
Liechtenstein	536	New Zealand	521	New Zealand	521
Thụy Sĩ	534	Nhật Bản	520	Canada	520
Nhật Bản	529	Australia	515	Estonia	515
Canada	527	Hà Lan	508	Australia	508
Hà Lan	526	Bi	506	Hà Lan	506
Ma Cao – Trung Quốc	525	Na Uy	503	Đài Bắc Trung Quốc	503
New Zealand	519	Estonia	501	Đức	501
Bi	515	Thụy Sĩ	501	Liechtenstein	501
Australia	514	Ba Lan	500	Thụy Sĩ	500
Đức	513	Iceland	500	Anh	500
Estonia	512	Mỹ	500	Slovenia	500
Iceland	507	Liechtenstein	499	Ma Cao – Trung Quốc	499
Đan Mạch	503	Thụy Điển	497	Ba Lan	497
Slovenia	501	Đức	497	Ireland	497
Na Uy	498	Ireland	496	Bi	496
Pháp	497	Pháp	496	Hungary	496
Cộng hòa Slovakia	497	Đài Bắc Trung Quốc	495	Mỹ	495
Áo	496	Đan Mạch	495	Cộng hòa Czech	495
Ba Lan	495	Anh	494	Na Uy	494
Thụy Điển	494	Hungary	494	Đan Mạch	494
Cộng hòa Czech	493	Bồ Đào Nha	489	Pháp	489
Anh	492	Ma Cao – Trung Quốc	487	Iceland	487
Hungary	490	Italia	486	Thụy Điển	486
Luxembourg	489	Latvia	484	Áo	484
Mỹ	487	Slovenia	483	Latvia	483
Ireland	487	Hy Lạp	483	Bồ Đào Nha	483
Bồ Đào Nha	487	Tây Ban Nha	481	Lithuania	481



Trên mức trung
bình của OECD



Mức trung bình
của OECD



Dưới mức trung
bình của OECD

PISA chú trọng vào kiểm tra năng lực của thanh thiếu niên xem họ có khả năng sử dụng kiến thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề trong thực tế hay không. Xu hướng này phản ánh sự thay đổi trong mục đích của bản thân chương trình học: nó ngày càng hướng tới việc học sinh có thể ứng dụng những gì họ đã học như thế nào chứ không chỉ là học sinh có nắm được nội dung bài học hay không.

Nguồn: Cơ sở dữ liệu của OECD PISA 2009.

những ngôi trường có đủ nguồn tài chính, có ban lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm đến tình hình thực tế và có những giảng viên nhiệt tình thì các em sẽ đạt được thành tích cao hơn hẳn so với hiện tại. Tức là vấn đề thứ nhất là: có quá nhiều học sinh Mỹ phải đi học ở những ngôi trường mà thậm chí còn không cung cấp được dịch vụ giáo dục ở mức trung bình”.

Vấn đề thứ hai, theo Engel, cũng quan trọng không kém, nếu không muốn nói là còn hơn. Đó là “ngay cả những trường ‘tốt’ vẫn chưa đủ tốt. Những trường này có cơ sở vật chất đàng hoàng, quy mô lớp học phù hợp, có nhiều giáo viên yêu nghề và/hoặc yêu trẻ và phần lớn học sinh có khả năng đọc hiểu, có thể thi đỗ trong kỳ thi theo chuẩn quốc gia. Thường thì chúng hoạt động tạm ổn, nhưng chưa thực sự tốt. Có quá nhiều giáo viên không đủ trình độ, không thực sự thích làm giáo viên và không muốn phấn đấu trở nên xuất sắc. Các trường cũng không có nhận thức đầy đủ, phù hợp về thế nào là nền giáo dục tốt, các trường trung học nên chú trọng những vấn đề gì, thế nào là một cộng đồng thực sự tích cực học hỏi. Những ngôi trường ‘tạm ổn’ này có thể đưa được con cái chúng ta đi theo con đường tốt – trường đại học tốt, nghề nghiệp tốt sau này – nhưng khi học tại đây, vẫn có rất nhiều em chưa phát huy được hết trí tuệ, năng lực bản thân. Các em không được khuyến khích tham gia, hướng đến việc trở thành người sáng tạo, nhà kinh doanh, người phục vụ cho thế giới mà chúng ta cần trong tương lai”.

Theo Bộ Giáo dục, khoảng một phần ba sinh viên năm thứ nhất ở các trường đại học và cao đẳng phải học ít nhất một khóa bổ sung về kỹ năng đọc hiểu, viết hoặc toán. Con số này còn cao hơn nếu tính riêng cho cộng đồng sinh viên da đen hoặc Hispanic. Ở các trường cao đẳng công đào tạo hai năm, tỷ lệ này lên đến trên 40%. Việc phải học thêm một khóa bổ sung cũng có tương quan chặt chẽ với kết quả trượt tốt nghiệp cao đẳng.

Chúng ta cần nhấn mạnh ý kiến của Engel: Phải xóa bỏ khoảng cách giữa cộng đồng thiểu số và cộng đồng da trắng vì rõ ràng không có việc làm nào đem lại mức sống tốt cho những người không học đại học hoặc cao đẳng chứ đừng nói đến những người không hoàn thành được giáo dục phổ thông trung học với các kỹ năng tư duy phản biện, đọc hiểu và toán cơ bản. Nhưng chúng ta cũng phải nâng cao kết quả học tập của toàn bộ người Mỹ vì ngay cả khi đưa được kết quả học tập của học sinh da đen và Hispanic lên ngang mức trung bình của cộng đồng học sinh da trắng thì kết quả chung của toàn nước Mỹ chúng ta cũng chỉ đứng ở mức trung bình so với thế giới. Chúng ta không có đủ số lượng lớn người lao động cần có để làm những công việc tốt nhất chứ chưa nói đến sáng tạo ra những công việc mới. Cần phải làm cho một trường học ở Harlem có chất lượng ngang với một trường học ở Scarsdale, nhưng chỉ hai trường này có chất lượng cao hơn một trường ở Thượng Hải thì vẫn chưa đủ. Chúng ta cần xóa bỏ khoảng cách giữa kết quả học tập hiện tại với năng lực của chính học sinh, nhưng sự sống còn của nền kinh tế trong dài hạn lại phụ thuộc vào việc chúng ta có nâng cao được tiềm năng của toàn xã hội trong tương lai hay không. Chúng ta vừa phải nhanh chóng cải thiện chất lượng học tập của những người kém nhất, vừa phải nâng cao chất lượng học tập của những người đang ở mức giỏi nhất.

Cũng cần có nhiều con đường hơn để vươn tới đỉnh cao. Rất nhiều công việc tốt xuất hiện ở Mỹ không hề đòi hỏi người làm phải trải qua bốn năm học đại học, nhưng lại cần người đó được đào tạo nghề với chất lượng cao. Nghề sửa động cơ ô tô điện, thiết bị cắt tự động hay một phương tiện chạy bằng loại gas mới với chương trình lập trình sẵn còn phức tạp hơn cả tàu vũ trụ Apollo là những kỹ năng mà bạn không thể học được trong một học kỳ học nghề ở trường trung học. Quan trọng là các trường trung học, các trường cao đẳng cộng đồng phải cung cấp định hướng nghề nghiệp rõ ràng và chúng ta phải đối xử với học viên tốt nghiệp các trường nghề với sự tôn trọng giống như với những người học đại học hay ngành xã hội nhân văn. Có thể chúng ta không cần phải định hướng học sinh như ở Singapore, Phần Lan hay Đức, nơi học sinh trung học phổ thông đã quyết định từ sớm là sẽ học đại học bốn năm hay học nghề trong hai năm (hoặc hơn). Nhưng chúng ta cần hiểu rõ rằng tất cả mọi người đều phải học đến cấp trung học phổ thông, và có một loạt cơ hội lựa chọn – học sinh cần chuẩn bị cho những cơ hội khác nhau đó ở trường trung học. Sau cùng học sinh phải biết rằng học cách tháo một máy tính xách tay ở trường cao đẳng cộng đồng cũng quan trọng không kém học cách phân tích tác phẩm *Bắt trẻ đồng xanh* ở trường đại học.

Theo Duncan, giáo dục trung học phổ thông cần chuẩn bị cho học sinh hành trang sẵn sàng vào đại học hoặc trường dạy nghề mà “không cần học thêm”, vì đó là tấm vé để sau này các em kiếm được việc làm tốt. Ông nói thêm rằng hiện tại mục tiêu của giáo dục cấp này vẫn là giúp “học sinh tốt nghiệp phổ thông”. Nhưng chỉ tốt nghiệp phổ thông thì chưa đủ. Có rất ít việc làm tốt dành cho người học hết trung học, và số việc làm dành cho người chưa học hết trung học lại càng ít hơn. Nền giáo dục trung học phổ thông phải chuẩn bị cho học sinh sẵn sàng bước lên cấp học cao hơn hoặc phát triển được kỹ năng. “Đây là một bước dịch chuyển cơ bản. Đáng lẽ chúng ta phải làm việc này từ 25 năm trước. Giờ thì chúng ta phải làm ngay kẻo muộn”.

Chúng tôi không biết cụ thể phải thực hiện những chính sách gì để giáo dục được “nhiều hơn” – một chủ đề có rất nhiều quan điểm khác nhau. Có nghĩa là chúng tôi không biết liệu chúng ta cần nhiều trường công hơn hay cần nhiều trường công hoạt động hiệu quả hơn? Liệu chúng ta cần một ngày học ở trường của học sinh dài hơn hay một năm học dài hơn, hay cả hai, hay không lựa chọn nào? Công nghệ hay phần mềm nào là tốt nhất trong giảng dạy để nâng cao năng lực toán cho học sinh và các em sẽ có kết quả kiểm tra tốt hơn? Khó khăn của công đoàn giáo viên là gì khi bảo vệ việc làm cho các giáo viên kém và họ đóng vai trò đến đâu khi chúng ta muốn tưởng thưởng cho giáo viên giỏi? Chúng tôi sẽ để các chuyên gia giáo dục quyết định làm như thế nào thì đủ để đem lại dịch vụ giáo dục “nhiều hơn” cho tất cả mọi người.

Nhưng chúng tôi vẫn nghĩ mình biết cần phải làm gì để đào tạo ra nhiều học sinh sẵn sàng để học lên cao hơn cấp hai và thành công ở thị trường việc làm. Chúng tôi tin rằng có sáu thứ cần thiết, bao gồm: giáo viên và hiệu trưởng tốt hơn; phụ huynh tham gia nhiều hơn và đòi hỏi cao hơn trong giáo dục con cái; các chính trị gia cần nâng cao tiêu chuẩn giáo dục chứ không phải hạ thấp xuống; có những người sẵn lòng đầu tư vào các trường học kể cả khi con cái họ không hề đi học; các nhà kinh doanh cam kết góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại địa phương, và cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, học sinh đến trường để học chứ không phải để nhàn tìn.

Nếu xem danh sách này bạn thấy tất cả mọi người trong xã hội đều có liên quan thì bạn đã hiểu đúng ý chúng tôi. Thách thức giáo dục hiện nay là một gánh nặng quá lớn nếu chỉ chất lên vai các giáo viên và hiệu trưởng trường học. Chúng ta hãy phân tích từng nhóm người liên quan.

Giáo viên và hiệu trưởng

Mặc dù chúng ta không thể trông chờ các giáo viên và hiệu trưởng tự tìm cách giải quyết được vấn đề thiếu ngân sách cho giáo dục, nhưng các giáo viên và hiệu trưởng thực sự xuất sắc vẫn tạo nên khác biệt rõ rệt trong kết quả học tập của học sinh. Vì vậy, cả xã hội chúng ta cần làm mọi cách để tuyển dụng, đào tạo và phát triển được lực lượng giáo viên và hiệu trưởng tốt nhất. Bill Gates đã thành lập Quỹ Bill và Melinda Gates, đầu tư rất nhiều vào nghiên cứu và cải thiện chất lượng giáo dục các trường công K-12. Ông cho biết nghiên cứu của Quỹ Bill và Melinda Gates cho thấy “trong tất cả các biến số mà một trường học có khả năng kiểm soát, yếu tố duy nhất mang tính quyết định kết quả học tập của học sinh chính là chất lượng giảng dạy. Rất đáng ngạc nhiên trước những gì giáo viên giỏi có thể mang lại cho học sinh. Không may là khi so sánh với những nước có kết quả giáo dục tốt hơn chúng ta thì chúng ta gần như không làm được gì đáng kể để đánh giá, nâng cao chất lượng và tưởng thưởng cho những giáo viên dạy giỏi. Chúng ta cần xây dựng hệ thống nhân lực giỏi để tìm ra những người dạy tốt, tặng thưởng cho họ và giúp tất cả các giáo viên khác làm việc tốt hơn. Chúng ta chưa làm được điều đó, trong khi nếu làm tốt thì sẽ thay đổi được chất lượng các trường học... Nhưng cần lưu ý rằng với các giáo viên giỏi hiện nay, hầu như không có ai được hướng dẫn cách làm thế nào để dạy tốt mà đều là họ tự tìm hiểu lấy”.

Eric A. Hanushek, chuyên gia nghiên cứu cao cấp tại Viện Hoover, Đại học Stanford đã tóm tắt những kết quả trong nghiên cứu của ông về tầm quan trọng của chất lượng giảng dạy trên báo *Education Week* (ngày 06/4/2011) như sau:

Các nghiên cứu sử dụng số liệu từ nhiều bang, nhiều trường khác nhau đều đưa ra kết quả hết sức nhất quán về tầm quan trọng của chất lượng giảng dạy của giáo viên. Nghiên cứu này tập trung vào quá trình học diễn ra trong các lớp như thế nào. Kết quả cũng không làm các bậc phụ huynh ngạc nhiên. Giáo viên đóng vai trò rất lớn, và giữa các giáo viên khác nhau có sự chênh lệch đáng kể. Nhưng điều sẽ làm các phụ huynh ngạc nhiên là mức độ ảnh hưởng của chất lượng giáo viên. Phân tích của tôi cho thấy một học sinh trung bình, đứng ở khoảng giữa dãy xếp hạng chất lượng học tập (phân vị thứ 50 [giỏi hơn 50% tổng số học sinh]) sau một năm học với một giáo viên đứng trong nhóm 15% giáo viên giỏi nhất sẽ cải thiện

được vị trí của mình (lên phân vị thứ 58 [giỏi hơn 58% tổng số học sinh]). Nhưng điều đó cũng có nghĩa là cùng em học sinh đó, nếu học một năm với một giáo viên đứng trong nhóm 15% giáo viên kém nhất thì sẽ bị tụt hạng xuống vị trí phân vị thứ 42... Rõ ràng là việc theo học một loạt giáo viên giỏi hoặc một loạt giáo viên kém sẽ làm thay đổi rõ rệt con đường học tập của một học sinh... Kết quả này đúng cho cả các trường ở ngoại ô và ở nông thôn cũng như các trường ở khu dân cư kém phát triển.

Tại sao tình trạng này không được xã hội quan tâm nhiều hơn? Hanushek giải thích: “Thứ nhất, có vẻ như nhìn chung mọi người không phát hiện ra giáo viên nào kém vì rất ít em học sinh phải học một loạt giáo viên kém liên nhau. Các vị hiệu trưởng biết rất rõ giáo viên nào dạy kém nên họ có thể điều chỉnh bằng cách cho giáo viên kém dạy một năm rồi cho giáo viên giỏi dạy năm tiếp theo. Quá trình điều chỉnh ngầm này cũng có nghĩa là đường như trường học không thay đổi được nhiều nên tăng giáo dục gia đình và đặc điểm của mỗi học sinh. Thứ hai, phụ huynh hoàn toàn không hiểu kết quả của các bài kiểm tra. Kể từ khi Đạo luật Không trẻ em nào bị bỏ quên ra đời năm 2002, công đoàn giáo viên đã tiến hành một chiến dịch vận động mọi người tin rằng điểm kiểm tra không có ý nghĩa đáng kể. Trong nghiên cứu này, các bằng chứng cho thấy rõ điều ngược lại”.

Kết quả học tập ở trường thực sự quan trọng, và nó quan trọng trong suốt cuộc đời mỗi người. “Những người tốt nghiệp với kết quả đứng ở phân vị thứ 85 trong bảng xếp hạng sẽ có thu nhập cao hơn người có kết quả học tập trung bình từ 13 đến 20%” – Hanushek viết. “Điều này đúng với tất cả các năm trong sự nghiệp của một người, dẫn tới chênh lệch thu nhập trung bình khi quy về thời điểm hiện tại nằm trong khoảng từ 150.000 đến 230.000 dollar... Theo ước tính, trong một năm, một giáo viên nằm trong nhóm 15% tốt nhất có thể làm tăng thu nhập trong cả sự nghiệp của một học sinh lên hơn 20.000 dollar... Với một lớp có 20 học sinh, giáo viên này sẽ làm tăng tổng cộng 400.000 dollar cho nền kinh tế mỗi năm”. Còn một giáo viên nằm trong nhóm 15% kém nhất sẽ làm hao hụt đi con số tương tự.

Hệ thống trường học tốt nhất thế giới đang làm gì để thu hút và giữ được những giáo viên, hiệu trưởng giỏi nhất? Và chúng ta phải làm thế nào để có cuộc cải cách tương tự? Để trả lời câu hỏi này, McKinsey đã thực hiện một nghiên cứu nhan đề *Hệ thống trường học tốt nhất thế giới vươn lên vị trí hàng đầu như thế nào* (tháng 9/2007). Các tác giả đã tìm hiểu mười hệ thống

trường học tốt nhất thế giới, trong đó có Phần Lan, Singapore... và so sánh với những nước kém hơn. Kết quả chính thu được như sau: Phần lớn giáo viên ở các nước có trường học tốt nhất đều nằm trong nhóm 10% sinh viên tốt nghiệp đại học hoặc trung học xuất sắc nhất; sinh viên đại học coi giảng dạy là một trong ba lựa chọn nghề nghiệp hàng đầu; tỷ lệ ứng viên/số người được nhận vào các lớp đào tạo giảng viên xấp xỉ 10/1; mức lương khởi điểm của giáo viên ở các nước này ngang bằng với mức lương khởi điểm các nghề khác; giáo viên dành khoảng 10% thời gian của mình để phát triển chuyên môn – con số này cao hơn nhiều so với ở Mỹ – và chính họ cũng thường mời đồng nghiệp giỏi đến lớp họ giảng để dự khán và đóng góp ý kiến; và cuối cùng, có tiêu chuẩn rõ ràng về những kiến thức nào học sinh phải biết, phải hiểu và phải làm được ở mỗi cấp học.

Báo cáo kết luận: Chất lượng của hệ thống giáo dục tùy thuộc vào chất lượng giáo viên. Cách duy nhất để cải thiện đầu ra là phải cải thiện cách giảng cho học sinh. Chỉ có thể có nền giáo dục có chất lượng cao, đồng đều khi chúng ta thực hiện những cơ chế, chính sách khiến các trường học phải giảng dạy tốt hơn cho từng học sinh.

Báo cáo của McKinsey không đưa ra kết quả đánh giá chất lượng các vị hiệu trưởng, nhưng những người này cũng đóng vai trò hết sức quan trọng đối với kết quả học tập của học sinh. Một nội dung phải có trong mọi chương trình cải cách giáo dục là tìm cách đánh giá chất lượng hiệu trưởng. Khi đánh giá chất lượng hệ thống trường học, phải đánh giá được các hiệu trưởng có năng lực tuyển dụng, giữ chân giáo viên giỏi, nâng cao hiệu quả làm việc của họ, và quan trọng nhất là đóng vai trò người lãnh đạo, tạo cảm hứng để khơi dậy những phẩm chất tốt nhất trong mỗi giảng viên và học sinh hay không. Giáo viên nào cũng sẽ cho bạn biết những gì mà một hiệu trưởng giỏi có thể làm được cho trường sẽ khác xa một hiệu trưởng kém. Tony Wagner, chuyên gia nghiên cứu cải tiến giáo dục tại Trung tâm Công nghệ và Doanh nghiệp, Đại học Harvard cho rằng Mỹ nên xây dựng một trường đào tạo giống như trường quân sự West Point dành cho những người muốn làm giáo viên và hiệu trưởng. “Chúng ta cần một Học viện Giáo dục quốc gia mới theo mô hình của các trường quân sự hiện nay, mục đích là nâng cao chất lượng chuyên môn và hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai – những yếu tố cơ bản nhằm tái khám phá công việc giảng dạy, học tập và đánh giá trong thế kỷ 21”.

Chúng tôi đã đến đây, hơi Colorado

Nước Mỹ không thể bắt đầu tiến hành những cải cách cần thiết chỉ với một động tác vẩy đũa thần của Washington, nhất là với hệ thống giáo dục công phi tập trung gồm 14.000 khu trường học. Tuy nhiên, chúng ta có thể xây dựng các mô hình giáo dục thành công ở quy mô địa phương rồi nhân rộng ra cả nước. Mô hình thành công là mô hình có thể giải quyết được mâu thuẫn giữa công đoàn giáo viên, hội đồng quản lý trường học và các chính trị gia, qua đó nâng cao chất lượng học tập của học sinh. Colorado là một trong những nơi làm được như vậy.

Để tìm hiểu thêm về nền giáo dục công ở Colorado, chúng tôi đã phỏng vấn Michael Johnston, thượng nghị sỹ bang, người đã tham gia thành lập tổ chức Lãnh đạo mới cho Trường học mới, chuyên đào tạo và tuyển dụng hiệu trưởng cho các trường học vùng đô thị. Ông cũng là người đứng đầu sáng kiến cải cách giáo dục của bang. Năm 2005, ông đồng sáng lập Trường Trung học Nghệ thuật Mapleton (MESA), một trường công dành cho học sinh khó khăn ở Thornton, bang Colorado. Khi ông làm hiệu trưởng, trường đã có những tiến bộ đáng kể trong kết quả đào tạo, từ một trường có tỷ lệ học sinh bỏ học lên tới 50% trở thành trường công đầu tiên ở Colorado có 100% học sinh tốt nghiệp được nhận vào đại học. Ở một bang có tỷ lệ bỏ học là 25% – tỷ lệ tương ứng với cộng đồng da đen và Hispanic là 50% – mọi nỗ lực nhỏ bé đều có ý nghĩa, nhưng việc nhân rộng những chương trình tốt là cấp thiết nhất.

Một đặc điểm nổi bật của trường của Johnston là địa phương cho ông quyền tự do tuyển giáo viên. Năm 2010, sau khi được bầu làm thượng nghị sỹ bang Colorado, ông đã tìm cách tận dụng kinh nghiệm sẵn có, hợp tác với thống đốc bang, các lãnh tụ cộng đồng và một số thành viên trong công đoàn giáo viên để xây dựng và thông qua một bộ luật mang tính đột phá về chất lượng giáo viên (SB 10-191) có tên là Luật Giáo viên và lãnh đạo chất lượng cao. Có rất nhiều nhân tố xã hội và kinh tế ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh, nhưng phương pháp của Johnston xuất phát từ niềm tin rằng ngay trong mỗi trường học thì không có gì quan trọng bằng chất lượng giáo viên và hiệu trưởng.

Johnston kể: “Khi nói chuyện với các giáo viên, tôi luôn bắt đầu bằng câu: ‘Trước hết, tất cả chúng ta đều có chung một sứ mệnh: Chúng ta muốn xóa đi khoảng cách về trình độ, giúp mọi học sinh tốt nghiệp được phổ thông và đưa các em lên học đại học hoặc theo một nghề nghiệp nào đó mà không

cần phải học lại kiến thức’. Nhưng chúng tôi biết mình đang gặp phải vấn đề rất lớn, đó là một tỷ lệ lớn học sinh đang bị tụt hậu về giáo dục. Khi tìm cách giải quyết một vấn đề lớn như vậy thì bạn cần có đòn bẩy lớn không kém. Hiện tại, chúng ta biết rằng biến số quan trọng duy nhất, quyết định kết quả học tập của học sinh là hiệu quả giảng dạy của giáo viên trên lớp. Giáo viên tạo ra tác động rất lớn, đến mức khi bạn nói về chương trình học, phát triển nghề nghiệp chuyên môn hay quy mô lớp học thì những thay đổi đó so với ảnh hưởng của giáo viên chỉ như con số lẻ làm tròn”. Ông nói tiếp: “Nếu bạn lấy ra 25% học sinh có kết quả học tập kém nhất và đưa các em vào lớp học do một giáo viên rất tốt giảng thì trong ba năm, chênh lệch kết quả học tập sẽ gần như không còn. Và điều ngược lại cũng đúng. Nếu cũng những học sinh đó bị đặt vào lớp của những giáo viên và hiệu trưởng kém nhất thì chênh lệch kết quả học tập sẽ càng xa, không bao giờ khắc phục được”.

Theo Johnston, “cũng như mọi nghề nghiệp khác, chúng ta biết hiệu quả làm việc của giáo viên giữa các lớp khác nhau là thực sự khác nhau. Chúng ta biết rằng mọi người dành vô số thời gian tìm mua nhà trên thị trường bất động sản dựa trên tiêu chí chọn trường mà con cái họ sẽ theo học. Nhưng điều thực sự quan trọng không phải con bạn học ở trường nào mà là học lớp nào vì sự khác biệt giữa hiệu quả giảng dạy của các giáo viên trong một trường lớn gấp đôi sự khác biệt giữa hiệu quả giảng dạy giữa các trường với nhau. Nếu mua một ngôi nhà ở khu vực nghèo nhất Denver nhưng có được giáo viên rất tốt cho con mình, bạn sẽ được lợi hơn nhiều so với những người mua nhà ở khu vực giàu có nhất Denver nhưng con cái họ lại bị xếp vào lớp có giáo viên kém”.

Hiện chúng ta đã có dữ liệu để xác định được giáo viên nào trong một năm có thể giúp học sinh trong lớp đạt được tiến bộ tương đương ba năm. Nhưng chúng ta không có một hệ thống xuyên suốt từ khi một người học đại học, làm giáo viên ở một trường cho đến quá trình đánh giá, trả lương và thăng tiến cho giáo viên để cho biết những thông tin cần thiết như số lượng giáo viên giỏi. Theo Johnston, những cá nhân xuất sắc “giống như những đóa hoa nở rực vươn lên trên nền bê tông cứng” chứ không phải loại được trồng la liệt trong nhà kính chuyên dụng để sản xuất hoa với quy mô lớn.

Điều đó không có gì đáng ngạc nhiên khi bạn nghĩ về những gì chúng ta đòi hỏi giáo viên phải làm, Johnston nói thêm. Ông kể: “Khi tôi 21 tuổi, tôi là giáo viên dạy năm đầu trung học, và mỗi ngày tôi phải giảng sáu tiết về tác phẩm *Julius Caesar* cho học sinh lớp chín. Bên kia hành lang là một giáo

viên khác đã 62 tuổi, và mỗi ngày bà cũng phải giảng sáu tiết về *Julius Caesar*. Con đường sự nghiệp dành cho tôi là thế đấy. Đó cũng là lý do tại sao trong ba đến năm năm đầu tiên, 50% giáo viên bỏ nghề”.

Johnston giải thích: các giáo viên vào nghề với niềm vui chia sẻ kiến thức với học sinh, nhưng rồi họ nhận ra rằng mình không hề có tương lai phát triển nghề nghiệp trừ khi họ bỏ lớp. Họ có rất ít cơ hội phát triển chuyên môn, cơ chế đánh giá, phản hồi không nhất quán, không có mấy cơ hội trao đổi, tiếp xúc với những đồng nghiệp thực sự muốn xem xét, cải thiện chất lượng bài giảng của mình.

Các hiệu trưởng cũng gặp vấn đề tương tự. Ngoài giáo viên ra thì hiệu trưởng là người quan trọng nhất trong sự phát triển của trường học. “Ở đâu chúng ta cũng thấy hiệu trưởng giỏi thì thu hút và giữ được giáo viên giỏi. Còn hiệu trưởng kém sẽ làm giáo viên giỏi bỏ đi. Điều đáng ngạc nhiên là cả hệ thống này vẫn giữ được nhiều giáo viên giỏi đến thế” trong điều kiện chất lượng hiệu trưởng không đều nhau.

“Chúng ta tập trung vào giáo viên không phải vì họ là nguyên nhân mà chính là giải pháp cho thực trạng giáo dục hiện nay”. Khi đọc số liệu về kết quả khác biệt mà các giáo viên giỏi tạo ra, “bạn sẽ nhận thấy họ chính là đòn bẩy tốt nhất – chỉ một chuyển động nhỏ của đầu này cũng khiến kết quả đầu kia của học sinh tăng với cấp số nhân”. Có nghĩa là cần xây dựng một hệ thống có thể thu hút và giữ được những giáo viên giỏi nhất, nâng cao chất lượng hoặc loại bỏ các giáo viên kém, nhờ đó sẽ tạo ra thay đổi trên toàn hệ thống về chất lượng giáo viên. Luật Giáo viên và lãnh đạo chất lượng cao được thống đốc bang Colorado là Bill Ritter ký thông qua ngày 20/5/2010 chính là nhằm đạt được mục tiêu nói trên dựa trên năm nguyên tắc cơ bản sau.

Thứ nhất, như lời Johnston, chúng tôi đánh giá 50% kết quả làm việc của giáo viên và hiệu trưởng thông qua tiến bộ của học sinh – “tiến bộ” là yếu tố quan trọng nhất. Trình độ học sinh vào ngày 01/9 (ngày mở đầu năm học) như thế nào không quan trọng, chúng tôi chỉ quan tâm các em đạt được gì thêm khi kết thúc năm học vào ngày 30/5. Hiện tại, với sự tư vấn của các giáo viên và hiệu trưởng, chúng tôi đang xây dựng thang đánh giá. Cách đánh giá ở đây không phải theo kiểu “Thế là xong!”.

Thực tế là hết sức cần thiết phải có hệ thống đánh giá giáo viên, và phải là hệ thống do chính các giảng viên tham gia xây dựng và tin là nó công bằng. Quy trình đánh giá của bang Colorado là sự kết hợp giữa số liệu điều tra từ sinh viên, nhận xét của hiệu trưởng, kết quả các kỳ thi và có thể cả đánh

giá của các giáo viên giỏi, các nhà giáo dục, ngoài ra còn có cơ hội cho giáo viên thể hiện được phẩm chất tốt nhất của mình – chứ không chỉ thông qua những chuyến thăm bất ngờ của thanh tra.

Thứ hai, Johnston nói: “Chúng tôi xây dựng thang bậc thăng tiến sự nghiệp cho những giáo viên và hiệu trưởng được đánh giá là có kết quả làm việc tốt. Chúng tôi nói với họ: ‘Chúng tôi muốn học hỏi những gì anh/chị đang làm, và chúng tôi sẽ trả thêm một khoản ngoài lương để anh/chị ghi chép lại và chia sẻ với các giáo viên khác kinh nghiệm giúp anh/chị thành công’. Chúng tôi tìm 20 giáo viên toán giỏi nhất bang và trả tiền để họ ghi hình lại các buổi giảng của họ trên lớp và tải kế hoạch giảng dạy của họ lên một trang web. Khi đó, nếu tôi là một giáo viên mới dạy lớp bảy, tôi có thể vào trang web, chọn mục ‘toán lớp bảy’, chọn một bài nhất định và xem những giáo viên giỏi nhất giảng bài này như thế nào. Hoặc tôi có thể sử dụng trang web để tìm ra những giáo viên xuất sắc và đăng ký đến dự khán lớp họ giảng – tôi có thể ngồi cuối lớp và xem họ giảng bài cho học sinh”.

Cách làm nói trên không chỉ đem lại cho mọi giáo viên cơ hội học hỏi từ những đồng nghiệp giỏi nhất mà theo Johnston, còn tạo ra “động lực để các giáo viên giỏi tiếp tục đi dạy. Hiện nay, với nghề giáo viên, cách duy nhất để có thêm thu nhập là không đi dạy nữa và trở thành hiệu trưởng. Nhưng chúng tôi đã có thang thăng tiến khác”.

Ví dụ, ở Trung Quốc có bốn bậc phát triển chuyên môn cho giáo viên và để lên một bậc thì giáo viên phải chứng tỏ được mình trước một hội đồng đánh giá. Bậc cao nhất là “Giảng viên nổi tiếng”, một danh hiệu hết sức đáng kính trọng ở Trung Quốc.

Thứ ba, vị trí giảng dạy ở Colorado được giao dựa trên kết quả làm việc chứ không dựa trên thâm niên công tác. Có nghĩa là các mặc dù bạn không bị mất việc, nhưng vị trí giảng dạy của bạn sẽ được giao rồi tiếp tục gia hạn. Thay vì được mời làm việc lâu dài vào ngày đầu của năm thứ tư công tác, các giáo viên sẽ được mời giảng dạy trong ba năm liên tục nếu được đánh giá là giảng dạy “hiệu quả”. Một giáo viên sẽ phải nỗ lực duy trì kết quả “hiệu quả” để giữ được việc làm. Nếu bị coi làm việc “không hiệu quả” trong hai năm thì người đó sẽ bị mất vị trí. Mất vị trí không phải là mất việc mà nó có nghĩa là bạn sẽ chỉ được ký hợp đồng một năm một.

Từ đó dẫn đến nguyên tắc thứ tư: Ở Colorado, luật giáo viên cũ quy định rằng trong trường hợp phải cắt giảm nhân sự thì người được tuyển dụng cuối cùng sẽ là người đầu tiên bị sa thải kể cả khi điều đó không phải có lợi nhất

cho trường hoặc cho học sinh. Nhưng giờ mọi thứ đã thay đổi. Johnston giải thích: “Luật hiện nay nói rằng khi hiệu trưởng buộc phải thực hiện cắt giảm nhân sự thì tiêu chí đầu tiên sẽ là ‘hiệu quả giảng dạy’. Bạn phải giữ lại những người giảng dạy tốt nhất. Chỉ trong khi hai người có kết quả bằng nhau thì thâm niên mới có giá trị. Một giáo viên thâm niên hai năm mà giảng dạy tốt sẽ vượt qua một giáo viên thâm niên hai mươi năm mà giảng dạy kém”.

Nguyên tắc thứ năm cho phép các hiệu trưởng có quyền tự tuyển dụng giáo viên. Có nghĩa là cơ quan quản lý trường học địa phương không thể ép một trường nào đó nhận những giáo viên kém, không trường nào muốn tuyển dụng. Những giáo viên không được bất cứ trường nào tuyển dụng do giảng dạy kém sẽ phải ra đi sau một năm.

Làm thế nào mà họ thông qua được bộ luật khi nó gây ảnh hưởng đến nhiều người như thế? “Chúng tôi trình bày đạo luật với tất cả các nhóm người liên quan, cho họ thấy tại sao nó thực sự có lợi cho họ”. Johnston và các đồng minh chính trị của ông đã cho Hiệp hội Vì sự tiến bộ của người da màu (NAACP) thấy hệ thống trường học đã sa thải những giáo viên kém nhất ở những trường nhiều học sinh da đen và Hispanic như thế nào. Họ cho giới lãnh đạo doanh nghiệp và phòng thương mại thấy nếu một người thời đi học là học sinh dưới trung bình thì khi đi làm sẽ là nhân viên dưới trung bình ra sao. Họ đến gặp hai công đoàn giáo viên lớn ở Colorado và nói, như Johnston kể lại, “Các anh đều biết rằng có những đồng nghiệp giỏi và cả những người mà các anh phải gánh vác trong rất nhiều năm. Các anh chẳng có lý do phải làm như thế nữa”.

Nhưng điểm quyết định đối với Johnston là thuyết phục được Hiệp hội Giảng viên Mỹ (AFT) do Randi Weingarten đứng đầu ủng hộ bộ luật. Bà thể hiện thái độ quyết đoán trong chuyện này. Hiệp hội Giáo dục Quốc gia (NEA), cũng là công đoàn giáo viên thì phản đối mặc dù nhiều thành viên của NEA trong Quốc hội Colorado đã công khai đi ngược lại quan điểm của tổ chức và bỏ phiếu thuận. Weingarten, chủ tịch AFT với 1,5 triệu thành viên giải thích tại sao AFT lại ủng hộ cuộc cải cách của Colorado. Với bà và các thành viên khác, câu hỏi quan trọng nhất là giáo viên sẽ được đánh giá như thế nào. Họ biết rằng hệ thống cũ tự động cho giáo viên vị trí giảng dạy vĩnh viễn thực ra là không bền vững. Nhưng hệ thống mới thì lại có một số điểm quá nghiêm ngặt, ví dụ một giáo viên sẽ có năm lần bất ngờ bị chuyên gia hoặc hiệu trưởng đến kiểm tra trong ba mươi phút, và toàn bộ kết quả đánh giá sẽ dựa trên những chuyến thăm ngắn ngủi đó cộng với kết quả thi của học sinh.

Weingarten cho rằng: “Chúng ta cần có hệ thống đánh giá dựa trên nhiều cách đánh giá khác nhau, cả cách giảng của giáo viên cũng như những gì học sinh học được”. Ở Colorado, giáo viên và nhà quản lý “dành rất nhiều thời gian thảo luận với nhau xem làm thế nào để hệ thống đánh giá giúp liên tục nâng cao được chất lượng giáo viên, và đó cũng là nguyên nhân tại sao cuối cùng chúng tôi quyết định ủng hộ dự luật”. Theo luật mới của Colorado, “giáo viên có tiếng nói trong việc làm sao để trường học trở nên tốt hơn. Những kiến thức học sinh thu được cũng được đánh giá rất linh hoạt – chứ không chỉ dựa vào kết quả thi cử – và trong luật cũng đưa ra nhiều quy trình đảm bảo các giáo viên có cơ hội công bằng trong phấn đấu”.

Như Johnston nói: “Cuối cùng chúng tôi đã xây dựng được một bộ luật đưa ra nhiều tiêu chí đo sự tiến bộ của học sinh, cho giáo viên nhiều cơ hội để nâng cao chất lượng giảng dạy và không bắt buộc phải sa thải ai mà để cho các hiệu trưởng và nhà quản lý giáo dục quyết định”.

Johnston cho biết khi nghĩ đến những thứ mà ông và mọi người đang cố gắng thay đổi cho nền giáo dục, ông nhớ lại lễ nhậm chức của Tổng thống Obama ở Washington. Điều làm ông ấn tượng nhất là chúng kiến một trung đội ngồi xe lăn rẽ đám đông đi ra quảng trường sau khi tổng thống tuyên thệ. Họ đều là phi công Tuskegee – những phi công gốc Phi đầu tiên của không quân Mỹ còn sống, đã từng có rất nhiều chiến công trong Thế chiến thứ hai. “Tôi nhận ra rằng họ sống vào thời mà không ai tin rằng họ làm được – mọi người từng không tin là người da đen có đủ can đảm, trí tuệ và sức chịu đựng để điều khiển những chiếc máy bay chiến đấu đắt tiền nhất của Mỹ”, Johnston nhớ lại. “Họ bèn nói: ‘Hãy cho tôi bay thử, tôi sẽ chứng minh cho các người xem’, và họ đã trở thành một trong những đội bay hiếm hoi trong Thế chiến thứ hai không bị thiệt hại một máy bay ném bom nào”. Tất nhiên họ có thể và thực sự đã thành công trong sự nghiệp phi công. “Khi họ làm được, thế giới cũng thay đổi – không còn ai phải tranh cãi chuyện tất cả chúng ta sinh ra đều bình đẳng có đúng không nữa. Chẳng còn chuyện gì đáng nói ngoài việc cuối cùng Truman thống nhất lực lượng không quân, Johnson ký thông qua Đạo luật Nhân quyền, và 60 sau, chúng ta có tổng thống da đen đầu tiên”.

Johnston kết luận: “Nền giáo dục cũng cần có khoảnh khắc Tuskegee. Một lý do khiến chúng ta không thể kêu gọi được cả cộng đồng tham gia cải cách giáo dục là vẫn có những người không tin rằng mọi trẻ em Mỹ đều có khả năng cạnh tranh với những em bé giỏi nhất Singapore hay Trung Quốc. Trách nhiệm của chúng ta là phải đứng lên chứng minh cho họ thấy họ sai. Khi đó cả thế giới sẽ thay đổi”.

Không giáo viên nào bị cô lập

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, nếu chúng ta muốn mọi giáo viên đều làm việc hiệu quả hơn thì tất cả chúng ta phải ủng hộ họ nhiều hơn. Không phải chúng ta tỏ ra dễ dãi với giáo viên. Chúng ta không dễ dãi với bất cứ ai cả. Chúng ta cũng không được đối xử với giáo viên và hiệu trưởng theo cách chúng ta đã làm với các binh lính và sỹ quan ở Iraq và Afghanistan sau sự kiện 11/9: đặt hết gánh nặng lên vai họ trong khi chúng ta chẳng làm gì ngoài việc đứng ngoài vỗ tay hoặc phê phán. Mỗi người có thể đóng góp cho giáo dục như sau:

Cộng đồng: Nếu muốn giáo viên làm việc hiệu quả hơn thì cộng đồng không những phải xây dựng quá trình cải cách hiệu quả, khiến cho những người quan trọng nhất đều muốn tham gia mà còn phải tìm cách thưởng cho giáo viên không phải bằng tiền. Giảng dạy là một nghề vất vả. Dù có công đoàn hay không thì chúng tôi cũng chắc chắn rằng phần lớn giáo viên phải làm việc không lương nhiều giờ hơn so với bất cứ ngành nghề nào khác. Không ai làm nghề giáo viên vì tiền, và còn có hàng nghìn thầy cô năm nào cũng trích tiền riêng của mình để mua dụng cụ giảng dạy. Nếu nghề giáo quan trọng đến như vậy – và những giáo viên giỏi thì thực sự quan trọng – thì làm cách nào để nhận biết và tôn vinh những giáo viên xuất sắc nhất tại địa phương với một phần thưởng gì đó khác hơn là tấm bằng chứng nhận và món quà trị giá 50 dollar của Hội Phụ huynh - giáo viên?

Có cách nào không? Có, ví dụ như sau. Vào ngày 01/11/2010, Quỹ Giáo dục công của Washington, D.C., bộ phận gây quỹ phi lợi nhuận của hệ thống trường công Washington, D.C. đã tổ chức “Sự kiện tôn vinh các giáo viên của D.C.” để tôn vinh 662 giáo viên đạt kết quả “xuất sắc” theo hệ thống đánh giá mới của thành phố – một hệ thống được các giáo viên nhất trí. Nhà tổ chức là George Stevens Jr., người tổ chức Kennedy Center Honors – lễ trao giải thành tựu nghệ thuật trọn đời hàng năm và hết sức mong muốn có một lễ trao giải như Oscar cho giáo viên. 662 giáo viên xuất sắc đã được chọn ra từ các trường học. Và đó là một buổi tối đặc biệt dành cho họ. Một trong các nghệ sỹ tham gia buổi lễ là Dave Grohl, thành viên ban nhạc Nirvana và Foo Fighters trước khi biểu diễn đã kể về mẹ, người giáo viên có ảnh hưởng lớn nhất lên cuộc đời anh. Mẹ anh giảng dạy ở một trường công tại bang Virginia trong 35 năm. Grohl kể: “Mỗi ngày mẹ tôi đều dạy trước khi mặt

trời mọc và chấm bài cho đến đêm sau khi mặt trời lặn”. Có bảy giáo viên do các hiệu trưởng chọn trao danh hiệu “Ngôi sao”. Mỗi người lần lượt lên sân khấu để nhận kỷ niệm chương và phần thưởng trị giá 10.000 dollar (tất cả 662 người được tôn vinh đều có phần thưởng riêng) và đọc diễn văn. Chủ tịch Trung tâm Kennedy là David Rubenstein xúc động đến mức cá nhân ông ủng hộ ngay tại chỗ thêm 20 phần thưởng, mỗi phần thưởng trị giá 5.000 dollar nữa. Không phải cộng đồng địa phương nào cũng có thể đến Trung tâm Kennedy để tổ chức lễ tôn vinh, nhưng cộng đồng nào cũng có thể làm nhiều việc hơn để các giáo viên thấy họ được xã hội tôn trọng và để tạo cảm hứng cho họ làm việc tốt.

Ví dụ, mỗi năm, ngoài trao bằng chứng nhận, Đại học Williams ở bang Massachusetts còn tôn vinh bốn giáo viên trung học. Bốn người này không phải ngẫu nhiên được chọn. Đại học Williams yêu cầu tất cả 500 sinh viên năm cuối nêu tên một giáo viên có ảnh hưởng lớn nhất lên cuộc đời các em. Mỗi năm, có một hội đồng xem xét danh sách khoảng 50 giáo viên được đề cử, tìm hiểu thêm tại các trường mà họ đang giảng dạy và chọn ra bốn giáo viên có ảnh hưởng lớn nhất lên sinh viên tốt nghiệp trường Williams. Mỗi giáo viên được tặng 3.000 dollar và trường mà họ giảng dạy cũng được tặng 2.500 dollar. Những người được chọn và gia đình họ được mời đến Đại học William tại vùng Berkshires tươi đẹp và được tôn vinh trong tuần lễ tốt nghiệp của trường. Một ngày trước lễ tốt nghiệp, cả bốn giáo viên và những sinh viên đề cử họ được mời lên sân khấu trước sự có mặt của toàn trường, và hiệu trưởng trường Williams sẽ kể lại các giáo viên đã gây ảnh hưởng lên sinh viên của trường như thế nào từ những lá thư đề cử. Sau đó, bốn giáo viên còn được giới thiệu trong buổi tiệc tối cùng những sinh viên được nhận bằng giỏi. Morton Owen Schapiro, hiện là chủ tịch trường Northwestern, trước đây là chủ tịch trường Williams nhớ lại rằng mỗi lần ông chủ trì buổi lễ, luôn có một trong bốn giáo viên nói với ông rằng: “Đây là một trong những ngày cuối tuần tuyệt vời nhất cuộc đời tôi”. Schapiro nói: “Khi bạn làm việc ở một nơi như trường Williams và bạn được hưởng lợi từ những sinh viên tuyệt vời trong trường, đôi khi bạn coi đó là điều hiển nhiên. Bạn sẽ nghĩ chính mình tạo ra những sinh viên xuất sắc đó. Nhưng là thành viên của trường, chúng tôi phải luôn nhớ rằng chúng tôi đang đứng trên vai người khổng lồ là các giáo viên trung học, rằng nhờ họ chúng tôi mới được làm việc với những sinh viên tuyệt vời: được dạy dỗ tốt, đào tạo tốt và có tinh thần khát khao học hỏi”.

Một cách tôn vinh khác cũng được tiến hành từ năm 1978 ở Học viện

Giảng viên New Haven – Yale do James R. Vivian đứng đầu. Tất cả các thành viên thuộc Đại học Yale và các giáo viên trường công ở New Haven tập trung lại với nhau trong các buổi hội thảo theo các chủ đề chuyên môn của giảng viên Đại học Yale. Hội thảo được tiến hành đều đặn trong vài tháng, tại đây, các giáo viên phổ thông cùng làm việc với giảng viên đại học để xây dựng chương trình cho môn học mà họ đang nghiên cứu và sẽ dạy trong năm tiếp theo. Các buổi hội thảo cho giáo viên cơ hội để học hỏi thêm về chuyên môn – hóa học, toán học, văn học, lịch sử Mỹ và rất nhiều môn khác – cũng như xây dựng chiến lược giảng dạy cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở. Họ cũng được nhận một khoản thù lao nhỏ khi tham gia hội thảo. Chương trình thành công đến mức hiện có 21 trường phổ thông ở 11 bang khác nhau tham gia Sáng kiến Quốc gia của Đại học Yale do Học viện Giảng viên khởi xướng từ năm 2004 với mục tiêu tăng cường năng lực giảng dạy ở các trường công. Sáng kiến này là một nỗ lực lâu dài nhằm xây dựng các học viện tương tự trên khắp nước Mỹ và gây ảnh hưởng lên chính sách phát triển chuyên môn cho giáo viên.

Các học viện giáo viên khác với hầu hết các chương trình phát triển chuyên môn của các cơ quan quản lý trường học địa phương, đồng thời cũng khác các chương trình đào tạo thường xuyên của các trường đại học ở chỗ: tại học viện, giáo viên phổ thông và giảng viên đại học làm việc với nhau như đồng nghiệp cùng chuyên môn trong một chương trình mà chính các giáo viên đóng vai trò chủ đạo. Hoạt động này không chỉ tăng chất lượng giảng dạy trên lớp mà còn đạt được một mục tiêu quan trọng không kém việc tuyển dụng và đào tạo ra giáo viên giỏi: đó là giữ họ lại với nghề.

Tại Hội thảo thường niên tổ chức tại Đại học Yale ngày 29/10/2010, James Foltz, giáo viên môn tiếng Anh tại trường trung học Middletown, bang Delaware kể về việc tham gia Học viện giáo viên như sau: “Gần đây vợ tôi hỏi: ‘Anh định tiếp tục đi dạy bao lâu nữa?’ Nếu cô ấy hỏi tôi câu này một năm trước thì tôi sẽ trả lời là vài năm, cùng lắm là năm năm. Nhưng giờ đây câu trả lời của tôi khác chút ít, nhờ những gì tôi được trải qua ở Yale... Chúng ta luôn nói về việc làm thế nào để tạo cảm hứng cho học sinh, và chúng ta đã làm được, nhưng đôi khi chúng ta quên mất rằng còn phải tạo cảm hứng cho cả giáo viên nữa”.

Rất ít người chọn nghề giáo viên vì tiền, nhưng có rất nhiều người bỏ nghề giáo viên cũng vì tiền, nhất là nam giới. Nếu chúng ta thực sự muốn thể hiện sự trân trọng đối với các thầy cô, chúng ta phải tìm cách tăng thêm thu nhập cho họ.

Các chính trị gia: Nếu chúng ta muốn giáo viên giỏi hơn thì các chính trị gia phải trở thành các nhà giáo dục xuất sắc hơn. Họ phải giảng giải cho tất cả mọi người về thế giới chúng ta đang sống, về vai trò sống còn của giáo dục đối với nền kinh tế và an ninh quốc gia, về lý do tại sao nâng cao trình độ giáo dục lại là nhiệm vụ cấp bách và về những kỹ năng mà học sinh sinh viên phải có. Họ phải hiểu rằng một phần trong công việc của họ là đi khắp đất nước, thậm chí đi khắp thế giới để tìm hiểu những kinh nghiệm tốt nhất trong giáo dục, từ đó họ có thể vừa đóng vai trò lãnh đạo, vừa cung cấp thông tin cho cuộc tranh luận về giáo dục tại nơi họ sống. Giáo dục hết sức quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế nước ta.

Các quan chức chính quyền bang cần cạnh tranh với nhau để nâng cao chất lượng giáo dục và phải sáng tạo khi sử dụng ngân sách dành cho giáo dục. Đôi khi mọi chuyện lại diễn ra ngược lại. Năm 2002, Quốc hội thông qua Đạo luật Không trẻ em nào bị bỏ quên. Đạo luật bắt buộc mọi học sinh phải đạt được trình độ nhất định sau mỗi năm học thì mới được hưởng lợi từ ngân sách giáo dục liên bang, nhưng lại cho phép mỗi bang tự quyết định chuẩn về trình độ cho riêng mình. Trong những năm gần đây, vì nhiều bang không đạt được tiêu chuẩn nên họ đã tự hạ chuẩn của mình xuống để học sinh dễ dàng vượt qua các kỳ thi hơn và các trường không bị mất khoản tiền hỗ trợ từ ngân sách do bị coi là “trượt”. Trong thế giới hiện nay, làm như vậy là hết sức nguy hiểm.

Trước tình hình đó, năm 2009, Hiệp hội Thống đốc bang và Hội đồng Bộ trưởng Giáo dục các tiểu bang đã đề xuất một nỗ lực xây dựng tiêu chuẩn chung trên cả nước, huy động các chuyên gia môn tiếng Anh và toán từ Ủy ban các trường đại học, ACT (đơn vị tổ chức các kỳ thi) và từ Achieve, Inc. – một tổ chức đã có nhiều năm nỗ lực nâng cao chuẩn học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông. Nỗ lực của họ cũng được hỗ trợ thêm bởi sáng kiến Chiến dịch Vươn lên hàng đầu của Bộ Giáo dục, theo đó các bang được mời tham gia chạy đua giành một phần trong 4 tỷ dollar để cải thiện chất lượng các trường học thông qua việc xây dựng lộ trình nâng cao kết quả học tập cho học sinh. Những bang tham gia Chiến dịch Vươn lên hàng đầu còn được thưởng điểm nếu họ có góp phần vào nỗ lực chung nhằm xây dựng tiêu chuẩn giáo dục quốc gia và áp dụng trong thực tế.

Arne Duncan thường phàn nàn rằng một trong những thách thức lớn nhất ông gặp phải trên cương vị Bộ trưởng Giáo dục là có quá nhiều người Mỹ tin rằng về cơ bản, trường học tại địa phương họ là tốt, chỉ trường ở nơi khác

mới cần cải thiện. Nguyên nhân là họ chỉ so sánh trường học tại địa phương mình với trường học vùng bên cạnh. Lẽ ra họ phải so sánh với các trường học ở Nam Đài Bắc, Bắc Seoul hoặc Tây Thượng Hải mới phù hợp. Mọi chuyện sẽ rõ ràng hơn khi con cái họ nộp hồ sơ vào đại học và nhận thấy mình phải cạnh tranh với học sinh từ các trường châu Á kia. “Vẫn tốt” trước đây không còn “đủ tốt” cho bây giờ nữa.

Jack Markell, thống đốc bang Delaware nói: “Có một thứ đang bị bỏ qua: sự trung thực”. Delaware là một trong hai bang đầu tiên nhận được tài trợ từ quỹ giải thưởng của Chiến dịch Vươn lên hàng đầu (bang còn lại là Tennessee), và Markell chính là người lãnh đạo trong sáng kiến xây dựng chuẩn quốc gia về kỹ năng viết. “Khi bạn nói với con cái mình rằng chúng thật giỏi dựa trên kết quả các kỳ thi do tiểu bang tổ chức thì bạn đang thiếu trung thực với con vì trong thực tế, chúng đâu phải chỉ cạnh tranh với trẻ em trong bang khi nộp hồ sơ vào trường đại học và khi đi xin việc. Trong các kỳ thi cũ của bang Delaware, 76% học sinh lớp bốn được coi là biết đọc thành thạo. Với kỳ thi mới, cách cho điểm mới, tỷ lệ này chỉ còn 48% vì chúng ta phải trung thực hơn với bọn trẻ về khái niệm thế nào là ‘thành thạo’”.

Làm thế nào Markell vận động được những công dân hoài nghi của Delaware tham gia cải cách giáo dục? Bằng cách kết nối giáo dục với việc làm. Hồi tháng 1/2010, Markell kể với chúng tôi: “Tháng trước tôi đi Đài Loan. Có hai công ty Đài Loan đặt ở Delaware, sử dụng 250 lao động. Một công ty sản xuất pin mặt trời. Cùng lúc mở công ty ở đây, họ cũng mở một nhà máy ở Trung Quốc. Tôi chỉ thắc mắc với chính mình một điều thôi: ‘Sắp tới họ sẽ đầu tư ở đâu?’ Và bạn phải tự đặt mình vào vị trí của họ. Họ sẽ chọn nơi nào có tỷ lệ sinh lợi nhuận cao nhất”. Markell nói thêm là điều đó sẽ phụ thuộc một phần vào việc nơi nào cung cấp cho họ công nhân có năng suất làm việc cao nhất. Đây không phải vấn đề lao động rẻ tiền nữa mà là lao động phải có kỹ năng.

Người dân địa phương: Vai trò của người dân ngày nay là phải đánh giá đúng tầm quan trọng của các trường công trong khu vực cho dù con cái họ đã tốt nghiệp từ lâu hoặc họ không có con. Trường học tốt là nền tảng để có cộng đồng tốt, địa phương tốt. Có thể khi họ bỏ phiếu phản đối việc tăng thuế để có nguồn tài trợ cho trường học thì trong ngắn hạn sẽ tiết kiệm được một khoản tiền. Nhưng nếu điều đó dẫn tới tỷ lệ bỏ học cao hơn, tỷ lệ thất nghiệp tăng lên thì tổng chi phí mà cả cộng đồng phải gánh chịu chắc chắn cũng nhiều hơn trước. Khi kết quả học tập của học sinh địa phương giảm thì thường không lâu sau đó, giá nhà tại địa phương của giảm theo. Vào tháng

3/2010, Tom có tham dự cuộc thi Tìm kiếm tài năng khoa học Intel, một cuộc thi toàn quốc dành cho học sinh trung học phổ thông nhằm tìm kiếm và tạo điều kiện cho thế hệ nhà khoa học mới của đất nước. Ông kể lại: “Tôi thích nhất lần nói chuyện với Amanda Alonzo, 30 tuổi, giáo viên sinh học tại trường trung học Lynbrook, San Jose, bang California. Trong số những em vào vòng chung kết có *hai* học sinh của cô. Khi tôi hỏi cô bí quyết, cô cho biết đó là nhờ sự hỗ trợ của nhà trường, đặc biệt là ‘các vị phụ huynh rất ủng hộ’, và Intel tài trợ một khoản tiền để cô dành một phần thời gian để động viên và giúp các em chuẩn bị cho kỳ thi. Cô còn cho biết: Các nhà kinh doanh bất động sản ở San Jose đang đăng trên báo Trung Quốc và Ấn Độ các quảng cáo mời chào những người có tiềm năng nhập cư vào Mỹ ‘mua nhà’ ở khu Lynbrook của cô vì nơi này đã đào tạo ra ‘hai học sinh thắng cuộc trong kỳ thi của Intel’”. Nguyên tắc cơ bản là mọi người đều cần quan tâm đến giáo dục cho mọi trẻ em, ngoài ra nền giáo dục tốt còn có nghĩa là nền kinh tế tốt cho tất cả mọi người.

McKinsey & Company cũng nhận định tương tự trong báo cáo *Tác động kinh tế của sự chênh lệch kết quả học tập ở các trường học Mỹ* (tháng 4/2009). Báo cáo đặt câu hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu trong vòng 15 năm sau khi báo cáo Đất nước đang gặp rủi ro năm 1983 gióng lên hồi chuông cảnh báo về “làn sóng tầm thường” trong nền giáo dục Mỹ, nước Mỹ nâng cao được thành tựu học tập của học sinh. Câu trả lời: Nếu năm 1998, kết quả học tập của học sinh người da đen và người Latin được nâng lên ngang bằng với của học sinh da trắng thì GDP năm 2008 sẽ cao hơn khoảng từ 310 đến 525 tỷ dollar. Nếu khoảng cách giữa học sinh nghèo và các học sinh khác được thu hẹp thì GDP năm 2008 sẽ tăng trong khoảng 400 đến 670 tỷ dollar.

“Đơn giản là chúng ta không có khả năng chịu được chi phí khổng lồ cho người dân, những người mà chúng ta biết là thiếu kỹ năng làm việc. Họ có cuộc sống được nhà nước bảo hộ và họ nghĩ nước Mỹ vẫn có thể vươn lên, trở thành quốc gia duy nhất, quốc gia tốt đẹp số một thế giới” – theo lời Kasim Reed, thị trưởng thành phố Atlanta.

Các bậc phụ huynh: Tháng 1/2011, giáo sư môn luật của Đại học Yale là Amy Chua đã thổi bùng một cuộc tranh luận dữ dội trên khắp nước Mỹ khi tạp chí *The Wall Street* đăng một đoạn trích trong cuốn sách của bà có tên *Bài ca chiến đấu của Mẹ hổ* (*Battle Hymn of the Tiger Mother*). Chiến lược nuôi dạy con cái của Chua khá cực đoan và cuốn sách của bà đã gây ra một làn sóng

phản đối mạnh mẽ từ các bậc phụ huynh và nhà giáo dục, nhưng chúng tôi nghĩ bà đã khơi ra một cuộc tranh luận hữu ích. Nó giống như lời thức tỉnh. Cho dù bạn nghĩ thế nào về cách nuôi dạy con nhần tâm của Chua thì chúng tôi vẫn muốn bạn ghi nhớ điều này: Chua không đơn độc, những gì bà làm không có gì lạ đối với nền văn hóa phương Đông mà hết sức bình thường.

“Rất nhiều người băn khoăn không biết các bậc phụ huynh người Hoa làm thế nào nuôi dạy được con cái đều thành công như thế”, Chua viết.

Tôi có thể trả lời, vì tôi đã làm được. Sau đây là những thứ mà hai con gái tôi, Sophia và Louisa không bao giờ được phép làm: ngủ ở nhà bạn, hẹn hò tụ tập với bạn, tham gia đóng kịch ở trường, phàn nàn vì không được tham gia đóng kịch ở trường, xem ti vi, chơi trò chơi điện tử, tự chọn các hoạt động ngoại khóa, có kết quả học tập dưới điểm A, không phải học sinh xuất sắc trong tất cả các môn trừ thể dục và kịch, chơi một nhạc cụ nào đó không phải dương cầm và vĩ cầm, không chơi dương cầm và vĩ cầm... Ngay cả những bậc phụ huynh phương Tây tự cho là cứng rắn cũng không thể bằng được người Trung Quốc... Các nghiên cứu chỉ ra rằng mỗi ngày, phụ huynh Trung Quốc dành thời gian nhiều gấp mười lần so với phụ huynh phương Tây để kèm cặp con cái học tập... Người Trung Quốc tin rằng cách tốt nhất để bảo vệ con cái là chuẩn bị cho chúng sẵn sàng trước tương lai, cho chúng thấy chúng có khả năng làm được gì và trang bị cho chúng kỹ năng, thói quen làm việc và lòng tự tin không bao giờ mất đi.

Chúng tôi không muốn mọi bậc phụ huynh đều bắt chước theo cách yêu con khắc nghiệt của Chua. Giữa việc làm phụ huynh nghiêm khắc và khiến con cái trở nên hoảng sợ có ranh giới khá rõ ràng, và ngay cả Chua cũng biết điều này. Nhưng nói chung, chúng tôi tin rằng Chua có hai điểm đúng: một là cha mẹ cần phải làm cho con cái luôn phấn đấu đạt được tiêu chuẩn cao nhất để chúng không hài lòng với bản thân và hai là cần phải quan tâm đến việc học của con. Khi bọn trẻ đi học và biết rằng cha mẹ có kỳ vọng lớn lao ở mình thì giáo viên cũng sẽ thực hiện được trách nhiệm của họ dễ dàng hơn, hiệu quả hơn. Lòng tự tôn rất quan trọng, nhưng không phải ai cũng có mà phải được khuyến khích hình thành.

Arne Duncan kể về chuyến đi của Tổng thống Obama đến Hàn Quốc năm 2009 để đưa ra ý tưởng tự về các bậc phụ huynh Mỹ: “Tổng thống Obama cùng ăn trưa với Tổng thống Hàn Quốc Lee [Myung Bak] ở Seoul. Chỉ trong

hơn một thế hệ, Hàn Quốc đã đào tạo ra được lực lượng lao động nằm trong nhóm tốt nhất thế giới và là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất. Tổng thống Obama rất tò mò không biết Hàn Quốc làm cách nào nên ông hỏi Tổng thống Lee: ‘Thách thức lớn nhất trong lĩnh vực giáo dục của ngài là gì?’

Tổng thống Lee không do dự, trả lời ngay: ‘Thách thức lớn nhất đối với tôi là các phụ huynh đòi hỏi quá cao’.

Giai thoại này thường làm người Mỹ bật cười, sau đó lại cau mày suy nghĩ – Duncan kể. Cha mẹ của Tổng thống Hàn Quốc vẫn phàn nàn rằng cuộc đời ông chưa đủ thành công.

Duncan nói: “Tôi ước gì thách thức lớn nhất đối với tôi – và cũng là thách thức giáo dục lớn nhất của nước Mỹ – là có thật nhiều bậc phụ huynh đòi hỏi phải dạy kiến thức thật nghiêm túc. Tôi ước gì các vị phụ huynh đến đập cửa nhà tôi đòi phải có nền giáo dục tốt hơn cho con cái họ. Tất nhiên Tổng thống Lee không định đùa với Tổng thống Obama. Ông chỉ đang giải thích rằng khó khăn lớn nhất của ông là các bậc cha mẹ Hàn Quốc, kể cả những gia đình nghèo nhất, cũng yêu cầu Hàn Quốc phải cho nhập khẩu hàng nghìn giáo viên tiếng Anh để con cái họ được học ngôn ngữ này ngay từ lớp một chứ không phải đợi lên lớp hai”.

Thế hệ trẻ của Mỹ phải sớm hiểu rằng *những gì họ nhận được sẽ dựa trên kết quả làm việc chứ không phải theo nỗ lực bỏ ra*. Không phải ai cũng được giải bất kể mọi người kết thúc cuộc đua ở vị trí nào. Thực tế là nước Mỹ hiện nay khiến chúng tôi nghĩ rất nhiều đến một cảnh trong truyện *Alice ở xứ sở kỳ diệu*, khi Dodo tổ chức cuộc đua:

Trước hết, Dodo vẽ một vòng tròn làm sân đua (Dodo nói rằng hình vẽ không thật tròn cũng chẳng sao). Sau đó, cả bọn đứng rải rác dọc theo vòng tròn đó. Không cần có người hô “Một, hai, ba... chạy!” mà cả bọn ai thích chạy thì cứ chạy theo vòng đó, ai không thích thì cứ việc dừng lại, vì thế, thật khó mà biết được khi nào cuộc đua kết thúc. Tuy vậy, sau khi chạy được chừng nửa giờ thì tất cả đều đã hoàn toàn khô ráo, Dodo bắt ngờ hô: “Cuộc đua kết thúc!” Thế là cả bọn vây lấy Dodo, vừa thở hổn hển vừa hỏi: “Nhưng ai thắng cuộc?”

Trả lời câu hỏi này thì phải nghĩ nát óc ra ấy chứ, và thế là Dodo ngồi xuống, một ngón tay ấn lên trán, (cử chỉ này giống hệt những bức họa vẽ Shakespeare mà bạn vẫn thường thấy), cứ như vậy một lúc lâu, trong khi

đó cả bọn vẫn im lặng chờ đợi. Cuối cùng Dodo nói: “*Tất cả* đều thắng cuộc và đều có giải thưởng!”.

Tất cả đều có giải thưởng! Krista Taubert là phóng viên thường trú tại Washington của Đài Phát thanh truyền hình Phần Lan. Cô có hai con đang học tại hệ thống trường phổ thông Washington, D.C., một bé chín tuổi và một bé năm tuổi. Vì Phần Lan là một trong những nước có hệ thống trường học tốt nhất thế giới, và Tom gặp cô trong một buổi chiếu phim về trường học Phần Lan nên Tom không tìm được, đề nghị cô so sánh những gì các con cô được học ở Mỹ với ở Phần Lan.

Taubert trả lời: ở Mỹ, “khi nói chuyện với các phụ huynh khác, tôi nhận thấy đôi khi họ thưởng cho con cái dựa trên nỗ lực chúng bỏ ra chứ không phải do chúng đạt thành tích xuất sắc. Con gái tôi chơi bóng đá, lúc chín tuổi nó đã có mấy cái cúp to đùng rồi mặc dù thực ra nó chưa hề có thành tích gì cả. Trong khi đó em trai tôi chơi khúc côn cầu chuyên nghiệp ở Phần Lan đã vài năm, và không hề có cái cúp nào to bằng cúp của con gái tôi”.

Andreas Schleicher là người quản lý Chương trình Đánh giá học sinh quốc tế (PISA) mà chúng tôi đã nhắc đến ở trên. Chương trình này nằm trong khuôn khổ hoạt động của OECD, một tổ chức có trụ sở tại Paris với thành viên là 34 quốc gia công nghiệp lớn trên thế giới. Chương trình kiểm tra kỹ năng đọc hiểu và khả năng sử dụng những gì đã học ở môn toán và khoa học để giải quyết các vấn đề thực tế – những kỹ năng quan trọng nhất để thành công ở đại học và trong cuộc sống – của các thiếu niên 15 tuổi ở các nước công nghiệp hàng đầu thế giới. Schleicher nói rằng để hiểu rõ hơn tại sao một số học sinh đạt kết quả kiểm tra PISA tốt còn các em khác thì không, ông được các quốc gia O.E.C.D. khuyến khích nhìn rộng hơn lớp học. Schleicher kể, khởi đầu với bốn nước vào năm 2006, sau đó thêm 14 vào năm 2009, nhóm PISA tìm đến phụ huynh của 5000 học sinh và phỏng vấn họ “về cách nuôi dạy con của họ và so sánh với kết quả kiểm tra” của mỗi năm trong số này. Vào tháng 11/2011, nhóm PISA công bố ba phát hiện chính của họ qua nghiên cứu: “Những học sinh 15 tuổi nào mà cha mẹ thường đọc sách với chúng vào năm lớp 1 đạt điểm PISA năm 2009 cao hơn hẳn các em mà cha mẹ đọc sách cùng không thường xuyên hay hoàn toàn không đọc sách cùng. Lợi thế trong học tập ở các em có cha mẹ đọc sách cùng các em vào các năm học đầu là rõ ràng bất kể hoàn cảnh kinh tế xã hội của gia đình. Sự quan tâm của

* Trích từ *Alice ở xứ sở kỳ diệu và Alice ở xứ sở trong gương*, dịch giả Lê Thị Oanh, NXB Văn học (2009).

cha mẹ đến đưa con 15 tuổi liên quan chặt chẽ đến việc đạt kết quả PISA tốt hơn”. Schleicher giải thích rằng “chỉ cần hỏi con bạn ngày hôm nay học hành ra sao và quan tâm thực sự đến việc chúng đang làm gì cũng có ảnh hưởng ngang với nhiều giờ dạy chúng học. Đó là những gì mọi phụ huynh đều có thể làm được, bất kể học thức hay xuất thân xã hội của họ”. Ví dụ, nghiên cứu của PISA đã cho thấy “các học sinh mà cha mẹ nói rằng đã đọc cùng con một quyển sách “mỗi ngày hay mỗi hai ngày” hay “một hay hai lần mỗi tuần” trong suốt năm lớp một có điểm PISA 2009 cao hơn hẳn các học sinh mà phụ huynh nói rằng “không bao giờ hay hầu như chẳng bao giờ” hay chỉ “một hay hai lần mỗi tháng”. Trung bình, khác biệt là 25 điểm, tương đương với hơn nửa năm học”. Đúng, học sinh nhà giàu có thể được cha mẹ quan tâm hơn. “Tuy nhiên”, nhóm PISA phát hiện, “ngay cả khi so sánh sinh viên có cùng hoàn cảnh kinh tế xã hội, những sinh viên có cha mẹ đọc sách cùng vào năm lớp một trung bình đạt cao hơn 14 điểm so với học sinh mà cha mẹ không đọc sách cùng. Loại quan tâm của phụ huynh cũng có ảnh hưởng. Nghiên cứu của PISA lưu ý, “ví dụ trung bình, chênh lệch điểm môn đọc vốn có quan hệ với mối quan tâm của phụ huynh sẽ lớn nhất khi cha mẹ đọc sách cùng con, nói cho con nghe về những gì họ làm trong ngày, và kể chuyện cho con nghe. Chênh lệch về điểm số nhỏ nhất khi mối quan tâm của cha mẹ đơn giản chỉ thể hiện ở việc chơi cùng con.

Vào tháng 12/2005, bốn nhà nghiên cứu ở Mỹ và Australia đã thực hiện một báo cáo nhan đề *Văn hóa học vấn và Thành công trong giáo dục ở 27 quốc gia*. Dựa trên số liệu thu thập trong 20 năm, họ kết luận rằng:

Trẻ em lớn lên trong những gia đình có nhiều sách sẽ có thời gian đi học dài thêm ba năm so với trẻ em lớn lên trong những gia đình không có sách, bất kể trình độ, nghề nghiệp, giai cấp xã hội của bố mẹ các em như thế nào. Lợi thế của sách vở ngang với lợi thế có cha mẹ tốt nghiệp đại học so với cha mẹ không đi học, và lớn gấp đôi lợi thế có cha mẹ có nghề nghiệp so với cha mẹ không có kỹ năng. Điều này đúng ở cả nước giàu và nước nghèo, cả quá khứ và hiện tại, cả ở các nước theo chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa Apartheid, và thể hiện rõ nét nhất ở Trung Quốc.

Theo báo cáo, ở Trung Quốc, nhà nào có 500 cuốn sách hoặc hơn thì con cái họ sẽ có số năm đi học nhiều hơn 6,6 năm so với con cái những nhà không có sách. Chỉ cần có 20 cuốn sách trong nhà là đã tạo ra sự khác biệt đáng kể.

Chắc chắn, không có gì thay thế được giáo viên giỏi. Không có gì có giá trị

hơn việc dạy tốt ở lớp. Nhưng chúng ta hãy ngừng chất tất cả gánh nặng lên vai các thầy cô. Chúng ta cũng cần những phụ huynh tốt nữa.

Học sinh: Chúng ta không thể bỏ qua trách nhiệm của học sinh – nhất là ở cấp phổ thông trung học – là phải hiểu các em đang sống trong thế giới như thế nào và để tồn tại, phát triển được, các em cần có những phẩm chất gì. Vào ngày 21/10/2010, báo *New York Times* đăng một bài trong đó đặt câu hỏi liệu thanh thiếu niên Mỹ có quá mất tập trung bởi công nghệ không. Trong bài báo có đoạn:

Cô bé Allison Miller 14 tuổi, mỗi tháng nhận và gửi đi 27.000 tin nhắn. Ngón tay cô bấm với tốc độ chóng mặt vì cô có thể nhắn tin với bảy người một lúc. Cô nhắn tin trong lớp học, khi kết thúc giờ đá bóng trong môn thể dục, trên đường từ nhà đến trường và ngược lại, và thường ngay cả trong lúc học bài. Nhưng cô cũng phải trả giá cho khả năng nhắn tin thành thạo này: Cô cho rằng mình bị ba điểm B trong bài tập gần đây vì phải làm quá nhiều việc một lúc. “Em đang đọc sách để chuẩn bị làm bài tập thì nhận được tin nhắn. Em phải dừng đọc, đặt sách xuống và cầm điện thoại lên trả lời, và 20 phút sau em mới nhớ ra là: ‘Ồi, mình quên là phải làm bài tập’”.

Chúng tôi hy vọng rằng con số 27.000 tin nhắn một tháng là chuyện chỉ có trong mục *Tin hay không thì tùy* (Ripley’s Believe It Not)*. Nhưng thực tế thì giờ đây nó là bình thường. Vào ngày 10/01/2010, Quỹ Kaiser Family công bố một báo cáo dài có tên *Thanh thiếu niên sử dụng các phương tiện thông tin hàng ngày tăng đột ngột so với năm năm trước*, kết quả họ đưa ra là:

Báo cáo do Quỹ Kaiser Family công bố ngày hôm nay cho biết: Khi công nghệ cho phép thanh thiếu niên có thể tiếp cận với các phương tiện thông tin gần như 24 giờ mỗi ngày thì thời gian họ dành cho các phương tiện giải trí đã tăng đột ngột, đặc biệt là trong thanh thiếu niên các cộng đồng thiếu số. Ngày nay, các em trong khoảng từ 8-18 tuổi dành trung bình 7 giờ 38 phút mỗi ngày cho các phương tiện giải trí (tức là hơn 53 giờ một tuần). Vì các em dành quá nhiều thời gian để “sử dụng nhiều phương tiện một lúc” (đồng thời dùng nhiều hơn một phương tiện giải trí) nên thực chất trong 7,5 giờ đồng hồ đó, các em xử lý một lượng thông tin tương đương với lượng thông tin được xử lý riêng biệt trong 10 giờ 45 phút. Sau năm năm,

* Chuỗi các tác phẩm hoạt hình, truyện tranh v.v. chuyên về các sự kiện, hiện tượng kỳ lạ, bất thường khó tin, ban đầu do Robert Ripley sáng tạo ra.

thời gian dành cho các phương tiện thông tin đã tăng lên 1 giờ 17 phút mỗi ngày, từ 6 giờ 21 phút năm 2004 lên 7 giờ 38 phút hiện tại... Mặc dù báo cáo này không chỉ ra được mối quan hệ nhân quả giữa việc sử dụng phương tiện thông tin và điểm số học tập, nhưng giữa điểm số của những em sử dụng phương tiện thông tin rất nhiều và rất ít cũng có chênh lệch. Khoảng một nửa (47%) các em dành nhiều thời gian cho phương tiện thông tin cho biết các em thường chỉ nhận được điểm khá hoặc kém (chủ yếu là điểm C hoặc thấp hơn), trong khi chỉ khoảng một phần tư (23%) các em ít sử dụng phương tiện thông tin có kết quả tương tự... Trong 5 năm qua, thời gian đọc sách của thanh thiếu niên vẫn giữ ở mức 25 phút mỗi ngày, nhưng thời gian đọc báo, tạp chí đã giảm (từ 14 phút xuống 9 phút với tạp chí và từ 6 phút xuống còn 3 phút với báo). Tỷ lệ thanh niên đọc báo mỗi ngày giảm từ 42% năm 1999 xuống còn 23% năm 2009.

Trong báo cáo cũng có một câu mô tả xu hướng hiện nay: “Thời gian thanh thiếu niên sử dụng các phương tiện điện tử đã tăng lên, vượt quá tổng thời gian làm việc một tuần” – lời tiến sỹ Drew Altman, chủ tịch kiêm tổng giám đốc điều hành Quỹ Kaiser Family.



Chính vào thời điểm khi chúng ta cần tăng cường giáo dục để đưa những học sinh yếu kém nhất lên mức trung bình và đưa trình độ trung bình của học sinh Mỹ lên mức cao nhất thế giới thì thanh thiếu niên của chúng ta lại dành nhiều thời gian hơn để nhắn tin, chơi trò chơi điện tử, còn thời gian học, làm bài tập ở nhà lại ít hơn. Nếu chúng ta không buộc các em phải dành đủ thời gian cần thiết để thành thạo một môn học nào đó thì tất cả những nỗ lực của giáo viên trên thế giới đều vô nghĩa.

Các doanh nghiệp: Một trong những đặc điểm nguy hiểm nhất của nền chính trị Mỹ hiện nay là, trừ một vài ngoại lệ đặc biệt, còn lại những người hiểu biết nhất về thị trường lao động quốc tế, quen thuộc nhất với những kỹ năng cần thiết để phát triển được trên thị trường đó đang ngày càng không quan tâm đến những cuộc tranh luận trong nước. Trước đây, các nhóm xã hội như Bàn tròn doanh nghiệp và các cá nhân chủ doanh nghiệp vẫn cho rằng trách nhiệm của họ là phải bảo vệ, phải cất lên tiếng nói để giữ gìn công thức thành công truyền thống của nước Mỹ. Họ được giao nhiệm vụ đến Washington và vận động hành lang, không chỉ với tư cách đại diện cho ngành công nghiệp của chính họ mà rộng hơn, để có nền giáo dục tốt hơn, có cơ sở hạ tầng, có chính sách nhập cư, có thương mại tự do và có các quy định khuyến khích mọi người chấp nhận rủi ro. Nhưng trong mười năm qua, điều này ngày càng không còn đúng nữa. Giới doanh nghiệp ngày càng ít quan tâm đến toàn bộ cái bánh mà chỉ chú trọng đến phần lợi ích của riêng họ.

Với sự kết hợp giữa toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin, khi các công ty đa quốc gia bị Washington cản trở – đối với vấn đề cấp thị thực nhập cảnh cho lao động trình độ cao chẳng hạn – họ chỉ việc chuyển cơ sở nghiên cứu ra nước ngoài hoặc thuê các chi nhánh đặt tại nước ngoài làm. Khi Microsoft không thể xin được thị thực cho người nhập cư vào làm việc tại trụ sở công ty đặt ở ngoại ô Seattle, Washington, họ liền mở một trung tâm nghiên cứu ở Vancouver, Canada, cách đó hơn 180km về phía bắc. Thế giới càng phẳng thì các công ty lớn càng ít quan tâm đến việc tranh cãi với Washington về thị thực nhập cảnh hay bất cứ thứ gì khác ngoài chính sách thuế và chống độc quyền liên quan đến họ. Ngày nay, quan điểm thông thường của cộng đồng doanh nghiệp Mỹ về Washington là “Vùng nguy hiểm” – từ chỉ khu vực sinh sống của quái vật trên các bản đồ thời Trung cổ. Bạn đến thủ đô, vận động để được miễn thuế, rồi bạn bỏ đi, thật nhanh.

Thời điểm bước ngoặt hẳn là tháng 1/2004, khi một liên minh gồm tám nhân vật lãnh đạo của tám công ty công nghệ thông tin hàng đầu, còn được

gọi là nhóm CSPP cùng tập trung ở Washington để vận động Quốc hội phản đối dự luật hạn chế đem việc làm ra nước ngoài, nơi có chi phí lao động thấp hơn. Trong khuôn khổ chiến lược công khai của họ, Carly Fiorina, người sau này là tổng giám đốc điều hành Hewlett-Packard tuyên bố: “Không còn tồn tại những việc làm được gọi là Chúa dành cho nước Mỹ nữa”. Cùng thời điểm, CSPP cũng công bố một báo cáo cho biết vị trí đi đầu của Mỹ trong lĩnh vực công nghệ cao đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi các quốc gia khác đang cạnh tranh dữ dội.

Trong bài báo viết về sự kiện này, báo *San Francisco Chronicle* (ngày 09/01/2004) lưu ý rằng CSPP đã đưa ra một đề xuất dài hạn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ở phổ thông và trung học, tăng gấp đôi ngân sách liên bang dành cho nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực vật lý và thực hiện chính sách phát triển mạng băng thông rộng tốc độ cao trên toàn quốc như Nhật Bản và Hàn Quốc đã làm. Đây mới chính là những hành động thực sự của giới kinh doanh mà chúng ta nên vui mừng chào đón – và đây mới là thế giới chúng ta đang sống và những gì chúng ta cần để phát triển. Không may là thay vì kêu gọi mọi người tranh luận nghiêm túc về vấn đề rộng lớn này thì những gì được nhắc đến sau đó gần như chỉ tập trung vào tuyên bố thẳng thắn của Fiorina về những công việc không còn là đặc quyền của người Mỹ nữa. Bà bị phản đối dữ dội trên cả nước.

Bảy năm sau, một vị tổng giám đốc điều hành có mặt ngày hôm đó nhưng muốn giấu tên kể với chúng tôi rằng ngay khi Fiorina đưa ra tuyên bố nói trên, ông và đồng nghiệp chỉ muốn lén lút chuẩn bị cuộc họp báo, thậm chí trốn khỏi thành phố vì họ biết sẽ gặp phải thái độ phản ứng mạnh mẽ. Và mọi chuyện diễn ra đúng như thế. “Chúng tôi có ý tưởng khác”, báo *Seattle Post-Intelligencer* ngày 09/01/2004 viết: “Tại sao không xuất khẩu vài ghế tổng giám đốc điều hành? Chúng tôi tin rằng ở một vùng đất xa xôi đâu đó hẳn sẽ có một vài người đủ năng lực điều hành công ty thay cho những vị giám đốc mà chúng ta đang phải trả lương hết sức tốn kém”.

Sáu năm sau, những từ ngữ của Fiorina đã quay về phần lại bà khi bà đại diện cho đảng Cộng hòa chạy đua vào Thượng viện bang California với đối thủ là nghị sỹ đương nhiệm của đảng Dân chủ: Barbara Boxer. Trong đoạn quảng cáo vận động tranh cử trên truyền hình, Boxer đã khôn khéo tận dụng tuyên bố của Fiorina năm 2004 và số nhân sự mà Fiorina cắt giảm trong chiến lược tái cơ cấu HP khi làm tổng giám đốc công ty. Đúng là dấu hiệu xấu khi một phát biểu thẳng thắn lại bị biến thành lời tuyên truyền tiêu cực, gây tổn hại đến một ứng cử viên chính trị.

Ở nhà một mình

Mặc dù chưa bao giờ giữa giáo dục và tăng trưởng kinh tế lại có mối quan hệ chặt chẽ như hiện tại, nhưng chúng tôi vẫn không muốn rằng thanh thiếu niên của chúng ta được giáo dục chỉ để trở thành những người lao động tài giỏi hơn. Mà chúng tôi muốn mọi công dân được hưởng nền giáo dục tốt hơn để họ trở thành những công dân có ích hơn. “Chúng tôi muốn trẻ em biết cách tư duy phản biện, biết đọc, biết sáng tạo không chỉ đơn thuần vì những kỹ năng đó đem lại cho các em việc làm và tiền bạc mà bởi vì xã hội của những công dân giỏi giang sẽ là một xã hội tốt” – lời Susan Engel, chuyên gia sư phạm của Đại học Williams. “Mọi người sẽ có những quyết định được cân nhắc kỹ hơn, sáng tạo ra những thứ có ích hơn chứ không làm tổn hại thế giới, và ít nhất thì đôi khi cũng biết đặt lợi ích của người khác lên trên lợi ích của bản thân mình”.

Không còn nghi ngờ gì nữa: Giáo dục phải tập trung vào yếu tố con người – với mục tiêu tạo ra những công dân tốt hơn chứ không phải những em học sinh làm bài kiểm tra giỏi hơn. Về mặt này, tất nhiên Engel nói đúng. Nếu trường học của chúng ta dạy cho trẻ em Mỹ biết làm công dân Mỹ nghĩa là thế nào thì các em – và nước Mỹ – sẽ có cơ hội tốt hơn nhiều để truyền lại công thức thành công cho các thế hệ sau.

Nhưng chúng ta cũng không thể trốn tránh được thực tế rằng cả xã hội có nhiều việc phải làm để tránh nền giáo dục bị tụt hậu. Khi bạn cố gắng đuổi kịp người khác thì bạn phải làm việc tích cực hơn, tập trung hơn vào những điểm chính và kêu gọi mọi người nhiệt tình tham gia. Nếu chúng ta có một đất nước mà mọi người đều cảm thấy họ có lợi ích thực sự khi cải tiến nền giáo dục: các vị phụ huynh quan tâm đến việc học của con cái, người dân quan tâm đến chất lượng trường học tại địa phương, các chính trị gia đòi hỏi các trường phải được đánh giá theo tiêu chuẩn quốc tế, các doanh nghiệp đòi hỏi phải có hệ thống trường học tốt nhất thế giới, còn mọi học sinh đều hiểu các em đang sống trong một thế giới cạnh tranh như thế nào thì chúng tôi cam đoan rằng những giáo viên tốt nhất sẽ còn xuất sắc hơn, những giáo viên trung bình sẽ trở thành giáo viên giỏi, còn những giáo viên tệ hại nhất sẽ phải bỏ nghề.

Một trong những bộ phim có nhận thức sai lệch nhất được công chiếu hồi cuối năm 2010. Phim có tên *Cuộc đua không đích đến* (Race to Nowhere)

với nội dung chính là học sinh Mỹ ngày nay phải chịu quá nhiều áp lực. Họ quay cuồng giữa bài tập về nhà, bóng đá, Facebook, đấu vật, diễn kịch, vũ hội, chuẩn bị thi SAT, chuẩn bị thi AP*. Một số người gọi tình trạng này là “stress”. Còn với chúng tôi thì đó là những ưu tiên sai lầm trong cuộc sống.

“Stress” à? Bạn sẽ cảm thấy “stress” nếu bạn không thể hiểu được thứ tiếng Anh với âm sắc Trung Quốc của ông sếp đầu tiên bạn gặp sau khi tốt nghiệp đại học, mà lại là ông sếp duy nhất gọi bạn đi làm.

Đấy mới là “stress” thật!

* SAT: Kỳ thi kiểm tra kỹ năng tư duy cần thiết để vào đại học ở Mỹ, gồm toán, đọc hiểu và viết.

Kỳ thi AP: Kỳ thi vào một lớp đặc biệt ở cấp trung học, trong đó học sinh được học kiến thức chuyên môn tương đương với năm đầu của bậc đại học

BÂY

Bình thường đã hết thời

Chúng tôi có lý do để khó chịu với tác giả kịch bản phim *Mạng xã hội* (The Social Network). Chúng tôi không ưa cách họ xây dựng nhân vật Lawrence Summers, chủ tịch Đại học Harvard trong phim. Phim có cảnh hai sinh viên Harvards là hai anh em sinh đôi Cameron và Tyler Winklevoss đến gặp Summers để tố cáo bạn học là Mark Zuckerberg đã ăn cắp ý tưởng “Facebook” mà họ nghĩ ra. Summers nghe câu chuyện buồn của hai anh em họ mà chẳng bày tỏ một chút thông cảm nào. Nghe xong, ông ta đuổi họ về với câu: “Phải, mọi sinh viên Harvard đều phát minh ra một thứ gì đó. Các sinh viên Harvard tin rằng phát minh ra việc làm thì tốt hơn là tìm được việc làm nên theo tôi, hai cậu nên nghĩ ra hẳn một dự án mới đi”.

Câu nói này khiến Summers trở thành một người kiêu ngạo, không biết cảm thông, ra vẻ bề trên và chẳng hiểu gì về sự việc. Thực ra, ông đã mô tả hết sức chính xác một nền giáo dục “tốt hơn” phải đem lại cho người học phẩm chất gì: khéo léo, sáng tạo và mong muốn đem lại “giá trị gia tăng” cho mọi việc họ làm.

[Đạo diễn] Woody Allen có câu: “90% cuộc đời bạn là cho mọi người thấy bạn có mặt”, nhưng lời ông nói không còn đúng. Chỉ cho mọi người thấy bạn có mặt ở nơi làm việc thì chưa đủ. Bạn phải thể hiện con người bạn – không phải bằng cách tỏ ra kiêu ngạo hay thu hút sự chú ý của mọi người mà là làm mọi việc với kết quả xuất sắc, khiến ai cũng phải lưu tâm.

Tương lai kinh tế Mỹ phụ thuộc vào việc chúng ta có khả năng làm cho đất nước trở nên giống như quê hương tưởng tượng của Garrison Keillor – thị trấn Lake Wobegon, “nơi người phụ nữ nào cũng mạnh mẽ, người đàn ông nào cũng đẹp trai, và trẻ em nào cũng giỏi hơn bình thường”.

“Bình thường” đã chính thức hết thời.

Trong thế giới siêu kết nối, gần như mọi nhà tuyển dụng đều có thể dễ dàng sử dụng rất nhiều tài năng không mang quốc tịch Mỹ, rất nhiều thiết bị máy móc thông minh làm được những công việc trên-mức-bình-thường. Những công việc mười năm trước đây là “bình thường” thì hiện tại là dưới bình thường, và mười năm sau sẽ còn dưới xa hơn nữa. Bạn hãy tưởng tượng thế giới giống như một lớp học lớn được phân thứ hạng theo một đường cong. Đường cong này sẽ ngày càng dốc lên khi có thêm nhiều tài năng, nhiều máy tính, nhiều người máy hơn gia nhập lớp. Kết quả là mọi người đều phải nỗ lực nâng cao trình độ của chính mình để ít nhất cũng giữ được chỗ trong lớp, chưa nói đến phải xuất sắc hơn những người khác. Kết quả học tập ở mức trung bình trong quá khứ sẽ không giúp bạn nhận được điểm trung bình, không còn kiếm được việc làm với mức lương trung bình và hưởng mức sống trung bình.

Tại sao lại thế. Sau đây là một vài ví dụ của việc tại sao bình thường đã hết thời trong một thế giới siêu kết nối. Giả sử sang năm bạn phải nộp đơn xin học đại học và bạn muốn được nhận vào một trường đại học ở miền Trung bang Iowa, Đại học Grinnell chẳng hạn. Vào năm 2011, Trường Grinnell có 1.600 sinh viên, nhận được 255 đơn xin học từ Trung Quốc, chiếm 8,6% tổng số đơn xin học. Con số này đã là giảm so với cao điểm 9,9 của năm 2008. Trong số 255 ứng viên Trung Quốc vào năm 2011, 110 em (43,1%) đạt điểm tuyệt đối 800 ở môn toán trong kỳ thi SAT, theo báo cáo chính thức của Grinnell. Điều này đã gây ra một thách thức thật sự cho các chuyên viên tuyển sinh. Bạn biết chọn ai giữa hai ứng viên Trung Quốc đạt điểm SAT tuyệt đối môn toán? Đó là một vấn đề lớn cho bất cứ trường đại học nào, cũng không phải tin tốt cho bất cứ học sinh Iowa nào có điểm thấp hơn đã nộp đơn xin học Grinnell và một thập kỷ trước chắc không bao giờ mơ được rằng họ sẽ phải cạnh tranh với các học sinh trung học Trung Quốc.

Được rồi, có thể bạn không muốn theo học Grinnell, nhưng thay vì thế bạn muốn đi làm trong một nhà máy như một công nhân cổ xanh chỉ với bằng trung học hay thêm vài năm học đại học cộng đồng. Bạn cũng vẫn phải nỗ lực để vươn lên một tầm hoàn toàn mới. Trong một bài báo đăng trên tờ *Washington Post* ngày 19/02/2012, phóng viên Peter Whoriskey lý giải tại sao bình thường sẽ không thỏa yêu cầu của nhà máy – vào một thời đại mà làm việc ở nhà máy không chỉ có nghĩa là có khả năng vận hành máy mà còn phải lập trình được nó. Từ Holland, Michigan, Whoriskey giải thích:

“Quãng này của Vành đai Chế tạo có vẻ là một nơi dễ tìm được thợ nhà

máy. Tỷ lệ thất nghiệp giữ nguyên trên 9%. Cạnh tranh của lao động nước ngoài đã ném nhiều người ra đường. Sẽ là vô vị nếu nói rằng trung tâm công nghiệp này, cũng như bản thân nước Mỹ, cần thêm công việc sản xuất. Nhưng khi các ứng viên của cuộc bầu cử tổng thống 2012 chạy khắp tiểu bang này đề xuất các cách “đem việc làm trở về” thì nhiều nhà sản xuất nói rằng thật sự thì việc làm đã ở đây rồi. Điều còn thiếu là các công nhân có kỹ năng để làm các công việc đó. Một nhà máy phụ tùng kim loại ở đây đã tìm kiếm một người kiểm tra máy, một người chỉ huy nhóm lắp ráp và người chuẩn bị khuôn ép từ hồi mùa thu. Một nhà máy khác đang đề nghị chi tiền thưởng tuyển dụng nhân sự nội bộ để tìm một thợ hàn. Và một công ty làm khuôn cho các nhà sản xuất ô tô đã tìm kiếm bảy tháng trời để lấp bốn chỗ trống ở ca hai. Corey Carolla, phó chủ tịch phụ trách vận hành của Mach Mold, một nhà máy có 40 công nhân ở Benton Harbor, Mich nói: ‘Công nhân của chúng tôi đang làm việc 60-70 tiếng một tuần, và họ chết. Họ ra đi. Chúng tôi cần thêm người, vấn đề là không tìm ra...’. Do tự động hóa đã chuyển đổi các nhà máy và thay đổi các kỹ năng cần thiết để vận hành và bảo trì thiết bị nhà máy, các công nhân bị sa thải, vốn quen với các công việc dập và tiện kiểu cũ, thường không đủ tiêu chuẩn để vận hành các thiết bị mới... P.J. Thomson, chủ tịch của Trans-Matic, một nhà sản xuất phụ tùng kim loại nói, “Từng có một thời khi chủ nhà máy nói ‘Tôi cần 20 người’ là kiếm được người ngay. Bây giờ ông ta sẽ nói ‘Tôi cần 20 người với những kỹ năng kỹ thuật chuyên biệt’. Vậy là lao động không đáp ứng được yêu cầu”.

“Tạo ra sự khan hiếm này chính là cách tự động hóa đang chuyển đổi ngành sản xuất của Mỹ. Phần nhiều nhu cầu đối với công nhân có kỹ năng tăng lên bởi vì các nhà máy được tự động hóa đòi hỏi công nhân có thể vận hành, cài đặt chương trình và duy trì thiết bị mới được vi tính hóa. Nhiều người trong số những công nhân bị sa thải chỉ có thể vận hành các máy thủ công kiểu cũ. Các máy tiện và phay được vận hành bằng tay và cho ra từng thành phẩm. Các máy mới, lớn như cái xe thùng nhỏ và toàn những màn hình và nút bấm, phải được cài đặt với những mã đôi khi có vẻ bí hiểm. Các máy được điều khiển số hóa bằng máy vi tính (CNC) có thể có giá hàng trăm ngàn dollar. Một khi được lập trình, chúng sẽ cho ra hàng loạt sản phẩm tiếp nhau mà không cần người đứng máy. Ví dụ vào tuần rồi, Greg Rowles, 27 tuổi, một cựu lái xe đầu kéo hiện là lập trình viên CNC, đang làm việc với một cái máy để tạo hình một bộ phận kim loại tại nhà máy Vickers Engineering ở New Troy. Anh đã học vài khóa ở đại học cộng đồng ở địa phương. Mã số anh ta nhập vào máy như sau:

G54G90G0B0

M7;

G4X3.;

G81Z-.829R.1F28.;

Anh ta nói dòng cuối cùng bảo máy lấy dụng cụ và khoan sâu 0,829 inch với một tốc độ nhất định.

“Cũng phải học mất một thời gian”, anh ta nói.

Bước nhảy vọt về công nghệ có nghĩa là nhiều công nhân một thời đánh vật với những chiếc máy cũ, và đã thành thạo với chúng, thì nay không thể tìm được việc làm nữa.

“Bạn chẳng thấy ai đăng quảng cáo tuyển thợ làm khuôn rập và dụng cụ nữa”, Tom Whitmore, 59 tuổi, thợ làm khuôn và dụng cụ bị sa thải vào năm 2009 sau 33 năm làm tại một công ty sản xuất phụ tùng ô tô ở gần đó, nói. “Họ cần các kỹ năng CNC. Đối với hầu hết các kỹ năng đó thì tôi không thể đáp ứng được. Whitmore và hai bạn thợ đang theo học các lớp tại Đại học Lake Michigan để có chứng chỉ đại cương về kỹ thuật công cụ máy.

Mark Miller, 36 tuổi, có nhà bị tịch biên sau khi anh bị mất việc kỹ thuật viên sản xuất, nói: “Tôi là một minh chứng. Tôi rời trường trung học và đi làm ngay. Nhưng hiện nay, bạn phải có những kỹ năng kỹ thuật. Khi tôi ra khỏi đây, vấn đề là không chỉ có thể vận hành máy mà còn phải có thể cài đặt chương trình cho máy”.

Tất cả các lý do này cho thấy cho dù yếu tố “gia tăng” của bạn là gì – phát minh ra sản phẩm mới, tái phát minh một sản phẩm cũ hoặc tái khám phá bản thân để làm một công việc lập đi lập lại theo cách mới hơn, tốt hơn trước – bạn vẫn phải điều chỉnh nó, mài sắc và cải thiện nó, để trở thành người sáng tạo có óc sáng tạo hoặc người phục vụ có óc sáng tạo. Có thể thì công việc của bạn mới không bị chuyển sang cho người nước khác, bị tự động hóa hay bị coi là một loại hàng hóa có thể hoán đổi.

“Giá trị gia tăng” của mọi người có thể và thường khác nhau. Với một số người, nó đúng nghĩa đen là thành lập công ty để giúp cuộc sống của mọi người tiện nghi hơn, được học hành tốt hơn, vui vẻ hơn, có năng suất cao hơn, mạnh khỏe hơn, an toàn hơn. Cụ thể, nó sẽ mang lại những sản phẩm dịch vụ phức tạp hơn, liên quan đến công việc của người sáng tạo có óc sáng tạo – thiết kế nhà cửa, viết bản tóm tắt hồ sơ pháp lý, tìm ra một ngành kinh doanh mới, viết quảng cáo, sửa chữa nhà bếp hay viết một chương trình ứng dụng cho máy tính bảng iPad.

Và tin tốt là trong thế giới siêu kết nối, việc này trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Nếu hôm nay bạn vừa có một ý tưởng mới lóe lên trong đầu thì bạn có thể tìm ngay được một công ty ở Đài Loan để thiết kế sản phẩm, nhờ trang web Alibaba của Trung Quốc chỉ cho bạn một nhà máy chi phí thấp để làm ra nó và có Amazon.com hỗ trợ bạn trong việc đáp ứng đơn hàng, giao hàng cũng như cung cấp dịch vụ kỹ thuật nhờ đám mây. Ngoài ra bạn có thể tìm một kế toán viên bằng trang web Craigslist để giúp bạn làm sổ sách, một nghệ sĩ nhờ trang Freelancer.com để yêu cầu thiết kế biểu trưng. Tất cả những gì bạn cần chỉ là một ý tưởng ban đầu có tính sáng tạo, có trí tưởng tượng hơn người khác.

Trên tạp chí *Wired* (ngày 25/01/2010), chuyên gia viết về công nghệ Chris Anderson đã giải thích rất hay về những gì thế giới siêu kết nối làm được cho bất cứ ai có mong muốn sáng tạo ra cái mới:

Internet đã dân chủ hóa ngành xuất bản, phát thanh truyền hình và truyền thông. Kết quả là có một số lượng người khổng lồ ngày càng tham gia nhiều hơn vào mọi lĩnh vực số – cái đuôi dài của các bit dữ liệu. Câu chuyện tương tự cũng đang xảy ra với ngành chế tạo... Mọi người đều có thể mua được các công cụ sản xuất trong nhà máy – từ thiết bị lắp ráp sản phẩm điện tử đến máy in 3D cho dù họ chỉ mua với số lượng từng chiếc một. Bất cứ ai có ý tưởng và có chút ít kinh nghiệm đều có thể điều khiển các dây chuyền lắp ráp ở Trung Quốc chỉ với vài thao tác trên bàn phím máy tính xách tay. Vài ngày sau, hàng mẫu sẽ được chuyển đến tận nhà họ, và sau khi kiểm tra xong xuôi thì họ chỉ cần ấn thêm vài phím nữa là toàn bộ quá trình sản xuất sẽ vận hành, làm ra hàng trăm, hàng nghìn sản phẩm hoặc hơn nữa. Họ có thể trở thành một nhà máy vi mô ảo, thiết kế và bán hàng hóa mà không cần có trang thiết bị, thậm chí không có hàng tồn kho. Sản phẩm được chế tạo và vận chuyển bởi các nhà thầu chuyên phục vụ hàng trăm khách hàng kiểu như vậy cùng một lúc. Ngày nay, các nhà máy nhỏ có thể làm ra mọi thứ, từ ô tô con, phụ tùng xe đạp đến đồ gỗ theo bất cứ kiểu thiết kế nào bạn có thể nghĩ ra. Tiềm năng của một triệu người thợ tại gia đang tỏa ra khắp thế giới khi ý tưởng sản xuất được đưa vào thực tế mà không cần vốn hay trang thiết bị gì cả. Trước đây, người ta dùng cụm từ “ba gã trai có máy tính xách tay” để nói về sự ra đời của một trang web. Giờ đây, nó cũng có thể để chỉ một công ty phần cứng máy tính”.

Nhưng có những người không chấp nhận rủi ro, họ không có đủ “máu kinh doanh” để mở doanh nghiệp mới từ một mớ lộn xộn. Không sao cả. Nhưng trong trường hợp này, họ phải tự “tái tạo” lại bản thân. Một số người sẽ làm điều đó ngay trong nội bộ công ty hoặc trong chuỗi công việc họ đang làm, bằng cách học thêm với mục tiêu nâng cấp kỹ năng của mình để đảm đương được công việc sản xuất cao cấp. Những người khác thực hiện công việc của người sáng tạo lặp đi lặp lại hoặc người phục vụ lặp đi lặp lại, đem lại cho nó giá trị đặc biệt khiến người khác muốn trả thêm tiền để được hưởng sự đặc biệt đó. Thông thường nó sẽ bao gồm việc đem niềm đam mê đặc biệt hay chất người vào công việc giao tiếp, theo một cách thật sự làm giàu kinh nghiệm của người trả tiền cho việc đó. Chúng ta đều nhận thấy giá trị ấy khi bất gặp. Bạn thấy nó khi bạn đến thăm nhà dưỡng lão và chứng kiến một nhân viên chăm sóc đang kiên nhẫn ngồi chăm sóc bố bạn với thái độ rõ ràng là khiến ông cảm thấy vui vẻ, và bạn tự nhủ: “Mình sẽ nói chuyện với người quản lý, mình sẽ trả thêm tiền cho cô nhân viên này để cô ấy chăm sóc bố mỗi ngày”. Bạn thấy nó khi bạn được một nhân viên bán hàng trong cửa hàng bán trang phục nam hoặc giày nữ phục vụ với thái độ thân thiện, hiểu biết về xu hướng thời trang mới nhất, biết cách làm thế nào để bạn có bề ngoài đẹp nhất, và lần sau bạn sẽ quay lại và yêu cầu đích danh nhân viên đó bán hàng. Bạn thấy nó ở một huấn luyện viên thể dục, người biết chính xác cần hướng dẫn mỗi bài tập như thế nào thì phù hợp, và tất cả mọi người đều xếp hàng để được anh ta hướng dẫn dù anh ta lấy giá cao hơn các huấn luyện viên khác. Bạn thấy nó ở hãng hàng không Southwest Airlines khi họ bán cho bạn vé hạng ghế phổ thông kèm theo nhiều giá trị khác. Các phi công và tiếp viên của hãng đều cố gắng đem lại cho mọi chuyến bay sự hài hước và tình cảm của chính con người họ.

Ý chính của chương này và đối với toàn bộ ngành giáo dục là: Trong hàng chục năm, nước Mỹ luôn phải đấu tranh giữa mong muốn tăng năng suất lao động với giữ được việc làm công nhân cổ xanh. Chúng ta đã chứng kiến ngày càng có thêm nhiều máy móc, phần mềm tốt hơn, nhiều lao động nước ngoài giá rẻ hơn thay thế cho công nhân người Mỹ. Như đã nói ở trên, chúng ta đã bù đắp cho số lượng việc làm công nhân cổ xanh và cổ trắng mất đi bằng cách thổi phồng các thị trường địa ốc và bán lẻ và mở rộng chính quyền địa phương và tiểu bang. Nhưng chúng ta không thể tiếp tục làm như vậy. Cách duy nhất để bù đắp cho tất cả các việc làm mất đi đó là tạo ra việc làm mới hay đem những việc cũ ra dạy mọi người làm theo cách mới để làm tăng giá trị. Nhưng để làm được điều đó, cần mở thêm nhiều công ty mới, hệ thống

giáo dục tốt hơn và đầu tư nhiều hơn và nghiên cứu và triển khai để mở rộng biên giới khoa học và công nghệ. Ngày nay, người Trung Quốc tạo ra tăng trưởng kinh tế bằng cách đào tạo sao cho người lao động của họ có đủ trình độ làm được những việc ở nước giàu. Còn với nước Mỹ chúng ta, để có tăng trưởng, chúng ta phải đào tạo để người lao động làm được những công việc hiện còn chưa xuất hiện, tức là chúng ta phải tạo việc làm và đào tạo người lao động cùng một lúc. Khó khăn hơn, và đó cũng là lý do tại sao *mọi người* cần phải có mong muốn trở thành người sáng tạo có óc sáng tạo hoặc người phục vụ có óc sáng tạo.

Có bốn cách tư duy rất hữu ích khi muốn trở thành người sáng tạo có óc sáng tạo hoặc người phục vụ có óc sáng tạo, đó là hãy nghĩ như một người nhập cư, như một người thợ thủ công, như một nhân viên phục vụ bàn và như một nhà đổi mới.

Ngày nay, mỗi công nhân Mỹ nên tự coi mình là một người nhập cư mới. Nghĩa là thế nào? Là bạn phải hiểu rằng thế giới này không nợ bạn cái gì và cũng không cho bạn cái gì, bạn phải tự làm mọi thứ. Dù Đại học Harvard, công ty gia đình bạn hay bất cứ nơi nào khác, đều không có chỗ “dành sẵn” cho bạn. Bạn phải tự đi, tự tìm, tự giành lấy một chỗ cho mình. Và bạn phải hết sức lưu tâm đến thế giới bạn đang sống. Giống như những người nhập cư trong suốt lịch sử nước Mỹ, giờ đây, người Mỹ thấy mình phải sống trong thế giới mới và khác biệt rất nhiều so với trước. Xét về những khía cạnh quan trọng, trong thế giới siêu kết nối của thế kỷ 21, tất cả chúng ta đều là dân nhập cư. Không ai trong chúng ta còn có thể nói: “Tôi có bằng đại học. Tôi có quyền có việc làm. Người khác phải nhận ra lý do và cách thức tuyển dụng và đào tạo tôi”. Không, bạn cần phải hiểu ngành nào đang phát triển và kỹ năng nào đang cần thiết trong ngành đó và chứng minh cho người chủ tương lai biết rằng bạn có thể đem lại giá trị gia tăng theo một cách mà không ai khác có thể làm được. .

“Mỗi người nhập cư mới là một người lạc quan mắc chứng hoang tưởng”, theo lời Noubar Afeyan, một kỹ sư sinh hóa và nhà đầu tư mạo hiểm, cũng là một giảng viên môn kinh doanh khởi nghiệp tại Trường kinh doanh Sloan thuộc MIT và bản thân là một người nhập cư. “Bạn nhập cư vào nước Mỹ bởi vì bạn là một người lạc quan, nhưng bạn hoang tưởng bởi vì bạn biết rằng bạn không thể xem bất cứ thứ gì là mặc nhiên”.

Vì vậy hãy tư duy như một người nhập cư: luôn luôn đối, luôn thích nghi, bền bỉ và tập trung.

Mọi người nên tự coi mình là thợ thủ công – theo lời Lawrence Katz, nhà kinh tế học lao động thuộc Đại học Harvard. “Thợ thủ công” là từ chỉ những người làm ra sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ với tài năng, sự tinh tế đặc biệt, niềm tự hào của riêng họ vào thời kỳ trước sự xuất hiện của các dây chuyền sản xuất hàng loạt. Trước Cách mạng Công nghiệp, hầu như mọi người đều là thợ thủ công: thợ đóng giày, bác sĩ, thợ may, thợ làm kính, thợ làm yên cương, thợ mộc. Họ tỉ mỉ trong mọi thứ họ làm, và họ thường khắc tên viết tắt của mình lên sản phẩm. Khi làm bất cứ điều gì bạn cũng nên nghĩ: Mình có muốn khắc tên mình lên nó khi làm xong không? Hãy nghĩ như một thợ thủ công: đặc biệt tự hào về bất cứ điều gì bạn làm.

Thứ ba, hãy tư duy như nhà đổi mới. Đây là lời khuyên của Reid Garrett Hoffman, một trong những người chuyên sáng lập các công ty mới hàng đầu ở Thung lũng Silicon. Ngoài việc đồng sáng lập LinkedIn, ông còn là thành viên ban quản trị Zynga, một trong những người đầu tư sớm nhất vào Facebook và là thành viên ban quản trị Mozilla. Vào năm 2012, ông viết cuốn sách *Khởi đầu của bạn* (The Start - Up of You) cùng với Ben Casnocha, trong đó họ chỉ ra rằng các công ty công nghệ đôi khi để nguyên nhãn “bản beta” trên phần mềm một thời gian sau khi đã chính thức phát hành để nhấn mạnh rằng sản phẩm chưa hoàn thành, những điểm mắc đang được giải quyết, những điểm cải thiện mới đang được tìm kiếm. Họ khẳng định tất cả chúng ta đều phải ứng xử với nghề của mình theo cùng cách đó. Họ viết trong quyển sách: “Jeff Bezos, người sáng lập / tổng giám đốc điều hành của Amazon thường kết thúc mỗi bức thư thường niên gửi đến các cổ đông bằng cách nhắc nhở họ, giống như trong bức thư thường niên đầu tiên năm 1997 rằng, ‘ Vẫn đang là ngày đầu tiên của Internet và Amazon.com: Mặc dù chúng ta lạc quan, chúng ta vẫn phải cảnh giác và duy trì ý nghĩ chúng ta đang trong tình trạng cấp bách’. Nói cách khác, Amazon chưa bao giờ hoàn thành: luôn luôn là ngày đầu tiên. Đối với các doanh nhân khởi nghiệp, *hoàn thành* là một từ tệ hại. Hoàn thành nên là một từ tệ hại cho tất cả chúng ta. Tất cả chúng ta đều là những sản phẩm chưa hoàn thành. Mỗi ngày đem lại cho chúng ta một cơ hội để học thêm, làm thêm, sống thêm, lớn thêm trong cuộc đời và nghề nghiệp. Duy trì nghề nghiệp mãi mãi ở trạng thái beta sẽ thúc đẩy bạn ý thức được rằng mình còn thiếu khuyết, còn phải làm nhiều bài kiểm tra về sự đảm bảo chất lượng cho chính mình, rằng bạn sẽ cần phải thích nghi và phát triển... Andy Hargadon, giám đốc trung tâm khởi nghiệp của Đại học California - Davis, nói rằng đối với nhiều người “hai mươi năm

kinh nghiệm” thật ra là một năm kinh nghiệm được lặp đi lặp lại hai mươi lần. Nếu bạn luôn ở trạng thái beta trong nghề nghiệp của mình, hai mươi năm kinh nghiệm thật sự là hai mươi năm kinh nghiệm bởi vì mỗi năm sẽ được đánh dấu bằng những thử thách và cơ hội mới mẻ, phong phú. Mãi ở trạng thái beta về bản chất là một sự dấn thân trọn đời vào sự phát triển cá nhân liên tục... Không lớn lên nghĩa là nhỏ lại. Không tiến nghĩa là lùi”. Luôn ở trạng thái beta – luôn tìm cách để tái phát minh, tái xây dựng và tái hình dung công việc của bạn, trước khi sếp của bạn hay đối thủ của bạn làm điều đó.

Thứ tư, hãy tư duy như người phục vụ bàn. Vào cuối tháng 8/2010, Tom về thành phố quê hương Minneapolis, ăn sáng với một người bạn là Ken Greer ở hàng bánh kẹp Perkins. Ken gọi ba suất bánh kẹp bơ sữa và hoa quả. Khi cô phục vụ bàn quay lại với món ăn sáng, đặt đĩa trước mặt họ và nói với Ken: “Tôi lấy cho ông nhiều hoa quả hơn”. “Thế là chúng tôi thưởng cho cô ấy 50% hóa đơn” – Tom kể. Cô ấy không được quản lý nhiều thứ ở nơi làm việc, nhưng với quyền được quản lý thì xúc hoa quả và mong muốn được tạo ra chút giá trị gia tăng, cô ấy đã tặng thêm hoa quả cho Ken. Trong nhiều trường hợp, chúng ta cần suy nghĩ giống như cô phục vụ bàn ấy và tự hỏi: Làm thế nào để việc mình làm trở nên khác biệt với người khác? Hơn bao giờ hết, tất cả chúng ta đều là những người phục vụ bàn, đang nỗ lực làm được một điều gì đó khác biệt mà một cỗ máy, máy tính, người máy hoặc một công nhân nước ngoài không thể làm được. Hãy nghĩ như một người phục vụ bàn – hãy mang tinh thần khởi nghiệp trong bất cứ việc gì bạn làm, tìm ra cách để làm cho bạn khác biệt, ngay cả nếu bạn làm công việc bình thường nhất.

Giúp mọi người phát triển loại “giá trị gia tăng” này chính là điều mà một nền giáo dục “tốt hơn” phải đạt được và truyền được cảm hứng. Trong 235 năm qua, nước Mỹ đã liên tục mở rộng, nâng cấp hệ thống giáo dục song song với tiến bộ khoa học công nghệ. Thời chúng ta còn là một xã hội nông nghiệp, điều đó có nghĩa là cung cấp giáo dục tiểu học cho mọi người. Còn khi trở thành xã hội công nghiệp, điều đó có nghĩa là đẩy mạnh giáo dục trung học cho mọi người. Và khi chúng ta là xã hội tri thức, điều đó có nghĩa là ít nhất phải mang lại giáo dục hậu trung học cho tất cả. Giờ đây thế giới siêu kết nối đòi hỏi phải có bước tiến mới. Mark Rosenberg, chủ tịch Đại học Quốc tế Florida, nơi có 42.000 sinh viên đã tổng kết: “Chúng ta bắt buộc phải làm tốt hơn trong lĩnh vực đào tạo sinh viên để họ không chỉ *kiếm* được việc làm tốt mà còn *tạo ra* được việc làm tốt”. Nước nào đào tạo được lực lượng lao động làm tốt nhất những việc này thì sẽ là nước phát triển nhất.

Chúng tôi nghĩ rằng sử gia Walter Russell Mead đã nói về thách thức và cơ hội này rất súc tích trong bài viết ngày 04/4/2012 trên blog Via Meadia của ông với tiêu đề “Cuộc khủng hoảng của nền văn minh”. Ông lập luận rằng công việc của nước Mỹ là chỉ cho mọi người cách tìm giá trị gia tăng của họ trong một thế giới siêu kết nối:

Nhiệm vụ của nước Mỹ là chỉ cho thế giới một việc đơn giản: làm sao để khai thác sức mạnh của những công nghệ mới và làm sao để tìm thấy những cách sử dụng có hiệu quả tất cả sức lao động của con người đang được giải phóng khỏi những công việc vất vả và lặp đi lặp lại. Chúng ta phải cho thấy những dịch vụ phức tạp và tinh vi mà con người cần cho cuộc sống trong xã hội hậu công nghiệp có thể trở nên rẻ đi đáng kể như thế nào: tư vấn pháp lý tốt, lập kế hoạch tài chính tốt, giáo dục, đào tạo, chính phủ tốt... Chúng ta phải cho thấy công nghệ thông tin có thể cách mạng hóa thế giới việc làm ra sao, cho phép mọi người làm việc từ xa, hợp tác từ xa, và đem lại khả năng cho một thể hệ doanh nhân khởi nghiệp. Chúng ta phải cho mọi người thấy hiện nay quá nhiều công việc cũ đang trở nên không cần thiết, có những cách mới để mọi người sống khỏe bằng cách cung cấp các hàng hóa và dịch vụ mà dưới hệ thống cũ chỉ dành cho một số ít giàu có hay chưa hề có.

Giáo dục tốt hơn có thể là chưa đủ để đối mặt với thử thách nhưng chắc chắn là cần thiết. Thực tế, khi toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin tiếp tục kết hợp với nhau, mở rộng và phát triển hơn, cách chia các quốc gia thành nhóm “phát triển” và “đang phát triển” trước đây sẽ không còn phù hợp. Xa hơn, chúng ta tin rằng thế giới sẽ ngày càng phân cấp thành các nước có năng-lực-tưởng-tượng-cao và các nước có năng-lực-tưởng-tượng thấp. Nhóm thứ nhất có khả năng khuyến khích và tạo điều kiện cho người dân tưởng tượng và tạo ra giá trị gia tăng, còn nhóm thứ hai thường hạn chế hoặc đơn giản là không thể phát triển được năng lực sáng tạo của người dân, khiến họ không nghĩ ra được ý tưởng mới, không mở ra được ngành công nghiệp mới, không nuôi dưỡng được “giá trị gia tăng” trong mỗi người. Mỹ từng là nước có năng-lực-tưởng-tượng-cao nhất thế giới, giờ đây chúng ta cần trở thành một xã hội có năng-lực-tưởng-tượng-siêu-cao. Chỉ có vậy chúng ta mới hy vọng có những công ty với năng suất ngày càng tăng và nhiều người lao động có việc làm với mức lương khá.

Nhưng câu hỏi lớn đối với các nhà giáo dục Mỹ là làm thế nào để mỗi giáo viên thực sự biết cách dạy “giá trị gia tăng”. Chúng ta đã biết dạy và kiểm tra năng lực đọc, viết và tính toán. Nhưng dạy “giá trị gia tăng” đòi hỏi giáo

viên vừa phải dạy, vừa *tạo cảm hứng* sáng tạo. Không chỉ có một cách đạt được điều đó, và áp dụng nhiều cách khác nhau để dạy được khả năng sáng tạo và “giá trị gia tăng” chính là những thử nghiệm thú vị nhất trong giáo dục ngày nay. Nhưng chúng ta biết chúng ta có thể thành công vì mọi người vẫn đang làm được.

Ba chữ TGH

Tony Wagner, chuyên gia cải cách giáo dục tại Trung tâm Công nghệ và Doanh nghiệp thuộc Đại học Harvard, tác giả cuốn *Chênh lệch thành tựu toàn cầu* (The Global Achievement Gap) và *Học tập để cải cách, cải cách để học tập* (Learning to Innovate, Innovating to Learn) đã định nghĩa rất hay thế nào là giáo dục “tốt hơn”. Giáo dục “tốt hơn” có nghĩa là dạy được ba năng lực mà Wagner gọi là “TGH”: “tư duy phản biện, giao tiếp hiệu quả bằng nói hay viết, và hợp tác”.

Theo Wagner, tư duy phản biện là khả năng đưa ra những câu hỏi đúng chứ không phải nhớ được câu trả lời đúng. Giao tiếp và hợp tác là khả năng xác định được mục tiêu và làm việc với mọi người để đạt được mục tiêu đó. Mỗi người đều cần cả ba năng lực TGH để trở thành người sáng tạo có óc sáng tạo hoặc người phục vụ có óc sáng tạo.

“Nếu bạn không thể giao tiếp thì bạn không thể hợp tác”, Wagner giải thích. “Và nếu bạn không thể hợp tác thì khả năng sáng tạo của bạn sẽ suy giảm”. Ông cho biết mọi người thường nghĩ rằng những người sáng tạo nhất sẽ làm việc hiệu quả nhất khi chỉ có một mình. “Từ những gì tôi thấy ở nơi làm việc, những lần tôi nói chuyện với những người có năng lực sáng tạo cao, tôi thấy điều đó không đúng. Ngày nay, những cải tiến mới hầu hết là do một nhóm người tạo ra, họ có thể mang nhiều quốc tịch khác nhau, nói nhiều ngôn ngữ khác nhau, thậm chí là nhóm người ảo”. Wagner cho rằng trong nhóm, “để làm việc hiệu quả, bạn phải có khả năng giao tiếp hiệu quả”.

Làm thế nào để chúng ta phát huy được phẩm chất T – tư duy phản biện và sáng tạo – cho học sinh trên lớp? Khó mà định nghĩa được chính xác thế nào là sáng tạo chứ chưa nói tới đo lường hay giảng dạy nó. Tuy nhiên, vì toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin đang khiến mọi việc làm đều phải chịu sức ép, vì những công việc được trả lương cao đang ngày càng đòi hỏi phải có cách đo lường khả năng sáng tạo, vì các trường học của chúng

ta đang phải gánh trách nhiệm nặng nề là chuẩn bị cho người dân Mỹ sẵn sàng tham gia lực lượng lao động nên các trường phải tìm cách phát huy các phẩm chất TGH trong khi giảng dạy chúng.

Sau đây là vài ví dụ ấn tượng về những nỗ lực đã thành công. Chúng tôi muốn nhắc đến đầu tiên là Steve Jobs và bài phát biểu thường được trích dẫn hồi năm 2005 tại Đại học Stanford của ông. Jobs học tại Đại học Reeds, bang Oregon được một học kỳ rồi bỏ học. Nhưng giai đoạn học tập ngắn ngủi của ông thực sự để lại dấu ấn.

Tôi đã ngây thơ chọn một trường đại học có mức học phí đắt ngang với Stanford, và toàn bộ số tiền cha mẹ tôi tiết kiệm được đều được dùng để chi trả học phí cho tôi. Sau sáu tháng, tôi không thấy việc học đem lại giá trị gì cả. Tôi không biết mình muốn làm gì, cũng không biết học đại học sẽ giúp tôi tìm ra câu trả lời đó như thế nào. Trường đại học chỉ là nơi tôi tiêu hết số tiền mà cha mẹ tôi đã dành dụm cả đời. Vì vậy tôi quyết định bỏ học và tin rằng mọi chuyện sẽ ổn. Lúc đó, quyết định của tôi nghe rất điên khùng, nhưng khi nghĩ lại, nó lại là một trong những quyết định đúng đắn nhất của tôi. Khi bỏ học, tôi không phải tham gia những môn học bắt buộc mà tôi không ưa nữa, và tôi có thể học những thứ tôi thấy thú vị.

Mọi chuyện hoàn toàn không lãng mạn. Tôi không được ở trong ký túc xá nên tôi phải ngủ dưới đất trong phòng của mấy người bạn. Tôi thu gom và trả vỏ chai Coke cho người bán và được nhận 5 xu một chai để có tiền ăn, và mỗi tối Chủ nhật, tôi đi bộ bảy dặm trong thành phố để có một bữa ăn ngon ở đền Hare Krishna. Tôi yêu thích cuộc sống ấy. Và phần lớn những gì tôi thu nhận được nhờ tính tò mò và trực giác của mình sau này đã trở thành vô giá. Tôi sẽ kể cho các bạn nghe một ví dụ.

Đại học Reed thời đó có lẽ là nơi dạy viết chữ tốt nhất trong nước. Toàn bộ các tờ quảng cáo trong trường, mỗi nhãn dán trên mỗi ngăn kéo tủ đều được viết tay rất đẹp. Vì tôi đã bỏ học và không phải theo các lớp học thông thường nữa nên tôi quyết định tham dự một lớp viết chữ. Tôi được học về loại chữ có chân và không chân, về thay đổi khoảng cách giữa các chữ cái, về những yếu tố giúp bản in đẹp hơn. Viết chữ là một công việc đẹp đẽ, mang tính lịch sử, và không môn khoa học nào có được sự tinh tế của nó. Tôi thấy nó thực sự hấp dẫn.

Tôi không có chút hy vọng nào là môn học này sẽ có ích lợi gì cho đời mình. Nhưng mười năm sau, khi thiết kế chiếc máy tính Macintosh đầu tiên, tất

cả những gì đã được học hiện ra trong đầu tôi. Và chúng tôi dùng nó cho các thiết kế trong máy Mac. Mac là loại máy tính đầu tiên có phong chữ đẹp. Nếu tôi không bỏ học để theo lớp viết chữ kia thì máy Mac sẽ chẳng bao giờ có nhiều kiểu chữ đến thế. Và vì Windows chỉ bắt chước lại Mac nên thực ra sẽ không có loại máy nào. Nếu tôi không bỏ trường đại học, tôi sẽ không bao giờ đi học lớp viết chữ, và máy tính sẽ không bao giờ có những phong chữ tuyệt vời như ngày nay.

Bài phát biểu của Jobs có hai thông điệp. Thứ nhất là sáng tạo tóm lại chỉ là “kết nối mọi thứ”, như chính Jobs đã nói – những thứ đã tồn tại nhưng những người khác không bao giờ nghĩ là có thể kết nối. Thông thường sáng tạo không phải là phát minh ra mọi thứ mới từ đầu đến cuối. Hãy xem chiếc máy nghe nhạc iPod. Thật sự nó chỉ là máy MP3 được cải tiến, được kết nối với một kho âm nhạc trực tuyến, tạo ra một gói sản phẩm hoàn toàn mới đem lại cho người sử dụng kinh nghiệm hoàn toàn mới. Như Jonah Lehrer lưu ý trong quyển sách *Hãy tưởng tượng: Sáng tạo là như thế nào*, “Anh em nhà Wright chuyển kinh nghiệm sản xuất xe đạp của họ thành phát minh máy bay; vật thể bay đầu tiên của họ, xét trên nhiều khía cạnh, chỉ là một chiếc xe đạp có cánh... Gutenberg sử dụng kiến thức về máy ép nho để làm ra máy in có khả năng in hàng loạt chữ. Hay hãy xem trường hợp Google: Larry Page và Sergey Brin tìm ra thuật toán tìm kiếm nổi tiếng của họ bằng cách áp dụng phương pháp xếp hạng được dùng cho các bài báo khoa học (được trích dẫn nhiều hơn có nghĩa là có ảnh hưởng lớn hơn) vào Internet.

Đây là lập luận vững chắc về tầm quan trọng của ngành khoa học xã hội. Chắc chắn không ai có thể trở thành lập trình viên sáng tạo nếu không có kiến thức toán học hay khoa học máy tính cơ bản. Một người cũng không thể trở thành một kỹ sư sáng tạo nếu không hiểu biết về vật lý cơ bản, không thể tìm ra loại thuốc mới nếu thiếu kiến thức sinh học và hóa học. Quan trọng là phải có ba phẩm chất TGH và có tri thức. Nhưng nếu chúng ta vội vàng cung cấp cho người học kiến thức về toán và khoa học mà quên mất mỹ thuật, âm nhạc, báo chí, hợp xướng, ban nhạc, phim ảnh, giáo dục thể chất, khiêu vũ – và viết chữ – như nhiều trường công đang buộc phải làm theo, chúng ta sẽ mất đi chính những yếu tố khuyến khích con người hợp tác, tạo cảm hứng cho họ sáng tạo, kết hợp mọi thứ với nhau.

Bài học thứ hai trong bài phát biểu của Jobs về dạy khả năng sáng tạo là tầm quan trọng của điều mà Wagner gọi là “chơi” và “khám phá”. Với trẻ em, hai hành động này có mối liên quan với nhau từ rất sớm. Jobs đã làm theo

đúng những gì bản thân ông muốn khi ông theo học lớp viết chữ, để tìm hiểu những thứ mà ông chưa từng biết, chưa từng nghĩ rằng ông có thời gian để tìm hiểu. Lúc ấy ông “chơi” – theo đúng nghĩa từ “chơi” của các nhà giáo dục. Wagner giải thích: “Mỗi đứa trẻ ở trường mẫu giáo đều là một nghệ sĩ. Chơi là một cách khám phá, và cũng là cách thức con người bắt đầu nhận biết về thế giới và tìm niềm đam mê của mình”. Wagner cho rằng vấn đề của các trường học hiện nay “là họ không tôn trọng hành động ‘chơi’, niềm đam mê và mục đích của người học, họ cách ly những người không làm theo những gì họ muốn”. Những phẩm chất này không thể đo lường, kiểm tra được nên chúng thực sự không được đánh giá đúng mức.

Marc Tucker là người đứng đầu Trung tâm quốc gia về Giáo dục và kinh tế. Theo ông, những ngôi trường tốt nhất mà ông đã nghiên cứu, ví dụ các trường của Đan Mạch đều khuyến khích học sinh chơi có mục đích, nhưng ở cấp độ rất cao. “Tôi đã quan sát điều này ở các trường trung học kỹ thuật của Đan Mạch. Lớp học được chia thành bốn hoặc năm nhóm, bài tập của mỗi nhóm là làm một chiếc xe chó kéo. Các nhóm phải cạnh tranh với nhau. Trước hết họ phải trả lời câu hỏi: Nên chế tạo một chiếc chạy nhanh nhất, hay chạy xa nhất, hay chở được nặng nhất? Bạn phải đưa ra được tiêu chí trước rồi mới lên thiết kế và lắp ráp chiếc xe”. Mặc dù mỗi nhóm tự quyết định cách làm, nhưng đây không phải quá trình khám phá tự do. “Mà là quá trình khám phá được trợ giúp”, theo lời Tucker. “Tức là bạn lấy một vấn đề mà những người khác đã giải quyết trước đó để tìm ra lời giải của riêng mình. Điều đó đòi hỏi bạn phải dựa vào những gì học được trên lớp, mở rộng kiến thức đã có để tìm ra những thông tin cần thiết, sàng lọc những gì có thể và không thể sử dụng để giải quyết vấn đề, học cách nghi ngờ một số thông tin và cuối cùng là biến tất cả thành lời giải. Ở mỗi bước, bạn đều được giảng viên hỗ trợ, vì vậy đây không hoàn toàn là quá trình khám phá tự do”.

Tucker nói thêm: “Tôi thấy ở Mỹ có rất nhiều môn học theo kiểu làm đề án, nhưng nội dung thực chất thường nông cạn. Để cách học đạt hiệu quả thì kiến thức nền tảng phải chắc chắn. Bạn phải biết những kỹ thuật cơ bản trong thiết kế xe chó kéo. Nếu không có kiến thức nền tảng chắc chắn thì bạn sẽ không thể làm được gì”. Theo Tucker, mục tiêu là tạo ra được lớp học mà ở đó, học sinh có thể khám phá, hợp tác với nhau. “Nhưng không được đưa ra những mục tiêu quá cao”, nếu không học sinh sẽ làm ra những thứ ngớ ngẩn và gọi đó là sáng tạo.

Tucker kết luận: Nếu cách học theo đề án được thực hiện nghiêm túc thì

sẽ mang lại cho học sinh sự tự tin, và đây là phẩm chất quan trọng. Để sáng tạo thì con người phải tự tin rằng mình làm được”. Họ cũng cần sự tự tin để tin rằng “mình có thể nhổ neo” và khám phá những vùng đất mới nằm ngoài những gì quen thuộc với họ.

Những công ty xuất sắc nhất đều hiểu điều này. Phiên bản “chơi” dành cho những người trưởng thành chính là những chương trình của Google hay 3M, trong đó, mỗi nhân viên được yêu cầu dành 15 đến 20% thời gian làm việc mỗi tuần cho dự án riêng của họ. Các dự án riêng có thể không liên quan chặt chẽ đến hoạt động của công ty và đi theo bất cứ hướng nào mà các nhân viên muốn. Theo Wagner, “điều đó có nghĩa là họ được phép chơi trong giờ làm việc”. Các dự án riêng của nhân viên chính là nguồn sáng tạo phong phú cho cả Google và 3M. (Vào ngày 31/10/2008), trang web eWeek.com đã đưa tin về “quy tắc 20% thời gian” của Google: công ty cho phép các lập trình viên và các nhân viên khác của Google dành ra một trong năm ngày làm việc trong tuần theo đuổi sáng tạo của riêng mình. Các dự án này thường là riêng tư, nhưng có một vài trong số đó đã được đưa vào sử dụng rộng rãi... ví dụ như thư điện tử Gmail, trang tin Google News, phần mềm trò chuyện Google Talk”.

Tin tốt lành

May mắn là ở Mỹ, có rất nhiều nhà giáo dục ở mọi cấp học đã nhận biết được thách thức này và đang tìm kiếm những cách thức mới mẻ để giải quyết nó.

Năm 1981, Steve Mariotti rời bỏ vị trí chuyên gia phân tích ở công ty Ford Motor và chuyển đến New York để mở công ty riêng. Một hôm, khi đang tập đi bộ dọc theo sông Đông, ông bị cướp. Năm thanh niên nhảy vào đánh ngã ông và cướp 10 dollar ông đang mang theo người. Ông kể: “Tôi nghĩ nếu họ đề nghị tôi giúp đỡ thì tôi sẽ đưa ngay tiền cho họ”. Sau vụ tai nạn, Mariotti, vốn là con trai của hai nhà giáo đã quyết định bỏ công ty riêng và chuyển sang đi dạy ở một trường học của thành phố. Một sự thay đổi chóng chành. Tạp chí *People* kể lại (ngày 13/9/2003): “Ngày đầu tiên lên lớp ở trường Trung học nam nữ Brooklyn, đám học sinh ngỗ ngược gọi ông là Manicotti. Một học sinh đốt áo khoác của một em khác. ‘Tôi hết hồn’, Mariotti kể. ‘Ông hiệu trưởng bảo rằng tôi là giáo viên kém nhất trường... Tôi nhận ra rằng những học sinh ngoan thường bị một vài học sinh rất hư hỏng hành hạ, ức hiếp’. Và Mariotti nhanh chóng thay đổi cách dạy học”.

Bắt đầu từ những bài học thông thường ở trường, Mariotti quyết định dạy cho học sinh cái mà các em thực sự muốn học – làm thế nào để kiếm ra tiền. Tạp chí *People* cho biết: Đột nhiên, học sinh đi học môn làm kinh doanh rất đông. Môn này là “sự kết hợp giữa toán, tiếng Anh, kỹ năng kinh doanh và những chuyến tham quan đến chợ bán buôn chẳng hạn”.

Đến năm 1987, kinh nghiệm của Mariotti đã giúp ông lập nên Mạng lưới giảng dạy kinh doanh (NFTE), một tổ chức giúp thanh thiếu niên thuộc cộng đồng thu nhập thấp khai thác được tiềm năng sáng tạo trong lĩnh vực kinh doanh thông qua việc dạy cho các em cách mở công ty. Vì muốn học môn này nên các em sẽ tiếp tục đến trường.

Ngày nay, hơn 330.000 học sinh bậc trung học trên khắp nước Mỹ đã và đang tham gia khóa học của NFTE hoặc dự các cuộc thi quốc gia do NFTE tổ chức để tìm ra kế hoạch kinh doanh xuất sắc nhất của học sinh trong độ tuổi từ 11 đến 18. Amy Rosen, chủ tịch NFTE giải thích cách tổ chức cuộc thi như sau: Khi một trường tham gia NFTE, “chúng tôi lập ra Đại học NFTE, nơi các giảng viên tham gia giảng dạy kinh doanh được tập huấn theo chương trình học riêng do chúng tôi soạn”. Chương trình học là sự kết hợp giữa các môn toán, kế toán cơ bản, kinh doanh và kinh tế học. Sau đó, NFTE sẽ cung cấp cho các trường phổ thông giáo trình về những kiến thức cơ bản về kinh doanh do họ viết, hiện đã được xuất bản đến lần thứ mười một. Học sinh có thể tham gia khóa học kinh doanh riêng hoặc học cùng với các môn học khác, ví dụ kinh tế học – với yêu cầu là học sinh phải có kiến thức nhất định về toán. Rosen nói: “Bạn không thể tính được hiệu suất đầu tư nếu không biết cách nhân phân số”. Khi bắt đầu khóa học, mỗi học sinh được phát 25 dollar để mua bất cứ thứ gì rồi bán lại để kiếm lợi nhuận trong phiên chợ trường học do NFTE tổ chức. Theo Rosen, “nhờ thế bạn sẽ biết sự khác biệt giữa lãi gộp và lãi ròng”. Sau đó, mỗi học sinh phải lập ra một công ty theo mẫu cho trước”.

Trong suốt năm học, các em sẽ học cách xây dựng kế hoạch kinh doanh cho công ty của mình và đến mùa xuân thì sẽ phải trình bày và bảo vệ kế hoạch. Nếu thích, các em có thể tham gia các cuộc thi cấp địa phương, cấp thành phố, cấp bang và cấp quốc gia để có mặt ở vòng chung kết. Năm 2010, Tổng thống Obama đã gặp gỡ những em lọt vào vòng chung kết, được chọn từ 20.000 em tham gia dự thi. Người thắng cuộc cuối cùng là Nia Froome, một học sinh 17 tuổi đến từ Valley Stream, bang New York. Em nhận được giải thưởng trị giá 10.000 dollar để mở công ty riêng – cửa hàng bánh dành

cho người ăn chay Mamma Nia. Hai học sinh gốc Bosnia là Zermina Velic và Belma Ahmetovic đến từ Hartford đoạt giải nhì với công ty dịch vụ máy tính Beta Bytes, chuyên cung cấp dịch vụ sửa chữa máy tính cho người nhập cư.

Rosen lưu ý rằng hiện nay, rất nhiều học sinh bỏ học vì các em không thể tìm thấy sự hứng thú với giáo viên hoặc với chương trình học. “Điều NFTE đang làm là hướng tư duy của các em vào những hoạt động mà các em thấy phù hợp và bộc lộ được phẩm chất cá nhân mà mỗi người đều có”, bà giải thích. “Hãy nhớ rằng các công ty tự do đều dựa trên cá tính của mỗi người, và ai cũng tìm được con đường độc lập của riêng mình. Khi bạn tìm ra biện pháp để trẻ em tập trung đầu óc và kết hợp được tư duy với cách thức khám phá sở thích của bản thân thì có nghĩa là bạn đã có một sự kết hợp thành công”.

Những học sinh này “rất lanh lẹ ngoài đời” – Rosen nói thêm. “Phần lớn các em đều tồn tại được trong môi trường thực sự khó khăn. Vì vậy, bạn chỉ cần cung cấp cho các em lượng thông tin tối thiểu và cho các em thấy thế giới bên ngoài nơi các em sống, nhiều em trong số đó là những doanh nhân bẩm sinh. Các em nhận biết được rất nhiều cơ hội. Các em tìm ra được cách sống khác hoàn toàn so với trước”.

Năm 2009 có một bộ phim tài liệu về NFTE có tên là 10-9-8, nhờ xem phim, chúng tôi mới biết về chương trình của họ. Trong ba em vào chung kết năm 2009, một em là con trai của một người nhập cư đã tham gia khóa học ở H&R Block và lập công ty chuyên hoàn thuế cho học sinh và sinh viên, một em là một cô gái trẻ tự học may và thiết kế ra những mẫu váy riêng, và em thứ ba, người thắng cuộc, là một cậu bé người Mỹ gốc Phi, chuyên sản xuất áo phông “có ý nghĩa xã hội”. Rosen cho biết cô gái tự mở công ty may kia “đã từng từ chối lời mời đi học tại một trong những trường đại học thuộc nhóm Ivy League^{*} và học trường Northwestern vì Northwestern hứa cho cô một phòng riêng để cô có thể mang máy may đến trường”.

*Làn sóng đở sáng tạo***

Rất nhiều trường đại học đang cố gắng dạy cho sinh viên khả năng sáng tạo và tư duy phản biện. Một trong những chương trình mới có gần đây đang

* Ivy League: từ chỉ nhóm 8 trường đại học lâu đời có chất lượng đào tạo hàng đầu nước Mỹ: Brown, Columbia, Cornell, Dartmouth, Harvard, Princeton, Pennsylvania và Yale.

** “Làn sóng đở”: tên truyền thống của đội bóng bầu dục Đại học Alabama.

hướng tới mục tiêu này là Trại Sáng tạo do Đại học Alabama khởi xướng. Hank Lazer, phó hiệu trưởng phụ trách học thuật, giám đốc điều hành chương trình kể rằng chương trình được hình thành rất tình cờ – khi các sinh viên muốn học thêm một thứ gì đó. Năm 2005, Đại học Alabama tổ chức hội thảo đa ngành “Nghệ thuật và mục tiêu công”, bàn về việc các tổ chức công có thể tạo điều kiện cho phát triển nghệ thuật như thế nào. Vào cuối buổi hội thảo, mười ba sinh viên – thay vì viết bài tham luận riêng – đã cùng nhau “trình bày một báo cáo dài và đưa ra đề xuất với ông phó hiệu trưởng cách mở rộng, đào sâu khả năng tiếp cận với nghệ thuật của sinh viên trong và ngoài trường Alabama, để những sinh viên không học nghệ thuật cũng có tâm hồn nghệ thuật hơn” – Lazer kể lại. “Các em nghĩ điều này rất quan trọng”. Và ban lãnh đạo trường cũng vậy. Họ vừa tiến hành một nghiên cứu với kết quả cho thấy khoảng 70% sinh viên trước khi nhập học trường Alabama đã từng tham gia ban nhạc, dàn hợp xướng, làm biên niên ký, làm báo hoặc các công việc khác có liên quan đến nghệ thuật, nhưng đến khi vào trường thì chỉ còn 19% duy trì việc đó. “Một thống kê đáng ngại, xuất hiện đúng vào thời điểm ‘sáng tạo’ đang được coi là phẩm chất mới mà người có trình độ phải có để kiếm được việc làm”, Lazer nói.

Ban lãnh đạo trường hiểu được thông điệp. Năm 2006, họ khởi xướng chương trình mang tên Trại Sáng tạo với mục tiêu là nuôi dưỡng sự sáng tạo trong sinh viên bằng cách khuyến khích họ tìm cách phát triển các môn nghệ thuật trong cộng đồng của họ, cả trong và ngoài trường. Văn phòng chương trình được đặt ở một nơi rất long trọng – Hội trường Maxwell, đài quan sát cũ trên tòa nhà cao nhất của trường Đại học Alabama, và quan trọng hơn là nó nằm đối diện sân vận động, ngay bên kia đường! Lazer cho biết sau khi Daniel Pink, tác giả cuốn *Trí tuệ hoàn toàn mới: Tại sao những người tư duy đúng cách sẽ thống trị thế giới sau này* (A Whole New Mind: Why Right-Brainers Will Rule the Future) và Ngài Ken Robinson, tác giả cuốn *Vượt lên trí óc: Học cách trở nên sáng tạo* (Out of Our Minds: Learning to Be Creative) đến thăm trường, họ đều khuyến khích trường tài trợ cho chương trình. Hai tác giả là “những người coi sự sáng tạo là động lực phát triển kinh tế và xã hội” – lời Lazer.

Trại Sáng tạo hoạt động như sau: Mỗi năm, có từ 40 đến 45 sinh viên được trả mức lương từ 8 đến 10 dollar một giờ và họ sẽ làm việc mười giờ mỗi tuần để nghĩ ra những ý tưởng nhằm chiêm ngòi và đẩy mạnh các hoạt động văn hóa và nghệ thuật sao cho cuộc sống của giới sinh viên cũng như đời sống

nghệ thuật của cộng đồng xung quanh được phong phú hơn. Các sinh viên tự xây dựng nhóm làm việc để lên ý tưởng dự án và hợp tác với nhau thực hiện. Ví dụ, có một dự án “kêu gọi tất cả thành viên của Trại Sáng tạo thiết lập mối quan hệ hợp tác nhiều mặt với Phòng Thương mại Tây Alabama, thành phố Tuscaloosa, thành phố Northport, hạt Tuscaloosa cũng như Hội Robert McNulty vì các Cộng đồng chung sống hòa bình để xây dựng kế hoạch tổng thể nhằm phát triển văn hóa nghệ thuật và kinh tế cho toàn vùng”. Chiến dịch có tên là “Xây dựng văn hóa”. Một nhóm khác lại tổ chức Liên hoan Nghệ thuật thành phố Druid tại trung tâm thành phố Tuscaloosa để tôn vinh các nghệ sĩ và ban nhạc địa phương, đến nay đã được hai năm. Một nhóm nữa đưa ra chương trình Nghệ thuật không biên giới nhằm giới thiệu các tác phẩm nghệ thuật của người tàn tật.

Lazer cho biết: “Chúng tôi chủ ý trở thành một nhóm có tổ chức nhưng không ổn định”. Mục tiêu là buộc sinh viên phải tư duy thật sáng tạo, như những doanh nhân về cách thức mở rộng tầm bao phủ của nghệ thuật, “và khiến các em phải bước ra khỏi môi trường quen thuộc của mình”. Các thành viên trong chương trình không chỉ phải tìm hiểu sâu sắc về nghệ thuật và âm nhạc địa phương mà còn phải đưa ra ý tưởng để tham gia vào hoạt động văn hóa đó, vượt qua mọi thủ tục hành chính để tổ chức được một sự kiện lớn.

“Để hoàn thành một công việc sáng tạo, bạn phải làm nhiều thứ rất nhàm chán”, Lazer nói. Đó là lý do tại sao chương trình của ông không chỉ phát huy trí tưởng tượng của sinh viên mà còn dạy cho họ cách làm việc. “Kiên nhẫn còn quan trọng hơn tài năng. Nhưng tốt nhất là có cả hai. Những sinh viên muốn tổ chức một liên hoan nghệ thuật phải học cách làm việc với thị trường và các quy định của thành phố mà họ cần đàm phán để giải quyết được công việc. Họ học được rằng đây mới là phần việc chính khi muốn làm được thứ gì đó thật thú vị”. Ý tưởng chủ đạo là để cho sinh viên được “chơi” một cách có tổ chức và có mục tiêu.

Bên cạnh tư duy sáng tạo và hợp tác, theo Lazer, “chúng tôi còn dạy sinh viên hai phẩm chất: tự tin và kiên nhẫn – những thứ sẽ giúp bạn vượt qua thất bại. Ít nhất bạn phải đưa ra mười ý tưởng thì mới có được một ý tưởng hay”, sau đó phải kiên nhẫn gấp đôi để thực hiện nó. Ông nói thêm: “Có một sinh viên tốt nghiệp ngành kỹ sư điện, nhưng vừa quyết định nghỉ làm một năm để hoạt động trong ban nhạc của cậu ta. Mẹ cậu ta nói với chúng tôi rằng bà ấy không hề thất vọng với sự thay đổi này, có thể mọi chuyện nên như thế, vì bà đã chứng kiến sự tự tin mà con trai mình có được khi tham

gia Trại Sáng tạo. Tôi nghĩ rằng trong hai, ba năm tới, khi cậu ta làm việc cho Apple hay Google thì những kinh nghiệm cậu ta có được trong thời gian chơi nhạc vẫn rất có ích”.

Phòng thí nghiệm ý tưởng

Nếu bạn hỏi Bill Gross rằng một người cần điều gì để trở nên sáng tạo và khởi nghiệp được, câu trả lời của ông sẽ không phải toán học, nghệ thuật hay sự hợp tác. Ông sẽ nói: “sự can đảm”.

Gross biết rất rõ các công ty mới thành lập và những người lập công ty mới cũng như mọi nhân vật trong lĩnh vực công nghệ cao ở Mỹ. Lý do rất đơn giản: ông đã thành lập một công ty chuyên tạo ra công ty mới. Gross sáng lập ra Idealab (phòng thí nghiệm ý tưởng) ở Pasadena, bang California năm 1996 và gọi nó là một phòng thí nghiệm sáng tạo, chuyên hỗ trợ “các công ty mang tính đột phá với những sản phẩm, dịch vụ làm thay đổi cách thức tư duy, sinh hoạt và làm việc của con người”. Làm việc trong một nhà kho lớn, nhưng Gross đã chủ trì và hỗ trợ tài chính cho hơn sáu công ty mới thành lập cùng một lúc ở cùng một chỗ. Nếu đi dọc theo văn phòng làm việc của ông, bạn sẽ thấy công ty năng lượng mặt trời nằm một góc, bên cạnh là công ty trò chơi điện tử trên mạng xã hội. Gross kể: sau khi tốt nghiệp Học viện công nghệ California (Caltech), ông là một “nhà kinh doanh hàng loạt”, ông thành lập hết công ty này đến công ty khác cho đến khi ông nhận thấy mình là một “nhà kinh doanh đồng loạt” – người uơu mầm/tham gia rất nhiều công ty mới thành lập cùng một lúc. Tính từ năm 1996, hàng trăm công ty đã ra đời và hoạt động từ Idealab. Một trong những thành công gần đây của Gross là Picasa – phần mềm được Google mua lại để giúp người sử dụng lưu trữ, chỉnh sửa và chia sẻ ảnh.

“Tôi nhìn ra thế giới và thấy có những điều tôi không thích, bản năng của tôi sẽ nói: Mình có thể làm gì để thay đổi chúng? Tôi không nghĩ mình giỏi hơn người khác trong lĩnh vực này, nhưng tôi thấy việc đứng ra và làm không đáng sợ như mọi người nghĩ”. Gross cho rằng khi dạy sự sáng tạo ở cấp bậc nào đi nữa, nhiệm vụ chủ yếu của người dạy vẫn là giúp người học vượt qua nỗi sợ thất bại và tiếp tục lao về phía trước mỗi khi có ý tưởng mới.

Gross học được điều đó từ đâu? “Từ thất bại”, ông trả lời. “Chúng tôi đã thành lập 100 công ty trong 20 năm qua, 60 trong số đó thành công, còn 40

thất bại. Và thất bại chính là nơi tôi học được mọi thứ. Con người sống cả cuộc đời, chứng kiến mọi chuyện và nói: ‘Ước gì nó diễn ra thế này hay thế kia’”. Và phần lớn dừng lại ở đấy. Nhưng người sáng tạo thành công, nhà kinh doanh thành công là những người biết vượt qua nỗi sợ hãi và hành động. Rào cản lớn nhất đối với sự sáng tạo, theo Gross, chính là “thiếu tự tin”.

Gross cho biết ông có được sự tự tin “từ một vài thất bại khi khởi đầu – và có lẽ tôi tự tin khi nhận thấy vài thất bại đầu tiên cũng không phải quá tệ. Nếu thất bại giúp bạn học được kinh nghiệm thì nó không bị coi là dấu vết nhục nhã. Là nhà tuyển dụng, tôi nhận thấy khi một ứng viên tiềm năng đến công ty tôi với bản lý lịch công việc cho thấy có những thất bại mà họ phải chịu trách nhiệm và rút ra kinh nghiệm thì tuyển họ vào sẽ thú vị hơn nhiều so với tuyển những người thành công do may mắn. Công ty lớn nào cũng phải trải qua giai đoạn khó khăn, và sẽ rất hữu ích nếu bạn tuyển được những người đã từng đi qua thời kỳ gian khó”.

Theo Gross, những người sáng tạo thành công không chỉ có năng khiếu nhìn nhận được mọi thứ nhanh hơn người khác. Họ còn có một phẩm chất khác quan trọng không kém mặc dù có vẻ ít thu hút hơn: họ biết cách làm được việc. “Biết cách làm được việc là một năng lực đang bị đánh giá thấp. Bill Gates có tầm nhìn, nhưng ông cứ dính vào hết ý tưởng này đến ý tưởng khác. Mọi người cười ông, và ông vẫn dính vào đó. Bạn không thể dạy người khác... Bạn có thể ngưỡng mộ và học hỏi từ đó”.

Và là người đầy kinh nghiệm sống, Gross không hề nghi ngờ một điều rằng ai cũng cần có mong muốn trở thành người mà chúng ta gọi là người sáng tạo có óc sáng tạo hoặc người phục vụ có óc sáng tạo. Ngoài ra, ông còn hết sức tin rằng chưa bao giờ chúng ta có thời điểm tốt như lúc này. Ông nói: “Đây là thời gian tốt nhất để trở thành một doanh nhân. Tiền rất sẵn ở quanh chúng ta. Và nếu bạn làm ra một thứ được mọi người ưa chuộng thì bạn sẽ chiếm được cả thế giới này với ý tưởng đó. Sản phẩm của bạn phải vượt qua được thử thách, khi đó bạn sẽ thành công một cách khó tin: đưa được sản phẩm đến với toàn thế giới.

Được, và...

Cũng như Gross, các nhà giáo dục giỏi nhất đều hiểu rằng học sinh không được dạy nhiều về “giá trị gia tăng” và “khả năng sáng tạo” vì những năng

lực này không bị kìm nén mà được tự do phát huy và sau đó là các cá nhân tự phát triển. Chỉ có một trường học được xây dựng nhằm đào tạo hai năng lực nói trên, đó là ngôi trường 43 năm tuổi Nueva, một trường tư ở vùng Hillsborough, bang California, nằm giữa San Francisco và Palo Alto. Nueva là trường dành cho học sinh năng khiếu. Rất ít trường công có được nguồn lực và tỷ lệ giáo viên/học sinh bằng được Nueva – với hơn 400 học sinh và cơ sở vật chất như xưởng dành cho học sinh, có gần như mọi trang thiết bị ta có thể tưởng tượng ra để các em có thể chế tạo mọi thứ. Nguyên tắc mà Nueva áp dụng để giúp học sinh có khả năng sáng tạo từ nhỏ mới là cái mà những trường khác có thể học hỏi vì chúng không đòi hỏi phải có tiền, cũng không liên quan đến quy mô lớp học hoặc thậm chí năng lực của mỗi học sinh. Nhưng theo Diane Rosenberg, hiệu trưởng trường Nueva, chúng yêu cầu phải có những yếu tố vô hình như lòng tin vào giáo viên, việc hỗ trợ học sinh có sự tự tin để chấp nhận rủi ro – và quan trọng nhất là biết nói “Được, và...”

Rosenberg cho biết bà và các đồng nghiệp tiếp cận vấn đề làm thế nào để nuôi dưỡng sự sáng tạo bằng một câu hỏi đơn giản: Ai là người thành công trong cuộc sống? Bà nói: “Khi nhìn ra xung quanh, chúng ta thấy câu trả lời: người thành công là những người theo đuổi được niềm đam mê của mình với một mục tiêu nhất định. Và họ rất toàn tâm toàn ý. Họ làm việc hết mình bất kể công việc là gì. Họ có động lực thúc đẩy từ bên trong con người họ chứ không phải do bên ngoài tác động”.

Bà cho biết cách làm này bắt đầu áp dụng cho học sinh bốn tuổi ở bậc mẫu giáo. Trường Nueva khuyến khích tất cả học sinh tìm ra động lực từ bên trong bằng cách kết hợp giữa kiến thức trên lớp và cách học dựa trên các đề án. Theo Rosenberg, mọi thứ đều phải dựa trên một nền tảng vững chắc, đó là kiến thức cơ bản, tương tự như ý kiến của Marc Tucker. “Sự sáng tạo chỉ có được khi bạn có kiến thức sâu sắc. Chúng tôi cố gắng trang bị cho học sinh một nền tảng vững chắc, tức là các khái niệm cốt lõi, sau đó khuyến khích các em ‘chơi’ với những ý tưởng mà các em thấy hào hứng. Nhưng bạn không thể ‘chơi’ ý tưởng nếu bạn thiếu kiến thức cơ bản”.

Rosenberg lấy ví dụ: giả sử có một lớp học về Ai Cập cổ đại. Trước hết, các em được cung cấp chi tiết những thông tin cơ bản, tiếp theo, mỗi học sinh được khuyến khích tìm hiểu bất cứ vấn đề nào mà em đó thấy thú vị – khoa học, Kim tự tháp, kinh tế, văn hóa – thông qua các dự án nghiên cứu chung theo nhóm.

“Là giáo viên, bạn phải để các em tự do một chút”, Rosenberg nói. Bạn

không biết chính xác mỗi học sinh muốn tìm hiểu vấn đề gì. Vì vậy, “bạn phải biết rằng các em sẽ đặt những câu hỏi mà giáo viên không trả lời được và sẵn lòng nói câu: ‘Thầy/cô cũng không rõ, chúng ta thử nghĩ xem ai có thể giúp được’. Vấn đề là phải định hướng và dạy được cho học sinh cách đặt câu hỏi và làm thế nào để điều khiển tình huống... Trong những việc giáo viên phải làm có nhiệm vụ tạo ra một môi trường học tập sao cho học sinh cảm thấy các em có thể thoải mái theo đuổi mọi ý tưởng, không sợ suy nghĩ của mình bị cho là kỳ quặc và không cảm thấy mình bị ràng buộc gì”.

Từ đó dẫn đến triết lý giảng dạy chung của Nueva: “Được, và...” Rosenberg giải thích: “Khi một học sinh đưa ra một ý tưởng, các giáo viên được trường khuyến khích trả lời: ‘Được, và... em xem có thể đi theo hướng này được không?’” Quan trọng là không chỉ chấp nhận ý tưởng của học sinh, mà còn phải luôn luôn bắt đầu từ yếu tố bên trong con người các em, sau đó định hướng cho các em chọn được con đường đi hiệu quả. Nhưng trước hết vẫn phải nói “Được” với ý tưởng của các em bất cứ khi nào có thể.

Giờ đây động lực bên trong còn hết sức quan trọng vì nhiều nguyên nhân khác. Trong thế giới siêu kết nối, nơi sự thay đổi diễn ra cực kỳ nhanh chóng, những gì hôm nay chúng ta biết có thể ngày mai đã trở thành lạc hậu. Vì vậy, một trong những kỹ năng sống quan trọng nhất là khả năng và mong muốn trở thành người học suốt đời. Thời của trung bình đã qua, nhưng thời của trường học thì không bao giờ chấm dứt. Một số người sinh ra đã có tính tò mò và họ thường xuyên học tập kể cả sau khi đã rời trường học. Một số người khác thì cần được tạo cảm hứng thì mới học, và cảm hứng thường đến từ việc ít nhất có một giáo viên giỏi khiến họ cảm thấy hào hứng với một môn học nào đó hoặc làm cho họ phấn khích với câu trả lời: ‘Được, và...’ Nhưng dù động cơ là gì đi nữa thì mỗi người đều cần phải có, vì ngày nay một nền giáo dục tốt hơn là phải chuẩn bị kiến thức cho học sinh để sau này các em hiểu được nội dung của những cuốn sách chưa được چاپ, làm được những công việc chưa xuất hiện, phát minh ra những sản phẩm chưa hề tồn tại. Đây là những gì một học sinh phải làm trong suốt cuộc đời mình, liên tục, lặp đi lặp lại.

“Lòng tin”, “quyền làm chủ”, “tự khuyến khích” là những từ rất quan trọng khi nói đến khai thác giá trị gia tăng trong mỗi người và Rosenberg sử dụng chúng rất nhiều. “Mọi giáo viên giỏi đều cảm thấy họ đang làm việc vì chính bản thân mình”. Các học sinh có cảm hứng học tập cũng có chung cảm nhận. Bạn càng tạo ra nhiều niềm tin cho lớp học – nhà quản lý tin tưởng

hiệu trưởng hơn, hiệu trưởng tin tưởng giáo viên hơn, giáo viên tin tưởng học sinh hơn – thì mỗi người, hơn bao giờ hết, càng cảm thấy có động lực và làm được nhiều hơn so với những gì người khác đòi hỏi ở họ.

Vì vậy, đúng, có thể dạy được khả năng sáng tạo, không chỉ thông qua chương trình học hiện đại, tiên tiến mà còn bằng những giá trị hết sức truyền thống: lòng tin, quyền làm chủ, sự tự tin, tính can đảm, và quan trọng nhất là hai từ hết sức quan trọng được đặt cạnh nhau: “Được, và...” Chắc chắn ngôi trường nào ở Mỹ cũng có thể áp dụng các giá trị cơ bản ấy trong lớp học.

Nếu Quy luật Carlson là đúng và ngày càng có nhiều cải tiến tốt hơn được hình thành từ dưới lên chứ không phải từ trên xuống thì một người lãnh đạo, một người giáo viên, một vị hiệu trưởng không thể làm việc hiệu quả nếu không tạo được cảm hứng cho nhân viên hoặc học sinh của mình.

“Bạn không thể ra lệnh cho người khác hợp tác và sáng tạo”, Dov Seidman thuộc công ty LRN nói. “Bạn phải tạo cảm hứng cho mọi người làm việc đó và tạo ra bối cảnh, môi trường, văn hóa phù hợp, nơi mọi người cảm thấy họ có chung tầm nhìn, lúc ấy họ sẽ cùng làm việc, hợp tác với nhau để đạt được kết quả”.

“Giá trị gia tăng” cũng là thứ cần được tạo cảm hứng, vì như chúng ta đã nói, với rất nhiều người, giá trị gia tăng họ mang lại không phải một phần mềm đột phá, một mẫu thiết kế tên lửa hay thậm chí động lực để vượt qua chỉ tiêu doanh số bán hàng. Giá trị gia tăng là một thứ đơn giản hơn, nhưng rất hiếm có trong xã hội hiện nay: khả năng kết nối với con người theo cách mà máy móc không bao giờ làm được – cho dù bạn là bác sĩ, y tá, nhân viên bán hàng hay giáo viên. Seidman khẳng định rằng tính “nhân văn, hy vọng, sẵn lòng giúp đỡ – những khả năng mà chỉ con người mới có” là những thứ không thể dạy được mà phải bằng cách tạo cảm hứng cho mọi người.

“Tôi là kẻ hủy diệt việc làm”

Vì tất cả những lý do nói trên nên quá trình toàn cầu hóa khi kết hợp với cách mạng công nghệ thông tin đã khiến sự “trung bình” trở nên nguy hiểm dù bạn làm việc ở đâu, và cái mà ai cũng cần là phải tìm ra “giá trị gia tăng” của bản thân mình.

Không ai có thể tóm gọn được rõ ràng lý do tại sao “bình thường” đã hết thời và điều đó có ý nghĩa gì trong lĩnh vực giáo dục bằng John Jazwiec. Ông từng

lãnh đạo rất nhiều công ty công nghệ mới thành lập, trong đó có RedPrairie và FiveCubits. Ông thú nhận trên trang web riêng JohnJazwiec.com như sau:

Tôi làm nghề hủy diệt việc làm. Tôi hủy diệt việc làm bằng ba cách: bán hàng, tiêu diệt đối thủ cạnh tranh và tập trung vào năng suất nội bộ công ty. Tất cả những công ty mà tôi từng làm giám đốc điều hành đều làm mất việc làm thông qua những dịch vụ và phần mềm tốt nhất. Việc làm bị mất đi khi chúng tôi tự động hóa, thuê ngoài sản xuất và tăng hiệu quả của quy trình hoạt động. Nguyên tắc marketing rất rõ ràng: giảm lao động, liên tục tăng sản lượng. Trong mười năm qua, ước tính tôi đã làm mất đi khoảng 100.000 việc làm trên toàn thế giới từ việc bán ra các phần mềm và cung cấp dịch vụ. Tôi biết con số này vì... doanh thu các công ty của tôi... được dựa trên số việc làm mà tôi làm mất đi. Tôi cũng đã hủy diệt rất nhiều đối thủ cạnh tranh. Nhắc lại một lần nữa, ước tính tôi đã làm mất đi khoảng 100.000 việc làm trong mười năm qua. Tôi đưa ra được con số vì tôi đã từng hoạt động trong những thị trường rất lớn và các công ty của tôi là một trong số những công ty ít ỏi còn tồn tại vì rất nhiều đối thủ cạnh tranh đã bị tôi thanh toán mất rồi. Và cuối cùng, tôi cũng loại bỏ rất nhiều nhân viên ngay trong công ty mình. Khi thanh toán được một công ty thì một phần trong quá trình “hợp nhất” là loại bỏ những việc làm trùng lặp. Khi tôi mua phần mềm quản lý năng suất lao động hoặc thuê ngoài để làm giảm chi phí nhân lực, tôi cũng hủy diệt việc làm trong nội bộ công ty. Công ty nào có tăng trưởng thì cũng đòi hỏi nhân viên phải tiến bộ. Họ thu hút được ứng viên cho công việc tốt hơn. Như vậy, các công ty đang lớn mạnh đều làm mất việc làm ngay trong nội bộ thông qua thuyết tiến hóa trong kinh tế học. Tóm lại, như tôi đã nói, tôi là kẻ hủy diệt việc làm hàng loạt.

Ông giải thích: “Những việc làm nào bị mất đi do áp dụng công nghệ hoặc do sử dụng lao động chi phí thấp hơn thì sẽ không thể quay lại. Người lao động thì có thể quay lại. Phần lớn họ tái xuất hiện ở thị trường lao động dưới hình thức bán thất nghiệp. Những người khác thì nâng cao được kỹ năng làm việc của mình và quay lại làm việc với mức lương tương đương lúc trước. Nhưng xét về tổng thể, năng suất lao động tăng lên trong 20 năm qua đã làm thay đổi khái niệm việc làm ổn định.

Vậy thì thế nào là một việc làm ổn định – Jazwiec đặt câu hỏi.

Cách tốt nhất mà tôi có thể đưa ra câu trả lời là nói với bạn rằng: [việc làm ổn định là] những việc làm mà tôi, với tư cách là một kẻ hủy diệt việc làm hàng loạt, không thể hủy diệt được. Tôi không thể hủy diệt những người có khả năng sáng tạo. Không giải pháp phần mềm hay [chiến lược] thuê ngoài nào có thể hủy diệt được người có khả năng sáng tạo. Tôi không thể hủy diệt những người tạo ra những giá trị độc đáo. Người tạo ra giá trị độc đáo cũng là những người độc đáo. Họ có thể là người biết giao tiếp với khách hàng, có thể là nhà bán hàng xuất sắc, có thể là người dành rất nhiều thời gian để chiếm lĩnh một thị trường mà họ là chuyên gia...

Yếu tố lớn nhất gây ra thất nghiệp cao có hệ thống là hệ thống trường học cũng như lực lượng lao động của chúng ta không nhận biết được rằng chúng ta đang bước vào kỷ nguyên của các lao động “tự do”. Mỗi người giờ đây đều là đại diện cho một người lao động tự do. Thời mà con người làm việc chỉ cho một công ty đã qua lâu rồi. Thời mà con người nghĩ rằng nếu họ làm việc chăm chỉ và công ty mình làm việc tiếp tục thành công thì họ sẽ được “an toàn” cũng đã trôi qua. Nguyên nhân là có những kẻ hủy diệt việc làm như tôi đang tồn tại ở khắp nơi... Chừng nào con cháu chúng ta chưa được học cách trở thành những cá thể riêng biệt, các trường học chưa dành nhiều thời gian hơn cho những ứng dụng mang tính sáng tạo, và chúng ta chưa đào tạo, hướng dẫn được cho người lao động trước khi có việc làm thì mức thất nghiệp cao có hệ thống sẽ không bao giờ biến mất. Đồng thời, những người có việc làm nhưng không có kỹ năng tạo ra những giá trị độc đáo, sáng tạo sẽ tiếp tục trở thành nạn nhân của những người hủy diệt việc làm như tôi.

PHẦN III

CUỘC CHIẾN
VỚI TOÁN HỌC
VÀ VẬT LÝ

TÁM

“Cái chúng ta đáng được hưởng”

Chỉ cần nước Mỹ đánh giá thấp tác động của toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin và không thể đáp ứng bằng cách cải thiện hệ thống giáo dục thì tương lai của chúng ta cũng đã khá khó khăn rồi. Nhưng chúng ta còn mắc những sai lầm không kém phần nghiêm trọng, với hai thách thức lớn hiện nay: thâm hụt ngân sách và khủng hoảng năng lượng kết hợp với biến đổi khí hậu. Đúng lúc cần phải tiết kiệm nguồn ngân sách, chi tiêu từng đồng dollar chính phủ thu được một cách khôn ngoan nhất để nâng cấp, cải tiến công thức thành công truyền thống thì chúng ta lại làm ngược lại. Từ năm 2000 đến 2010, nợ quốc gia đã tăng lên trong thời gian ngắn chưa từng có trong lịch sử nước Mỹ. Và đúng lúc quá trình phẳng hóa thế giới tạo ra thêm không chỉ hai tỷ đối thủ cạnh tranh mà còn thêm hai tỷ người tiêu dùng, đúng lúc một nhóm trong số người tiêu dùng mới ấy có cơ hội được sống trong ngôi nhà to như nhà người Mỹ, đi lại xe bằng xe của người Mỹ, ăn chiếc bánh hamburger Big Mac cỡ lớn giống người Mỹ, đúng lúc nhu cầu năng lượng của những người tiêu dùng mới tăng lên, ảnh hưởng đến khí hậu và giá thực phẩm, đồng thời làm phát sinh nhu cầu có nguồn năng lượng tái tạo sạch và rẻ tiền, đúng lúc Trung Quốc nhận thấy tất cả những thực tế đó và bắt đầu đầu tư mạnh mẽ vào năng lượng gió, mặt trời, ốc quỳ và hạt nhân thì Mỹ lại dao động, trì hoãn và đầu tư ít ỏi vào năng lượng và nền tảng của tăng trưởng kinh tế.

Điều khiến mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn là khác với thách thức toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin – những thứ mà rất nhiều người không biết hoặc không hiểu rõ – năng lượng, biến đổi khí hậu và thâm hụt ngân sách là những vấn đề hiển hiện ngay trước mắt chúng ta. Trước kia, chúng ta không chỉ hiểu toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin mà còn thực hiện được những bước đi hết sức khó khăn, nhưng quan trọng về mặt

chính trị để đối phó. Nhưng lần này, phản ứng của chúng ta còn tệ hơn cả việc lờ đi các thách thức này. Trong hai thập kỷ qua, có một bộ phận đáng kể người Mỹ cho rằng không hề có những thách thức ấy.

Cụ thể hơn, trong thập niên đầu tiên của thế kỷ 21, Mỹ đã tuyên chiến với hai môn toán học và vật lý.

Ron Suskind đã viết cuốn *Cái giá của sự trung thành* (The Price of Loyalty), kể chi tiết những nỗ lực của Paul O'Neill, bộ trưởng tài chính dưới thời George W. Bush, nhằm ngăn chặn quá trình cắt giảm thuế mà theo ông, nước Mỹ không thể chịu đựng thêm được nữa. Theo Suskind, vào thời điểm cuối năm 2002, O'Neill đã cố cảnh báo Phó tổng thống Dick Cheney rằng thâm hụt ngân sách tăng lên – dự tính riêng trong năm tài khóa 2002 là hơn 500 tỷ dollar – sẽ đe dọa nền kinh tế trong dài hạn. Nhưng Cheney gạt đi: “Paul ạ, ông biết đấy, Reagan đã chứng minh rằng thâm hụt ngân sách không quan trọng. Chúng ta đã giành chiến thắng [trong cuộc bầu cử Quốc hội] trong trung hạn. Đó là cái chúng ta đáng được hưởng”. Một tháng sau, Cheney yêu cầu vị bộ trưởng tài chính, cũng là người bạn cũ của ông đi tìm việc làm mới.

Trong khi đó, Thượng nghị sỹ James Inhofe thuộc đảng Cộng hòa bang Oklahoma và hiện là thành viên lãnh đạo nhóm thiểu số, cựu chủ tịch Ủy ban Môi trường và công trình công cộng của Thượng viện thì gọi sự nóng lên của Trái Đất là “trò lừa đảo lớn nhất người dân Mỹ từng gặp phải”.

Tương tự, Thượng nghị sỹ Cộng hòa bang Arizona, Jon Kyl, đã xuất hiện trên chương trình truyền hình *Fox News Sunday* (ngày 11/7/2010) và tuyên bố – với thái độ không hề mỉa mai một chút nào – rằng khi đảng Dân chủ tăng chi tiêu cho một lĩnh vực nào đó thì phần tăng lên phải được bù lại thông qua cắt giảm chi tiêu cho một lĩnh vực khác; còn khi đảng Cộng hòa cắt giảm một khoản thuế thì không cần thiết phải giảm một khoản chi nào cả. Kyl nói: “Chi phí mà tăng lên thì nhất định phải bù lại, đảng Cộng hòa chúng tôi không muốn làm điều đó. Nhưng nếu quyết định giảm thuế suất cho người dân Mỹ thì chúng tôi chẳng bao giờ phải lo bù đắp”. Nói cách khác, tăng chi tiêu có nghĩa là một cộng một bằng hai: thâm hụt ngân sách tăng. Còn giảm thuế mà không giảm chi tiêu thì một cộng một vẫn bằng một: thâm hụt ngân sách không thay đổi.

Nghe chuyện này giống như quả táo chịu tác động của trọng lực, còn quả cam thì không. Chắc chắn rằng không phải mọi người Mỹ đều tư duy theo kiểu bỏ qua trọng lực như thế, nhưng những người nghĩ theo cách đó lại có đủ quyền lực tham gia xây dựng ngân sách quốc gia, ra các chính sách liên

quan đến năng lượng và khí hậu cũng như ngăn chặn cải cách. Họ đã phản đối việc thông qua đạo luật về năng lượng tại Quốc hội khóa 111 và ngăn cản kế hoạch tổng thể cắt giảm thâm hụt ngân sách. Cho dù người Mỹ chúng ta có nói gì đi nữa thì những việc chúng ta làm mới là đáng kể. Và chúng ta đã làm gì: tiến hành chiến tranh với toán học và vật lý. Chúng ta không thừa nhận thâm hụt ngân sách, đồng thời không thừa nhận biến đổi khí hậu.

Không có cách diễn đạt nào khác: Trong hai thập kỷ mà thế hệ bùng nổ dân số đóng vai trò lãnh đạo vừa qua, người Mỹ đã hành động như thể mình có quyền lực vạn năng – giá năng lượng thấp đi kèm với ô tô cỡ lớn, chi tiêu nhiều hơn đi kèm với thuế thấp hơn, vừa sở hữu nhà lại vừa có bảo hiểm y tế, tăng trưởng không giới hạn và phá sản mà không gây ra thất nghiệp hàng loạt. Tất cả những chuyện đó lại diễn ra đồng thời với chiến tranh ở Afghanistan, Iraq, rồi đến Libya. Nhận thức của chúng ta về quyền lợi chúng ta đáng được hưởng đã vượt xa bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, giờ đây chúng ta muốn... mọi thứ.

Chúng ta tiếp tục cuộc chiến chống lại toán học và vật lý để có tiền chi cho ảo tưởng này. Nhưng thực tế là “lòng tốt của người lạ” – như lời nhân vật Blanche DuBois trong vở kịch *Chuyến tàu mang tên dục vọng* (A Streetcar Named Desire) của Tennessee Williams – mới đang giúp chúng ta. Trong trường hợp này, đó là Trung Quốc sẵn lòng cho chúng ta vay tiền, Saudi Arabia sẵn lòng cho chúng ta sử dụng dầu mỏ và những đồng dollar dầu mỏ thoải mái, còn thị trường và Mẹ Tự nhiên sẵn lòng chịu đựng chúng ta. Nhưng lòng tốt của họ rõ ràng đang cạn kiệt dần. Chúng ta đang đối mặt với lựa chọn: hoặc là chủ động giảm thâm hụt ngân sách và phát thải khí nhà kính một cách thận trọng, hoặc chờ thị trường và Mẹ Tự nhiên ép buộc chúng ta phải làm thật nhanh, thật tàn nhẫn.

Có rất nhiều điều có thể tranh cãi về cách ứng phó phù hợp với thách thức về năng lượng và khí hậu. Có thể tranh cãi xem khi nào và liệu có nên chấp nhận thâm hụt ngân sách nhằm kích thích nền kinh tế đang trong giai đoạn khủng hoảng chẳng hạn. Và cũng có thể tranh cãi về quy mô thâm hụt ngân sách – chừng nào thì sẽ thực sự là nguy cơ đối với nền kinh tế. Nhưng xét về bằng chứng thực tế, về mặt khoa học và về mặt toán học, sẽ hoàn toàn sai nếu nói thâm hụt ngân sách không gây ảnh hưởng gì và sự nóng lên của Trái Đất do con người gây ra – có thể dẫn tới biến đổi khí hậu – chỉ đơn thuần là do liên minh toàn cầu của các nhà khoa học cánh tả và Al Gore tưởng tượng ra.

Các câu hỏi toán học và vật lý còn có một điểm chung nữa, đó là chúng

có lời giải. Bản thân lời giải không phải là cái đích cuối cùng mà là phương tiện đưa chúng ta đến mục tiêu rộng lớn hơn – cái mà chúng ta đang thực sự muốn đạt tới. Mục tiêu lớn ấy là duy trì được giấc mơ Mỹ ngay trong nước để thế hệ sau còn tiếp tục được tận hưởng, đồng thời đảm bảo được sức mạnh của Mỹ ở nước ngoài để Mỹ tiếp tục đóng vai trò ổn định thế giới và là tấm gương cho các nước khác – điều mà cả thế giới muốn và cần nước Mỹ tiếp tục làm. Để đạt được cả hai mục tiêu, chúng ta cần có tăng trưởng kinh tế bền vững. Và chúng ta còn cần có cách ứng phó có hệ thống với cả hai thách thức toán học và vật lý chứ không phải tuyên chiến với chúng. Với thách thức toán học, giải pháp phù hợp là cùng lúc phải vừa cắt giảm chi tiêu, vừa tăng thuế, vừa đầu tư vào công thức thành công truyền thống. Với thách thức vật lý, những gì phải làm là tăng đáng kể hiệu suất sử dụng nhiên liệu, đầu tư nhiều hơn vào nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sạch và đánh thuế carbon. Các giải pháp này cũng phải được thực hiện đồng thời. Chúng ta áp dụng các chính sách này không phải để tự trừng phạt mình vì đã quá hoang phí mà là để đảo ngược những hậu quả chúng ta đã gây ra khi tuyên chiến với toán học và vật lý, và quan trọng hơn cả là để đảm bảo tiếp tục có tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Nếu chúng ta không làm thì, nói như Cheney, chúng ta sẽ nhận được cái chúng ta đáng được hưởng.

Trong thập niên đầu tiên của thế kỷ 21, vụ tấn công ở New York và Washington ngày 11/9, chủ nghĩa khủng bố Islam, Osama bin Laden, Afghanistan, Iraq và an ninh trong nước là những vấn đề chủ yếu mà người Mỹ quan tâm. Nhưng chúng tôi tin rằng nếu chúng ta không thay đổi hành động thì 25 năm sau thời điểm hiện tại, cuộc chiến với al-Qaeda sẽ không còn quan trọng bằng cuộc chiến với toán học và vật lý. Thời hạn trả giá cho hai cuộc chiến này sẽ dài hơn nhiều. Và đó mới chỉ là kịch bản lạc quan.

Nếu chúng ta không giảm thâm hụt ngân sách xuống mức có thể kiểm soát được đồng thời đầu tư vào công thức thành công truyền thống, nếu chúng ta không đáp ứng được nhu cầu năng lượng sạch trong dài hạn đồng thời giảm thiểu biến đổi khí hậu, chúng ta sẽ khiến cho số phận nước Mỹ rơi vào tay hai thế lực vô tình, vô cảm, tàn nhẫn nhất: thị trường và Mẹ Tự nhiên. Mỗi thế lực, bằng cách riêng và vào từng thời điểm khác nhau, sẽ quyết định khi nào thì con người vượt qua giới hạn, khi nào các quy luật của tự nhiên và của kinh tế học sẽ phát huy tác dụng, khi nào thì nhạc ngưng, và khi nào lối sống của chúng ta bắt đầu phải thay đổi – một cách tàn nhẫn, quyết liệt và lâu dài.

Hai chương tiếp theo sẽ cho biết tại sao chúng ta sẽ gặp phải những hậu quả như vậy.

CHÍNH

Cuộc chiến với toán học (và tương lai)

Tính toán không có nghĩa là nêu ra ý kiến.

- Thành ngữ Italia.

Mùa đông năm 2011, báo *New Yorker* đăng một tranh biếm họa vẽ một ông già đi gặp tay chủ ngân hàng. Ông già nói: “Tôi muốn rút một trong những tài sản thế chấp ra để dành cho cháu tôi sau này”.

Biếm họa nhỏ đó không chỉ tóm tắt được hành vi của chúng ta trong quá khứ mà còn cho thấy tương lai chúng ta sẽ bị thiệt hại như thế nào nếu không thay đổi hành động, tìm cách kiểm soát nợ quốc gia, phúc lợi và thâm hụt ngân sách một cách khôn ngoan. Từ khi kết thúc Chiến tranh Lạnh đến nay, chúng ta luôn bị bội chi ngân sách, nên không thể tránh khỏi có mâu thuẫn giữa các thế hệ với nhau về việc ai phải chịu khoản chi nào – như biếm họa đã nhắc đến. Vấn đề còn lại cần xác định là: mâu thuẫn ở đây là cuộc tranh chấp hay cuộc nội chiến đúng nghĩa giữa thế hệ già và thế hệ trẻ. Ranh giới giữa hai bên đã được vạch ra: Bảo hiểm y tế hay trợ cấp Pell* cho sinh viên đại học, xây nhà dưỡng lão hay xây trường cao đẳng cộng đồng, năm cuối đời của người bà trong bệnh viện – chiếm khoảng 30% chi phí bảo hiểm y tế – hay 18 năm đầu đời của người cháu ở trường công.

Mặc dù hiện tại, các kế toán viên cầm máy tính mới là người đang phải tham gia cuộc chiến này, nhưng tầm quan trọng của nó đối với tương lai đất nước trong vài thập niên tới sẽ không kém ảnh hưởng của trận Gettysburg và Bull Run** hồi thế kỷ 19. Rất nhiều người Mỹ đang có niềm tin sai lầm rằng

* Trợ cấp Pell của ngân sách liên bang dành cho sinh viên theo đuổi bằng đại học đầu tiên.

** Trận chiến Bull Run (1861) là trận đánh lớn đầu tiên trên bộ của cuộc Nội chiến Mỹ. Trận Gettysburg (1863) là trận chiến đẫm máu nhất và được xem là chiến thắng lớn lao nhất, mang tính bước ngoặt của phe Liên bang miền Bắc. Từ sau trận thắng này phe Liên bang miền Bắc giành được thế thượng phong, dẫn tới thắng lợi cuối cùng.

vấn đề chúng ta phải đối mặt hiện nay là liệu có nên cắt giảm ngân sách liên bang hàng năm không và nên bỏ đi chương trình, chính sách nào. Chắc chắn phải cắt giảm ngân sách, phải loại bỏ một số chương trình. Thị trường đã quyết định như thế. Chúng ta không có quyền lựa chọn.

Câu hỏi quan trọng là: Cần dựa trên những ưu tiên, tầm nhìn nào để quyết định cắt giảm ngân sách? Chúng ta sẽ sắp xếp lại các khoản chi theo hướng đầu tư cho tương lai hay rót nhiều tiền hơn vào quá khứ? Một lựa chọn khó khăn. Những chương trình đáng thực hiện, những người đáng được hưởng quyền lợi sẽ bị cắt giảm chỉ vì chúng ta không thể giữ lời hứa với chính bản thân mình. Chúng ta đã hứa quá nhiều, hứa những điều quá to lớn, trong thời gian quá dài. Vì vậy, nếu chúng ta không bắt tay vào hành động – *cắt giảm chi tiêu, tăng thu ngân sách, đầu tư vào tương lai* dựa trên nền tảng nhận thức chính xác về thế giới chúng ta đang sống và biết cần làm gì để phát triển trong thế giới ấy – thì chúng ta sẽ phải trả giá đắt. Có thể tăng chi tiêu mà không cần đến kế hoạch, nhưng không thể cắt giảm ngân sách hiệu quả nếu không có nó.

Tình thế của nước Mỹ khiến chúng tôi nhớ lại một cảnh trong phim *Biểu tượng quỷ dữ* (Touch of Evil) của Orson Welles năm 1958 về những vụ giết người, bắt cóc, âm mưu và tham nhũng ở một thành phố vùng biên giới Mỹ - Mexico. Welles đóng vai một tay cớm bản, cố tìm cách chứng minh đồng nghiệp người Mexico phạm tội giết người. Tình cờ, Welles bước chân vào một nhà chứa và gặp bà chủ – do Marlene Dietrich thủ vai – đồng thời còn là thầy bói với bộ bài trải trước mặt.

Welles bảo: “Xem tương lai của tôi thế nào”.

Bà thầy bói đáp: “Ông không có tương lai. Ông dùng hết tương lai rồi”.

Nếu chúng ta không xây dựng lại một kế hoạch ngân sách phù hợp, giảm số thâm hụt quá lớn, ngoài ra tái đầu tư vào công thức thành công thì chúng ta cũng sẽ rơi vào tình thế tương tự: một đất nước đã tận thu hết cả tương lai của chính mình.

Bức tranh của những con số

Từ cuối thập niên 1960, Mỹ đã mất thói quen dùng số tiền thuế thu được để chi tiêu cho ngân sách liên bang. Năm này qua năm khác, chính phủ luôn bị thâm hụt ngân sách. Khi số thâm hụt lũy kế lại, tổng nợ quốc gia tăng lên

mặc dù tỷ lệ của nó so với quy mô cũng gia tăng của nền kinh tế Mỹ không tăng đáng kể. Năm 2001, nợ quốc gia là 5,6 nghìn tỷ dollar, nhưng trong những năm sau đó đã tăng lên rất nhanh. Đến năm 2011, con số này đã là 14 nghìn tỷ dollar – tương đương với GDP của Mỹ. Triển vọng năm 2012, nó sẽ tăng lên 16 nghìn tỷ dollar nếu chúng ta không có biện pháp bù đắp.

“Tổng nợ của chính phủ liên bang Mỹ hiện nay đã lên tới mức hiện tượng”, Kenneth Rogoff cho biết. Ông là giáo sư kinh tế học và chính sách công của Đại học Harvard và là cựu trưởng kinh tế gia của Quỹ Tiền tệ quốc tế. Cùng với Carmen Reinhart, Rogoff là đồng tác giả của cuốn *Lần này thì khác: Tám thế kỷ điên rồ về tài chính* (This Time Is Different: Eight Centuries of Financial Folly), cuốn sách tìm hiểu về lịch sử khủng hoảng nợ và tài chính. Rogoff nói thêm: “Theo tiêu chí của chúng tôi, khi cộng tất cả nợ của chính quyền các cấp địa phương, tiểu bang và liên bang lại thì khoản nợ của chúng ta lên đến mức cao nhất trong lịch sử, tương đương hơn 119% GDP, cao hơn cả hồi cuối Thế chiến thứ hai – thời điểm duy nhất nợ của chúng ta cao đến như thế... Chúng ta đã đi quá xa so với kinh nghiệm đã có 200 năm qua. Trong cuốn sách, chúng tôi đã nghiên cứu 66 quốc gia, quay về 200 năm trước và nhận thấy rằng nợ bằng 120% GDP là con số hết sức ngoại lệ”.

Và tình hình sẽ nhanh chóng tệ hơn. Khi 78 triệu người thuộc thế hệ bùng nổ dân số – tức là sinh trong khoảng từ năm 1946 đến 1964 – nghỉ hưu, chi phí của hai chương trình phúc lợi là Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế sẽ tăng vọt. Từ năm 2010 đến năm 2020, dự kiến chi phí của hai quỹ này sẽ tăng lần lượt 70% và 79%. Đến năm 2050, cả hai quỹ cộng với quỹ Hỗ trợ y tế sẽ chiếm 18% tổng giá trị của tất cả mọi thứ mà nước Mỹ làm ra trong một năm. Mọi người vẫn đang tranh cãi về chênh lệch giữa số tiền mà nước Mỹ phải chi cho thế hệ bùng nổ dân số trong những năm họ về hưu và số tiền chính phủ dự kiến sẽ thu được với thuế suất như hiện tại. Nhưng có một điều chắc chắn rằng nếu chúng ta không có biện pháp gì thì con số chênh lệch này sẽ rất rất lớn. Ước tính nó lên tới mức đáng sợ: từ 50 đến 75 nghìn tỷ dollar (Xin nhắc lại, tổng GDP của Mỹ năm 2010 là 14 nghìn tỷ dollar).

Số tiền đó quá lớn, không thể đi vay được. Chắc chắn với một cá nhân, một công ty hay một quốc gia, đi vay không phải lúc nào cũng là sai lầm. Thực ra hành động vay còn là hợp lý, thậm chí là cần thiết khi tiền vay được dùng để giải quyết tình trạng khẩn cấp, ví dụ như cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008. “Trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, các nhà hoạch định chính sách đã có quyết định đúng đắn khi sử dụng tài khoản công để bù đắp

cho tình trạng vỡ nợ hàng loạt của các tài khoản tư nhân – ngân hàng, công ty và hộ gia đình. Nói như bạn tôi Paul McCulley, hành động có trách nhiệm là phải làm điều vô trách nhiệm”, đây là những lời nhận xét của Mohamed El-Erian, đồng giám đốc phụ trách thông tin của PIMCO – một công ty quản lý quỹ đầu tư quốc tế và là một trong những nhà đầu tư trái phiếu lớn nhất thế giới. Vay tiền còn có tác dụng tăng hiệu quả sản xuất trong nước trong dài hạn vì khi thu nhập tăng lên thì sẽ dễ dàng trả được nợ. Nếu khuyên một người vay tiền để đi học, một công ty vay tiền để hiện đại hóa nhà xưởng, một quốc gia vay tiền để nhập công nghệ mới thì đó là lời khuyên tốt.

Nhưng Mỹ lại vay tiền không phải để đầu tư vào những việc tương tự. Chúng ta vay tiền không chỉ để giải quyết khủng hoảng kinh tế, chi tiêu cho chiến tranh mà còn để tiêu dùng. Nhờ vay được tiền mà người Mỹ có thể mua đồ chơi, ô tô, máy nghe nhạc iPod và chi trả cho các kỳ nghỉ – những thứ không giúp chúng ta có khả năng trả khoản nợ quốc gia ngày càng tăng trong tương lai. Không những thế, khoản nợ quốc gia ngoài tầm kiểm soát còn đe dọa nghiêm trọng tương lai đất nước. Trong ngắn hạn, chủ nợ của chúng ta có thể mất niềm tin vào khả năng – hoặc ít nhất là thiện chí chính trị – trả nợ của chúng ta. Hậu quả có thể là một cái vòng khó khăn, luẩn quẩn: đồng tiền mất giá dẫn đến lạm phát, lạm phát dẫn đến lãi suất cao, lãi suất cao lại càng làm đồng tiền mất giá hơn, lạm phát cao hơn và lãi suất cao hơn nữa.

Robert Bennett là một cựu doanh nhân, từng là thượng nghị sỹ đảng Cộng hòa của bang Utah ba nhiệm kỳ trước khi mất vị trí ứng cử viên của đảng Cộng hòa vào tay một ứng viên thuộc phong trào Tea Party hồi năm 2010. Ông đưa ra lời giải thích mà chúng tôi thấy rất hay: “Nếu bạn đặt câu hỏi sai thì câu trả lời thế nào cũng vô nghĩa. Và chúng ta đang ngày càng đưa ra nhiều câu hỏi sai hơn. Thực ra chỉ có một câu hỏi quan trọng duy nhất: Mỹ có sức vay tiền đến đâu? Khi tôi tiếp quản Viện Quốc tế Franklin và quản lý nó như một đơn vị kinh doanh, số nợ của viện là 75.000 dollar. Đến lúc tôi nghỉ việc với chức danh tổng giám đốc điều hành, viện nợ 7,5 triệu dollar. Thật ra tôi đã hoàn toàn thất bại, trừ khoản nợ 75.000 dollar tồn đọng từ trước mà nếu ngân hàng lên tiếng đòi thì hẳn chúng tôi phải phá sản. Nhưng khi chúng tôi nợ 7,5 triệu dollar thì chúng tôi có 8 triệu dollar tiền mặt trong ngân hàng, doanh thu bán hàng là gần 100 triệu dollar và tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên doanh thu là 20%. Tức là chúng tôi kiếm được gần 20 triệu dollar một năm. Lý do duy nhất chúng tôi không trả nợ là vì nếu trả trước hạn thì sẽ bị phạt tiền. Rõ ràng chúng tôi có đủ sức vay nhiều hơn 7,5 triệu dollar. Tức là câu

hỏi đặt ra phải là: Mỹ có sức vay đến đâu?... Không ai có thể dự đoán được vì nền kinh tế liên tục tăng trưởng, liên tục thay đổi. Nhưng tôi và các nhà kinh tế học mà tôi tin tưởng đều có cảm giác rằng chúng ta đang đến gần giới hạn sức vay rồi. Một khi vượt qua giới hạn thì cho dù giới hạn là bao nhiêu đi nữa, bạn cũng sẽ trở thành Hy Lạp, Ireland, Zimbabwe. Vấn đề chính là: Làm sao chúng ta chắc chắn được rằng chính phủ Mỹ sẽ không chạm vào giới hạn chưa biết đó?”

Câu hỏi ấy mới thực sự là vấn đề lớn hiện tại, và ngày càng có nhiều người nhất trí rằng chúng ta đang tới gần giới hạn chưa biết. Khi chạm vào giới hạn, chúng ta nên lưu ý tới lời khuyên của Rogoff: “Với câu hỏi nợ nhiều đến mức nào thì là quá nhiều thì không ai thực sự biết câu trả lời. Nhưng những lập luận phức tạp cũng không thể bỏ qua một điều hiển nhiên rằng càng nợ nần thì bạn càng gặp nhiều rủi ro”. Hay nói như El-Erial: “Làm điều vô trách nhiệm không còn thể hiện bạn là người có trách nhiệm nữa”.

Một điều hiển nhiên khác nữa là chiến lược đúng giờ đây không phải đột ngột cắt mọi khoản chi tiêu của chính phủ hay tiếp tục vay nợ để kích thích nền kinh tế như thể những chính sách này không có ảnh hưởng gì sau này. Chiến lược đúng đắn là phải có chiến lược – một chiến lược phục vụ tăng trưởng trong dài hạn và xây dựng đất nước bằng ngay nguồn lực trong nước. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải cắt giảm chi tiêu, tăng thuế, đầu tư vào những gì là điểm mạnh của mình và tất cả phải được thực hiện phối hợp với nhau.

Nhưng trước khi phân tích nội dung này, chúng ta hãy cùng quay lại một chút và đặt câu hỏi: Tại sao chúng ta lại rơi vào tình trạng này?

Có mặt vào thời điểm sáng tạo

Trong khoảng thời gian từ kết thúc Thế chiến thứ hai cho đến thời Tổng thống Ronald Reagan, lịch sử ngân sách Mỹ hoàn toàn không có gì đặc biệt. Chính phủ liên bang duy trì thâm hụt ngân sách ở mức kiểm soát được và nền kinh tế tăng trưởng ổn định, vì vậy tỷ lệ nợ trên GDP giảm. Nhưng từ khi có một sự thay đổi lớn dưới thời Reagan, chúng ta quyết định hỏi ý kiến một nhân vật có mặt vào thời điểm sáng tạo: David Stockman, vụ trưởng phụ trách ngân sách trong nhiệm kỳ đầu của Reagan và gần đây là một nhà phê bình sắc bén trong lĩnh vực chính sách tài khóa. Stockman cho rằng hiện tượng chi ngân sách tăng đột biến từ thập niên 1980 bắt nguồn từ một sự kiện diễn ra tròn 40 năm trước.

Ngày 15/8/1971, chính phủ Mỹ quyết định chấm dứt hệ thống tiền tệ quốc tế do Mỹ và Anh cùng nhau xây dựng trong Hội nghị Bretton Woods, bang New Hampshire năm 1944. Theo hệ thống này, đồng dollar được neo vào giá vàng và tỷ giá hối đoái quốc tế được cố định, do đó chính sách tài khóa của tất cả các nước tham gia hệ thống đều phải tuân theo kỷ luật chặt chẽ, kể cả Mỹ. Chính phủ không in và chi tiền theo ý muốn của lãnh đạo. Stockman nói: “Khi xóa bỏ hệ thống Bretton Woods, chúng ta đã dỡ bỏ kỷ luật chặt chẽ mà các nền kinh tế thế giới phải tuân theo. Khi giá trị đồng dollar gắn với một tỷ giá cố định, các chính trị gia sẵn sàng cung cấp mọi nguồn lực cần thiết cho hệ thống tỷ giá đó, vì nếu không họ phải lấy dự trữ quốc gia để bù lại thâm hụt thương mại và sẽ ngay lập tức gây tác động tiêu cực cho nền kinh tế khi lãi suất tăng”.

Tổng thống Richard Nixon xóa bỏ hệ thống Bretton Woods để tránh cho Mỹ phải trải qua cuộc khủng hoảng khi phải chi trả cho cuộc chiến tranh Việt Nam. Như Stockman giải thích: Nixon đã làm theo nhà kinh tế học nổi tiếng của Đại học Chicago là Milton Friedman khi ông nói: Hãy để đồng tiền và thị trường tự do của chúng ta và các nước tự xác định tỷ giá giữa các loại tiền. Nếu Mỹ duy trì thâm hụt ngân sách thì đồng tiền của chúng ta sẽ mất giá so với đồng tiền của những nước không có thâm hụt, kết quả là thâm hụt thương mại sẽ nhanh chóng mất đi. Bàn tay vô hình của thị trường sẽ đảm bảo rằng giá trị đồng tiền sẽ tự động điều chỉnh lên hoặc xuống, tùy nguyên tắc quản lý kinh tế của mỗi nước. Thực tế hóa ra phức tạp hơn, nhưng mất một thời gian thì cũng tháo gỡ được.

Thâm hụt ngân sách tăng đột biến trong nhiệm kỳ đầu của Reagan khi chính phủ cắt giảm thuế, chủ yếu là thuế đối với người giàu, làm số thu nhập có thể đánh thuế giảm tương đương 5% GDP, trong khi đó chính phủ tiếp tục không giám sát các khoản chi tiêu trong nước. (Chi tiêu trong nước giảm tương đương 1% GDP, chủ yếu là do tăng chi tiêu cho quốc phòng). Thực tế này đã báo động Reagan – một người thuộc Thế hệ Vĩ đại và là người hoàn toàn không ưa chuộng tình trạng thâm hụt ngân sách. Vì vậy, trong thời gian tại vị còn lại, ông đã tăng năm loại thuế mà theo Stockman, mức tăng ngang với hơn 40% mức giảm ban đầu. Năm 1983, Reagan còn tiến hành cải cách Bảo hiểm xã hội để củng cố lại hệ thống.

Hãy nhớ lại câu nói của cựu Phó tổng thống Cheney mà chúng ta đã nhắc đến ở trên: “Reagan đã chứng minh rằng thâm hụt ngân sách không quan trọng”. Nhưng Reagan không những đã chứng tỏ câu này sai mà ông còn không

hệ tin điều đó. Đây chỉ là câu nói do thể hệ sau của phe bảo thủ tưởng tượng ra do thiếu hiểu biết, hoặc do tính ích kỷ của họ, hoặc bởi khác biệt thể hệ.

Cựu thượng nghị sỹ Cộng hòa của bang Utah là Bennett nhớ lại: “Ronald Reagan không bao giờ dùng từ thuế mà ông gọi là ‘các khoản tăng thu cho chính phủ’. [Thượng nghị sỹ] Pete Domenici có lần kể với tôi: ‘Chúng tôi cùng đến Nhà Trắng và trình bày: “Thưa Tổng thống, chúng ta không thể tiếp tục hoạt động với mức thu như hiện tại”. Reagan đáp: “Thôi được, có lẽ chúng ta phải tìm thêm ‘các khoản tăng thu cho chính phủ’”’. Thế là thuế xăng tăng lên – loại thuế mà hiện giờ đáng lẽ cũng đã và đang phải tăng lên rồi’.

Hai vị tổng thống sau Reagan đều không muốn tăng thuế, nhưng với tính cách của mình, cả hai đã quyết định thà làm như vậy còn hơn là tuyên chiến với toán học. Tổng thống George H. W. Bush đã tự đặt ghế tổng thống của ông vào tình thế nguy hiểm để kiểm soát được thâm hụt ngân sách khi ông không giữ được lời hứa nổi tiếng: “Hãy nhìn vào miệng tôi – sẽ không có thêm khoản thuế nào nữa”. Tiếp sau ông, vị tổng thống đầu tiên thuộc thể hệ bùng nổ dân số là Bill Clinton của đảng Dân chủ đã coi việc giảm thâm hụt ngân sách là ưu tiên hàng đầu, một phần do trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1992, ứng cử viên thứ ba là H. Ross đã có chiến dịch vận động rất mạnh với cam kết coi mục tiêu cắt giảm thâm hụt ngân sách là quan trọng hơn tất cả. Năm 1993, phe Dân chủ trong Quốc hội đã đề xuất đạo luật giảm thâm hụt ngân sách và không giành được bất cứ lá phiếu thuận nào của phe Cộng hòa. Phó tổng thống Gore đã bỏ lá phiếu quyết định vào ngày 06/8/1993 để phá vỡ thế cân bằng, giúp đạo luật được thông qua ở Thượng viện. Bốn ngày sau, Clinton ký ban hành Đạo luật Điều hòa ngân sách, trong đó quyết định sẽ tăng thu ngân sách lên 240 tỷ dollar thông qua tăng thuế đối với người có thu nhập cao và cắt giảm chi tiêu đi 255 tỷ dollar.

Chính thời điểm này, những đệ tử kém cỏi của Reagan bắt đầu ngả về phía đảng Cộng hòa. Trước kế hoạch phục hồi ngân sách năm 1993 của Clinton, hạ nghị sỹ đảng Cộng hòa Dick Armey của bang Texas đã dự báo rằng “nó sẽ tác động hết sức tồi tệ lên quá trình tạo việc làm”. Newt Gingrich, hạ nghị sỹ đảng Cộng hòa bang Georgia thì lập luận: “Tăng thuế sẽ dẫn tới khủng hoảng và làm tăng thâm hụt”. (Năm 1995, Armey là lãnh tụ phe đa số, còn Gingrich là chủ tịch Hạ viện). Nhưng không có hậu quả nào trong đó xảy ra. Ngược lại, nhờ được củng cố bởi sự bùng nổ các công ty dot-com* và “lợi tức

* Dot-com: từ chỉ các công ty hoạt động chủ yếu trên mạng internet, ra đời rất nhiều vào cuối những năm 1990.

hòa bình”, các biện pháp giảm thâm hụt của Clinton đã đưa ngân sách từ tình trạng bị thâm hụt nặng nề nhất lịch sử nước Mỹ sang thặng dư, và đây cũng là cơ sở vững chắc để kinh tế Mỹ tăng trưởng ổn định trong vài năm tiếp theo. Mọi người dự đoán Mỹ sẽ “trả hết nợ” vào năm... 2012.

Từ thập niên 1970, các chuyên gia thống kê đã công bố những báo cáo nói rằng khi thế hệ bùng nổ dân số già đi, ngân sách Mỹ sẽ rơi vào khủng hoảng trong khoảng từ năm 2010 đến thập niên 2020. Chính phủ thời Clinton đã xây dựng các chính sách kinh tế một phần với mục tiêu là tạo thặng dư ngân sách để bù đắp được phần thâm hụt khi thế hệ bùng nổ dân số nghỉ hưu và sống dựa vào Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế. Kết quả là từ năm 1993 đến 2001, tỷ lệ nợ/GDP của Mỹ đã giảm từ 49% xuống còn 33%. Nói một cách đơn giản, chúng ta đã cắt giảm nợ từ bằng một nửa sản lượng hàng năm xuống còn bằng một phần ba. Chúng ta đã từng làm được như thế.

Những người Cộng hòa trẻ tuổi

Rồi chính phủ của George W. Bush kế nhiệm. Alan Blinder, nhà kinh tế học thuộc Đại học Princeton, cựu phó chủ tịch Cục Dự trữ liên bang đã tóm tắt câu chuyện trong một bài viết ngắn đăng trên tạp chí *The Wall Street* (ngày 17/12/2010):

Chúng ta đã quên mất ý thức tài khóa, không còn tìm cách bù đắp cho bất cứ thứ gì trong suốt tám năm nhiệm kỳ của tổng thống thứ 43 – Bush. Không bù đắp cho chính sách cắt giảm thuế khổng lồ – một lần nữa lại dành ưu ái cho người giàu. Không bù đắp cho các khoản thanh toán thuốc men trong khuôn khổ Bảo hiểm y tế – để cho công bằng, chủ yếu hướng về người nghèo. Không bù đắp cho hai cuộc chiến tranh. Sau quãng thời gian vui vẻ là khủng hoảng tài chính, một cuộc Đại Khủng hoảng, cộng với các chính sách đối phó – tất cả đã khiến cho ngân sách bị thâm hụt một con số khổng lồ dưới thời Tổng thống Obama.

Sự nói lỏng quá mức một phần là do sự chuyển giao thế hệ trong đảng Cộng hòa. Những người cận vệ cũ, thuộc thế hệ Thế chiến thứ hai như Richard

* “Lợi tức hòa bình”: cụm từ thường được Tổng thống Mỹ George H. W. Bush và Thủ tướng Anh Margaret Thatcher sử dụng vào đầu thập niên 1990 để chỉ lợi ích kinh tế có được khi cắt giảm chi tiêu cho quân sự.

Nixon, Gerald Ford, George H. W. Bush, Bob Dole, George Shultz và chính Ronald Reagan tin rằng phải kiểm soát thâm hụt ngân sách – có thể bằng cách tăng thuế nếu cần. Tiếp nối họ là thế hệ đảng viên Cộng hòa mới, dẫn đầu là Newt Gingrich, Tom DeLay, Dick Armey, Dick Cheney và George W. Bush. Thế hệ mới dựng nên một người hùng Reagan tưởng tượng: khác với vị Tổng thống thứ 40 trong thực tế, nhân vật này tin rằng thâm hụt ngân sách không quan trọng và phản đối mọi chính sách tăng thuế ở mọi thời điểm, trong mọi trường hợp, đặc biệt là thuế đánh vào những người giàu nhất nước Mỹ.

Như chúng tôi đã kể, bộ trưởng Tài chính đầu tiên của Bush là Paul O'Neill đã buộc phải từ chức sau khi phản đối quyết định của chính phủ cắt giảm thuế 350 tỷ dollar năm 2003. Ông đã cắt giảm 1,35 nghìn tỷ dollar tiền thuế chỉ vài tuần sau khi nhậm chức năm 2001, thời điểm mà về cơ bản Mỹ đạt được cân đối ngân sách. “Tôi tin rằng chúng ta cần tiền để thực hiện cải cách thuế và bắt đầu bù đắp cho những khoản chi chưa có nguồn của Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế” – O'Neill kể lại trong cuộc phỏng vấn với báo *Washington Post* (ngày 01/5/2011). Ông cho biết Nhà Trắng lại muốn chú trọng vào việc cải thiện tăng trưởng kinh tế quý bốn năm 2004. “Họ muốn đảm bảo nền kinh tế ở vào tình trạng tốt trước cuộc bầu cử tổng thống nhiệm kỳ tiếp theo”.

Nhìn lại toàn bộ thời kỳ đó, trong bài xã luận đăng trên tờ *New York Times* (ngày 31/7/2010), David Stockman viết:

Năm 1981, các đảng viên Cộng hòa kỳ cựu đều ủng hộ giảm thuế đi kèm với giảm chi tiêu để giải quyết tình trạng lạm phát khiến rất nhiều người Mỹ phải đóng thuế cao hơn, đồng thời còn để thúc đẩy đầu tư... Trong cuộc bầu cử năm 1984, họ đã nỗ lực nghiêm túc nhằm kiểm soát thâm hụt, tái tăng thuế lên tương đương 40% so với mức cắt giảm thuế ban đầu của Reagan. Nhưng trong những năm tiếp theo, khi Chủ tịch Cục Dự trữ liên bang là Paul Volcker chặn đứng được lạm phát, giúp nền kinh tế tăng trưởng ổn định trở lại thì những người ủng hộ cắt giảm thuế của thế hệ mới không những tuyên bố chính sách trọng cung của họ đã thắng lợi mà còn khiến các thành viên đảng Cộng hòa tin vào ảo tưởng rằng nền kinh tế sẽ tự giải quyết được thâm hụt ngân sách nếu thực hiện cắt giảm thuế.

Như Stockman giải thích, “nhóm nòng cốt theo tư tưởng cắt giảm thuế” đã làm xói mòn cam kết thận trọng về mặt tài khóa cũng như quan điểm bảo thủ của đảng Cộng hòa.

Trong suốt thập niên đầu của thế kỷ 21, các đảng viên Cộng hòa đã đi quá

xa trong chính sách cắt giảm thuế (mà họ bào chữa bằng cách viện dẫn hình ảnh Reagan do họ tưởng tượng ra), trong khi đó phe Dân chủ lại quyết định không cắt giảm chi tiêu. Cộng thêm vào đó là hai cuộc chiến tranh và những khoản chi tiêu nhằm phục hồi lại hệ thống tài chính bị sụp đổ và giải quyết Đại Khủng hoảng. Tất cả đã tạo ra thâm hụt ngân sách khổng lồ và con số nợ khủng khiếp hiện nay.

Nhưng điều gì đã xảy ra với lý thuyết thị trường tiền tệ tự do của Milton Friedman? Tại sao nó không dẫn tới giá trị đồng dollar giảm mạnh, buộc Nhà Trắng và Quốc hội phải áp dụng biện pháp tăng thuế và giảm chi tiêu? Theo Stockman, lý do là nền kinh tế đã bước vào giai đoạn phát triển hoàn toàn ngoài mong đợi, khiến chúng ta tưởng như mình đang bay: Chúng ta có thể bù đắp lại mức thâm hụt ngân sách gia tăng một cách dễ dàng bằng cách đi vay các nước khác. Quốc gia thúc đẩy thói quen vay mượn lớn nhất của chúng ta chính là Trung Quốc. Họ sẵn lòng cho chúng ta vay tiền với con số lớn đến mức không ai tưởng tượng được, thông qua việc mua trái phiếu chính phủ Mỹ. Chính phủ Trung Quốc làm vậy vì chiến lược kinh tế của họ là phát triển hướng vào xuất khẩu. Để duy trì tăng trưởng kinh tế – điều kiện cần để đảng Cộng sản Trung Quốc giữ được quyền lực, Trung Quốc phải giữ vững và mở rộng xuất khẩu để tạo việc làm cho nhiều người dân hơn. Vì vậy, hàng Trung Quốc xuất khẩu phải có mức giá phù hợp với khách hàng chính của họ – tức là Mỹ. Khi mua dollar Mỹ, Trung Quốc đã khiến cho đồng dollar có giá trị cao hơn so với đồng nhân dân tệ và người tiêu dùng Mỹ tiếp tục mua được hàng hóa Trung Quốc với số lượng lớn.

Theo Stockman, “Milton Friedman đã không dự báo được một điều: không bao giờ có thị trường tiền tệ tự do trên toàn cầu – những nước như Nhật Bản, Trung Quốc sẽ thao túng đồng nội tệ để tạo điều kiện cho tăng trưởng dựa vào xuất khẩu và chính mô hình của họ lại tạo điều kiện cho mô hình tăng trưởng dựa vào tiêu dùng của chúng ta”. Kết quả là hình thành một hệ thống cho phép Mỹ vay tiền nhiều quá mức từ Trung Quốc và các nước khác để tiêu dùng quá mức, đến lượt họ, Trung Quốc và các nước láng giềng có thể phát triển với tốc độ nhanh hơn nhiều so với những nước phát triển nhanh giai đoạn trước 1970 nhờ xuất khẩu lớn, tiết kiệm cao và tiêu dùng ít.

“Trung Quốc và Mỹ cùng bước vào một mối quan hệ cộng sinh hoàn hảo”, Stockman nhận xét. “Trung Quốc cần một nơi an toàn để mua được một lượng tiền khổng lồ và họ đưa [lượng tiền đó] vào nợ quốc gia của chúng ta. Bỗng nhiên, chúng ta có người sẵn lòng mua giấy do chúng ta in ra với số lượng

hiều chưa từng có trong lịch sử... Hai nước chúng ta như hai kẻ say dựa vào nhau mà không có gì chống đỡ”. Mỹ đã sống “xả láng” trong hai mươi năm và tổng thâm hụt thương mại gồm hàng hóa, dịch vụ cộng với thâm hụt thu nhập tích lũy lên tới 7 nghìn tỷ dollar. Stockman gọi đây là “sự thịnh vượng vay mượn với quy mô lịch sử”.

Vì vậy, theo Stockman, khi Phó tổng thống Cheney tuyên bố: “Reagan đã chứng minh rằng thâm hụt ngân sách không quan trọng” thì ông ta đang nói một điều “vô nghĩa” về mặt lý thuyết. “Nhưng quan sát của ông ta lại đúng trong thực tế. Phát biểu là vô trách nhiệm xét về đạo đức, nhưng chính xác trong thực tiễn. Nhờ Trung Quốc, điều khiến mọi người lo ngại về thâm hụt ngân sách không còn tồn tại, bạn có thể ‘bị thâm hụt mà không phải lo sợ’, như một nhà kinh tế học người Pháp từng nói”.

Tất nhiên, câu nói ấy chỉ đúng chừng nào Trung Quốc và các nước khác vẫn sẵn lòng tiếp tục cho chúng ta vay tiền – mà điều này hiện có vẻ như không có gì là chắc chắn, không chỉ với người Trung Quốc mà với chính cả người Mỹ nữa. Nếu, hoặc khi nguồn cho vay chạy chậm lại hoặc dừng hẳn, bữa tiệc của chúng ta cũng sẽ kết thúc. Và ngày ấy có thể đến rất bất ngờ. Nước Mỹ sẽ có ba lựa chọn không vui về gì: tăng lãi suất lên đáng kể để thu hút đầu tư, cách này sẽ khởi đầu giai đoạn kinh tế đi xuống; in tiền để bù đắp thâm hụt ngân sách, cách này sẽ gây ra lạm phát; hoặc tránh thâm hụt bằng cách vừa cắt giảm chi tiêu vừa tăng thuế. Kết hợp cả ba lựa chọn có vẻ là giải pháp nhiều khả năng được lựa chọn nhất. Nhưng không có lựa chọn nào trong đó mà không phải trả giá: tất cả đều sẽ gây tổn thất kinh tế cho người Mỹ.

Lựa chọn thứ ba – giảm chi tiêu, tăng thuế, đồng thời tái đầu tư vào công thức thành công là giải pháp duy nhất hợp lý, vì lợi ích lâu dài của đất nước. Mặc dù chúng ta đã đi quá xa so với mốc mà chúng ta có thể khắc phục được sai lầm về mặt tài khóa mà không bị tổn thất gì, nhưng càng sớm áp dụng giải pháp thứ ba bao nhiêu thì chúng ta càng hạn chế được tổn thất kinh tế bấy nhiêu.

Đồng thời, như một thành viên thuộc ủy ban thâm hụt ngân sách của tổng thống đã nói: Chúng ta nên hy vọng rằng Trung Quốc sẽ không tấn công Đài Loan. Ông cho biết: “Chúng ta có hiệp ước cam kết Mỹ sẽ bảo vệ Đài Loan trong trường hợp họ bị Trung Quốc tấn công. Rắc rối duy nhất là chúng ta phải vay tiền Trung Quốc để hoàn thành trách nhiệm đó”.

Chào ngài Ăn tiêu hoang phí

Không may là cuộc chiến với toán học không chỉ diễn ra trong phạm vi chính quyền liên bang hay đảng Cộng hòa. Đảng Dân chủ cũng có cuộc chiến của riêng họ với toán học, cụ thể là ở cấp bang và cấp địa phương. Trong khi đảng Cộng hòa không hề ngần ngại về hành động của mình thì phe Dân chủ lại bị mắc vào thói quen tăng các khoản chi trả và lương hưu cho các ngành dịch vụ công: cảnh sát, lính cứu hỏa, giáo viên và các công chức khác. Lý do là đảng Dân chủ có giả định hết sức lạc quan về số thu thuế trong tương lai và lợi tức từ quỹ hưu trí trên thị trường sau này. Ước tính của họ thường là được ngoại suy từ thị trường trong những năm thịnh vượng hồi thập niên 1990 và đầu thập niên 2000, khi lợi tức hòa bình, bong bóng dot-com và bong bóng tín dụng khiến mọi người thường trông đợi những chuyện thần kỳ khi nói đến vấn đề kinh tế.

Không chỉ toán học mà cả chính trị cũng có liên quan. Rất nhiều vị thống đốc bang và thị trưởng – chủ yếu là người của đảng Dân chủ – đã tham gia vào mối quan hệ hai bên cùng có lợi với công đoàn địa phương. Họ chi tiêu hào phóng và tăng quỹ hưu trí cho công đoàn, ngược lại, công đoàn cũng đóng góp rộng rãi cho chiến dịch vận động của các chính trị gia địa phương, tức là cho đảng Dân chủ.

Không bị ràng buộc bởi thị trường nên mức lương, quỹ hưu trí và chi trả bảo hiểm sức khỏe dành cho công chức đã vượt quá những quyền lợi tương tự của lao động thuộc khu vực tư nhân. Tương quan về số lượng người lao động giữa hai khu vực cũng vậy vì giới chính trị gia trong thời kỳ thịnh vượng đã đưa những người trung thành với họ vào danh sách được hưởng lương từ ngân sách. Các bang Illinois, New Jersey, New York và California là những điển hình tiêu biểu. Trang xã luận của báo *Chicago Tribune* đã phản đối sự lạm dụng diễn ra trong tiểu bang. Dưới đây là một vài đoạn trong số đó:

Liên đoàn Dân sự cho biết: trong khoảng thời gian mười năm kết thúc vào năm tài khóa 2008, số tiền quỹ hưu trí phải trả ở 10 cơ quan nhà nước đã tăng lên 68,9%. Trong khi đó, nguồn tài chính cho nó chỉ tăng 26,4%... Bạn có biết rằng cảnh sát và lính cứu hỏa bang Illinois chỉ cần làm việc đến 50 tuổi là đã được nhận 100% lương hưu – tương đương 75% lương khi làm việc? (09/3/2010).

Sau khi báo chúng tôi công bố những gì đang diễn ra ở vùng ngoại ô phía bắc thì các công dân ở Highland Park đã có hành động đúng đắn: Các thành viên ban quản lý công viên giải trí đã cho giám đốc điều hành của họ được hưởng mức tăng lương và thưởng béo bở trước khi nghỉ hưu. Lương của Giám đốc điều hành Ralph Volpe năm 2008 là 164.204 dollar nhưng ông được hưởng 435.203 dollar vào năm đó. Nhờ đó, lương hưu của Volpe tăng thêm hơn 50.000 dollar, đạt mức 166.322 dollar một năm. Sau khi tin này được công bố, người dân đã tức giận, buộc các thành viên ban quản lý công viên giải trí phải từ chức. (19/9/2010).

Thường thì khi thỏa thuận các khoản lương hưu thì các quan chức thuộc chính quyền và giới lãnh đạo công đoàn sẽ ngồi cùng một phía trên bàn đàm phán và hợp tác với nhau. Các chính trị gia cam đoan sẽ rót thêm tiền trong tương lai, đổi lại họ sẽ được công đoàn khu vực công ủng hộ... Các đảng viên Dân chủ và Cộng hòa quyết định thỏa thuận khoản lương hưu này thực ra đang chơi đùa với tiền của người khác. Họ biết họ đang gây ra rắc rối. Đến khi phải chi trả tiền thì họ đã rời cơ quan, nghỉ hưu rồi. (28/11/2010)

Tạp chí *The Wall Street* (ngày 15/10/2010) cho biết vào thời điểm các nhà tài trợ truyền thống của đảng Dân chủ đang giảm bớt các khoản đóng góp cho vận động tranh cử thì mùa thu này công đoàn khu vực công vẫn chống lưng cho các ứng viên... theo phân tích của tạp chí *Wall Street* với dữ liệu từ Ủy ban Bầu cử liên bang. Công đoàn đã tài trợ cho các chiến dịch của đảng Dân chủ trong một thời gian dài, nhưng mùa thu năm nay, một số tổ chức công đoàn lớn nhất khu vực công còn tiêu nhiều tiền hơn so với chiến dịch tranh cử giữa kỳ hồi năm 2006. Hiệp hội Giáo dục quốc gia (NEA) – công đoàn giáo viên lớn nhất nước Mỹ đã chi hơn 3,4 triệu dollar (con số phải công khai), trong đó có chi mua quảng cáo và chiến dịch gửi thư trực tiếp trong giai đoạn vận động bầu cử quan trọng nhất từ ngày 01/9 đến 14/10. Vào cùng thời kỳ năm 2006, NEA đã chi 444.000 dollar. Hiệp hội Liên bang Mỹ của công chức bang, hạt và thành phố cũng chi số tiền tương đương với khoản chi năm 2006. Tính từ đầu tháng trước, họ đã bỏ ra 2,1 triệu dollar vào chiến dịch vận động – theo tài liệu của Ủy ban Bầu cử liên bang – cho hai chiến dịch có liên quan đến họ. Con số này gần đạt đến mức chi 2,2 triệu dollar cho chiến dịch cùng kỳ năm 2006.

Thực tế này giải thích tại sao vào đầu năm 2011, các thống đốc thuộc đảng Cộng hòa của bang Wisconsin và Ohio đã phải có động thái hạn chế quyền đàm phán tập thể của các công đoàn công chức. Khi làm như vậy, họ cùng lúc đạt được hai mục tiêu: vừa tiết kiệm được tiền, vừa cắt giảm được nguồn tài trợ chính của đảng Dân chủ.

Cũng như với cấp liên bang, chính phủ cấp bang và cấp địa phương đều phải thay đổi cách thức chi tiêu. John Hood, chủ tịch Quỹ John Locke, chuyên gia cố vấn về chính sách làm việc ở bang North Carolina đã giải thích trong báo cáo *Nhà nước trong khủng hoảng* về vấn đề này như sau: “Khi số thu từ thuế giảm đột ngột do hậu quả của khủng hoảng tài chính năm 2008, kế hoạch ngân sách lạc quan của chính phủ đã gặp phải thực tế lạnh lẽo, khắc nghiệt”. Chênh lệch giữa mức lương, lương hưu và dịch vụ công được cam kết với số thu thuế thực tế giờ đây đã rất lớn. “Doanh thu thuế cấp bang năm 2009 giảm 8,4% so với năm 2008 và năm 2010 còn giảm tiếp 3,1%”, Hood lưu ý. Trong tương lai không xa, các bang như California, Texas, New Jersey và Illinois đều đang phải đối mặt với nguy cơ thâm hụt khổng lồ, tương đương 25% tổng ngân sách.

Theo Hood, cốt lõi trong khó khăn tài chính của các bang là Quỹ hưu trí của khu vực công hoạt động không giống với các quỹ hưu trí của khu vực tư nhân. Những người lao động thuộc khu vực tư nhân đều rất quen thuộc với chương trình hưu trí “đóng góp cố định” – ví dụ tài khoản 401(k) – tức là người lao động phải tham gia đóng góp một mức nào đó (thường là một tỷ lệ phần trăm nhất định trong mức lương họ nhận được). Người lao động sẽ đóng góp trong suốt những năm họ làm việc thông qua một tài khoản tiết kiệm có lãi gộp. Khi họ về hưu, họ sẽ được hưởng lợi tức từ tài khoản này... Những tài khoản hưu trí hoạt động như vậy không bao giờ bị thiếu nguồn vì số lợi tức nó chi trả chỉ dựa trên số tiền người lao động đóng góp trong suốt quãng đời làm việc. Ngược lại, phần lớn các tài khoản hưu trí của khu vực công lại là chương trình “lợi tức cố định”. Đúng như cái tên, nó bảo đảm một con số lợi tức cố định hàng năm cho người hưởng lương hưu (thường là dựa trên thu nhập người đó nhận được trong thời gian làm việc, số năm làm việc và cộng với một chút điều chỉnh theo chi phí sinh hoạt). Thay vì chi trả dựa trên số tiền thu được vào tài khoản tiết kiệm, các chương trình lợi tức cố định lại làm ngược lại: Trước hết phải tính số lợi tức dự kiến trả cho người về hưu, sau đó sẽ tính xem làm thế nào để thu được số tiền đủ để trang trải.

Độ chính xác của các phép tính phụ thuộc vào độ chính xác của các dự đoán về hoạt động thị trường chứng khoán hoặc trái phiếu trong tương lai. Hood nói: “Nếu chương trình lợi tức cố định đưa ra cam kết lợi tức hết sức hào phóng, hoặc không thể thu đủ tiền để thực hiện nghĩa vụ đã cam kết với người về hưu thì hậu quả là khi rất nhiều người lao động nghỉ hưu, nợ của quỹ hưu trí sẽ tích lũy lại thành con số khổng lồ”.

Hood trích dẫn một báo cáo gần đây của Trung tâm Pew, theo đó các chính quyền tiểu bang đang phải đối mặt với nghĩa vụ chi trả 1 nghìn tỷ dollar lương hưu mà họ đã cam kết sẽ trả cho người lao động trong khu vực công, nhưng chưa có nguồn để thanh toán. Con số này hiện là ước tính chính xác nhất về khoản nợ, được tính dựa trên dữ liệu tài khóa 2008, tức là *trước khi* thị trường tài chính và nền kinh tế thực sự lâm vào khủng hoảng. Gần đây hơn, nhà kinh tế học thuộc Đại học Northwestern là Joshua Rauh và đồng nghiệp đưa ra con số nợ không có nguồn chi trả của các bang ước tính là gần 3 nghìn tỷ dollar (ngoài ra còn có thâm hụt của các quỹ hưu trí ở các thành phố là 574 tỷ dollar nữa).

Chắc chắn rằng có rất nhiều lý do khiến chính quyền các bang và các thành phố rơi vào khủng hoảng tài khóa như hiện nay: không chỉ bởi họ chi tiêu quá nhiều và thu quá ít thuế trong thời kỳ kinh tế thịnh vượng mà còn do các khoản chi phí y tế bắt buộc đóng góp cho liên bang tăng đột ngột, chính quyền bang không thể chi trả thêm được nữa. Nhưng không có gì phải bàn cãi về việc chính những cam kết quá hào phóng đối với người lao động trong khu vực công suốt mười năm qua là một trong những lý do. Thành viên công đoàn khu vực tư nhân đều biết rằng người sử dụng lao động có thể phá sản bất cứ lúc nào, vì vậy họ không đòi hỏi nhiều. Ngược lại, người lao động trong khu vực công làm việc cho các cơ quan độc quyền của thành phố và tiểu bang, họ không bao giờ sợ cơ quan mình bị phá sản, và họ còn đóng vai trò nhất định khi bầu ra các quan chức – người có thể cam kết tăng lương và lợi tức hưu trí cho họ. Với vị trí như thế, rất nhiều người lao động thuộc khu vực công sẵn lòng chấp nhận thiệt thòi nếu như mọi người cùng hy sinh.

Tóm lại, chính sách kinh tế và tài khóa cấp liên bang, tiểu bang và cấp địa phương trong hai thập kỷ qua đã khiến cho hai đảng cùng xa rời sự khôn ngoan, nhận thức thông thường và thực tế – và tất cả tạo nên một thách thức lớn lao cho nước Mỹ.

Nếu bạn là nhà quản lý quỹ ủy thác, đang quản lý quỹ hưu trí tư nhân và

có những giả định giống như giả định mà đảng Dân chủ cấp tiểu bang và cấp địa phương đưa ra – rằng các khoản đầu tư sẽ mãi mãi tạo ra lợi tức – thì hẳn giờ đây bạn đã bị sa thải. Nếu bạn là nhà quản lý quỹ ủy thác, đang quản lý quỹ hưu trí tư nhân và có những giả định giống như giả định mà đảng Cộng hòa cấp liên bang đưa ra – rằng thâm hụt không phải vấn đề nghiêm trọng nếu nó là kết quả của cắt giảm thuế – thì hẳn bạn đã phải vào cơ sở từ thiện để sống rồi.

Không may là những người có quan điểm như vậy lại đang thống trị đời sống chính trị của Mỹ ít nhất là hai mươi năm qua, một bên thì đưa ra lập luận dựa trên phép tính tưởng tượng, còn một bên thì chẳng dựa trên tính toán nào hết. Cây bút kinh tế của *Washington Post* là Robert J. Samuelson đã tóm tắt tâm lý đòi-nhiều-chi-ít của nước Mỹ bằng một đoạn trong bài viết ngày 25/12/2011:

Trong nhiều năm đã tồn tại tư tưởng “muốn hưởng không muốn hy sinh” trong nền chính trị của chúng ta. Nhiều người hơn trở nên lệ thuộc vào chính phủ. Từ năm 1960 đến 2010, tỉ lệ chi tiêu liên bang bị hút vào “các khoản chi cho cá nhân” (Bảo hiểm Xã hội, phiếu thực phẩm, Bảo hiểm Y tế và tương tự) đã tăng từ 26% lên 66%. Trong khi đó, gánh nặng thuế chỉ tăng lên. Vào năm 1960, thuế liên bang chiếm 17,8% tổng sản phẩm trong nước (GDP). Năm 2007, chúng chiếm 18,5 GDP”.

Nhờ vào trí tưởng tượng bay bổng này của nhiều người mà hiện nay giải pháp duy nhất còn lại cho chúng ta là một thời kỳ điều chỉnh cho phù hợp với thực tế kéo dài và rất đau đớn.

“Khi xem xét dữ liệu về chi tiêu, thâm hụt và trần nợ ngân sách, bạn sẽ thấy chúng ta đã đi lạc đường từ những năm 1980” – lời David Walker, cựu Tổng Kiểm toán quốc gia, chuyên gia về nợ quốc gia, tác giả cuốn *Nước Mỹ hãy trở lại: Thay đổi hoàn toàn đất nước và phục hồi trách nhiệm tài khóa* (Comeback America: Turning the Country Around and Restoring Fiscal Responsibility). “Sau đó, dưới thời Tổng thống Bush cha và Clinton đầu thập niên 1990, chúng ta tạm thời lấy lại được ý thức tài khóa”. Hai vị tổng thống, một thuộc đảng Cộng hòa và một thuộc đảng Dân chủ đã làm ba điều giống nhau: “Một, họ ủng hộ việc kiểm soát ngân sách chặt chẽ theo luật, theo đó chính phủ không hứa hẹn thêm điều gì mỗi khi trót hứa nhiều hơn khả năng có thể thực hiện được. Ngoài ra, họ đều áp dụng hạn mức chi tiêu chặt chẽ, có căn cứ vào thực tế,

kể cả chi tiêu cho an ninh và quốc phòng. Hai, họ không mở rộng thêm các chương trình phúc lợi – vốn được coi là việc bất cần nhất”. Và ba, cả Bush cha và Clinton đều “không thực hiện lời hứa liên quan đến thuế trong chiến dịch vận động tranh cử khi họ thấy thực trạng tình hình tài khóa quốc gia. Nhờ thế, chúng ta có một tổng thống Cộng hòa và một tổng thống Dân chủ đều hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó, Bush con lên nắm quyền và phá bỏ tất cả”. Walker lưu ý rằng Tổng thống George W. Bush đã chấm dứt việc kiểm soát ngân sách vào cuối năm 2002 khi mở rộng chương trình phúc lợi với quy định nhà nước sẽ chi trả thêm tiền thuốc trong khuôn khổ Bảo hiểm y tế, “và ông ta cũng luôn giữ lời hứa sẽ cắt giảm thuế. Cho đến giờ thì Obama cũng làm như Bush con, nhưng ông còn cơ hội thay đổi”.

Dù bằng cách nào đi nữa thì chúng ta đều sẽ phải trả giá cho hành động này. Câu hỏi duy nhất, như nhà báo kinh tế Steven Pearlstein viết trên báo *Washington Post* (ngày 22/3/2011) là:

Liệu cái giá chúng ta phải trả sẽ là thất nghiệp kéo dài hơn? Hay lương giảm xuống? Hay giá trị nhà cửa và các tài sản tài chính khác giảm? Hay người Mỹ sẽ mất quyền sở hữu công ty? Hay lạm phát? Hay thuế cao hơn? Hay dịch vụ công và phúc lợi xã hội giảm? Câu trả lời chính xác tất nhiên là “tất cả”. Chúng ta đã tự đào hố chôn mình, một cái hố sâu và rộng đến nỗi phải chấp nhận tất cả những hậu quả đó để thoát ra ngoài. Thách thức chính trị, kinh tế và xã hội chính của mười năm tới là phải quyết định xem giữa các kênh tư tưởng khác nhau, các tầng lớp khác nhau, các ngành và các địa phương khác nhau phải chia sẻ, cùng điều chỉnh như thế nào để nền kinh tế không bị nhấn chìm, mối gắn kết xã hội và nền dân chủ của nước Mỹ không bị phá vỡ.

Trọng lực đã trở lại

Phần lớn trong 60 năm sau Thế chiến thứ hai, việc làm thị trường, thống đốc bang, hiệu trưởng trường đại học hay tổng thống Mỹ đều có nghĩa là phải mang lại lợi ích cho người khác trong gần như mọi việc họ làm. Ít nhất là trong mười năm tới, việc làm thị trường, thống đốc bang, hiệu trưởng trường đại học hay tổng thống Mỹ, trong hầu hết thời gian và cách thức, lại có nghĩa là phải tước bỏ lợi ích cho người khác trong gần như mọi vấn đề. Khi giới lãnh đạo, từ chỗ phân bổ sự hào phóng sang phân bổ sự hy sinh và

quyết định phải tước đi bao nhiêu lợi ích của ai thì chúng ta cũng phải hành động khôn ngoan hơn. Chúng ta phải cắt giảm chi tiêu, đánh thuế và đầu tư sao cho ngân sách quay lại nằm trong tầm kiểm soát, đồng thời tái đầu tư được vào các nhân tố trong công thức thành công. Quốc gia nào không đầu tư vào tương lai thì không thể phát triển được.

Có nghĩa là mọi thị trường, thống đốc bang và nghị sỹ, chưa nói đến mọi tổng thống mà chúng ta bầu ra đều phải hành động theo thực tế rằng: Nếu chúng ta tiếp tục chi tiêu như trước đây thì chính là đang cầm cố, đúng hơn là đang phá hoại tương lai của đất nước. Nhưng nếu chúng ta không chi tiêu đúng mục đích – một việc chúng ta vẫn làm từ thế kỷ 19 đến nay – thì chắc chắn chúng ta cũng đang cầm cố và phá hoại tương lai đất nước. Chúng ta không thể trì hoãn việc lựa chọn thêm nữa. Tương lai không chỉ phụ thuộc vào việc ngăn không cho thị trường đẩy chúng ta vào chỗ nguy hiểm mà còn phải gia cố các trụ cột chính trong công thức thành công truyền thống. Với tư cách một quốc gia, không những chúng ta phải hồi phục mà còn phải trở lại mạnh mẽ như trước.

Jack Markell, thống đốc bang Delaware cho biết giờ đây, mỗi ngày ông đều phải đối mặt với thách thức này: “Làm quản lý nhà nước hiện tại khó gấp đôi”. Trước kia, “nếu bạn là một vị thống đốc quan tâm đến tương lai thì có thể cải thiện chương trình hành động bằng cách tăng thêm doanh thu cho ngân sách nhờ tăng trưởng kinh tế, sau đó chỉ cần “chiến đấu” với quốc hội về một vấn đề duy nhất: nên chi số tiền tăng thêm vào việc gì”. Lý do là thông thường, với phần lớn các bang – trừ những thời kỳ khủng hoảng trong 60 năm qua – thì các vị thống đốc bang luôn tăng được doanh thu thuế trong thời gian đương chức. Nhưng thời kỳ đó đã chấm dứt. “Giờ đây bạn phải chiến đấu với quốc hội về hai vấn đề. Thứ nhất, phải cắt giảm chi tiêu ở hạng mục nào, và thứ hai, khi đã có thêm tiền nhờ giảm chi tiêu rồi thì phải chi số tiền này vào đâu. Vì vậy, bây giờ làm thống đốc khó hơn trước gấp hai lần”.

Và sẽ còn ngày càng khó hơn nữa.

Năm 2010, Mỹ vẫn đang quay cuồng trong cuộc Đại Khủng hoảng và sẽ không thực tế nếu cho rằng chúng ta sẽ có cuộc chiến cần thiết về ngân sách vào lúc đó. Vào đầu năm 2011, cuộc chiến đã thực sự bắt đầu với những tranh luận quyết liệt về nguồn thu ngân sách nhà nước cho những tháng còn lại của năm tài khóa kết thúc vào ngày 30/9. Chính phủ gần như đã ngừng hoạt động tạm thời trước việc phải quyết định liệu có nên cắt giảm thêm 40 tỷ dollar trong kế hoạch ngân sách của Tổng thống Obama không. Sự kiện này

đánh dấu sự bắt đầu của một quá trình chính trị kéo dài, khó khăn và quyết liệt nhằm điều chỉnh chính sách tài khóa bất ổn trong nước. Đây là một quá trình không thể tránh khỏi, chắc chắn sẽ kéo theo những ý kiến nóng nảy, rắc rối trước khi hoàn thành. Chúng tôi muốn đưa ra bốn nguyên tắc mà nước Mỹ nên tuân theo.

Thứ nhất là chúng ta cần phải có thái độ nghiêm túc. Chúng ta đang phải đối mặt với thách thức to lớn về ngân sách – kết quả của ba thập kỷ làm những điều hết sức vô trách nhiệm. Những lời nói hoa mỹ, thái độ giả tạo, thay đổi hình thức hay lẩn lữa đều không phải là giải pháp. Bất cứ ai đề xuất ra những giải pháp không phù hợp với quy mô của thách thức hiện tại, không đòi hỏi phải có hành động tức thời đều là những người không nghiêm túc.

Nguyên tắc thứ hai là mục tiêu của hành động. Mục tiêu không chỉ đơn giản là giảm thâm hụt mà phải là đảm bảo sự thịnh vượng trong tương lai. Trả được nợ là rất quan trọng, nhưng chưa đủ. Để duy trì được vị thế là một cường quốc, Mỹ phải làm được nhiều hơn là đưa tỷ lệ nợ/GDP về một con số thích hợp và bền vững mặc dù đây là việc nhất định phải làm. Ngoài ra, Mỹ còn phải trang bị cho người lao động những kỹ năng, những công cụ vốn luôn là một phần trong công thức tăng trưởng kinh tế truyền thống. Đào tạo, trang bị cho người lao động rất tốn kém và là một khoản đầu tư lâu dài. Để đảm bảo tương lai của nền kinh tế, chúng ta sẽ phải chi tiêu nhiều hơn – chứ không phải tiết kiệm hơn – vào những thứ sau: chắc chắn có cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và triển khai, và có thể cả giáo dục. Những việc này đặc biệt khó thực hiện khi những chương trình, chính sách quan trọng đang bị cắt giảm, còn thuế lại tăng lên; nhưng nếu không đầu tư, cải thiện công thức thành công, chúng ta sẽ đánh mất điều kiện cốt lõi nhất để duy trì giấc mơ Mỹ, duy trì sức mạnh của nước Mỹ đối với cả thế giới: sự tăng trưởng kinh tế. Bất cứ ai nói rằng chúng ta không cần phải chi tiêu những khoản nói trên đều là những người không hiểu gì về lịch sử nước Mỹ cũng như thế giới chúng ta đang sống.

Nguyên tắc thứ ba là mọi khoản chi đều cần phải giảm bớt. Nhưng có một việc chúng ta không được làm là thử tìm cách cân đối ngân sách bằng cách thực hiện phần lớn, nếu không muốn nói là toàn bộ, việc cắt giảm ở các khoản mục “chi tiêu chủ động không gồm an sinh xã hội”, tức là 12% ngân sách không bao gồm Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Hỗ trợ y tế, chi tiêu quốc phòng và lãi từ nợ quốc gia. Chính phần ngân sách này chứa tất cả các khoản chi cho giáo dục, khoa học, cơ sở hạ tầng – những yếu tố cơ bản

trong công thức thành công của nước Mỹ. Việc cắt giảm các chương trình này chỉ để tiết kiệm tiền chẳng khác gì tìm cách giảm cân bằng cách cắt đi hai ngón tay. Bạn sẽ không những không giảm được cân nặng mà còn vĩnh viễn bất lợi trong việc tìm và giữ được việc làm tốt.

Điều đó có nghĩa là không thể tránh khỏi phải cắt giảm các chương trình phúc lợi như Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế. Các chính sách khác nhằm giảm tốc độ tăng chi phí y tế chung cũng vậy. Mọi thứ phải được đặt lên bàn để cân nhắc, và dù thế nào cũng sẽ bị cắt giảm. Bất cứ ai cho rằng các chương trình phúc lợi vẫn có thể được duy trì như trước đều là những người không thực sự nghiêm túc. Để cải cách, cần phải tiến hành kiểm tra thu nhập của mỗi người trước khi cho họ hưởng quyền lợi từ Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội; tăng tuổi nghỉ hưu; điều chỉnh chỉ số chi phí sinh hoạt; và quan trọng nhất là tìm cách giảm tốc độ tăng chi phí Bảo hiểm y tế – chính sách bảo hiểm cho phép chi trả mọi chi phí khám chữa bệnh cho tất cả những người trên 65 tuổi, chi phí Hỗ trợ y tế và Chương trình Bảo hiểm y tế trẻ em nhằm hỗ trợ người nghèo. Vào thập niên 1950, chi phí y tế chiếm 4% GDP. Hiện nay, nó chiếm khoảng 17% và sẽ tăng lên 30% vào năm 2030, nhưng kết quả đạt được sẽ không hơn gì so với những nước như Canada, nơi chi phí y tế chỉ tương đương 10% GDP của họ. Hơn 20% chi phí Bảo hiểm y tế là chi cho hai tháng cuối đời của người dân, còn nếu tính cho một năm cuối đời thì là 30%, với giả định sử dụng công nghệ chăm sóc sức khỏe mới nhất con người phát minh ra.

Theo chương trình *60 Phút* của đài truyền hình CBS (ngày 08/8/2010), trong năm 2009, “Bảo hiểm y tế đã chi trả 55 tỷ dollar chỉ tính riêng cho hóa đơn khám bác sỹ và hóa đơn bệnh viện trong hai tháng cuối đời của bệnh nhân. Số tiền này còn nhiều hơn cả ngân sách dành cho Bộ An ninh nội địa và Bộ Giáo dục. Ước tính có từ 20 đến 30% trong đó là không hề mang lại tác động tích cực. Chính phủ liên bang chi trả phần lớn các hóa đơn mà gần như không hề đặt ra một câu hỏi nào”. Thực tế là theo luật, Bảo hiểm y tế không được phép từ chối thanh toán chi phí điều trị nếu chỉ căn cứ vào số tiền. Con người sống lâu hơn cộng với việc có nhiều công nghệ và thuốc men đắt tiền hơn giúp họ kéo dài cuộc sống chính là đơn thuốc khiến đất nước phá sản, trừ phi chúng ta giảm được tốc độ tăng chi phí y tế đối với tất cả mọi người. Để làm điều đó cần hạn chế số tiền mà chính phủ đồng ý chi trả cho dịch vụ chăm sóc y tế cuối đời.

“Chúng ta cần tính toán xem có thể chi trả bao nhiêu cho Bảo hiểm y tế”,

David Walker nói. “Không thể cứ tiếp tục viết séc trắng như thế này. Hiện tại chúng ta chưa có dự toán ngân sách cho Bảo hiểm y tế. Chúng ta là quốc gia công nghiệp lớn duy nhất trên thế giới không có dự toán cho biết nguồn lực được phân bổ cho y tế là bao nhiêu. Chúng ta là quốc gia duy nhất ngu ngốc đến mức viết séc trắng đối với các khoản chi cho y tế. Những người khác đều biết rằng hành động đó sẽ khiến chúng ta phải phá sản”. Theo ông, nước Mỹ ngày nay trước hết phải quyết định có thể chi bao nhiêu cho các chương trình chăm sóc y tế của chính phủ, chủ yếu là Bảo hiểm y tế và Hỗ trợ y tế. Khi đã xác định được số tiền dành cho khoản mục này thì tiếp theo phải tính xem phân bổ nó như thế nào. Tức là, như lời Walker, “chúng ta phải tính toán xem chính sách bảo hiểm y tế chung cho mọi người như thế nào là phù hợp, có thể chi trả được và mang tính bền vững dựa trên nhu cầu xã hội và mong muốn của mỗi cá nhân”. Mức bảo hiểm y tế mà chúng ta hứa hẹn với người dân là mức mà chúng ta không thể duy trì được.

Khi quyết định mức bảo hiểm nào là có thể chi trả được và bền vững, nhất là bảo hiểm chăm sóc sức khỏe năm cuối cùng của đời người, chúng ta cần phải dựa trên bằng chứng cụ thể. Walker nói: “Nếu một biện pháp can thiệp y tế có thể cải thiện sức khỏe hoặc kéo dài cuộc sống của một người thì nên thực hiện. Nếu ngược lại thì không nên thực hiện nó”. Walker cho biết thêm là hiện nay, “rất nhiều biện pháp can thiệp không đáp ứng được điều kiện này. Thực tế là một số biện pháp điều trị hiện đại thậm chí còn không được thực hiện vì lợi ích của bệnh nhân”. Và ông kết luận: mỗi cá nhân và mỗi công ty phải chi trả tối đa số tiền họ có thể nếu họ muốn được chăm sóc y tế đến tận cuối đời, “còn nếu nói về nguồn tiền từ người đóng thuế thì số tiền chúng ta thu được chỉ có giới hạn”.

Một phần trong nhiệm vụ kiểm soát chi phí y tế là chúng ta phải chuyển sang hệ thống mà trong đó, số tiền bảo hiểm trả cho các bệnh viện và bác sỹ phải dựa trên dịch vụ được chứng minh là có chi phí tốt nhất và chất lượng cao nhất chứ không phải chỉ dựa trên quy trình điều trị. Điều này đòi hỏi có hệ thống thống nhất về thông tin y tế, nhờ đó người tiêu dùng có thể tiếp cận với số liệu về kết quả điều trị của một bệnh viện hay một bác sỹ bất kỳ và giá cả của các quy trình chăm sóc sức khỏe khác nhau. Nếu tôi sẽ phải phẫu thuật cắt bỏ một quả thận thì tôi muốn đến chỗ bác sỹ tốt nhất với giá hợp lý nhất – dựa trên các tiêu chuẩn do một hội đồng độc lập đề ra. Bác sỹ và bệnh viện nào không tham gia hội đồng thì sẽ không được bảo hiểm nhà nước hoặc bảo hiểm tư nhân thanh toán tiền. Người tiêu dùng cũng phải biết chi phí điều trị thực của họ cũng như sự khác biệt về chất lượng điều trị

để họ có động lực tìm kiếm nơi cung cấp dịch vụ y tế tốt nhất với giá hợp lý nhất. Hiện tại, đại đa số các hóa đơn y tế được bảo hiểm nhà nước hoặc bảo hiểm cá nhân chi trả chỉ dựa trên quy trình (“Đây là số tiền anh được hưởng cho dịch vụ soi ruột kết”) chứ không dựa trên kết quả điều trị. Và phần lớn bệnh nhân chưa bao giờ xem con số ghi trên hóa đơn bệnh viện. Khó mà giảm giá hàng hóa nếu bạn không thể tự đi mua hàng.

Hơn nữa, tất cả chúng ta đều sẽ tự chăm sóc mình tốt hơn. Phần lớn chi phí y tế của Mỹ là dành cho những căn bệnh mãn tính phòng tránh được, ví dụ tiểu đường hoặc các biến chứng của bệnh béo phì, là những bệnh mà ngành y tế có thể trung ra đủ loại công nghệ đắt tiền để ngăn chặn. Đơn giản là chúng ta không thể chi trả tiền để chăm sóc cho từng đó người bị bệnh béo phì, và tất nhiên chúng ta cũng không có tiền để điều trị cho khoảng 40 triệu người dân đang hút thuốc – nguyên nhân của ít nhất 30% số ca tử vong vì ung thư và 80% số ca tử vong vì ung thư phổi, theo số liệu của Trung tâm Kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật.

Trong những khoản mục chi tiêu cần cắt giảm, chính sách ngoại giao cũng không phải ngoại lệ. Chi phí quốc phòng rõ ràng là một trong những khoản mục lớn nhất trong ngân sách liên bang cũng cần phải giảm xuống. Chúng tôi ủng hộ việc duy trì vị thế quân sự và chính trị của Mỹ ở châu Âu, Đông Á và Trung Đông do Mỹ có vai trò quan trọng đối với sự ổn định và phát triển ở đây. Nhưng Mỹ phải tìm cách thực hiện vai trò của mình với chi phí thấp hơn trước.

Như Michael đã trình bày trong cuốn sách *Một cường quốc tiết kiệm: Vai trò đi đầu thế giới của Mỹ trong thời kỳ thiếu tiền mặt* (The Frugal Superpower: America's Global Leadership in a Cash-Strapped Era) năm 2010, Mỹ không còn tiền để tiếp tục can thiệp quân sự – một chính sách quen thuộc của chúng ta từ hậu Chiến tranh Lạnh. Trong thời kỳ này, Mỹ đã can thiệp quân sự vào Somalia, Haiti, Bosnia, Kosovo, Afghanistan, Iraq và Libya cũng như gửi quân đến tất cả các nước nói trên trừ Libya. Việc huy động quân đội khiến Mỹ phải tham gia vào một nhiệm vụ nằm ngoài dự tính, ngoài ý muốn, kéo dài, khó khăn, mệt mỏi, tốn kém và rất ít khi thành công hoàn toàn: đó là xây dựng lại chính phủ ở những nơi mà chính phủ cũ đã sụp đổ hoặc thậm chí chưa từng tồn tại. Cho dù những chính sách can thiệp kiểu này có giá trị thực đến đâu thì chúng cũng đã trở nên quá tốn kém. Chúng ta cần số tiền chúng đang sử dụng để giảm thâm hụt ngân sách và cải thiện công thức thành công. Nói cách khác, chúng ta cần số tiền ấy để xây dựng chính nước Mỹ.

Nguyên tắc thứ tư là chúng ta không thể tự nhiên đạt được tình trạng tài khóa lành mạnh. Chúng ta còn phải tăng thu ngân sách thông qua tăng thuế và phải huy động đóng góp của càng nhiều người dân Mỹ càng tốt. Những người giàu nhất phải đóng góp nhiều hơn những người nghèo nhất theo tỷ lệ tương ứng, nhưng cũng không ai được miễn đóng góp hoàn toàn. Không ai được miễn thực hiện nghĩa vụ đối với đất nước, dù người đó thuộc Thế hệ Vĩ đại nhưng không tham gia Thế chiến thứ hai và Chiến tranh Lạnh hay thuộc thế hệ Bùng nổ dân số – rất giàu, khá giàu, trung lưu, nghèo, hoặc đã nghỉ hưu. Trên góc độ toàn xã hội, chúng ta cần xác định một ngưỡng nào đó gọi là nghèo đói, và mọi người Mỹ có mức sống trên ngưỡng nghèo đều phải đóng góp thông qua thuế thu nhập. Cần kết hợp nhiều giải pháp trong cải cách thuế, gồm thu hồi các khoản nợ thuế, đánh thuế năng lượng, xóa bỏ trợ cấp nông nghiệp, tăng thuế suất lũy tiến đối với người giàu và cả người trung lưu. Người nào cho rằng chúng ta có thể phục hồi tình trạng tài chính trong nước mà không cần tăng thuế thì người đó không hề nghiêm túc.

Cuối cùng, cả hai đảng đều phải từ bỏ quan điểm của mình và chấp nhận giải pháp kết hợp, vừa giảm tất cả các chương trình phúc lợi, chi tiêu quốc phòng và các chương trình chủ động chi tiêu, vừa tăng thuế đối với tất cả mọi người, thu hồi các khoản nợ thuế và đầu tư một số chương trình mục tiêu. Ủy ban quốc gia về Trách nhiệm và cải cách tài khóa có sự tham gia của hai đảng năm 2010, đứng đầu là Alan Simpson và Erskine Bowles đã đưa ra đúng khung hành động cần thiết. Không may là giới chính trị Mỹ thập niên thứ hai của thế kỷ 21 lại không muốn bỏ công sức thực hiện nỗ lực mang tính quốc gia này.

“Lâu lắm rồi hai đảng không hợp tác với nhau trong việc tước bỏ bớt những thứ người dân được hưởng”, David Stockman nhận xét, “nên dân chúng đang trở nên béo phì”.

Chúng ta nên tập lấy lại vóc dáng. Giảm thâm hụt ngân sách không chỉ là vấn đề sổ sách kế toán hay mâu thuẫn giữa những người ra chính sách một cách máy móc. Đây là thời điểm lịch sử của thế hệ vĩ đại nhất trong những người sinh vào thời bùng nổ dân số. Tương lai nằm trong tay chúng ta, giống như ý nghĩa của đạo luật GI với những cựu binh trên bờ biển Normandy*. Chúng ta phải làm được một việc khó, phải làm ngay bây giờ, và chỉ có thể làm cùng với nhau mới thành công.

* Đạo luật GI (1944) quy định ngân sách liên bang sẽ hỗ trợ các cựu chiến binh Thế chiến thứ hai để ổn định cuộc sống thông qua các khoản vay để kinh doanh, học bổng học đại học hoặc học nghề...

Thị trường thành phố Atlanta là Kasim Reed biết chúng ta phải làm gì vì ông cũng đang đóng vai chính trong bản sao mini của một vở kịch Broadway ngay tại thành phố của ông. Reed, cựu thượng nghị sỹ bang Georgia đã giành thắng lợi trong cuộc đua vào chức thị trưởng thành phố tháng 12/2009 với 714 phiếu bầu. Ngày ông nhậm chức, Atlanta chỉ có 7,4 triệu dollar dự trữ và không còn kiểm soát được ngân sách. Thành phố phải sa thải nhiều lính cứu hỏa đến mức mỗi xe chữa cháy chỉ còn ba người, thấp hơn tiêu chuẩn quy định. Reed bắt đầu công cuộc cải cách bằng cách tuyển hai chuyên gia – chứ không phải hai ông bạn ruột – giúp điều hành thành phố. Người thứ nhất là Peter Aman, thành viên hợp danh của công ty tư vấn Bain & Company, trở thành chánh văn phòng. Người thứ hai là John Mellot, cựu chủ bút báo *The Atlanta Journal Constitution*, nay chủ trì ban thẩm định quỹ hưu trí. Để chấm dứt cuộc chiến với toán học ở Atlanta, Reed phải sử dụng đến những người vốn không thuộc hệ thống chính trị và đánh giá của họ về tình trạng tài chính của thành phố là không thể bắt bẻ. Khi ông ngồi vào ghế thị trưởng đầu năm 2010, quỹ hưu trí của thành phố – với nghĩa vụ chi trả đã tăng 30% vào đầu những năm 2000 và tất cả cảnh sát, lính cứu hỏa cũng như người lao động thuộc công đoàn địa phương đều hưởng lương hưu từ quỹ này – chiếm đến 20% tổng số thu thuế và ngày càng tăng lên. Từ năm 2001 đến 2009, số tiền lương hưu thành phố phải chi trả mà chưa có nguồn bù đắp đã tăng từ 321 triệu dollar lên 1,484 tỷ dollar. Nếu Reed cắt lương hưu của những người cũ, ông sẽ bị kiện, nhưng ông đã tìm cách giảm lương hưu của nhân viên mới xuống ngang mức trước năm 2000 và tăng thời gian làm việc để được hưởng lương hưu từ 10 lên 15 năm. Khi các thành viên công đoàn biểu tình ở tòa thị chính, Reed mời họ vào văn phòng, từng nhóm một, và bằng sơ đồ, bảng biểu, ông kiên nhẫn giải thích với họ rằng nếu không cải cách chế độ hưu trí thì quỹ hưu trí của tất cả mọi người sẽ sụp đổ. Khi đưa ngân sách được vào tầm kiểm soát, Reed có tiền để tuyển dụng thêm cảnh sát và làm điều ông mong muốn nhất là mở cửa lại 16 trung tâm giải trí và bể bơi ở những khu vực nghèo khó nhất trong thành phố vốn đã phải ngừng hoạt động vì không có nguồn kinh phí. “Mọi người đánh cược vào những bể bơi rỗng”, ông nói. Các công ty địa phương bắt đầu đầu tư cho một số chương trình đào tạo kỹ năng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp cho học sinh tại các trung tâm vừa được tái mở cửa.

Cắt giảm một số chương trình phúc lợi, tăng thuế và tăng những khoản đầu tư cần thiết là những nhiệm vụ cốt lõi của giới chính trị Mỹ nếu chúng

ta muốn chấm dứt tình trạng thiếu nghiêm túc, cho rằng toán học ở đây chẳng có ý nghĩa gì. Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với Erskine Bowles khi ông cho rằng bài học lớn nhất ông rút ra trong thời kỳ làm đồng chủ tịch ủy ban cùng với Alan Simpson là: “Khi bắt đầu dự án này, chúng tôi nói: ‘Mình làm vì đời cháu mình’. Rồi sau đó chúng tôi sửa lại: ‘Mình làm vì đời con mình’. Giờ chúng tôi nhận ra rằng mình đang làm vì chính mình”.

Simpson hoàn toàn đúng. Đây là nhiệm vụ của chúng ta. Đây là rắc rối do chúng ta gây ra. Nó không thể chờ đợi. Chúng ta là thủ phạm. Chúng ta phải bỏ thời gian, phải chấp nhận trả giá để thay đổi tình hình – nhưng với tầm nhìn hướng về tương lai chứ không chỉ hiện tại. Điều quan trọng ở đây chính là liệu chúng ta có mang lại cho thế hệ sau cơ hội biến giấc mơ Mỹ thành hiện thực hay không.

MƯỜI

Cuộc chiến với vật lý và những điều tốt đẹp khác

Gần như tất cả những thách thức về năng lượng và khí hậu của nước Mỹ hiện nay đều bắt nguồn từ một thời điểm quan trọng và có thể thấy cuộc đời thật giống phim như thế nào.

Thời điểm ấy là năm 1979, và bộ phim ấy là *Hội chứng Trung Quốc* (The China Syndrome).

Phim có bối cảnh là nhà máy hạt nhân tượng tượng Ventana, bang California. Trong phim, Jane Fonda đóng vai một nữ phóng viên truyền hình, Michael Douglas vào vai người quay phim và Daniel Valdez là nhân viên âm thanh. Bộ phim mở đầu bằng cảnh ba người được đưa đến phòng quan sát khu lò phản ứng hạt nhân để quay cảnh nhà máy hoạt động cho một kênh truyền hình địa phương. Căn phòng có cửa sổ lớn cách âm, nhìn xuống phòng điều khiển bên dưới. Douglas được yêu cầu không quay phim, nhưng anh ta vẫn lén lút quay. Đột nhiên, phòng điều khiển rối loạn. Cận cảnh thiết bị làm mát nước cho thấy bong bóng đang nổi lên. Mọi thứ rung lên. “Cái chết tiệt gì đang xảy ra thế?”, Jack Lemmon trong vai trưởng ca trực cất giọng hỏi. Chuông báo động vang lên. Trưởng ca ấn một công tắc máy đo cho thấy mực nước làm mát đang giảm nhanh chóng. Anh nói: “Tình hình nghiêm trọng rồi!”. Đám nhân viên hoảng sợ nhìn vào máy, họ thấy lõi nhiên liệu lò phản ứng hạt nhân có nguy cơ nóng chảy. Cuối cùng, mực nước làm mát cũng quay lại bình thường và mọi người thở phào nhẹ nhõm. Trong phòng biên tập ở đài truyền hình, Douglas cho đồng nghiệp xem những gì anh quay được. Nhà sản xuất chương trình từ chối phát sóng đoạn phim này vì ông ta sợ sẽ bị kiện.

Sau bản tin buổi tối, Fonda rời đài và được biết Douglas đã bỏ trốn với đoạn phim ở nhà máy điện hạt nhân. Cô có trách nhiệm lấy lại đoạn phim

đỏ. Cô tìm thấy Douglas trong phòng chiếu, anh ta đang cho một giáo sư vật lý và một kỹ sư hạt nhân xem phim. Viên kỹ sư nói có vẻ như lõi nhiên liệu của lò phản ứng hạt nhân đã gần như nóng chảy rồi. Còn vị giáo sư nói sự kiện này có thể dẫn tới “hội chứng Trung Quốc”. “Nếu lõi nhiên liệu bị nóng chảy thì nhiệt độ sẽ tăng lên nhanh chóng, không gì ngăn cản được. Nó sẽ chảy ra qua đáy lò và trên lý thuyết thì hướng về phía Trung Quốc. Ngay khi chất lỏng này gặp nguồn nước ngầm, nó sẽ bốc hơi vào bầu khí quyển và tạo ra những đám mây phóng xạ. Số người chết sẽ phụ thuộc vào gió thổi theo hướng nào”.

Rồi vị giáo sư nói thêm với vẻ đáng ngại: “Sự cố này sẽ khiến cho một vùng có diện tích tương đương bang Pennsylvania trở nên không thể sinh sống được nữa”.

Trong cảnh cuối phim, Fonda, Douglas và Lemmon chiếm phòng điều khiển, khóa trái cửa và bắt đầu phát đoạn phim về mối đe dọa từ nhà máy hạt nhân. Đội bảo vệ phá cửa vào và bắn gục Lemmon. Đột nhiên, căn phòng rung mạnh. Một phần hệ thống làm mát bắt đầu nứt vỡ, nhưng lò phản ứng hạt nhân vẫn nguyên vẹn. Bộ phim kết thúc với hình ảnh Fonda tường thuật trực tiếp trên truyền hình: “Tôi tin rằng những gì đang diễn ra tối nay không phải do một kẻ say hay điên khùng gây ra. Jack Godell [Lemmon đóng] đã định tung ra những bằng chứng mà anh ấy tin rằng sẽ khiến nhà máy phải đóng cửa”.

Phim ảnh thường thể hiện những nỗi sợ không được nói thành lời. *Hội chứng Trung Quốc* ra rạp tại Mỹ ngày 16/3/1979. Chỉ 12 ngày sau, vào ngày 28/3/1979, một sự cố hạt nhân tồi tệ nhất trong lịch sử nước Mỹ đã diễn ra tại nhà máy điện hạt nhân Three Mile Island số 2 của thành phố Edison, ngay ngoại ô thủ phủ Harrisburg, bang Pennsylvania.

Do đọc sai chỉ số trên thiết bị ở nhà máy Three Mile Island, những người điều khiển nhà máy đã cho rằng lượng nước phủ lõi hạt nhân đang lên quá cao. Thực tế thì lượng nước này lại thấp, khiến một nửa lõi nhiên liệu lò phản ứng bị nóng chảy. Một báo cáo sau này ước tính nhiệt độ của khoảng một phần ba lõi nhiên liệu đã lên tới gần 2.900 độ C. Nếu tình hình không được kiểm soát thì lượng lõi nhiên liệu nóng chảy đã phá vỡ lò phản ứng và tường bao quanh nhà máy, gây ra Hội chứng Trung Quốc. Chất phóng xạ sẽ tan vào không khí và gây ra hậu quả đúng như vị giáo sư trong phim nói – “khiến cho một vùng có diện tích tương đương bang Pennsylvania trở nên không thể sinh sống được nữa”.

Cũng như trong phim, nhà máy Three Mile Island đã ngừng hoạt động, không có ai bị chết hay bị thương nghiêm trọng. Khí và nước bị nhiễm phóng xạ thoát ra không đáng kể, và từ đó đến nay không có ca ung thư hay chứng bệnh bất thường nào khác xảy ra ở khu dân cư xung quanh. Nhưng sự cố Three Mile Island có ảnh hưởng lâu dài, khiến tình hình kinh tế, địa chính trị và môi trường của nước Mỹ bị nhiễm xạ nghiêm trọng. Sự trùng hợp giữa bộ phim *Hội chứng Trung Quốc* và nhà máy Three Mile Island trong thực tế, và quan trọng nhất là chi phí liên tục tăng lên cộng với trách nhiệm pháp lý chủ đầu tư phải chịu khi xây dựng các nhà máy điện hạt nhân vào thập niên 1980 đã dần dần khiến cho việc xây dựng các cơ sở hạt nhân mới ở Mỹ bị đình trệ. Không như năng lượng mặt trời và năng lượng gió đang ngày càng rẻ hơn theo từng thế hệ công nghệ mới, chi phí xây nhà máy điện hạt nhân lại ngày càng tăng. Ngày nay, xây dựng một nhà máy điện hạt nhân công suất 1GW sẽ tốn khoảng 10 tỷ dollar và mất khoảng sáu đến tám năm từ lúc khởi công đến khi đi vào hoạt động. Bắt đầu là nỗi sợ lò phản ứng hạt nhân hỏng, rồi nỗi sợ chi phí xây dựng vượt dự tính, hậu quả là một thực tế trần trụi: Đã hơn 30 năm Ủy ban Hạt nhân không phê chuẩn quyết định xây một nhà máy điện hạt nhân mới nào ở Mỹ. Nhà máy điện hạt nhân cuối cùng được hoàn thành vào năm 1996 – Nhà máy Watts Bar ở bang Tennessee. Nó được cấp phép xây dựng năm 1977.

Nhưng vào thời điểm Mỹ từ bỏ năng lượng hạt nhân thì chúng ta lại đang đi đầu thế giới trong lĩnh vực sản xuất điện từ các nguồn năng lượng không phát thải carbon. Các cơ sở điện hạt nhân hiện có với 104 lò phản ứng có tuổi thọ trung bình là 30 năm. Để duy trì mức đóng góp của các nhà máy điện hạt nhân vào tổng sản lượng ngành điện của Mỹ – đáp ứng được khoảng 20% nhu cầu sử dụng, chúng ta cần tái xây dựng hoặc hiện đại hóa gần như toàn bộ các nhà máy này trong mười năm tới. Thảm họa hạt nhân tại nhà máy Fukushima Daiichi do động đất và sóng thần gây ra ở Nhật vào tháng 3/2011 – hậu quả là chất phóng xạ rò rỉ ra cả bầu khí quyển và nguồn nước – đã khiến việc tái chú trọng phát triển năng lượng hạt nhân ở Mỹ trong tình huống tốt nhất thì cũng trở nên rất khó khăn về mặt chính trị, còn trong tình huống tệ nhất thì là bất khả thi. Hơn 30 năm qua, chúng ta chưa tăng được tỷ trọng của năng lượng hạt nhân trong tổng nguồn cung năng lượng trong nước nên khi tổng nhu cầu năng lượng tăng lên, chúng ta bị phụ thuộc nặng nề hơn vào các nguồn nhiên liệu hóa thạch: than, dầu thô và khí tự nhiên.

Năm 1979 đóng vai trò quan trọng đối với ngành năng lượng và môi trường

còn vì nhiều lý do khác. Năm đó, chi phí mua dầu mỏ tăng với tốc độ tên lửa, hậu quả tồi tệ của nó lên tình hình địa chính trị thế giới cũng vậy. Một loạt những sự kiện bắt đầu diễn ra vào đầu tháng 1/1979: vua Iran bị lật đổ, người thay thế là Giáo chủ Khomeini và các tín đồ. Nhiều tháng sau, ngày 20/11/1979, Đại Thánh đường ở Mecca, Saudi Arabia đã bị phe Sunni cực đoan chiếm đóng nhằm phản đối quan điểm tín ngưỡng của hoàng gia Saudi Arabia. Sau khi chiếm lại đền thờ, hoàng gia Saudi Arabia phản ứng bằng cách mặc cả với những người Islam cực đoan như sau: “Hãy để chúng tôi tiếp tục nắm quyền lãnh đạo đất nước, đổi lại các anh được tự do thiết lập các giá trị xã hội, buộc phụ nữ phải đeo mạng che mặt, ngăn cản âm nhạc, hạn chế mối quan hệ giữa phụ nữ và đàn ông và bắt buộc mọi người phải theo hệ thống giáo dục tôn giáo. Thậm chí xa hơn, chúng tôi sẽ cho các anh thoải mái mọi nguồn lực để mở rộng tư tưởng cực đoan Sunni Salafi/Wahhabi ra nước ngoài”. Thỏa thuận này đã dẫn tới cuộc chạy đua chiếm lĩnh vị trí lãnh đạo thế giới Islam giữa người Shiite Iran và người Sunni Saudi Arabia. Mỗi bên đều tìm cách mở rộng tư tưởng Islam thuần khiết cực đoan của mình. Năm 1979, “thế giới Islam đã mất phanh”, lời Mamoun Fandy, chuyên gia về khu vực Trung Đông người Ai Cập. Các đền thờ và trường học của thế giới Islam đều diễn dịch tín ngưỡng của họ theo hướng cực đoan. Không còn tồn tại tư tưởng ôn hòa, hay ít nhất là không có tư tưởng ôn hòa được chống lưng bởi nguồn lực bên ngoài nào sánh được với Iran và Saudi Arabia.

Dường như chưa đủ, vào ngày 24/12/1979, Liên Xô đưa quân vào Afghanistan. Để phản ứng lại, các chiến binh mujahideen Islam và Ả Rập kéo đến để chống lại Liên Xô. Cuộc thánh chiến được Saudi Arabia cấp tiền theo chỉ thị của Mỹ. Theo thời gian, cả người Pakistan và Afghanistan đều dần ngã theo tư tưởng chính trị Islam cứng rắn. Cuối cùng, các chiến binh Islam cực đoan, dưới sự lãnh đạo của những người như Osama bin Laden đã quay mũi súng chĩa vào người Mỹ và các đồng minh Ả Rập với đỉnh điểm là sự kiện ngày 11/9/2001.

Những ngày tươi đẹp vô hại, thời mà tiền chúng ta bỏ ra để mua xăng chỉ để các hoàng tử Saudi Arabia mua biệt thự, du thuyền ở vùng biển Riviera, đánh bạc ở London và Monte Carlo đã trôi qua. Sau vụ tấn công vào Đền thờ Mecca và cách mạng Iran, con nghiện dầu của nước Mỹ đã trở thành nguồn tài trợ tiền cho các trường tôn giáo Islam ở Pakistan, xây thánh đường của giáo phái cực đoan ở Afghanistan và châu Âu, mua tên lửa Stinger cho lực lượng Taliban – và tất cả chúng sẽ quay lại tấn công nước Mỹ những năm

sau đó. Nói cách khác, trước năm 1979, con nghiện dầu của Mỹ không có gì bất ổn; nhưng sau năm 1979, nó trở thành chết người về mặt địa chính trị. Chúng ta đang tài trợ cho cả hai bên trong cuộc chiến với thế giới Islam cực đoan – với quân đội Mỹ là bằng những đồng dollar tiền thuế thu được, còn với đối phương và tư tưởng thánh chiến của họ là gián tiếp bằng những đồng dollar mua dầu.

Thật khó tin, nhưng năm 1979 chỉ vừa mới bắt đầu. Thế giới năng lượng còn bị ảnh hưởng đáng kể bởi hai sự kiện chính trị diễn ra cùng năm. Margaret Thatcher được bầu làm thủ tướng Anh ngày 04/5/1979. Bà cùng với Ronald Reagan, người nhậm chức tổng thống Mỹ năm 1981 đã thực hiện các chính sách hướng tới thị trường tự do, qua đó tạo điều kiện cho quá trình toàn cầu hóa được mở rộng sau khi Bức tường Berlin sụp đổ. Toàn cầu hóa đã thúc đẩy hoạt động kinh tế trên toàn thế giới, làm tăng đáng kể số lượng người có khả năng mua được ô tô, xe máy, thiết bị điện và đi du lịch nước ngoài.

Một sự kiện ít được quan tâm hơn nhưng không kém phần quan trọng là năm 1979, ba năm sau khi Mao Trạch Đông qua đời, đảng Cộng sản Trung Quốc cho phép nông dân tự canh tác trên phần đất nhỏ của họ và bán nông sản để thu lợi nhuận. Cuộc cải cách nông nghiệp bắt đầu ở nông thôn từ năm 1978, nhưng vào năm 1979, biểu hiện của kinh tế thị trường mới thoát khỏi phạm vi nông thôn, đi vào nhiều hoạt động hơn trong nền kinh tế Trung Quốc.

Báo *Times* của London (ngày 5/12/2009) kể lại lịch sử thời kỳ này như sau: Năm 1979, “tờ giấy phép kinh doanh đầu tiên của Trung Quốc được trao cho Zhang Huamei. Lúc đó bà 19 tuổi, bố mẹ bà là công nhân trong một nhà máy quốc doanh chuyên sản xuất ô. Bà chuyên bán các thứ vặt vãnh tiền trái phép, nhưng có mong muốn được kinh doanh đàng hoàng, hợp pháp”. Tờ *Times* cho biết thêm bà hiện là một triệu phú dollar và là người đứng đầu Công ty Vật liệu dệt may Huamei – một nhà cung cấp khuy cúc lớn trên thế giới. Bà kể về lần bán hàng đầu tiên như sau: “Thứ đầu tiên tôi bán được là một cái đồng hồ đeo tay đồ chơi. Một buổi sáng nắng đẹp tháng 5/1978, tôi mua cái đồng hồ với giá 0,15 nhân dân tệ và bán với giá 0,2 nhân dân tệ. Tôi hết sức hào hứng vì có lãi. Nhưng tôi cũng rất hồi hộp, sợ người của chính quyền sẽ đến và không cho tôi bán hàng nữa”. Khi chính quyền Trung Quốc trao cho bà tấm giấy phép kinh doanh đầu tiên vào năm 1979, quá trình chuyển 1,3 tỷ người dân từ kinh tế tập trung sang kinh tế thị trường bắt đầu diễn ra. Chính quá trình chuyển đổi đã tạo ra công trình trung tâm hội thảo Thiên Tân cùng với nhiều thành tựu khác mà chúng tôi nhắc đến ở đầu cuốn sách. Nó cũng

làm tăng đáng kể nhu cầu năng lượng trên toàn thế giới và lượng khí nhà kính con người thải vào bầu khí quyển. Ngày 07/01/2010, tờ *Nhân dân Nhật báo* của Trung Quốc cho biết “năm ngoái, tổng số phương tiện cơ giới được tiêu thụ tại Trung Quốc là 16,7 triệu chiếc, khiến tổng số xe trong nước tăng lên mức 186 triệu chiếc”, một nửa trong số đó là xe máy. Hồi năm 1979, gần như không người dân Trung Quốc nào sở hữu ô tô riêng.

Có một sự kiện nổi bật cuối cùng nữa xảy ra vào năm 1979, nhưng gần như không được ai chú ý. Viện Hàn lâm khoa học quốc gia Mỹ lần đầu tiên cảnh báo về cái gọi là “sự nóng lên của trái đất”. Trong một nghiên cứu năm 1979 có tên *Báo cáo Charney*, Viện nêu rõ: “nếu lượng CO₂ tiếp tục tăng lên, [chúng tôi thấy] không có lý do gì để nghi ngờ việc sẽ xảy ra biến đổi khí hậu, và cũng không có lý do gì để tin rằng những thay đổi này là nhỏ nhặt”.

Khi đặt tất cả những sự kiện này cạnh nhau, chúng ta thấy rõ tại sao năm 1979 lại là thời điểm quan trọng, tạo nên thách thức năng lượng và khí hậu hiện nay. Chi tiết cụ thể về thách thức năng lượng và khí hậu là khá phức tạp, chúng ta sẽ thảo luận về chúng trong phần sau của chương. Nhưng điều quan trọng nhất trong việc giải quyết nó là quá rõ ràng. Nước Mỹ cần phải giảm thiểu việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch càng nhanh, càng xa càng tốt. Chúng ta vẫn chưa bắt tay vào làm gì. Tất cả chúng ta đều đang né tránh thách thức, một số người còn không thừa nhận nó đang tồn tại. Điều này vô cùng nguy hiểm đối với đất nước cũng như đối với cả hành tinh vì vấn đề năng lượng và khí hậu liên quan đến mọi khía cạnh quan trọng trong đời sống của người dân Mỹ. Vì vậy, chúng tôi mới coi nó là một trong bốn thách thức lớn nhất mà chúng ta đang phải đối mặt. Cách thức chúng ta đối phó – hoặc không đối phó – với thách thức năng lượng và khí hậu sẽ ảnh hưởng lên sức mạnh kinh tế, an ninh quốc gia, nguồn cung lương thực và khả năng hưởng lợi từ những ngành công nghiệp lớn nhất trong tương lai của Mỹ. Chính sách năng lượng sẽ tác động lên cán cân thanh toán và giá trị đồng nội tệ; lên chất lượng không khí chúng ta đang hít thở và lên mực nước ngoài biển khơi. Nước Mỹ sẽ không thể phát triển được trong thế kỷ 21 nếu không có một chính sách năng lượng mới, phù hợp hơn so với chính sách hiện có với thực tế thế giới phẳng mà chúng ta đang sống hiện nay.

Không may là thay vì bàn luận về *cách thức* tạo ra nhiều năng lượng sạch hơn và làm chậm lại quá trình biến đổi khí hậu, chúng ta lại tranh cãi với nhau xem liệu có nên làm những việc ấy hay không. Thay vì xem xét ý nghĩa của những gì khoa học đã kết luận, chúng ta lại tranh luận về phẩm hạnh

của một vài nhà khoa học. Thay vì chấm dứt cơn nghiện dầu mà chúng ta biết là rất không tốt cho nền kinh tế, cho bầu khí quyển và cho an ninh quốc gia, chúng ta lại khẩn cầu những người bán dầu bơm dầu thô cho chúng ta thêm một lần nữa.

Trong khi chúng ta chưa biết gì nhiều về việc sự nóng lên của trái đất sẽ tác động lên khí hậu vào lúc nào và theo chiều hướng ra sao, thời tiết sẽ thay đổi như thế nào thì việc gọi toàn bộ hiện tượng này là một trò lừa đảo và cho rằng chúng ta chẳng gặp phải vấn đề gì cả – tức là mọi bằng chứng khoa học về sự tồn tại của nó đều là không có thật – chính là một hành động chối bỏ mọi định luật vật lý. Trong khi chúng ta chưa biết gì nhiều về thời điểm khi nào nguồn cung dầu mỏ, khí tự nhiên và than từ Trái Đất sẽ cạn kiệt thì việc hành xử như thể chúng ta có thể tiêu dùng tất cả những gì mình muốn mãi mãi và không để lại hậu quả tồi tệ nào về mặt tài chính, môi trường và địa chính trị cũng chính là một hành động chối bỏ không chỉ mọi định luật vật lý mà cả mọi quy luật toán học, kinh tế học và địa chính trị học.

Cuối cùng, cùng lúc chối bỏ tất cả chính là chúng ta đang nhạo báng thị trường và Mẹ Thiên nhiên. Chúng ta đang khiến hai thế lực này phải đưa ra phản ứng dữ dội, đột ngột, bất cứ khi nào họ thích.

Hãy bấm còi nếu bạn tin là có biến đổi khí hậu

Tháng 2/2010, sau một trận tuyết lớn ở Washington D.C., Molly Rapert, con gái của Thượng nghị sỹ đảng Cộng hòa của bang Oklahoma James Inhofe cùng chồng và bốn người con đã dựng một căn lều tuyết ở quảng trường Mall, gần đồi Capitol tại Washington. Một bên lều họ gắn biển đề NHÀ MỚI CỦA AL GORE. Bên còn lại là tám biển: HÃY BẤM CÒI NẾU BẠN ♥ SỰ NÓNG LÊN CỦA TRÁI ĐẤT.

Chúng ta sẽ không bấm còi.

Và 99% các nhà khoa học đã nghiên cứu vấn đề này cũng vậy. Thực sự nó không có gì phức tạp. Chúng ta biết rằng sự nóng lên của trái đất là có thật vì nó giúp sự sống tồn tại được trên hành tinh này. Không có gì phải bàn cãi về thực tế đó. Đây là Trái Đất nhỏ bé của chúng ta. Nó được bao phủ xung quanh bằng một khối khí nhà kính tự nhiên, giúp giữ nhiệt, làm ấm bề mặt Trái Đất. Nếu không có khí nhà kính, nhiệt độ trung bình của Trái Đất sẽ vào khoảng -17 độ C. Không có gì phải bàn cãi về thực tế đó.

Chúng ta cũng biết rằng hàm lượng khí nhà kính trong bầu khí quyển đang

tăng lên kể từ cuộc Cách mạng Công nghiệp vì chúng ta thực sự có thể đo được lượng CO₂ trong không khí. Không có lời giải thích nào khả thi hơn về mặt khoa học cho sự tăng lên của hàm lượng khí nhà kính bằng lý do chúng ta đang đốt ngày càng nhiều nhiên liệu hóa thạch – than, dầu, khí tự nhiên – kể từ thời Cách mạng Công nghiệp đến nay, nhất là trong 30 năm qua với quá trình toàn cầu hóa. Khi Cách mạng Công nghiệp bắt đầu diễn ra, hàm lượng CO₂ trong bầu khí quyển là 280 ppm (280 phần triệu). Đến năm 2011, nó là 390 ppm. Không có gì phải bàn cãi về thực tế đó.

Hiện tượng này có ảnh hưởng lên nhiệt độ trung bình toàn cầu, và chúng ta cũng đo được sự thay đổi nhiệt độ. Khi lớp khí nhà kính bao quanh Trái Đất dày hơn, nó giữ lại nhiều tia mặt trời và nhiệt hơn. Viện Chính sách Trái Đất (EPI) – một trung tâm nghiên cứu phi đảng phái chuyên theo dõi biến đổi khí hậu – đã lưu ý trong báo cáo năm 2010 của họ như sau:

Nhiệt độ Trái Đất không những đang tăng lên mà còn tăng với tốc độ ngày càng nhanh. Từ năm 1880 đến 1970, cứ mỗi thập kỷ, nhiệt độ trung bình toàn cầu lại tăng khoảng 0,03 độ C. Từ năm 1970, tốc độ tăng gia tăng đáng kể, lên tới 0,13 độ C một thập kỷ. Trong mức tăng 0,8 độ C (tức 1,4 độ Fahrenheit) của nhiệt độ Trái Đất từ 1880 đến nay có đến 2/3 là diễn ra trong 40 năm trở lại đây. Chính trong số mười năm nóng nhất lịch sử cũng diễn ra trong thập kỷ vừa qua.

Báo cáo của EPI cho biết nhiệt độ trung bình trên toàn cầu còn bị ảnh hưởng – tăng hoặc giảm – bởi một số yếu tố khác ngoài lượng phát thải carbon, trong đó có những yếu tố tự nhiên như chu kỳ hoạt động của mặt trời hay hướng gió. Nhưng hiện tại, những yếu tố tự nhiên đều làm nhiệt độ *giảm chứ không phải tăng lên*. Vì vậy, sự gia tăng nhiệt độ Trái Đất càng khiến chúng ta phải lo ngại gấp đôi.

Báo cáo của EPI kết luận: “Kết thúc thập niên nóng nhất lịch sử, năm 2010 chứng kiến nhiệt độ trung bình toàn cầu là 14,63 độ C (58,3 độ F), trong đó năm 2005 là năm nóng nhất trong 131 năm qua”. Ngoài ra, “19 nước có mức nhiệt độ cao kỷ lục vào năm 2010, nhưng không có nước nào có nhiệt độ thấp kỷ lục... Trong thập kỷ qua, ở Mỹ những năm có nhiệt độ cao kỷ lục nhiều gấp đôi những năm có nhiệt độ thấp kỷ lục trong khi 50 năm trước, số năm có nhiệt độ cao kỷ lục và thấp kỷ lục là xấp xỉ như nhau”.

Khi lớp khí nhà kính bao quanh Trái Đất hấp thụ nhiều nhiệt hơn làm tăng nhiệt độ toàn cầu, băng tan ra nhiều hơn. Theo EPI, từ năm 1940 đến

nay, 87% các khối băng ngoài đại dương vùng bán đảo Nam cực đã bị thu hẹp. Đây là những thực tế không cần bàn cãi. Tất cả đều có thể đo đạc được.

Tuy không có duy nhất một sự kiện thời tiết nào có thể trực tiếp gây ra biến đổi khí hậu, nhưng có vô cùng nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra trong năm 2010 mà các nhà khoa học cho rằng là biểu hiện của khí hậu đang liên tục nóng lên. Theo các nhà khoa học, biến đổi khí hậu sẽ khiến nơi ẩm ướt trở nên ẩm hơn, tuyết rơi dày hơn, nơi khô càng khô hạn hơn vì không khí nóng hơn giữ lại nhiều hơi nước hơn và lượng hơi nước tăng thêm này sẽ dẫn tới bão ở một số nơi lớn hơn và mưa ở một số nơi khác lại giảm xuống. Những hiện tượng thời tiết kỷ lục của năm 2010 bao gồm lũ lụt ở Australia và Pakistan, đợt nóng ở Nga làm hàng ngàn người chết, cháy rừng lớn chưa từng thấy ở Israel, sạt lở đất ở Trung Quốc, tuyết rơi kỷ lục ở các bang ven biển miền Đông nước Mỹ và mười hai cơn bão lớn từ Đại Tây Dương. Vì vậy, chúng tôi tin rằng cụm từ “sự bất thường của trái đất” do L. Hunter Lovins, người đồng sáng lập Viện Rocky Mountain nghĩ ra mô tả chính xác hơn xu hướng khí hậu trên toàn cầu hiện nay hơn là cụm từ “sự nóng lên của trái đất”. Sự nóng lên của trái đất... nghe nhẹ nhàng quá. Trong khi khí hậu đang biến đổi theo mọi hướng, trừ hướng nhẹ nhàng.

Xa hơn những thực tế đã hiển hiện rõ ràng này còn rất nhiều điều chưa rõ ràng. Chúng ta không biết Trái Đất sẽ còn nóng lên đến mức nào hay với tốc độ ra sao. Lý do không chỉ vì chúng ta không thể dự đoán chính xác 6,8 tỷ người trên hành tinh sẽ phát thải ra bao nhiêu khí nhà kính mà còn vì như các nhà khoa học vẫn tin tưởng, nhiệt độ của Trái Đất sẽ tăng lên với tốc độ nhanh hơn so với tốc độ thông thường do phát thải khí nhà kính gây ra thông qua cái gọi là “hiệu ứng phản hồi”. Ví dụ, nhiệt độ cao hơn sẽ làm tan các tundra* ở vùng Bắc cực (hiện tượng này đã bắt đầu diễn ra), giải phóng một lượng lớn khí nhà kính methane nằm phía dưới, làm lớp chắn giữ nhiệt bao quanh Trái Đất dày thêm. Chúng ta cũng chưa chắc chắn nhiệt độ tăng thêm sẽ gây ra những hậu quả gì cho hành tinh. Bầu khí quyển và bề mặt Trái Đất là hai hệ thống có mối quan hệ tác động qua lại rất phức tạp, đến mức ngay cả những nhà khoa học xuất sắc nhất với những mô hình toán học công phu nhất cũng không thể dự báo chính xác sự thay đổi của chúng. Hậu quả về mặt địa vật lý của nhiệt độ gia tăng gây ra những tác động về mặt xã hội và chính trị còn thiếu chắc chắn hơn: đó có thể là nạn đói, di cư hàng loạt, sự

* Tundra: những vùng đất Bắc Cực rộng lớn, trơ trụi và bằng phẳng thuộc châu Âu, châu Á và Bắc Mỹ, nơi tầng đất cái đã bị đóng băng vĩnh cửu.

sụp đổ của các mô hình chính phủ, chiến tranh ở những nơi bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất... Không may là không ai có thể biết trước sự nóng lên của trái đất có gây ra một hay tất cả những hậu quả này hay không, nếu có thì bao giờ và như thế nào.

Vì vậy, đúng, có những điều không chắc chắn về *ảnh hưởng* của biến đổi khí hậu, nhưng chúng ta có thể chắc chắn là nó có thật. Sự không chắc chắn chỉ là ở chỗ chúng xảy ra khi nào và ra sao. Hơn nữa, một điều thường bị bỏ qua trong cuộc tranh cãi về sự không chắc chắn là bản thân sự không chắc chắn cũng đi theo hai hướng. Đúng là hậu quả của nhiệt độ Trái Đất liên tục tăng lên có thể sẽ nhẹ nhàng hơn so với dự báo của hầu hết các nhà khoa học khí tượng. Hãy cùng hy vọng điều đó. Nhưng ngược lại, nó cũng có thể trở nên tồi tệ hơn nhiều, rất nhiều.

Nhưng bạn không thể biết điều đó nếu chỉ đọc báo năm 2010. Những người nghi ngờ biến đổi khí hậu, rất nhiều người trong số đó nhận tiền từ ngành công nghiệp nhiên liệu hóa thạch đã chộp lấy vài bức thư điện tử bị rò rỉ ra ngoài của các nhà khoa học khí hậu ở Phòng Nghiên cứu khí hậu thuộc Đại học East Anglia, Anh để khơi ra những tranh cãi về cách thức tiến hành thí nghiệm của một vài người trong số họ. Cho dù mọi người nghĩ gì về chuyện này đi nữa thì cũng khó mà bác bỏ được sự đồng thuận về mặt khoa học đối với hiện tượng nóng lên của trái đất dựa trên những nghiên cứu độc lập được tiến hành trên khắp thế giới. Vài sai sót nhỏ trong báo cáo công phu của Ủy ban liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC) cũng vậy. Nhưng với công chúng – những người quá bận rộn, không có thời gian để nghiên cứu, không có kiến thức chuyên môn để biết những sai sót này nhỏ như thế nào so với những vấn đề chưa chắc chắn lớn hơn nhiều, và họ cũng không muốn hỏi bằng cách nào và tại sao các nhà khoa học khí hậu trên khắp thế giới có thể cùng đồng thuận khiến mọi người phải tin rằng vấn đề thực tế còn nghiêm trọng hơn – thì những tin tức này đã khiến họ có thái độ nghi ngờ, mơ hồ về biến đổi khí hậu và gây cản trở các dự luật liên quan của Mỹ.

Giới hoài nghi biến đổi khí hậu đã làm giống hệt những người trong ngành công nghiệp thuốc lá – Joseph Romm nhận xét. Ông là nhà vật lý và là tác giả của blog nổi tiếng Climateprogress.org. “Khi mọi người bắt đầu quan tâm đến vấn đề hút-thuốc-gây-ung-thư, ngành công nghiệp thuốc lá nhận thấy họ không cần giành thắng lợi trong cuộc tranh cãi mà chỉ cần khơi dậy sự nghi ngờ, làm sai lệch suy nghĩ của mọi người. Có nghĩa là: ‘Tôi không cần thuyết phục bạn là tôi đúng. Tôi chỉ cần thuyết phục bạn là những người

khác có thể sai'. Những người trong ngành thuốc lá đã viết một câu nổi tiếng như sau: 'Chúng tôi sản xuất sự nghi ngờ'. Điều này dễ đạt được hơn nhiều [so với chứng minh sự đúng sai]". Một đặc điểm nữa của giới hoài nghi biến đổi khí hậu là mục tiêu của họ là thuyết phục bạn tin rằng cách sống của bạn hoàn toàn ổn. Bản chất con người là "ghi nhớ và bám chặt lấy những gì giúp họ tin vào nhân sinh quan của mình và bỏ qua, lờ đi những điều ngược lại. Hiện tượng này gọi là 'thành kiến niềm tin'" – theo Romm.

Cùng lúc đó, các nhà khoa học, những người có xu hướng tập trung vào những gì họ chưa biết hơn là những gì đã biết, cũng đồng thời là những người có khả năng giao tiếp tồi và chỉ biết bảo vệ quan điểm của họ. Như Romm nói: "Các nhà khoa học chỉ biết sống trong tháp ngà. Họ tin rằng thực tế sẽ giúp họ chiến thắng trong cuộc tranh cãi, sẽ nói hộ quan điểm của họ, và họ không cần phải quảng bá hay nhắc đi nhắc lại những gì họ nghĩ. Và họ thậm chí còn không tin những người lặp lại những gì họ nói hay nói ra chỉ để được nổi tiếng".

Cuối cùng, những chiến dịch vô trách nhiệm chống lại khoa học biến đổi khí hậu đã gây khó chịu đến mức 255 thành viên Viện Hàn lâm khoa học quốc gia – cộng đồng khoa học lớn nhất trong nước – đã ký vào một bức thư mở đăng trên tạp chí *Science* ngày 07/5/2010. Bức thư viết:

Mọi công dân cần phải hiểu một số vấn đề khoa học cơ bản. Trong các kết luận khoa học luôn hàm chứa sự không chắc chắn; khoa học không bao giờ chứng minh được điều gì một cách tuyệt đối. Khi một người nói rằng xã hội nên đợi đến khi giới khoa học hoàn toàn chắc chắn trước khi có bất cứ hành động gì thì ý của người đó là xã hội không nên hành động. Với những vấn đề có nguy cơ gây ra hậu quả nghiêm trọng như biến đổi khí hậu thì không làm gì chính là gây rủi ro lớn nhất đối với hành tinh.

Các kết luận khoa học đều xuất phát từ kiến thức về các quy luật cơ bản cộng với sự hỗ trợ của các thí nghiệm, quan sát tự nhiên và sử dụng mô hình toán học và máy tính. Như tất cả mọi người, các nhà khoa học cũng phạm sai lầm, nhưng quá trình nghiên cứu khoa học được xây dựng là để tìm ra và sửa chữa sai lầm. Quá trình này vốn chứa đựng trong nó sự mâu thuẫn – các nhà khoa học có danh tiếng, được thừa nhận không phải chỉ vì họ chứng minh được những nhận định cũ mà còn vì họ cho thấy những gì giới khoa học thống nhất bấy lâu có thể là sai và họ đưa ra được câu trả lời đúng đắn hơn. Galileo, Pasteur, Darwin và Einstein đã làm được như

vậy. Khi một kết luận khoa học đưa ra được kiểm định, chất vấn và xem xét cẩn thận, xuyên suốt thì có nghĩa là chúng đã trở thành những “học thuyết vững chắc” và thường được gọi là “sự thật”.

Tiếp đó, bức thư liệt kê ra những kết luận khoa học vững chắc về biến đổi khí hậu:

(i) Cả hành tinh đang nóng lên do hàm lượng khí giữ nhiệt trong bầu khí quyển tăng. Một mùa đông có tuyết rơi ở Washington không thể làm thay đổi được thực tế này. (ii) Phần lớn sự tăng lên của hàm lượng khí nhà kính trong suốt thế kỷ vừa qua là do con người gây ra, nhất là khi chúng ta đốt nhiên liệu hóa thạch và phá rừng. (iii) Các nguyên nhân tự nhiên luôn có vai trò nhất định trong sự biến đổi khí hậu của Trái Đất, nhưng ở thời điểm hiện tại, con người mới là thủ phạm chính. (iv) Sự nóng lên của Trái Đất sẽ khiến nhiều kiểu khí hậu thay đổi với tốc độ nhanh chưa từng thấy trong thời hiện đại, trong đó có tốc độ tăng lên của mực nước biển và sự thay đổi của chu kỳ thủy học. Hàm lượng carbon dioxide tăng lên khiến các đại dương bị nhiễm axit cao hơn. (v) Các hiện tượng biến đổi khí hậu phức tạp kết hợp với nhau đang đe dọa các cộng đồng, thành phố ven biển, nguồn cung cấp thực phẩm và nước, hệ sinh thái đại dương và nước ngọt, rừng, môi trường vùng núi cao và nhiều hơn thế.

Hãy bám còi nếu bạn tư duy như Dick Cheney

Từ tổng kết trên, chúng ta có thể kết luận rằng mặc dù trong biến đổi khí hậu thực sự có nhiều điều chưa chắc chắn, nhưng đây là chuyện bao giờ nó sẽ ảnh hưởng lên Trái Đất và theo chiều hướng như thế nào, chứ không phải chuyện có ảnh hưởng hay không. Cộng đồng Nghiên cứu khoa học Sigma Xi đã kết luận trong báo cáo gửi Liên hiệp quốc tháng 2/2007 như sau: trước sự nóng lên của trái đất, phản ứng khôn ngoan duy nhất hiện nay là chiến lược hành động hai lưỡi để “tránh những điều không thể kiểm soát (tức là phải giảm thiểu) và kiểm soát những điều không thể tránh (tức là phải thích ứng)” vì trong tương lai biến đổi khí hậu sẽ còn xảy ra mạnh mẽ dù chúng ta chưa biết chính xác bao giờ và nó sẽ gây ra những tổn hại như thế nào.

Nói cách khác, sự không chắc chắn là lý do để hành động chứ không phải lý do để không hành động. Nói cho cùng, người dân Kansas mua bảo hiểm

cho ngôi nhà của họ không phải vì họ biết chắc một ngày nào đó, một con lốc xoáy sẽ thổi bay nó đi mà vì họ không thể chắc chắn rằng sẽ không có ngày đó. Khi đối mặt với nguy cơ khủng khiếp với hậu quả tồi tệ, sự không chắc chắn là lý do khiến bạn phải hành động – nhất là với khí hậu, vì chuẩn bị bảo hiểm trước rủi ro năng lượng và khí hậu không chỉ để đền bù cho thiệt hại nó gây ra mà còn sinh lợi nhuận. Với hai lý do này, chúng tôi ủng hộ sử dụng “Chiến lược Dick Cheney” để đối phó với vấn đề khí hậu.

Tại sao chiến lược lại mang tên Dick Cheney? Năm 2006, Ron Suskind đã xuất bản cuốn *Học thuyết một phần trăm* (The One Percent Doctrine) về cuộc chiến của nước Mỹ chống lại những kẻ khủng bố sau ngày 11/9. Tên cuốn sách bắt nguồn từ đánh giá của Phó tổng thống Dick Cheney, người mà trước nguy cơ có một nhà khoa học người Pakistan đang định bán bí mật vũ khí hạt nhân cho al-Qaeda đã phát biểu: “Nếu chỉ có 1% khả năng nhà khoa học người Pakistan sẽ giúp Al Qaeda phát triển vũ khí hạt nhân thì chúng ta vẫn phải đối phó như trong trường hợp điều đó chắc chắn xảy ra”. Cheney cho rằng nước Mỹ phải đối mặt với một nguy cơ hết sức mới: một “sự kiện có xác suất xảy ra thấp nhưng hậu quả rất nghiêm trọng”.

Ngay sau khi cuốn sách của Suskind được xuất bản, luật gia Cass Sunstein thuộc Đại học Chicago đã chỉ ra rằng Cheney có vẻ như cũng đang theo “nguyên tắc cảnh báo” giống các nhà môi trường. Sunstein viết trên blog của ông: “Theo nguyên tắc cảnh báo thì với những sự kiện có xác suất xảy ra thấp nhưng hậu quả rất nghiêm trọng như biến đổi khí hậu chẳng hạn, chúng ta phải có phản ứng mạnh mẽ, tích cực. Thực tế là một Phó tổng thống khác là Al Gore cũng được coi là đã sử dụng nguyên tắc cảnh báo khi nói đến biến đổi khí hậu (mặc dù ông tin rằng xác suất xảy ra thảm họa do biến đổi khí hậu lớn hơn 1% nhiều).

Khuynh hướng suy nghĩ của Cheney trước nguy cơ các quốc gia ma quỷ nắm giữ vũ khí hạt nhân chính là khung tư duy đúng đắn đối với vấn đề khí hậu. Đây hoàn toàn là trò “oản tù tì”. Chúng ta chưa bao giờ gặp phải tình huống này, nhưng chúng ta biết hai điều. Thứ nhất, lượng CO₂ chúng ta thải ra sẽ tồn tại trong bầu khí quyển hàng nghìn năm, vì vậy trong thực tế nó đúng là tình huống “không thể đảo ngược” (trừ khi có một công nghệ nào đó chưa ra đời thuộc ngành khoa học trái đất, cho phép tách khí nhà kính từ không khí). Thứ hai, lượng CO₂ đang tăng dần, khi đạt đến một điểm nhất định thì có thể sẽ làm hiện tượng nóng lên của trái đất bùng phát “khủng khiếp” đến mức con người chưa từng trải qua. Chúng ta không biết chắc

chấn (và cũng không thể chắc chắn, đến khi biết thì đã quá muộn) điều đó sẽ xảy ra hay không, nhưng chúng ta biết rằng nó *có thể* xảy ra. Vì không thể đảo ngược quá trình gia tăng khí nhà kính và tác động của nó có thể là “thảm họa”, tức là có thể khiến cho hệ sinh thái trên Trái Đất bị ảnh hưởng nghiêm trọng, không thể phục hồi, đến mức làm thay đổi hoàn toàn cuộc sống bình thường của loài người nên hành vi sáng suốt, khôn ngoan và *thận trọng* nên làm là lo bảo hiểm trước.

Đặc biệt càng nên chuẩn bị bảo hiểm khi mọi phản ứng của chúng ta luôn có cơ hội biến thành lợi nhuận và đóng vai trò như liều thuốc cho mọi rắc rối liên quan đến năng lượng/khí hậu hình thành từ năm 1979 đến nay. Giả sử chúng ta đã chuẩn bị đối phó với biến đổi khí hậu bằng cách dần dần xây dựng một nền kinh tế dựa trên hệ thống năng lượng sạch, nếu biến đổi khí hậu hóa ra không gây hậu quả xấu như chúng ta tưởng tượng thì sao? Trong giai đoạn chuyển đổi, có thể giá năng lượng sẽ cao hơn, nhưng công nghệ mới sẽ đem lại năng lượng sạch cộng với hiệu suất sử dụng năng lượng tốt hơn trên diện rộng nhờ được sản xuất hàng loạt. Rất nhanh, giá năng lượng tăng lên nhưng hóa đơn tiền điện chúng ta phải chi trả sẽ thấp hơn, phát thải khí nhà kính cũng giảm, đồng thời công nghệ mới sẽ nhanh chóng làm tăng hiệu suất sử dụng năng lượng, nhờ đó chúng ta sản xuất ra được nhiều điện hơn với đầu vào nhiên liệu ít hơn và chi phí rẻ hơn. Trong báo cáo *Giải pháp hiệu suất sử dụng năng lượng cho nền kinh tế Mỹ* năm 2009, công ty tư vấn McKinsey cho biết nếu đến năm 2020, toàn bộ nền kinh tế Mỹ cùng thực hiện các giải pháp thực sự nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng có chi phí hợp lý thì chúng ta sẽ tiết kiệm được lượng năng lượng có tổng giá trị hơn 1,2 nghìn tỷ dollar – cao gấp hơn hai lần so với số tiền 520 tỷ dollar đầu tư vào các giải pháp đó trong thời gian tương ứng. Tăng hiệu suất sử dụng năng lượng sẽ giúp chúng ta tiết kiệm được số tiền nhiều gấp đôi chi phí bỏ ra. Đồng thời, khi tìm cách bảo hiểm cho mình thông qua việc bắt đầu chuyển sang năng lượng sạch, nền kinh tế Mỹ cũng có nâng cao được sức cạnh tranh trong một lĩnh vực chắc chắn sẽ là ngành công nghiệp mới trên toàn cầu. Thậm chí, nếu sự nóng lên của trái đất hoàn toàn không tồn tại đi nữa thì thực tế rằng dân số của hành tinh đang tăng từ 6,8 tỷ người hiện nay lên 9,2 tỷ người năm 2050, cộng với việc có ngày càng nhiều người sẽ sống trong những ngôi nhà to như nhà của người Mỹ, lái những chiếc xe to như ô tô của người Mỹ và ăn bánh Big Mac như người Mỹ, cũng có nghĩa là nhu cầu trên toàn thế giới đối với dầu mỏ, than đá và khí tự nhiên sẽ tăng đáng kể. Nhiên liệu hóa thạch sẽ có giá cao hơn, ô nhiễm tạo ra sẽ nhiều hơn.

Do vậy, cầu đối với năng lượng tái tạo sạch sẽ tăng lên, và cầu tăng dẫn tới cung phải tăng theo. Nói cách khác, có đủ lý do để tin rằng năng lượng sạch sẽ nối tiếp công nghệ thông tin, trở thành ngành công nghiệp thống trị thế giới – sự thịnh vượng của các nước giàu có nhất sẽ phụ thuộc vào nó. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ 12 ban hành tháng 3/2011, Trung Quốc đã đặt cược vào ngành năng lượng sạch với dự kiến phát triển năng lượng tái tạo là yếu tố quan trọng nhất đảm bảo an ninh năng lượng trong thập kỷ tới. Theo đó, phát triển năng lượng mặt trời và năng lượng hạt nhân sẽ đóng vai trò chủ đạo.

Hơn nữa, năng lượng tái tạo lại phụ thuộc vào công nghệ mới – lĩnh vực mà Mỹ luôn dẫn đầu thế giới. Hiện Trung Quốc đang tìm cách chiếm vị trí số một của Mỹ. “Năm ngoái, sản lượng pin mặt trời của các nhà sản xuất Trung Quốc chiếm hơn một nửa tổng sản lượng trên toàn thế giới” – theo Keith Bradsher, phóng viên kinh tế của báo *New York Times* tại Hồng Kông (ngày 14/01/2011). “Thị phần của họ tại thị trường Mỹ đã tăng gấp gần sáu lần trong hai năm qua, lên tới 23% vào năm 2010 và vẫn tiếp tục tăng rất nhanh... Ngoài năng lượng mặt trời, Trung Quốc còn vượt qua Mỹ, trở thành nhà sản xuất và lắp đặt turbine gió lớn nhất thế giới”. Bradsher còn cho biết thêm là từ năm 2007, Trung Quốc đã là quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng các nhà máy nhiệt điện than có hiệu suất cao, ít gây ô nhiễm môi trường. Họ đã nắm được công nghệ và giảm chi phí. “Trong khi Mỹ vẫn tranh cãi về việc có nên xây dựng loại nhà máy nhiệt điện than có hiệu suất cao hơn nhờ sử dụng nồi hơi cực nóng hay không thì Trung Quốc đã bắt tay vào thực hiện với tốc độ một nhà máy một tháng” – Bradsher viết (ngày 10/5/2009). Ngoài ra, Trung Quốc cũng có số lượng nhà máy điện hạt nhân vượt xa tổng số nhà máy điện hạt nhân của tất cả các nước còn lại trên thế giới cộng lại.

Mỹ không hề có những quy định, tiêu chuẩn, quy tắc và tín hiệu giá – tức hệ thống thị trường – để khuyến khích hàng nghìn nhà sáng tạo xanh ở hàng nghìn garage* xanh tìm kiếm những công nghệ đột phá, đem lại cho chúng ta thật nhiều nguồn năng lượng dồi dào, rẻ tiền, đáng tin cậy và không phát thải carbon. Năng lượng mặt trời là “ngành công nghiệp do chúng ta đi tiên phong phát minh ra”, Phyllis Cuttino, giám đốc Chương trình Năng lượng sạch của Quỹ tín thác từ thiện Pew cho biết. “Chúng ta từng là nhà sản xuất pin mặt trời số một thế giới, nhưng giờ vị trí này đã thuộc về Trung Quốc và Đức. Năm 2008, chúng ta dẫn đầu thế giới trong đầu tư tư nhân và tài trợ

* Tác giả ngụ ý các nhà phát minh thường bắt đầu từ các “phòng thí nghiệm” đặt ở garage nhà mình.

cho năng lượng sạch. Năm 2009, Trung Quốc mới là quốc gia hàng đầu với số tiền đầu tư 54 tỷ dollar, Đức cũng thu hút được 41 tỷ dollar, còn chúng ta chỉ có 34 tỷ dollar”.

Theo Cuttino, lý do chính khiến Đức và Trung Quốc nổi lên trong lĩnh vực năng lượng sạch là cả hai nước đều áp dụng “các công cụ chính sách có tác dụng tạo ra nhu cầu lớn ở trong nước”. Nếu chúng ta bắt buộc các tòa nhà, xe tải, ô tô con và nhà máy nhiệt điện phải đáp ứng được tiêu chuẩn hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao thì sẽ khuyến khích được các công ty Mỹ cải tiến công nghệ, qua đó có vị thế cạnh tranh tốt hơn trên toàn cầu. Ngược lại, khi chúng ta hạ thấp các tiêu chuẩn thì chúng ta sẽ gặp phải các đối thủ cạnh tranh có chi phí thấp, tiêu chuẩn thấp.

Ngoài tiềm năng sinh ra những ngành công nghiệp mới, việc ứng phó nghiêm túc với biến đổi khí hậu và giải quyết con nghiện dầu chắc chắn sẽ đem lại cho chúng ta nhiều lợi thế chiến lược. Dưới sự lãnh đạo của Ray Mabus, bộ trưởng Hải quân* dưới thời Tổng thống Obama và là cựu Đại sứ Mỹ tại Saudi Arabia, lực lượng hải quân và thủy quân lục chiến Mỹ không chờ đợi chính phủ. Với nguồn lực tự tìm kiếm, họ đã xây dựng chiến lược “xanh hơn” các lực lượng al-Qaeda, Taliban và các quốc gia dầu mỏ độc tài. Nỗ lực của hải quân Mỹ xuất phát từ một nghiên cứu sử dụng dữ liệu năm 2007 của Bộ Quốc phòng, theo đó cứ 24 giờ hộ tống vận chuyển nhiên liệu và nước ở Afghanistan, quân đội Mỹ lại có một người chết hoặc bị thương. Hiện tại, quân đội Mỹ cần hàng trăm chuyến hộ tống như vậy mỗi tháng để vận chuyển nhiên liệu phục vụ máy điều hòa nhiệt độ và chạy máy phát điện diesel tại các căn cứ quân sự trên khắp lãnh thổ Afghanistan.

Vào ngày 22/4/2010 – ngày Trái Đất, hải quân Mỹ đã cho cất cánh loại máy bay quân sự F/A-18 Super Hornet, dùng hỗn hợp nhiên liệu xăng máy bay truyền thống và nhiên liệu sinh học từ dầu hạt cải với tỷ lệ 50:50. Chiếc máy bay này bay với tốc độ tương đương Mach 1.2** (tức 850 dặm/giờ, tương đương 1.368 km/giờ) và khi sử dụng nhiên liệu sinh học thì vận tốc đạt đến Mach 1.7 (gần 1.300 dặm/giờ, tương đương 2.092 km/giờ) mà không hề bị trục trặc một lần nào. Scott Johnson, tổng giám đốc công ty Sustainable Oils

* Bộ trưởng Hải quân (*Secretary of the Navy*) là viên chức dân sự đứng đầu Bộ Hải quân. Chức vụ này từng là một thành viên nội các cho đến năm 1947 khi Hải quân, Lục quân và quân chủng mới được thành lập là Không quân được đặt dưới quyền của Bộ Quốc phòng và bộ trưởng Hải quân được đặt dưới quyền của bộ trưởng Quốc phòng.

** Số Mach: đại lượng vật lý biểu hiện tỷ số giữa vận tốc chuyển động của vật thể trong một môi trường nhất định đối với vận tốc trong môi trường đó.

– nơi sản xuất ra nhiên liệu sinh học từ dầu hạt cải đã phát biểu trên tạp chí *Biofuels Digest*: “Thật tuyệt vời khi chúng kiến nhiên liệu sinh học đem lại tốc độ vượt qua tốc độ ánh sáng”.

Mabus tin rằng nếu hải quân và thủy quân lục chiến Mỹ có thể triển khai loại máy phát điện chạy bằng năng lượng tái tạo ở Iraq và Afghanistan; sử dụng nhiều hơn các lều quân sự có hiệu suất sử dụng năng lượng cao; các tàu thủy chạy bằng năng lượng hạt nhân, nhiên liệu sinh học và động cơ hybrid; các máy bay dùng nhiên liệu sinh học thì họ sẽ có ưu thế rất lớn so với lực lượng Taliban và các lực lượng thù địch khác.

Vẫn còn một chặng đường dài, nhưng rất đáng phấn khởi khi chúng kiến Lầu Năm góc vươn lên đi đầu trong lĩnh vực này. Cũng không có gì ngạc nhiên vì đối với lực lượng thủy quân lục chiến, đây là chuyện sống còn. Cách tốt nhất để tránh bị đánh bom ở vệ đường là không phải vận chuyển nhiên liệu trên đường nữa. Tương tự, cách tốt nhất để không phải quy lụy những kẻ độc tài dầu mỏ là xóa bỏ hoặc giảm nguồn thu nhập duy nhất họ có. Và cách tốt nhất để cắt giảm chi phí cho quân đội Mỹ mà không gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia cũng là giảm con nghiện dầu của chính chúng ta và của cả thế giới. Khi làm tầm quan trọng của dầu giảm xuống thì chúng ta cũng giảm được lực lượng quân sự cần thiết để bảo vệ dòng dầu di chuyển từ Vùng Vịnh tới phần còn lại của thế giới. Và tất nhiên, giảm dầu nhập khẩu sẽ làm tăng giá trị đồng dollar. Hiện tại, mỗi ngày người Mỹ phải chuyển hơn 1 tỷ dollar ra nước ngoài để mua cả dầu thô và các sản phẩm lọc dầu từ khắp thế giới. Nếu có thể giảm được con số này nhờ sử dụng nhiên liệu hiệu quả và năng lượng sạch thì Mỹ sẽ cải thiện được thâm hụt thương mại. Ngoài ra, chúng ta còn được hưởng thêm lợi ích vì được hít thở không khí sạch hơn, hóa đơn khám chữa bệnh nhờ đó rẻ hơn.

Mỗi hành động nói trên đều yêu cầu phải áp dụng một chính sách riêng về năng lượng và khí hậu. Tất cả chúng kết hợp với nhau sẽ tạo nên một lực đẩy vô cùng mạnh mẽ. Không một biện pháp riêng lẻ nào có thể giúp nước Mỹ trở nên hùng mạnh hơn, sáng tạo hơn, an toàn hơn và được tôn trọng hơn một chiến lược năng lượng hợp lý: định giá cho carbon, hoặc tăng thuế xăng, hoặc xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất sử dụng nhiên liệu cho mọi công trình và nhà ở. Vì vậy, coi sự nóng lên của trái đất là trò lừa đảo và từ chối tất cả các bước nhằm giảm con nghiện dầu chính là tuyên chiến không chỉ với vật lý mà còn cả với lợi ích quốc gia cũng như những hiểu biết cơ bản nhất.

Trung Quốc có giải pháp khác. “Ở Trung Quốc không ai tranh luận về biến đổi khí hậu”, Peggy Liu, Chủ tịch Ủy ban hợp tác Mỹ - Trung về năng lượng sạch cho biết. Ủy ban này là một nhóm công tác phi lợi nhuận nhằm đẩy mạnh quá trình xanh hóa Trung Quốc. “Hầu hết giới lãnh đạo Trung Quốc đều là kỹ sư hoặc nhà khoa học, họ không mất thời gian nghi ngờ những dữ liệu mang tính khoa học”. Trung Quốc bị ô nhiễm không khí nặng nề hơn nhiều so với Mỹ vì họ sử dụng một lượng than rẻ tiền khổng lồ. Hậu quả là họ gặp phải những vấn đề sức khỏe nghiêm trọng, may mắn cho nước Mỹ là chúng ta không gặp phải. Vì vậy, động lực xanh hóa Trung Quốc “là cuộc tranh luận về sức khỏe và sự thịnh vượng. Không cần nói đến hậu quả trong tương lai khi ngay ở hiện tại, mọi người đã phải chứng kiến, phải ăn, phải hít thở bầu không khí bị ô nhiễm hàng ngày”. Và vì với Trung Quốc, ô nhiễm nặng nề có nghĩa là cuộc sống, không khí, nước và hệ sinh thái bị tàn phá, tiền bạc đều bị phí phạm, mà tiền bạc bị phí phạm có nghĩa là xã hội có ít việc làm hơn, chính trị bất ổn hơn nên chính phủ Trung Quốc rất quan tâm. Khi nâng cao hiệu suất sử dụng nhiên liệu, Trung Quốc cùng lúc đạt được ba mục tiêu. Họ tiết kiệm được tiền, chiếm được vị trí dẫn đầu trong ngành công nghiệp tương lai của cả thế giới và được thế giới tôn trọng vì góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu.

Tại sao Mỹ không học tập được Trung Quốc? Tại sao Mỹ lại thất bại thảm hại đến thế trong việc giải quyết các thách thức liên quan đến biến đổi khí hậu và năng lượng?

Khoa học và chính trị

Ban đầu, biến đổi khí hậu diễn ra từ từ và chắc sẽ không gây ra một sự kiện nào chấn động như Trân Châu Cảng, nhưng sau đó mọi chuyện sẽ là quá muộn. Có nghĩa là biến đổi khí hậu là một trong những vấn đề diễn ra chậm chạp và chưa được giải quyết – giống như thâm hụt ngân sách, trong đó tồn tại khoảng cách rất lớn giữa một bên là nguyên nhân và thủ phạm, bên kia là hậu quả và những người phải chịu hậu quả nặng nề nhất. Hậu quả xảy ra chậm hơn nhiều so với nguyên nhân.

Ví dụ, mọi ảnh hưởng của sự nóng lên của trái đất mà chúng ta đang trải qua, dù là tương đối nhẹ nhàng đều là hậu quả của lượng phát thải khí CO₂ từ hàng chục năm trước, khi Trung Quốc, Ấn Độ và Brazil còn chưa trở thành

những thế lực kinh tế mới. Và lượng phát thải mà chúng ta đang đưa vào bầu khí quyển hiện nay sẽ ảnh hưởng lên đời cháu chúng ta vào năm 2050. Khi con người không thể thấy ngay tác động của những hành vi mà các nhà khoa học cho rằng rất nguy hiểm thì thật khó để mọi người chung tay nỗ lực chấm dứt chúng. Nhưng điều đó cũng có nghĩa là nếu và khi chúng ta phải đối mặt với hậu quả về mặt môi trường nghiêm trọng ngang với sự kiện Trân Châu Cảng thì phản ứng của chúng ta sẽ phải cực kỳ bao quát và mạnh mẽ.

“Trong trường hợp này thì thời gian thực sự là kẻ thù” – lời Hal Harvey, cựu tổng giám đốc điều hành Quỹ Công trình khí hậu, mục tiêu hoạt động là khuyến khích các giải pháp tốt nhất trong thực tế về quản lý năng lượng và giảm thiểu biến đổi khí hậu trên toàn cầu. “Những sự kiện diễn ra đột ngột như bị kim chích hay một cơn lốc thường khiến bạn phải ngay lập tức chú ý. Nhưng chúng ta lại không hay để ý đến những thứ hình thành trong nhiều năm hay nhiều thập kỷ”.

Một lý do khác khiến chúng ta vẫn trì hoãn, chưa có hành động chống sự nóng lên của trái đất là chúng ta cần phải định giá cho carbon và áp dụng tiêu chuẩn hiệu suất sử dụng nhiên liệu chặt chẽ hơn. Các chính trị gia không muốn làm cả hai nên họ càng không muốn nhắc đến việc đó. Trước đây chúng ta không thể. Dưới sự lãnh đạo của các tổng thống Gerald Ford và Jimmy Carter, nước Mỹ đã phản ứng lại chiến dịch cắt giảm cung dầu mỏ hồi năm 1973 - 1974 của các nước Ả Rập bằng cách áp dụng tiêu chuẩn sử dụng nhiên liệu cao hơn đối với ô tô con và xe tải. Năm 1975, với sự ủng hộ mạnh mẽ của cả hai đảng, Quốc hội đã thông qua Đạo luật Bảo tồn và Chính sách Năng lượng, trong đó quy định các tiêu chuẩn sử dụng nhiên liệu trung bình cho các nhà sản xuất, buộc họ phải tăng hiệu suất sử dụng nhiên liệu của các loại ô tô mới sản xuất lên gấp đôi, đạt 27,5 dặm/gallon (11,69 km/lít) trong vòng 10 năm. Kết quả là, theo Amory Lovins thuộc Viện Rocky Mountain, “trong tám năm từ 1977 đến 1985, năng suất khai thác dầu của Mỹ đã tăng với tốc độ 5,2% một năm; lượng dầu nhập khẩu giảm 50%, trong đó dầu nhập khẩu từ Vùng Vịnh giảm 87%. Trong một thập kỷ, chúng ta đã phá vỡ được quyền làm giá của OPEC khi làm giảm sản lượng dầu bán ra của họ đi một nửa”. Giá dầu giảm mạnh xuống còn dưới 15 dollar một thùng. Lovins nói thêm: “Với những cải tiến công nghệ hiện nay, chúng ta có thể lặp lại kịch bản cũ một cách xuất sắc hơn nhiều, và hãy tưởng tượng ảnh hưởng nó tạo ra sẽ lớn đến mức nào”.

Chính một tổng thống Cộng hòa, Richard Nixon, đã ký ban hành đạo luật

môi trường đầu tiên của nước Mỹ nhằm giải quyết những vấn đề môi trường đầu tiên mà chúng ta gặp phải: ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước và chất thải độc hại. Cụ thể, ông đã thúc ép Quốc hội thông qua Đạo luật Không khí sạch đáng ghi nhớ năm 1970, và để giám sát hoạt động bảo vệ môi trường, ông thành lập Bộ Tài nguyên thiên nhiên và Cơ quan Bảo vệ môi trường (EPA).

Chính bộ trưởng Ngoại giao của Ronald Reagan, George Shultz là người phụ trách đàm phán Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ozone – một thỏa thuận quốc tế bước ngoặt được xây dựng nhằm bảo vệ lớp ozone thuộc tầng bình lưu, có vai trò bảo vệ Trái Đất khỏi tia cực tím. Và chính Tổng thống George H. W. Bush là người đưa ra ý tưởng về hệ thống “mua bán quyền phát thải” để giải quyết các vấn đề môi trường. Bạn hoàn toàn không đọc nhầm đâu.

Trong bài báo nhan đề “Lịch sử chính trị của hệ thống mua bán quyền phát thải” được in trong tạp chí *Smithsonian* (tháng 8/2009), Richard Conniff đã kể lại chi tiết câu chuyện bằng cách nào mà “các nhà môi trường và phe bảo thủ bảo vệ thị trường tự do lại có thể hòa hợp với nhau để cùng xây dựng nên chiến lược có tên là hệ thống mua bán quyền phát thải”. Conniff viết:

Giả định cơ bản của hệ thống mua bán quyền phát thải là chính phủ không cần cho người gây ô nhiễm biết họ phải giảm thải như thế nào mà chỉ đơn giản là cấp cho họ hạn ngạch phát thải. Mỗi năm, mỗi công ty được cấp một lượng phát thải nhất định đo bằng tấn, gọi là quyền phát thải. Các công ty tự quyết định cách sử dụng quyền phát thải này. Họ có thể giảm sản lượng, hoặc chuyển sang sử dụng loại nhiên liệu sạch hơn, hoặc mua thiết bị lọc khí thải để giảm lượng phát thải. Nếu không dùng hết quyền phát thải, một công ty có thể bán phần hạn ngạch thừa cho công ty khác. Ngược lại, một công ty khác cũng có thể phải mua thêm quyền phát thải trên thị trường. Mỗi năm, hạn ngạch phát thải lại được siết chặt hơn, và quyền phát thải ngày càng đắt hơn...

Để toàn bộ hệ thống này vận hành được trong thực tế cần sự đột phá về niềm tin. Cơ hội xuất hiện khi George H. W. Bush giành thắng lợi trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1988. [Chủ tịch Quỹ Bảo vệ môi trường] Fred Krupp đã gọi điện cho cố vấn luật mới của Nhà Trắng [C. Boyden Gray] và đề xuất cách tốt nhất để Bush giữ được lời hứa sẽ trở thành một “vị tổng thống vì môi trường” là giải quyết vấn đề mưa axit, và cách tốt nhất để giải quyết mưa axit là đưa ra công cụ mới: mua bán quyền phát thải. Gray rất thích giải pháp theo hướng thị trường, thậm chí khi chính phủ Reagan

còn chưa hết nhiệm kỳ, ông đã yêu cầu các nhân viên của Quỹ Bảo vệ môi trường soạn thảo dự luật cho công cụ mới...

John Sununu, chánh văn phòng Nhà Trắng nổi giận. Ông nói quyền phát thải “sẽ làm cho nền kinh tế đi xuống” – Boyden nhớ lại. Nhưng cuộc tranh luận nội bộ “diễn ra rất, rất nhanh. Chúng tôi không có thời gian để bàn tán nhiều”. Tổng thống Bush không những nhất trí với hệ thống quyền phát thải mà còn bác bỏ đề xuất của các cố vấn là đặt mục tiêu giảm 8 triệu tấn phát thải gây mưa axit mỗi năm và ủng hộ mục tiêu giảm 10 triệu tấn theo ý kiến của các nhà môi trường...

Gần 20 năm sau khi Đạo luật Không khí sạch năm 1990 được ký ban hành, hệ thống mua bán quyền phát thải vẫn tiếp tục là công cụ giúp những người gây ô nhiễm tìm được giải pháp rẻ tiền nhất để giảm lượng phát thải gây mưa axit.

Nhưng đảng Cộng hòa của ngày nay đã khác trước. Một cuộc điều tra do Trung tâm nghiên cứu Pew về Con người và báo chí thực hiện vào tháng 10/2010 cho thấy: “đa số – tương đương 53% – đảng viên Cộng hòa nói rằng không có bằng chứng xác thực nào chứng minh trái đất đang nóng lên. Trong nhóm Tea Party của đảng Cộng hòa, có đến 70% nói rằng không hề có bằng chứng cho điều đó. Hiện tượng đảng Cộng hòa không tin vào sự nóng lên của trái đất mới chỉ xảy ra gần đây. Chỉ vài năm trước, năm 2007, 62%, tức đa số đảng Cộng hòa nói rằng có bằng chứng xác thực về sự nóng lên của trái đất trong khi chưa đến 1/3 (31%) khẳng định điều ngược lại”.

Không phải đảng viên Cộng hòa nào cũng vui mừng trước điều đó. Sherwood Boehlert, đảng viên Cộng hòa đại diện cho Quận 24 thuộc New York tại Quốc hội từ năm 1983 đến 2007 đã phát biểu trên báo *Washington Post* (ngày 19/11/2010):

Tôi kêu gọi các bằng hữu trong đảng Cộng hòa hãy có thái độ cởi mở, suy nghĩ lại về một vấn đề gần như đã trở thành phương châm trong đảng hiện nay: không thừa nhận biến đổi khí hậu và sự nóng lên của trái đất đang tồn tại và chủ yếu do con người gây ra. Tháng trước, tờ *National Journal* cho biết 19 trong số 20 ứng cử viên Thượng viện quan trọng của đảng Cộng hòa tuyên bố rằng ngành khoa học biến đổi khí hậu hoặc là thiếu thuyết phục, hoặc là hoàn toàn sai. Rất nhiều thành viên mới thuộc đảng Cộng hòa trong Hạ viện cũng có quan điểm tương tự. Đây là thái độ coi

thường kết quả nghiên cứu của Viện Khoa học quốc gia, các viện hàn lâm khoa học trên khắp thế giới và 97% các nhà khí tượng học... Chúng ta có ác cảm tự nhiên với việc chính phủ ban hành thêm quy định. Nhưng thái độ này chỉ nên có trong cuộc tranh cãi về cách thức đối phó với biến đổi khí hậu chứ không thể là lý do để chối bỏ sự tồn tại của nó... Các bằng hữu Cộng hòa của tôi nên hiểu rằng thái độ chối bỏ hoàn toàn khoa học mà chỉ dựa vào ý chí hoặc động cơ lợi ích đặc biệt là một chính sách nguy hiểm. Và trong dài hạn, nó còn là một thái độ chính trị nguy hiểm. Điều gì đang xảy ra với đảng của Ronald Reagan? Ông tin tưởng vào kiến thức khoa học về môi trường và ô nhiễm, và ông tự hào khi đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu các chất hóa học làm suy giảm tầng ozone. Đây mới là một chính sách tốt, một thái độ chính trị tốt.

Ngoài ra, còn một yếu tố khác đang ngăn cản các đạo luật chống biến đổi khí hậu có hiệu lực: Theo quy định của Thượng viện, giờ đây cần 60 phiếu thuận mới loại bỏ được tình trạng cản trở thông qua các dự luật* để những quy định quan trọng trở nên có hiệu lực. Lấy ví dụ đạo luật về thay đổi toàn bộ hệ thống năng lượng. Trong hai năm đầu nhiệm kỳ tổng thống của Obama, đại đa số các thượng nghị sỹ Dân chủ đã sẵn sàng thông qua đạo luật mua bán quyền phát thải Waxman-Markey. Nhưng mặc dù phe Dân chủ chiếm 60 phiếu đa số, họ chỉ có thể tập hợp được 50 đến 52 phiếu thuận vì các đảng viên Dân chủ của các bang có khai thác than và dầu mỏ không nhất trí với họ. Tuy nhiên, họ có thể vận động được 10 người thuộc phe Cộng hòa ủng hộ họ hoặc đề xuất một giải pháp đơn giản hơn so với hệ thống mua bán quyền phát thải – thuế carbon chẳng hạn.

Nói cho cùng, như Thượng nghị sỹ Lindsey Graham, bang South Carolina kể lại với Tom trong cuộc phỏng vấn tháng 2/2007 khi đạo luật này đang được thảo luận: với nước Mỹ cũng như với đảng của ông, việc đưa ra một đạo luật năng lượng sạch có vai trò sống còn. “Tôi đã đến nhiều trường đại học, đủ để biết rằng với một người dưới 30 tuổi thì không có gì phải bàn cãi về vấn đề khí hậu. Nó đã là một giá trị xã hội. Thế hệ trẻ này lớn lên cùng với việc tham gia tái chế chất thải và họ có sự nhạy cảm với môi trường – và thế giới sẽ tốt đẹp hơn nhờ giá trị ấy... Từ quan điểm của đảng Cộng hòa, chúng ta

* Khi có Thượng nghị sỹ nào đó cản trở Thượng viện thông qua một dự luật bằng cách phát biểu dài dòng để trì hoãn, Thượng viện có thể giải quyết bằng cách bỏ phiếu quyết định hạn chế thời gian xem xét vấn đề đó chỉ trong vòng 30 giờ đồng hồ nữa. Điều này được thông qua nếu có 3/5 Thượng viện, thường tương đương 60 người bỏ phiếu thuận.

nên ủng hộ, nên đi theo chứ không nên coi nhẹ nó. Bạn có thể tranh luận nghiêm túc về khoa học biến đổi khí hậu, nhưng nếu bạn nói rằng những người tin vào biến đổi khí hậu đều là kẻ dối trá, lập dị thì tương lai của đảng sẽ gặp nhiều rủi ro với thế hệ trẻ”.

Giải pháp đem lại sự thịnh vượng cho tiểu bang bảo thủ của Graham là không bàn luận về “biến đổi khí hậu” nữa. Thay vào đó, ông coi thách thức năng lượng của nước Mỹ là nguyên nhân khiến chúng ta cần “giải quyết ô nhiễm carbon”, “độc lập về năng lượng” và “tạo ra nhiều việc làm tốt hơn, ngành công nghiệp mới hơn cho dân chúng bang South Carolina”. Ông đề xuất “định giá cho carbon”, trước hết là bằng việc đánh thuế carbon tập trung thay vì áp dụng hệ thống mua bán quyền phát thải trên toàn quốc để khuyến khích cả người tiêu dùng và nhà sản xuất đầu tư và mua các sản phẩm năng lượng sạch. Ông đề cập đến năng lượng hạt nhân, và nhấn mạnh việc phải cho phép khoan khai thác dầu khí ngoài biển nhiều hơn để cung cấp nhiều nguồn nhiên liệu trong nước hơn khi chúng ta bước vào giai đoạn chuyển đổi sang nền kinh tế năng lượng sạch vốn sẽ kéo dài.

Theo Graham, “bạn sẽ không bao giờ độc lập về năng lượng nếu không định giá cho carbon. Công nghệ không có vai trò gì chừng nào bạn chưa làm việc đó. Sử dụng năng lượng hạt nhân là một vụ đánh cược để có không khí sạch hơn. Sử dụng năng lượng gió và mặt trời cũng vậy. Bạn đánh cược với giả định rằng không khí sạch sẽ mang lại lợi nhuận cao hơn so với không khí bẩn, và cách duy nhất để có không khí sạch là chính phủ phải sử dụng cả cây gậy chứ không chỉ củ cà rốt”. Nền kinh tế và việc làm trong tương lai của nước Mỹ sẽ gắn chặt với việc làm sạch không khí, và trong quá trình này, chúng ta sẽ trở thành một đất nước độc lập về năng lượng, an ninh quốc gia cũng được cải thiện”. Graham nói thêm: Hãy nhớ rằng “hiện nay, chúng ta còn phụ thuộc vào dầu mỏ nhập khẩu hơn cả giai đoạn sau sự kiện 11/9. Một sai lầm về mặt chính trị, và mọi thành viên của Quốc hội đều có trách nhiệm trong đó”.

Với chúng tôi, cách tiếp cận bảo thủ không có gì bất ổn. Nhưng không may là không một thượng nghị sỹ nào khác của đảng Cộng hòa hợp tác với Graham khi ông cùng với các thượng nghị sỹ Joseph Lieberman và John Kerry soạn thảo dự luật xây dựng một cơ chế phức tạp nhằm định giá carbon – ông không bao giờ gọi là thuế carbon nhưng nó cũng tương đương như thế. Ryan Lizza đã kể lại việc Thượng viện không thể thông qua đạo luật năng lượng trên báo *New Yorker* (ngày 11/10/2010) như sau: những thượng nghị sỹ Cộng

hòa tin tưởng sự lãnh đạo của Graham đã bị tấn công dồn dập bởi lời buộc tội rằng những gì họ làm là tăng thuế và giảm việc làm. Hậu quả là tất cả bọn họ, lần lượt từng người phải lùi bước, kể cả Graham. Nguyên nhân chính là thái độ chính trị trong nội bộ đảng Cộng hòa. Lizza viết: “Một nhân vật tham gia đàm phán dự luật đã kể lại rằng Graham nói với Lieberman và Kerry là họ phải cố hết sức trong quá trình đàm phán đạo luật ‘trước khi kênh Fox News nghe ngóng được rằng những gì họ đang làm là nghiêm túc’. Theo ông: ngay khi [phát thanh viên của kênh Fox] chú ý đến chúng ta, tất cả bọn họ sẽ chỉ nhắc đến quyền phát thải và thuế – một thảm họa trên sóng truyền hình. Chúng ta phải cố làm nhanh hết sức có thể’. Không may là ông đã không làm được. Fox biết, và Graham phải lùi bước. Dự thảo luật cũng chết theo.

Thêm vào đó, những người có lợi ích đặc biệt trong các ngành dầu mỏ, than đá và khí đốt và Phòng Thương mại Mỹ đã quyên góp tiền cho chính trị trên diện rộng để đảm bảo không có chuyện gì xảy ra ảnh hưởng đến họ. Lizza viết: “Giải pháp Mỹ – một tổ chức chính trị xã hội của Newt Gingrich có nhà tài trợ lớn nhất là các nhóm lợi ích thuộc ngành than và cung cấp điện – bắt đầu tấn công Gramham với một loạt liên tiếp các bài báo trên mạng về ‘đạo luật thuế xăng Kerry - Graham - Lieberman’”.

Trong khi đó, Tổng thống Obama ra quyết định ông sẽ không đầu tư thêm nhiều vốn chính trị để thúc đẩy quá trình thông qua các quy định về năng lượng sạch, định giá cho carbon hay tích cực bắt bẻ những người không thừa nhận biến đổi khí hậu nữa. Các cố vấn chính trị của ông cho rằng những việc đó không có tác động tích cực trong cuộc bầu cử 2012. Thay vì thay đổi nội dung trung cầu, tổng thống quyết định chỉ đọc kết quả.

Vì vậy, năm 2010 trở thành mô hình thu nhỏ của mọi yếu tố làm chúng ta mất dần năng lực làm được một điều gì lớn lao, hoặc thậm chí làm một điều dù là nhỏ bé để giải quyết thách thức năng lượng và khí hậu. Phe Dân chủ thì hèn nhát, còn phe Cộng hòa lại điên khùng. Đảng Dân chủ hiểu rõ thế giới chúng ta đang sống, nhưng họ không muốn một mình phải trả giá chính trị để thích ứng với thế giới ấy. Còn đảng Cộng hòa thì đơn giản là chối bỏ thực tế đang diễn ra. Đảng Dân chủ không đủ can đảm để bảo vệ niềm tin. Đảng Cộng hòa thì tin vào sai lầm. Cuối cùng, cả hai đảng đều hành động như thể ra một chính sách nghiêm túc về năng lượng và khí hậu là một điều xa xỉ, phải trì hoãn vô thời hạn, hoặc đơn giản là có thể đạt được thông qua các khoản đầu tư và các biện pháp khuyến khích mà không cần đến tín hiệu giá.

Đến cuối năm 2010, nội dung cuộc tranh luận về năng lượng chuyển sang

triển vọng Mỹ sở hữu rất nhiều khí tự nhiên, mà khí tự nhiên chỉ thải ra lượng CO₂ bằng một nửa so với than đá. Gần đây, công nghệ khoan thăm dò mới đã phát hiện ra những mỏ khí khổng lồ, có thể khai thác hiệu quả. Nhờ thế, trữ lượng khí thu hồi được của Mỹ đã tăng lên từ 10 đến 20 lần chỉ trong vài năm. Nước Mỹ đang sản xuất ra quá nhiều khí tự nhiên đến nỗi, trong khi cách đây bốn năm chính phủ cảnh báo rằng cần kíp phải tăng nhập khẩu, thì hiện nay chúng ta lại đang xem xét thông qua việc xây dựng một cảng xuất khẩu. Nghe thật hấp dẫn, có thể thế, nhưng nó cũng báo hiệu chúng ta sẽ gặp khó khăn thực sự nếu không nhìn nhận nó trong bối cảnh phù hợp. Nếu chúng ta chỉ lựa chọn con đường có thêm một nguồn năng lượng hydrocarbon rẻ nữa và khai thác thật nhanh thì sự thịnh vượng chúng ta có được chỉ đơn giản là thái độ phủ nhận thêm các vấn đề năng lượng và khí hậu, khiến tình thế càng tồi tệ hơn, và chúng ta sẽ bỏ qua cơ hội phát triển ngành công nghiệp của tương lai. Nếu chúng ta coi khí tự nhiên là một giải pháp bắc cầu thông minh để bước vào tương lai năng lượng sạch thì quá trình chuyển đổi chúng ta phải trải qua sẽ dễ dàng hơn. Khi có thể, chúng ta nên dùng khí tự nhiên để thay thế, đóng cửa các nhà máy nhiệt điện than ô nhiễm nhất, càng nhanh càng tốt. Nhưng để khai thác được các mỏ khí tự nhiên mới nằm sâu trong lòng đất, lại phải sử dụng công nghệ khai thác đặc biệt là phá vỡ vỉa thủy lực*, một biện pháp có thể gây hậu quả môi trường nặng nề. Ngành công nghiệp khí tự nhiên và cộng đồng những người bảo vệ môi trường cần hợp tác với nhau để đưa ra nguyên tắc hướng dẫn nơi nào có thể khoan khai thác khí tự nhiên một cách an toàn và biện pháp tránh gây ô nhiễm các mạch nước ngầm. Khai thác bằng cách phá vỡ vỉa thủy lực có thể được tiến hành một cách phù hợp, Hal Harvey nói: Các công ty dầu khí cần quyết định: họ có muốn tiến hành một cuộc chiến tranh tiêu hao sinh lực đẫm máu và đầu đón chống lại các cộng đồng địa phương hay muốn dẫn đầu trong việc đặt ra những tiêu chuẩn môi trường cao và phấn đấu đạt được các tiêu chuẩn đó". Harvey đưa ra năm nguyên tắc cơ bản cho việc phá vỡ vỉa thủy lực: Không cho phép các hệ thống có kẽ hở; dùng khí tự nhiên để thay thế than; đưa ra các tiêu chuẩn khoan và vỏ ống dẫn dầu thật cao và an toàn; không gây ô nhiễm cảnh quan với nước mặn hay độc hại thải ra từ việc phá vỡ vỉa thủy lực; và chỉ khoan ở nơi có thể nhận biết được. Các tiêu chuẩn môi trường cao hơn có thể tốn kém hơn, nhưng chỉ là tăng thêm chút đỉnh, nếu có, và chúng sẽ làm cho công nghiệp và môi trường an toàn hơn.

* Fracking: Biện pháp khai thác khí tự nhiên phổ biến ở Mỹ: hỗn hợp hàng triệu khối nước, cát và hóa chất được bơm xuống lòng đất để phá vỡ các tầng đất đá, giải phóng khí tự nhiên.

Nóng, phẳng, chật; đói, khát và bất ổn

Ở đầu chương, chúng ta đã nhắc lại những sự kiện hồi năm 1979, lần lượt sự kiện này nối tiếp sự kiện khác, tạo nên một vòng phản hồi khổng lồ, từ đó sinh ra thách thức năng lượng và khí hậu mà nước Mỹ và cả thế giới phải đối mặt đến tận bây giờ. Năm 2010, một vòng phản hồi tệ hại tương tự – cái vòng luẩn quẩn – xuất hiện. Nếu chúng ta không tạo ra một vòng hành động sáng suốt để đối phó thì hậu quả sẽ ngày càng lớn.

Hậu quả mà chúng tôi nhắc đến cụ thể như sau: Tổ chức Lương nông Liên hiệp quốc (FAO) đã theo dõi giá của 55 loại lương thực trên toàn thế giới. Tháng 12/2010, chỉ số giá lương thực của FAO đạt đến mức cao nhất kể từ khi bắt đầu được tính vào năm 1990, vượt lên trên cả mức đỉnh trong cuộc khủng hoảng lương thực năm 2008. Giá thực phẩm tăng lên là một nhân tố và có lẽ là giọt nước cuối cùng làm tràn ly, dẫn tới cuộc nổi dậy ở Tunisia, nhanh chóng lan sang Ai Cập, Libya, Bahrain, Syria, Yemen và khắp thế giới Ả Rập. Những cuộc nổi dậy đã làm gián đoạn hoạt động sản xuất dầu mỏ, tạo điều kiện cho việc đầu cơ các hợp đồng dầu mỏ tương lai, đưa giá dầu lên mức cao kỷ lục trong lịch sử. Giá dầu tăng lại làm tăng chi phí sản xuất lương thực vì dầu mỏ đóng vai trò rất quan trọng trong các ngành sản xuất phân bón, lương thực và vận tải. Vì vậy, giá gạo, ngô, khoai tây và các loại lương thực chủ yếu khác của người nghèo trên khắp thế giới đều tăng lên. Riêng gạo đã là lương thực cơ bản của 3 tỷ người dân. Giá lương thực liên tục tăng đã đẩy cao bầu không khí bất bình trong thế giới Ả Rập (và nhiều nơi khác), tăng sức ép lên giá dầu, và lại tăng thêm sức ép lên giá lương thực – cái vòng luẩn quẩn cứ tiếp tục như thế...

Một yếu tố nữa khiến cái vòng càng trở nên luẩn quẩn là vòng quay tăng dân số liên tục, mức sống cũng tăng lên liên tục, và khí hậu biến đổi liên tục. Riêng Ai Cập, từ năm 1950 đến nay dân số đã tăng từ 22 triệu lên 82 triệu người. Đây là một lý do khiến các chuyên gia của FAO ước tính sản lượng lương thực thế giới năm 2050 phải tăng 70% so với hiện tại mới theo kịp được tốc độ tăng dân số từ 6,8 tỷ lên 9,2 tỷ người. Trong khi đó, nhờ thế giới siêu kết nối, ngày càng có nhiều người sống, đi lại, ăn uống như người Mỹ, làm tăng nhu cầu đối với nhiên liệu hóa thạch, gây thêm sức ép lên tài nguyên thiên nhiên và giá dầu. Trung Quốc đã phải đối mặt với nạn thiếu nước khi

nhu cầu nước sử dụng trong công nghiệp cứ mỗi bảy đến tám năm lại tăng gấp đôi. Yemen có lẽ là quốc gia đầu tiên bị cạn kiệt tài nguyên nước.

Một vài nhà đầu tư hàng đầu thế giới tin rằng đây là điểm khởi đầu của quá trình dịch chuyển cả cung và cầu tài nguyên trên toàn thế giới. “Nhu cầu của các nước đang phát triển, đặc biệt là Trung Quốc tăng lên đã tạo ra một xu hướng chưa có tiền lệ của giá tài nguyên: sau hơn 100 năm giá liên tục giảm, giờ đây nó đang tăng lên. Trong tám năm qua, mức tăng đã vượt đáng kể mức giảm trong 100 năm trước đó”. Nhà quản lý tiền tệ nổi tiếng Jeremy Grantham đã viết như vậy trong báo cáo dành cho các nhà đầu tư tháng 4/2011. “Theo thống kê, mức tăng giá cũng cho thấy xu hướng cũ sẽ không bao giờ quay lại... Từ nay, chúng ta sẽ luôn luôn phải chịu đựng sức ép giá cao và tình trạng khan hiếm tài nguyên. Chúng sẽ nhanh chóng làm giảm tốc độ tăng trưởng của cả các nước phát triển và đang phát triển, đồng thời khiến các nước nghèo phải chịu gánh nặng tồi tệ. Tất cả chúng ta cần có kế hoạch sử dụng tài nguyên một cách nghiêm túc, nhất là năng lượng. Không còn nhiều thời gian”.

Tất cả những xu hướng nói trên sẽ còn trầm trọng hơn vì thế giới có càng nhiều người, quá trình đô thị hóa diễn ra càng mạnh. Đô thị hóa sẽ đẩy mạnh sự nóng lên của trái đất, và như chúng tôi đã nói, rất nhiều nhà khoa học dự đoán hậu quả của nó sẽ là bão tố, hạn hán, mất rừng, lũ lụt nghiêm trọng hơn, phá hủy mùa màng trên toàn thế giới như năm 2010. Càng mất mùa thì giá lương thực lại càng tăng cao, dẫn tới giá nhiên liệu cũng tăng theo. Chào mừng các bạn đến với cái vòng luẩn quẩn giống như năm 1979 nhưng đang diễn ra vào năm 2011. Cách duy nhất để Mỹ và các nước công nghiệp lớn khác chấm dứt được nó là phải đưa ra được vòng hành động khôn ngoan để ứng phó.

“Chúng ta cần đưa logic nhân - quả” vào cái vòng phản hồi nguy hiểm đang ngày càng quay nhanh hiện nay – theo Hal Harvey. Ông đề xuất giải pháp gồm ba thành phần: tiêu chuẩn sử dụng năng lượng, định giá carbon và nghiên cứu cải tiến. Khi kết hợp với nhau, chúng có thể tạo ra một vòng hành động khôn ngoan đầy sức mạnh.

Hai mươi năm kinh nghiệm của bang California đã cho thấy nếu liên tục tăng tiêu chuẩn thì hiệu suất sử dụng nhiên liệu sẽ tăng lên và có nhiều cải tiến công nghệ hơn. Chiến lược mà bang California đưa ra đã làm giảm mức tiêu thụ điện của tủ lạnh xuống 80%. Những ngôi nhà mới xây theo tiêu chuẩn sử dụng năng lượng cao – còn gọi là tiêu chuẩn xây dựng – đã khiến mức

tiêu thụ năng lượng của chúng giảm 75% so với những ngôi nhà cũ. Những chính sách này kết hợp với nhau đã giúp một hộ gia đình bình thường trong bang tiết kiệm được 1.000 dollar mỗi năm. Và họ còn đi xa hơn: họ là bang đầu tiên trong nước nâng cao tiêu chuẩn sử dụng nhiên liệu của ô tô con và xe tải, yêu cầu các công ty điện lực phải cấp điện sản xuất từ mặt trời, gió, nước hoặc năng lượng hạt nhân. Những tiêu chuẩn này đang biến California thành một nền kinh tế năng lượng.

Khi công nghệ tiến bộ hơn, tiêu chuẩn sử dụng năng lượng cũng phải cao hơn. Như chúng tôi đã trình bày ở trên, năm 1974, trước hành vi cắt giảm cung dầu của các quốc gia Ả Rập, Quốc hội đã tăng tiêu chuẩn sử dụng nhiên liệu trung bình đối với ô tô sản xuất mới tại Mỹ lên gấp đôi, từ 13 dặm/gallon (5,53 km/lít) lên hơn 25 dặm/gallon (10,63 km/lít) chỉ trong hơn mười năm. Không may là “tiêu chuẩn cao hơn – vốn là mức sàn dự kiến hóa ra lại là mức trần thực tế với hầu hết các nhà sản xuất ô tô, và hiệu suất sử dụng nhiên liệu của họ giữ nguyên như thế trong hai thập kỷ tiếp”, như Harvey cho biết. Một trong những nguyên nhân là bang Detroit luôn đấu tranh quyết liệt – thực chất đây là thái độ tự sát – phản đối mọi sự thay đổi tiêu chuẩn. Harvey nói: “Tưởng tượng nếu ngược lại, từ 1985, nếu mỗi năm tiêu chuẩn sử dụng nhiên liệu chỉ cần tăng lên 2% thôi thì hiện tại, ô tô sản xuất tại Mỹ có thể đạt tới hiệu suất 44 dặm/gallon xăng (18,71km/lít), và Detroit sẽ đi đầu về công nghệ, còn mức tiêu thụ dầu của Mỹ sẽ giảm đi 3 triệu thùng một ngày”. Chúng ta sẽ tiết kiệm được hàng triệu dollar và tránh được tác động của các cú sốc dầu mỏ gần đây, hoặc nếu không thì cũng ít bị ảnh hưởng hơn nhiều.

Không bao giờ là quá muộn để thay đổi vì lợi ích thu được là quá lớn và chi phí là quá rẻ. May mắn là chính phủ Obama đang có những bước đi đúng hướng. Năm 2011, Cơ quan Bảo vệ môi trường (EPA) và Bộ Giao thông của Obama đạt được một thỏa thuận với tất cả các nhà sản xuất ô tô có cơ sở tại Mỹ. Thỏa thuận này sẽ có hiệu lực vào năm 2017 và đòi hỏi tăng hiệu suất sử dụng nhiên liệu lên 5% cho ô tô, thấp hơn một chút cho xe tải nhẹ và xe thể thao đa dụng (SUV) cho đến năm 2025 – khi các nhà sản xuất ô tô Mỹ đạt được mức tiêu thụ trung bình cho tất cả các loại xe là 5,2 lít/100km. Mức trung bình hiện nay là 10,3 lít/100km. Thỏa thuận này sẽ giúp ô tô và xe tải Mỹ đạt được mức tiêu thụ nhiên liệu phổ biến ở châu Âu và Nhật Bản và sẽ đem lại cải tiến cho tàu hỏa, khí động lực, bình ắc quy, ô tô điện và các loại nguyên liệu thép và nhôm sẽ làm cho xe nhẹ hơn và an toàn hơn. EPA và Bộ Giao thông ước tính rằng những cải tiến này sẽ dần dần làm giá xe trung

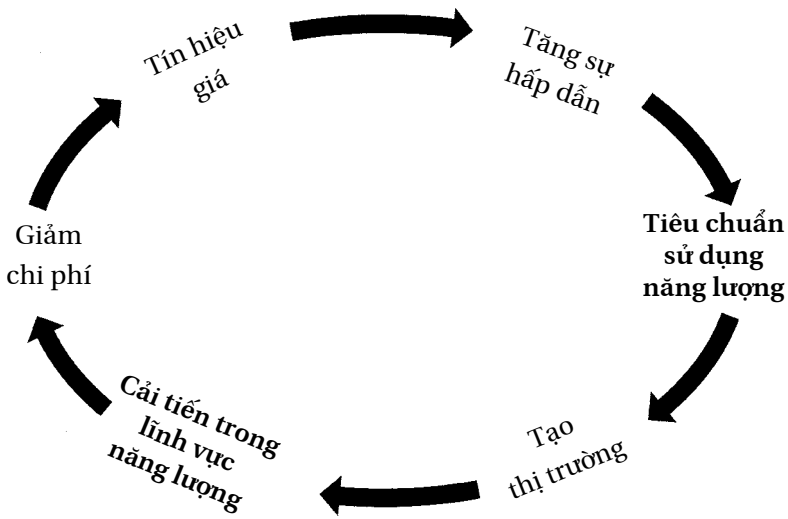
bình tăng thêm 2.000 dollar vào năm 2025 và sẽ tiết kiệm hơn 6.000 dollar tiền xăng suốt một đời xe – khoản tiết kiệm này sẽ đi vào nền kinh tế. Và tất cả đều dựa trên ước đoán rằng giá xăng sẽ chỉ tăng nhẹ và không có đổi mới đột phá nào vượt quá dự đoán của chúng ta. Nếu giá xăng tăng cao hơn và đổi mới tiến nhanh hơn – cả hai đều rất có khả năng xảy ra – thì số tiền tiết kiệm được thậm chí còn lớn hơn. Những chiếc xe bán ra trong thời gian diễn ra chương trình – bao gồm giai đoạn đầu tiên từ 2012 đến 2016 – được kỳ vọng sẽ tiết kiệm tổng cộng bốn tỉ thùng dầu và ngăn chặn được hai tỉ tấn mét ô nhiễm khí nhà kính. (Có vài kẻ hờ mà công nghiệp ô tô có thể khai thác sẽ làm giảm những con số này xuống, nhưng sự tiến triển vẫn là đáng kể).

Đã xảy ra sự thỏa hiệp giữa EPA và Bộ Giao thông với General Motors, Ford, Fiat SpA liên kết với Chrysler Group, Toyota, Honda, Nissan, BMW và sáu công ty ô tô khác. Nguyên nhân là một khi Tòa án tối cao phán quyết rằng CO₂ là một chất ô nhiễm, và California xác định rằng bang này và các bang khác sẽ áp dụng tiêu chuẩn đã được phê chuẩn về lượng tiêu hao nhiên liệu của ô tô nếu chính quyền Liên bang không làm vậy, các công ty ô tô chủ chốt nhìn thấy tín hiệu xấu và đàm phán với chính quyền Obama về một thỏa thuận mà mọi người đều chấp nhận được – nhưng là một thỏa thuận đẩy xa các ranh giới công nghệ và đổi mới. Điều mà các nhà sản xuất ô tô thích ở thỏa thuận này là giờ đây nó đem lại cho họ sự chắc chắn về quy định trong dài hạn và một sân chơi bình đẳng, vì thế khi một công ty đầu tư vào những đổi mới này, họ biết rằng mọi người khác cũng phải làm như vậy.

Một khi chúng ta ban hành những tiêu chuẩn về hiệu suất nhiên liệu ngày càng cao ra khắp đất nước, một dấu hiệu về giá – thuế carbon và/hay tăng thuế xăng liên bang – sẽ càng củng cố các tiêu chuẩn đó. Mọi người sẽ có thêm động lực để tìm mua nhà, ô tô, thiết bị gia dụng có hiệu suất sử dụng năng lượng cao hơn, những thứ mà thị trường sẽ cung cấp được nhờ chính phủ áp dụng tiêu chuẩn mới. “Tín hiệu thị trường rất mạnh sẽ kéo bạn đi theo hướng chính phủ đang thúc đẩy bạn”, Harvey nói.

Cuối cùng, khi cả thị trường và tiêu chuẩn đều điều chỉnh hành vi của mọi người đi theo cùng một hướng thì khu vực tư nhân sẽ có động lực lớn lao để đầu tư và cải tiến. “Cứ ba năm, bang California lại siết chặt thêm bộ tiêu chuẩn xây dựng”, Harvey cho biết. Vì vậy, ngày càng có thêm nhiều hãng sản xuất ra các loại cửa sổ, thiết bị sưởi và làm mát và hệ thống cách nhiệt tinh vi, hiện đại hơn. Đến lượt mình, các hãng này lại vận động để nâng cao tiêu chuẩn thêm nữa vì tiêu chuẩn càng cao, họ càng có thêm nhiều khách hàng

và ít đối thủ cạnh tranh, nhất là đối thủ cạnh tranh từ nước ngoài với các sản phẩm rẻ tiền. “Khi Washington tìm cách thông qua hạn ngạch phát thải carbon, họ đã bị các nhóm lợi ích tấn công dữ dội”, Harvey kể. “California đã thông qua một chính sách mạnh hơn nhiều vì các nhóm lợi ích cũ trong ngành công nghiệp nhiên liệu hóa thạch và Phòng Thương mại Mỹ đã bị đè bẹp bởi các nhóm lợi ích mới – một thành tố trong vòng hành động khôn ngoan”.



Các nhóm lợi ích mới biết rằng nếu họ đáp ứng được tiêu chuẩn mà chính quyền bang đề ra thì họ có thể cạnh tranh được với bất cứ ai trên toàn thế giới. Khi đó, cả chính phủ và doanh nghiệp đều có động lực đầu tư nhiều hơn vào hoạt động nghiên cứu và triển khai. Sản phẩm mới sẽ vận hành hiệu quả hơn, giúp người tiêu dùng dễ dàng điều chỉnh với tín hiệu giá hơn với chi phí thấp hơn. Theo Harvey, “tín hiệu giá sẽ trở thành công cụ giúp chúng ta thay đổi chứ không phải công cụ trừng phạt. Nếu giá xăng tăng, nhưng tôi lại mua được ắc quy điện của ô tô với giá rẻ hơn thì mọi chuyện vẫn ổn”. Người tiêu dùng sẽ tiết kiệm được tiền.

Kết hợp ba công cụ tiêu chuẩn sử dụng năng lượng, giá carbon và cải tiến công nghệ với nhau, chúng ta sẽ tạo ra được một động cơ mạnh mẽ, làm giảm giá và đẩy cao cầu đối với năng lượng sạch. (Xem hình của Harvey ở trên).

“Và công nghệ của bạn sẽ liên tục được cải tiến vì với sản phẩm của bạn, các nhà đầu tư mạo hiểm thấy có thị trường, còn giới tài chính thấy có dòng thu nhập – những điều sẽ thực sự bắt đầu làm thay đổi thế giới”. Harvey nói thêm rằng đây chính là hệ thống mà Trung Quốc đang nỗ lực xây dựng. “Họ muốn có những công ty có sức cạnh tranh mạnh nhất trên toàn cầu trong lĩnh vực năng lượng sạch, và đây chính xác là cái họ hướng tới”.

Ước gì chúng ta cũng có thể nói về nước Mỹ như vậy. Nhưng không. Lựa chọn của Mỹ đã quá rõ ràng: Chúng ta có thể chọn sống trong cái vòng năng lượng – khí hậu luẩn quẩn bắt đầu từ năm 1979 và 2010, khiến cho chúng ta ngày càng bất an hơn, ốm yếu hơn, nghèo khổ hơn và có nguy cơ đối mặt với ý thích bất chợt của hai thế lực tàn nhẫn nhất: thị trường và Mẹ Thiên nhiên. Hoặc chúng ta có thể tạo ra vòng hành động khôn ngoan cho riêng mình để được mạnh khỏe hơn, giàu có hơn, an toàn hơn và dễ dàng thích ứng hơn với thế giới siêu kết nối.

Trước những nguy cơ mà lựa chọn thứ nhất mang lại và những lợi ích kinh tế chiến lược của lựa chọn thứ hai, chúng tôi nghĩ việc nên chọn con đường nào là quá rõ ràng. Chúng tôi hy vọng đa số người dân Mỹ cũng sẽ thấy rõ điều đó. Hoàn toàn không hề phóng đại khi nói rằng tương lai của nước Mỹ và của cả hành tinh đang phụ thuộc vào lựa chọn của chúng ta.

PHẦN IV

THẤT BẠI CHÍNH TRỊ

MƯỜI MỘT

Khủng hoảng tuổi lên hai

MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG NHẢY QUA CỬA SỔ, THOÁT CHẾT NHỜ ĐỒNG RÁC CHUA ĐƯỢC THU GOM. Ngày 03/01/2011, 12:07 giờ New York (Reuters) – Hôm thứ hai, một người đàn ông đã nhảy qua cửa sổ tầng chín một tòa nhà ở New York nhưng vẫn sống sót vì anh ta rơi xuống một đồng rác khổng lồ chưa được thu gom do thành phố gặp phải một cơn bão tuyết lớn tuần trước.

Hai câu chuyện xảy ra ở Đồi Capitol cách nhau năm năm đã tóm tắt chính xác hành động thiếu thận trọng của Mỹ trong thập kỷ qua. Chuyện thứ nhất là vào ngày 18/3/2005, một nhóm các vận động viên bóng chày xuất sắc nhất nước Mỹ phải điều trần trước Quốc hội. Một cảnh tượng không hề hay ho. Curt Schilling, Rafael Palmeiro, Mark McGwire, Sammy Sosa và José Canseco ngồi cùng một bàn, “cơ bắp kê cơ bắp” trước Hội đồng Giám sát và cải cách chính phủ của Hạ viện và điều trần về vấn đề sử dụng chất kích thích trong bóng chày. Họ đến vì Quốc hội đe dọa nhiều lần rằng sẽ thông qua đạo luật liên quan đến việc kiểm tra chất kích thích trong bóng chày và các môn thể thao khác. Trang web ESPN.com kể lại buổi điều trần của McGwire như sau:

Trong căn phòng đông đủ những vị anh hùng sa cơ lỡ vận, Mark McGwire là người ngắc ngứ, lúng túng nhất. Giọng anh nghẹn lại, mắt gần như đẫm lệ, anh liên tục từ chối trả lời câu hỏi mà tất cả mọi người đều muốn biết: Có phải anh đã sử dụng chất bị cấm khi anh lập kỷ lục 70 cú home-run* năm 1998 hay anh có sử dụng lần nào khác nữa không? Khi Hạ nghị sỹ Elijah Cummings, đại biểu bang Maryland hỏi McGwire liệu có phải anh

* Home-run: người cầm chày (batter) đánh bóng ra ngoài sân và bỏ chày để chạy về đích để ghi điểm.

đang đòi quyền công dân theo Hiến pháp sửa đổi lần thứ năm là không đưa ra bằng chứng chống lại chính mình, anh trả lời: “Tôi đến đây không phải để nói về quá khứ mà để thể hiện thái độ tích cực trong vấn đề này”. Khi được hỏi liệu việc sử dụng chất kích thích có phải gian lận không, McGwire đáp: “Tôi không phải là người có thể quyết định”.

José Canseco – tác giả cuốn sách bán chạy *Bị kích thích* (Juiced) khiến các nhà lập pháp phải lưu ý – nhắc lại rằng hồi còn thi đấu, anh ta đã sử dụng chất kích thích. Hai thành viên cùng đội Baltimore Orioles là Sammy Sosa và Rafael Palmeiro cho biết họ không dùng... Canseco nói: “Chất kích thích là một phần của cuộc chơi, tôi không nghĩ có ai đó thực sự muốn thay đổi chuyện này. Nếu Quốc hội không hành động thì nó sẽ còn kéo dài mãi”.

Thật buồn khi phải chứng kiến những người anh hùng trong môn thể thao được cả nước ưa chuộng thú nhận qua sự né tránh của họ rằng những thành tích kỷ lục của họ không phải chỉ là kết quả của quá trình thi đấu vất vả trên sân và trong phòng tập mà còn nhờ tiêm chất kích thích trong góc phòng thay đồ (và một trong số họ, Palmeiro sau đó đã không vượt qua được xét nghiệm chất kích thích).

Gần năm năm sau, ngày 13/01/2010, trong một cuộc điều trần khác ngay phòng họp phía cuối hành lang, Quốc hội lại một lần nữa bàn câu chuyện này với một hội đồng nghiên cứu việc sử dụng chất kích thích khác, nhưng lần này là trong lĩnh vực tài chính. Khung cảnh giống lần trước đến kỳ lạ. Nhưng thay vì một nhóm các ngôi sao bóng chày ngồi cơ bắp-kê-cơ bắp thì giờ là một nhóm các giám đốc ngân hàng đầu tư với cặp-kê-cặp. Khoản tiền lương và thưởng khổng lồ của họ giống như những cú ghi điểm home-run ở Wall Street, và người ta nghi có chất kích thích nhân tạo thì mới có những cú home-run này. Những tay tài chính nhà nghề lớn nhất nước Mỹ đang tập trung bên chiếc bàn dài: tổng giám đốc Goldman Sachs Lloyd Blankfein, tổng giám đốc JPMorgan Chase Jamie Dimon, tổng giám đốc Bank of America Brian Moynihan và chủ tịch Morgan Stanley John Mack. Đây là cuộc điều trần công khai đầu tiên của Ủy ban Điều tra khủng hoảng tài chính.

Reuters kể lại những gì diễn ra trong buổi điều trần như sau:

Các giám đốc Wall Street đều biết họ đang kinh doanh với “quá nhiều rủi ro”... nhưng họ vẫn quyết định không đưa ra lời xin lỗi khi tranh cãi với ủy ban để tìm nguyên nhân cuộc khủng hoảng tài chính...

Với tỷ lệ thất nghiệp gần như cao nhất trong 26 năm sau đợt suy thoái tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ, công chúng ngày càng giận dữ trước mức thưởng khổng lồ mà các giám đốc ngân hàng được hưởng cũng như số tiền thuế người dân phải nộp được dùng để hỗ trợ cho các ngân hàng để giờ đây, ngành ngân hàng Mỹ đã ổn định trở lại sau khi sụp đổ vào năm 2008.

Phil Angelides, chủ tịch Ủy ban, cựu bộ trưởng tài chính bang California thẳng thắn đối mặt với không khí căng thẳng, chất vấn Lloyd Blankfein, tổng giám đốc Goldman Sachs về những hoạt động của tập đoàn này trước khi bị sụp đổ.

Theo Angelides, việc Goldman tạo ra rồi sau đó đánh cược vào những loại giấy tờ có giá hình thành từ những khoản vay dưới chuẩn có thể so sánh với “bán một chiếc ô tô bị hỏng phanh rồi mua bảo hiểm trách nhiệm cho người mua”.

Cũng như các vận động viên bóng chày những năm 1990 đã tự tiêm chất kích thích để có cơ bắp nhân tạo, đủ sức tạo ra nhiều cú ghi điểm home-run hơn, chính phủ Mỹ cũng đã tự tiêm chất kích thích vào nền kinh tế. Chất kích thích của chính phủ là tín dụng với lãi suất thấp, nhờ đó giới tài chính làm ăn liều lĩnh hơn, còn những người bán lẻ có thể mua nhiều nhà hơn, công nhân thiếu kỹ năng có thể xây nhiều công trình hơn. Những ngành có tăng trưởng việc làm cao nhất trong thời kỳ kinh tế bong bóng do được tiêm chất kích thích hồi đầu những năm 2000 là xây dựng, nhà ở, bất động sản, an ninh nội địa, dịch vụ tài chính, y tế và khu vực công – tất cả đều được hưởng lãi suất thấp và chi tiêu lớn gây thâm hụt. Những ngành tạo ra giá trị mới thì tăng trưởng rất thấp.

Warren Buffett rất thích nói rằng khi con sóng rút đi, bạn sẽ thấy rõ ai không mặc đồ bơi. Làn sóng tăng trưởng kinh tế đã rút đi cùng với hệ thống tài chính sụp đổ và cuộc khủng hoảng nặng nề vào cuối thập niên đầu tiên của thế kỷ 21, và cảnh ai đang bơi trong tình trạng trần như nhộng được phơi bày một cách tàn nhẫn.

Chính là chúng ta.

Nhờ lợi tức hòa bình, sự ra đời của ngành công nghiệp dot-com, ngành sản xuất các thiết bị máy tính xách tay và điện thoại di động cộng với thuế thu được tăng lên trong thời kỳ Bill Clinton làm tổng thống, xét trên mọi mặt, thập niên đầu tiên sau Chiến tranh Lạnh của nước Mỹ trôi qua rất ổn. Chúng ta gần như đã xóa bỏ được thâm hụt ngân sách. Tăng trưởng việc làm ổn

định. Chính phủ Clinton đã nỗ lực thông qua thuế năng lượng và gần như họ đã thành công. Phúc lợi xã hội được cải cách, và cả nước Mỹ có vẻ như đã điều chỉnh, thích nghi được với thế giới phẳng vì cũng không có sự lựa chọn nào khác. Nhưng thập niên thứ hai sau Chiến tranh Lạnh – cũng là thập niên đầu tiên của thế kỷ 21 – thì không được như trước. Thực sự không có cách diễn đạt nào khác về thời kỳ này ngoài: Xét theo chuẩn mực sáng suốt thông thường và soi vào lịch sử, chúng ta đã trở nên điên khùng.

Việc nước Mỹ không thấy được sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh đã mang lại thách thức lớn lao như thế nào có thể là do kém hiểu biết hoặc không lưu tâm. Đơn giản là chúng ta không hiểu rõ thế giới mình đang sống. Nhưng khi chúng ta quyết định tuyên chiến với toán học và vật lý thì chúng ta hoàn toàn tỉnh táo. Và khi *làm tất cả những việc nói trên* cùng lúc, chúng ta đã đi quá xa so với chuẩn mực lâu đời của nước Mỹ. Đó là lý do tại sao chúng tôi gọi thập niên đầu tiên của thế kỷ 21 là “Khủng hoảng tuổi lên hai”.

Thuật ngữ này xuất phát từ ngành tâm lý học trẻ em. Khủng hoảng tuổi lên hai là một giai đoạn phát triển, bắt đầu khi các bé bước vào tuổi lên hai và trở nên cáu kỉnh, tâm trạng hay thay đổi và bướng bỉnh trong mọi chuyện. Các bác sỹ nhi cam đoan với các bậc phụ huynh đang lo lắng của lũ trẻ khó tính rằng hành vi của các bé là bình thường. Rồi các bé sẽ vượt qua. Nhưng ngược lại, hành vi của nước Mỹ trong giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai thì hoàn toàn không bình thường, và chúng ta vẫn chưa thoát khỏi giai đoạn đó.

Là một quốc gia, chúng ta đã đánh mất cái nhìn tổng thể. Chúng ta đã quên mất mình là ai, bằng cách nào chúng ta trở thành quốc gia giàu mạnh nhất trong lịch sử nhân loại, chúng ta muốn đi về đâu và cần làm gì để đạt được mục đích. Chúng ta không cập nhật được công thức thành công gồm năm trụ cột – giáo dục, cơ sở hạ tầng, nhập cư, nghiên cứu và triển khai và đề ra các quy định phù hợp. Mà việc này lại rơi đúng vào thời điểm những thay đổi lớn trên thế giới, đặc biệt là toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin đang mở rộng khiến cho việc điều chỉnh công thức thành công sao cho phù hợp với hoàn cảnh mới trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Rồi chúng ta sa xuống hố Đại Khủng hoảng, đồng thời tham gia hai cuộc chiến ở Trung Đông và trở thành thế hệ người Mỹ đầu tiên không tăng thuế để chi trả cho chiến tranh mà thậm chí còn cắt giảm thuế.

Nói tóm lại, chúng ta là thế hệ người Mỹ đã vứt bỏ chiếc ô ngay trước khi cơn bão ập đến. Khi vứt bỏ ô, chúng ta đã đánh mất một trong những khuôn mẫu hành động chính của Mỹ trong lịch sử. “Trước kia, chúng ta không chỉ giải quyết được các thách thức mà còn làm theo cách khiến các nước khác

không thể đuổi kịp – qua đó khẳng định rõ ràng vai trò lãnh đạo của mình”, Dov Seidman nói. Ông là tác giả cuốn *Tại sao* (How). Chúng ta không làm được gì ở giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai, hậu quả là chúng ta đang rơi vào tình thế rất khó khăn. “Đáng lẽ chúng ta phải đi trước 20 năm thay vì bị tụt hậu 20 năm. Tức là thực ra chúng ta đã bị tụt hậu 40 năm so với vị trí mà chúng ta cần đạt được”, Seidman nói thêm.

Trong khi thành tựu mà các cầu thủ bóng chày chuyên nghiệp đạt được nhờ dùng chất kích thích vẫn được lưu dấu trong sách kỷ lục thì sự thịnh vượng giả tạo của nước Mỹ trong giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai đã bay biến. Những con số không biết nói dối. Vào ngày 02/01/2010, những ngày tháng cuối cùng của thập niên đầu thế kỷ 21, báo *Washington Post* đã làm một phép tính – phép tính thật sự. Bài báo của Neil Irwin nhan đề “Những năm 2000 – một thập kỷ mất mát với nền kinh tế và người lao động Mỹ” xứng đáng được trích dẫn một đoạn dài:

Trong hầu hết 70 năm qua, nền kinh tế Mỹ đã tăng trưởng nhanh và ổn định, nhờ đó các hộ gia đình Mỹ ngày càng có thu nhập cao và giàu có hơn. Nhưng từ năm 2000 trở lại đây, tình hình trở nên hoàn toàn khác. Thập niên vừa qua là thời kỳ tồi tệ nhất của kinh tế Mỹ trong lịch sử hiện đại – sự thay đổi đột ngột từ một thời gian dài thịnh vượng – khiến các nhà kinh tế học hàng đầu và các nhà lập chính sách phải tư duy lại toàn diện về nền tảng của sự tăng trưởng. Theo một loạt các số liệu, đây cũng là thập kỷ tệ hại đối với người lao động. Nó bắt đầu với thời khắc hân hoan năm 1999 khi các nhà kinh tế học đều có chung tư tưởng rằng khủng hoảng đã trôi vào dĩ vãng. Nhưng cuối cùng hóa ra lại có hai cuộc khủng hoảng ở đầu và cuối thập niên, đều là do những khoản nợ kém lành mạnh, không bền vững. Số việc làm rỗng được tạo ra tính từ tháng 12/1999 là bằng 0.

Từ năm 1940, chưa có thập niên nào có tốc độ tăng trưởng việc làm dưới 20%. Sản lượng của nền kinh tế tăng với tốc độ thấp nhất nếu tính từ thập niên 1930. Sau khi điều chỉnh lạm phát thì thu nhập của một hộ gia đình trung lưu vào năm 2008 còn thấp hơn so với năm 1999, và chắc chắn còn ít hơn nữa vào năm 2009 đầy khó khăn. Thập niên 2000 cũng là thập niên đầu tiên có mức thu nhập trung vị* giảm xuống kể từ khi con số này được tính toán lần đầu vào những năm 1960. Và giá trị tài sản ròng của các hộ gia

* Mức thu nhập trung vị: 50% dân số có thu nhập lớn hơn nó và 50% dân số có thu nhập nhỏ hơn nó.

đình Mỹ sau lạm phát – gồm tổng giá trị nhà ở, tiền hưu trí và các tài sản khác trừ đi các khoản nợ – cũng giảm nếu so với mức tăng đáng kể trong tất cả các thập niên trước đó, tính từ khi nó được thu thập vào năm 1950.

Những vụ lừa đảo tài chính gây ra cuộc khủng hoảng – mở đầu bằng sự kiện ngân hàng đầu tư Lehman Brothers sụp đổ vào ngày 15/9/2008 – đã góp phần đáng kể vào những con số ảm đạm, gây choáng váng và chưa từng có trong lịch sử nói trên. Những người khổng lồ trong ngành ngân hàng sẽ phải trả lời rất nhiều câu hỏi. Nhưng hành vi sai trái của họ không phải nguyên nhân duy nhất. Một yếu tố khác cũng góp phần không kém – nếu không nói là hơn – vào tình trạng kinh tế tồi tệ trong cuộc Khủng hoảng tuổi lên hai là việc nước Mỹ không thể duy trì, nâng cấp được công thức từng giúp chúng ta rất thành công trong thời gian rất dài. Chúng ta đã để cho từng trụ cột của nó bị xói mòn đáng kể suốt mười năm qua, và theo chúng tôi, chính điều đó khiến giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai của nước Mỹ trở nên tệ hại đến thế. Sau đây là bảng tính toán.

Nếu $2x$ bằng 4 thì x bằng bao nhiêu?

Vào ngày 24/10/2010, báo *Hartford Courant* đăng tranh biếm họa của họa sỹ biếm của báo là Bob Englehart, mô tả bốn biến thể của bức quảng cáo tuyển quân nổi tiếng vẽ hình chú Sam* đang chỉ tay về phía trước. Trong bức thứ nhất, chú Sam nói “Ta muốn các cậu”. Bức thứ hai, chú Sam xòe hai bàn tay ra ý muốn bảo dừng lại và dòng chữ ở dưới viết: “Không, chờ đã, không phải cậu”. Bức thứ ba, chú Sam lại chỉ tay về phía trước: “Được, cậu thì được”. Trong bức cuối cùng, ông lại xòe hai bàn tay lần nữa hàm ý ngăn cản: “Không, từ từ đã...”

Chúng tôi tự hỏi liệu có phải Englehart vẽ bức biếm họa này để dự báo cho một nghiên cứu xuất hiện tràn ngập trang nhất các báo vào ngày 21/12/2010 không. Theo bản tin của hãng thông tấn AP hôm đó, “gần một phần tư số học sinh muốn gia nhập quân đội Mỹ đã thi trượt đầu vào, cho thấy bức tranh tồi tệ về một hệ thống giáo dục đã tạo ra những học sinh đã tốt nghiệp phổ thông mà không thể trả lời được những câu hỏi cơ bản về toán, khoa học và đọc hiểu”. Nghiên cứu này do Quỹ Giáo dục, một tổ chức vì trẻ em đặt tại

* Chú Sam: tên lấy những chữ cái đầu của United States of America (Un Sam - chú Sam), là một cách cá nhân hóa chỉ nước Mỹ.

Washington thực hiện. Kết quả cũng cho thấy “23% học sinh vừa tốt nghiệp phổ thông không đạt được điểm số tối thiểu trong kỳ thi tuyển quân để gia nhập bất cứ binh chủng nào thuộc quân đội”. Các câu hỏi thường rất cơ bản, ví dụ: “Nếu 2 nhân x bằng 4 thì x bằng bao nhiêu?”

Bài báo trên AP còn cho biết đây là lần đầu tiên Quân đội Mỹ công bố công khai số liệu thống kê kết quả thi. Tom Loveless, chuyên gia giáo dục thuộc Viện Brookings từng nói con số này cũng phản ánh kết quả của các cuộc thi khác. Năm 2009, 26% học sinh năm cuối trung học có kết quả môn đọc hiểu thấp hơn mức cơ bản trong Kỳ thi quốc gia về đánh giá trình độ giáo dục (NAEP). Các cuộc thi khác như SAT là dành cho học sinh muốn thi vào đại học. “Rất nhiều người cho rằng trong thời đại của kết quả rõ ràng và những kỳ thi được chuẩn hóa hiện nay, chúng ta đang quá chú trọng vào các kỹ năng cơ bản. Nhưng nghiên cứu trên cho thấy điều đó không đúng. Chúng ta có rất nhiều học sinh đã tốt nghiệp trung học nhưng vẫn thiếu các kỹ năng cơ bản”, Loveless nói.

Trong chương 6, chúng tôi đã nêu kết quả kém ấn tượng của các học sinh Mỹ 15 tuổi trong kỳ kiểm tra quốc tế PISA. PISA là bài kiểm tra kỹ năng đọc hiểu, toán học, khoa học và tư duy phản biện của học sinh. Nhưng còn rất nhiều dấu hiệu khác cảnh báo về kết quả kém cỏi của hệ thống giáo dục Mỹ xuất hiện trong giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai.

Trong bài phát biểu trước Hội đồng Quan hệ quốc tế (ngày 19/10/2010), Arne Duncan, bộ trưởng giáo dục đã công bố báo cáo của ông về tình trạng nền giáo dục Mỹ. Một loạt phép đo kết quả học tập cho thấy những gì chúng ta làm được là kém cỏi.

Chỉ một thế hệ trước, Mỹ có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học cao nhất thế giới. Ngày nay, tám quốc gia khác, trong đó có Hàn Quốc có tỷ lệ thanh niên có bằng đại học cao hơn chúng ta. Ở Hàn Quốc, 58% thanh niên có ít nhất một bằng cao đẳng. Chỉ 42% thanh niên Mỹ đạt được trình độ tương tự. Tại rất nhiều quốc gia phát triển khác, tỷ lệ thanh niên có bằng cao đẳng hoặc bằng đại học đều tăng lên trong 15 năm qua. Còn nước Mỹ chúng ta vẫn đứng yên. Chúng ta đang trì trệ, đánh mất phương hướng, và các nước khác đang vượt qua chúng ta theo đúng nghĩa đen... Một thực tế khác tệ hại không kém là cứ bốn học sinh trung học Mỹ thì có một em – tức là 25% – bỏ học hoặc không tốt nghiệp được đúng thời hạn. Có nghĩa là mỗi năm có khoảng một triệu học sinh bỏ học ra đường. Điều này vừa thiếu bền vững về mặt kinh tế, vừa không thể chấp nhận được về mặt

đạo đức. Học sinh bỏ học thường sẽ phải đối mặt với nghèo đói và thất bại trong xã hội. Một trong những cuộc họp báo bất thường và nghiêm túc hơn mà tôi tham gia năm ngoái là cuộc họp công bố báo cáo của một nhóm các tướng lĩnh cấp cao đã nghỉ hưu, trong đó có tướng Wesley Clark và thiếu tướng James Kelly. Cũng như tôi, họ hết sức lo ngại về gánh nặng mà hệ thống giáo dục kém cỏi của Mỹ đặt lên tương lai an ninh quốc gia. Sau đây là những con số gây choáng váng được liệt kê trong báo cáo: 75% thanh niên Mỹ, tức là trong lứa tuổi từ 17 đến 24, không đủ điều kiện gia nhập quân đội Mỹ vì không tốt nghiệp được trung học, có tiền án tiền sự hoặc không đáp ứng được yêu cầu về thể chất. Vì vậy, mượn một câu nói phổ biến thời kỳ chạy đua vào không gian, có thể nói: Houston, chúng ta đang gặp rắc rối*.

Trong bài viết tiếp theo đăng trên tờ *Foreign Affairs* (số tháng 11-12/2010), Duncan nói thêm rằng thế hệ thanh niên Mỹ ngày nay có tỷ lệ tốt nghiệp đại học bằng với thế hệ cha mẹ họ. Nói cách khác, chúng ta không tiến bộ thêm bước nào. Những con số cho thấy toàn bộ câu chuyện.

Duncan viết: “Hiện tại, có khoảng một phần tư học sinh lớp 9 không thể học xong trung học trong bốn năm kế tiếp. Trong các nước OECD, chỉ Mexico, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ và New Zealand là có tỷ lệ học sinh bỏ học cao hơn Mỹ”. Con số này không hề được cải thiện ở các cấp học khác trong hệ thống giáo dục.

Kỳ thi đầu vào đại học cho thấy chỉ có một phần tư học sinh tốt nghiệp trung học có đủ trình độ sẵn sàng vào học đại học và 40% sinh viên mới của các trường cao đẳng cộng đồng phải học thêm ít nhất một lớp bổ sung kiến thức trong học kỳ đầu tiên. Vào tháng 6, Trung tâm Giáo dục và lực lượng lao động đưa ra dự báo rằng đến năm 2018, nền kinh tế Mỹ sẽ cần thêm khoảng 22 triệu người lao động có trình độ đại học, nhưng với tỷ lệ tốt nghiệp như hiện tại thì chúng ta sẽ thiếu ít nhất 3 triệu người. Trung tâm cũng cảnh báo rằng do thiếu người có bằng đại học nên Mỹ đang “đi theo hướng phá hoại tương lai”.

* Chạy đua vào không gian: chỉ cuộc chạy đua giữa Mỹ và Liên Xô từ giữa đến cuối thế kỷ 20 trong lĩnh vực khám phá vũ trụ.

Câu nói “Houston, chúng ta đang gặp rắc rối” được cho là của James Lovell, thành viên phi hành đoàn tàu Apollo 13 báo cáo về NASA, Houston khi Apollo 13 gặp trục trặc kỹ thuật trong chuyến bay lên mặt trăng ngày 14/4/1970.

Duncan bổ sung thêm rằng các trường cao đẳng và đại học Mỹ vẫn có tỷ lệ nhập học thuộc nhóm cao nhất thế giới: “gần 70% học sinh tốt nghiệp trung học ở Mỹ vào học đại học trong vòng một năm. Nhưng chỉ có 60% số sinh viên theo học chương trình cử nhân bốn năm tốt nghiệp được trong vòng sáu năm và chỉ 20% sinh viên theo học chương trình cao đẳng cộng đồng hai năm tốt nghiệp được trong vòng ba năm”.

Phần lớn những gì Duncan miêu tả đang diễn ra trong nhóm người trung lưu, nhưng với những cộng đồng khó khăn hơn thì bức tranh âm đạm hơn nhiều. Nghiên cứu của Quỹ Lao động địa phương Detroit thực hiện vào tháng 5/2011 cho biết 47% công dân trưởng thành ở Detroit, tương đương 200.000 người thực chất là mù chữ. Có nghĩa là gần một nửa số dân cư trưởng thành trong thành phố không thể thực hiện những việc đơn giản như đọc sách hướng dẫn, đọc nhãn hàng hóa hay máy móc hoặc điền vào đơn xin việc. Điều đáng ngại là khoảng 100.000 người trong số đó đã có bằng trung học hoặc tương đương. Bạn có thể kích thích kinh tế Detroit bằng đủ mọi cách, nhưng nếu việc làm có quay lại đây thì những người không biết đọc cũng sẽ không thể làm được việc.

Tính trên cả nước, chúng ta đã chi một số tiền khổng lồ để đào tạo bổ sung cho những người đi làm có bằng trung học và đại học – trình độ mà lẽ ra người lao động khi đạt được phải sẵn sàng làm việc rồi, nhưng họ thì chưa. Ban Quốc gia về kỹ năng viết (do Ủy ban các trường đại học thành lập) đã tiến hành một nghiên cứu năm 2004 trên 120 công ty Mỹ và kết luận rằng một phần ba người lao động ở các công ty hàng đầu trong nước có kỹ năng viết rất nghèo nàn và các công ty phải chi 3,1 tỷ dollar mỗi năm để đào tạo bổ sung kiến thức cho họ. Nhà báo giáo dục Sam Dillon của báo *New York Times* viết (ngày 07/12/2004):

R. Craig Hogan, cựu giáo sư đại học, hiện đang quản lý một trường học trên mạng chuyên đào tạo kỹ năng viết trong kinh doanh [tại Illinois] nhận được một bức thư điện tử đau khổ của một học viên tương lai: “em cần thầy giúp đỡ” – bức thư viết, không hề có dấu chấm câu. “em đang viết bài luận về cách viết em làm cho công ty này và sếp em muốn em hỗ trợ những người khác cải thiện kỹ năng viết liệu thầy có thể cung cấp thông tin cho em về khóa học được không cảm ơn thầy”... Giáo sư Hogan nói: “Thư điện tử là lĩnh vực mà các giáo viên ngôn ngữ chưa được mời đến giảng dạy”.

Tóm lại, trong lĩnh vực giáo dục, chúng ta chưa hề cập nhật công thức thành công như chúng ta đã từng làm để đảm bảo mọi học sinh Mỹ được phổ cập giáo dục trung học không mất tiền. “Chúng ta chưa có một cam kết nào cho thế kỷ 21 giống như từng cam kết mọi người đều được học trung học miễn phí”, theo lời Lawrence Katz, nhà kinh tế học lao động của Đại học Harvard. Khi cần phải tăng tốc thì chúng ta lại đứng nguyên tại chỗ. Katz nhắc lại một con số thống kê biết nói đáng buồn: “Những người Mỹ ở độ tuổi 55 hiện vẫn là những người có trình độ cao nhất so với những người cùng độ tuổi với họ trên thế giới. Nhưng thanh niên Mỹ ở độ tuổi 25 thì chỉ đứng ở vị trí trung bình”. Ông bổ sung: “Đây là một hiện tượng mới”.

Những cây cầu

Nếu mọi người Mỹ đều có cơ hội so sánh nhà ga trung tâm lộng lẫy ở Berlin với ga Penn bản thủ, cũ kỹ ở thành phố New York thì hẳn họ sẽ nguyên rủa chúng ta mới là phe thất bại trong Thế chiến thứ hai. Nếu bạn đi từ New York đến Washington bằng đoàn tàu Amtrak Acela – bản sao vụng về nguyên bản tàu siêu tốc Shinkansen của Nhật thì – nói một cách khiêm tốn, việc gọi một cuộc điện thoại di động tương đối lâu đã là mạo hiểm. Cứ nói chuyện được mười lăm phút thì điện thoại sẽ bị mất tín hiệu ba hoặc bốn phút. Mỗi khi phải gọi điện thoại di động trên tàu Acela thì một người trong hai chúng tôi thường bắt đầu bằng câu: “Nói nhanh nhé, không phải tôi đang gọi từ Trung Quốc đâu mà tôi đang ở trên tàu Acela”. Còn sân bay của chúng ta thì sao? Một vài sân bay có thể coi là đủ tiêu chuẩn trở thành di tích lịch sử. Chúng tôi xin đề cử sân bay quốc tế Los Angeles (LAX) và một số ga thuộc sân bay John F. Kennedy (JFK) ở New York cho vị trí cao quý này. Nhà ga nội địa cầu bồng, chật chội ở sân bay Los Angeles giống như một ngôi sao điện ảnh của thập kỷ 1970 nhan sắc đã phai tàn, từng được coi là vô cùng hấp dẫn, nhưng đã trải qua vô số lần căng da mặt và giờ thì không giấu nổi những nếp nhăn nữa. Xét trên nhiều mặt, các sân bay LAX, JFK và ga Penn chính là nước Mỹ. Chúng ta là Hợp chủng quốc Chậm bảo trì. (Còn Trung Quốc thì ngược lại, là Cộng hòa nhân dân Chậm hài lòng).

Trong giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai của Mỹ, đường sá ngày càng đông đúc, những cây cầu ngày càng ọp ẹp, hệ thống cấp nước ngày càng bị rò rỉ, còn số người xếp hàng ở sân bay ngày càng dài. Năm 2009, Hiệp hội Kỹ

sự xây dựng Mỹ (ASCE) đã công bố Báo cáo đánh giá về Cơ sở hạ tầng Mỹ với kết quả chung là điểm D. Báo cáo còn cho điểm riêng 15 nhóm công trình hạ tầng. Không có nhóm nào được điểm cao hơn C+. “Trải qua hàng chục năm thiếu vốn và không được quan tâm, các công trình hạ tầng trong nước đang bị đe dọa nghiêm trọng”, các kỹ sư nhận định. Họ cho biết thêm là tính từ báo cáo gần nhất của họ vào năm 2005 đến năm 2009, đường sá, cầu cống, hệ thống cấp nước sinh hoạt và các công trình công cộng khác gần như không thay đổi gì mấy, còn chi phí sửa chữa (khi chúng được sửa chữa) thì gia tăng. ASCE ước tính số tiền cần thiết để sửa chữa hệ thống cơ sở hạ tầng của Mỹ vào năm 2009 là 2,2 nghìn tỷ dollar so với 1,6 nghìn tỷ dollar năm 2005.

Theo các kỹ sư, “năm 2009, mọi dấu hiệu đều cho thấy hệ thống cơ sở hạ tầng của chúng ta đang không được bảo dưỡng đúng mức, không thể đáp ứng được nhu cầu sử dụng cả ở hiện tại và tương lai. Một số công trình còn kém an toàn”. Bài báo đăng trên trang tin tức môi trường Environment News Service (ngày 28/01/2009) về đánh giá cơ sở hạ tầng còn lưu ý rằng các kỹ sư cho “hệ thống quản lý chất thải rắn điểm cao nhất, C+. Tình trạng các cây cầu được điểm cao thứ nhì: điểm C. Hai nhóm công trình đường sắt và công viên giải trí công cộng cùng được điểm C-. Tất cả các nhóm công trình khác đều nhận được điểm từ D đến D-, trong đó có cơ sở hạ tầng hàng không, đập nước, công trình xử lý chất thải độc hại, hệ thống đường thủy nội địa, đê điều, đường sá, trường học và hệ thống nước thải”.

Tình trạng thực tế còn xấu hơn những gì báo cáo nêu ra. “Chính phủ Mỹ đã liệt kê 18 công trình hạ tầng có vai trò ‘quan trọng’ đối với đất nước”, Mark Gerencser viết trong bài báo “Tái hình dung cơ sở hạ tầng” đăng trên tạp chí *American Interest* (số tháng 3-4/2011). “Trong số 18 nhóm cơ sở hạ tầng, có ba nhóm thuộc loại cơ bản, là những công trình mang tính chất ‘xương sống’: năng lượng, giao thông và nước. Thực tế là cả ba đều đã quá già cỗi, thời hạn sử dụng của chúng đã gần hết. Chúng đều trong tình trạng vô cùng cần được tái đầu tư và hiện đại hóa để đáp ứng yêu cầu mới cũng như nhu cầu sử dụng ngày càng gia tăng do dân số tăng lên”. Báo cáo của ASCE trích lời thống đốc bang Pennsylvania Ed Rendell: “Chúng ta càng trì hoãn thì chi phí sửa chữa sẽ càng tăng lên... Tình hình đã trở nên cấp bách không kém gì vấn đề y tế”. Chúng ta đã chờ quá lâu – chúng ta đã để cho mọi thứ cứ trượt dốc trong hai thập kỷ. Cái giá phải trả để quay lại được như cũ, trở thành một dân tộc, một đất nước như trong quá khứ sẽ chỉ có ngày càng tăng.

Chảy máu chất xám

Tháng 3/2010, một buổi tiệc lớn được tổ chức ở Bảo tàng quốc gia tại Washington, D.C. Toàn cả vạt đen và váy dài. Nhưng đây không phải bữa tiệc thông thường. Có 40 vị khách danh dự. Có câu đố dành cho bạn đọc như sau: Chúng tôi sẽ liệt kê tên của các vị khách, bạn thử đoán xem họ tham gia bữa tiệc gì. Bạn sẵn sàng chưa?

Linda Zhou, Alice Wei Zhao, Lori Ying, Angela Yu-Yun Yeung, Lynnelle Lin Ye, Kevin Young Xu, Benjamin Chang Sun, Jane Yoonhae Suh, Katheryn Cheng Shi, Sunanda Sharma, Sarine Gayaneh Shahmirian, Arjun Ranganath Puranik, Raman Venkat Nelakanti, Akhil Mathew, Paul Masih Das, David Chienyun Liu, Elisa Bisi Lin, Yifan Li, Lanair Amaad Lett, Ruoyi Jiang, Otana Agape Jakpor, Peter Danming Hu, Yale Wang Fan, Yuval Yaacov Calev, Levent Alpoge, John Vincenzo Capodilupo và Namrata Anand.

Xin lỗi, bạn nhầm rồi, không phải tiệc của Hội Hữu nghị Trung - Ấn đâu. Bạn đầu hàng à? Tất cả khách mời danh dự đều là học sinh các trường trung học Mỹ, thuộc 40 em đã lọt vào vòng chung kết cuộc thi Tìm kiếm tài năng khoa học Intel năm 2010. Đây là cuộc thi được tổ chức trên toàn quốc nhằm tìm kiếm và tôn vinh những học sinh trung học xuất sắc nhất nước Mỹ trong lĩnh vực toán và khoa học dựa vào lời giải các em đưa ra cho các câu hỏi khoa học. Nhìn vào danh sách tên có thể thấy rõ ràng phần lớn các em là con cái các gia đình nhập cư, chủ yếu từ châu Á.

Nếu bạn cần bằng chứng thuyết phục về ưu điểm của chính sách nhập cư thì chỉ cần đến dự vòng chung kết cuộc thi của Intel. Chúng ta cần duy trì dòng người nhập cư hợp pháp vào nước Mỹ, cho dù họ là công nhân cổ xanh hay mặc chiếc áo nghiên cứu trong phòng thí nghiệm. Vì đây là một phần trong công thức thành công của nước Mỹ mà rất ít nước khác có thể bắt chước được. Khi tất cả những con người đầy năng lượng và cảm hứng này được sống trong một xã hội dân chủ, thị trường tự do thì phép màu sẽ xảy ra. Nếu muốn giữ mãi phép màu ấy thì chúng ta cần cải cách chính sách nhập cư để đảm bảo rằng nước Mỹ sẽ luôn thu hút và giữ được những con người tinh hoa hàng đầu thế giới về khát vọng và trí tuệ – một cách hợp pháp, có trật tự.

Người chiến thắng cuối cùng trong cuộc thi của Intel năm 2010 với phần thưởng 100.000 dollar cho dự án xuất sắc nhất trong số 40 thí sinh là Erika Alden DeBenedictis, bang New Mexico. Em đã xây dựng một hệ thống phần

mềm định vị, cho phép tàu vũ trụ có thể “di chuyển trong hệ mặt trời” hiệu quả hơn. Bé mặc buổi tiệc, Alice Wei Zhao, học sinh trường North High School ở Sheboygan, bang Wisconsin được mời đại diện cho các thí sinh lên phát biểu. Em nói: “Xin mọi người đừng lo ngại về những khó khăn mà thế hệ chúng cháu sẽ phải đối mặt. Hãy tin cháu, tương lai đất nước sẽ nằm trong tay những con người tốt đẹp”.

Chúng tôi tin rằng em nói đúng, chùng nào nước Mỹ chưa đóng cánh cửa nhập cư – nhưng đó lại chính là những gì chúng ta đang làm. Trước đây, nước Mỹ vượt qua được sự thiếu hụt tài năng khoa học kỹ thuật bằng cách nhập khẩu nhân lực. Không may là cách này ngày càng khó thực hiện và ít phổ biến hơn.

Nhận xét của Vivek Wadhwa, một học giả gốc Ấn về vấn đề nhập cư sẽ cho chúng ta thấy rõ hơn: “Lần đầu tiên trong lịch sử, Mỹ đang gặp phải tình trạng chảy máu chất xám mà không hề biết”. Wadhwa còn là một doanh nhân và là nghiên cứu viên cao cấp của Chương trình Lao động và việc làm thuộc Trường luật Harvard, đồng thời ông cũng tham gia quản lý tại Đại học Duke. Ông đã đọc rất nhiều nghiên cứu về mối quan hệ giữa nhập cư và đổi mới. Tất cả đều cho thấy một điều sống còn với tương lai nước Mỹ là phải nuôi dưỡng được mối quan hệ này, đồng thời tăng khả năng thu hút tài năng đến nhập cư vì rất nhiều nước khác hiện đang làm điều tương tự.

“Khi cuộc tranh luận về vai trò của người nhập cư trình độ cao trở nên gay gắt thì chúng ta lại không thấy được một điều rất quan trọng: Nước Mỹ không còn là quốc gia duy nhất mang lại cơ hội cho người dân các nước khác nữa”, Wadhwa viết trên tờ *Bloomberg BusinessWeek* (ngày 05/3/2009).

Còn một đích đến khác ngày càng hứa hẹn hơn: quê hương họ. Nghiên cứu mới cho thấy rất nhiều người nhập cư đã quay về nước, đặc biệt là Ấn Độ và Trung Quốc để tận hưởng chất lượng cuộc sống cao hơn, cơ hội phát triển sự nghiệp tốt hơn, và họ còn được sống gần gia đình và bè bạn. Xu hướng này ngày càng tăng trong vài năm qua, một phần vì người nhập cư đã hết kiên nhẫn với việc chờ đợi để có thị thực nhập cảnh Mỹ. Cuối năm 2006, hơn một triệu người có trình độ chuyên môn và gia đình của họ phải xếp hàng chờ 120.000 suất cư trú vĩnh viễn ở Mỹ mỗi năm. Một số người trong bọn họ đã chờ hơn 10 năm.

Wadhwa viết: Cần quan tâm đến tất cả những chuyện này “vì người nhập cư đóng vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế của chúng ta trong dài hạn.

Mặc dù họ chỉ chiếm 12% dân số, nhưng họ đã thành lập 52% công ty công nghệ ở Thung lũng Silicon và đóng góp 25% số bằng phát minh sáng chế tại Mỹ. Họ chiếm 24% số người có bằng đại học và 47% số người có bằng tiến sĩ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật”. Wadhwa và hai đồng nghiệp đã tiến hành điều tra 1.203 người Ấn Độ và Trung Quốc nhập cư vào Mỹ nhưng sau đó đã quay về nước. Đại đa số họ đều còn trẻ và có trình độ, bằng cấp cao. Khi được hỏi tại sao lại quay về quê hương, 84% người Trung Quốc và 69% người Ấn Độ nêu lý do liên quan đến cơ hội phát triển chuyên môn. Với phần lớn bọn họ, mong muốn được gần gũi gia đình, bạn bè cũng là một nguyên nhân quan trọng. Khi được hỏi liệu việc chờ đợi thị thực vào Mỹ có đóng vai trò đáng kể trong quyết định của họ không, một phần ba người Ấn Độ và một phần năm người Trung Quốc khẳng định là có. Theo Wadhwa, phần lớn những người quay về quê hương “có vẻ vẫn tiếp tục phát triển. Do nhu cầu lao động có trình độ ở quê hương họ ngày càng tăng nên họ đều thành công trong sự nghiệp. Khoảng 10% người Ấn được phỏng vấn đã từng nắm vị trí quản lý cao cấp ở Mỹ. Tỷ lệ này tăng lên 44% sau khi họ về nước. Còn với những người Trung Quốc, tỷ lệ tương ứng là 9% khi họ làm ở Mỹ và 36% khi họ quay về nhà”.

Một số người phản đối chính sách cải tiến hệ thống cấp thị thực để thu hút và giữ được các công dân nước ngoài trình độ cao vì họ cho rằng trao việc làm cho người nước ngoài tức là tước đi việc làm của người Mỹ. Như Wadhwa viết trên tờ *Bloomberg BusinessWeek* (ngày 04/5/2009), trong một số trường hợp, họ nói đúng. Một vài công ty đã sử dụng thị thực loại H-1B* để thuê lao động nước ngoài nhằm giảm chi phí trả lương. “Nhưng xét trên tổng thể, có bằng chứng mạnh hơn cho thấy càng có nhiều người nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thì nước Mỹ càng có lợi. Số người có thị thực H-1B ở một vùng tỷ lệ thuận với số bằng phát minh sáng chế ở vùng đó. Và nếu số người nhập cư có bằng đại học tăng lên 1% thì số bằng phát minh sáng chế tính trên đầu người tăng 6%”.

Chính sách nhập cư hiện nay của Mỹ “rõ ràng là ngớ ngẩn” – kết luận của Peter Schuck, giảng viên Trường luật thuộc Đại học Yale và John Tyler, cố vấn của Quỹ Ewing Marion Kauffman chuyên nghiên cứu về đổi mới sáng tạo. Trong một bài viết đăng trên tạp chí *Wall Street* (ngày 11/5/2011), họ lưu ý rằng “năm 2010 có hơn một triệu người được phép cư trú lâu dài ở Mỹ, chưa đến 15% trong số đó được chấp nhận là do trình độ chuyên môn. Và phần

* Loại thị thực cư trú dành cho những cá nhân có tối thiểu bằng đại học được công ty Mỹ thuê để làm công việc mà người bản xứ không thể làm được hoặc thiếu nguồn nhân lực.

lớn số thị thực kia không dành cho bản thân những người nhập cư trình độ cao mà là cho người thân của họ”. Chương trình H-1B cho phép người nhập cư trình độ cao được làm việc ở Mỹ với thị thực được cấp mới ba năm một lần, sau đó họ có thể được cư trú lâu dài. Nhưng chương trình này quá nhỏ bé. “Hiện tại, số thị thực được cấp chỉ bằng một phần ba so với năm 2003”.

Nói bao nhiêu lần cũng không đủ: Những công việc có lương cao không xuất hiện ở những ngành được giải cứu mà từ những công ty mới thành lập bởi những người biết chấp nhận rủi ro, thông minh, sáng tạo, đầy cảm hứng. Chỉ có hai cách để có thêm nhiều những người như thế: nuôi dưỡng thêm bằng cách cải thiện hệ thống trường học và nhập khẩu thêm thông qua việc tuyển dụng người nhập cư có tài. Chắc chắn chúng ta phải làm cả hai. “Khi bạn có được những người vừa có IQ cao, vừa thích rủi ro này làm việc cho chính phủ, đồng thời xã hội ủng hộ họ thì đất nước sẽ thu được lợi ích lớn hơn bình thường”, đó là nhận định của Cragin Mundie, người phụ trách nghiên cứu và chiến lược của Microsoft. “Điểm chung giữa Singapore, Israel và Mỹ là gì? Các nước này đều được xây dựng bởi những người IQ cao và ưa thích rủi ro, và tất cả đều phát triển. Nhưng chỉ có ở Mỹ là hiện tượng này diễn ra trên phạm vi rộng, với sự tham gia của nhiều người đến từ khắp nơi trên thế giới. Nhờ đó, chúng ta thực sự là một quốc gia phong phú, đa dạng”.

Trong giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai, chúng ta vừa cắt giảm giáo dục đại học, vừa hạn chế tiếp nhận người nhập cư giỏi vào trong nước. Hai hành động này đang làm Mỹ bị xói mòn khả năng đào tạo, thu hút những con người sáng tạo, ưa mạo hiểm ngay trong lúc các quốc gia khác đang ngày càng có khả năng giữ người tài của họ tốt hơn.

Nếu không thay đổi được xu thế này thì theo thời gian, “chúng ta sẽ mất đi yếu tố cạnh tranh quan trọng nhất – yếu tố duy nhất đem lại lợi thế tích lũy lâu dài: đó là nước Mỹ có nhiều con người sáng tạo, ưa mạo hiểm nhất với xuất xứ đa dạng nhất”, theo lời Mundie. “Nếu đánh mất yếu tố ấy, mức sống của người Mỹ sẽ dần dần tụt xuống ngang bằng với mức trung bình trên thế giới”.

Không may là trong giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai, nền chính trị Mỹ không thể đưa ra được chính sách cải cách hệ thống nhập cư. Tổng thống George W. Bush đã rất nỗ lực, nhưng ông bị chính những thành viên trong đảng của ông ngăn cản. Họ bất bình trước những người nhập cư bất hợp pháp đến mức họ không còn hiểu được vai trò hết sức quan trọng của những người nhập cư hợp pháp. “Chương trình thị thực H-1B chính là chìa khóa giúp chúng ta trở thành quốc gia sáng tạo trong lĩnh vực năng lượng và máy

tính”, Thượng nghị sỹ Lindsey Graham nói. Ông là đảng viên Cộng hòa bang South Carolina, người luôn phê phán thái độ bảo thủ trong đảng về vấn đề nhập cư. “Phần lớn cuộc đời chúng ta đều đã thấy. Nếu bạn muốn là một người khôn ngoan, có bằng cấp cho phép bạn trở thành người lãnh đạo thì bạn sẽ đến Mỹ. Nhưng giờ đây, nhập cảnh vào Mỹ là vô cùng khó khăn. Và khi bạn nhập cảnh được vào Mỹ rồi thì cũng rất khó ở lại”.

Cải cách chính sách nhập cư là một nhiệm vụ cấp thiết hơn nhiều so với chúng ta nghĩ. Cần cải cách sao cho vừa đảm bảo an ninh vùng biên giới, vừa tạo ra con đường hợp pháp cho 12 triệu người nhập cư bất hợp pháp hiện đã ở Mỹ được trở thành công dân chính thức, đồng thời tuyển được người nhập cư trình độ cao vào làm việc và nhập quốc tịch. Chúng ta cần cả những người ưa rủi ro, có trí tuệ lẫn những người khỏe mạnh. Người có trình độ thấp có thể không viết được phần mềm, nhưng họ vẫn có đóng góp cho nền kinh tế Mỹ. Doanh nhân Mỹ gốc Ấn Vivek Paul từng nói với Tom: “Chính việc bị tụt hậu lại so với xã hội là động lực lớn nhất khiến con người thay đổi. Cho dù bạn là bác sỹ hay người làm vườn, bạn vẫn có khát khao đạt được thành công”.

Triệu? Ý anh là tỷ? Không, triệu thôi!

Mùa thu năm 2010, Kishore Mahbubani, học giả, nhà ngoại giao đã về hưu người Singapore đến thăm Tom. Trong cuộc nói chuyện, Tom kể với ông là chính phủ Obama đang có kế hoạch xây dựng tám trung tâm nghiên cứu tám vấn đề năng lượng lớn nhất thế giới hiện nay. Đây chính xác là loại dự án có thể mở rộng biên giới kiến thức khoa học trong toàn bộ lĩnh vực năng lượng và mở ra những ngành công nghiệp mới. Tom giải thích rằng chương trình này chưa được tài trợ toàn bộ vì Quốc hội – vốn đang bần khoản về từng xu nước Mỹ phải bỏ ra – hết sức miễn cưỡng mới chấp nhận yêu cầu chi toàn bộ 25 triệu dollar cho từng dự án năng lượng mang tính đột phá chứ đừng nói đến tám dự án một lúc. Vì vậy hiện chỉ có ba dự án đang trong quá trình triển khai, và không dự án nào được nhận đủ 25 triệu dollar. Mahbubani cắt ngang lời Tom.

“Ý anh là tỷ dollar?”, ông hỏi.

“Không”, Tom trả lời, “25 triệu dollar”.

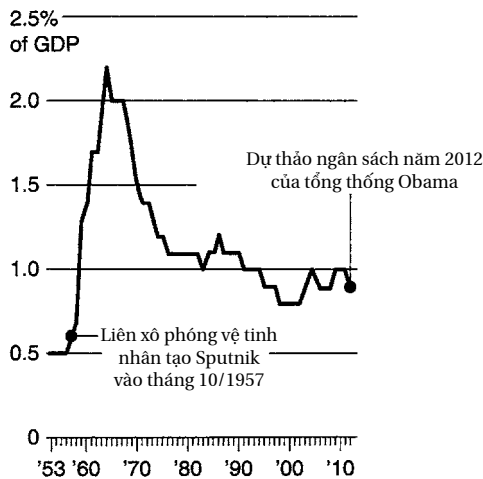
“Tỷ chứ”, Mahbuhani nhắc lại.

“Không, triệu thôi”, Tom khẳng định.

Mahbubani hết sức ngạc nhiên. Ông không thể tin được là trong khi quốc gia - thành phố nhỏ bé của ông đang đầu tư hơn 1 tỷ dollar để biến Singapore thành một trung tâm y sinh học và thu hút những người giỏi nhất thế giới thì ở Mỹ người ta lại tranh cãi về việc chi có vài triệu dollar vào những nghiên cứu năng lượng mang tính đột phá. Lại một hình ảnh về chúng ta ngày nay: Tư duy hạn hẹp và cái tôi khổng lồ. Vấn đề nghe có vẻ nhỏ, nhưng thực ra không phải.

Một quốc gia thường không phát triển lên hay suy yếu đi vì quyết định sai một chuyện lớn mà do làm sai hàng nghìn chuyện nhỏ – những quyết định dẫn tới họ nhằm lẫn về mục tiêu ưu tiên phải làm và phân bổ nguồn lực không đúng chỗ, do đó không khai thác được tối đa tiềm năng của mình. Đây chính là vấn đề mà nước Mỹ trong giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai gặp phải. Báo *Washington Post* (ngày 30/4/2011) đã đăng một biểu đồ minh họa rõ điều này: Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tăng trưởng nhanh cộng với vai trò ngày càng quan trọng của tri thức đang khiến cho việc tăng cường đầu tư vào nghiên cứu và triển khai trở thành ưu tiên cấp bách thì số tiền chúng ta chi tiêu vào lĩnh vực này thực chất lại giảm.

Chi ngân sách liên bang cho nghiên cứu và triển khai



CHÚ Ý: Số liệu năm 2011 và 2012 là số dự báo.

Nguồn: Báo *Washington Post*, © 30/4/2011.

Năm 2005, cả Thượng viện và Hạ viện đều khuyến khích Viện Hàn lâm quốc gia (về khoa học, kỹ thuật và y tế) và Hội đồng Nghiên cứu quốc gia cùng tiến hành nghiên cứu về sức cạnh tranh của Mỹ trên thị trường toàn cầu. Họ đã công bố báo cáo có tên *Vượt lên bão táp*, đánh giá vị trí của Mỹ trên các lĩnh vực sáng tạo và cạnh tranh chính, gồm vốn tri thức, vốn con người và sự tồn tại của “hệ sinh thái” sáng tạo. Theo trang web của Viện Hàn lâm quốc gia: “Có thể rút ra nhiều nhận xét quan trọng... Tỷ lệ chi ngân sách liên bang cho nghiên cứu và triển khai so với GDP đã giảm 60% trong vòng 40 năm. Về vốn con người, hơn hai phần ba số kỹ sư được các trường đại học Mỹ cấp bằng tiến sỹ không phải là công dân Mỹ. Còn về Hệ sinh thái sáng tạo, số tiền các công ty Mỹ chi cho các vụ kiện nhiều gấp đôi chi cho nghiên cứu khoa học”.

Sau báo cáo *Vượt lên bão táp*, cuối cùng chúng ta đã ra được Đạo luật Cạnh tranh cho phép đầu tư vào một loạt các nghiên cứu cơ bản. Điều này dựa trên nguyên tắc

động lực chính của nền kinh tế trong tương lai và tạo ra việc làm chính là đổi mới sáng tạo, chủ yếu là tiến bộ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật... Sự kiện các nhà khoa học giải mã được bộ gene di truyền của loài người đã mở ra những cơ hội hoàn toàn mới trong rất nhiều lĩnh vực, trong đó có y học. Tương tự, nhờ các nhà khoa học và kỹ sư tìm được cách tăng tốc độ của mạch IC lên gấp một triệu lần trong 40 năm qua mà các công ty có thể thay máy ghi âm bằng iPod, thay bản đồ bằng thiết bị định vị toàn cầu GPS, thay điện thoại cố định bằng điện thoại di động, thay máy chụp X quang hai chiều bằng máy chụp cắt lớp ba chiều, thay sách giấy bằng sách điện tử, thay thước tính bằng máy tính và rất nhiều thứ khác nữa.

Phần lớn những khoản đầu tư ban đầu cho nghiên cứu mở rộng được đề xuất trong báo cáo *Vượt lên bão táp* được thông qua là nhờ vào chính sách kích thích kinh tế có hiệu lực sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 – và chỉ được áp dụng trong một thời hạn nhất định. Năm 2010, nhóm các tác giả tập trung lại và cho ra báo cáo cập nhật có tên *Vượt lên bão táp phiên bản mới: Nhanh chóng tiếp cận nhóm 5*.

“Nước Mỹ đang ở đâu nếu so với năm năm trước khi báo cáo *Vượt lên bão táp* được công bố?”, báo cáo mới đặt câu hỏi. Các thành viên tham gia soạn thảo báo cáo đều thống nhất quan điểm rằng triển vọng của đất nước đang xấu đi. Mặc dù một vài lĩnh vực có tiến bộ... nhưng khả năng giải quyết những

khó khăn mà chúng ta phải đối mặt bị suy giảm nghiêm trọng bởi trong thời gian qua, nợ quốc gia đã tăng từ 8 nghìn tỷ lên 13 nghìn tỷ dollar”.

Để nhấn mạnh ý trên, báo cáo mới bắt đầu với một loạt con số thống kê như sau:

Năm 2009, số tiền người dân Mỹ bỏ ra mua khoai tây rán lớn hơn nhiều so với số tiền chính phủ bỏ ra cho nghiên cứu và triển khai trong lĩnh vực năng lượng – 7,1 tỷ dollar so với 5,1 tỷ dollar.

Trung Quốc hiện là quốc gia đứng thứ hai thế giới về số bài báo được công bố trong lĩnh vực y sinh học – họ đã vượt qua Nhật Bản, Anh, Đức, Italia, Pháp, Canada và Tây Ban Nha.

Năm 2009, 51% số bằng sáng chế của Mỹ được trao cho các công ty không phải của Mỹ. Chỉ bốn trong số mười công ty có nhiều bằng sáng chế nhất năm ngoái là công ty Mỹ.

Tỷ lệ chi ngân sách liên bang cho nghiên cứu trong lĩnh vực vật lý so với GDP đã giảm 54% trong 25 năm tính từ 1970. Mức giảm tương ứng trong lĩnh vực kỹ thuật là 51%.

69% học sinh các trường công của Mỹ từ lớp năm đến lớp tám phải học những giáo viên toán không có bằng cấp về toán học.

93% học sinh các trường công của Mỹ từ lớp năm đến lớp tám phải học những giáo viên vật lý không có bằng cấp về vật lý.

39 năm trước, 10% thu ngân sách của bang California được dành cho giáo dục đại học. 3% được dành cho các nhà tù. Hiện nay, tỷ lệ dành cho hệ thống nhà tù là 11%, còn cho giáo dục đại học là 8%.

Hiện tại, tổng đầu tư hàng năm vào nghiên cứu trong lĩnh vực toán học, vật lý và kỹ thuật từ ngân sách liên bang Mỹ chỉ bằng với mức tăng chi phí tế trong chín tuần.

Đại học Thanh Hoa và Đại học Bắc Kinh của Trung Quốc là hai nguồn cung cấp nghiên cứu sinh được trao bằng tiến sĩ lớn nhất tại các trường đại học Mỹ.

Và cuối cùng là con số làm chúng tôi thấy thú vị một cách đáng buồn: 49% người trưởng thành ở Mỹ không biết mất bao lâu để Trái Đất quay một vòng quanh mặt trời.

Chính sách quản lý

Một nội dung cơ bản trong công thức thành công truyền thống của Mỹ là phải có chính sách quản lý doanh nghiệp phù hợp. Nếu được nhận thức và thực hiện một cách đúng đắn, các quy định quản lý doanh nghiệp sẽ đóng vai trò như nền tảng trung gian: không quá chặt chẽ, làm cản trở quá trình đổi mới và tinh thần kinh doanh, hạn chế tăng trưởng kinh tế; cũng không quá lỏng lẻo để có thể tránh được sự dư thừa và những nhược điểm mà thị trường tự do dễ mắc phải. Trong giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai, chúng ta đã đi quá xa theo cả hai hướng này.

Số lượng luật liên bang điều chỉnh hoạt động của khu vực tư nhân ngày càng tăng lên trong mười năm qua. Năm 2007, Bộ luật Liên bang – bao gồm tất cả các luật hiện hành – đã có tới 145.816 trang, và từ đó đến nay vẫn tiếp tục dày hơn. Khó mà tin được rằng tất cả các luật đều đem lại phúc lợi lớn hơn cho người dân Mỹ. Như tờ *The Economist* lưu ý trong bài viết ngày 18/02/2012 về luật ở nước Mỹ, “Các chính quyền thuộc hai đảng tiếp tục bổ sung hàng đồng luật, rất ít trong số chúng bị hủy bỏ. Các nghị sỹ Cộng hòa viết luật để ngăn chặn khủng bố, làm cho việc bay trên đất Mỹ trở thành một thử thách và đẩy vô số những người nhập cư trí thức chuyển hướng sang Canada. Các nghị sỹ Dân chủ viết luật để mở rộng nhà nước phúc lợi. Cải cách y tế năm 2010 của Barack Obama có nhiều ưu điểm, đặc biệt là nỗ lực làm cho bảo hiểm y tế đến được với mọi người dân. Nhưng nó hầu như chẳng làm gì để giảm sự chao đảo của hệ thống và còn làm tăng sự phức tạp. Mỗi giờ chữa trị một bệnh nhân ở Mỹ tạo ra ít nhất 30 phút làm thủ tục, thông thường là cả giờ. Vào năm tới, số lượng các loại bệnh và thương tật được liên bang ủy thác mà các bệnh viện có lẽ sẽ tuyên bố hoàn trả lại sẽ tăng từ 18.000 lên 140.000. Có chín mã bệnh liên quan đến thương tật do vệt gây ra, và ba mã liên quan đến bỏng do ván trượt bốc cháy.

Hơn nữa, luật pháp cũng có thể gây ra những hậu quả bất lợi ngoài dự tính. Năm 2005, dưới sức ép của ngành thẻ tín dụng và dịch vụ tài chính, Quốc hội đã thông qua Đạo luật Chống lạm dụng phá sản và bảo vệ khách hàng. Luật này gây rất nhiều khó khăn cho một cá nhân hoặc một tổ chức khi đệ trình yêu cầu phá sản theo Chương 7 để làm lại từ đầu. Trang web eFinanceDirectory.com giải thích: theo luật mới, “bạn không thể vận dụng Chương 7 để được miễn trừ nghĩa vụ trả mọi khoản nợ nữa trừ khi thu nhập

của bạn thấp hơn mức lương trung vị trong nước. Giờ đây, Chương 7 quy định rằng bạn phải theo học lớp quản lý nợ do Quỹ Tín dụng khách hàng phối hợp tổ chức vào thời điểm chậm nhất là sáu tháng TRƯỚC KHI bạn được đệ đơn xin phá sản”. Chúng tôi không ủng hộ việc khuyến khích thái độ liều lĩnh, nhưng chúng tôi thích chính sách tạo điều kiện cho mọi người chấp nhận rủi ro. Theo nghiên cứu của công ty McKinsey, số công ty thành lập mới giảm mạnh trong Đại Khủng hoảng – tỷ lệ giảm là 23% so với mức giảm thông thường 5% trong các cuộc khủng hoảng trước. Một vài chuyên gia cho rằng nguyên nhân là số người muốn chấp nhận rủi ro đã được dự tính trước và mở công ty mới ít đi do luật phá sản thay đổi. Kể từ khi bùng nổ các công ty dot-com, rất nhiều chủ doanh nghiệp nhỏ đã dùng thẻ tín dụng của họ làm nguồn vốn đầu tư mạo hiểm. Giờ đây, cách làm ấy trở nên rủi ro hơn rất nhiều.

Tuy nhiên, trong giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai, Mỹ lại có quá ít luật điều chỉnh các lĩnh vực khác thuộc ngành tài chính và năng lượng. Thảm họa sụp đổ ngành tài chính năm 2008 diễn ra khi chúng ta đang thực hiện chính sách giảm thiểu các quy định quản lý hệ thống tài chính. Ngoài một số lý do khác thì quan điểm này hình thành một phần nhờ niềm tin rằng hệ thống tài chính có khả năng tự điều chỉnh, và sự tách biệt giữa nghiệp vụ ngân hàng thương mại truyền thống với nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và nhận ủy thác kinh doanh tiền tệ – một quy định lâu đời nhằm ngăn chặn khủng hoảng tái diễn – không còn cần thiết nữa. Niềm tin ấy hóa ra là sai lầm, hết sức sai lầm.

Chắc chắn rằng có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến vụ sụp đổ tài chính do các khoản vay dưới chuẩn năm 2008. Người dân châu Á tiết kiệm được số tiền quá lớn, họ tìm kiếm nơi đầu tư có lợi nhuận cao nên đổ tiền vào các loại trái phiếu dưới chuẩn. Đây là loại trái phiếu có lãi suất cao, nhưng lại được hình thành từ những khoản vay đầy rủi ro. Chính phủ đã trực tiếp hạ thấp tiêu chuẩn cho vay để giúp nhiều người Mỹ mua được nhà hơn. Các ngân hàng và tổ chức xếp hạng tín dụng thì hạ tiêu chuẩn cho vay để được hưởng lợi từ bong bóng nhà dưới chuẩn. Chính phủ không thể quản lý được những công cụ tài chính mới như chứng khoán phái sinh, nhất là dưới sức ép ngành tài chính tạo ra vì họ muốn được tự do hoạt động trong lĩnh vực mới rất có lợi này.

Nhà kinh tế học Barry Eichengreen thuộc Đại học Berkeley California cho rằng cuộc khủng hoảng các khoản vay dưới chuẩn phần nào đó chính là trường hợp cho thấy chính sách quản lý và nhà quản lý không theo kịp quá

trình hợp nhất và quốc tế hóa của ngành ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư và môi giới tài chính. Nói cách khác, chúng ta chưa cập nhật được công thức thành công trong lĩnh vực ngân hàng. Trong hai thập kỷ qua, một số rào cản quan trọng được dựng lên sau cuộc khủng hoảng 1929 đã được dỡ bỏ, quy định về dự trữ bắt buộc của các ngân hàng cũng vậy. Sự hợp nhất giữa các lĩnh vực tài chính khác nhau là thực sự “khôn ngoan và có động lực để làm” – theo Eichengreen. Nó giúp giảm chi phí mua bán cổ phiếu, giảm chi phí tiền vay và tạo ra những công cụ tài chính mới mà trên lý thuyết không thể phát triển được trên các thị trường khác nhau. Vấn đề là ở chỗ quá trình hội nhập tài chính quốc tế này lại hoàn toàn không phù hợp với hệ thống chính sách quản lý tài chính dàn trải, lạc hậu của Mỹ. Vì vậy, các nhà quản lý khó mà thấy được bức tranh toàn cảnh về mức độ rủi ro và tình trạng đòn bẩy nợ của các đối tượng khác nhau trên thị trường. Trong bài viết *Nguồn gốc và phản ứng trước khủng hoảng* tháng 10/2008, Eichengreen viết: “cuộc khủng hoảng các khoản vay dưới chuẩn là hậu quả của xu hướng chuẩn hóa và đổi mới trong lĩnh vực tài chính để đi trước các quy định quản lý”. Ngành tài chính đi trước giới quản lý nhà nước rất xa, đến mức không chỉ nhà quản lý nhà nước không hiểu rõ rủi ro mà các công ty tài chính đang gánh chịu mà ngay chính giới lãnh đạo các công ty cũng không biết cấp dưới – những người có vẻ là chuyên gia tên lửa trước khi làm cho ngân hàng – đang làm gì.

Một trong những công cụ tài chính mới – loại chứng khoán phái sinh được gọi là giấy hoán đổi nợ, một dạng công cụ bảo vệ người sở hữu nó trong trường hợp không thu được khoản nợ dưới chuẩn ban đầu – còn không bị các quy định của chính phủ động tới nhờ giới tài chính đã vận động hành lang rất quyết liệt. Kết quả là hình thành thị trường các loại giấy hoán đổi nợ trị giá hàng nghìn tỷ dollar nhưng không hề có sự giám sát của nhà nước và cũng không minh bạch. Chính sự bùng nổ của công cụ này đã góp phần tạo ra cuộc khủng hoảng tài chính tồi tệ nhất lịch sử năm 1929.

Thiếu vắng sự giám sát của nhà nước trên thị trường hoán đổi nợ là do nỗ lực chung của hai đảng. Năm 1999, đảng Cộng hòa đã thông qua luật cho phép miễn trừ các công cụ hoán đổi nợ khỏi các quy định quản lý của nhà nước, và Tổng thống Bill Clinton là người ký ban hành. Giữa một môi trường pháp lý khuyến khích mọi người chấp nhận rủi ro – yếu tố cần thiết trong nền kinh tế thị trường – với một môi trường pháp lý cổ vũ cho thái độ liều lĩnh mang tính phá hoại có ranh giới rõ ràng. Trong giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai, chúng ta đã vượt qua ranh giới ấy, một phần vì một số nhân vật quan trọng, trong đó có Chủ tịch Cục Dự trữ liên bang Alan Greenspan luôn

tin rằng thị trường có khả năng “tự điều chỉnh”, và những tổ chức tài chính lớn sẽ phải tự giám sát vì lợi ích của chính họ. Một phần khác cũng là vì giới tài chính đã sử dụng ảnh hưởng khá lớn của họ ở Đồi Capitol để Quốc hội chỉ thông qua những quy định nhẹ nhàng với các thị trường mới mà họ tạo ra, đồng thời “thâu tóm” những người làm luật. Mục đích của họ là tối đa hóa khả năng chấp nhận rủi ro để tạo ra nguồn thu nhập cá nhân trên trời cho các thành viên ban lãnh đạo.

Nếu chúng ta có những chính sách quản lý mạnh hơn, có nhà quản lý nhà nước giỏi hơn thì cũng chưa chắc chúng ta đã ngăn chặn được suy thoái vào cuối giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai. Nhưng chắc chắn chúng ta sẽ giảm nhẹ được hậu quả. Khi xảy ra khủng hoảng, Quốc hội đã thông qua và tổng thống đã ký ban hành kế hoạch Cải cách ngành tài chính Dodd-Frank và Đạo luật Bảo vệ người tiêu dùng với những quy định mới áp dụng cho lĩnh vực tài chính, mục tiêu là hoạt động tài chính phải an toàn hơn. Nhưng ngành ngân hàng đã làm đủ mọi cách để làm suy yếu hiệu lực của chúng, vì vậy chúng ta phải chờ một thời gian nữa mới thấy cuộc cải cách có đem lại kết quả gì không.

Nhà kinh tế học Jagdish Bhagwati, Đại học Columbia quan sát thấy hậu quả là ngành tài chính ban đầu muốn cấp vốn cho “sự hủy diệt mang tính sáng tạo” (tức là thành lập các công ty, các ngành mới để thay thế cho các công ty, các ngành cũ), nhưng cuối cùng hóa ra lại thúc đẩy “sự sáng tạo mang tính hủy diệt” (việc mua bán các công cụ tài chính mới có giá trị thật rất nhỏ) và sự hủy diệt hàng loạt đã đe dọa toàn bộ nền kinh tế.

Rõ ràng không ai trong số các thủ phạm chính gây ra vụ hủy diệt khổng lồ bị trừng phạt theo pháp luật, thực tế ấy cho thấy hệ thống pháp lý của chúng ta cần được cập nhật. Ít nhất chúng ta cũng nên lưu ý đến những gì Warren Buffett đã nói trong cuộc họp cổ đông hàng năm của công ty Berkshire Hathaway (ngày 30/4/2010): “Bất cứ định chế tài chính nào đòi hỏi xã hội phải có mặt và cứu trợ họ vì lợi ích chung của xã hội cũng đều phải có quy định có hiệu lực, buộc tổng giám đốc điều hành và gia đình ông ta phải phá sản”.

Tìm ra điểm cân bằng giữa quy định quá lỏng lẻo và quy định quá chặt chẽ đối với thị trường tài chính là một việc rất khó. Không có công thức nào giúp chúng ta tìm ra nó, và chúng tôi cũng không muốn dập tắt mọi sáng tạo trong lĩnh vực này. Nhưng tìm ra điểm cân bằng là một nhiệm vụ quan trọng vì như chúng ta đã chứng kiến từ năm 2008, nếu ngành tài chính gặp rắc rối lớn thì cả nền kinh tế sẽ phải chịu tổn thất nghiêm trọng và lâu dài.

Bất công bằng thu nhập

Một lý do quan trọng khiến nước Mỹ không thể cập nhật được công thức thành công bằng cách đầu tư cho giáo dục, cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và triển khai; chưa điều chỉnh chính sách nhập cư để đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế; đồng thời không thực thi được các chính sách quản lý kinh tế phù hợp, là vì tất cả những việc này đòi hỏi chúng ta – tất cả nước Mỹ – phải cùng hành động. Đến gần đây thì chúng ta mất khả năng cùng hành động rồi. Nguyên nhân của chứng bệnh này là bất bình đẳng ở Mỹ đang ngày càng tăng, và bản thân nó, cùng với nhiều hiện tượng khác, là hậu quả của quá trình phẳng hóa thế giới. Như chúng tôi đã cố chứng minh, sự phẳng hóa đó đã tạo ra thị trường toàn cầu cho những người đủ khả năng tận dụng được nó để bán các loại hàng hóa và dịch vụ của họ. “Người thắng” trên thị trường toàn cầu rộng lớn này có thể nhận được thu nhập khổng lồ. Hãy xem một cầu thủ bóng rổ như LeBron James hiện nay có thể kiếm được bao nhiêu tiền khi Liên đoàn Bóng rổ quốc gia bán các sản phẩm mang thương hiệu của họ ở khắp nơi, từ Stockholm đến Thượng Hải – phải hàng chục triệu dollar. Còn ngôi sao lớn nhất hồi đầu thập niên 1950 là George Mikan của đội Minneapolis Lakers chỉ có thể kiếm tiền trong phạm vi nước Mỹ với mức thu nhập tính bằng đơn vị chục nghìn dollar.

Theo nhà kinh tế học từng đoạt giải Nobel, giáo sư Đại học Columbia là Joseph E. Stiglitz, huy động được nỗ lực chung còn khó hơn nữa nếu người dân trong nước lại thuộc nhiều giai tầng khác nhau. Trong lịch sử, người Mỹ ít gặp khó khăn liên quan đến bất bình đẳng như người dân các nước khác. Trong tưởng tượng và thực tế, cơ hội của mỗi người cũng như khả năng phát triển lên cao hơn vừa rất lớn, vừa ăn sâu vào mỗi người đến mức những lời thuyết minh của chủ nghĩa xã hội về chính sách chính phủ tái phân phối thu nhập cho người dân chưa bao giờ bám rễ được ở Mỹ. Nhưng khi chênh lệch thu nhập xã hội trong giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai là quá lớn và vẫn tiếp tục tăng lên thì giờ đây, bất bình đẳng bắt đầu có nguy cơ chia cắt nền chính trị trong nước, làm xói mòn khả năng cả xã hội cùng hợp tác làm những điều lớn lao.

Theo Stiglitz, 1% người Mỹ giàu nhất chiếm đến khoảng một phần tư tổng thu nhập của người Mỹ mỗi năm. Còn nếu xét về tài sản thì Stiglitz ước tính 1% người giàu nhất đang nắm giữ 40% tổng tài sản. Đây là hiện tượng rất

mới. 25 năm trước, hai tỷ lệ tương ứng về thu nhập và tài sản là 12% và 33%. Ngoài ra, thu nhập của 1% người giàu nhất đã tăng 18% trong mười năm qua, trong khi đó thu nhập của giới trung lưu thực chất lại giảm. Stiglitz cho biết với những người chỉ có bằng tốt nghiệp trung học, tỷ lệ giảm đặc biệt cao: 12% chỉ trong vòng 25 năm qua.

Giờ đây, theo Stiglitz, người giàu không cần đến những lợi ích mà nỗ lực chung xã hội mang lại vì họ có thể tạo ra “xã hội nhỏ” của riêng họ với hàng hóa tập thể cũng của riêng họ. “Họ có những câu lạc bộ riêng, đặt ở công viên riêng. Họ có trường học riêng. Họ không phải cho con đến trường công và cũng không muốn con cái mình học ở đó. Họ có hệ thống giao thông riêng với máy bay cá nhân và ô tô với lái xe riêng nên thực sự họ cũng không quan tâm đến sự xuống cấp của hệ thống giao thông công cộng. Với họ, mọi người phải xếp hàng dài ở sân bay cũng không sao vì họ đâu phải xếp hàng cùng”.

Loại bất bình đẳng về kinh tế này rất thường dẫn đến bất bình đẳng chính trị nhiều hơn và lại dẫn đến bất bình đẳng kinh tế lớn hơn, theo nhà kinh tế của Học viện công nghệ Massachussetts (MIT), Daron Acemoglu và nhà khoa học chính trị của Đại học Harvard, James A. Robinson, hai đồng tác giả của bài viết *Tại sao các quốc gia sụp đổ* trên tờ *The Huffington Post* vào ngày 11/3/2012. “Nước Mỹ tạo ra nhiều đổi mới và tăng trưởng kinh tế như thế trong hai trăm năm qua bởi vì nói chung là chúng ta tưởng thưởng cho sự đổi mới và đầu tư. Điều này không thể tự nhiên xảy ra mà hình thành nhờ một hệ thống các cơ chế – bao gồm cả các thể chế chính trị – với mục tiêu không cho phép một nhóm tinh hoa hay một nhóm hẹp khác độc quyền quyền lực chính trị và sử dụng nó vì lợi ích riêng của họ làm tổn hại đến xã hội. Chính trị bị chiếm đoạt sẽ dẫn đến bất bình đẳng về cơ hội, vì những kẻ cướp sẽ sử dụng quyền lực để được ưu đãi đặc biệt cho công việc làm ăn của mình và bóp méo sân chơi sao cho họ gặp thuận lợi còn đối thủ cạnh tranh gặp khó khăn... Vì thế mối lo ngại là: bất bình đẳng về kinh tế sẽ dẫn đến bất bình đẳng lớn hơn về chính trị, và những người có quyền lực chính trị lớn hơn sẽ sử dụng nó để đạt được lợi thế kinh tế lớn hơn bằng cách sắp xếp có lợi cho họ và lại làm tăng bất bình đẳng kinh tế thêm nữa – một cái vòng luẩn quẩn hoàn hảo. Và có lẽ chúng ta đang nằm trong cái vòng quay đó... Nhà khoa học chính trị của Đại học Yale, Robert Dahl đã vẽ nên bức tranh của nền chính trị Mỹ vào thập niên 1960 qua lăng kính của nền chính trị ở New Haven như một hệ thống mà trong đó không chỉ người giàu mà cả người thấp cổ bé họng cũng có tiếng nói. Nhưng hệ thống đó đang suy yếu. Ngày nay trong chính trị tiền bạc quan trọng hơn nhiều so với hồi thập niên

1960, và chúng ta đang thấy nó ngày càng quan trọng hơn. Người giàu càng dễ tiếp cận các chính trị gia và phương tiện truyền thông, và có thể phát biểu quan điểm và mối quan tâm của họ – thường giả danh “quyền lợi quốc gia” – hiệu quả hơn nhiều so với chúng ta, những người còn lại. Làm sao chúng ta có thể giải thích khác đi khi trong lộ trình chính trị của mấy thập kỷ qua chỉ có chính sách cắt giảm thuế cho người giàu trong khi hầu như không quan tâm gì đến các vấn đề của người nghèo, ví dụ như hệ thống hình sự trực trực của chúng ta đang kết án nhiều người Mỹ phải khổ sở trong tù vì các tội nhẹ? Làm sao chúng ta có thể giải thích khác đi, như nhà khoa học chính trị Larry Bartels đã dẫn chứng bằng tài liệu, khi phiếu biểu quyết của các thượng nghị sĩ Mỹ đại diện cho quan điểm của các cử tri giàu có, chứ không phải những người nghèo?”.

Phong trào “Chiếm Phố Wall”, vốn tự phát lan ra các công viên công cộng ở các thành phố khắp nước Mỹ vào năm 2011 và 2012, không bao giờ quy tụ được số lượng lớn người tham gia như các phong trào như dân quyền hay chống Chiến tranh Việt Nam. Nó cũng thiếu một lộ trình hay người lãnh đạo thống nhất duy nhất. Và tuy nhiên, nó có vẻ đã có hiệu ứng nhất định, và nguyên do đã được Acemoglu và Robinson viện dẫn: đó là khoảng cách về thu nhập của nước Mỹ đã trở thành khoảng cách về quyền lực chính trị. Chúng tôi coi nó là một dấu hiệu cảnh báo. Đây là lần đầu tiên trong thời kỳ hậu chiến mà “sự công bằng” và sự bất bình đẳng về kinh tế thu hút quá nhiều sự quan tâm và tranh cãi trên toàn quốc. Nó không ngẫu nhiên xảy ra và chúng ta đã lỡ đi cảnh báo này dù nguy hiểm đến tính mạng.

Đuổi theo những kẻ thất bại

Nếu trong Chiến tranh Lạnh, chúng ta cứ để những trụ cột chính trong công thức thành công – đồng thời cũng là yếu tố chính tạo ra sự tăng trưởng kinh tế, từ đó mang lại sức mạnh và tầm ảnh hưởng của chúng ta lên cả thế giới – bị xói mòn như trong thời kỳ Khủng hoảng tuổi lên hai thì không khác gì chúng ta đơn phương tự buông vũ khí. Các chính trị gia hẳn sẽ buộc tội lẫn nhau vì đã tạo ra hoặc để mặc “khoảng cách giáo dục”, “khoảng cách cơ sở hạ tầng”, giống như khái niệm “khoảng cách về vũ khí” hồi những năm 1950. Các đợt bầu cử sẽ tràn ngập những lời buộc tội và lời phản đối. Trong giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai, tình hình còn tệ hơn thế nhiều.

Chúng ta không nhận thấy điều đó. Những vấn đề quan trọng đối với đất nước đang ngày càng ít đi, nhưng nó đã trở thành chuyện bình thường.

Và chúng ta còn làm cho tình hình xấu đi nữa. Sau khi đánh giá thấp thách thức mà nước Mỹ phải đối mặt từ sự kiện 9/11, tức ngày 09/11/1989 khi Bức tường Berlin sụp đổ, chúng ta đã sửa sai bằng cách đánh giá quá cao thách thức do sự kiện 11/9 gây ra. Trong thập kỷ qua, chúng ta dành phần lớn thời gian để tập trung sự chú ý và nguồn lực vào những kẻ thất bại trong quá trình toàn cầu hóa – al-Qaeda, Iraq, Pakistan và Afghanistan, trong khi thách thức chủ yếu, lâu dài lại xuất phát từ những người thắng cuộc, đa số là các quốc gia châu Á. Chúng ta quá chú trọng xây dựng đất nước cho vùng Lương Hà và Hindu Kush*, trong khi chúng ta nên quan tâm đến xây dựng đất nước của chính mình.

Vì chúng tôi, cả hai tác giả cuốn sách này đều ủng hộ cuộc chiến ở Iraq – cho đến hiện tại nó gây tranh cãi nhiều hơn, tốn kém hơn so với cuộc chiến còn lại – nên cũng cần phải nói rõ chúng tôi đã nhầm lẫn ở đâu và niềm tin của chúng tôi là gì. Cả hai chúng tôi đã từng và hiện vẫn tin rằng đem nền dân chủ đến cho trung tâm thế giới Ả Rập là nhiệm vụ mang tính chiến lược và đạo đức. Chúng tôi biết nhiệm vụ này rất khó thực hiện và tiêu tốn nhiều tiền bạc – trước kia chúng tôi cũng đã thừa nhận – nhưng chúng tôi vẫn chưa đánh giá đúng mức độ khó khăn và tốn kém của nó. Chúng tôi rất tiếc vì cái giá quá lớn cả về tiền bạc và nhân mạng mà Mỹ và Iraq đã phải trả trong cuộc chiến.

Những kẻ thất bại trong quá trình toàn cầu hóa, tức al-Qaeda và Saddam Hussein thực sự đe dọa an ninh quốc gia. Chúng ta phải trả đũa những kẻ al-Qaeda đã gây ra vụ 11/9, không chỉ đơn giản là để ngăn chặn thêm các vụ tấn công khác mà còn để phá vỡ kế hoạch tiếp theo của bọn chúng. Nhưng Saddam Hussein không liên quan đến sự kiện 11/9. Chính phủ Bush muốn lật đổ chế độ Hussein vì ông ta có vũ khí hủy diệt hàng loạt. Cả hai chúng tôi đều không tin điều đó. Michael tin rằng thứ vũ khí hủy diệt hàng loạt mà chính phủ Mỹ cho rằng Hussein đang sở hữu – tức vũ khí hóa học – không nguy hiểm đến mức chúng ta phải tấn công họ. Lý do đáng để lật đổ ông ta là khả năng trong tương lai, ông ta có thể sở hữu vũ khí hạt nhân nguy hiểm hơn rất nhiều.

Tom thì cho rằng trong dài hạn, mối đe dọa mà Trung Đông gây ra cho Mỹ xuất phát từ những con người hủy diệt hàng loạt nhiều hơn là vũ khí hủy diệt

* Dãy núi nằm giữa Afghanistan và Pakistan.

hàng loạt, từ những nước có chế độ độc tài đang kìm kẹp, gây bức xúc cho người dân của họ. Đó là những gì Tom nghĩ từ năm 2001 chứ không chỉ 2011, khi khắp thế giới Ả Rập đang diễn ra nhiều vụ nổi loạn vì người dân đã quá thất vọng và giận dữ với chế độ độc tài kéo dài, và trong nhiều trường hợp, họ có động lực làm cách mạng vì khao khát được sống trong xã hội dân chủ. Tom hy vọng Mỹ có thể hợp tác với nước Iraq tự do để xây dựng một mô hình phát triển phù hợp, dân chủ vốn chưa từng xuất hiện ở khu vực Trung Đông.

Nếu Tổng thống George W. Bush muốn sử dụng Iraq làm bàn đạp để tìm cách mở cánh cửa vào thế giới Ả Rập độc tài và khép kín thì cũng không có gì là vô trách nhiệm hay ngu ngốc. Nhưng thật vô trách nhiệm và ngu ngốc khi ông làm điều đó với kế hoạch không được chuẩn bị kỹ, lực lượng quân sự thiếu thốn và ông chưa hiểu đúng về quy mô, mức độ phức tạp của tình hình. Thực hiện được kế hoạch hay không mới quan trọng.

Chính sách ban đầu của Mỹ đối với Iraq, nói cho cùng, cũng phản ánh phần lớn chính sách công của Mỹ trong thời kỳ Khủng hoảng tuổi lên hai: Mục tiêu vượt quá xa so với khả năng và tầm với. Chúng ta đã giả định một cách đơn giản, ngẫu nhiên và sai lầm rằng mọi chuyện sẽ ổn. Chúng ta quá quan tâm đến mục đích cuối cùng nhưng chưa để ý đến phương thức đạt được nó.

Chúng tôi không thể nói tình hình sẽ như thế nào nếu nước Mỹ làm tốt mọi việc ở Iraq. Nhưng chúng tôi có thể nói nếu một ngày nào đó, nước Iraq dân chủ xuất hiện thì đó là một thành tựu đáng để nỗ lực, và cái giá về nhân mạng và tiền bạc mà chúng ta đã phải bỏ ra sẽ không bị phí hoài. Ngược lại, chúng ta còn góp phần tạo ra sự thay đổi có giá trị cho người Iraq và cho cả thế giới. Nhưng ngay cả trong trường hợp này, chúng ta vẫn phải trả giá quá đắt cho lợi ích chúng ta nhận được cho dù lợi ích này phụ thuộc vào việc Iraq có thể phát triển đến đâu. Đặc biệt, vì còn nhiều mong muốn khác nên sự can thiệp của Mỹ vào Iraq đã dẫn tới chúng ta phải trả giá bằng quá nhiều sinh mạng, tiền của, và tâm sức của chính phủ. Tình hình ở Afghanistan và Libya cũng tương tự, chúng ta bỏ ra nhiều với lợi ích tiềm năng thu được rất ít. Tóm lại, nước Mỹ, trong đó đương nhiên có chúng tôi, đã hành động như thể thế giới sau 11/9 là hoàn toàn khác. Sự kiện 11/9 thực sự cho thấy an ninh quốc gia bị đe dọa nghiêm trọng. Vấn đề chúng ta phải đối mặt là có thực. Nhưng khi nhìn lại, nó không phải chứng bệnh đe dọa sinh mạng để chúng ta phải từ bỏ tất cả, thay đổi tất cả. Mà nó là một căn bệnh mãn tính, chúng ta cần kiểm soát nó sao cho chúng ta vẫn sống tốt được trong tương lai. Sự kiện 11/9 giống như bệnh tiểu đường chứ không phải bệnh ung thư.

Và trong phần đời còn lại, chúng ta phải tìm cách giải quyết bốn thách thức trong thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh, bằng cách cập nhật, nâng cấp công thức thành công của mình.

Chúng ta trả giá đắt không chỉ vì Iraq mà cả vì an ninh quốc gia vì không chính trị gia nào muốn bị một ủy ban điều tra nào đó trong tương lai buộc tội là sơ suất, cầu thả. Hơn nữa, chúng ta còn trả giá cho Iraq, an ninh nước Mỹ, Afghanistan, Libya bằng tiền đi vay mượn. Chúng ta tự cho phép mình cắt giảm thay vì tăng thuế, đồng thời tăng thêm phúc lợi cho người dân, tức chi trả bảo hiểm cho thuốc men. Và chúng ta làm tất cả những việc đó vào đúng thời điểm tốn kém nhất trong lịch sử nước Mỹ – khi thế hệ bùng nổ dân số nghỉ hưu.

Một thời kỳ trái ngược với thời kỳ trước đây và một vị tổng thống Cộng hòa trước đây đang đến. Vào thập niên 1950, thời của Eisenhower, chúng ta đã dùng một cuộc chiến lớn, tức Chiến tranh Lạnh, để làm đòn bẩy cập nhật công thức thành công truyền thống, đảm bảo trong tương lai cả quốc gia sẽ được thịnh vượng. Còn trong giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai, thời của George W. Bush, chúng ta đang sử dụng một cuộc chiến khác – cuộc chiến với al-Qaeda, Saddam Hussein và chủ nghĩa Islam cực đoan – làm lý do trốn tránh thực hiện những việc phải làm để đảm bảo cho một tương lai thịnh vượng. Giai đoạn trước, chúng ta hy sinh và đầu tư cho tương lai. Giai đoạn hiện tại, chúng ta nuông chiều, phung phí hiện tại để rồi phải trả giá trong tương lai.

Trái tim điên khùng

Khi nhìn lại mười năm qua, chúng tôi không thể không liên tưởng đến lời một bài hát trong phim *Trái tim điên khùng* (*Crazy Heart*) năm 2009. Jeff Bridges đã được trao giải Oscar cho nam diễn viên chính xuất sắc nhất với vai một ca sỹ dòng nhạc đồng quê nghiện rượu đang nỗ lực quay trở lại sự nghiệp. Bài hát có tên “Roi xuống và bay lên” có nội dung cực kỳ phù hợp với giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai.

*Tôi đang đi về nơi tôi không nên đến
Gặp những người tôi không nên gặp
Làm những việc tôi không nên làm*

Và trở thành người tôi không nên trở thành
Một giọng nói nhỏ bảo rằng tôi hoàn toàn sai
Một giọng nói khác lại bảo tôi hoàn toàn đúng
Tôi từng nghĩ mình rất mạnh mẽ
Nhưng giờ tôi thua cuộc rồi
Thật buồn cười, cảm giác rơi xuống lại giống cảm giác bay lên
Trong khoảnh khắc
Tôi đã mệt vì phải cố làm người tốt
Tôi bắt đầu nhớ cảm giác tự do
Không làm những điều tôi nghĩ tôi nên làm nữa
Và trở lại làm chính mình
Tôi không bao giờ muốn gây tổn thương cho ai
Tôi chỉ muốn đi theo con đường của mình
Nếu có điều gì vui như vậy
Thì đây là cái giá bạn phải trả.

Lời bài hát chính là nước Mỹ trong giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai, và chúng ta mới bắt đầu trả giá. Chúng ta trả giá như thế nào? Câu trả lời rất ngắn gọn: Hệ thống chính trị của chúng ta đã bị tê liệt và hệ thống giá trị xã hội đã bị xói mòn.

MƯỜI HAI

“Bất kể anh nói gì tôi cũng không đồng ý”

Mùa xuân năm 2011, các đồng chủ tịch Ủy ban cố vấn giám sát ngân sách cho tổng thống, gồm Alan Simpson, cựu thượng nghị sỹ đảng Cộng hòa bang Wyoming từ năm 1979 đến 1997 và Erskine Bowles đã tổ chức một bữa tối có tính chất gặp gỡ tại khách sạn Jefferson, Washington. Sau khi bữa tối kết thúc, Simpson, một người có tài kể chuyện xuất sắc, có chia sẻ với Tom vài suy nghĩ về nền chính trị Mỹ hiện nay. Ông kể: “Vài năm trước, tôi quay lại Thượng viện chỉ để đăng ký tên, tôi thấy ông bạn cũ là Dale Bumpers [Thượng nghị sỹ đảng Dân chủ của bang Arkansas]. Tôi băng ngang phòng họp để đến ôm bạn. Ông ấy là một người tuyệt vời. Khi quay về khu vực của đảng Cộng hòa, [một Thượng nghị sỹ Cộng hòa khác mà Simpson không muốn nhắc đến tên] đã kéo tôi sang một bên và hỏi: ‘Ông làm cái quái gì ở kia với Bumpers thế?’ Tôi trả lời: ‘Ông ấy là bạn tôi’. [Vị Thượng nghị sỹ Cộng hòa] nói: ‘Ông ta có gì tốt đâu. Một gã Dân chủ, một gã theo chủ nghĩa tự do điên khùng. Ông không nên ôm hôn gã đó’”.

Simpson thấy lo ngại. Trước kia mọi chuyện rất khác. Chắc chắn sự chia rẽ – thậm chí là thái độ thù địch chính trị – giữa hai đảng chính không phải hiện tượng mới. Nhưng hệ thống chính trị Mỹ ngày nay không chỉ chia rẽ mạnh hơn so với thời Simpson còn đương nhiệm mà nó còn bị tê liệt bởi nhiều yếu tố khác nhau. Hai đảng trước kia đều có người theo trường phái tự do và người theo phe bảo thủ, nhưng giờ đây đều gần như đồng nhất về mặt tư tưởng. Nên chưa bao giờ hai đảng xa cách nhau đến thế. Chương trình hành động chủ đạo của họ được hình thành vào thế kỷ trước và vẫn chưa được cập nhật để đáp ứng những thách thức trong thế kỷ mới. Các khu vực bầu cử được sắp xếp theo hướng ủng hộ những người theo tư tưởng cực đoan của mỗi đảng hơn là những người muốn giải quyết thách thức theo hướng ôn hòa. Các nhóm lợi ích siêu quyền lực và siêu giàu có đang cản trở hệ thống vận hành bình thường. Các phương tiện truyền thông mới tập trung vào

những ứng viên có tiếng nói lớn nhất, cực đoan nhất, và ngày càng nhiều cơ quan truyền thông coi chính trị như các giải thi đấu thể thao, trong đó tất cả những gì đáng quan tâm là ai sẽ giành thắng lợi trong cuộc đấu. Và cuối cùng, khác với trước kia, chúng ta không có kẻ thù lớn từ bên ngoài để buộc cả quốc gia phải hành động có mục tiêu, nghiêm túc và đoàn kết.

Chắc chắn rằng nước Mỹ chưa bao giờ trải qua thời kỳ hoàng kim khi sự chia rẽ giữa hai đảng là không đáng kể và họ giải quyết mọi mâu thuẫn một cách bình tĩnh, nhưng cái giá của sự chia rẽ hiện nay là lớn chưa từng thấy. Đã có thời sự phân hóa giữa hai đảng tăng lên, chẳng hạn như nửa đầu thế kỷ 19, nhưng lúc đó chính phủ liên bang không phải làm nhiều việc như bây giờ. Còn khi chúng ta cần chính phủ làm nhiều việc, chẳng hạn như hồi thế kỷ 20 thì nền chính trị của chúng ta lại không phân cực mạnh. Giờ đây, chúng ta đang rơi vào tình thế tệ nhất: những việc phải làm là rất nhiều, rất phức tạp, rất khó khăn, còn hệ thống chính trị thì không đủ khả năng giải quyết chúng một cách nhanh chóng và trên phạm vi lớn cần thiết.

Chúng ta không thể đáp ứng được bốn thách thức lớn hiện tại chứ chưa nói đến cập nhật công thức thành công truyền thống nếu không có một chính phủ liên bang mạnh mẽ, đủ khả năng làm được những việc khó khăn, to lớn. Nhưng căn bệnh hệ thống chính trị đang mắc phải, đặc biệt là sự phân cực tột độ đã ngăn chặn chính những sáng kiến chúng ta đang cần. Tên cuốn sách nói về đề tài này của Ronald Brownstein – *Cuộc nội chiến thứ hai* (The Second Civil War) – mà chúng tôi sử dụng ở đây là sự phóng đại có chủ ý: Đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa chưa chuẩn bị cầm súng bắn nhau. Nhưng tên phụ của cuốn sách: *Tư tưởng đảng phái cực đoan đã làm tê liệt Washington và phân cực nước Mỹ như thế nào* (How Extreme Partisanship Has Paralyzed Washington and Polarized America) đã mô tả chính xác một trong những trở ngại chính khiến nước Mỹ không xây dựng được những chính sách công cần thiết để phát triển trong những thập kỷ tới.

Chúng ta đã quên rằng không phải lúc nào nền chính trị cũng như vậy. Giờ đây, có lẽ phần lớn người Mỹ sẽ ngạc nhiên nếu biết rằng Quốc hội đã đặt hòn đá đầu tiên của mạng lưới Bảo hiểm xã hội từ năm 1935, xây dựng hệ thống đường cao tốc xuyên bang từ năm 1954, thông qua những đạo luật quyền công dân vào năm 1964 và thực hiện Bảo hiểm y tế vào năm 1965. Tất cả đều được thực hiện với đa số phiếu ủng hộ của *cả hai đảng* ở Hạ viện và Thượng viện.

Ngược lại, trong những năm gần đây, chuyện một đảng ủng hộ một giải

pháp, còn đảng kia lại phản đối quyết liệt đã trở thành bình thường. Cả ba tổng thống gần đây nhất đều không thể thuyết phục đảng đối lập ủng hộ những chương trình hành động quan trọng nhất của mình. Không một đảng viên Cộng hòa nào bỏ phiếu thuận cho gói kích thích kinh tế trong đó có đề xuất tăng thuế của Clinton hay tán thành sáng kiến cải cách y tế của ông. Chỉ 28 đảng viên Dân chủ ở Hạ viện và 12 đảng viên Dân chủ ở Thượng viện ủng hộ chính sách cắt giảm thuế của George W. Bush mùa xuân năm 2001, và không ai đồng ý với kế hoạch cải cách Bảo hiểm xã hội do ông đề ra. Gói kích thích kinh tế năm 2009 và kế hoạch y tế năm 2010 của Barack Obama cũng không được đảng viên Cộng hòa nào ủng hộ. Cả hai đảng còn đi xa hơn trong việc ngăn chặn những sáng kiến đối phương đưa ra, chẳng hạn như bằng quy trình cản trở thông qua các dự luật – chiến thuật được một đảng sử dụng khi đảng kia đã có đủ phiếu thuận. Từ năm 1955 đến 1961, Quốc hội Mỹ chỉ phải sử dụng quy trình bỏ phiếu chấm dứt việc cản trở thông qua dự luật đúng một lần. Từ năm 2009 đến 2010, nó diễn ra đến 84 lần tổng cộng.

Thực tế là trong vài chục năm qua, thành viên hai đảng Dân chủ và Cộng hòa trở nên giống hai bộ lạc thù địch hơn là những người đồng nghiệp có quan điểm chính trị khác nhau nhưng chung mục đích. Gọi đối phương là ma quỷ là cách nói quen thuộc trong chính trị. Năm 1994, Chủ tịch Hạ viện Newt Gingrich đã gọi chính phủ của Clinton là “kẻ thù của những người Mỹ bình thường”. Năm 2004, đến lượt lãnh tụ phe đa số của đảng Dân chủ ở Thượng viện Harry Reid gọi Tổng thống George W. Bush là “kẻ dối trá”, “phản bội đất nước”. Khi chiếc ghế trong Nhà Trắng được chuyển giao vào tay Barack Obama, một tổng thống Dân chủ, phe Cộng hòa liền đặt dấu hỏi về lòng yêu nước, tính trung thực, thậm chí hoàn cảnh ra đời của ông – họ cho rằng ông không được sinh ra ở đất Mỹ, do đó không đủ tiêu chuẩn trở thành tổng thống.

Ngoài chính sách đối nội, hai đảng còn bị phân hóa cả về chính sách ngoại giao. Nước Mỹ đã từng chia rẽ vì cuộc chiến ở Triều Tiên và Việt Nam, nhưng cả hai đều không phải sự chia rẽ giữa hai đảng phái. Trong đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa đều có người phản đối, có người ủng hộ cuộc chiến. Dữ liệu tổng hợp từ các cuộc điều tra dư luận của Viện Gallup từ 07/8/1968 đến 22/9/1969 cho thấy 51% đảng viên Dân chủ và 56% đảng viên Cộng hòa tin rằng cuộc chiến là sai lầm, trong khi đó có 37% đảng viên Dân chủ và 34% đảng viên Cộng hòa có ý kiến trái ngược. Nhưng với cuộc chiến ở Iraq bắt đầu từ năm 2003, những người ủng hộ chủ yếu là đảng viên Cộng hòa, còn phe phản đối chủ yếu là đảng viên Dân chủ, lý do chính là người tuyên chiến là

một tổng thống Cộng hòa. Cuộc thăm dò ý kiến của Viện Gallup năm 2005 cho thấy tỷ lệ đảng viên Dân chủ cho rằng đây là một sai lầm là 81% so với 18% có ý kiến ngược lại. Với đảng Cộng hòa thì có 78% trả lời đây không phải là sai lầm so với 20% phản đối. Hồi thế kỷ 20, tư tưởng đảng phái luôn chấm dứt khi hai bên tiến đến mép nước*. Còn vào thế kỷ 21, tư tưởng đảng phái xuất hiện ở khắp nơi, ghi dấu từ quảng trường Montezuma đến bờ biển Tripoli**.

Sự chia rẽ sâu sắc giữa hai đảng khiến tám bản đồ chính trị Mỹ mô tả các bang “đỏ” là của đảng Cộng hòa còn bang “xanh” là của đảng Dân chủ – và giữa hai bên gần như không có điểm chung – trở nên phổ biến. Ở nước Mỹ mang hai màu xanh đỏ, tư tưởng phân chia đảng phái xuất hiện trong mọi vấn đề, mọi khía cạnh của đời sống xã hội – một đặc điểm được mô tả trên tấm biển đặt ở khu vực Tây Manhattan, vùng mang màu xanh đậm trên bản đồ chính trị. Tấm biển viết: THÀNH PHỐ NEW YORK: NOI CON NGƯỜI ĐỒNG TÍNH CÔNG KHAI VÀ LÀ ĐẢNG VIÊN CỘNG HÒA TRONG BÍ MẬT. Russ Feingold, Thượng nghị sỹ Dân chủ, đại biểu bang Wisconsin từ năm 1993 đến 2011 nói với chúng tôi rằng với tốc độ phân cực hóa như hiện tại thì thị trường sẽ sớm đòi hỏi hàng tiêu dùng cũng phải phản ánh tư tưởng chính trị: “Chúng ta sẽ có kem đánh răng của đảng Cộng hòa và kem đánh răng của đảng Dân chủ”.

Những bộ phim của anh em nhà Marx, nhóm diễn viên hài kịch thành công nhất trong lịch sử nước Mỹ thường châm biếm những thứ tôn nghiêm nhưng ngọt ngào như nhà hát opera, nghề y hoặc nghề luật. Trong phim *Lông ngựa* (Horse Feathers), đối tượng của họ là các trường đại học, nhưng bài hát của Groucho Marx trong phim lại rất đúng với hai đảng Cộng hòa và Dân chủ ngày nay:

*Quan điểm của anh có thể đúng
Nhưng anh phải hiểu một điều rằng
Bất kể anh nói gì tôi cũng không đồng ý
Và dù anh có thay đổi hay nhắc lại nó
Tôi vẫn cứ không đồng ý.*

* Dựa trên phát biểu của Thượng nghị sỹ Cộng hòa Arthur Vandenberg năm 1947: “Chính trị dừng lại ở mép nước” (Politics stops at the water’s edge), hàm ý mâu thuẫn giữa hai đảng chỉ dừng lại ở trong nước, đối với bên ngoài phải thống nhất lực lượng vì lợi ích quốc gia.

** “Từ quảng trường Montezuma đến bờ biển Tripoli” là câu đầu lời bài hát truyền thống của lực lượng Thủy quân lục chiến Mỹ. Hai địa danh này hàm ý nhắc đến những cuộc chiến thời lập quốc của Mỹ: chiến tranh Tripolitan với các quốc gia Islam Bắc Phi (1801-1805) và cuộc chiến Mỹ - Mexico (1846-1848).

Chia rẽ sâu sắc

Rất logic nếu cho rằng hai đảng chính của Mỹ và các quan chức thuộc hai đảng bị chia rẽ vì chính bản thân nước Mỹ cũng đang bị chia rẽ. Và cũng rất logic khi nói hệ thống chính trị bị phân hóa thường dựa trên một xã hội bị phân hóa, như nội dung bài hát của Gilbert và Sullivan*:

*Mọi chàng trai và cô gái
Sinh ra trên thế giới này
Phải có chút tư tưởng tự do
Hoặc có chút tư tưởng bảo thủ.*

Thực tế không phải như vậy. *Chiến tranh văn hóa? Truyền thuyết về nước Mỹ bị chia rẽ* là tên một nghiên cứu chi tiết năm 2004 về vấn đề này của học giả chính trị Morris Fiorina (với sự tham gia của Samuel J. Abrams và Jeremy C. Pope). Nghiên cứu cho thấy mặc dù quan điểm của thành viên hai đảng Cộng hòa và Dân chủ ngày càng xa nhau, nhưng quan điểm của người Mỹ nói chung lại không thay đổi nhiều, và quan điểm của công chúng lại gần với tư tưởng chính trị trung dung chứ không cực đoan như niềm tin, sở thích của những người lãnh đạo đất nước mà chính họ bầu ra. Fiorina giải thích: người Mỹ chia rẽ thành rất nhiều quan điểm, nhưng sự chia rẽ lại không sâu sắc. Ông viết: “Chúng ta chia rẽ vì rất nhiều người trong chúng ta có tư tưởng mâu thuẫn, không rõ ràng, do đó họ không thể đưa ra cam kết chắc chắn sẽ đi theo đảng nào, chính trị gia nào hay chính sách nào. Trong các cuộc bầu cử, chúng ta chia phe phái tương đối đều hoặc hoàn toàn không tham gia vì theo bản năng, chúng ta có xu hướng tìm kiếm sự trung dung trong khi các đảng phái, các ứng viên lại chọn vị trí cực đoan”.

Có thể thấy bằng chứng chứng minh kết luận này từ cách thể hiện trước cử tri của các ứng viên tổng thống đã trúng cử trong hai thập kỷ qua. Trong chiến dịch vận động tranh cử, họ đều nói rằng họ sẽ điều hành đất nước một cách ôn hòa, làm dịu đi thái độ thù địch giữa hai đảng mặc dù thực tế là chưa ai đạt được thành công gì đáng kể trong việc đó. George H. W. Bush hứa sẽ làm cho nước Mỹ trở nên “mềm mỏng hơn, ôn hòa hơn” với những chính sách đỡ khắt nghiệt hơn so với vị tổng thống Cộng hòa tiền nhiệm Ronald

* Nhà viết lời nhạc kịch W. S. Gilbert (1836-1911) và nhà soạn nhạc Arthur Sullivan (1842-1900) đã phối hợp với nhau viết 14 vở opera.

Reagan. Bill Clinton tự coi mình là “một đảng viên Dân chủ kiểu khác”, tức là tư tưởng tự do của ông không nặng như các thành viên trong đảng. George W. Bush biết người dân không ưa cuộc chiến đảng phái trong những năm Clinton nắm quyền nên ông mô tả bản thân là một “người đoàn kết, không phải người chia rẽ”. Ông cam kết sẽ điều hành đất nước với tư cách là một “người bảo thủ nhân từ”. Khi thực tế cho thấy những năm Bush làm tổng thống, đất nước còn chia rẽ hơn so với thời Clinton thì người dân Mỹ quay sang ủng hộ vị Thượng nghị sỹ mới trải qua nhiệm kỳ đầu tiên, người mà vào năm 2004 từng xuất hiện trước công chúng với một câu nói đáng nhớ trong bài phát biểu trước hội nghị toàn quốc đảng Dân chủ: “Không có Hoa Kỳ tự do hay Hoa Kỳ bảo thủ mà chỉ có một Hợp chủng quốc Hoa Kỳ”.

Những khác biệt về giữa quan điểm của giới chính khách Mỹ với quan điểm của toàn bộ các cử tri, giữa những gì công chúng muốn chính phủ làm với những gì công chúng nhận được từ cách điều hành chia rẽ của chính phủ cho thấy giữa người dân và chính phủ do người dân bầu ra có khoảng cách nghiêm trọng. Có nghĩa là chính phủ Mỹ ngày nay thực ra không phải đại diện cho người dân Mỹ.

Trên tạp chí *Hoover Digest* (ngày 30/10/2004), học giả chính trị thuộc Đại học Stanford đã viết chi tiết về điểm quan trọng này, cũng là trọng tâm trong nghiên cứu của ông:

Các nhà quan sát nền chính trị Mỹ đương đại hẳn đều đi đến nhất trí với nhau rằng sự bất đồng quan điểm trước kia về kinh tế không thể so sánh được với sự chia rẽ tư tưởng ngày nay về tình dục, đạo đức, tôn giáo. Sự chia rẽ này sâu sắc và gay gắt tới mức nói về chúng chẳng khác gì nói về chiến tranh. Nhưng nghiên cứu đã chứng minh điều ngược lại. Dữ liệu điều tra công khai hiện có cho thấy kịch bản chiến tranh văn hóa mà các nhà báo và con buôn chính trị thường nhắc đến vừa là sự cường điệu quá mức, vừa hoàn toàn vô nghĩa. Nước Mỹ không hề có chiến tranh văn hóa, không hề có cuộc chiến tâm hồn – hay ít nhất thì phần lớn người Mỹ không hề biết có tồn tại cuộc chiến nào như thế.

Theo Fiorina, chắc chắn cả hai phía đều có những chiến binh to mồm, thích tranh cãi, đối đầu, và “rất nhiều thành viên tích cực của các đảng phái chính trị, các tổ chức xã hội thực sự căm ghét lẫn nhau và tự coi mình là những người lính đang tham gia cuộc chiến. Nhưng sự thù hận và cuộc chiến của họ

* Chỉ Barack Obama.

không hề được phần lớn người Mỹ, những người chủ yếu mang tư tưởng ôn hòa, vị tha quan tâm – càng không thể gọi là gần ‘80-90% dân số’ được. Lấy ví dụ: Gần đây, một vài Thượng nghị sỹ Cộng hòa cảm thấy bối rối khi nhận ra rằng những người Mỹ bình thường không coi hôn nhân đồng giới là cái gì quá xấu xa như các nhà hoạt động xã hội trong đảng vẫn nghĩ”.

Fiorina cho biết: Nếu hệ thống chính trị Mỹ không có những cử tri hay dao động quanh tư tưởng trung dung thì:

tại sao sáu bang xanh mà George Bush không thu được phiếu trong đợt bầu cử năm 2000 lại bầu ra toàn thống đốc thuộc đảng Cộng hòa trong đợt bầu cử năm 2002? Tại sao Arnold Schwarzenegger giành thắng lợi trong cuộc bầu cử lại năm 2003 ở một bang xanh như California? Nếu hầu như mọi cử tri đều xác định được quan điểm của mình trong cuộc bầu cử năm 2004 thì tại sao John Kerry lại nổi lên với 14 điểm dẫn trước so với trong cuộc trưng cầu sơ bộ về triển vọng của hai ứng viên Kerry và McCain? Nếu các cử tri có tính đảng phái rõ nét thì tại sao cả đa số cử tri ở bang xanh và bang đỏ đều ủng hộ vai trò của cả tổng thống và Quốc hội thay vì chỉ muốn đảng của họ nắm quyền lực? Cuối cùng, thật mỉa mai, nếu quan điểm của các cử tri là cứng nhắc thì tại một bản tin gần đây trên kênh CBS có tên “Sự phân cực ở nước Mỹ” lại cho biết có 76% đảng viên Cộng hòa, 87% đảng viên Dân chủ và 86% cử tri độc lập muốn các quan chức họ bầu ra có thái độ thỏa hiệp, linh hoạt hơn là bám chặt lấy nguyên tắc trong đảng?

Fiorina kết luận: đương nhiên những thành viên cốt cán của hai đảng đều có tư tưởng đảng phái cực đoan. “Nhưng sẽ thật sai lầm nếu cho rằng công chúng cũng có thái độ tương tự. Hoàn toàn không phải. Cho dù những thành viên cốt cán có khẳng định rằng họ đang đại diện cho công chúng thế nào đi nữa thì họ cũng không giữ quan điểm cực đoan vì chính các *cử tri* là người bầu ra họ. Ngược lại, họ thể hiện như vậy để làm cho mọi người có cảm giác các cử tri mới là người có quan điểm cực đoan, nhưng chúng ta có thể thấy rõ thực tế như thế nào khi các cử tri thường có những lựa chọn ôn hòa – ví dụ trường hợp các thống đốc bang thuộc đảng Cộng hòa mà chúng tôi đề cập ở trên”.

Các cử tri cũng nhận ra điều này. Cuộc điều tra của Viện Rasmussen tiến hành vào tháng 10/2010 (ngay trước cuộc bầu cử giữa kỳ) cho thấy đa số – khoảng 43% cử tri cho rằng cả đảng Dân chủ và Cộng hòa trong Quốc hội đều không phải “đảng của người dân Mỹ”.

Sự phân hóa đảng phái là một nhân tố quan trọng trong đời sống chính trị của chúng ta. Nó là lý do chính tại sao Mỹ không thể giải quyết được bốn thách thức lớn trước mắt. Nó cũng liên quan đến câu hỏi chúng ta có thể và nên làm gì để thay đổi hệ thống chính trị để giải quyết được các thách thức – chúng tôi sẽ trình bày vấn đề này trong chương 15. Tại sao giữa giới chính trị với công chúng Mỹ lại có khoảng cách lớn đến như vậy?

Chúng ta trước kia

Vào thập niên 1950 và 1960, khi thế hệ bùng nổ dân số bước vào tuổi trưởng thành, cả đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa đều là sự kết hợp giữa những người theo tư tưởng tự do và những người theo tư tưởng bảo thủ. (Một số học giả chính trị thời đó thậm chí còn gọi là “hệ thống bốn đảng”). Đảng Dân chủ bao gồm những người bảo thủ miền Nam với tư tưởng phản đối đảng Cộng hòa từ thời Nội chiến. Họ được gọi là các “Dixiecrats” khi tạm thời rời đảng năm 1948 để ủng hộ ứng cử viên độc lập theo tư tưởng phân chia theo chủng tộc, người sau đó trở thành thống đốc bang South Carolina, Strom Thurmond.

Đảng Cộng hòa có cả những thành viên có tư tưởng khá tự do, chỉ có vẻ khía cạnh kinh tế là họ có xu hướng bảo thủ hơn nếu so với phần lớn đảng viên Dân chủ. Đa phần đảng viên Cộng hòa sống ở vùng đông bắc. Vào thập niên 1960, khi vị thế của họ bắt đầu kém đi, họ được gọi là “những người Cộng hòa Rockefeller”, theo tên của thống đốc bang New York: Nelson Rockefeller. Một trong những người đầu tiên thuộc nhóm này đi theo nghề chính trị là George H. W. Bush. Ông lớn lên ở bang Connecticut, con trai Prescott Bush, một nhà kinh doanh nhưng sau này trở thành Thượng nghị sỹ đại diện cho bang Connecticut và thuộc nhóm ôn hòa trong đảng. (Nhóm còn lại bảo thủ hơn, tập trung đa phần ở miền Trung Tây chứ không phải ở miền Nam như hiện tại). Trong hai nhiệm kỳ làm nghị sỹ ở bang Texas, George H. W. Bush là người ủng hộ tích cực cho Kế hoạch hóa sinh sản – một tổ chức ngày nay không được phần lớn đảng viên Cộng hòa ưa thích – đến mức ông có biệt danh là “Bao cao su”.

Thời mà trong cả hai đảng đều có nhiều người bảo thủ và nhiều người tự do, thỏa hiệp dễ dàng hơn nhiều so với bây giờ vì mỗi đảng đều có sự cảm thông nhất định với quan điểm của đối phương. Hơn nữa, vì bản thân mỗi đảng có tư tưởng đa dạng nên họ cũng phải tự thỏa hiệp trong nội bộ để đi đến thống nhất trong nhiều vấn đề khác nhau sao cho tất cả mọi thành viên trong

đẳng đều ủng hộ. Do đó, quan điểm cuối cùng của hai đảng thường không quá khác biệt, và họ cũng quen với việc giải quyết những khác biệt nếu có.

Vậy chuyện gì đã khiến tình thế thay đổi, dẫn tới tư tưởng của mỗi đảng trở nên cực đoan như hiện nay? Những thay đổi lớn trong xã hội trong bốn thập niên qua đóng vai trò rất quan trọng. Ron Brownstein gọi đây là “sự sắp xếp vĩ đại”, là quá trình các chính trị gia dần đi theo hướng tư tưởng thống nhất: hoặc là bảo thủ, hoặc là tự do. Từ thập niên 1960, những người bảo thủ miền Nam do phản đối phong trào quyền công dân – phong trào được các tổng thống Dân chủ Kennedy và Johnson rất ủng hộ – nên đã bỏ sang đảng Cộng hòa. Mười năm sau, trong đảng Cộng hòa lại nổi lên tư tưởng bảo thủ về các vấn đề xã hội như nạo phá thai, cầu nguyện trong trường học, chủ nghĩa nữ quyền, hôn nhân đồng giới khiến những đảng viên miền Bắc có quan điểm ôn hòa chuyển sang đi theo tư tưởng Dân chủ. Số lượng và tỷ lệ người theo tư tưởng tự do trong đảng Dân chủ tăng lên, số lượng và tỷ lệ người theo tư tưởng bảo thủ trong đảng Cộng hòa cũng vậy. Theo thời gian, nhóm những người trung dung trong hai đảng (Hội đồng Lãnh đạo dân chủ của đảng Dân chủ và Tổ chức Ripon của đảng Cộng hòa) dần biến mất. Những người tự do và bảo thủ có xu hướng trở nên những nhân vật tích cực nhất trong hoạt động chính trị, từ đó ảnh hưởng của họ trong mỗi đảng cũng lớn hơn so với thời kỳ trước. Họ ngày càng coi đối phương là kẻ thù, và quy tắc khi hai bên làm việc với nhau là “không khoan nhượng”.

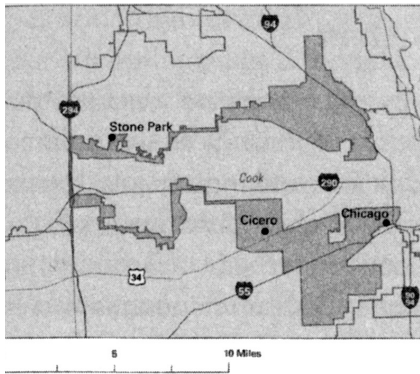
Trong khi đó, theo chỉ đạo của các chính trị gia, đường ranh giới giữa các khu vực bầu cử ở cấp liên bang và cấp bang đều được vẽ lại sao cho thành viên của mỗi đảng được tập trung ở một chỗ, giúp cho khu vực bầu cử đó trở thành vùng “an toàn” cho ứng cử viên từng đảng. Đây không phải cách làm mới. Jeff Reichert, đạo diễn phim tài liệu *Sắp xếp lại khu vực bầu cử* (Gerrymandering) đã giải thích trên đài NPR (ngày 11/11/2010):

Sắp xếp lại khu vực bầu cử được coi là một phương pháp bình thường, diễn ra khoảng 10 năm một lần. Chúng ta phải điều chỉnh ranh giới giữa các vùng vì lý do dân số. Vấn đề chỉ phát sinh khi chúng ta để chính trị chen vào quá trình sắp xếp. Thuật ngữ này có từ năm 1812. Lúc đó, thống đốc đương nhiệm bang Massachusetts là Elbridge Gerry, và đảng của ông quyết định gây bất lợi cho đảng đối thủ bằng cách lập ra một khu vực bầu cử chỉ toàn thành viên phe đối thủ. Với một tác giả chuyên vẽ biếm họa chính trị hồi ấy, những gì họ làm là thái độ hiếu chiến. Gerry đáp: đây không phải là hành vi hiếu chiến mà là sắp xếp lại các khu vực bầu cử thôi.

Với cơ sở dữ liệu được vi tính hóa và bản đồ Google, việc sắp xếp lại khu vực bầu cử đã trở nên tinh vi hơn rất nhiều. Cơ quan lập pháp các bang có chức năng phân chia khu vực bầu cử sao cho đảng này hoặc đảng kia sẽ chắc chắn dành thắng lợi, và họ làm việc hết sức hiệu quả đến mức người ta nói rằng các ứng cử viên có khả năng chọn cử tri không kém gì khả năng cử tri – với quyền dân chủ của mình – chọn ứng cử viên. Bang California là ví dụ tiêu biểu. California có 53 khu vực bầu cử Quốc hội liên bang. Trong bốn đợt bầu cử giai đoạn 2004-2010, với tổng cộng 212 cuộc đối đầu, chỉ có một khu vực bầu cử là thay đổi quan điểm, từ bầu đảng này chuyển sang bầu đảng khác.

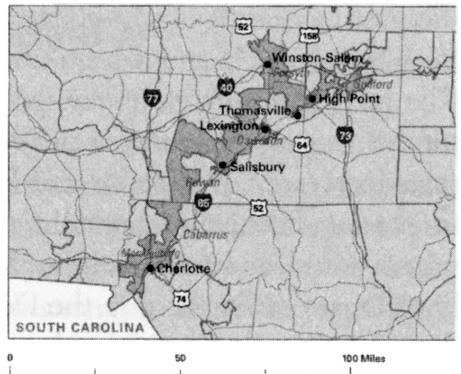
Bang Illinois

(khu vực bầu cử liên bang số 4)



Bang North Carolina

(khu vực bầu cử liên bang số 12)



Nguồn: Atlas quốc gia Mỹ.

Có nghĩa là ở những khu vực bầu cử “an toàn”, vòng sơ bộ là rất quan trọng. Trong vòng sơ bộ, các cử tri đã đăng ký bầu cử của hai đảng sẽ chọn ra ứng cử viên cho đảng mình. Nếu bạn thắng trong vòng sơ bộ ở khu vực bầu cử đã được sắp xếp thuận lợi cho đảng của bạn thì bất kể bạn là người của đảng Dân chủ hay đảng Cộng hòa, chắc chắn bạn sẽ thắng trong cuộc tổng tuyển cử. Vì các cử tri trong vòng sơ bộ đều phải đăng ký là thành viên đảng nào và vì những người tham gia bỏ phiếu vòng sơ bộ thường là những đảng viên có tư tưởng đảng phái mạnh nhất nên các ứng cử viên cực đoan sẽ có xu hướng dễ giành thắng lợi hơn so với các ứng cử viên ôn hòa. Sau khi thắng vòng sơ bộ, các ứng cử viên cực đoan sẽ dễ nhận được phiếu của các cử tri trung dung trong đợt tổng tuyển cử vì lúc này nếu không bầu ứng cử viên cực đoan của đảng mình thì chỉ còn cách bầu cho ứng cử viên cực

đoan của đảng đối thủ. Hơn nữa, một khi đã trúng cử, giới chính trị gia đều hiểu rằng người có thể đánh bại họ không phải ứng viên từ phía đảng đối thủ vì cơ hội của người này đã gần như bằng không nhờ quá trình sắp xếp khu vực bầu cử. Nhưng họ có thể thua trước một ứng cử viên khác cùng đảng cực đoan hơn trong đợt bầu cử sơ bộ lần sau. Khi đã nhậm chức, vì không muốn gặp khó khăn trong cuộc bầu cử tới nên họ càng không muốn thỏa hiệp với đảng đối thủ.

Các cử tri ôn hòa đã bỏ phiếu cho các ứng viên cực đoan theo cách nói trên. Hệ thống chính trị không cho họ cơ hội lựa chọn người trung dung. Cựu Thượng nghị sỹ Evan Bayh, một đảng viên Dân chủ ôn hòa, từng là đại biểu của Indiana, một bang tương đối bảo thủ từng nói: Cơ chế bầu cử này hoạt động theo cách khiến “những người trung lập – theo quan điểm ôn hòa hoặc độc lập – bị loại bỏ, do đó càng tăng cường sức mạnh của những người cực đoan”.

Một hệ thống đổ vỡ

Sự sắp xếp khu vực bầu cử tạo ra những khu vực bầu cử có ranh giới địa lý kỳ quái, không tạo môi trường cạnh tranh chính trị – kết quả của những mưu đồ chính trị của những đại diện hai đảng trong cơ quan lập pháp của các bang trên cả nước. Nhưng sự phân cực hóa hệ thống chính trị Mỹ mà chúng ta thấy trong quá trình cấu trúc hai đảng, dẫn tới những người tự do tập trung trong đảng Dân chủ, còn những người bảo thủ thì vào đảng Cộng hòa, cũng là sản phẩm của những lực đẩy mạnh mẽ trên các khía cạnh xã hội, kinh tế và công nghệ – những yếu tố làm hình thành nên xã hội Mỹ hơn nửa thế kỷ qua.

Chuyện hai đảng chia rẽ sâu sắc không phải hiện tượng mới mẻ hoàn toàn trong lịch sử nước Mỹ. Trước đây đã có vài giai đoạn nền chính trị Mỹ cũng bị chia rẽ, nhưng chưa có tiền lệ nào hữu ích, giúp chúng ta tìm ra cách đối phó với những thách thức lớn của đất nước.

Trong những năm đầu nền cộng hòa, những người theo đảng Liên bang và những người phản đối cũng mâu thuẫn với nhau không khác gì đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa ngày nay. Thậm chí hai phe còn không tin tưởng lẫn nhau, căm ghét nhau hơn nhiều. Trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1800, các đồng minh của Thomas Jefferson còn ám chỉ rằng đối thủ John Adams

là người bảo hoàng ngầm và đã quyết định phục hồi chế độ mà các thuộc địa đã lật đổ thành công. Phe Adams thì cho rằng Jefferson là phiên bản Bắc Mỹ của phe Gia-cô-banh (Jacobin), những người gây nhiều đổ máu trong Cách mạng Pháp.

Nhưng thái độ thù hận này không phá hủy chính phủ Mỹ vì chính phủ thời đó chỉ phải điều hành một đất nước nông nghiệp nhỏ bé, cách xa châu Âu – trung tâm các vấn đề quốc tế – không có nhiều việc phải làm. Trách nhiệm của chính phủ của siêu cường quốc thời hậu công nghiệp với quy mô tương đương một lục địa trong thế kỷ 21, dân số 300 triệu người và có nền kinh tế lớn nhất, phức tạp nhất thế giới là nặng nề hơn nhiều, và cái giá phải trả nếu chính phủ làm việc không hiệu quả vì thế cũng đắt hơn rất nhiều.

Vào giữa thế kỷ 19, sự phân hóa trong hệ thống chính trị liên quan đến vấn đề nô lệ đã nghiêm trọng tới mức dẫn đến bạo lực ngay tại Thượng viện. Ngày 19/5/1856, Thượng nghị sỹ Charles Sumner bang Massachusetts, đảng viên Cộng hòa đang đọc diễn văn về vấn đề chống chế độ nô lệ thì bị Hạ nghị sỹ Preston Brooks thuộc đảng Dân chủ tấn công bằng gậy và bị đánh suýt chết. Tất nhiên, vài năm sau, cả đất nước rung chuyển bởi bạo lực liên quan đến chế độ nô lệ – đó không phải một mô hình tốt cho thời nay.

Ngay cả khi không sinh ra bạo lực tội tộ thì một hệ thống chính trị bị phân hóa cũng không thể đem lại giải pháp cần thiết cho những thách thức lớn của nước Mỹ. Lý do là vì trái ngược với đồng đảo cử tri, các nhà hoạt động chính trị ở hai đảng bị chia rẽ *sâu sắc nhưng không có bên nào* mạnh áp đảo. “Không nên tiến hành những thay đổi lớn nếu chỉ được thiểu số ủng hộ”, Thomas Jefferson từng nói. Với nước Mỹ ở thế kỷ 21 lại càng không. Theo Hiến pháp Mỹ, quyền lực được phân tán giữa cơ quan hành pháp và cơ quan lập pháp, giữa Thượng viện và Hạ viện. Vì vậy, một đảng chính trị phải rất mạnh trong một thời gian tương đối dài thì mới có thể thực hiện được một chương trình hành động toàn diện. Do hai đảng hiện tại khá cân bằng nhau nên cả phe Cộng hòa lẫn phe Dân chủ ở thế kỷ 21 đều không có khả năng chiếm được thế thượng phong ấy. Nhưng kể cả khi họ có thể thì chưa hẳn đã tốt, vì chỉ một đảng thì không thể đáp ứng được mọi vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa, cách mạng công nghệ thông tin, thâm hụt ngân sách và cách thức sử dụng năng lượng. Như chúng tôi đã chứng minh, chúng ta cần một sự kết hợp tốt nhất giữa cả cánh tả và cánh hữu: trường công tốt hơn *và* nhiều trường tự chủ hơn, khai thác dầu khí trong nước nhiều hơn *và* đánh thuế carbon để khuyến khích sử dụng năng lượng hiệu quả và phát triển

năng lượng sạch, doanh thu thuế cao hơn và cắt giảm chi tiêu nhiều hơn. Còn nếu chỉ chuyển từ thái cực của đảng này sang thái cực của đảng kia thì sẽ không giải quyết được vấn đề.

Tư tưởng đảng phái mạnh mẽ còn ngăn cản những hành động cần thiết để đối phó với thách thức của đất nước dưới một hình thức nữa. Thái độ thù hằn đảng phái, hành vi xúc phạm lẫn nhau và sự thiếu lòng tin, hậu quả là cả hệ thống chính trị tê liệt trước những vấn đề quan trọng nhất đối với tương lai đất nước – tất cả đã gây ra ấn tượng xấu trong lòng người dân, dẫn tới họ không còn tin tưởng vào giới lãnh đạo chính trị. Ông ngoại của Michael là người Đông Âu, nhập cư vào Mỹ từ đầu thế kỷ trước. Có lần ông kể với Michael về cuộc tranh luận giữa ba ứng cử viên tranh chức thị trưởng thành phố New York. Sau khi ứng viên đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ phát biểu, đến lượt ứng viên đảng Xã hội, ông bắt đầu như sau: “Tôi muốn nói với các bạn rằng các bạn có thể tin tưởng những gì hai đối thủ của tôi đã nói. Đúng thế! Tôi đến đây để bảo đảm những gì họ nói là sự thật. Khi ứng viên đảng Dân chủ nói rằng ứng viên đảng Cộng hòa không phải người tốt, bạn hãy tin ông ấy. Và nếu ứng viên đảng Cộng hòa nói rằng ứng viên đảng Dân chủ là người xấu, bạn cũng có thể tin luôn”.

Có bằng chứng cho thấy người Mỹ đã bị thuyết phục trước những gì hai đảng nói về nhau. Kết quả là tình cảm công chúng dành cho chính phủ đã xuống thấp chưa từng thấy. Đây là cái giá quá đắt. Như nhà báo Gerald Seib của tạp chí *Wall Street* từng lưu ý: “Sau hai thập kỷ không thể hợp tác với nhau để giải quyết những vấn đề lớn trong nước, có vẻ như nước Mỹ và giới lãnh đạo đã không còn tự tin vào khả năng của mình. Một hệ thống chính trị chỉ biết chờ đợi thất bại sẽ không thể nỗ lực làm được điều gì khác”.

Mike Murphy là cựu giám đốc chiến dịch vận động của đảng Cộng hòa, từng có thời gian phụ trách chiến dịch tranh cử tổng thống năm 2000 của Thượng nghị sỹ John McCain. Tức là ông đã trực tiếp tham gia buổi biểu diễn múa rối và chứng kiến cận cảnh những sợi dây điều khiển. “Khi tôi tham gia chiến dịch vận động đầu tiên hồi còn là sinh viên ở [Đại học] Georgetown, có những quy định nói rằng bạn được làm gì khi tuyên truyền quảng cáo. Nhưng giờ thì không. Mọi người đều đổ lỗi cho các cố vấn, nhưng thực ra chúng tôi phải chạy theo các cử tri. Chúng tôi đem lại cho họ những gì họ muốn. Họ thích những thứ này. Câu hỏi đặt ra là: Làm sao bạn có thể chỉ ra được sự khác biệt giữa một quảng cáo tiêu cực và một quảng cáo tích cực? Quảng cáo tiêu cực là quảng cáo có ít nhất một phần sự thật”.

Theo Murphy, những mất mát chúng ta tự chịu đang ngày càng lớn. Ông không làm các chiến dịch vận động chính trị nữa. Ông nói: “Nền chính trị [hiện nay] gần giống một kẻ ăn bám, đang ăn mòn dần lợi ích quốc gia để sống được trong ngắn hạn, nhờ đó bạn và các đồng minh có thể vui vẻ trong vài phút. Nếu chúng ta không tìm cách cứu vãn cả cửa hàng thì câu hỏi nên chọn hướng bên phải hay hướng bên trái, chọn táo hay chọn cam sẽ chẳng còn ý nghĩa. Tất cả chúng ta đều sẽ phải làm thuê cho chuỗi cửa hàng ăn nhanh TGI Friday’s ở Bắc Kinh”.

Rồi Murphy ngừng lại trong chốc lát, ông nhắc đến một trong những lời khuyên tốt nhất ông từng được nghe từ một tay lão luyện trong nghề quảng cáo. “Quảng cáo tiêu cực rất có hiệu quả”, người đó nói, nhưng có cảnh báo thêm: “Anh có biết tại sao McDonald không bao giờ đưa ra quảng cáo tiêu cực để chống lại Burger King, rằng trong món bánh kẹp thịt của Burger King toàn giò bì không? Vì quảng cáo ấy có thể hiệu quả trong một hai năm, nhưng về sau khách hàng sẽ không ăn bánh kẹp thịt nữa”. Rồi ông ta kết thúc lời khuyên dành cho Murphy: “Đừng bao giờ phá đi cả hệ thống”.

Với cách nhìn tương tự, Murphy cho rằng ngay ở thời điểm chúng ta cần nền chính trị Mỹ phải tỏ ra đáng tin cậy nhất, mang tính xây dựng nhất để xác định và theo đuổi được lợi ích quốc gia thì “chúng ta lại phá đi cả hệ thống”.

Đỉnh núi Rushmore

Những vấn đề nói trên càng phức tạp hơn bởi thực tế rằng chương trình hành động của hai đảng được dựa trên lịch sử hạn hẹp của họ, chúng không hữu ích gì mấy cho tương lai như trong quá khứ. Chính sách của hai đảng bắt nguồn từ hai vị tổng thống được tôn vinh nhiều nhất nhưng không có mặt trên đỉnh Rushmore*: Với đảng Dân chủ là Franklin D. Roosevelt, người có tiểu sử lấp lánh hào quang, còn với đảng Cộng hòa là Ronald Reagan, người có tên được đặt cho một sân bay ở Washington. Cả hai đều được coi là người sáng lập – thậm chí là nhà tiên tri – ra mô hình mỗi đảng thời hiện đại, là người đưa ra chương trình hành động cốt lõi, định nghĩa thế nào là một người Dân chủ hoặc một người Cộng hòa thời nay. Với đảng Dân chủ, ưu tiên trọng tâm của họ là duy trì và mở rộng các chương trình phúc lợi xã

* Nơi có tác phẩm điêu khắc thể hiện bốn gương mặt tổng thống Mỹ: George Washington, Thomas Jefferson, Theodore Roosevelt và Abraham Lincoln, biểu trưng cho lịch sử 150 năm đầu tiên của nước Mỹ.

hội liên bang, có nghĩa là họ phản đối mọi sự thay đổi trong chính sách Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, đồng thời họ muốn mở rộng các đối tượng được hưởng dịch vụ chăm sóc y tế cơ bản. Với đảng Cộng hòa thì mục tiêu chính là giảm thuế, tức là họ phản đối mọi loại thuế mới bất kể lý do là gì. Nếu ở một thời điểm khác, cả hai chương trình hành động nói trên đều góp phần đáng kể vào tăng trưởng và sức mạnh kinh tế Mỹ. Và chắc chắn nếu không có gì thay đổi thì ai cũng muốn tiếp tục theo đuổi cả hai.

Nhưng bước vào giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai thì không phải mọi thứ đều giữ nguyên như trước, và nếu chúng ta vẫn hành xử như thể không có gì thay đổi thì tức là chúng ta đang tự ngăn cản mình đối phó một cách mạnh mẽ, khôn ngoan và nhanh chóng với bốn thách thức lớn của đất nước. Bạn sẽ không biết điều đó nếu nghe những cuộc tranh luận hiện nay. Như Thượng nghị sỹ Robert Bennett đã nhận xét: “Nền chính trị của chúng ta đang có nhiều vấn đề lớn, và chúng ta đang đi lệch hướng quá xa. Nhưng chúng ta lại dành phần lớn thời gian để tranh cãi về sự lệch hướng chứ chưa hề chịu đối mặt với những vấn đề lớn kia”.

Không phải quan điểm nào được mỗi đảng ủng hộ cũng tầm thường hay không đáng tin. Nhưng nếu hệ thống chính trị của chúng ta không thể xác định được thứ tự các vấn đề cần ưu tiên – gồm tăng thu ngân sách, giảm phúc lợi, tái đầu tư vào nguồn lực tạo nên thành công – thì chúng ta cũng sẽ phải trả giá đắt. Điều mỉa mai là không vị tổng thống mang tính biểu tượng nào của hai đảng tin tưởng hoàn toàn vào những gì mà các đệ tử của họ nghĩ là họ tin tưởng. Mặc dù là người đặt nền tảng cho nhà nước phúc lợi Mỹ hiện đại, nhưng trong chiến dịch tranh cử tổng thống năm 1932, Roosevelt tuyên bố cái ông dự định tiến hành là “những thử nghiệm táo bạo, kiên nhẫn”. Khi nhậm chức, ông làm đúng như những lời ông nói. Chấn chấn ông không thấy có chính sách nào của liên bang là luôn không thể thực hiện được. Reagan tuy là người bảo vệ quan điểm đánh thuế thấp nhưng cũng đảm bảo trách nhiệm tài khóa. Do đó ông đã tăng thuế khi nền kinh tế cần. Nhưng bị hiểu sai cũng là số phận của các nhà tiên tri.

Để làm cho tình hình tệ hơn, không những chương trình hành động cốt lõi của hai đảng không hứa hẹn đem lại giải pháp khả thi cho những thách thức lớn của đất nước, mà lòng trung thành của các thành viên trong đảng đối với chương trình hành động đó còn đang khiến một trong những thách thức – thâm hụt ngân sách – trở thành vấn đề khó giải quyết hơn nhiều. Khi các đảng viên Dân chủ muốn tăng chi tiêu chính phủ, đồng thời tăng thuế đánh lên người giàu, còn các đảng viên Cộng hòa đòi giảm thuế nhưng lại

không giảm chi tiêu tương ứng, chúng ta sẽ không thể giải quyết được tình trạng thâm hụt ngân sách ở quy mô cần thiết. Chính sách tài khóa của chúng ta đang ăn kiêng mọi món ngọt và rau – hậu quả của lòng trung thành không khoan nhượng của thành viên hai đảng với chương trình hành động cốt lõi của họ. Vì thế chúng ta đang rơi vào tình trạng mà nhà báo Christopher Caldwell đã mô tả rất thích đáng là “một chính phủ dân chủ - xã hội với một ngân sách vô chính phủ”.

Gặp tôi ngoài hành lang

Người ta kể rằng có cụm từ “những người vận động hành lang” vì hồi những năm 1870, ai muốn xin chính phủ điều gì thì thường đợi Tổng thống Ulysess S. Grant ở ngoài hành lang khách sạn Willard cạnh Nhà Trắng với hy vọng có thể trình bày với ông khi ông rẽ qua đây uống ly rượu trước khi đi ngủ.

Mọi người được quyền làm như vậy. Hiến pháp sửa đổi lần thứ nhất viết: “Quốc hội không ra bất cứ một đạo luật nào liên quan đến hình thành tôn giáo, hoặc cấm tự do tín ngưỡng, hoặc tước đi quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; hoặc quyền của các cá nhân được tụ họp, kiến nghị với chính phủ khi không hài lòng”.

Nói chính xác thì đó chính là những gì mà giới vận động hành lang đang làm: “kiến nghị với chính phủ khi không hài lòng”. Hiện tại, hơn bao giờ hết, hành vi kiến nghị với chính phủ chủ yếu là do các nhóm lợi ích đặc biệt và giới vận động hành lang của họ thực hiện. Cụm từ “lợi ích đặc biệt” hàm ý chỉ những lợi ích riêng, không quan tâm đến lợi ích của cả nước Mỹ. Các chính trị gia thích tỏ ra là họ đang phục vụ lợi ích quốc gia hoặc lợi ích chung của xã hội, nhưng họ còn hành động vì các nhóm lợi ích đặc biệt, thậm chí đôi khi còn vì nhóm này hơn tất cả. Khi quy mô chính phủ tăng, các nhóm lợi ích đặc biệt và đội quân vận động hành lang của họ ở Washington cũng tăng theo, đến mức họ thường xuyên ngăn cản các chính sách đất nước cần. Cũng như nền chính trị phân hóa đảng phái sâu sắc, những nhóm lợi ích đặc biệt với nguồn tài chính siêu mạnh, quyền lực siêu lớn đang làm chính phủ bị tê liệt khả năng xác định và hành động vì lợi ích quốc gia, ảnh hưởng đến việc giải quyết các thách thức lớn và hồi sinh công thức thành công. Khi quá quan tâm đến các nhóm lợi ích đặc biệt, giới chính trị gia và cả xã hội còn bị lạc hướng, không thấy được những vấn đề lớn của đất nước, đồng thời cũng không giải quyết được chúng với tốc độ, quy mô, phạm vi cần thiết.

Mặc dù đến giờ thì mọi người không thể níu áo tổng thống Mỹ ở quán rượu trong khách sạn như trước, nhưng từ thời Tổng thống Grant đến nay, năng lực của những người vận động hành lang đã sắc bén hơn rất nhiều thông qua việc tác động lên các chính trị gia và các đạo luật được ban hành. Để làm được điều đó, họ cần tiếp cận với các chính trị gia, trình bày mong muốn của họ với hy vọng sẽ được thông cảm lắng nghe. Họ tiếp cận được với các chính trị gia một phần không nhỏ là nhờ họ hỗ trợ rất nhiều cho giới chính trị, trong đó có việc đóng góp cho các chiến dịch vận động tranh cử – một hành vi rất dễ vượt qua giới hạn, trở thành phạm pháp. Như Russel Long, cựu chủ tịch Ủy ban Tài chính Thượng viện từng nói: “Ranh giới giữa đóng góp cho chiến dịch tranh cử và hối lộ là rất mong manh. Khó có thể chỉ ra một khoản tiền đóng góp là thuộc loại nào”.

Những nhà vận động hành lang không chỉ quyên góp cho chiến dịch tranh cử. Họ còn tổ chức những sự kiện gây quỹ cho các ứng viên để người khác quyên góp. Họ tham gia thành lập và vận hành những ủy ban hoạt động chính trị chuyên tài trợ cho các ứng viên. Thậm chí đôi khi họ còn đóng vai trò giám đốc tài chính và thủ quỹ của các chiến dịch vận động. Những việc này hiển nhiên là làm các chính trị gia biết ơn, có thiện cảm với giới vận động hành lang. Lãnh tụ lâu năm của đảng Cộng hòa là Bob Dole đã nói về các ủy ban hoạt động chính trị như sau: khi họ đưa tiền cho các chính trị gia, “họ kỳ vọng sẽ được nhận lại nhiều thứ khác chứ không phải một chính phủ tốt”.

Hiện tại, nhà vận động hành lang tai tiếng nhất là Jack Abramoff, người đã bị kết án tù năm 2006 sau khi bị coi là phạm tội nghiêm trọng trong ba vụ việc liên quan đến hối lộ các quan chức chính phủ và giả mạo các bộ lạc da đỏ để vận động Washington cho họ quyền đánh bạc hợp pháp. Câu chuyện “Sòng bạc Jack” thu hút sự chú ý đến mức nó đủ để sản xuất không chỉ một mà hai bộ phim dài. Nhưng nghề vận động hành lang ngày nay không xấu xa hơn trước kia. Vào thời kỳ hậu Nội chiến, vụ các nhóm lợi ích ngành đường sắt hối lộ giới quan chức đã trở thành chuẩn mực vận động hành lang. Vào thập niên 1920 dưới thời Tổng thống Harding đã xảy ra vụ bê bối Teapot Dome: Bộ trưởng Nội vụ* đã vay tiền từ một số công ty, đổi lại ông ta cho họ được thuê các mỏ dầu do nhà nước sở hữu. Cuốn tiểu thuyết hay nhất về hoạt động vận động hành lang (và về tình hình chính trị ở Washington nói chung) là cuốn *Dân chủ* (Democracy) của Henry Adams. Cuốn sách được

* Khác với nhiều nước, Bộ Nội vụ ở Mỹ là cơ quan quản lý Cục Quản lý Đất đai, Cục Khảo sát Địa chất và các vườn quốc gia.

xuất bản lần đầu tiên vào năm 1880, viết về một phụ nữ đã từ chối kết hôn với một thượng nghị sỹ sau khi biết rằng ông ta nhận hối lộ.

Thượng nghị sỹ Evan Bayh, đảng viên Dân chủ bang Indiana kể cho chúng tôi một câu chuyện như sau: Có người hỏi Thượng nghị sỹ Bob Dole rằng có phải Quốc hội đang ngày càng nhận hối lộ nhiều hơn không. “Và Bob Dole trả lời: ‘Ồ, không hề!’. Khi ông ấy bắt đầu làm việc ở Quốc hội vào đầu thập niên 1960, người ta đem hàng túi tiền mặt đến để chia cho người này người nọ”. Bayh kể tiếp: “Bây giờ chuyện này không xảy ra nữa”. (Mà tiền được đưa qua các khoản đóng góp cho chiến dịch tranh cử, trả tiền vé máy bay, đi đánh golf – và thêm tiền nữa cho các chiến dịch tranh cử).

Điểm mới là số lượng và quyền lực của các nhà vận động hành lang cũng như của nhóm lợi ích mà họ đại diện đều tăng đột ngột. Năm 2010, có 1.900 công ty với hơn 11.000 nhà vận động (trung bình 20 người trên mỗi thành viên Quốc hội) có đăng ký hoạt động ở Washington. Các nhà vận động nhận được thù lao khoảng 3,5 tỷ dollar, nhiều gấp đôi so với 10 năm trước. Tại sao số lượng, mức lương, và quan trọng hơn cả là quyền lực của những người này đều lớn hơn? Câu trả lời có ngay trong tiêu đề cuốn sách rất giá trị của Robert G. Kaiser về giới vận động hành lang xuất bản năm 2009: *Sao mà quá nhiều tiền: Thắng lợi của nghề vận động hành lang và sự xói mòn của chính phủ Mỹ* (So Damn Much Money: The Triumph of Lobbying and the Corrosion of American Government). Ở đây chúng tôi viết dựa vào chính cuốn sách này.

Ảnh hưởng ngày càng lớn của giới vận động hành lang trong đời sống chính trị là hậu quả của một xu hướng lớn và dài hạn: đó là quy mô chính phủ Mỹ liên tục tăng lên. Trong hàng chục năm, thông qua các đại diện được bầu, người dân Mỹ đã quyết định rằng họ muốn chính phủ làm nhiều và nhiều việc hơn nữa, chi tiêu và chi tiêu nhiều hơn nữa. Ngân sách liên bang cho năm tài khóa 2010 dự kiến chi 3,55 nghìn tỷ dollar. Vì vậy, cũng không có gì đáng ngạc nhiên khi các nhóm lợi ích đặc biệt phải thuê người để vận động sao cho số tiền này được chi tiêu theo mong muốn của họ chứ không phải của người khác.

Vận động hành lang cũng có mặt tích cực. Người vận động hành lang có thể đại diện cho những nhóm lợi ích nhỏ nhưng đáng được tôn trọng, và tiếng nói của họ không đủ lớn (ví dụ, những người muốn giữ lại cây cầu cũ có mái che ở thị trấn quê bạn), hoặc những nhóm lợi ích xã hội lớn nhưng không có các công ty tư nhân chống lưng và tài trợ tiền như nhóm bảo vệ môi trường chẳng hạn. Người vận động hành lang có thể giúp các quan chức chính phủ

hiểu được những vấn đề phức tạp liên quan đến các công ty, các nhóm lợi ích mà họ đang đại diện, và hỗ trợ giới quan chức rà soát lại vô số các điều luật liên quan. Năm 2006, các đạo luật thuế liên bang đã lên tới 44.000 trang giấy với 5,5 triệu từ. Dự luật kích thích kinh tế được Quốc hội thông qua đầu năm 2009 dày 407 trang. Đạo luật chăm sóc y tế có hiệu lực năm sau dày 906 trang. Đạo luật cải cách tài chính cùng năm có tới 2.319 trang giấy. Ngay cả những quan chức sắc sảo nhất cũng không hy vọng tự mình hiểu hết từng đó điều luật. Đây chính là chỗ dành cho nhà vận động hành lang – cả vì mục đích tốt và mục đích xấu. Bản chất đa dạng, phức tạp của các đạo luật ngày nay đã mở đường cho giới vận động hành lang tham gia xây dựng, thậm chí viết hẳn một vài phần trong luật, bên ngoài thì là vì lợi ích quốc gia, nhưng thực tế đương nhiên là vì các nhóm lợi ích đặc biệt mà họ đại diện.

Cựu Thượng nghị sỹ Simpson từng gọi giới vận động hành lang là “người biểu diễn nghệ thuật hắc ám”. Ông dự báo họ sẽ ngăn cản mọi nỗ lực nghiêm túc nhằm cắt giảm ngân sách của ông. Sau cánh cửa đóng chặt, các nhà vận động hành lang làm mọi việc để các khoản bao cấp có hiệu lực, mở ra khe hở tránh thuế cho những người vốn đã giàu có và không đáng được giảm thuế – những việc hắc sẽ làm công chúng giận dữ nếu họ biết. Như Robert Kaiser, tác giả cuốn *Sao mà quá nhiều tiền* (So Damn Much Money) viết trong một bài đăng trên trang web Amazon.com mùa thu năm 2008:

Hạ viện đã khiến thị trường chứng khoán đột ngột sụp đổ khi bỏ phiếu chống đạo luật “giải cứu” đầu tiên được soạn thảo vội vàng để ổn định hệ thống ngân hàng và các tổ chức tài chính khác. Phe ủng hộ giải cứu liền đổ tiền để thay đổi dự luật theo hướng sẽ được sự ủng hộ của đa số thành viên Hạ viện. Chỉ vài ngày sau, một số điều khoản mới được bổ sung: gia hạn giảm thuế tiêu thụ gián thu cho các nhà sản xuất rượu rum Puerto Rico (ngân sách mất thêm 192 triệu dollar), gia hạn miễn thuế đặc biệt cho chủ sở hữu đường đua ô tô (ngân sách mất thêm 100 triệu dollar), miễn thuế cho các nhà sản xuất phim trên lãnh thổ Mỹ (ngân sách mất thêm 478 triệu dollar trong mười năm), v.v. Những điều khoản “giảm nhẹ” này – một chút tiết lộ trong ngôn ngữ riêng của Washington – đã có hiệu quả. Vài ngày sau khi bác bỏ kế hoạch giải cứu trị giá 750 tỷ dollar, Hạ viện đã bỏ phiếu thông qua.

Trong khi các nhà vận động hành lang ngày nay có rất nhiều việc làm và rất nhiều tiền vì chúng ta đã lựa chọn một chính phủ có quy mô lớn, phức

tập và còn tiếp tục phình lên nữa, việc ngày càng có nhiều nhà vận động hành lang có thể ảnh hưởng rất tiêu cực lên tăng trưởng kinh tế, và điều này đang xảy ra. Năm 1982, nhà kinh tế học Mancur Olson đã xuất bản cuốn sách có tên *Sự hưng vong và suy tàn của các quốc gia* (The Rise and Decline of Nations), trong đó ông có nhắc đến xu hướng chung là các nhóm lợi ích sẽ hình thành và vận động chính sách cho bản thân mình. Hiện tượng này đặc biệt hay xảy ra ở các quốc gia dân chủ, nơi họ có quyền tự do làm điều đó. Olson gọi các nhóm lợi ích là các “liên minh phân phối” vì họ “chủ yếu có xu hướng đấu tranh liên quan đến vấn đề phân phối thu nhập và của cải hơn là vấn đề sản xuất thêm của cải vật chất”. Nghĩa là họ chỉ tập trung vào việc làm thế nào mình nhận được phần lớn hơn trong cái bánh chứ không quan tâm đến việc làm thế nào để cái bánh to ra.

Như lời Olson, theo thời gian, các nhóm lợi ích đã “làm xã hội giảm dần khả năng ứng dụng công nghệ mới và tái phân bổ nguồn lực để đối phó với những thay đổi từ bên ngoài”. Đây là lý do tại sao các nhóm lợi ích đang đe dọa tương lai của nước Mỹ. Ứng dụng công nghệ mới và tái phân bổ nguồn lực để đối phó với những thay đổi từ bên ngoài lại chính là cái mà nước Mỹ cần làm.

Lực lượng vận động hành lang của ngành nhiên liệu hóa thạch (tức các đại gia dầu mỏ và đại gia than đá) luôn luôn phản đối các chính sách năng lượng sạch cần thiết để đối phó với biến đổi khí hậu và cơn nghiện dầu của Mỹ. Chính sách quan trọng nhất trong đó là áp giá cao hơn cho nhiên liệu có nguồn gốc carbon – thông qua đánh thuế carbon – để các nguồn nhiên liệu phi carbon có thể cạnh tranh được trên thị trường. Thuế carbon sẽ thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi từ nhiên liệu hóa thạch sang công nghệ năng lượng sạch, đồng thời làm cho nước Mỹ mạnh hơn, an toàn hơn trên trường quốc tế thông qua việc làm suy yếu những kẻ thù chuyên xuất khẩu dầu mỏ. Nhưng ngành công nghiệp dầu mỏ, than đá và khí tự nhiên, Phòng Thương mại Mỹ và Hiệp hội Quốc gia các công ty chế tạo đã thuê hàng trung đội vận động hành lang để đấu tranh chống lại việc tăng thuế cũng như mọi quy định liên quan đến không khí sạch vì họ cho rằng chúng làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của họ.

Trang web ClimateProgress.org ngày 03/10/2010 cho biết: “từ năm 1999, ngành dầu mỏ, than đá và khí tự nhiên đã chi hơn 2 tỷ dollar vào vận động hành lang Quốc hội. Ba ngành này đã cùng nhau bỏ một số tiền khổng lồ là 543 triệu dollar để vận động hành lang riêng trong năm 2009 và hai quý đầu

năm 2010. Trong khi đó, các công ty năng lượng khác chỉ chưa đến 32 triệu dollar cho hoạt động này vào năm 2009, và năm nay số tiền họ bỏ ra mới chỉ đạt 14,8 triệu dollar”.

Giới vận động hành lang làm việc hiệu quả đến mức các công ty sau lưng họ có thể đặt hàng một chính sách cụ thể hoặc đề nghị thay đổi quy định như thế nào đó, và các nhà vận động hành lang sẽ đáp ứng nhu cầu. Hãng tin tức phi đảng phái ProPublica đã phân tích số tiền mà các thành viên Hội đồng Khí tự nhiên nhận được từ các công ty dầu khí (ngày 04/01/2010) và thấy rằng “từ năm 2009 đến 2010”, trung bình những người này đã được “ngành dầu khí trả một số tiền cao hơn 19 lần” so với số tiền mà các thành viên Quốc hội tham gia ký vào kiến nghị bảo vệ môi trường nhận được. Theo kiến nghị này, các công ty khai thác khí tự nhiên bằng phương pháp phá vỡ vỉa thủy lực – một loại công nghệ phá vỡ các tầng đất đá để giải phóng khí tự nhiên – phải công khai các loại hóa chất họ sử dụng khi khoan khai thác trên đất thuộc sở hữu công.

Nhóm lợi ích đặc biệt mạnh nhất hiện nay không phải công đoàn hay một ngành nào cụ thể. Phần lớn thành viên trong nhóm không giàu có, họ cũng không nghĩ mình có lực lượng vận động hành lang ở Washington. Nhưng họ lại đang tác động lên phản ứng của chính phủ liên bang trước một trong những vấn đề nghiêm trọng nhất của đất nước: thâm hụt ngân sách. Và họ còn tham gia nhiều hơn bất cứ nhóm lợi ích nào khác vào việc lấy đi nguồn lực từ các chương trình chính sách cần thiết để đối phó với những thách thức của nước Mỹ.

Họ chính là lớp người Mỹ già, và lực lượng vận động hành lang của họ là Hiệp hội Người nghỉ hưu Mỹ (AARP). Chúng tôi biết đây là một nhận định gây tranh cãi, nhưng đối với chúng tôi, lợi ích của lớp người già đáng được coi là “đặc biệt” vì mặc dù đảm bảo người già khi nghỉ hưu được sống an toàn, được tôn trọng là một việc hết sức quan trọng, nhưng lợi ích của họ phải cân đối hơn với các lợi ích quan trọng khác. Nếu không thể cắt giảm ngân sách dành cho Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế thì sẽ phải cắt giảm rất nhiều ngân sách dành cho giáo dục, cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và triển khai.

Thâm hụt ngân sách liên bang đã bùng nổ trong giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai, thậm chí còn trước cả Đại Khủng hoảng 2008. Nhưng ngay cả khi chúng ta phục hồi hoàn toàn từ khủng hoảng thì thâm hụt ngân sách và nợ quốc gia vẫn có nguy cơ bùng nổ lần nữa vì số người già ở Mỹ đang tăng nhanh. Khi 78 triệu người thuộc thế hệ bùng nổ dân số – tức là những người

sinh từ năm 1946 đến 1964 – về hưu, chi phí của Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế sẽ tăng lên với tốc độ tên lửa. Từ năm 2010 đến 2020, dự kiến chi phí của hai quỹ này sẽ tăng tương ứng là 70 và 79%. Theo Michael Tanner thuộc Viện Cato, một cơ quan học thuật theo tư tưởng tự do, đến năm 2050, hai quỹ nói trên cộng với quỹ Chăm sóc y tế sẽ chiếm 18,4% tổng giá trị sản phẩm của nền kinh tế Mỹ.

Chúng ta chưa dành đủ số tiền cần thiết để trả phúc lợi cho thế hệ bùng nổ dân số đúng như quyền lợi họ đáng được hưởng theo luật. Hai chương trình bảo hiểm chính nói trên được chi trả theo nguyên tắc lấy thu bù chi, tức là thu thuế của những người đang thuộc lực lượng lao động dựa trên bảng lương của họ và chi cho những người đã nghỉ hưu. Khi thế hệ bùng nổ dân số nghỉ hưu, số thu thuế ở mức thuế suất hiện tại sẽ thiếu hụt rất lớn so với nhu cầu chi: chênh lệch lên tới hàng nghìn tỷ dollar. Nếu không có những điều chỉnh đáng kể trong chính sách hưởng Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế – tức là giảm phúc lợi người về hưu được hưởng – thì trong tương lai, nguy cơ sẽ là thâm hụt ngày càng nghiêm trọng, buộc chúng ta phải đi vay ngày càng nhiều, dẫn tới nợ quốc gia ngày càng lớn.

Các nghị sỹ hẳn nhiên là hiểu điều này, nhưng họ, đặc biệt là các đảng viên Dân chủ, luôn né tránh, không ủng hộ các biện pháp nghiêm túc nhằm giảm phúc lợi từ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế vì e ngại sức mạnh chính trị của nhóm công dân lớn tuổi. Sức mạnh của họ xuất phát từ hai thực tế: nước Mỹ có rất nhiều người từ 65 tuổi trở lên – năm 2009 có hơn 40 triệu người, chiếm 13% dân số và sẽ tăng lên 20% vào năm 2050 – và nếu xét theo tỷ lệ người đi bỏ phiếu thì nhóm tuổi này có tỷ lệ cao nhất so với bất cứ nhóm tuổi nào khác. AARP là một tổ chức vận động hành lang rất mạnh, nhưng quyền lực của họ không xuất phát từ tiền hay năng lực vận động chuyên nghiệp trong mê cung những quy định, đạo luật của liên bang Mỹ. Quyền lực của họ xuất phát từ số lượng, một lượng phiếu khổng lồ mà họ có thể huy động trong những cuộc bầu cử – yếu tố quan trọng nhất đối với các chính trị gia.

Vào thập niên 1930, trước khi chính sách Bảo hiểm xã hội ra đời thì rất hiếm người già có lương hưu dù dưới bất cứ hình thức nào. Người già là nhóm người nghèo nhất ở Mỹ. Nhờ một số chính sách mà giờ đây, người già nhìn chung lại là nhóm người giàu nhất, còn nhóm nghèo nhất trên thang của cải của Mỹ là trẻ em. Nhưng các chương trình phúc lợi của chúng ta lại đang lấy nguồn lực mà lực lượng lao động tạo ra để chuyển cho người già, khiến người trẻ bị thiệt thòi. Có một câu nói sáo rỗng là trẻ em là tương lai

của đất nước, có nghĩa là chương trình phúc lợi của chúng ta đang đầu tư vào quá khứ với chi phí do tương lai gánh chịu. Lợi ích quốc gia phụ thuộc vào sự hy sinh của tất cả mọi người, trong đó có người già, nhờ đó nước Mỹ mới có thể đầu tư những khoản cần thiết cho tương lai đất nước.

Rất khó thuyết phục người già chấp nhận hy sinh; không phải tất cả bọn họ đều là “ông/bà già tham lam” giàu có. Thế hệ bùng nổ dân số nhìn chung có tỷ lệ tiết kiệm thấp một cách đáng buồn, nghĩa là với họ, số tiền mà Bảo hiểm xã hội chi trả là nguồn thu nhập hết sức cần thiết khi họ nghỉ hưu. Nếu ngân sách dành cho Bảo hiểm y tế bị cắt giảm mạnh thì sẽ ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ chăm sóc y tế cho những người phụ thuộc vào phúc lợi này, thậm chí có thể còn rút ngắn cuộc sống của họ. Nhưng nếu nước Mỹ muốn cải thiện công thức thành công và giải quyết được những thách thức lớn của đất nước thì vẫn cần phải hạn chế ở mức độ nào đó với một số khoản chi đang tăng vượt bậc của hai chương trình phúc lợi – ngay bản thân AARP cũng nhận thấy như vậy với chính sách Bảo hiểm xã hội.

Giảm phúc lợi Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế có thể là bất công với người già, nhưng đầu tư ít ỏi vào giáo dục lại tác động tiêu cực lên tất cả mọi người. Theo nghĩa này, phúc lợi xã hội chính là một dạng lợi ích riêng đặc biệt, còn giáo dục là lợi ích của cả đất nước. Gần như mọi nghiên cứu về chủ đề này đều cho thấy nếu mỗi cá nhân được đầu tư vào giáo dục càng sớm thì bù lại, về sau người đó sẽ có năng suất làm việc càng cao và thu nhập càng tốt. Khi một dollar được đầu tư khôn ngoan vào giáo dục thì lợi ích nó mang lại sẽ góp phần giải quyết được những thách thức của thế giới mà chúng ta đang sống nhiều hơn so với khi nó được đầu tư vào người già, cho dù người đó xứng đáng đến đâu.

Hãy cho tôi thấy tiền

Tiểu thuyết gia William Faulkner, người được trao giải Nobel Văn học năm 1949 từng nói: “Nếu sống ở bất cứ nơi nào trên thế giới vào năm 1955 mà lấy lý do chủng tộc, màu da để phân đối bình đẳng thì chẳng khác gì sống ở Alaska và phân đối có tuyết”. Thái độ chống lại đồng tiền trong chính trị cũng thế. Tiền luôn đóng vai trò nhất định trong chính trị – ít nhất là trong nền chính trị dân chủ – và sẽ còn tiếp tục trong tương lai. Nhưng cũng như tư tưởng đảng phái và các nhóm lợi ích đặc biệt, những năm gần đây, vai trò của tiền trong chính trị ngày càng lớn, gây tổn hại đến cả những chính sách

mà Mỹ đang rất cần đưa vào thực thi.

Phần lớn tiền được tiêu cho những công nghệ tinh vi hơn bao giờ hết trong các chiến dịch chính trị hiện đại: thăm dò ý kiến, gửi thư mời chào trực tiếp, gọi điện thoại tự động, quảng cáo trên truyền hình. Năm 1974, số tiền được chi cho cuộc bầu cử quốc hội – tính bằng tổng số tiền mà tất cả các ứng cử viên Hạ viện và Thượng viện đã bỏ ra – là 75 triệu dollar. Với những đợt bầu cử sau này, số tiền đã tăng lên đột ngột, năm 1982 đã là 343 triệu dollar và vẫn tiếp tục tăng lên kể từ đó. Tất cả các ứng cử viên trong cuộc bầu cử quốc hội năm 2010 đã chi tổng cộng 879 triệu dollar.

Các ứng viên lấy tiền ở đâu? Một phần là của các tổ chức hoạt động vì những mục tiêu, vấn đề cụ thể, thường có xu hướng nằm ở cực này hoặc cực kia trong hệ tư tưởng: với đảng Dân chủ là quyền của người đồng tính và bảo vệ môi trường, còn với phe bảo thủ là nạo phá thai và quyền sử dụng súng. Những người có tư tưởng đảng phái rõ nét sẽ chi nhiều tiền hơn những người có quan điểm trung dung, vì vậy nền chính trị Mỹ càng bị phân cực mạnh hơn.

Nhưng một phần đáng kể tiền của các ứng viên là do các nhóm lợi ích đặc biệt tài trợ. Các chính trị gia dành cực kỳ nhiều thời gian để quyên góp tiền và chi tiêu số tiền đó. Chính nhu cầu quyên góp tiền liên tục của họ đã mang lại sức mạnh cho các nhóm lợi ích đặc biệt, những người có tiền để tài trợ. Đồng thời quyền lực của giới chính trị gia lại bị giảm sút vì thời gian họ buộc phải dành cho việc gây quỹ gần như ngang bằng với thời gian họ điều hành đất nước. Những người chúng tôi từng hỏi chuyện đã ước tính việc gây quỹ thường chiếm khoảng một phần tư số ngày làm việc của họ, đôi khi còn hơn. Thượng nghị sỹ Evan Bayh, đảng viên Dân chủ bang Indiana vừa nghỉ hưu năm 2011 sau hai nhiệm kỳ cho biết khi cha ông còn ngồi ở Thượng viện từ năm 1963 đến 1981, “người ta thường nói các nghị sỹ dành bốn năm để làm luật và hai năm để vận động tranh cử”. Giờ thì ngược lại, vận động tranh cử, đặc biệt là gây quỹ là việc phải làm liên tục. Bayh nói về các đồng nghiệp tại Thượng viện: “Có những người đi thẳng từ nơi tuyên thệ nhậm chức đến chỗ gây quỹ ngay trong ngày để lo cho đợt bầu cử sáu năm sau. Điều đó đã và vẫn đang xảy ra! Không bao giờ chấm dứt”.

“Nếu những việc đầu tiên bạn nghĩ đến luôn là quyên góp tiền và toan tính chính trị thì những điều luật bạn làm ra khó mà không dính dáng gì đến chúng”, Bayh nói thêm. “Phải, lúc nào cũng là chuyện chính trị. Những toan tính chính trị đang ngày càng phổ biến trong tư duy của mọi người khi họ buộc phải suy nghĩ về vận động tranh cử và chính trị 24 giờ một ngày, bảy

ngày một tuần trong suốt sáu năm. Tiền đóng vai trò rất lớn trong đó. Tại sao? Vì sẽ có những quảng cáo bẩn thỉu nhằm vào bạn, tấn công con người bạn – bạn phải chứng minh được là họ sai. Tức là bạn phải quay lại với giới truyền thông, và trả tiền cho các kênh truyền hình. Chỉ mười, mười hai năm trước, số quảng cáo cần thiết để giao tiếp hiệu quả với cử tri ít hơn nhiều so với hiện nay vì hồi đó không có nhiều kênh truyền hình cáp như bây giờ. Ngày nay người xem bị phân tán rất nhiều. Số quảng cáo bạn có phải nhiều gấp ba hoặc bốn lần mới đạt được hiệu quả bằng lúc trước. Và rõ ràng như thế là tốn rất nhiều tiền. Ngoài ra chi phí của một quảng cáo cũng ngày càng tăng. Vì thế, khi kết hợp hai yếu tố này lại, số tiền bạn phải bỏ ra sẽ tăng đột biến”.

Bayh giải thích rằng “75% thời gian của một thượng nghị sỹ đang ‘trong chu kỳ’ [tức là đang phải đối mặt với một cuộc bầu cử trong vòng hai năm tới] được dành cho việc gây quỹ, chứ không phải gặp gỡ cử tri, nói chuyện với các chuyên gia chính sách, ngồi cùng các đồng nghiệp để bàn bạc, đi đến một thỏa thuận quan trọng. Họ chỉ có gọi điện thoại, xin tiền để vận động tranh cử hoặc đến gặp các chuyên gia gây quỹ. Đó là thực tế, trừ khi bạn rất rất giàu có, hoặc bạn là ngôi sao trên mạng hay cái gì đó tương tự. Điều cuối cùng tôi muốn nói là... mọi người có nhớ khi tổng thống nói hậu quả của vụ việc Citizens United [dẫn tới hủy bỏ điều luật hạn chế đóng góp cho chiến dịch tranh cử] là sẽ có những dòng tiền ngầm khổng lồ đổ vào các chiến dịch vận động], hình như Thẩm phán [Samuel] Alito có lẩm bẩm rằng ‘không đúng’? Thôi nào! Thực tế đang diễn ra chính xác như thế. Bạn có thể nói quy định này rất hay, nhưng bạn không thể [chối bỏ] hậu quả hiển nhiên của nó. Và đó chính xác là những gì đã diễn ra. Chúng ta sẽ chẳng nhìn thấy gì. Sẽ có những khoản tiền ngầm trị giá hàng trăm triệu dollar tác động lên kết quả bầu cử những vị trí cao nhất trong nhà nước. Tôi thấy chuyện này thật kinh khủng!... Mọi chuyện sẽ diễn ra như sau: Thượng nghị sỹ A đang vận động tranh cử và biết rằng một tổ chức ngầm sẽ tấn công ông với hàng triệu dollar chi phí. [Nên ông ta sẽ cần] một tổ chức ngầm khác thay mặt ông chống lại đối thủ với ngân sách cao hơn 5, 10, 15 triệu dollar. Đây là cách duy nhất để sân chơi được công bằng”.

“Tức là cả hai bên đều có tổ chức ngầm riêng. Họ sẽ đóng góp những khoản tiền khổng lồ trị giá hàng triệu dollar. Tình hình diễn ra như sau: [vị thượng nghị sỹ] tự hỏi: ‘Ai sẽ bảo vệ mình?’ Và ông ta đến [gặp một trong những công ty có túi tiền không đáy] và nói: ‘Tôi cần các anh giúp đỡ’. Họ đáp: ‘Chúng tôi yêu mến ông. Ông là một người bạn tốt. Chắc chắn chúng tôi sẽ giúp đỡ.’

Nhưng ông biết đấy, quy định của công ty là chúng tôi chỉ được phép giúp đỡ những người dành 90% thời gian cho công ty. Đây là danh sách mười vấn đề quan trọng nhất với chúng tôi. Sao ông không xem thử, trả lời rồi đưa lại cho chúng tôi, chúng tôi muốn giúp ông mà'. Và đây sẽ là lá phiếu thuận cho một số điều luật nhất định! Vị thượng nghị sỹ sẽ xem xét tờ danh sách, biết rằng hàng triệu dollar đang phụ thuộc vào việc ông trả lời họ như thế nào và ông có cam kết bỏ phiếu thuận không. Mọi chuyện đã gần như trở thành một vụ hối lộ vì ông không thể không vượt qua ranh giới. Đối với một công dân bình thường, đây chắc chắn là hành vi hối lộ. Và bạn có biết cái gì sẽ thay đổi được tình hình không? Sẽ cần một vụ Jack Abramoff liên quan đến chất kích thích hoặc một vụ Watergate nữa, tức là phải có một sự kiện bê bối kinh khủng, đủ gây sốc để thay đổi một hệ thống đang tự hủy diệt".

Sức mạnh của các nhóm lợi ích đặc biệt và nhu cầu tài trợ các chiến dịch tranh cử khi kết hợp với nhau đã đặt Quốc hội – như các thành viên phải thừa nhận – trước nguy cơ trở thành một tổ chức quyên góp tiền chuyên nghiệp, còn xây dựng luật chỉ là nghề tay trái. Những nhóm lợi ích giàu có nhất, cực đoan nhất là người gây ra hậu quả đó ngay trong thời kỳ nước Mỹ hết sức cần họ phải lưu tâm đến lợi ích quốc gia.

Trong cuộc bầu cử tổng thống 2012, các nhóm lợi ích đã dùng đến một cỗ máy mới và đầy sức mạnh để thể hiện các ưu tiên, quảng bá các vấn đề và bầu các ứng cử viên của mình. Cỗ máy này bắt nguồn từ phán quyết vào năm 2010 của Tòa án Tối cao, trong vụ Citizens United và Ủy ban Bầu cử liên bang, rằng các cá nhân, công ty, công đoàn và các nhóm khác có thể chi số tiền không giới hạn cho các chiến dịch chính trị thông qua các ủy ban hành động chính trị (PACs) miễn là các tổ chức này không cộng tác trực tiếp với các ứng cử viên hay các đảng chính trị. Trong các cuộc bầu cử sơ bộ năm 2012 của đảng Cộng hòa, các "Siêu ủy ban hành động chính trị" này tỏ ra chỉ độc lập về danh nghĩa. Họ đã quyên góp hàng triệu dollar đại diện cho các ứng cử viên cụ thể và sử dụng rất nhiều trong số tiền đó để tấn công các ứng cử viên đối lập. Trong trường hợp ứng cử viên tổng thống đầy triển vọng của đảng Cộng hòa là Newt Gingrich, chỉ cần một nhà tài trợ của Siêu ủy ban hành động chính trị, tài phiệt sòng bạc Sheldon Adelson, đã giữ cho chiến dịch vận động tranh cử của Gingrich tồn tại được lâu, trong khi lẽ ra nó đã chết vì thiếu các nhà tài trợ cá nhân trong một thời kỳ mà sự tài trợ của một cá nhân bị hạn chế nhiều hơn. Hãy tưởng tượng là bằng một phép mầu nào đó Gingrich đi tiếp và đắc cử tổng thống. Tưởng tượng xem ông ta sẽ lệ thuộc

vào quan điểm của một cá nhân như thế nào. Dù vậy, Tổng thống Obama cũng đón nhận các Siêu ủy ban hành động chính trị tương tự được tạo ra để ủng hộ ông. Vì thế quyết định của Tòa án Tối cao vào năm 2010 đã dẫn đến một kênh nữa – cứ như thể kênh đó là cần thiết – qua đó tiền bạc có thể gây ảnh hưởng lên đời sống công.

Sự điên rồ của truyền thông

Tại văn phòng Thượng viện, Thượng nghị sỹ Lindsey Graham ngã người ra sau ghế, cố giúp chúng tôi hình dung được điều gì sẽ xảy ra nếu truyền thông Mỹ có mặt để đưa tin về Hội nghị Hiến pháp Mỹ tại Philadelphia. Ông nói: chắc chúng ta vẫn là những thuộc địa riêng rẽ. Graham trầm ngâm: “Hãy quay lại quá khứ”. Đó là năm 1787, “và chúng ta đang ở Philadelphia để thỏa thuận xây dựng Hiến pháp. Các anh thử nói xem bản tin phát liên tục 24 giờ sẽ tác động lên quá trình viết Hiến pháp như thế nào. Các hãng truyền hình cáp đứng ngay ngoài Quảng trường Độc lập. Ben Franklin bước ra. Ông bị hãng tin Fox News phục sấn. ‘Có đúng là ông đang lập ra các bang nhỏ không? Ông sẽ cho các bang những quyền gì?’ Tôi luôn nghĩ chương trình trực tiếp tối thứ bảy Saturday Night Live nên làm sự kiện này. Hãy tưởng tượng một vở kịch ngắn trong đó Ben Franklin đi bộ dọc trên đường, và mọi người sẽ lao vào nuốt sống ông. Và Glenn Beck đứng ngoài và nói: ‘Họ đang bán đứng chúng ta’. Tiếp đó Rachel Maddow* xuất hiện ngay trước cửa. Rồi, giờ thì tua đi. Vòng xoáy bản tin 24 giờ sẽ khiến các bên khó mà đi đến thỏa hiệp vì tin tức sẽ bị rò rỉ ra ngoài, khiến mọi người không còn động lực tìm ra sự đồng thuận. Rất khó để duy trì động lực này trước những chủ đề gây tranh cãi khi phải đối mặt với vòng xoáy bản tin 24 giờ. Bạn đã thấy điều tương tự xảy ra với dự luật năng lượng, khi ai đó ở Nhà Trắng kể với kênh truyền hình Fox News rằng Lindsey Graham đang xúc tiến thuế carbon”. Tin ấy đã khiến phe bảo thủ ở bang South Carolina phản đối dữ dội trước khi Graham có cơ hội giải thích, đến mức ông không thể tiếp tục ủng hộ dự luật được nữa.

Tất cả những yếu tố gây ra sự phân cực đã làm hệ thống chính trị bị suy yếu, không còn khả năng giải quyết những vấn đề lớn nhất hiện nay. Môi trường truyền thông siêu phân tán, hoạt động không biết mệt mỏi còn làm cho tình hình nghiêm trọng hơn, biến cuộc chiến giữa hai đảng thành một

* Glenn Beck và Rachel Maddow: những người dẫn chương trình truyền hình nổi tiếng của Mỹ hiện nay.

hình thức thể thao giải trí căng thẳng hơn bao giờ hết.

Graham nói tiếp: “Vòng xoáy bản tin 24 giờ chú trọng nêu ra định nghĩa cho mọi thứ. Bạn luôn ở trong vòng xoáy phải đảm bảo rằng đề xuất của bạn không bị định nghĩa theo kiểu khiến bạn không thể nhận được những lá phiếu cần thiết... Có nghĩa là gì? Là cái cách Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, cái cách thuế sẽ trở nên cực kỳ khó khăn vì chỉ cần một hai nhóm lợi ích đặc biệt thuộc phe tự do hoặc bảo thủ phản đối bạn [do cách họ định nghĩa vấn đề trên các phương tiện truyền thông] là bạn sẽ mất người ủng hộ”.

Tiến bộ công nghệ còn làm cho tình hình tồi tệ hơn. Trước kia, các chính trị gia chỉ phải theo đuổi, đấu tranh với báo chí và ba kênh truyền hình chính thì giờ đây, đài phát thanh, truyền hình cáp, Internet và mạng lưới các trang blog là những đối thủ không thể tránh mặt trong sự nghiệp của họ. Những cuộc phỏng vấn của chúng tôi cho thấy dường như thời gian các chính trị gia bỏ ra để đọc xem các blog viết gì về họ nhiều không kém thời gian họ gọi điện để xin tài trợ tiền.

Hệ thống truyền thông mới đã biến tin tức thành một sản phẩm được phân phối qua rất nhiều kênh, được cập nhật liên tục và có sẵn ở mọi nơi. Nhờ blog và Twitter, bất cứ ai cũng có thể trở thành nhà báo hoặc nhà bình luận. Nhờ các trang web, tin tức được đưa 24 giờ một ngày, bảy ngày một tuần – trong xe taxi chạy ra sân bay, trong phòng chờ sân bay, thậm chí cả trên máy bay. Nhờ vệ tinh, máy quay kỹ thuật số và điện thoại di động, bất cứ chuyện gì, dù xảy ra ở đâu, chỉ cần có người quan tâm là có thể và sẽ được phát đi ngay lập tức trên toàn thế giới. Những tiến bộ công nghệ đã mở rộng quy mô nguồn tin tức và ý kiến, một hiện tượng mà chúng tôi tin là lành mạnh đối với nền dân chủ. Nhưng chúng cũng khiến nhiều người hơn có sở thích và có điều kiện được nghe nhiều ý kiến hơn, và có thể gây ra những hậu quả bất lợi ngoài dự đoán.

Graham bổ sung: “Trong vòng xoáy tin tức 24 giờ, khoảnh khắc quyết định về chính trị dường như lấn át mọi ý thức về lịch sử. Tôi nghĩ Thượng viện của chúng ta đang mất dần ý thức về lịch sử và tương lai. Sức ép căng thẳng mà vòng xoáy tin tức 24 giờ mang lại không cho phép chúng ta thể hiện chính xác chúng ta là ai, đang làm gì... [Kết quả là] Quốc hội Mỹ không còn là cơ quan thảo luận dân chủ nhất thế giới nữa mà chỉ là tập hợp của những khoảnh khắc chính trị mà thôi”.

Môi trường truyền thông mới đã làm trầm trọng hơn tình trạng siêu phân chia đảng phái ở Washington vì nói chung các phương tiện truyền thông

mới tập trung vào những nhóm khán thính giả nhỏ hơn so với các phương tiện truyền thông cũ. Các chương trình trò chuyện trên đài phát thanh và truyền hình cáp không thu hút khán thính giả theo nhiều quan điểm chính trị khác nhau như ba kênh truyền hình và báo chí lớn trước kia, thời họ gần như độc quyền về đưa tin tức. Ngược lại, các phương tiện truyền thông mới chỉ tập trung vào một nhóm khán thính giả nằm ở một trong hai thái cực, thông qua các chương trình nhấn mạnh thêm từng quan điểm. Hiện tượng này gọi là “phát sóng hẹp”, chính là bí quyết thành công của Rush Limbaugh và hai kênh truyền hình Fox News và MSNBC. Các chương trình theo quan điểm bảo thủ trên đài phát thanh và truyền hình cáp thu hút được lượng khán thính giả lớn hơn so với các chương trình theo tư tưởng tự do, có lẽ vì – như các nghiên cứu đã chỉ ra – có nhiều người tự nhận mình là bảo thủ hơn vì khác với phe tự do, phe bảo thủ có cảm giác truyền thông chính thống không đáp ứng được nhu cầu của họ. Đương nhiên Limbaugh giúp thính giả của ông ta được giải trí, nhưng những gì ông ta làm cũng làm tình hình nghiêm trọng hơn.

Các phương tiện truyền thông tìm kiếm khán thính giả qua những bản tin mang tính giải trí, coi chính trị như thể thao – có thể gọi họ là PSPN bên cạnh kênh thể thao ESPN. Kênh truyền thông USA Network có một câu khẩu hiệu nhắc đến những ngôi sao kỳ quặc trong các phim hài và kịch mà họ phát sóng: “Nhiệt liệt chào đón các cá tính”. Cũng có thể coi đây là khẩu hiệu của các kênh truyền hình cáp và đài phát thanh. Họ đem lại cho khán thính giả những cá tính mạnh mẽ, giải nguy biện, sôi nổi và gây tranh cãi; không ăn nói khô khan, kiểu một-mặt-thì-và-mặt-khác-thì... Không may cho nước Mỹ, thái độ khô khan, mặt-này-mặt-khác một cách thận trọng, bình thản, đôi khi nhàm chán lại phù hợp với những vấn đề phức tạp trong chính sách công hiện nay, mang tính quyết định đối với tương lai nước Mỹ. Khi chú trọng vào mục tiêu giải trí, các phương tiện truyền thông mới càng gây ra thêm nhiều mâu thuẫn. Những chương trình của họ thực sự tương đồng hơn với môn vật chuyên nghiệp, với hình ảnh anh hùng và kẻ ác, những mối thù được phóng đại và kết cục đã được biết trước, vì các chương trình thể hiện rõ là theo quan điểm tự do hay bảo thủ. Đôi khi chúng ta chỉ thấy thiếu bộ trang phục kiểu Tarzan và những cú giả quật ngã đối phương.

Đây không phải mô hình thích hợp cho các cuộc tranh luận về những vấn đề nghiêm túc mà đất nước đang phải đối mặt. Như Jon Stewart đã nói trong cuộc phỏng vấn với Rachel Maddow trên kênh MSNBC (ngày 11/11/2010):

“Nhược điểm của vòng xoáy tin tức 24 giờ là nó phục vụ một thứ cụ thể, đó là sự kiện 11/9. Nếu không có sự kiện 11/9 thì thực sự sẽ không có chuyện để nói suốt 24 giờ một ngày như thế. Vấn đề là ở chỗ làm thế nào để mọi người tiếp tục xem? Không phải ngày nào O.J. cũng giết người”. Chuyện đấy qua rồi. Thế phải làm thế nào? Bạn phải tạo ra thái độ hưng phấn đối với mọi sự kiện khác diễn ra trên đời này, đẩy nó lên mức có thể trở thành tin giật gân... Bạn bắt đầu mất đi khái niệm tin giật gân nghĩa là gì”.

Tin tức trên truyền hình cáp không giúp giảm thiểu sự chia rẽ đảng phái mà ngược lại, còn đẩy mâu thuẫn đi xa hơn, sâu sắc hơn, kích động cho nó dữ dội hơn. Khi xem bản tin trên truyền hình cáp và nghe chương trình nói chuyện trên đài phát thanh, khán thính giả được biết rằng những người nằm ở hai phe đều là những kẻ ngu ngốc, đạo đức giả, đôi khi còn nguy hiểm – chứ họ không được biết rằng những vấn đề đất nước đang phải đối mặt là rất phức tạp, khó khăn và cấp thiết.

Các phương tiện truyền thông có lượng khán thính giả tương đối nhỏ. Năm 2010, các chương trình chính trên kênh Fox chỉ có trung bình 2 triệu người xem (mặc dù một số chương trình có thể có đến 3 triệu người xem). Số người xem của các kênh MSNBC và CNN còn thấp hơn nữa: 764.000 và 591.000 người. Khi nào thành công lắm thì phần lớn các blog và trang web cũng chỉ thu hút được một đợt người đọc nhỏ. Nhưng chúng vẫn góp phần tạo nên cuộc sống ngày nay vì đối với giới lãnh đạo, vai trò của chúng là rất lớn.

Trong thể thao, khi một vận động viên bị đối phương làm cho nản chí, phân tâm, bối rối đến mức thi đấu tệ hẳn đi thì người ta thường nói là anh ta đã bị đối phương “bắt vía”. Tương tự, các phương tiện truyền thông cũng đang “bắt vía” được giới chính trị gia Mỹ. Tất cả các quan chức được bầu ra mà chúng tôi phỏng vấn để viết cuốn sách này – cả đảng viên Cộng hòa và Dân chủ, không có ngoại lệ – đều nói rằng các chương trình trò chuyện trên đài, truyền hình cáp và Internet có ảnh hưởng đáng kể lên công việc của họ. Họ buộc phải ăn nói gai góc, mạnh mẽ hơn để thu hút sự chú ý, hoặc phải dành nhiều thời gian, công sức để đối phó với những điều người khác nói về họ. “Mọi người có thấy tay tác giả blog ấy viết gì về tôi không?” là câu nói mở đầu cho rất nhiều câu chuyện ở Washington. Phải nói lần nữa là trong một số trường hợp, việc các chính trị gia bị theo dõi quá kỹ: họ dành thời gian và tiền bạc vào việc gì, ở chỗ này họ nói gì, so với ở chỗ khác họ nói ra sao... chính là ưu điểm của nền dân chủ. Nó khiến những người được bầu

* O.J.Simpson, cựu cầu thủ bóng bầu dục, diễn viên, đã phạm tội giết người vợ cũ và bạn của vợ. Vụ việc trở thành phiên tòa hình sự được quan tâm nhất trong lịch sử nước Mỹ (1995).

ra và tất cả mọi người khác phải sống có trách nhiệm hơn.

Nhưng đôi khi nó cũng gây rắc rối, thậm chí còn tệ hơn. Xét một cách công bằng, chúng tôi nghĩ giới truyền thông có tác động tích cực, nhưng cũng không thể bỏ qua mặt trái của họ.

Giới truyền thông có thể cùng lúc vừa cung cấp tin sai, vừa đính chính. Chỉ cần đưa ra một tin tức sai, Internet sẽ vừa lan truyền tin sai vừa đính chính nó với tốc độ ánh sáng. Nhưng vấn đề là ở chỗ tin sai thu hút được sự chú ý lớn hơn nhiều so với tin đính chính, và những trang web đưa tin sai lại khác với trang web đưa tin đính chính nên tin đính chính thường không đến được đúng đối tượng.

Thượng nghị sỹ Bennett kể với chúng tôi rằng trong chiến dịch tái đề cử mà ông bị thất bại năm 2010, ông phải đối mặt với những người phê phán thẳng vào mặt ông về những quan điểm mà ông chưa từng nghĩ đến. Ví dụ, ông bị buộc tội ủng hộ kế hoạch cải cách y tế của Obama, trong khi ông đã từng phát biểu công khai là ông phản đối và còn nêu rõ trên trang web chính thức giải pháp thay thế. Khi ông hỏi các cử tri họ lấy tin này ở đâu, họ thường trả lời: “trên mạng”, tức là những trang web cực hữu – nguồn tin tức của họ. “Tôi đã thua vì Facebook, Youtube và tất cả những trang web khác”. Bennett nói với chúng tôi như vậy trong khi nhân viên của ông đang dọn đồ đạc ra khỏi văn phòng tại Thượng viện hồi tháng 12/2010. “Tôi không thể hiểu được. Tất cả là do Glenn Beck. Anh ta xuất hiện trên truyền hình hàng ngày. Nhóm của anh ta chọn ra những mẫu tin họ thích, thế thôi, như họ nói. Những mẫu tin ấy lan truyền như virus vậy. [Các đại biểu Cộng hòa bang Utah tham gia bỏ phiếu vòng sơ bộ] lấy thông tin từ chỗ họ, chứ không phải từ báo *New York Times*”.

Bennett kể rằng một người bạn cũ bất ngờ viết thư cho ông để hỏi ông tại sao ông lại ủng hộ sửa đổi hiến pháp theo hướng “mọi thành viên của Quốc hội, sau một nhiệm kỳ, sẽ được nhận nguyên lương cả đời [và] mọi thành viên Quốc hội đều được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thanh toán toàn bộ”. Bennett cho biết hẳn bạn ông đã nghe tin tức kiểu này từ Glenn Beck rồi kể cho tất cả người thân, bạn bè, trong đó có cả Bennett. Thông điệp Glenn Beck gửi cho cử tri là: “Đuổi cổ hết bọn họ đi – họ tự tăng lương cho mình và cắt giảm phúc lợi Bảo hiểm xã hội để có tiền làm việc đó”.

Bennett phản ứng thế nào? Ông và vợ ngồi vào máy tính và trả lời như sau: “Thân gửi bạn X. Cảm ơn bạn đã gửi thư cho tôi để tôi có cơ hội trình bày. Thứ nhất, lương của chúng tôi đã được cố định. Thứ hai, những thứ liên

quan đến Bảo hiểm xã hội là do luật quy định. Thứ ba, tôi cũng ước như bạn nói, để tôi được hưởng nguyên lương cả đời chỉ sau một nhiệm kỳ công tác; chúng tôi cũng chẳng được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thanh toán toàn bộ mà chỉ có bảo hiểm y tế như mọi nhân viên khác làm việc cho chính phủ liên bang”. Bennett kể vì bạn ông là một người đáng kính nên đã có hồi âm. Bạn ông gửi cho tất cả người thân, bạn bè mẫu tin sau: “Thượng nghị sỹ Bennett là người bạn lâu năm của chúng tôi, và ông đã đính chính lại tin tức sai lầm. Tôi muốn mọi người biết đây mới là sự thật”.

Nhưng tin đính chính chẳng có tác dụng mấy, Bennett cho biết liên tục trong suốt chiến dịch vận động, các cử tri tập trung lại đến gặp ông để tra hỏi: “Ông bỏ phiếu cho kế hoạch của Obama đúng không?’ ‘Không phải’. ‘Có, ông đã làm như vậy. Tôi đọc được trên Internet’. ‘Ông bỏ phiếu cho kế hoạch y tế của Obama’. ‘Ông bỏ phiếu cho gói kích thích kinh tế’. ‘Ông bỏ phiếu cho Chương trình mua lại tài sản xấu (TARP)’. Tôi trả lời: ‘Nhìn đây, tôi là người đã thay đổi đề xuất trị giá 700 tỷ dollar, chia nó thành hai gói 350 tỷ dollar vì tôi muốn xem gói thứ nhất có hiệu quả không trước khi bỏ phiếu cho gói thứ hai. Và tôi đã bỏ phiếu chống gói thứ hai vì gói 350 tỷ thứ nhất không đem lại kết quả’. ‘Không không, ông đã hoang phí 700 tỷ dollar. Glenn Beck nói như vậy”. Không khác gì ám sát người khác dưới vỏ bọc tin tức. Bennett cho biết các đồng nhiệm phe Dân chủ cũng bị các trang web cánh tả đối xử tương tự. “Không ai quan tâm đến tin tức của kênh CBS dù là ở mức tối thiểu nữa. Kể cả Walter Cronkite* có sống lại thì cũng chẳng đai nào tuyển dụng ông chứ chưa nói là nghe ông bình luận”.

Những hậu quả lên giới chính trị mà ngành truyền thông gây ra như lời Bennett nói cộng với tình trạng siêu chia rẽ đảng phái và các nhóm lợi ích đặc biệt siêu quyền lực đang làm tê liệt hệ thống chính trị Mỹ. Vì chúng ta bị tê liệt, không thể giải quyết thích đáng bốn thách thức lớn nên nước Mỹ đang đứng trước tương lai hết sức khó khăn. Cái tương lai mà chúng ta sẽ phải đón nhận nếu không có những thay đổi lớn trong hệ thống chính trị đã hiển hiện trên bờ biển Thái Bình Dương.

California, chúng tôi đến rồi đây

Ngày xưa ngày xưa, nước Mỹ và bang California đã từng khiến thế giới phải

* Walter Leland Cronkite, Jr. (1916-2009): nhà báo, người dẫn chương trình tin tức buổi tối của kênh CBS trong 19 năm, được tôn vinh là “người đàn ông đáng tin cậy nhất nước Mỹ”.

ghen tị. Cả hai có lợi thế về mặt địa lý với đất đai màu mỡ, nhiều tài nguyên thiên nhiên. Cả hai đều có thể chế và phong tục giúp chúng trở thành vùng đất thịnh vượng, đầy sức sáng tạo, sôi nổi. Cả hai đều trở thành vùng đất của cơ hội. Cả hai đều là hình mẫu cho các nước khác, thu hút người dân từ mọi nơi trên thế giới và số người đến đây đã lên tới hàng triệu người.

Tiếng tăm của cả hai lên cao tới mức trong suy nghĩ của mọi người, cả hai đều có liên quan đến thứ kim loại quý giá nhất. California được coi là Tiểu bang Vàng từ giữa thế kỷ 19 khi người ta phát hiện có rất nhiều vàng ở đây, dẫn tới những làn sóng nhập cư đầu tiên. Cùng thời gian này, đối với người Do thái châu Âu mà Thế giới Mới trở thành điểm đến của hy vọng, nước Mỹ được gọi là “vùng đất vàng”. Ở những nơi xa xôi hẻo lánh nhất châu Âu, người dân vẫn nửa tin nửa ngờ huyền thoại rằng đường phố ở Mỹ được lát bằng vàng.

Giấc mơ Mỹ lên tới đỉnh cao nhất ở California. Nhà sử học Kevin Starr đặt tên cho bộ sách lịch sử về Tiểu bang Vàng của ông là *Người Mỹ và giấc mơ California* (Americans and the California Dream). Một nghiên cứu đầu tiên về ngành công nghiệp cơ sở của California – ngành điện ảnh – gọi nơi đây là “Công xưởng trong mơ”. Khẩu hiệu của công viên Disneyland nằm ngay ngoại ô Los Angeles năm 1955 là “Nơi giấc mơ biến thành hiện thực”. Một trong những bài hát thành công nhất năm 1965 của ban nhạc The Mamas and the Papas (xếp thứ 89 trong danh sách 500 bài hát hay nhất mọi thời đại của tạp chí âm nhạc *Rolling Stone*) có tên “Giấc mơ California”. Bài hát được ban nhạc sáng tác khi đang ở New York.

Đến thế kỷ 20, California trở thành nước Mỹ của nước Mỹ, được các bang khác ngưỡng mộ và tôn trọng (với chút ít khó chịu và ghen tị) giống như các quốc gia khác trên thế giới đối với Mỹ. Công thức hợp tác công tư để đạt tới sự thịnh vượng – trong giáo dục, cơ sở hạ tầng, nhập cư, nghiên cứu và triển khai, môi trường kinh doanh thân thiện với các quy định phù hợp – cũng thành công nhất ở California. Tiểu bang trở thành nơi ưa thích của các công ty đặc trưng kiểu Mỹ, chủ nghĩa tư bản mạo hiểm.

Là quê hương của những ngành công nghiệp của tương lai như điện tử và vũ trụ không gian, của Hollywood và Thung lũng Silicon, California còn là nơi người Mỹ nhìn thấy tương lai. Trong nhiều thập kỷ, những gì người Mỹ được chứng kiến thật là đầy cảm hứng.

Nhưng giờ đây nó đã nguội lạnh.

Cuối thập niên đầu tiên của thế kỷ 21, tiểu bang phải đối mặt với tỷ lệ thất nghiệp 12,5%, cao hơn nhiều so với mức trung bình của cả nước vốn đã rất

cao (9%). Tình hình ngân sách của bang rất tệ hại: thâm hụt ngân sách lên tới hơn 25 tỷ dollar, chiếm 25% tổng chi tiêu ngân sách (tỷ lệ này của ngân sách liên bang trong cùng năm là 10% và đã bị coi là cao một cách đáng báo động, và các bang bị buộc phải tự cân đối ngân sách).

Hơn thế nữa, California còn phải đối mặt với thâm hụt ngân sách trong tương lai, mỗi năm ước tính là hơn 20 tỷ dollar và nghĩa vụ thanh toán lương hưu vào khoảng 500 tỷ dollar. San Diego – thành phố lớn thứ hai của bang và lớn thứ tám toàn nước Mỹ, với khoảng 1,4 triệu dân đang nằm trên bờ vực phá sản. Meredith Whitney, một trong vài nhà phân tích tài chính đã dự đoán trước sự sụp đổ của những khoản vay dưới chuẩn đã đánh giá tình hình tài chính của California là xấu nhất trong số 15 bang lớn nhất của Mỹ. Báo cáo của Whitney (được kênh tin tức Bloomberg đưa ra ngày 29/9/2010) “xếp hạng các bang theo bốn tiêu chí: tình hình kinh tế, tình hình ngân sách, nhà cửa và thuế... Theo Whitney, ‘các tiểu bang và các ngân hàng đang giống nhau đến mức độ các bang cũng chi tiêu quá nhiều và vay nợ quá nhiều. Nợ của các thành phố đã tăng gấp đôi so với năm 2000. Chi tiêu tăng nhanh hơn nhiều so với thu ngân sách’”.

Giáo dục công – liên tưởng đến Berkeley – từng là viên ngọc quý trên vương miện của California và là chìa khóa dẫn đến thành công. Nhưng năm 2011, căn cứ trên kết quả thi của học sinh thì hệ thống trường tiểu học và trung học ở đây xếp hạng yếu nhất trong nước. Hệ thống các trường đại học từng được coi là chuẩn mực với nước Mỹ, thậm chí với cả thế giới, phải tăng học phí lên đáng kể, gây ra nhiều vụ biểu tình của sinh viên một số trường.

Ngày 23/3/2011, báo *San Francisco Chronicle* đã tổng kết những gì đang xảy ra với hệ thống giáo dục đại học của bang:

Khoảng 10.000 sinh viên sẽ bị bỏ rơi và chưa biết bao nhiêu người lao động sẽ mất việc làm trong mùa thu tới ở 23 địa điểm đào tạo thuộc Đại học bang California (CSU). Tin xấu này được công bố hôm thứ ba từ Long Beach, nơi các ủy viên quản trị CSU đang tiến hành thảo luận xem ngôi trường đang đào tạo 400.000 sinh viên sẽ phải giảm bớt quy mô như thế nào trước tin tức về ngân sách tồi tệ của bang. “Chúng tôi đang đối mặt với tình hình tài chính xấu nhất từ xưa đến nay” – Ủy viên Bill Hauck, chủ tịch Ủy ban tài chính của trường cho biết.

Mặc dù dân số California vẫn tiếp tục tăng lên, sắp đạt gần 40 triệu người,

nhưng sự tăng này không còn do yếu tố nhập cư từ các bang khác nữa. Thực tế là mỗi năm số người quyết định rời California ngày càng nhiều hơn số người di cư đến – một xu hướng mà không ai nghĩ tới trong thời hoàng kim của Tiểu bang Vàng. Nếu giấc mơ California chưa tàn lụi hẳn thì giờ nó cũng chỉ còn là sống thoi thóp.

Không chỉ có một lý do cho hiện tượng này. Chiến tranh Lạnh kết thúc làm ngành công nghiệp quốc phòng của Mỹ phải giảm quy mô trong khi có rất nhiều công ty quốc phòng đặt ở California. Tiểu bang cũng là nơi được nhiều người nhập cư lựa chọn hơn so với các bang khác, nhiều người trong số họ đã vào Mỹ theo con đường bất hợp pháp, do đó tăng sức ép lên các công trình công cộng của bang. Hệ thống chính quyền chấp vá, trong đó một cuộc trưng cầu ý dân cũng có thể trói tay được giới lập pháp, bỏ qua hoặc làm phức tạp hơn hiến pháp bang vốn đã rất phức tạp cũng khiến việc điều hành bang trở nên khó khăn ngay cả trong thời kỳ thuận lợi nhất.

Nhưng thất bại chính của bang lại liên quan đến chính trị. *Vấn đề của California đòi hỏi tất cả phải cùng hành động mới giải quyết được*, và điều đó chỉ có thể xảy ra thông qua hệ thống chính trị. Nhưng giới chính trị lại không quan tâm đến những thách thức cả bang đang phải đối mặt. Tất nhiên người dân biết. Bài báo của Bill Whalen trên báo *Weekly Standard* (ngày 27/12/2010) đưa tin: “theo Viện Chính sách công California, chỉ 13% cử tri ủng hộ cách làm việc của cơ quan lập pháp và hành pháp bang. Chỉ 2% người dân cho rằng chính quyền bang luôn làm đúng. Chỉ 3% tin tưởng vào quy trình ra quyết định của Sacramento”.

Chúng tôi đề cập đến tình hình hiện tại của California vì nó báo hiệu mọi-khả-năng-có-thể-xảy-ra trong tương lai nước Mỹ. Thất bại chính trị của Tiểu bang Vàng và của cả nước Mỹ quá giống nhau đến mức không thể bỏ qua được. Cũng như hệ thống chính trị liên bang, nền chính trị của California bị chia rẽ theo đảng phái rất nghiêm trọng khiến cho bang này gần như trở nên không thể điều hành nổi. Các đảng viên Dân chủ và Cộng hòa có triết lý hết sức khác biệt, và họ thù hằn lẫn nhau đến nỗi không thể tìm ra giải pháp chung cho những vấn đề cơ bản như giáo dục, thuế, y tế, cơ sở hạ tầng, nhà tù, lương hưu. Ví dụ, phe bảo thủ phản đối tăng thuế ở California đã đặt ra bản vị vàng để giữ thuế nhà đất không tăng kể từ thời mức thuế cố định được người dân bỏ phiếu hồi năm 1978, cộng với điều kiện ràng buộc là phải có hai phần ba số phiếu ủng hộ của Thượng viện và Hạ viện bang mới được đề

* Thủ phủ bang California.

xuất thuế mới.

Nhưng cùng lúc đó, nền chính trị California, tương tự nền chính trị Mỹ lại hoạt động dưới sự chi phối của các nhóm lợi ích đặc biệt đầy quyền lực. Những khoản tài trợ của họ dành cho các ứng viên chính trị cũng như số tiền họ bỏ ra để vận động hành lang có xu hướng làm tình hình xấu đi chứ không hề góp phần giải quyết khó khăn. Ví dụ, công đoàn nhân viên khu vực công của bang đặc biệt xuất sắc khi đòi quyền lợi cho các thành viên: một người lái xe cứu hỏa ở Sacramento có mức lương 144.000 dollar một năm, trong khi lương trung bình trong vùng chỉ là 52.000 dollar. Lính cứu hỏa xứng đáng được trả lương cao, nhưng cũng phải có giới hạn nhất định. Khi một bang có các tổ chức công đoàn đầy quyền lực và các nhà hoạt động chống thuế mạnh mẽ, cộng thêm sự thiếu thiện chí thỏa hiệp, kết quả thu được sẽ là “phá sản”.

Người Navajo* có câu thành ngữ tương tự như câu “Quay đầu là bờ”. Nếu chúng ta, với tư cách là một quốc gia, không tìm được giải pháp cho tình trạng siêu chia rẽ đảng phái và các nhóm lợi ích đặc biệt siêu quyền lực thì chúng ta sẽ trôi dạt đến vị trí của bang California hiện giờ. Đó chính là chúng ta trong tương lai.

* Cộng đồng người da đỏ lớn nhất được chính phủ công nhận, sống ở vùng Tây Nam nước Mỹ.

MƯỜI BA

Suy giảm giá trị

Khi nhìn vào tương lai của xã hội, chúng ta – bạn, tôi và chính phủ Mỹ – phải tránh nổi cảm dỗ chỉ sống cho hiện tại, không nên vì muốn được dễ dàng và tiện lợi mà chúng ta tước đi những nguồn lực quý giá của mai sau. Chúng ta không thể cầm cố tài sản vật chất của con cháu mình mà không phải đối mặt với rủi ro thế hệ sau sẽ đánh mất di sản chính trị và tinh thần.

- Diễn văn mãn nhiệm của Tổng thống Dwight D. Eisenhower
ngày 19/01/1961

Ngày 26/11/2010, báo *New York Times* có một bài báo bất thường: lời khuyên của một người đang hấp hối. Đó là câu chuyện cuộc đời của Gordon Murray, một cựu chuyên gia buôn bán trái phiếu của Goldman Sachs, người sau này trở thành giám đốc điều hành của cả Lehman Brothers và Credit Suisse First Boston. Ông vừa quyết định chấm dứt mọi biện pháp điều trị bệnh u nguyên bào thần kinh đệm (glioblastoma), một dạng ung thư não. Theo bài báo, thay vì làm những điều hăng mơ ước trong phần đời còn lại, “ông ẩn náu trong phòng làm việc nhỏ tại nhà và dồn chút sức lực còn lại để viết một cuốn sách mỏng. Nó có tên “Trả lời cho bài toán đầu tư” – được ông viết cùng một người bạn là chuyên gia cố vấn tài chính Daniel Goldie nhằm hướng dẫn người đọc đầu tư theo những bước đơn giản. Điều khiến chúng tôi ấn tượng là đường giới hạn – thực sự là giới hạn không thể vượt qua – mà Murray vạch ra giữa ngành tài chính Wall Street thời ông bắt đầu sự nghiệp hồi những năm 1970 và Wall Street bị sụp đổ vào năm 2008. Bài báo lưu ý rằng Murray “có rất nhiều cơ hội tìm việc làm khác nhờ học lực tốt và khả năng chơi bóng rổ rất cừ. Cuối cùng ông lựa chọn Goldman Sachs, rất lâu trước khi mọi người có ánh mắt nghi ngờ bất cứ ai làm việc ở đây. ‘Mọi lời chúng tôi nói ra đều chắc như đinh đóng cột, và kinh doanh tốt có nghĩa là

đạo đức tốt', ông nói như vậy về công việc của mình ở Wall Street. 'Nhưng điều này đã bị thay thế bởi những khoản vay đối trá' và 'tôi hy vọng khi tất cả mọi thứ sụp đổ thì tôi đã ra đi'".

Khó mà tìm được lời mô tả nào ngắn gọn, chính xác hơn về những gì đang xảy ra khi Chiến tranh Lạnh kết thúc và quá trình chuyển giao quyền lực từ Thế hệ Vĩ đại sang thế hệ bùng nổ dân số: những giá trị quan trọng, truyền thống vốn là nền tảng của đời sống xã hội và kinh doanh của nước Mỹ đang bị xói mòn.

Giá trị xã hội suy giảm cũng gây ra hậu quả không kém gì tình trạng siêu chia rẽ đảng phái, nó ăn mòn năng lực giải quyết các thách thức lớn trong hiện tại cũng như phục hồi công thức thành công. Sự suy giảm này không diễn ra chỉ trong một đêm mà từ từ, từng chút một, gần như không thể nhận thấy vì nó ẩn dưới những sự kiện hàng ngày. Nó giống như quá trình biến đổi địa chất có tên là trôi dạt lục địa, xảy ra trong hàng triệu năm, kết quả là bề mặt Trái Đất được chia thành những lục địa lớn. Vì nó thay đổi từng chút một nên chúng ta không thể nhận ra, cho đến tận khi cuộc khủng hoảng các khoản vay dưới chuẩn năm 2008 cho chúng ta thấy mình đã trôi xa những giá trị nền tảng trước kia đến mức nào.

Một lần nữa, quá trình chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác lại gây ra những khác biệt lớn lao, và nếu nhìn từ tương lai đất nước thì sự khác biệt này không hề tốt đẹp. Mặc dù cuộc Đại Khủng hoảng đã chấm dứt vào năm 1940, Thế chiến thứ hai kết thúc vào năm 1945 và những thời khắc nguy hiểm nhất trong Chiến tranh Lạnh đã trôi qua từ giữa thập niên 1960, nhưng những vết thương lịch sử cũ vẫn còn nguyên trong ký ức, trong tâm trí của những người từng sống qua thời đó. Không chỉ là Thế hệ Vĩ đại, tính cách của họ còn được rèn luyện, hun đúc thành một "thế hệ khôn ngoan". Báo chí thường chế giễu Tổng thống George H. W. Bush vì dùng từ "khôn ngoan" quá nhiều, nhưng nó đúng là từ được rất nhiều người thuộc thế hệ ông ưa thích vì có ý nghĩa đẹp. Họ đã hơn một lần phải đối mặt với những bất ngờ ngoài dự đoán – những sự kiện không may triệu lần mới có một, có thể đảo lộn cả thế giới, biến người giàu thành người nghèo, người sống ổn định phải đi di tản, kẻ vô tư lự thành chiến binh dạn dày kinh nghiệm, người thường xuyên lạc quan thành nhà đầu tư cẩn trọng. Với kinh nghiệm sống kết hợp tất cả những điều đó, cả thế hệ họ đã trở nên khôn ngoan, có khuynh hướng hợp tác cùng hành động và họ hài lòng với quyền lực của chính phủ và uy tín của các chuyên gia.

Như nhà triết học chính trị của Đại học Harvard là Michael J. Sandel từng nói, thế hệ cha mẹ chúng ta sinh ra vào thời mà “chúng ta cho rằng chính phủ hiển nhiên là quan trọng khi nhiều sự kiện quốc tế chứng minh rõ vai trò của chính phủ và của hành động tập thể vì lợi ích chung. Mọi người cùng chia sẻ quan điểm rằng chỉ những vấn đề chung mới là đáng kể, và giải pháp của chính phủ là cần thiết vì lợi ích của cả xã hội. Điều cần tranh cãi là chính phủ nên có hành động gì và đến mức độ nào”.

Hành động tập thể vì lợi ích chung, nói cho cùng, là cần thiết để tồn tại, và Thế hệ Vĩ đại đã đạt được thành tựu xuất sắc trong công cuộc chống khủng hoảng, giành thắng lợi trong Thế chiến thứ hai và ngăn chặn Liên Xô – bằng cách cùng hợp tác làm những nhiệm vụ to lớn và khó khăn. Khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, thế hệ cũ bắt đầu nghỉ hưu, vai trò lãnh đạo của họ được thay thế bởi thế hệ bùng nổ dân số (là thế hệ của chúng tôi, các tác giả cuốn sách): tập hợp những người sinh từ năm 1946 đến 1964. Phải thừa nhận rằng trái ngược với thế hệ cha mẹ, những gì chúng ta làm thể hiện tính ích kỷ hơn một chút, đôi khi còn khinh suất, vô trách nhiệm. Thế hệ bùng nổ dân số không bị ảnh hưởng bởi những đột biến lớn, không phải đối mặt với sự cần thiết phải hy sinh nhiều, không bị gánh nặng đối mặt với kẻ thù trên toàn thế giới hàng ngày, thêm nữa lại được tạo điều kiện, được thúc giục bởi công nghệ mới và thị trường các sản phẩm điện tử vốn khuyến khích con người suy nghĩ thật nhanh. Vì vậy, trong quá nhiều tình huống, chúng ta thể hiện quá ít sự khôn ngoan trong chính sách tài khóa, quá nhiều thái độ chia rẽ đảng phái, quá ít ý thức về lịch sử khi cùng tham gia xây dựng đất nước ngay tại quê hương mình – một điều mà nước Mỹ đang vô cùng cần trong điều kiện hiện nay.

Một hệ thống chính trị hoạt động tốt phải bắt nguồn từ một thứ sâu xa hơn: đó là văn hóa, được biểu hiện rõ rệt qua những giá trị nhất định. Chúng tôi tin rằng khi thế hệ bùng nổ dân số chiếm vai trò chính trong xã hội, nước Mỹ đã bị thất lạc ba trong số những giá trị cốt lõi nhất từng làm nên sự vĩ đại của chúng ta trong quá khứ.

Thứ nhất là từ việc đầu tư dài hạn và tạm thời trì hoãn hưởng thụ trong ngắn hạn – một đặc điểm của Thế hệ Vĩ đại, chúng ta chuyển sang hài lòng trong ngắn hạn và tư duy theo hướng hưởng-thụ-ngay-khi-có-thể – và đây đã trở thành nét đặc trưng của thế hệ bùng nổ dân số.

Thứ hai là chúng ta đã đánh mất lòng tin vào thể chế và thẩm quyền của giới lãnh đạo xã hội. Thái độ này liên quan đến thay đổi trong cách đánh

giá giới lãnh đạo, bao gồm các chính trị gia và các nhà khoa học. Từ thái độ hoài nghi lãnh mạnh, chúng ta chuyển sang nhìn nhận mọi thứ, mọi người với con mắt nghi ngờ giễu cợt. Sự thay đổi này khiến chúng ta càng khó mà đưa ra những hành động tập thể cần thiết để giải quyết những thách thức lớn hiện nay và cập nhật công thức thành công truyền thống.

Thứ ba là chúng ta đang mất đi nhận thức về mục tiêu chung của cả đất nước, từng là động lực của chúng ta – và được củng cố thêm – trong Thế chiến thứ hai và Chiến tranh Lạnh. Như chúng tôi đã nói, mặc dù Chiến tranh Lạnh có những mối nguy và có sự quá đà, và mặc dù không ai muốn nó quay trở lại, nhưng nó cũng đem lại một lợi ích mà sau này chúng ta mới nhận thấy rõ tầm quan trọng: Nó nuôi dưỡng cảm giác đoàn kết giữa người dân Mỹ, nhận thức chung về lợi ích quốc gia và vai trò hệ trọng của chính phủ điều hành – những điều khiến cả đất nước cùng làm những việc quan trọng, mang tính xây dựng cả ở trong và ngoài nước.

Mỗi người chúng ta đều có một người bạn từng rất xuất sắc ở trường trung học, có thể là một tiền vệ trong đội bóng bầu dục, nhưng theo thời gian, anh ta ngày càng tăng cân. Trong ngày họp lớp, khi anh ta bước qua cửa phòng khách sạn, mọi người đều mỉm cười lịch thiệp nhưng nghĩ thầm: “Ồ, anh chàng không còn nghiêm khắc với bản thân nữa rồi”. Đó chính là hình ảnh nước Mỹ sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc: có thêm rất nhiều tiện nghi, nhà rộng hơn nhiều, nhưng phần lớn những thứ chúng ta mua được là nhờ những khoản vay đối trá, tiền cứu trợ, chính sách kích thích kinh tế, tín dụng với lãi suất thấp và tiếp tục cắt giảm thuế, tiền thì vay mượn từ Trung Quốc và từ thế hệ sau. Chúng ta thực sự không còn nghiêm khắc với bản thân...

“Dùng giả bộ như chúng ta không biết những gì đang đến trong một thời gian dài nữa”, Kurt Andersen đã viết về thời đại này như vậy trong một bài báo đăng trên tạp chí *Time* (ngày 26/3/2009). Sau này ông đã phát triển thành cuốn sách có tên *Làm lại mọi thứ: Cuộc khủng hoảng này sẽ giúp phục hồi giá trị và tạo ra nước Mỹ mới như thế nào* (Reset: How This Crisis Can Restore Our Values and Renew America).

Vào đầu thập niên 1980, khoảng thời gian Ronald Reagan trở thành tổng thống và thị trường tài chính hiện đại khởi đầu quá trình tăng trưởng, chúng ta cũng bắt đầu đánh bạc (và thắng bạc!), và nghĩ đến điều thần kỳ. Từ năm 1980 đến 2007, giá trung bình của những ngôi nhà mới ở Mỹ đã tăng gấp bốn lần. Chỉ số công nghiệp Dow Jones tăng từ mức 803 vào mùa hè năm

1982 lên 14.165 vào mùa thu năm 2007. Từ đầu thập niên 1980 đến năm 2007, tỷ lệ phần trăm trong thu nhập khả dụng mà một hộ gia đình dành cho tài sản cầm cố và trả nợ tiêu dùng đã tăng 35%. Năm 1982, một hộ gia đình bình thường tiết kiệm được 11% thu nhập khả dụng. Năm 2007, tỷ lệ tiết kiệm còn chưa đến 1%. Triết lý sống mới khiến đánh bạc trở nên phổ biến: hồi cuối thập niên 1980, chỉ hai bang Nevada và New York có sòng bạc, giờ đây sòng bạc hiện diện ở 12 bang và 48 bang có các hình thức cá cược hợp pháp. Đường như thấy lễ hội Mardi Gras* và Lễ Giáng sinh là rất vui nên chúng ta phải làm cho cả năm cũng được vui như thế.

Chúng tôi không muốn đánh giá toàn bộ những chuẩn mực cơ bản của xã hội Mỹ ở đây. Chúng tôi cũng không tin rằng những giá trị cốt lõi giúp nước Mỹ trở nên vĩ đại trong hàng chục năm qua đều đã biến mất. Ngược lại, chúng tôi tin rằng có thể phục hồi được chúng. Nhưng chúng thực sự cần được phục hồi.

Jerry Maguire

Thay đổi đầu tiên, từ trì hoãn sự hài lòng sang hưởng thụ ngay lập tức, từ tầm nhìn dài hạn sang ngắn hạn đã được Dov Seidman miêu tả. Ông là giám đốc điều hành công ty LRN, tác giả cuốn sách *Nhu thế nào* (How) viết về vai trò của các giá trị trong thế giới kinh doanh. Theo quan điểm của Seidman, có hai nhóm giá trị khác nhau, chi phối các công ty, chính phủ, hành vi lãnh đạo, hành vi cá nhân và các mối quan hệ. Ông gọi hai nhóm đó là “giá trị nhất thời” và “giá trị bền vững”. Theo ông, những mối quan hệ hình thành bởi giá trị nhất thời nghĩa là có sự tính toán về những gì đang có tại đây, ngay thời điểm này. “Chúng liên quan đến việc khai thác những cơ hội trong ngắn hạn hơn là dựa trên những nguyên tắc tạo ra thành công trong dài hạn. Mối quan tâm chính là những người tham gia *có thể* làm gì và *không thể* làm gì trong một tình huống cụ thể”.

Ngược lại, các giá trị bền vững là “tất cả những gì chúng ta *nên* và *không nên* làm trong mọi tình huống”. Vì vậy, chúng thực sự giúp duy trì các mối

* Mardi Gras là ngày thứ ba trước Thứ Tư Lễ Tro (ngày ăn chay) khi các gia đình đem tất cả thực phẩm tích trữ ra sử dụng hết (Mardi Gras nghĩa là thứ ba béo). Dần dần sau này, Mardi Gras thay đổi theo thời gian tùy theo phong tục địa phương để trở thành lễ hội với những cuộc diễu hành rầm rộ linh đình, tiệc tùng vui chơi.

quan hệ trong dài hạn. Các giá trị bền vững, theo Seidman, là “những giá trị kết nối chúng ta một cách sâu sắc với tư cách là con người, chẳng hạn như sự minh bạch, tự trọng, chân thành, trung thực, chia sẻ trách nhiệm và hy vọng”. Vấn đề chính là “như thế nào, chứ không phải bao nhiêu... Những giá trị nhất thời đẩy chúng ta đi theo chiến lược trở thành ‘rất lớn nên không thể sụp đổ’. Những giá trị lâu dài giúp chúng ta có cảm hứng để theo đuổi chiến lược ‘rất bền vững nên không thể sụp đổ’ thông qua việc duy trì các mối quan hệ. Seidman giải thích rằng từ vụ sụp đổ của những ngân hàng lớn ở Wall Street như Bear Stearns hay Lehman Brothers có thể thấy ‘điều khiến một tổ chức tồn tại bền vững không phải quy mô mà là cách thức hoạt động kinh doanh, tức là quan hệ của công ty với nhân viên, cổ đông, khách hàng, nhà cung cấp, môi trường, xã hội và các thế hệ tương lai”.

Có thể thấy Wall Street đã chìm sâu trong những giá trị nhất thời đến mức nào trong cuộc điều trần trước Quốc hội về nguyên nhân gây ra cuộc khủng hoảng các khoản vay dưới chuẩn năm 2008. Ngày 27/4/2010, Thượng nghị sỹ Carl Levin (một đảng viên Dân chủ từ Michigan) đã chất vấn giám đốc tài chính của Goldman Sachs là David Viniar về những bức thư điện tử, trong đó các thành viên của Goldman gọi trái phiếu họ đang bán cho khách hàng là “loại vứt đi”.

Thượng nghị sỹ Levin: Trong thư điện tử, khi đánh giá về những giao dịch này, nhân viên của ông đã nói: Chúa ơi đúng là những giao dịch rác rưởi, thứ đồ vứt đi. Khi biết điều đó, ông cảm thấy thế nào?

Viniar: Tôi nghĩ đây là chuyện rất không may trên thư điện tử.

Thượng nghị sỹ Levin: Ông thấy...?

(Cười to)

Viniar: Rất không may.

Thượng nghị sỹ Levin: Trên thư điện tử? Ông cảm thấy thế nào cơ?

Viniar: Tôi nghĩ bất cứ ai cũng không may khi nói ra điều này dưới bất cứ hình thức nào.

Ngay cả khi bị Thượng nghị sỹ Levin hỏi tận nơi, có vẻ như Viniar vẫn không nhận ra rằng vấn đề là *nội dung* trao đổi và sự giấu cọt phía sau chứ không phải chuyện trao đổi bằng thư điện tử để rồi bị công khai. Goldman đã hành động theo giá trị nhất thời – bán bất cứ thứ gì dù vứt đi cũng được, miễn là giao dịch thành công – đến mức họ sẵn sàng gây tổn thất cho khách hàng. Hành vi này đi quá xa giá trị bền vững, không ai có thể tưởng tượng được là

nó tồn tại ở một ngân hàng đầu tư, thậm chí khi bị lộ ra ngoài thì giám đốc tài chính của ngân hàng cũng không nhận thức được.

Trong cuốn sách ông viết, Seidman có nhắc đến bộ phim *Jerry Maguire* năm 1996. Một trong những chủ đề chính của phim là mâu thuẫn giữa các giá trị nhất thời và giá trị bền vững. Tên phim cũng là tên nhân vật chính, một người quản lý vận động viên hàng đầu, rất tự tin. Một đêm, anh ta đột nhiên tỉnh ngộ về đạo đức và viết ra “sứ mệnh” của công ty. Sứ mệnh ấy như sau: anh ta và các đồng nghiệp trong công ty phải cấu trúc lại hoạt động của mình, giảm số khách hàng, đồng thời phải phục vụ tốt những khách hàng hiện tại. Về cơ bản, thông điệp của anh ta là: Hãy theo đuổi sự nghiệp lâu dài với những lý do đúng đắn, theo con đường đúng đắn – hãy bớt những hành vi nhất thời và thêm những hành vi bền vững.

Maguire, do Tom Cruise thủ vai, nhét bản sứ mệnh mới vào hòm thư của tất cả mọi người trong công ty. Sáng hôm sau, khi đến văn phòng, anh ta được tất cả các đồng nghiệp, nhân viên văn phòng, thư ký đứng dậy vỗ tay hoan nghênh. Sếp của anh, Bob Sugar, do Jay Mohr đóng, cười rất tươi, cũng đứng vỗ tay và giơ ngón tay cái khen ngợi Maguire. Một lãnh đạo khác hỏi ông ta: “Anh định cho cậu ta bao nhiêu thời gian nữa?” Sugar đáp nhỏ: “Hừm, một tuần”. Đương nhiên, một tuần sau Maguire bị Sugar sa thải, và các đồng nghiệp cũ của Maguire nhanh chóng tranh cướp hết khách hàng của anh. Sự nghiệp của Maguire tan tành vì chính những giá trị nhất thời mà anh chỉ trích.

Seidman lưu ý rằng bộ phim xoay quanh một loạt những mối quan hệ cá nhân, trong đó các nhân vật phải đấu tranh để lựa chọn giữa triết lý “Cứ làm đi!” (tức là làm bất cứ điều gì tình thế cho phép) và “Hãy làm điều đúng” (tức là suy nghĩ và hành động sao cho bền vững).

Ví dụ, sau khi bị công ty sa thải, Maguire nghĩ anh có thể tìm một khách hàng lớn để xin làm người quản lý. Đó Frank Cushman, một ngôi sao của trường đại học, có tiềm năng sẽ trở thành lựa chọn hàng đầu của các câu lạc bộ trong giải bóng bầu dục quốc gia (Jerry O’Connell đóng). Khi Maguire xuống miền Nam để thăm Cush và bố cậu ta là Matt (Beau Bridges đóng) ở một thị trấn nhỏ, họ đã có một thỏa thuận miệng rất khoa trương, và ông bố nói không cần viết hợp đồng chứng tỏ Jerry là người quản lý của Cush. Matt bảo: “Tôi đã nói gì thì còn chắc hơn đinh đóng cột”. Nhưng vài tuần sau, đến mùa tuyển chọn, Sugar đột ngột xuất hiện và cướp Cush khỏi tay Maguire, đơn giản vì ông ta có thể đưa ra thỏa thuận hời hơn nên ông ta

giành được chiến thắng. Và dù sao đi nữa, giữa Cush và Maguire cũng chưa có hợp đồng nào ngoài *mỗi* cái bắt tay. Maguire đến gặp Matt để nói rằng anh thất vọng đến mức nào.

“Tôi vẫn xúc động trước những từ chắc hơn đinh đóng cột của ông đấy”, Maguire giận dữ.

Đến lúc này, Maguire chỉ còn lại một nhân viên sẵn lòng làm việc cho anh, cô thư ký tốt bụng Dorothy Boyd (Renee Zellweger thủ vai) – cô có ấn tượng rất sâu sắc trước những gì anh viết về giá trị bền vững. Và một vận động viên vẫn muốn gắn bó với Maguire, cầu thủ bóng chày Rod Tidwell (Cuba Gooding Jr. đóng), người đòi hỏi rất cao sự chân thành và rất coi trọng đồng tiền. Cả hai ở lại với Maguire bởi một thứ vô hình, một thứ thực sự bền vững. Tidwell và Boyd đại diện cho những phẩm chất trái ngược với tính cách của Cush và Sugar – trong khó khăn họ vẫn trung thành với một người. Không có giá trị nào bền vững hơn thế. Nó trái ngược với chủ nghĩa cơ hội khi đối mặt với khó khăn. Không có gì nhất thời hơn hành vi ấy.

Jerry Maguire trở thành một trong những bộ phim có doanh thu cao nhất mọi thời đại vì theo Seidman, “nó chạm đúng nỗi bức xúc của những người đang mệt mỏi bởi cách hành xử theo lối tắt. Chúng ta đang sống trong thập niên “Cứ làm đi!”. Thế giới đang thay đổi rất nhanh và chúng ta “cứ làm đi” mọi thứ. Câu khẩu hiệu quảng cáo của nhà sản xuất giày thể thao Nike đã mô tả chính xác tư tưởng vì lợi ích cá nhân của thời đại”. Đó là thập niên mà đại diện quảng cáo nổi tiếng nhất của Nike là Michael Jordan, người đã biến bóng rổ chuyên nghiệp từ môn thể thao của một đội tuyển năm người hết sức gắn bó với nhau thành sân khấu của những cá nhân kiệt xuất. Tinh thần của thời đại cũng tác động lên hoạt động kinh doanh. Seidman cho biết nhà quản lý các công ty, dưới sức ép “phải đáp ứng được yêu cầu trong ngắn hạn của thị trường ngày càng đòi hỏi cao, đã phải tìm đến con đường tắt, đến những giải pháp dễ dãi nhằm giải quyết bài toán quản lý trong ngắn hạn và khi đó, họ thường bỏ qua mục tiêu trong dài hạn”.

Mười năm sau khi bộ phim ra đời, sự thay đổi từ những giá trị bền vững sang những giá trị nhất thời đã khiến Mỹ rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế tồi tệ nhất tính từ cuộc Đại Khủng hoảng (1929). Từ ngành tài chính đến ngành bán lẻ, vô số người Mỹ đã mất đi tâm lý tiết-kiệm-và-đầu-tư của thế hệ cha mẹ họ, những người từng trải qua khủng hoảng. Lý do là họ đã mắc phải một đặc điểm rất phổ biến của thế hệ mới, cái mà các nhà ngân hàng gọi là TĐC/BĐC: Bạn hãy mua bất cứ thứ gì có thể ngay bây giờ và “Tôi đã

chuồn” trước khi đến hạn thanh toán, hoặc “bạn đã chuồn” trước khi bạn thực sự phải trả giá.

Đây chính là nguyên nhân gây ra sự hỗn loạn các khoản vay dưới chuẩn. Người môi giới tài sản cầm cố là người đầu tiên cho một gia đình vay nợ với tài sản thế chấp dưới chuẩn, sau đó chuyển khoản nợ cho một tổ chức tài chính lớn hơn như Fannie Mae hoặc Citibank chẳng hạn. Anh ta biết anh ta đã “chuồn” nếu và khi gia đình đã vay nợ kia bị phá sản. Chẳng sao, công ty của anh ta không sở hữu khoản nợ đó nữa mà giờ nó đã thuộc về Fannie Mae hay một ngân hàng đầu tư nào đó ở tận Iceland. Vì vậy, với cá nhân anh ta, chẳng có gì rủi ro khi mời chào một hộ gia đình có rủi ro thanh toán cao vay tiền, đôi khi gia đình này còn được khuyến khích nói sai sự thật về thu nhập của họ, hoặc thậm chí họ còn chẳng có thu nhập. Người môi giới nói với gia đình đang thế chấp tài sản rằng họ cũng có thể làm tương tự: Nếu họ không trả được nợ hàng tháng khi đến hạn thì cũng không sao. Chỉ cần bỏ tài sản thế chấp đi là xong – “bạn đã chuồn” – hoặc bán tài sản để có lợi nhuận vì hồi đó tất cả chúng ta đều “biết” rằng giá nhà sẽ luôn tăng lên chứ không bao giờ giảm xuống.

Các tổ chức đánh giá tín dụng có mức phí và thu nhập phụ thuộc số lượng giấy tờ có giá của các khoản vay dưới chuẩn mà họ phải đánh giá nên họ có động cơ đưa ra kết quả đánh giá tốt để có thể tìm khách hàng dễ dàng hơn, thu hút nhiều ngân hàng và tổ chức đầu tư sử dụng dịch vụ của họ hơn. Nếu những giấy tờ này không được thanh toán thì “tôi đã chuồn” – nhà đánh giá sẽ nói như vậy. Các ngân hàng đầu tư có động lực trộn lẫn thêm nhiều khoản nợ với nhau nữa thành các loại giấy tờ có giá và bán chúng đi khắp thế giới vì khoản hoa hồng họ thu được là rất lớn, và chừng nào họ không giữ quá nhiều loại giấy tờ có giá này trong bảng cân đối tài sản thì dù chúng không được thanh toán cũng có đâu có sao. “Tôi đã chuồn”. “Tôi đã chuồn” và “bạn đã chuồn”, hai lối suy nghĩ ngắn hạn trở thành nguyên tắc hành động thời đó, còn tư duy bền vững – rằng “tôi sẽ hành động như thể tôi luôn có mặt ở đây, đáng tin cậy” – thì bị vứt ra ngoài cửa sổ. Cựu giám đốc điều hành tập đoàn Citigroup Charles Prince là người tóm tắt đúng nhất thái độ hành xử này khi ông trả lời phỏng vấn báo *Financial Times* (ngày 09/7/2007) chỉ vài tuần trước khi thị trường tín dụng rơi vào vòng xoáy tử thần của các khoản vay dưới chuẩn: “Chừng nào nhạc còn vang lên, bạn còn phải đứng lên và tiếp tục khiêu vũ”. Thế là khi thứ âm nhạc “nhất thời” vẫn đang vang lên, có vô số người Mỹ, từ ngành tài chính đến ngành bán lẻ đều đứng lên và tham gia điệu vũ.

Điều khởi đầu ở thập niên 1980, chúng ta có hệ thống thiết bị giải trí trong nhà mà không cần thế chấp, không phải trả tiền trong 30 ngày, đến thời kỳ Khủng hoảng tuổi lên hai thì hiện tượng này lên đến đỉnh cao: chúng ta có thể có giấc mơ Mỹ – một ngôi nhà có sân – mà không phải thế chấp, không cần thanh toán trong hai năm. Trong lịch sử, có bao giờ giấc mơ Mỹ lại rẻ đến thế chưa? Chưa bao giờ, và rồi chúng ta cũng nhận thấy kể cả lúc này nó cũng không hề rẻ. Hóa ra nó lại là một ảo ảnh khiến chúng ta phải trả giá đắt.

Seidman cho rằng mọi chuyện xảy ra là do chúng ta đã tạo ra hai thế giới khác nhau, đầu tiên nó tồn tại trong tư tưởng rồi về sau là trong thực tế. Ông minh họa bằng cách kể lại một cảnh trong phim *Bố già* (*The Godfather*), trong đó Sal Tessio, sau khi lên kế hoạch ám sát Michael Corleone – người đứng đầu gia đình tội phạm Corleone – đã bị phát hiện và bị buộc phải tự sát. Trước khi tự sát, Tessio nhờ Tom Hagen, cố vấn của gia đình Corleone nói với Michael rằng anh ta không hành động vì thù hằn cá nhân. “Anh hãy nói với Mike đây là chuyện công việc thôi. Tôi luôn yêu quý cậu ấy”.

Theo Seidman, chúng ta cũng làm tương tự. “Chúng ta tạo ra một thế giới riêng biệt để có thể hành động kiểu nhất thời. Đó là thế giới kinh doanh. Tất cả những khoản vay dưới chuẩn đều ‘chỉ là chuyện làm ăn kinh doanh thôi’. Ý tưởng chính ở đây là: tồn tại một nơi mà bạn không cần có ý thức về đạo lý, chừng nào bạn không vi phạm luật pháp thì bạn chỉ cần chịu trách nhiệm về ‘lợi ích của cổ đông và theo đuổi lợi nhuận mà thôi’”.

Những giá trị nhất thời nổi lên thay thế những giá trị bền vững cũng tác động tiêu cực lên đời sống xã hội. Cách suy nghĩ ngắn hạn, vì bản thân trước hết, không quan tâm đến tương lai đã ảnh hưởng rất xấu lên hệ thống tài chính, đồng thời ngăn cản nước Mỹ có những phản ứng cần thiết trước những thách thức lớn trong nước. Tái đầu tư vào công thức thành công – tức vào giáo dục, cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và triển khai để đảm bảo tăng trưởng kinh tế và nâng cao mức sống – đòi hỏi xã hội phải cùng hy sinh lợi ích trong ngắn hạn, giảm thâm hụt ngân sách để giải phóng thế hệ sau khỏi gánh nặng nợ nần khổng lồ, cắt giảm phát thải carbon ở hiện tại để giảm thiểu biến đổi khí hậu trong những năm sau. Đây mới là những chính sách bền vững. Nhưng vì đã quen sống kiểu nhất thời nên thế hệ bùng nổ dân số không thể thực hiện được chúng.

Thống đốc bang Delaware là Jack Markell đã chỉ ra những hậu quả tiêu cực khi xã hội chuyển từ tầm nhìn dài hạn của Thế hệ Vĩ đại sang lối suy nghĩ chú trọng ngắn hạn của thế hệ bùng nổ dân số: “Mọi người hành động như thể đã

quên rằng chúng ta mắc nợ thế hệ sau ít nhất cũng ngang với mắc nợ thế hệ hiện tại. Rất nhiều chính trị gia cho rằng giảm thuế là chính sách đúng đắn vì nó trả lại cho người dân khoản tiền vốn thực sự thuộc về họ. Nhưng điều họ không nói ra, và đáng lẽ họ nên nói, là nếu không cắt giảm những khoản chi tiêu mà không ai muốn thì việc chúng ta thực sự đang làm là vay mượn từ con cháu để chi cho thế hệ hiện tại. Một hành động không được có trách nhiệm cho lắm. Thay vì đầu tư cho dài hạn, chúng ta lại quá chú trọng vào ảnh hưởng của cuộc trưng cầu tiếp theo, cuộc bầu cử tiếp theo. Các công ty cũng gặp vấn đề tương tự khi họ quá chú trọng vào kết quả kinh doanh quý tiếp theo. Họ không thể thực hiện những khoản đầu tư cần thiết để đạt được thành công trong dài hạn, kết cục là họ phải chết. Chính phủ cũng đi theo con đường tương tự và đẩy tất cả chúng ta vào chỗ nguy hiểm”.

Giờ đây, chúng ta có những chính trị gia có tư duy ngắn hạn với nỗ lực quản lý các chủ ngân hàng chỉ kinh doanh trong ngắn hạn, và tất cả bọn họ bị chi phối bởi những người sẽ viết Twitter, blog hoặc bình luận trên truyền hình cáp ngay sau đó. Khi hai thế lực rất mạnh là công nghệ và thị trường hội tụ với nhau, tạo điều kiện hoặc thậm chí buộc mọi người phải tư duy theo những giá trị nhất thời thì thật khó mà hy vọng xã hội và hệ thống chính trị có thể suy nghĩ và tạo ra kết quả bền vững. Tất cả mọi thứ đều được làm nhanh hơn – từ thời gian bạn chuẩn bị sở hữu một loại chứng khoán đến thời gian cần thiết để đưa ra một ý kiến hay một lời nhận xét, từ thời gian bạn dành để nghiên cứu một vấn đề gì đó đến thời gian bạn nên tiết kiệm tiền trước khi mua nhà. Khi không ai có thời gian để suy nghĩ bền vững thì không có gì ngạc nhiên khi chúng ta thấy rất nhiều người hành động theo giá trị nhất thời.

Uy tín suy giảm

Báo *Financial Times* (ngày 25/10/2010) đưa tin: Trong một cuộc mít tinh của phe Tea Party ở bang Colorado tháng 10/2010, một trong các diễn giả đã nói như sau: “Tôi không phải chuyên gia trong lĩnh vực nào cả. Nhưng hãy xem những người được gọi là ‘chuyên gia’ đã đưa chúng ta đi tới đâu. Họ là một lũ dối trá, lừa đảo, trộm cắp”. Một cuộc trưng cầu trên cả nước được tiến hành cùng tháng cho thấy khi xem buổi tranh luận để chạy đua vào Quốc hội giữa hai ứng viên, một người có kinh nghiệm còn một người thì không, các cử tri lại ưa thích người không có kinh nghiệm hơn với tỷ lệ 48% so với 23%. Có thể coi đây là chuyện bình thường – hoặc chính trị bình thường – ở

Mỹ. Cộng đồng các chính trị gia rất ít khi được người dân yêu mến. 2010 lại là năm mà rất nhiều cử tri tức giận, và chúng ta có truyền thống muốn “tống cổ hết lũ bất lương” khỏi nhiệm sở, nhất là vào thời điểm khó khăn.

Nhưng giờ đây, ngay cả kinh nghiệm, kiến thức ở các lĩnh vực khác cũng không được tôn trọng. Mùa thu năm 2010, Tom gặp giáo sư Nicholas Comerford, nhà khoa học đất đai thuộc Đại học Florida và là chủ tịch Hiệp hội Khoa học đất đai Mỹ năm 2010. Ông kể với Tom câu chuyện sau: “Tôi có 10 mẫu Anh đất (khoảng 4 ha) và năm nay tôi quyết định trồng việt quất. Tôi quen một người chuyên nuôi bò ở Florida, thành viên một gia đình lâu đời miền Nam, giờ ông đã ngoài 80 tuổi. Các con ông không cho ông nuôi bò nữa nên ông cũng trồng việt quất. Tôi đến lấy một ít cây việt quất ở chỗ ông về để trồng, và chúng tôi nói chuyện. Khi nhắc đến chủ đề biến đổi khí hậu, ông ấy nói: ‘Tôi chẳng tin mấy thứ chuyện biến đổi khí hậu đâu’. Tôi nói: ‘À, có lẽ chúng ta bất đồng về điểm này, nhưng nếu bác muốn, tôi có thể trình bày với bác quan điểm của tôi và tại sao tôi lại tin vào biến đổi khí hậu’. Ông già trả lời: ‘Không, tôi hài lòng với suy nghĩ của tôi’. Ông ấy là một người tuyệt vời, tử tế, chỉ có điều ông ấy không hề quan tâm”.

Quan điểm hoài nghi ý kiến chuyên gia thường là đúng đắn: Thực tế thì mọi phương pháp khoa học đều có chung điểm này. Thái độ hoài nghi mọi ý kiến, nhất là của một cá nhân, là lành mạnh. Nhưng trong thế giới phức tạp mà chúng ta đang sống, nói cho cùng, đánh giá mang tính chuyên môn của các chuyên gia là không thể bỏ qua. Kiến thức chi tiết trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật thường nằm ngoài hiểu biết của hầu hết những người bình thường. Những kiến thức chi tiết ấy cũng giống như ngoại ngữ, chúng ta cần nhờ đến các chuyên gia để diễn giải lại. Nếu không thì như khách du lịch đến một nước mà anh ta không biết tiếng, chúng ta sẽ lạc đường trong tuyệt vọng. Điều này càng đặc biệt đúng vào thời điểm chúng ta cần cắt giảm đáng kể ngân sách liên bang, bang và địa phương. Chúng ta không nên chỉ đơn giản là cắt giảm chi tiêu trên mọi lĩnh vực mà cần có chiến lược được xây dựng dựa trên kiến thức cho biết thế giới chúng ta đang sống là như thế nào và phải làm gì để phát triển được trong thế giới ấy.

Không chỉ các nhà khoa học và những người được coi là chuyên gia bị mất uy tín. Những người nắm quyền lực ở mọi vị trí cũng có ảnh hưởng kém hơn so với trước đây. Trong lĩnh vực giáo dục, mọi người thường cho rằng các trường đại học của chúng ta vẫn đang vượt trội, tiếp tục dẫn đầu thế giới. Nhưng ngay cả giảng viên đại học cũng đang bị giảm uy tín, khiến họ gặp nhiều khó khăn trong công việc.

Khi nhận xét về tập sách *Biên niên sử giáo dục đại học* (The Chronicle of Higher Education), phần viết về nhược điểm của các sinh viên đại học Mỹ, Thomas Benton, bút danh của một giảng viên môn tiếng Anh viết:

Thật khó mà phản hồi cho sinh viên một cách trung thực. Chỉ một câu phê bình nhỏ nhất cũng phải được bù lại bằng một lời khen, lời khuyến khích nhẹ nhàng để tránh các sinh viên có thái độ phản đối hoặc bị thất vọng hoàn toàn... Các giảng viên đại học bị sức ép thời gian đang phải tự hỏi ngày càng nhiều hơn câu: “Cho điểm bao nhiêu thì sẽ không bị sinh viên phàn nàn, hay tệ hơn là gây ra một vụ gần như là kiện cáo về vấn đề liệu hướng dẫn làm bài tập đã rõ ràng hay chưa?”

Thực tế là người Mỹ rất ít tin tưởng vào gần như mọi học viện khoa học – đó là kết quả một cuộc thăm dò dư luận được hãng tin AP và Trung tâm Hiến pháp quốc gia công bố vào tháng 9/2010. Ví dụ, cộng đồng khoa học chỉ nhận được sự tin tưởng của 30% người trả lời, còn các tổ chức tôn giáo là 18%. Hai cộng đồng này còn được tin tưởng nhiều hơn 18 tổ chức khác được đưa vào điều tra, trừ hai cộng đồng khác là quân đội và doanh nghiệp nhỏ. Đây là điềm xấu đối với nhiệm vụ giải quyết những thách thức lớn của đất nước vì các cơ quan nhà nước của Mỹ, trong đó có chính phủ liên bang và nhiều tổ chức khác đóng vai trò rất quan trọng trong việc huy động những hành động tập thể cần thiết trong mỗi tình huống. Nếu xã hội không tin tưởng họ thì họ không thể làm việc hiệu quả. Trong những lĩnh vực mà các cơ quan nhà nước quan tâm – đặc biệt là chính phủ, thái độ hoài nghi lạnh nhạt, cần thiết đã phải nhường bước trước sự nghi ngờ mang tính hủy hoại. Cố Thượng nghị sỹ Daniel Patrick Moynihan từng nói “ai cũng có quyền có ý kiến riêng, nhưng không thể có sự thật riêng”. Hiện tại, trong đời sống xã hội Mỹ, có ngày càng nhiều tin đồn, luận điệu và lời khẳng định đơn giản là không thể coi là sự thật.

Ngày 04/11/2010, Tom đã hiểu tất cả những thứ này có thể lan truyền và ảnh hưởng đến con mắt nhìn thế giới của mọi người như thế nào. Sau khi kết thúc giờ giảng ở Đại học Indiana, ông bật chương trình truyền hình buổi tối và thấy Anderson Cooper của đài CNN đang thảo luận về báo cáo cho biết chuyến thăm Ấn Độ và châu Á của Tổng thống Obama đang tiêu tốn của người dân Mỹ 200 triệu dollar mỗi ngày – tức là khoảng 2 tỷ dollar cho cả chuyến đi, kèm theo đó là 34 tàu hải quân phải tham gia. Cooper buộc phải kiểm tra lại câu chuyện vì tối hôm trước, Hạ nghị sỹ Michele Bachman

thuộc đảng Cộng hòa, đại diện bang Minnesota được hỏi liệu ngân sách liên bang có bị cắt giảm mạnh vào thời điểm phe Cộng hòa đã giành thắng lợi trong cuộc bỏ phiếu ở Quốc hội về vấn đề cắt giảm ngân sách không. Và bà trả lời như sau: “Tôi nghĩ chúng ta sẽ biết điều này chỉ trong một ngày nữa, khi tổng thống Mỹ đến thăm Ấn Độ, một chuyến đi dự kiến sẽ tiêu tốn của ngân sách 200 triệu dollar một ngày. Ông ấy mang theo 2.000 người, thuê 870 phòng ở Ấn Độ và đều là phòng ở khách sạn năm sao Taj Mahal Palace. Đây chính là hành động chi tiêu quá mức. Và chỉ là một ví dụ nhỏ”.

Tối ngày hôm sau, dựa trên cuộc điều tra của trang web Factcheck.org và tin tức của chính đài CNN, Cooper thay đổi câu chuyện. Khởi đầu là một nhận xét của “người được cho là một quan chức Ấn Độ cấp tỉnh” thuộc bang Maharashtra “được hãng tin Press Trust của Ấn Độ – tương đương với các hãng tin AP hay Reuters của Mỹ dẫn nguồn”, Cooper nói tiếp: “Tôi dùng cụm từ ‘người được cho là’ một quan chức cấp tỉnh vì chúng tôi không rõ người này là ai, không cái tên nào được công bố... Đây là một nhận xét nặc danh... Một phóng viên ở Ấn Độ đã viết bài báo này với các con số trong đó. Không có bằng chứng nào thêm; cũng không có báo cáo nào về sau... Bài báo Ấn Độ được trang web Drudge Report và vài trang khác đưa lại, và nó nhanh chóng lên sóng phát thanh của phe bảo thủ”. Những người dẫn chương trình trò chuyện trên đài nổi tiếng như Rush Limbaugh, Glenn Beck và Michael Savage – tất cả bọn họ đều có lượng người nghe đáng kể – cùng nhắc lại và kể chi tiết thêm câu chuyện, nhưng hình như họ không buồn nỗ lực tự tìm hiểu từ Nhà Trắng xem thông tin có xác thực hay không.

Mặc dù vì lý do an ninh, Nhà Trắng thường không đưa ra bình luận nào về các vấn đề hậu cần chuyến đi của tổng thống, nhưng lần này là ngoại lệ. Thư ký báo chí của Nhà Trắng là Robert Gibbs nói: “Tôi sẽ không đi vào chi tiết về chi phí bảo vệ tổng thống, [nhưng chuyến công tác này] cũng tương tự như các chuyến công du nước ngoài khác của Tổng thống Clinton và Tổng thống Bush. Nó không tốn 200 triệu dollar một ngày”. Geoff Morrell, thư ký báo chí của Lầu Năm Góc cho biết: “Lần này tôi sẽ dùng quyền tự do để bác bỏ nhận định hết sức vô lý rằng chúng ta đang phải sử dụng 10% lực lượng hải quân và khoảng 34 tàu hải quân và tàu sân bay để bảo vệ cho chuyến thăm châu Á của tổng thống. Đây chỉ là câu chuyện hài hước mà thôi. Không hề có nỗ lực nào lớn dù là gần như thế”. Cooper lưu ý rằng chuyến thăm năm 1998 của Tổng thống Clinton tới châu Phi với 1.300 người hộ tống và thời gian kéo dài tương tự, theo Văn phòng Kế toán chính phủ và sau khi điều chỉnh theo lạm phát thì chi phí tính ra “khoảng 5,2 triệu dollar một ngày”.

Sáng hôm sau, Tom tổ chức một buổi thảo luận trong bữa sáng với các sinh viên giỏi của Đại học Indiana – những người thông minh nhất, xuất sắc nhất. “Tôi bước vào, lấy một cái bánh mì tròn, ngồi xuống bàn và một vài sinh viên đến ngồi cùng tôi”. Tom nhớ lại. “Câu đầu tiên, *chính xác là câu đầu tiên* mà sinh viên đầu tiên lên tiếng hỏi tôi là: ‘Thầy có biết chuyến đi của Obama đến Ấn Độ tốn 200 triệu dollar một ngày không?’. Thật là chán. Tôi giải thích với cậu sinh viên rằng Anderson Cooper đã nói rõ toàn bộ câu chuyện tối hôm trước rồi, rằng tất cả bắt đầu từ một quan chức cấp tỉnh không rõ tên ở Ấn Độ. Cậu sinh viên lắng nghe một cách lịch sự, nhưng chẳng có vẻ gì là bị tôi thuyết phục”.

Còn Bachmann tuyên bố bà sẽ tranh cử tổng thống vào năm 2012.

Mặc dù thông tin sai về chuyến đi công du của tổng thống chỉ là một ví dụ minh họa sinh động chứ không phải rất quan trọng cho việc thông tin quá sai lệch, nhưng niềm tin sai lầm trong nhiều trường hợp khác sẽ có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến đất nước. Cuộc điều tra do nhóm Dân chủ trung dung Third Way tiến hành vào mùa hè năm 2010 cho thấy “ba phần tư số người được hỏi cho biết họ tin rằng có thể cân đối được ngân sách mà không cần tăng thuế” – theo nhà bình luận Ruth Marcus của báo *Washington Post* (ngày 13/11/2010). “Cũng từng đó người nói rằng có thể cân đối ngân sách mà không phải động đến Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế”. Nếu phần lớn người Mỹ tiếp tục tin như vậy thì chúng ta thậm chí còn không thể bắt đầu một cuộc đối thoại công khai nghiêm túc về vấn đề giảm thâm hụt ngân sách chứ chưa nói đến thực sự bắt tay vào thực hiện.

Như một câu thành ngữ cổ: “Những thứ bạn không biết thì không gây rắc rối cho bạn. Chính những thứ bạn biết chắc chắn mới là thủ phạm”.

Ghen tị với quân đội

Giá trị thứ ba bị đe dọa là ý thức nước Mỹ là một quốc gia, một cộng đồng thống nhất mà tất cả chúng ta đều là thành viên và cùng chung số mệnh. Chính đây là động lực khuyến khích sự hy sinh tự nguyện trong ngắn hạn cần thiết để cân đối ngân sách, bảo hiểm chống lại biến đổi khí hậu vì thế hệ sau và bỏ tiền vào những khoản đầu tư cần thiết để đổi mới công thức thành công của nước Mỹ.

Giờ đây, trong những lĩnh vực liên quan đến chính sách công, chúng ta ngày càng có động lực tự duy như những người có tư tưởng đảng phái – hoặc

là người tự do, hoặc là người bảo thủ, hoặc như thành viên của các nhóm mà các cuộc tổng điều tra dân số đã chia ra theo từng đặc điểm cụ thể, hoặc là các cá nhân theo đuổi lợi ích kinh tế riêng. Tất nhiên, mỗi chúng ta là tất cả những con người đó, nhưng trong quá khứ, chúng ta đã từng tự coi mình – đầu tiên và quan trọng nhất – là công dân của nước Mỹ. Là người Mỹ: đó là chúng ta trước kia.

Công nghệ thông tin mới đã góp phần ăn mòn giá trị này. Với hàng trăm kênh truyền hình với đủ các loại gói dịch vụ cáp, hàng triệu trang web mà bất cứ ai có kết nối Internet đều có thể truy cập, những gì đất nước quan tâm giờ đây phân tán hơn trước kia rất nhiều. Trong thế giới truyền thông ngày nay, chúng ta có nhiều lựa chọn hơn bao giờ hết, nhưng lại có ít thông tin chung hơn. Và với công nghệ điện tử mà tất cả chúng ta đang sử dụng, mặc dù việc giao tiếp dễ dàng hơn, nhưng chúng ta cũng có nhiều thời gian đơn độc hơn – chúng ta luôn nhấn tin khi đi bộ trên đường, mắt nhìn xuống và tai thì nghe nhạc từ chiếc iPod.

Suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh, đặc biệt là những năm đầu tiên, khi ký ức về Thế chiến thứ hai vẫn còn nguyên vẹn, đối với hầu hết mọi người, sự thống nhất của cả nước và thái độ sẵn sàng hy sinh bất cứ lúc nào, ở đâu Tổ quốc cần là yếu tố quyết định sự sống còn của đất nước. Như nhà sử học của Đại học Princeton là Daniel T. Rodgers đã viết trong cuốn sách *Kỷ nguyên rạn nứt* (Age of Fracture): “Trong tất cả những mối đe dọa mà các vị tổng thống từng nhắc đến sau năm 1945, mối đe dọa đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực mạnh nhất là sự thiếu quyết tâm của xã hội. Với sự căng thẳng thường trực giữa “nhiệm vụ chung của quốc gia” (như lời Eisenhower) và mong muốn có cuộc sống hoàn toàn riêng tư, các vị tổng thống thời Chiến tranh Lạnh đều khẳng định vai trò cấp bách của lợi ích chung”.

Khi nước Mỹ chuyển từ một quốc gia của các công dân thành một quốc gia của các cổ đông và “công dân trên mạng”, hiếm khi chúng ta thấy các vị tổng thống đề cập và ủng hộ vai trò, trách nhiệm của đời sống xã hội. Sau vụ tấn công khủng bố vào Trung tâm Thương mại quốc tế và Lầu Năm Góc, thời điểm cả nước sẵn sàng giải quyết các trách nhiệm, Tổng thống Bush đã thề sẽ săn đuổi những kẻ khủng bố rồi bỏ mặc mọi thứ như thế. Ông chưa bao giờ tập hợp người dân Mỹ để cùng thực hiện một nhiệm vụ đơn giản, cần thiết, rõ ràng nhất: đó là giải phóng chúng ta khỏi sự phụ thuộc vào dầu nhập khẩu – chẳng hạn như bằng cách dùng ít xăng hơn và trả nhiều tiền hơn thông qua “thuế yêu nước” đánh trên xăng.

Thi thoảng chúng tôi cùng đi xem các trận bóng rổ của đội Washington Wizards. Thường trong trận đấu sẽ có một thời điểm ánh sáng chiếu vào ô chỗ ngồi ở sân trung tâm, nơi dành riêng cho các cựu binh bị thương trong cuộc chiến Iraq và Afghanistan đang điều trị ở bệnh viện Hải quân Bethesda và các bệnh viện khác. Một số người ngồi xe lăn, một số khác bị thương hoặc mất chân tay. Tất cả mọi người luôn đứng dậy và vỗ tay chào mừng họ. Một hành động đẹp. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng tràng vỗ tay không chỉ thể hiện sự ủng hộ các thương binh. Chúng tôi tin hành động ấy còn xuất phát từ thực tế rằng quân đội Mỹ luôn là những người mang giá trị truyền thống của đất nước – những thứ đã bị phai nhạt đi trong hầu hết phần còn lại của nước Mỹ, và mọi người vẫn nhớ đến chúng. Những giá trị đó là gì? Ngoài lòng ái quốc không bao giờ thay đổi và trách nhiệm phụng sự Tổ quốc, thậm chí nếu cần còn sẵn sàng hy sinh, còn có thực tế rằng quân đội, giới lãnh đạo và các chuyên gia vẫn luôn được tôn trọng mặc dù họ phải nỗ lực mới có được sự tôn trọng đó (và đôi khi họ cũng bị miệt thị). Khi thành công nhất, quân đội vẫn giữ được tầm nhìn dài hạn và có thể hợp tác hành động để theo đuổi những mục tiêu lớn. Như lời Michael J. Sandel, lực lượng vũ trang đã trở thành “những người cuối cùng còn lý tưởng công dân và chịu hy sinh vì lợi ích chung”. Chúng ta đã để cho quân đội trở thành nơi duy nhất thể hiện lý tưởng công dân và lòng yêu nước, những giá trị đáng lẽ phải được mọi công dân Mỹ cùng chia sẻ”.

Xét về mặt nào đó, quân đội đã tách khỏi dòng chảy chính của nước Mỹ và trở thành một dạng bảo tàng lưu giữ những giá trị từng biến nước Mỹ trở thành một cường quốc. Chúng ta thích được thăm thú bảo tàng này và thể hiện thái độ trân trọng với những gì được trưng bày, nhưng sau đó chúng ta lại quay về với cuộc sống riêng, nơi chẳng có gì liên quan đến những thứ chúng ta vừa được chứng kiến.

Chúng ta còn đẩy sự hy sinh cho người khác. Nếu Thế chiến thứ hai là “cuộc chiến tốt đẹp”, chiến tranh Triều Tiên là “cuộc chiến bị lãng quên”, còn chiến tranh Việt Nam là “cuộc chiến gây tranh cãi” thì mâu thuẫn phát sinh từ vụ tấn công ngày 11/9/2001 dẫn tới việc Mỹ đưa quân đến Afghanistan và Iraq trong gần 10 năm được gọi là “cuộc chiến 1%”. Số binh lính được huy động ra mặt trận và gia đình của họ chiếm chưa đến 1% dân số Mỹ. Những người còn lại chẳng đóng góp gì. Thậm chí chúng ta còn không tăng thuế, dù là thông qua phụ phí xăng dầu để có tiền chi cho chiến tranh. Tức là chúng ta đòi hỏi 1% người dân đất nước phải hy sinh tất cả, còn 99% còn lại thì hoàn toàn không phải hy sinh.

Hãy xem thư ký báo chí Nhà Trắng thời Tổng thống Bush là Dana Perino đã trả lời thế nào khi bị một số nghị sỹ đảng Dân chủ hỏi đề xuất đánh thuế phụ thu để chi trả cho chiến tranh Iraq (tháng 10/2007): “Chúng ta luôn biết rằng các đảng viên Dân chủ dường như đang quay lại thói quen cũ, họ luôn muốn tăng thuế mà chẳng có lý do gì cả”. Và Perino nói thêm: nếu tăng thuế để chi trả cho chiến tranh thì “liệu có ai thực sự tin rằng các đảng viên Dân chủ sẽ ngừng thu các khoản thuế mới mà họ đang đòi hỏi người dân Mỹ phải nộp khi không cần thiết phải chi tiền nữa? Tôi nghĩ hành động của họ là hoàn toàn vô trách nhiệm về mặt tài khóa”.

Trước kia chúng ta từng đòi hỏi người Mỹ phải nộp thêm thuế để chi trả cho chiến tranh. Nhưng giờ đây nó lại bị coi là một hành vi mang tính đảng phái, vô trách nhiệm về mặt tài khóa. Robert Hormats, cựu giám đốc ngân hàng đầu tư, hiện là thứ trưởng Kinh tế đã viết cuốn sách *Cái giá của tự do* (The Price of Liberty) về những gì nước Mỹ đã phải bỏ ra cho những cuộc chiến từ năm 1776 đến nay. Ông giải thích: “Trong mọi cuộc chiến lớn chúng ta từng tham gia hồi thế kỷ 19 và 20, người Mỹ luôn phải nộp thuế cao hơn và những chính sách không quan trọng đều bị cắt giảm để tạo điều kiện cho quân đội”. Chiến tranh ở Iraq và Afghanistan là hai cuộc chiến đầu tiên chúng ta không làm như vậy. Đáng chú ý hơn, *chúng ta còn giảm thuế xuống*.

“Thật đáng buồn khi thấy các chính trị gia ngày nay khó mà cất lời yêu cầu người dân làm được điều gì ngoài nâng cao lợi ích kinh tế của họ”, Timothy Shriver, chủ tịch Olympics cho người khuyết tật nhận xét. “Tôi vẫn thấy có những người hết sức mong muốn được hành động vì mục tiêu chung – họ muốn trở thành một phần của cái gì đó lớn hơn bản thân họ, họ tình nguyện giúp đỡ người khác, tìm cách tham gia giải quyết những vấn đề lớn lao. Nhưng giới lãnh đạo chính trị không có cách nào đưa thiện chí của họ vào phục vụ mục tiêu chung của đất nước, và tôi không hiểu tại sao”. Chúng ta thường xuyên thấy khoảng trống chính trị này bị lấp đầy bởi thái độ giận dữ của công chúng. “Mọi người đã có thói quen đổ lỗi cho nhau”, Shriver nói thêm. Chúng ta bị đối, nhưng thay vì ra ngoài tìm thức ăn – nghĩa là tìm ra những việc quan trọng để cùng làm với nhau, như xây dựng đất nước chẳng hạn – “thì chúng ta lại ăn thịt lẫn nhau”.

Trước kia chúng ta không như thế. Khi chúng tôi gặp Tim thì cha của ông, Sargent Shriver, người từng giúp Tổng thống Kennedy thành lập và là giám đốc đầu tiên của Tổ chức Hòa bình (Peace Corps) năm 1961 vừa qua đời. Tim đã suy ngẫm rất nhiều về cuộc đời của người cha và thế hệ trước. Ông nhớ

lại: “Một hôm, tôi tình cờ bắt gặp những thứ bố tôi viết ra: ‘Khi chúng tôi bắt đầu thành lập Tổ chức Hòa bình, chúng tôi nhận thấy mình đánh cược mọi thứ’. Tôi tự hỏi sao Tổ chức Hòa bình lại là đánh cược? Nhưng đó là quan điểm của thế hệ cha mẹ chúng ta. Họ cảm thấy họ đang đánh cược uy tín và sự nghiệp riêng, đánh cược sự tín nhiệm của tổng thống, đánh cược tính mạng của thanh niên và uy danh của đất nước ngay giữa Chiến tranh Lạnh vào một ý tưởng mà với nhiều người là ngớ ngẩn. Ý tưởng về sự rủi ro luôn gắn chặt với ý tưởng về sự vĩ đại – bạn không thể trở thành vĩ đại nếu không đánh cược chính bản thân mình”.

Theo Shriver, tư duy chấp nhận rủi ro lớn để có thành công lớn, làm những việc lớn thực sự bền vững vì chúng ta và vì nhiều người khác “giờ đây đã biến mất khỏi đời sống xã hội. Hiện tại, tất cả những gì đáng quan tâm là lấy phần chênh lệch, chia ba và đưa tôi 51%”.

Theo Shriver, thế hệ cha mẹ của ông rất tôn trọng quyền lực của giới lãnh đạo chính trị – không phải họ có quyền điều khiển cuộc sống chúng ta, hay tạo ra bộ máy quan liêu khổng lồ, hay chỉ đơn giản là giảm thuế. Mà vai trò của họ là thu hút, tạo điều kiện và tạo cảm hứng cho mọi người dân Mỹ – từ những công dân bình thường đến các doanh nghiệp, nhà thờ, trường đại học, nghệ sỹ... – làm được những điều lớn lao để giúp đỡ người khác. “Bố tôi thực sự nghĩ rằng nếu chúng ta tiến hành một chương trình như Tổ chức Hòa bình để thanh niên Mỹ được có cơ hội làm việc mà không đòi hỏi gì, được sống trong điều kiện khó khăn, giúp đỡ người khác, xây dựng các mối quan hệ thì mọi người đều muốn tham gia. Họ thực sự tin là tất cả mọi người muốn làm việc không vì tư lợi để giúp đỡ người nghèo, và khi làm việc đó, họ cũng giúp cả chính bản thân mình”.

Shriver nói thêm: họ thực sự nghĩ “rằng tất cả người Mỹ đều không muốn khai hoàn thuế, rằng mọi người đều muốn cống hiến cho đất nước chứ không muốn lấy lại của đất nước. Họ muốn trở thành một phần của cái gì đó lớn hơn, muốn tin vào những tư tưởng có thể làm thay đổi cuộc đời họ, thậm chí thay đổi cả lịch sử”.

Họ là thế hệ cha mẹ chúng ta, Shriver kết luận. Chắc chắn chúng ta không khác họ nhiều. Chắc chắn chúng ta có một phần trong mình thừa hưởng từ họ, cả giá trị tinh thần và vật chất. Và chắc chắn đã qua thời chúng ta bắt đầu chứng minh điều đó.

PHẦN V
TÁI KHÁM PHÁ
NƯỚC MỸ

MƯỜI BỐN

Những người không có thông tin

Vì người tôi hát

Hạ, thu, đông, xuân!

Là ngôi sao sáng, là nguồn cảm hứng

Xứng đáng với một đất nước hùng cường

Vì người tôi hát!

George và Ira Gershwin

Mở đầu cuốn sách, chúng tôi đã nói rõ rằng chúng tôi lạc quan về đất nước, nhưng đã có cảm giác nản lòng. Nếu đọc giả đọc đến chương này rồi thì hoàn toàn có thể hỏi: “Giờ tôi đã hiểu tại sao các anh nản lòng, nhưng làm sao các anh vẫn lạc quan được?” Câu trả lời ngắn gọn là vì chúng tôi chủ yếu nhìn từ tư thế lộn ngược.

Nếu ở tư thế lộn ngược thì bạn cũng sẽ dễ lạc quan về nước Mỹ vì nếu nhìn từ dưới lên thay vì nhìn từ trên xuống, đất nước chúng ta tốt đẹp hơn nhiều, tạo cảm hứng hơn nhiều. Bạn sẽ thấy tinh thần của Thế hệ Vĩ đại vẫn chưa biến mất. Như Timothy Shriver đã nói, thực tế là lỗi thuộc về các chính trị gia khi họ thiếu lòng tin trước việc phải tập hợp mọi người dân Mỹ để cùng làm những việc lớn lao. Nhưng điều tạo cảm hứng, cơ sở khiến chúng tôi lạc quan là có nhiều người, nhiều nhóm nhỏ đang tự tập hợp theo tiếng kèn kêu gọi của riêng họ.

Vì thế, mặc dù phần lớn cuốn sách nhấn mạnh vào nhược điểm của nước Mỹ, nhưng riêng chương này sẽ tập trung vào những ưu điểm mà thực tế là chúng ăn sâu hơn nhiều trong xã hội và phù hợp hơn bao giờ hết với thế giới chúng ta đang sống. Ưu điểm lớn nhất của nước Mỹ là chúng ta luôn có hàng đọt sóng nối tiếp nhau người nhập cư hoặc người đến tuổi trưởng thành, họ luôn sẵn sàng thử những cái mới hoặc sáng tạo ra giá trị gia tăng.

Họ không chùn bước trước những thử như trở ngại, thời kỳ gian khó, thiếu tiền hay giới chính trị gia thiếu quyết tâm. Thực tế, điều khiến chúng tôi lạc quan về nước Mỹ là dường như có vô số người đến đây, sống ở đây mà *không nhận được thông tin*.

Họ không nhận được thông tin rằng chúng ta đang gặp khó khăn, đang trong cơn khủng hoảng hay đang bị cả thế giới không ưa. Họ không nhận được thông tin rằng những người mới nhập cư đang đợi đến lượt, những sinh viên bỏ học đang phải nướng bánh kẹp, còn người da màu thì phải ngồi cuối xe buýt. Họ chung sống với những chuyện đó – bất kể “chuyện đó” là gì. Mặc dù với tư cách là một quốc gia, chúng ta có rất nhiều vấn đề, nhưng xã hội và nền kinh tế Mỹ vẫn cởi mở nhất thế giới. Ở Mỹ, các cá nhân nào có ý tưởng mới, dám phản đối người khác hay có đam mê thành công đều có thể đứng dậy và bước ra ngoài, làm những điều không tưởng, khơi mào một cuộc đấu tranh, mở trường học hoặc mở công ty kinh doanh. “Hãy chỉ cho tôi thấy trở ngại, tôi sẽ cho anh biết cơ hội ở đâu” vẫn là câu khẩu hiệu phổ biến của rất rất nhiều người Mỹ, cho dù là chủ công ty kinh doanh hay chủ doanh nghiệp từ thiện và xã hội. Vì thế, Rosa Parks mới bước lên xe buýt và ngồi vào chỗ của mình*. Vì thế, những người nhập cư mới đứng ra thành lập 25% các công ty mới ở Thung lũng Silicon trong mười năm qua. Vì thế, những người bỏ ngang trường đại học như Steve Jobs, Michael Dell, Bill Gates và Mark Zuckerberg mới tạo ra bốn trong số những công ty lớn nhất thế giới. Vì thế, khi dường như đã mất hết mọi thứ trong chiến tranh Iraq, quân đội Mỹ vẫn tiến lên chứ không hề rút quân, vì như một sỹ quan có nói với Tom: “Chúng ta quá ngốc nên không thể bỏ cuộc”. Thất bại không bao giờ có trong kế hoạch, nhưng không ai nói cho họ biết điều đó.

Trong suốt thời gian làm nghề, Tom đã có cơ hội gặp gỡ và phỏng vấn một trong số những người không nhận được thông tin, không biết gì, *những người quá ngốc nên không thể bỏ cuộc* – theo nghĩa tốt đẹp nhất của câu này. Họ làm đủ mọi nghề, từ lính tráng đến thủy thủ, từ giáo viên đến nhà phát minh, từ nhà hoạt động xã hội đến chủ doanh nghiệp nhỏ. Khi nghe họ nói, bạn sẽ hiểu tại sao nếu chúng ta muốn vẽ một bức tranh về nước Mỹ ngày nay thì sẽ là hình ảnh con tàu vũ trụ đang được phóng lên, phía dưới là một lực đẩy cực lớn, đưa con tàu vũ trụ bay xuyên qua những tầng mây. Còn với

* Rosa Louise McCauley Parks (1913-2005): người đã từ chối lời đề nghị của người lái xe buýt yêu cầu nhường chỗ cho một hành khách da trắng vào ngày 1/12/1955. Hành động của bà đã trở thành biểu tượng của phong trào nhân quyền và Rosa Parks trở thành biểu tượng của phong trào phản đối phân biệt chủng tộc.

nước Mỹ, lực đẩy ấy đến từ tất cả những người Mỹ không nhận được thông tin. Nhưng không may là tại thời điểm này, bộ phóng tên lửa – tức hệ thống chính trị – đang bị rạn nứt, rò rỉ nhiên liệu. Còn phi công trong buồng lái – tức các chính trị gia ở Washington, D. C. lại đang bận tranh cãi về lộ trình bay. Hậu quả là chúng ta không thể đạt được vận tốc cần thiết để bay lên mặt trăng hay xa hơn nữa. Vì thế, đúng, chúng ta phải sửa chữa bộ phóng tên lửa, và các phi công phải thống nhất lộ trình bay. Nhưng chúng tôi tin rằng nếu và khi họ thống nhất được với nhau thì lực đẩy tự nhiên nằm ẩn dưới chúng ta, khi được tận dụng vẫn đủ mạnh để đưa chúng ta đến bất cứ thiên hà nào.

Sau đây là tiểu sử của một số người Mỹ thuộc nhóm không có thông tin, không biết gì cả. Chúng tôi cũng sẽ bàn xem chính phủ Mỹ, với tư cách là bộ phóng tên lửa, có thể làm gì để hỗ trợ những doanh nhân trong nhóm người trên mở rộng hoạt động kinh doanh và tạo ra nhiều việc làm hơn cho xã hội.

Quá, quá ngốc nên không thể bỏ cuộc

Tháng 7/2009, Tom đi theo Đô đốc Mike Mullen, tổng tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu Liên quân Mỹ đến Afghanistan. Một trong những điểm dừng đầu tiên là doanh trại Leatherneck thuộc tỉnh Helmand, miền Nam Afghanistan, vùng nguy hiểm nhất trong nước. Đây là nơi giới mafia kết hợp với các giáo sỹ Islam, nơi Taliban thu hoạch cây anh túc và sản xuất heroin để có tiền chi cho các cuộc bạo loạn. Sau khi Tổng thống Obama tuyên bố tăng hơn gấp đôi số lính Mỹ ở Afghanistan, nhóm tân binh thủy quân lục chiến đầu tiên được huy động đã đến doanh trại Leatherneck. Hôm Tom đi cùng chuyến thăm của Đô đốc Mullen, nhiệt độ ngoài nắng lên tới 46 độ C. Chuyến thăm bắt đầu với bài phát biểu của tổng tham mưu trưởng trước tất cả binh lính trong doanh trại tại một hội trường được dựng tạm lên.

Mullen bắt đầu nói: “Hãy giơ tay cho tôi xem, bao nhiêu người trong số các bạn lần đầu tòng quân?” Vài chục cánh tay giơ lên. “Lần thứ hai?” Nhiều cánh tay hơn. “Lần thứ ba?” Vẫn rất nhiều cánh tay giơ lên. “Lần thứ tư?” Khoảng chục người. “Lần thứ năm?” Vẫn còn một vài cánh tay. “Lần thứ sáu?”. Chỉ còn một cánh tay. Đô đốc mời người lính này bước ra, bắt tay và chụp ảnh chung với anh.

Chúng kiến cảnh đó, Tom nhớ lại, “Tôi chỉ có thể lắc đầu nghĩ: Chúng ta đã làm gì để xứng đáng với những người này?” Trong một tập thể đông các chiến sỹ đến như vậy, chắc chắn có cả những người mẹ đã để lại chồng con

ở nhà cả năm. Có những người đã quay lại chiến đấu sau khi bị thương. Có những người lính bộ binh xin nhập ngũ ngay sau sự kiện 11/9 đơn giản vì họ nghĩ họ có trách nhiệm phải bảo vệ Tổ quốc. Những người lính nhắc chúng ta nhớ rằng tinh thần hy sinh vì đất nước chưa hề chết đi mặc dù đôi khi nó cũng cần được khuyến khích. Chưa bao giờ nhiều người lại đòi hỏi nhiều thứ từ ít người đến như thế, và cũng chưa bao giờ chỉ một số ít người lại đem lại nhiều thứ cho nhiều người khác và chỉ yêu cầu nhận lại rất ít đến như thế.

Di không thua ngài?

Tháng 2/2009, Tom có tham dự một cuộc hội thảo về khí hậu của Viện Năng lượng và Tài nguyên tại New Delhi. Vào phiên thảo luận buổi chiều, có hai cô gái trẻ người Mỹ – cùng một người mẹ của một trong hai cô – đến mời chào Tom. Thực ra thì không phải mời chào, nhưng họ có gợi ý một chuyến tham quan. Họ hỏi: “Ông Friedman, ông có muốn đi thăm thú quanh New Delhi một chút bằng ô tô với chúng tôi không?”

Tom trả lời rằng ông đã từng nhận lời mời này trước kia rồi. Họ nói: À, nhưng ông chưa bao giờ thấy chiếc xe này. Nó là một chiếc ô tô con chạy bằng điện, ngoài ra nó còn được cung cấp năng lượng từ tấm pin mặt trời đặt trên nóc xe. Hai cô gái trẻ vừa tốt nghiệp Đại học Yale đã lái chiếc xe này đi khắp Ấn Độ cùng một đoàn “diễn hành vì khí hậu” để quảng bá cho giải pháp cho sự nóng lên của Trái Đất mà các công ty, cộng đồng, trường học và các nhà sáng tạo Ấn Độ nghĩ ra, đồng thời còn để tạo cảm hứng cho những người khác cùng hành động. Họ hỏi Tom có muốn ngồi ở tay lái không, nhưng ông hình dung ngay ra cảnh mình bị cảnh sát yêu cầu dừng xe vì lái một chiếc xe chạy điện mặt trời mà không có giấy phép, kết cục là Tom sẽ bị bắt vào nhà tù New Delhi. Hai cô gái nói: Không phải lo, hai cô đã bị cảnh sát thổi phạt khắp Ấn Độ rồi. Đầu tiên cảnh sát sẽ đòi xem bằng lái xe, sau đó họ sẽ thắc mắc làm sao tấm pin kia lại cung cấp được 10% năng lượng cho chiếc xe, và cuối cùng họ sẽ tìm cách mua nó.

Họ đi về phía Panchsheel Marg, một trong những con phố chính của New Delhi. Caroline Howe cầm lái. Lúc đó cô 23 tuổi, kỹ sư cơ khí, làm việc tại Trường Lâm nghiệp và môi trường thuộc Đại học Yale và đang trong kỳ nghỉ phép. Alexis Ringwald ngồi phía sau. Cô là học giả Fulbright đang nghiên cứu ở Ấn Độ – hiện tại cô mở một công ty về năng lượng mặt trời. Có thể gặp

những thanh niên Mỹ giống họ ở khắp nơi trên thế giới. Rõ ràng họ không có thông tin và họ lạc quan một cách vững chắc rằng nếu điều mà họ hết sức tin tưởng không xảy ra thì lý do là vì họ không làm điều đó.

Howe và Ringwald đi cùng Kartikeya Singh, người khởi động Mạng lưới Thanh niên Ấn Độ vì khí hậu (IYCN) để kết nối các thanh niên lãnh đạo phong trào hành động vì khí hậu ở Ấn Độ, quốc gia đang bị cả thế giới gây sức ép phải kiểm soát phát thải carbon. “Ấn Độ có rất nhiều nhà cải cách trong lĩnh vực chống biến đổi khí hậu, nhưng họ lại cư trú rải rác trên khắp đất nước rộng lớn này nên không nhiều người biết những giải pháp của họ đang rất có hiệu quả”, Howe giải thích. “Chúng tôi muốn tìm cách đưa mọi người đến với nhau cùng những giải pháp đã có để tạo cảm hứng cho nhiều hành động hơn, nhiều sáng kiến hơn. Không còn thời gian để nói nữa”.

Howe và Ringwald nghĩ cách tốt nhất là thực hiện một chuyến đi quảng bá các giải pháp chống biến đổi khí hậu, sử dụng ô tô chạy điện được cải tiến từ sản phẩm của công ty ô tô điện Reva. Ringwald quen biết tổng giám đốc điều hành công ty. Họ thuyết phục ông tài trợ ba chiếc xe và lắp thêm bộ ắc quy để cứ nạp điện sáu giờ đồng hồ thì chúng có thể đi được 145km. Họ còn trang bị thêm tấm pin mặt trời trên nóc xe để đi được xa hơn.

Từ ngày 01/01 đến 05/02/2009, họ đã lái ba chiếc xe đi 3.380km từ Chennai đến New Delhi, dừng lại ở 15 thành phố và hàng chục ngôi làng, huấn luyện cho các sinh viên Ấn Độ cách thức xây dựng chương trình hành động chống biến đổi khí hậu riêng và quay được 20 cuốn băng video về những sáng kiến sản xuất năng lượng tại nhà sáng tạo nhất để đưa lên trang YouTube. Họ còn đem theo một ban nhạc rock chuyên sử dụng điện mặt trời cộng với một xe tải chở đồ chạy bằng nhiên liệu sinh học chiết xuất từ cây bã đậu (jatropha) và cây đậu dầu (pongamia), những loại cây địa phương mọc trên đất hoang. Ngoài ra còn có một nhóm nhảy Bollywood tham gia biểu diễn ở một số điểm, một người Czech biết đến chuyến đi của họ nhờ YouTube và lái một chiếc xe tải chạy bằng dầu thực vật thải.

Deepa Gupta, 21 tuổi, người đồng sáng lập ra IYCN nói với báo *Hindustan Times* rằng chuyến đi đã cho cô thấy ở Ấn Độ có nhiều giải pháp năng lượng “cây nhà lá vườn” đến mức nào, “ví dụ trang trại hữu cơ ở Andhra Pradesh sử dụng cây neem và tỏi để làm thuốc trừ sâu, hoặc ở Dharavi người ta tái chế cặn dầu. Chúng tôi thấy những giải pháp đã được thực hiện như nhà máy điện năng lượng mặt trời Gadghia ở Valsad, Gujarat, nơi họ sử dụng hơi nước để nấu ăn và bạn có thể phục vụ nấu nướng cho 50.000 người cùng một

lúc”. Ở Rajpipla, Gujarat, khi cả đoàn dừng lại tại cung điện của một hoàng tử địa phương để nạp điện cho ô tô, họ phát hiện ra vị hoàng tử nuôi sâu và bán như một loại sản phẩm thay thế cho thuốc diệt cỏ hóa học, đồng thời lại thân thiện với môi trường.

Ringwald đặt câu hỏi: “Tại sao chúng tôi lại thực hiện chuyến đi? Tại sao lại là một chuyến đi điên khùng xuyên suốt Ấn Độ với những chiếc ô tô chạy bằng điện mặt trời, xe tải chạy bằng dầu thực vật, cộng với âm nhạc, nghệ thuật, khiêu vũ cũng sử dụng điện từ mặt trời và một thông điệp mạnh mẽ về giải pháp chống biến đổi khí hậu?... Thế giới cần những ý tưởng điên khùng để thay đổi, vì cách tư duy thông thường không còn hiệu quả nữa”.

Chuyến đi của Howe và Ringwald chỉ là một bằng chứng rất nhỏ cho thấy tinh thần kinh doanh, sáng tạo và phiêu lưu mạo hiểm – những yếu tố góp phần rất lớn vào quá trình hình thành nước Mỹ ngày nay – hiện vẫn đang tồn tại mạnh mẽ trong giới trẻ, kể cả ở những người đang cách nước Mỹ 16.000km.

Lực lượng hải quân toàn nữ của nước Mỹ

Tháng 10/2005, Tom đã ở vài ngày trên tàu hộ vệ tên lửa USS *Chosin*, con tàu tuần tiễu ở Bắc vịnh Ba Tư để bảo vệ cảng xuất khẩu chính toàn bộ lượng dầu sản xuất ở nửa phía nam Iraq. Cảng xuất khẩu dầu kéo dài 16km trong vịnh, thuộc vùng biển Iraq, nhưng chỉ cách vùng biển Iran vài trăm mét. Người dân Iraq và thuyền cao tốc của Lực lượng Vệ binh Cách mạng Iran thường xuyên bị Hải quân Mỹ xua đuổi khi họ đến quá gần trạm bơm dầu.

Tom nhớ lại buổi sáng đầu tiên trên tàu, ông tỉnh dậy lúc 5 giờ sáng trên chiếc giường ngủ nhỏ xíu dành cho khách. Ông rửa mặt bằng xà phòng và nước rồi ra ngoài đi dạo quanh boong tàu đúng lúc mặt trời mọc. Vừa đi ông vừa nghĩ đến sự đối lập hoàn toàn giữa văn hóa chính trị của Hải quân Mỹ và văn hóa chính trị của người Iraq trên đất liền cũng như của người dân Ả Rập và Iran ở Vùng Vịnh. Iraq là xã hội đa chủng tộc, nhưng họ không hề hòa tan lẫn nhau. Trong hàng chục năm, họ cùng nằm dưới sự cai trị của một bàn tay sắt độc tài. Giờ đây, như chúng ta thấy, người Iraq vẫn đang phải tìm cách để người Kurd, người Shiite và người Sunni có thể chung sống hòa bình với nhau mà không cần bàn tay độc tài nữa. Khi hải quân Iraq đưa Tom lên tàu *Chosin*, có hai điều đập vào ngay vào mắt ông. Thứ nhất là sự đa dạng về chủng tộc trong lực lượng Hải quân Mỹ: người da đen, người da

trắng, người Hispanic, người Công giáo, người Do Thái, người không theo đạo, người Islam – tất cả cùng làm việc, ràng buộc với nhau bởi một suy nghĩ chung chứ không phải bị bắt buộc. Ngược lại, toàn bộ lực lượng Hải quân Iraq là nam giới và hầu hết họ là người Islam Shiite. Mustapha Ahansal, một thủy thủ người Mỹ gốc Morocco, người đảm nhận vai trò phiên dịch viên tiếng Ả Rập của tàu *Chosin* khi lực lượng đặc nhiệm đột nhập lên các tàu trên vịnh để bắt cướp biển hoặc khủng bố nói với Tom: “Lần đầu tiên tôi lên một chiếc xuồng tuần tra thì trên xuồng có sáu bảy người gì đó, một người Hispanic, một người da đen, một người da trắng, hình như một phụ nữ. Những thủy thủ [Iraq] bảo tôi: ‘Chúng tôi cứ nghĩ người Mỹ toàn người da trắng’. Rồi một người hỏi: ‘Anh có phải lính không?’ Thực sự họ rất ngạc nhiên. Họ không bao giờ nghĩ rằng đang tồn tại một thế giới như thế này vì họ còn mải lo những vấn đề của riêng họ. Tôi có nói chuyện với một sỹ quan cao cấp trong lực lượng bảo vệ bờ biển [Iraq] và anh ta nói: ‘Thật lạ khi quân đội các anh lại có nhiều tín ngưỡng, chủng tộc đến thế mà vẫn làm việc được, và còn làm tốt nhất thế giới nữa. Ở đây người miền Bắc và miền Nam đánh lẫn nhau, mà tất cả chúng tôi lại là anh em’”.

“Điều thứ hai gây ấn tượng với tôi”, Tom nhớ lại, “là phụ nữ chiếm tỷ lệ rất lớn trong số các sỹ quan tàu *Chosin*. Cả ngày bạn có thể nghe thấy giọng phụ nữ ra lệnh trên loa và đài. Và vì các ngư dân Ả Rập cũng nghe thấy tiếng loa nên rất nhiều người trong số họ chắc đang nghĩ tàu *Chosin* toàn phụ nữ. Chiếc tàu tuần duyên dài 33,5 mét *Monomoy*, hoạt động cạnh tàu *Chosin*, có một nữ thuyền phó thường dẫn đầu các toán kiểm tra tàu thuyền trong vịnh. Chỉ huy một trong những tàu tuần duyên có tốc độ cao nhất của hải quân, cũng hoạt động cạnh *Chosin*, cũng là nữ. Reyna Hernandez, sỹ quan điều hành 24 tuổi của tàu *Monomoy* nhận xét: “Làm sỹ quan điều hành nữ có ưu thế lớn, họ rất tò mò nên họ muốn nói chuyện nhiều với chúng tôi, từ đó chúng tôi cũng học được nhiều điều hơn”.

Nagga Haizlip, một thủy thủ người Mỹ gốc Iran, là phiên dịch tiếng Anh - Farsi của tàu *Chosin* mỗi khi đối mặt với Lực lượng Vệ binh Cách mạng Iran. Mặc bộ quân phục dã chiến của hải quân Mỹ, cô kể với Tom: “Nếu tôi nói chuyện [với người Iran] qua máy bộ đàm thì họ sẽ không muốn nói chuyện với tôi. Họ sẽ trả lời: ‘Tôi muốn nói chuyện với đàn ông’”. Còn với các ngư dân Iran, theo cô: “Họ không hiểu tôi thực sự là lính Hải quân Mỹ. Họ ngạc nhiên vì điều đó khác với văn hóa của họ. Họ hỏi làm sao mọi người có thể cùng làm việc, cùng sống với nhau [trên tàu *Chosin*]. Họ rất tò mò”.

Họ tò mò vì họ thấy sự đa dạng màu da, giới tính rõ ràng không ảnh hưởng đến sức mạnh quân đội Mỹ. Thực tế, đây còn là nguồn sức mạnh hết sức quan trọng của chúng ta mặc dù chúng ta vẫn coi đó là điều hiển nhiên.

Dạy học vì nước Mỹ

Có thể nói gì về Wendy Kopp, người sáng lập ra chương trình Dạy học vì nước Mỹ (TFA), ngoài nhận xét bà tuyệt đối không hề có thông tin gì về nước Mỹ? Bà có cái nhìn hết sức sâu sắc mà rất nhiều người cùng thế hệ với bà không có được.

Năm 1989, bà viết luận văn tốt nghiệp Đại học Princeton về một ý tưởng dành cho những người tốt nghiệp đại học, trong đó có những người tốt nghiệp từ những trường nổi tiếng nhất nước Mỹ. Bà lên ý tưởng về một chương trình khóa học mùa hè năm tuần, đào tạo nghiệp vụ sư phạm dành cho những người vừa ra trường. Sau khi hoàn thành khóa học, học viên có thể đi dạy hai năm ở những trường công khó khăn, nghèo nhất nước.

Kopp nhớ lại, ở Princeton hồi ấy, “ai cũng nghĩ tất cả những gì mọi người muốn làm là kiếm tiền, và tôi thấy sợ hãi. Tôi đã nộp đơn vào tất cả các chương trình hai năm của các công ty McKinsey, Morgan Stanley, Procter & Gamble, Bain & Company. Nhưng tôi vẫn tìm thêm những cơ hội khác. Tôi không muốn làm cho doanh nghiệp. Tôi muốn được làm điều gì đó thực sự khác biệt. Tôi tin rằng mình không cô đơn. Tôi cảm thấy mình cũng giống như hàng nghìn người khác. Tôi không thấy người nào đến xin việc ở các công ty tài chính ở Wall Street lại thực sự muốn làm công việc đó. Tôi bị thu hút vào lĩnh vực giáo dục. Vì vậy, đến một ngày, tôi nhận thấy không ai tuyển người để giảng dạy ở những cộng đồng rất nghèo vì họ chỉ [tuyển người] làm ở Wall Street”.

Mặc dù không có bằng chứng, nhưng Kopp tin chắc rằng vấn đề giáo dục của nước Mỹ “có thể giải quyết được nếu chúng ta coi nó là nhiệm vụ ưu tiên của thế hệ hiện tại”. Trực giác của bà mách bảo rằng nếu những sinh viên tốt nghiệp Princeton đến vùng đồng bằng sông Mississippi và thấy bao nhiêu học sinh lớp năm có khả năng đọc chỉ ngang học sinh lớp một thì họ sẽ cảm thấy bị xúc phạm không khác gì cảm xúc của cha mẹ họ trước nền giáo dục “tách biệt nhưng công bằng”, và họ sẽ muốn sống sao để thay đổi tình trạng đó. Bà nghĩ nếu họ làm được như vậy, chương trình Dạy học vì nước Mỹ có

thể tạo ra “một thể hệ lãnh đạo mới, những người sẽ hợp tác với nhau suốt cuộc đời để tạo ra những thay đổi cần thiết, thực sự giải quyết được bài toán giáo dục của nước Mỹ. Ban đầu tôi đã nghĩ như thế”.

Phải mất một thời gian để chứng minh, nhưng suy nghĩ của Kopp hóa ra là đúng, thậm chí còn hơn cả đúng. Bà nhớ lại: “Ban đầu, tất cả những người tôi gặp đều nói: ‘Một ý tưởng tuyệt vời, nhưng các sinh viên sẽ không bao giờ làm đâu’. Thực ra là mọi người đều phá lên cười khi nghe tôi trình bày. Quay lại mùa hè năm 1989, sau khi tốt nghiệp đại học, tôi đưa ra danh sách 100 trường đại học mà tôi dự kiến tuyển người, giám đốc nhân sự của cơ quan quản lý trường học Los Angeles nói: ‘Cô mà tìm được cho tôi 500 sinh viên Đại học Stanford muốn dạy học ở trường công thì tôi sẽ tuyển tất cả bọn họ’. Chúng tôi rải tờ rơi ở mọi cánh cửa [những trường đó] và năm đầu tiên có 2.500 người nộp hồ sơ – họ đã phản hồi trước tờ rơi dài một trang với nội dung là chúng tôi cần những người lãnh đạo thực sự thuộc thế hệ trẻ để giải quyết vấn đề giáo dục trong nước. Tôi chỉ nghĩ mọi người đều có xu hướng muốn phục vụ Tổ quốc, và chúng ta cần chỉ cho họ thấy con đường khả thi để làm việc đó. Trong 10 năm đầu tiên của chương trình, mỗi năm chúng tôi nhận được từ 3.000 đến 4.000 đơn xin tham gia, chỉ với hình thức quảng cáo tờ rơi và tranh ảnh”.

Kopp tự tin rằng tổ chức của bà có khả năng phát triển nhanh hơn, lớn hơn nữa, nhưng bà biết cần có cái gì đó hơn là tờ rơi. Bà thành lập những nhóm gồm nhân viên tuyển dụng và những người đã hoàn thành chương trình TFA để đến các trường đại học, kể về những kinh nghiệm họ thu được, tìm ra những sinh viên có tiềm năng lãnh đạo và thuyết phục họ tham gia. Cách làm của bà đã thành công.

“Năm ngoái chúng tôi nhận được 46.000 hồ sơ và tuyển được 4.500 người”, Kopp kể. Năm 2010, số đơn xin tham gia đã tăng lên 32% so với năm 2009, mức tăng đáng kể cho dù nền kinh tế đang đi xuống. Khoảng 40% sinh viên năm cuối người Mỹ gốc Phi ở Đại học Harvard đã nộp đơn tham gia TFA, gần 20% sinh viên năm cuối của hai trường Harvard và Yale cũng vậy. Ngoài ra còn có hơn 25% toàn bộ sinh viên năm cuối Đại học Spelman. Tính trong 130 trường đại học, số sinh viên năm cuối nộp hồ sơ chiếm 5%, trong đó có những trường lớn như Michigan và Wisconsin. Đây chính là sức mạnh nằm ẩn dưới xã hội chúng ta.

Kopp cho biết trong tất cả những người hoàn thành chương trình TFA, có khoảng một phần ba tiếp tục theo đuổi nghề giáo viên, một phần ba làm

việc trong lĩnh vực giáo dục và một phần ba làm công việc khác. Không phải chuyên gia giáo dục nào cũng ủng hộ chương trình của Kopp vì nó đưa những giáo viên ít kinh nghiệm nhất vào giảng dạy ở những lớp học khó khăn nhất. Cần thêm thời gian mới biết được các giáo viên TFA làm thay đổi cuộc sống của trẻ em như thế nào, nhưng rõ ràng TFA đã tạo ra một vài nhân vật lãnh đạo mà Kopp mong muốn. Michelle Rhee, cựu hiệu trưởng danh dự các trường ở thủ đô Washington, và Michael Johnston, Thượng nghị sỹ bang Colorado, người lãnh đạo cuộc cải cách giáo dục ở Colorado đều là những cựu thành viên của TFA.

“Mọi người luôn sẵn sàng trước những lời kêu gọi phục vụ đất nước và tạo ra sự khác biệt”, Kopp nói. “Năng lượng luôn có sẵn. Vấn đề chỉ là tìm ra và khai thác được nó... Giờ chúng tôi nhận được cả hồ sơ của người đã đi làm”.

Chương trình Dạy học vì nước Mỹ đã cho tất cả chúng ta thấy một điều: Rất nhiều, rất nhiều người Mỹ, trong đó có những người học vấn cao nhất vẫn luôn sẵn lòng tham gia giải quyết những khó khăn lớn nhất của đất nước nếu chúng ta tạo ra được một hệ thống hiệu quả cho họ. Ngày nay, với nhiều thanh niên trẻ, câu “Hãy cho tôi xem tầm quan trọng” đem lại động lực lớn hơn nhiều so với câu “Hãy cho tôi xem tiền”.

Lại Thiên Tân

Mặc dù quân đội bảo vệ đất nước, còn chương trình Dạy học vì nước Mỹ tuyển người để làm việc ở những nơi quan trọng nhất với sự thịnh vượng của đất nước trong tương lai – chính là các trường học, nhưng cả hai đều không phải yếu tố cơ bản nhất để duy trì giấc mơ Mỹ sau này. Những yếu tố đó là: tạo ra các công ty phát triển nhanh và những việc làm có mức lương tốt. May mắn là khu vực tư nhân có vô số người không có thông tin, không biết gì. Mặc dù không phải lúc nào chính phủ cũng tạo điều kiện thuận lợi cho họ, nhưng họ là những người quá ngốc nên không chịu bỏ cuộc. Sau đây là hai câu chuyện về họ.

Khi Tom đang đứng xếp hàng ăn trưa ở trung tâm hội nghị Thiên Tân hồi tháng 9/2010, một người Mỹ đến gần. Ông muốn kể cho Tom nghe chuyện ông mở một công ty năng lượng. Ông là kiểu người bạn thường gặp ở các cuộc hội thảo, trong đầu có vô số ý tưởng – Tom nhớ lại. “Tất cả bọn họ đều bắt đầu bằng câu: ‘Tôi có thể xin một phút để trình bày về phát minh của tôi

được không? Anh thấy không, tôi dùng vệt để làm quay guồng nước, thổi hơi vào quả bóng, sinh ra khí methane làm quay turbin...” Một số ý tưởng của họ nghe có vẻ hơi lập dị, nhưng họ cũng cho thấy nước Mỹ năng động như thế nào, có nhiều người sẵn lòng thử cái mới ra sao. Người đàn ông Tom gặp ở Thiên Tân thực sự có ánh mắt rất sáng, nên Tom quyết định ăn trưa cùng ông ta. Ông ta tên là Mike Biddle, một người rõ ràng chẳng có thông tin gì cả.

Câu chuyện của Biddle phản ánh rất nhiều thực trạng nước Mỹ hiện nay – những điều đúng, những điều sai, những điều chúng ta phải làm cùng nhau để có thể phát triển được trong thế giới mà chính chúng ta đã tạo ra. Biddle là người sáng lập MBA Polymers, công ty đã tìm ra quy trình tách nhựa từ máy vi tính, thiết bị, ô tô vứt đi để tái chế thành những viên chất dẻo, sau đó sản xuất ra nhựa mới với lượng năng lượng cần thiết chỉ bằng 10% so với năng lượng để sản xuất nhựa mới hoàn toàn từ dầu thô. Biddle gọi đây là “khai thác mỏ trên mặt đất”. Trong bốn năm qua, công ty của ông đã khai thác được khoảng 68.000 tấn nhựa mới từ nhựa cũ. Tiền đầu tư cho nghiên cứu ban đầu của Biddle – vốn mất đến bảy năm để phát triển, cơ sở để Biddle thành lập công ty – là của các nhà đầu tư cá nhân cộng với tiền thuế của người dân Mỹ mà ông được nhận thông qua khoản tài trợ nghiên cứu của liên bang. Nhưng hiện tại, ông chỉ đặt văn phòng trụ sở nhỏ bé ở Mỹ. Còn nhà máy được đặt ở Áo, Trung Quốc và Anh. “Tôi sử dụng 25 lao động ở California và 250 lao động ở các nước khác”, Biddle nói.

Ông muốn đặt một nhà máy ở Mỹ vì đã nhận tiền tài trợ nghiên cứu của chính phủ Mỹ, nhưng hóa đơn năng lượng phải hợp lý. Tại sao? Người Mỹ chỉ thu gom và tái chế 25% số vỏ chai nhựa mà họ sử dụng. Nhưng phần lớn số chai nhựa đã qua sử dụng – và gần như toàn bộ các sản phẩm nhựa bỏ đi còn lại cuối cùng đều bị chôn lấp hoặc đem bán đấu giá. Người trả giá cao nhất sẽ chuyển chúng ra nước ngoài, chủ yếu là Trung Quốc, nơi chúng được tái chế thành nhựa mới. Nhưng ở Trung Quốc, họ thường tái chế bằng công nghệ thô, lạc hậu, gây ảnh hưởng tiêu cực lên hệ sinh thái và an toàn của người lao động. Tạo cho mọi người thói quen tái chế trên quy mô lớn là nhiệm vụ rất khó thực hiện. Để làm điều đó, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc – và có thể cả Trung Quốc vào năm 2011 – đã thông qua các bộ luật liên quan đến trách nhiệm nhà sản xuất. Theo luật, bất cứ thứ gì có dây điện hoặc pin, từ bàn chải đánh răng điện đến điện thoại di động, máy tính xách tay, máy giặt đều phải được thu gom và tái chế theo tiêu chuẩn an toàn cho sức khỏe và môi trường, và nhà sản xuất phải chịu chi phí. Nhờ đó, dây chuyền sản xuất của Biddle được đảm bảo nguồn nguyên liệu nhựa

thô cần thiết với mức giá hợp lý ở châu Âu và châu Á. (Hiện tại, ở các nước này, các nhà tái chế phải cạnh tranh với nhau để mua được rác thải nên chi phí thu gom rác thải đang giảm xuống, vì vậy họ không phản đối luật mới).

“Tôi đặt nhà máy ở châu Âu và Trung Quốc vì họ đã có sẵn hoặc đang tạo ra các mỏ nhựa trên mặt đất”, Biddle nói. Ông được tạp chí *The Economist* trao Giải thưởng Sáng tạo năng lượng và môi trường năm 2010. “Chúng tôi đang đi đầu ở Trung Quốc. Chính phủ Trung Quốc đang tổ chức các chuyến tham quan nhà máy của chúng tôi ở Quảng Châu... Tôi không đặt nhà máy ở Mỹ. Mỏ nguyên liệu ở Mỹ có tiềm năng lớn nhất thế giới, nhưng không có điều luật nào tạo điều kiện cho tôi tiếp cận với nguồn nguyên liệu ở quy mô cần thiết để dây chuyền sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cả”.

Biddle có đủ tiền để thuê một nhà vận động hành lang thuyết phục Quốc hội áp dụng các quy định về tái chế trên cả nước giống như châu Âu, Nhật Bản đã làm và Trung Quốc đang dự thảo. Đề xuất đạo luật năng lượng sạch năm 2010 cũng có yêu cầu tương tự: những sản phẩm có pin hoặc dây điện đều phải được tái chế với chi phí thuộc về nhà sản xuất, nhưng cuối cùng nó không hề ra đời. Nó không nhận được sự ủng hộ đa số trong Thượng viện. Có nghĩa là nước Mỹ chúng ta đã đào tạo ra Biddle, trợ cấp tiền cho ông có sáng tạo đột phá về công nghệ, nhưng giờ công nhân ở các nước khác lại nhận được việc làm mà chúng ta đã bỏ tiền tạo ra.

Biddle nói: “Tôi là người bảo vệ môi trường và rất ủng hộ thị trường tự do. Kinh thánh của tôi là các tác phẩm của Ayn Rand*. Tôi thấy mình khó có thể đi vận động chính sách [ở Mỹ]. Hành động ấy không phải bản chất con người tôi. Nhưng tôi cũng không thể kinh doanh nếu các quy định không công bằng. Tôi có thể đánh bại bất cứ ai, các doanh nghiệp Mỹ khác cũng vậy nếu chúng ta có sân chơi công bằng. Chúng ta bao cấp cho ngành dầu mỏ vì chúng ta nghĩ có nguồn cung dầu trong nước là rất quan trọng. Chúng ta bao cấp ngành nông nghiệp để đảm bảo nguồn cung lương thực trong nước. Thế còn công nghệ thì sao? Để một công nghệ mới ra đời, chúng ta cũng cần những quy định để tạo lập thị trường. Tôi không muốn được bao cấp. Tôi muốn thị trường được tạo lập một cách đúng đắn bằng luật pháp để người Mỹ muốn ứng dụng công nghệ mà chúng tôi phát minh ra... Ai cũng nói là chúng ta muốn có công nghệ cao. Được, thế thì hãy đưa ra những quy định,

* Ayn Rand (1905-1982): nhà văn, nhà lý luận người Mỹ gốc Nga. Các tác phẩm của bà nhấn mạnh quan niệm tư tưởng về hiện thực khách quan, lý trí, chủ nghĩa vị lợi và chủ nghĩa tư bản tự do; gây ảnh hưởng rộng lớn lên nước Mỹ thời hậu Thế chiến thứ hai.

những tiêu chuẩn cho phép nhà cải tiến công nghệ có thể tạo ra việc làm ở ngay nước Mỹ này”.

Biddle dừng lại trong chốc lát. “Đôi khi tôi có cảm giác mình mất què hương rồi. Bây giờ làm người Mỹ không thú vị nữa. Tôi quay về và chẳng làm được gì cả, tôi có mọi thứ, nhưng không thể kinh doanh ở đây. Tôi thấy mình lúc nào cũng trên máy bay, làm việc ở các nước khác – vì họ hiểu những gì tôi làm. Giả sử tôi dùng hàng trăm giờ vận động chính sách ở D.C. để vận động chính sách ở Trung Quốc thì tôi tin là họ sẽ nghe theo tôi. Chứ [ở D.C.] thì giống như nói chuyện với bức tường”. Làm sao chúng ta có thể bi quan về một đất nước mà khi chìm sâu trong Đại Khủng hoảng vẫn có những người như Mike Biddle và nhiều người khác giống như ông – chẳng hề biết gì cả? Nhưng chúng ta cũng không thể không cảm thấy nản lòng vì chúng ta tạo ra Mike Biddle, nhưng lại không xây dựng được những quy định, chính sách cho phép ông làm việc, mở rộng hoạt động kinh doanh ở chính đất nước này.

Bob xứ Buffalo

Chúng tôi muốn giới thiệu một người nữa rõ ràng cũng không có thông tin, không biết gì. Nhà máy của ông là nhà máy lâu đời nhất vẫn đang hoạt động liên tục ở Buffalo, New York. Ông là Robert Stevenson. Vào thời gian mà phần lớn các nhà sản xuất đều đã rời Buffalo để đến miền Nam, Mexico hoặc Trung Quốc thì công ty Eastman Machine do cụ của Stevenson thành lập năm 1888 vẫn chạy tốt. Đến giờ công ty gia đình đã bước sang thế hệ thứ năm. Duy trì một công ty nhỏ và có lợi nhuận – với 115 người lao động, lợi nhuận 30 triệu dollar một năm – không hề dễ dàng. Việc kinh doanh mỗi năm lại đòi hỏi Stevenson phải linh hoạt hơn, toàn cầu hóa hơn, sáng tạo hơn, tự động hóa hơn và nhanh hơn một chút, đồng thời ông cũng mong muốn hơn có sự hỗ trợ cụ thể của chính phủ. Lịch sử kinh doanh của công ty ông cho thấy tại sao việc duy trì một quốc gia sản xuất lại quan trọng với chúng ta và cần làm gì để vừa tạo cảm hứng cho những ý tưởng mới, vừa biến chúng thành những việc làm trong ngành chế tạo có mức lương cao trên đất Mỹ. Hiện nay, Eastman là nhà sản xuất máy cắt sợi và phần mềm vận hành máy lớn nhất thế giới. Họ làm ra những chiếc máy có thể cắt gần như mọi loại sợi vải, sợi dẻo, sợi tổng hợp để may, từ váy của các nhà thiết kế đến áo Kevlar*,

* Kevlar là loại sợi có độ bền gấp 5 lần thép nhưng cũng rất dẻo dai nên thường được sử dụng làm vật liệu chế tạo áo giáp chống đạn.

từ nguyên liệu carbon-graphite dùng để sản xuất ô tô đưa đến sợi thủy tinh và tám chất dẻo dùng làm cánh quạt turbine gió.

Ai chọn ngành sản xuất này? Có lẽ đời cụ của Robert. Eastman bắt đầu làm các loại máy chạy điện nhỏ để cắt vải cho các xưởng sản xuất bóc lột công nhân để họ may váy vóc, quần áo. Khách hàng ban đầu là những công ty có lợi nhuận thấp, phụ thuộc vào lao động rẻ tiền, có nghĩa là Eastman cũng phải có chi phí lao động thấp, nhưng công nhân của họ có công đoàn. Khi toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin mở ra thị trường lao động rộng lớn hơn, Stevenson và cha của ông phải quyết định xem có nên duy trì sản xuất ở Buffalo không, và nếu có thì phải làm thế nào với công nhân được tổ chức trong công đoàn. “Chúng tôi nhớ lại hồi những năm 1980, khi chúng tôi có thể sản xuất phụ tùng ở mọi nơi, nhưng chúng tôi vẫn quyết định lắp ráp máy móc và chế tạo những bộ phận quan trọng nhất ở nước Mỹ”, ông kể. “Và rồi chúng tôi gặp phải Công đoàn Công nhân ngành ô tô! Chúng tôi phải thuyết phục họ trong nhiều năm rằng khái niệm một công nhân – một máy không thể tồn tại được nữa vì hầu hết máy móc hiện nay đều do máy tính điều khiển. Công nhân là người vận hành máy móc chứ không phải là máy móc. Anh ta sẽ cài đặt các đặc tính kỹ thuật, lắp cái này, tháo cái kia, còn máy sẽ tự chạy. Với chúng tôi, bước ngoặt đột phá là thuyết phục được công đoàn rằng một người có thể vận hành nhiều máy. Vì vậy, nếu người công nhân vận hành bốn máy và kiếm được 18 dollar một giờ thì với mỗi máy chi phí lao động chỉ còn 4,5 dollar một giờ, nhờ đó công ty sẽ có sức cạnh tranh rất cao. Đó là quá trình giáo dục không ngừng với cả chúng tôi và công đoàn, nhưng họ đã hiểu ra”.

Quá trình không phải lúc nào cũng suôn sẻ. Stevenson kể: “Mối quan hệ với công đoàn công ty tôi – UAW Local 936 – không phải luôn luôn êm ả. Chúng tôi đã phải đấu tranh, đàm phán căng thẳng với họ và trong 35 năm qua có hai cuộc đình công. Nhưng nguyên tắc cơ bản của tôi là công ty cam kết luôn duy trì và tuyển dụng số lao động tối đa có thể. May mắn là có nhiều thành viên trong công đoàn hiểu điều đó nên hiện giờ chúng tôi có mối quan hệ rất tốt. Đôi khi, đóng cửa và chuyển công ty đi nơi khác, hoặc chuyển nó cho người khác sẽ dễ dàng hơn nhiều cho chúng tôi. Nhưng vấn đề chính vẫn là để cho người lao động biết rằng mặc dù đôi khi họ có thể bất đồng với quyết định chúng tôi đưa ra, nhưng chúng tôi luôn làm việc dựa trên nguyên tắc coi trọng cộng đồng”.

Không chỉ công ty của Stevenson đã trải qua năm đời mà một số gia đình cũng có thành viên đã làm việc lâu cho Eastman lâu không kém. Stevenson

kể: “Khi tôi tốt nghiệp Đại học Yale năm 1973 và bắt đầu làm việc cho bố tôi, ông cho tôi làm ở bộ phận dịch vụ của nhà máy. Vài tháng sau, ông gọi tôi đến văn phòng của ông và hỏi tình hình thế nào. Tôi nói chuyện với ông bằng ngôn ngữ chợ búa, rằng là mọi thứ tốt, nhưng đôi khi cũng gặp phải vài ‘vấn đề chết tiệt’, và chúng tôi không thể sản xuất những ‘phụ tùng chết tiệt’ đủ nhanh. Ông nhìn tôi và hỏi: ‘Ta trả tiền cho con học ở Yale để con nói chuyện theo kiểu đó hả?’. Vấn đề là môi trường làm việc ở nhà máy rất khác môi trường làm việc ở văn phòng. Nhưng bạn bắt buộc phải nói được thứ ngôn ngữ của môi trường mình đang hoạt động. Kết nối với người khác, biết họ từ đâu đến là một phẩm chất quan trọng. Và đúng thế, chúng tôi đã giải quyết được vấn đề ‘chết tiệt’ kia và đẩy bộ phận sản xuất phụ tùng đi nhanh hơn”. Họ cũng giải quyết được cả vấn đề lao động nữa.

Khó khăn lớn thứ hai sau vấn đề lao động mà Stevenson phải đối mặt khi ông tiếp quản công ty từ cha là phải tự đổi mới sao cho thích ứng được với thế giới siêu kết nối. Ông nhanh chóng nhận thấy làm tất cả những gì công ty đã từng làm cũng không thể đảm bảo họ sẽ có tất cả những gì đã từng có. Rào cản gia nhập ngành rất thấp khi Trung Quốc cũng có mặt trong cuộc chơi. Ngành cất sợi ông thừa hưởng từ gia đình đã trở thành phổ biến, vì vậy ông cần định nghĩa lại thế nào là “sợi”.

“Chúng tôi đã tự đổi mới bản thân bằng cách chế tạo các loại máy cho phép chúng tôi có mặt ở nhiều thị trường hơn là chỉ cất các loại sợi vải phục vụ may mặc và bọc đồ gỗ”, Stevenson giải thích. “Giờ đây chúng tôi phục vụ cả ngành công nghiệp không gian” vì máy bay và cánh quạt các loại đều làm từ sợi carbon-graphite. “Chúng tôi bán sản phẩm cho ngành phong điện vì turbine cũng được làm từ sợi công nghệ cao. Chúng tôi còn có khách hàng là ngành ô tô”. Công ty bắt đầu hợp tác với các chuyên gia lập trình để phát minh, đó là thế hệ phần mềm mới để vận hành quy trình cất sợi liên tục và toàn bộ hệ thống tự động hóa.

Nhưng thế giới vẫn ngày càng phẳng hơn, cạnh tranh từ Trung Quốc ngày càng gay gắt. “Cho đến năm 2001, chúng tôi vẫn gần như sản xuất tích hợp theo chiều dọc: phần lớn sản phẩm được sản xuất ngay tại nhà máy Buffalo này. Chúng tôi mua các tấm kim loại ép và nguyên liệu thô; cắt kim loại, dập và chế tạo thành phụ tùng và lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh”. Nhưng do sức ép giá cả từ quá trình toàn cầu hóa, từ Trung Quốc và tình trạng vi phạm bản quyền thô thiển của họ, Eastman quyết định để tăng lợi nhuận, công ty phải thuê các nước có chi phí thấp chế tạo một số bộ phận.

“Hồi thập niên 1980, chúng tôi đã cảm thấy mình cần phải có tính toàn cầu hơn”, Stevenson giải thích. “Vì vậy, em trai tôi, Wade và tôi đã thành lập công ty ở Hong Kong để phân phối sản phẩm ở châu Á và Trung Quốc. Nhờ đó, chúng tôi có thể đặt chân vào Trung Quốc. Năm 2004 chúng tôi mở một nhà máy ở quốc gia này, tại Ningbo [cách Thượng Hải một giờ lái xe về phía tây nam]. Lý do ban đầu là vì Trung Quốc bắt đầu ăn cắp mẫu máy cắt vải của chúng tôi. Thật quá đáng. Công ty tôi là ‘Eastman’ (người phương Đông), họ bèn đặt tên loại máy ăn cắp của họ là ‘Westman’ (người phương Tây). Đúng là thô thiển. Họ bắt chước hoàn toàn sản phẩm của chúng tôi. Chúng tôi là một công ty nhỏ, không có đủ tiền để lúc nào cũng kiện họ ra tòa. Với người Trung Quốc, không có khái niệm ăn cắp bản quyền. Những người ăn cắp, bắt chước ấy lại còn chúc mừng chúng tôi vì đã sản xuất ra loại máy tuyệt vời! Và rồi chính phủ Trung Quốc áp thuế nhập khẩu 37% lên sản phẩm thật để chúng tôi không thể xuất sang nước họ. Chúng tôi đành nói: ‘Thôi được, chúng ta sẽ mở nhà máy ở Trung Quốc, sử dụng những phụ kiện do Trung Quốc sản xuất, bắt chước lại chính sản phẩm của mình để bán cho thị trường Trung Quốc. Vì họ thích sản phẩm của Mỹ, họ muốn hàng hóa có chất lượng nên họ sẽ mua hàng của chúng ta’.

Nhưng Stevenson không chuyển dây chuyền sản xuất chính với những thiết bị máy móc hiện đại nhất sang Trung Quốc. “Nếu có phụ tùng nào sản xuất ở Trung Quốc mà rẻ hơn thì tôi sẽ thuê sản xuất ở Trung Quốc. Nếu bạn muốn bán hàng trên toàn cầu thì bạn phải thuê sản xuất trên toàn cầu” và tận dụng mọi khả năng tiết kiệm chi phí có thể. Nhưng cuối cùng, theo Stevenson, thế giới vẫn tin tưởng vào sản phẩm “sản xuất ở Mỹ” nên ông vẫn chế tạo phụ tùng và lắp đặt loại máy hiện đại nhất ở Buffalo.

Ông nói thêm rằng trên thị trường siêu cạnh tranh hiện nay, “có tốc độ là thắng. Công ty giành thắng lợi không phải công ty lớn nhất mà là công ty nhanh nhất. Khả năng thích nghi và phản ứng kịp thời với khách hàng và nhân viên sẽ giúp bạn chiến thắng trong cuộc chiến”.

Đó là “giá trị gia tăng” của công ty Stevenson. Ông không chỉ áp dụng ba chữ SGH – sáng tạo, giao tiếp và hợp tác. Ông và các nhân viên còn luôn tìm cách duy trì mối quan hệ bền vững với khách hàng bằng cách tự coi mình là một thợ thủ công, còn khách hàng là người tìm kiếm sản phẩm được làm ra để đáp ứng nhu cầu của riêng họ. Đây chính là lợi thế cạnh tranh của một công ty nhỏ.

“Chúng tôi tự hào vì có thể xử lý mọi việc ngay vào ngày khách hàng cần

thông tin, cần phụ tùng hay cần sửa chữa máy móc v.v.”, Stevenson cho biết. “Chúng tôi không tìm cách trở thành công ty lớn nhất. Chúng tôi muốn thân với khách hàng. Chúng tôi nghĩ mình có khả năng cạnh tranh cao trong những lĩnh vực mà khách hàng muốn xây dựng mối quan hệ thực sự. Mọi người vẫn gọi điện và nói: ‘Tôi muốn nói chuyện với Robert’”. Theo Stevenson, một giám đốc điều hành thành công ngày nay phải biết lắng nghe nhân viên và đảm bảo rằng mình coi tất cả bọn họ cũng là những nhà phát minh. Khoảng một nửa số lao động của Eastman là công nhân cổ xanh, còn lại là công nhân cổ trắng. Chính là vì Stevenson biết công nhân sản xuất là những nhà phát minh có giá trị như thế nào nên ông mới nói là ông lo ngại về tương lai.

Ông giải thích: “Rất nhiều công nhân của tôi đã vào độ tuổi cuối 50, và tôi đang lo lắng về đội ngũ kế thừa. Công việc ở xưởng không còn hấp dẫn mọi người nữa. Mọi người thường quan niệm là phải đi học đại học để không làm công nhân cổ xanh. Chúng tôi chi trả cho họ bảo hiểm y tế, lương hưu, các dịp lễ tết và mức lương từ 18 đến 22 dollar một giờ. Tôi nghĩ đây cũng sẽ là vấn đề lớn với đất nước trong vài năm tới. Vấn đề lớn nhất là tìm được công nhân để thay thế cho những người đang ở độ tuổi 50, đã từng làm việc cho chúng tôi từ những ngày đầu”.

Với Stevenson, vấn đề càng nghiêm trọng vì công việc của công nhân cổ xanh giờ đã khác trước. Cũng như ở mọi nơi khác, trong xưởng máy, làm việc theo kiểu bình thường cũng đã hết thời.

“Chúng tôi tìm kiếm người có khả năng tự suy nghĩ một chút chứ không như trước. Chúng tôi bán những loại máy cắt do máy tính điều khiển có giá từ 80.000 đến 150.000 dollar một chiếc. Nó có phần mềm đi kèm, giúp khách hàng có thể tự thiết kế được mẫu cắt. Vì vậy khi tuyển người, tôi nói với họ: ‘Cậu là bộ mặt của công ty. Khách hàng đã chi rất nhiều tiền và họ kỳ vọng cậu biết tất cả mọi thứ về cỗ máy này’. Có nghĩa là nhân viên của Eastman không chỉ phải hiểu khách hàng mua máy làm gì mà còn phải biết điều chỉnh thiết bị mình bán ra thế nào để phục vụ được cho họ. “Công nhân của tôi phải có chút khả năng điều chỉnh máy tại chỗ, thậm chí đôi khi còn phải biết mua thêm đồ ở cửa hàng gia dụng Home Depot trong vùng để đáp ứng chính xác nhu cầu của khách hàng”. Stevenson nói: “Chúng tôi nhận thấy những người làm tốt nhất là các cựu chiến binh vì trên mặt trận họ buộc phải làm những công việc tương tự. Trước kia, giới công nhân thường nói: ‘Việc của tôi là đánh bóng nĩa chứ không phải cọ thìa’. Chúng tôi không đủ khả năng trả lương cho một người chỉ làm một việc nữa. Chúng tôi cần người có khả năng thích ứng. Vì vậy, chúng tôi tìm kiếm những người có thể nói câu:

‘Hôm nay tôi mắc dây điện, mai tôi điều khiển máy, còn ngày kia tôi sẽ lắp ráp...’ Tôi đọc lại một mẫu quảng cáo của chúng tôi hồi giữa những năm 1990. Khẩu hiệu lúc đó là ‘Chúng tôi bán giải pháp chứ không chỉ máy móc’.

Stevenson là bằng chứng trực tiếp cho thấy duy trì ngành chế tạo trong nước là rất quan trọng trong việc khuyến khích sáng tạo và tiếp tục giấc mơ Mỹ. Nếu con người không đụng tay vào sản phẩm thì họ không thể cải tiến chúng và cũng không thể sáng tạo ra sản phẩm mới.

“Nói chung cải tiến thường xuất hiện dưới hình thức từng bước nhỏ chứ không phải một bước nhảy dài. Chúng tôi không tìm một cây đũa thần để thay đổi hoàn toàn dây chuyền sản xuất mà muốn thay đổi từng bước một hơn. Rất nhiều lần sản phẩm mới hoặc sản phẩm được cải tiến ra đời từ yêu cầu của khách hàng hoặc từ sáng kiến của công nhân trên dây chuyền sản xuất, những người phát hiện ra vấn đề và đề xuất cách giải quyết. Ví dụ, một khách hàng hỏi tại sao chúng tôi không kết hợp lưới cắt laser với lưới cắt thông thường để có máy cắt hai lưới phục vụ hai mục đích khác nhau. Ý tưởng này được một kỹ sư của chúng tôi nắm lấy. Anh đã thay đổi thiết kế, và đã thành công, chúng tôi có một sản phẩm mới xuất hiện. Bí quyết là lắng nghe và hành động”.

Theo Stevenson, bởi tất cả những lý do trên mà vai trò của tổng giám đốc điều hành đã thay đổi rất nhiều so với thời cụ của ông. Vẫn là từ “sếp” như trước, nhưng sếp hiện nay và trước kia chỉ còn mỗi tên gọi đó là chung mà thôi.

Ông giải thích: “Vai trò của tổng giám đốc điều hành không phải là ra lệnh nữa mà là trao quyền. Giờ đây tôi không còn là người có câu trả lời cho mọi tình huống. Tôi không thể biết hết mọi thứ... Năng lực của con người là vô tận nếu bạn có thể đặt ra thách thức cho họ và khiến cho họ cùng làm việc vì một mục tiêu chung. Tôi đặt mục tiêu, chỉ ra con đường đi và nói với họ: ‘Các anh làm cách nào đạt được nó thì tùy...’ Tôi nghĩ bức tranh cũ mô tả người đứng đầu công ty với câu nói: ‘Hoặc theo cách của tôi, hoặc anh ra đường’ không còn phù hợp nữa. Mà cũng không còn cái gọi là ‘cách của tôi’. Chỉ có một cách là toàn cầu hóa, và có rất nhiều nền văn hóa có thể làm tốt không kém chúng ta, đôi khi còn tốt hơn. Nếu chúng ta không hiểu điều này, không đưa được nó vào hoạt động kinh doanh thì chúng ta sẽ thất bại vì bị cô lập”.

Stevenson là chủ tịch Ban Quản trị Đại học Medaille và ông không chỉ có tinh thần cộng đồng. Vì công ty ông chỉ có nguồn tài chính hạn chế cho nghiên cứu và triển khai nên họ phải nhờ vào mối quan hệ với các trường đại học trong vùng để giải quyết bài toán kỹ thuật, giúp công ty luôn tiếp cận

được với công nghệ hiện đại nhất. “Cái có thể giúp những công ty nhỏ như chúng tôi phát triển được là khả năng thu hút “vốn tri thức” từ các trường đại học địa phương mà đồng dollar tiền thuế của chúng tôi góp phần hỗ trợ. Chúng tôi có thể sản xuất, bán, phân phối sản phẩm. Chúng tôi biết cách thâm nhập thị trường nước ngoài. Nhưng cái chúng tôi không phải lúc nào cũng làm được là tiếp cận với công nghệ mới nhất đang được nghiên cứu ở các trường đại học”. Stevenson nói nếu người Mỹ học được cách làm thế nào để “lấy được kiến thức và xây dựng được mối quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp nhỏ và các cơ sở giáo dục” một cách tốt hơn thì “chúng ta sẽ tạo được nguồn năng lượng giúp ngành chế tạo phát triển trở lại”.

Một bàn tay tình nguyện chú không phải từ thiên

Ngành chế tạo của Mỹ đã phát triển hơn nhiều so với phần lớn người Mỹ vẫn nghĩ. Từ những năm 1890, Mỹ đã luôn là quốc gia sản xuất hàng hóa lớn nhất. Chỉ có năm 2010 là Trung Quốc vượt qua chúng ta với tổng giá trị sản phẩm đạt hơn 1 nghìn tỷ dollar, còn chúng ta sản xuất ra chưa đến 1 nghìn tỷ dollar. Vì vậy, chưa phải là chúng ta đã mất ngành chế tạo.

Xét về mặt nào đó, “vấn đề” của chúng ta lại là chúng ta quá xuất sắc trong ngành chế tạo. Theo báo cáo năm 2011 của công ty phân tích kinh tế IHS Global Insight, năng suất lao động của Mỹ vẫn vượt xa Trung Quốc: 11,5 triệu công nhân Mỹ sản xuất ra giá trị sản phẩm tương đương 100 triệu công nhân Trung Quốc. Một thực tế thực sự tích cực. Vì năng suất lao động cao – nhờ các công nhân được đào tạo tốt, có thể vận hành ngày càng nhiều máy móc hiện đại, người máy và phần mềm – nên giá trị sản phẩm do một công nhân Mỹ trung bình làm ra lớn hơn nhiều so với một công nhân Trung Quốc trung bình, tức là một công nhân Mỹ vẫn kiếm được nhiều tiền hơn nhiều so với một công nhân Trung Quốc. Thay vì sản xuất hàng loạt các sản phẩm có giá trị tương đối thấp để tạo ra nhiều việc làm lương thấp, kỹ năng thấp, ngành chế tạo của Mỹ chủ yếu là các nhà máy trả lương cao, năng suất cao với những sản phẩm như máy bay, thiết bị y tế và nghiên cứu khoa học, hệ thống điều khiển, máy công nghiệp đặc dụng và hóa chất.

Theo Hiệp hội các Nhà sản xuất quốc gia, năm 2009, một công nhân Mỹ trung bình kiếm được 74.447 dollar đã tính cả các khoản phúc lợi. Trong đó lương họ nhận được là 63.000 dollar. Chừng nào chúng ta còn tăng được năng suất thì lương của công nhân cổ xanh còn ở mức tạm ổn.

Nhưng như chúng tôi đã đề cập, trong các động lực gia tăng năng suất có việc thay thế lao động của con người bằng máy móc và phần mềm tinh xảo hơn, do công nhân lành nghề hơn nữa vận hành. Do đó, nếu chúng ta không chỉ muốn nước Mỹ duy trì được ngành chế tạo trình độ cao mà còn mở rộng nó ra – để tạo ra nhiều việc làm tốt cho công nhân cổ xanh trong tương lai – thì chúng ta cần có thêm nhiều người hơn nữa mở công ty ở Mỹ, sáng tạo và sản xuất ra các sản phẩm phức tạp, giá trị gia tăng cao, và đào tạo nhiều người khác có được kỹ năng sản xuất chúng. Chúng ta cần thêm những người như Biddle và Stevenson.

Theo Cục Thống kê lao động, một doanh nghiệp mới điển hình ở Mỹ đang có quy mô ngày càng giảm do các công ty tận dụng được công nghệ và mạng lưới liên kết để sản xuất được nhiều hơn với số lao động ít hơn. Vào năm 2000, trung bình một công ty có 7,7 lao động. Đến năm 2010, con số đó chỉ còn 5,5.

Do vậy, việc khuyến khích, lôi kéo và duy trì các doanh nghiệp mới thành lập là hết sức quan trọng. Robert Litan, người đứng đầu việc nghiên cứu của Quỹ Kauffman nhận xét: “Trong khoảng thời gian từ 1985 đến 2005, hầu như mọi việc làm mới được tạo ra tại Mỹ thuộc về các công ty hoạt động chưa đến 5 năm. Tổng cộng họ đã tạo ra khoảng 40 triệu việc làm.”

Và đó là lý do tại sao không thể phó mặc một việc quan trọng đến như vậy cho may rủi hay thị trường. Chúng tôi nhắc lại: kinh tế học không giống chiến tranh. Nó có thể có kết cục hai bên cùng có lợi. Chúng ta có lợi và Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil cũng thế. Nhưng để hoạt động có hiệu quả trong thế giới siêu liên kết này, chúng ta cần phải có thứ mình đang thiếu nhưng các nước khác lại có: một chiến lược hoàn chỉnh của thế kỷ 21 để tạo ra việc làm trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ cũng như lực lượng lao động để làm các công việc đó, nhờ vậy, chúng ta có thể tiếp tục là một xã hội sản xuất hàng đầu chứ không rơi vào tình trạng chỉ là một xã hội tiêu dùng.

Trong lịch sử, người Mỹ không có cảm tình với mọi thứ có hơi hướng “chính sách công nghiệp” mà chính phủ đề xướng. Chúng ta không muốn chính phủ chọn ra một nhóm công ty để áp dụng chính sách ưu đãi hay một số ngành để trợ cấp từ tiền thuế. Chính phủ Mỹ không chọn ra kẻ chiến thắng mà để cho thị trường làm chuyện đó. Nói chung, chúng tôi cho rằng cơ chế này là phù hợp. Chúng tôi phản đối trợ cấp cho doanh nghiệp. Nhưng chúng tôi ủng hộ việc tạo điều kiện – gồm các phương thức mà mọi chính quyền cấp địa phương liên bang sử dụng để hỗ trợ những người muốn mở công ty và tạo việc làm trên đất Mỹ – rồi để cho thị trường quyết định sự tồn tại và phát

triển của họ. Nếu nghĩ rằng chỉ một làn sóng tăng trưởng kinh tế sẽ mang đến thêm nhiều việc làm cho công nhân cổ xanh – chính là điều chúng ta hiện đang mơ tưởng – thì không phải là một chiến lược khôn ngoan. Mà đó cũng hoàn toàn không phải là một chiến lược.

“Mặc dù kinh tế phục hồi mạnh mẽ là nền tảng cho tăng trưởng việc làm, nhưng chỉ riêng tác động có tính chu kỳ của nó lên tăng trưởng GDP sẽ không thể tạo ra đủ việc làm cho người Mỹ,” các nhà phân tích của McKinsey & Company nhìn nhận trong một nghiên cứu vào tháng 6 năm 2011 nhan đề *Một nền kinh tế có hiệu quả: Tạo công ăn việc làm và tương lai của nước Mỹ*. “Tạo công ăn việc làm phải trở thành ưu tiên tầm quốc gia chứ không phải sản phẩm phụ của các quyết định chính sách khác.”

Mọi chiến lược tốt đều phải có tầm nhìn và kế hoạch thực hiện. Điều này có nghĩa là chúng ta khởi đầu bằng cách đặt câu hỏi chúng ta đang sống trong thế giới như thế nào, các xu thế lớn nhất là gì, rồi sau đó đặt ra kế hoạch để chúng ta, với tư cách một quốc gia, có thể tận dụng chúng cho mục tiêu tăng trưởng và tạo ra nhiều việc làm tốt hơn nữa. Như ở Lầu Năm Góc người ta thường nói: “Tầm nhìn mà không được thực hiện thì chỉ là ảo giác.” Chúng tôi muốn đưa ra một tầm nhìn và kế hoạch thực hiện cho việc tạo việc làm ở thế kỷ 21.

Tầm nhìn

Tầm nhìn của chúng tôi về nước Mỹ đơn giản nhưng không hề nhỏ bé. Chúng tôi muốn trên thế giới, nước Mỹ có vai trò tương tự như mũi Cape Canaveral, bang Florida trong chương trình vũ trụ của Mỹ – đó là bộ phóng. Đưa con người lên mặt trăng là nhiệm vụ có thể tập hợp người dân nhanh chóng, nhưng nước Mỹ sẽ không đưa con người lên mặt trăng một lần nữa. Không sao. Chúng tôi muốn nước Mỹ thế kỷ 21 trở thành bộ phóng, nơi mọi người trên trái đất muốn đến để tự mình bay lên mặt trăng. Chúng tôi muốn nước Mỹ trở thành nơi các nhà sáng chế và doanh nhân khắp thế giới tập trung đặt toàn bộ hoặc một phần cơ sở vận hành của họ vì đây là nơi lao động có năng suất rất cao, hạ tầng và băng thông Internet rất hiện đại, thái độ đón tiếp nhân tài hết sức cởi mở, nguồn tài chính cho nghiên cứu cơ bản rất dồi dào, chế độ pháp quyền, các quy định bảo vệ sở hữu trí tuệ và chính sách thuế ưu đãi cho hoạt động đầu tư và sản xuất đều hấp dẫn hơn bất cứ

nơi nào trên thế giới; và tinh thần hợp tác cũng vô song– tất cả vì chúng ta đã cập nhật và mở rộng công thức để thành công của mình.

Chúng ta muốn nước Mỹ phải là *nơi* để mơ ước, để thiết kế, để khởi đầu, để hợp tác với người khác, và để làm ra sản phẩm – trong thời đại mà mọi mặt xích trong chuỗi liên kết đều có thể được thực hiện ở rất nhiều nơi khác nhau. Không ai còn phải nói rằng, “Tôi chuyển từ Mỹ sang Singapore bởi vì quốc gia thân thiện hơn với hoạt động sáng tạo và với các doanh nghiệp”. Khẩu hiệu của chúng ta phải là: Được nghĩ ra tại Mỹ, được thiết kế (ít nhất là một phần) tại Mỹ, được chế tạo (ít nhất là một phần) tại Mỹ.

Như PV Kannan, chủ một công ty chuyên gia công ở Ấn Độ đã nói: “Các bạn sẽ biết rằng mình đã thành công khi các công ty mới ở Trung Quốc, Brazil, và Ấn Độ đều nói: ‘Chúng tôi muốn chuyển trụ sở công ty đến Mỹ vì Mỹ là địa điểm kinh doanh tốt nhất thế giới’”.

Chỉ cần chúng ta gần đạt được mục tiêu nói trên, chúng ta sẽ có một tầng lớp trung lưu bền vững – vừa làm các công việc mới vừa hỗ trợ những người đảm đương các công việc đó.

Kế hoạch: Thành phố là công xưởng kiểu mới

Vậy chúng ta phải hiện thực hóa viễn cảnh đó ra sao? Làm cách nào chúng ta có được nhiều bộ phận hơn? Một lần nữa, chúng ta phải bắt đầu với thế giới chúng ta đang sống và xu thế quan trọng nhất – sự kết hợp chặt chẽ liên tục giữa toàn cầu hóa và giai đoạn sau cùng của cách mạng công nghệ thông tin. Như chúng tôi đã nhắc tới ở trên, cuộc cách mạng công nghệ thông tin đang mang lại cho mỗi cá nhân ngày càng nhiều công cụ để đổi mới, hợp tác và sáng tạo – nhờ vào các loại máy tính cầm tay, mạng xã hội và “đám mây” lưu trữ các ứng dụng mạnh mẽ mà ai cũng có thể tải xuống. Và khía cạnh toàn cầu hóa của cuộc cách mạng này đang quy tụ ngày càng nhiều những con người đầy sức mạnh vào các quần thể, nơi họ có thể làm việc gần nhau để đổi mới và sản xuất nhiều hàng hóa và dịch vụ hơn nữa, làm cho đời sống con người lành mạnh hơn, tận hưởng giáo dục và giải trí nhiều hơn, năng suất cao hơn và tiện nghi hơn.

Đường như ngày càng trở nên rõ ràng là các quần thể xuất sắc nhất sẽ là các thành phố và thị trấn, nơi có một trường đại học, một cộng đồng dân trí cao, một cộng đồng kinh doanh năng động và các kết nối băng thông rộng

nhANH NHẤT THẾ GIỚI. Đó sẽ là các bộ phận phát minh của thế kỷ 21. Đó sẽ là nơi tạo ra việc làm của tương lai. Các quốc gia phát triển phần VINH sẽ là các quốc gia phát triển được nhiều các thị trấn như vậy, nơi có thể tạo ra những “sự sáng tạo và trao đổi tri thức hiệu quả” như lời Blair Levin, người điều hành dự án Gig.U của Viện Aspen, một tổ chức bao gồm 37 trường đại học đang hợp tác với nhau để thúc đẩy đầu tư cá nhân vào các quần thể thế hệ tiếp theo.

Levin giải thích: Trong lịch sử, “các cụm kinh tế luôn có nhu cầu rất lớn đối với các yếu tố đầu vào có tính chiến lược để thành công”. Vào những năm của thế kỷ 19, đó là nhu cầu về nguồn nước khổng lồ và nguyên liệu thô. Trong thế kỷ 20, đó là nhu cầu lớn lao về điện năng và giao thông vận tải. Đến thế kỷ 21 là nhu cầu to lớn về “băng thông và vốn tri thức” ở những nơi như Thung lũng Silicon, Austin, Cambridge, Boulder, Minneapolis, Ann Arbor – hoặc ngay cả Buffalo với mối quan hệ giữa Eastman và Trường Medaille.

Chúng ta cần thêm những đô thị bộ phận như vậy, đặc biệt là trong bối cảnh xu thế của thế giới hiện tại. Khi thế giới ngày càng được kết nối thông qua Web và mạng xã hội, và khi có ngày càng nhiều thiết bị vận hành nhờ cảm biến kết nối được với nhau qua Internet, chúng ta đang chứng kiến sự xuất hiện của cái gọi là “Dữ liệu khổng lồ.” Đó là hàng núi dữ liệu hình thành từ các tương tác số nói trên mà người ta có thể tập hợp, chọn lọc, khai thác và phân tích – như với các nguyên liệu thô ngày trước – để cung cấp nền tảng cho mọi loại phát minh trong lĩnh vực y tế, giáo dục, sản xuất và bán lẻ.

“Chúng ta đều nhận thức được rằng hiện có khoảng 2 tỉ người đang vào mạng Internet – họ ở khắp nơi trên trái đất này nhờ có sự bùng nổ của công nghệ di động”, chủ tịch Samuel Palmisano của IBM phát biểu vào tháng 9 năm 2011. “Nhưng ngoài ra còn có hàng nghìn tỉ những đối tượng và tổ chức thông minh đang liên kết chằng chịt với nhau, thứ mà có người gọi là Mạng Đối tượng. Tất cả chúng đang tạo ra muôn vàn kho thông tin. Người ta ước tính vào thập kỷ tới lượng dữ liệu sẽ tăng gấp 44 lần so với hiện tại, đạt mức 35 zettabytes (1 zettabyte = 1 tỉ terabyte hay 1 ngàn tỉ gigabyte) vào năm 2020. Và nhờ vào kỹ thuật tính toán và phân tích tiên tiến, chúng ta có thể khai thác khối dữ liệu đó hầu như tức thời”.

“Có vô số ví dụ mang tính giai thoại về lợi ích của tư duy khai thác dữ liệu”, Steve Lohr, cây bút chuyên về công nghệ của tờ *New York Times* viết trong bài báo ngày 11/02/2012. “Ví dụ nhiều người biết đến nhất là quyển *Moneyball* xuất bản năm 2003 của tác giả Michael Lewis. Cuốn sách viết

về Oakland Athletics, một câu lạc bộ có ngân sách khiêm tốn đã tận dụng số liệu và những thống kê bí hiểm trong bóng chày để bố trí các cầu thủ bị thị trường đánh giá thấp của mình. Phân tích kỹ lưỡng số liệu đã trở thành chuẩn mực không chỉ trong bóng chày mà còn trong các môn thể thao khác, có cả bóng đá Anh... Các nhà bán lẻ như Walmart và Kohl's phân tích số liệu bán hàng, giá cả, các chỉ số kinh tế, nhân khẩu học và thời tiết để điều chỉnh danh mục hàng hóa tại từng cửa hàng và quyết định thời điểm giảm giá. Các công ty vận tải như U.P.S. khai thác số liệu về thời gian vận chuyển bằng xe tải và tình hình giao thông để điều chỉnh tuyến đường. Các dịch vụ se duyên qua mạng như Match.com liên tục phân tích các đặc điểm, phản ứng và giao tiếp của mỗi cá nhân trong danh sách người đăng ký trên web để cải thiện các thuật toán nhằm tìm ra các cặp khách hàng nam nữ phù hợp hơn. Các sở cảnh sát trên cả nước, dẫn đầu là New York, nhờ máy tính phát hiện và phân tích các thông tin như tiền sử bất giữ đối tượng, ngày trả lương, các sự kiện thể thao, lượng mưa, và các ngày lễ để dự đoán các điểm nóng về tội phạm và bố trí người trước tại các địa điểm đó”.

Chúng ta càng xây dựng được nhiều trường đại học trong các thành phố, kết hợp với khả năng truy cập vào khối Dữ liệu khổng lồ và băng thông tốc độ siêu cao thì chúng ta càng có nhiều bộ phóng phát minh và thu hút được càng nhiều nhân tài từ khắp nơi trên thế giới.

Chúng ta tin rằng việc các trường đại học và thành phố kết nối hết sức chặt chẽ với nhau để chúng có thể trở thành các nhà máy mới, các bộ phóng mới, tạo ra những phát minh và doanh nghiệp mới là kế hoạch hành động cần thiết nhằm tạo thêm nhiều việc làm trong lĩnh vực dịch vụ và sản xuất. Tuy nhiên, điều đó vẫn là chưa đủ. Cũng trong nghiên cứu về việc làm của McKinsey tháng 6 năm 2011, bất kỳ một chiến lược tạo việc làm có hiệu quả nào cũng phải có một số sáng kiến cụ thể tạo ra cơ sở hạ tầng, vốn nhân lực và các doanh nhân – những yếu tố có thể kết hợp lại để tạo ra hệ sinh thái thành công của thế kỷ 21”. Nghiên cứu của McKinsey chỉ ra rất nhiều yếu tố đầu vào chúng ta đã nghe các nhà hoạch định chính sách và doanh nhân đề cập: tìm thêm các phương thức để giải quyết sự bất cập đang gia tăng giữa nhu cầu của giới chủ và kỹ năng mà công nhân Mỹ được đào tạo trong nhà trường và trên thị trường lao động; phát hiện các giải pháp để biến toàn cầu hóa thành nguồn tạo việc làm hiệu quả hơn cho nước Mỹ; khuyến khích các phát minh sáng chế và thành lập công ty; và đơn giản hóa các thủ tục đang cản trở quá trình tạo việc làm và hình thành các hệ sinh thái mới.

Khi nghe giới chính trị gia hăm dọa các nhà tuyển dụng vì họ không chịu tuyển thêm công nhân Mỹ, bạn sẽ không biết một thực tế rằng phải tìm cách cân bằng giữa những gì người lao động học được ở trường với những gì các công ty đang tìm kiếm. Như nghiên cứu của McKinsey chỉ ra: “Dù khủng hoảng tài chính vừa xảy ra, nền kinh tế toàn cầu đang phát triển mạnh và các công ty Mỹ hầu hết đã thích nghi và đạt kết quả khả quan. Tuy nhiên, không thể kết luận tương tự về lực lượng lao động Mỹ. McKinsey lưu ý: “mặc dù thành tựu giáo dục ngày càng tốt hơn và mỗi năm chính phủ liên bang chi 18 tỷ dollar vào đào tạo nghề, nhưng các nhà tuyển dụng vẫn nói họ không thể tìm được công nhân với một số kỹ năng nhất định. Trong khi đó, các sinh viên lại không hình dung được rõ ràng có những công việc gì để còn chuẩn bị”.

McKinsey nhận thấy 30% trong số các công ty được phỏng vấn nói rằng họ có những vị trí việc làm bị bỏ trống trong sáu tháng hoặc hơn vì không tìm được người thích hợp, và gần hai phần ba các công ty cho biết họ thường xuyên có vị trí bỏ trống và rất khó tìm người lấp vào. Trên thị trường lao động trình độ cao, nhóm nghề khó tìm người nhất là ngành khoa học kỹ thuật, sau đó là lập trình máy tính và công nghệ thông tin. Tiếp theo là các chuyên gia thống kê và toán học, những người có thể quản lý được hệ thống “dữ liệu khổng lồ” mới, sử dụng một lượng thông tin vĩ đại để phục vụ cho hàng loạt các hoạt động kinh doanh”. Nhưng hiện tượng “thiếu người không chỉ phổ biến trong giới tiến sỹ, kỹ sư, nhà khoa học và nhà lập trình. Các cuộc phỏng vấn của chúng tôi còn cho thấy người tuyển dụng cũng không thể tìm được công nhân đạt yêu cầu trong một loạt ngành khác, ở mọi cấp độ đào tạo: thợ hàn, y tá điều dưỡng, chuyên gia dinh dưỡng, kỹ thuật viên hạt nhân”.

Doug Oberhelman, giám đốc điều hành của Caterpillar, có trụ sở ở Illinois, được trích lời trên tờ *Crain's Chicago Business* ngày 13 tháng 9 năm 2011: “Chúng tôi không thể tuyển được công nhân sản xuất theo giờ đạt chuẩn, cũng như rất nhiều kỹ thuật viên dịch vụ kỹ thuật, công nghệ, thậm chí thợ hàn, và điều đó gây ảnh hưởng đến cơ sở sản xuất của chúng tôi tại Mỹ. Hệ thống giáo dục Mỹ về căn bản đã thất bại với họ, và chúng tôi phải tái đào tạo từng người được tuyển vào”.

Vì vậy, McKinsey cho rằng các công ty Mỹ cần tham gia nhiều hơn vào việc “xây dựng chương trình học ở các trường cao đẳng cộng đồng và trường dạy nghề, đồng thời cần có cơ sở dữ liệu việc làm quốc gia để làm căn cứ ra quyết định về chuyên ngành và chương trình đào tạo”.

Ở mọi thành phố lớn bạn đều có thể nghe thấy lời phàn nàn giống nhau.

“Tại thành phố Kansas, các công ty kỹ thuật và chế tạo đang gặp khó khăn”, Robert Litan nói. “Rất nhiều công ty đang phải đối mặt với thực tế là một lượng người lao động khổng lồ của họ bắt đầu nghỉ hưu và họ không thể tìm được ai thay thế. Đám thanh niên trong lĩnh vực này đi đâu rồi nhỉ?”

Với tinh thần đó, chúng tôi, tác giả cuốn sách xin đưa ra một đề xuất – hơi đùa một chút: đánh thuế 15.000 dollar một năm lên sinh viên ở các trường luật và trường kinh doanh và bao cấp 15.000 dollar một năm học phí cho các sinh viên đại học trong lĩnh vực kỹ thuật, khoa học và một số ngành cụ thể khác. Chúng ta phải tìm được cách nào đó để khiến những người thông minh nhất, xuất sắc nhất đi mở công ty, sản xuất những thứ có tác dụng nâng cao đời sống của mọi người thay vì nghĩ ra những sản phẩm tài chính phức tạp ở Wall Street để kiếm tiền từ tiền. Như Vivek Wadha, chuyên gia trong lĩnh vực kinh doanh và nhập cư thường nói: “Không nên đưa bạn bè vào ngành tài chính”.

Những việc nho nhỏ để đem công việc trở lại

Chúng ta biết rằng điều này khó xảy ra, nhưng chúng ta cần tập trung vào một loạt các ý tưởng mới được tạo ra. Có một ý kiến cho rằng nên tìm cách có thêm vốn đầu tư nước ngoài vào công ty hoàn toàn mới thành lập chứ không chỉ mua lại các công ty đã tồn tại. McKinsey đề xuất rằng Mỹ cần chứng tỏ mình là thị trường đang lên lớn nhất, an toàn nhất thế giới, và chúng ta có thể làm được việc đó bằng cách áp dụng loại “thị thực kinh doanh” đặc biệt, giúp các nhà đầu tư tiềm năng đến tìm hiểu, mua bán và đàm phán với các doanh nghiệp Mỹ một cách dễ dàng. Tại sao chúng ta lại để Trung Quốc làm việc đó? Chúng ta nên tìm cách tạo động lực để các công ty đang phải thuê lao động ở Ấn Độ và Trung Quốc – nơi mức lương của những thị trường lớn nhất đang tăng lên – muốn quay về trong nước. Với mạng lưới viễn thông tốc độ cao hiện nay, đặt một trung tâm hỗ trợ khách hàng qua điện thoại ở Bangor, bang Maine (nơi không gặp phải vấn đề ngôn ngữ) cũng hiệu quả và gần như rẻ ngang với đặt nó tại Bangalore, Ấn Độ. Vì lượng người thuộc tầng lớp trung lưu trên toàn cầu đang tăng lên nên du lịch trở thành một ngành rất có tiềm năng phát triển ở Mỹ và sẽ đem lại rất nhiều việc làm. McKinsey cho biết số khách nước ngoài đến Mỹ năm 2000 là 26 triệu, đến năm 2003 giảm xuống 18 triệu nhưng đã tăng trở lại lên 24 triệu vào năm 2009. Tức là

có rất nhiều khách sạn, công viên giải trí, phương tiện giao thông và nhà hàng không được xây dựng, rất nhiều việc làm ngành dịch vụ bị mất đi.

Mọi chiến lược việc làm đều phải tính đến việc tận dụng ngân sách của chính quyền bang và địa phương để khuyến khích các công ty mới ra đời. “Cải tiến công nghệ, các ngành công nghiệp mới, các công ty mới là những yếu tố cơ bản để có tăng trưởng cầu và tạo việc làm”, McKinsey lưu ý. “Bước quan trọng đầu tiên là phải tái khởi động dòng vốn đầu tư vào các công ty mới thành lập và hỗ trợ các công ty non trẻ”.

Jennifer Granholm, thống đốc bang Michigan từ năm 2003 đến 2010 từng là người đi tiên phong trong việc này. Bà kể: “Ở châu Á, chính phủ không phải kẻ thù của xã hội, nhưng ở Mỹ chúng ta lại không làm được như họ. Chúng ta phải có những khoản đầu tư thông minh, có mục tiêu cụ thể để thúc đẩy tư nhân cũng đổ tiền vào các công ty mới nổi có sức cạnh tranh” trong những ngành chắc chắn sẽ mang tính chiến lược. Bà nói thêm: “Nếu không có những chính sách đẩy mạnh cả cung và cầu đối với ngành chế tạo trình độ cao thì chúng ta sẽ trở thành một quốc gia chỉ còn tồn tại trong lịch sử. Chúng ta đang tham gia vào sân chơi toàn cầu và nó đã rộng hơn trước rất nhiều. Chúng ta không thể chỉ cắt giảm thuế là giải quyết được mọi vấn đề”.

Với những ngành như năng lượng sạch – chắc chắn là ngành công nghiệp mới của toàn thế giới trong tương lai – thì theo Granholm, “chúng ta cần một chính sách cấp liên bang để tạo ra một thị trường trên cả nước, giúp các nhà đầu tư và nhà sản xuất có thể dự báo, tin tưởng rằng họ sẽ bán được sản phẩm”. Đây không phải việc chọn ai là người thắng cuộc mà là gieo hạt giống. Năm 2009, chính phủ liên bang đã tổ chức một cuộc thi dành cho các công ty mới thành lập trong lĩnh vực sản xuất ắc quy và lưu trữ điện năng, phần thưởng là tiền tài trợ để mở công ty với tổng giá trị là 2,4 tỷ dollar. Sau cuộc thi, 17 công ty của bang Michigan đã chiến thắng và được thành lập và họ còn được bang Michigan tài trợ thêm một số tiền nhỏ nữa.

Granholm nói: “Chính sách nói trên đã giúp các công ty khởi động được hoạt động kinh doanh và thu hút thêm vốn đầu tư tư nhân. Nó cũng giúp chúng tôi có được một cụm công nghiệp ắc quy ở Michigan với chuỗi cung cấp hoàn chỉnh. Nhờ vậy, chúng tôi thu hút được 5 tỷ vốn đầu tư tư nhân và tạo ra 63.000 việc làm. Nếu không có động thái từ chính phủ liên bang thì không bao giờ có kết quả này. Chỉ chính quyền cấp bang chúng tôi thì không thể làm được. Các bang không có đủ nguồn lực trong điều kiện kinh tế khó khăn. Chúng ta không chọn ra người thắng cuộc. Các công ty ấy giờ

đây sống hay chết là do họ, nhưng chúng ta đã giúp họ đoạn khỏi đầu. Họ không cần từ thiện. Họ chỉ cần tiếp cận được vốn để khởi sự kinh doanh. Tất cả các nước châu Á đều đang làm tương tự... Sản xuất ô tô chạy điện sẽ là ngành công nghiệp trị giá hàng nghìn tỷ dollar. Nó sẽ là sản phẩm công nghệ cao nhất được sản xuất hàng loạt trên thế giới”.

Ô tô chạy điện sẽ có vòng đời tương tự như máy tính bảng iPad. Theo Granholm, nó sẽ thúc đẩy sự ra đời của một ngành công nghiệp khổng lồ các ứng dụng. “Chúng ta phải quyết định: Liệu mình có phần trong ngành công nghiệp mới ấy hay không? Nếu có, chúng ta cần gieo hạt giống, trồng cây ở ngay trên đất Mỹ này, nếu không chúng sẽ mọc lên ở nơi khác”.

Động lực do chính phủ tạo ra là rất cần thiết, đặc biệt trong thời kỳ tăng trưởng diễn ra chậm chạp. Paul Otellini, tổng giám đốc Intel nói với chúng tôi rằng gần như không có tháng nào không có một vị lãnh đạo một nước liên lạc với ông và đề xuất cho công ty ông tin dụng thuế khoảng 1 tỷ dollar cộng thêm các chính sách khuyến khích khác để ông mở một nhà máy Intel tại nước họ và đem lại việc làm. Otellini nói: “Ở bất cứ nơi nào trên thế giới tôi cũng có thể mở nhà máy và được thêm 1 tỷ dollar, trừ ở Mỹ. Nếu chúng ta nói rằng chúng ta sẽ thực thi chính sách miễn giảm thuế liên bang và thuế bang trong 5 năm với tất cả các nhà đầu tư – dù trong hay ngoài nước – đồng ý mở nhà máy ở Mỹ và tạo việc làm, và chỉ đánh thuế họ sau 5 năm thì đất nước chúng ta sẽ không mất gì cả”. Nếu không có nhà máy thì chúng ta cũng chẳng có việc làm và không thu được thuế. Và khoảng thời gian 5 năm chờ đợi sẽ tạo ra nguồn thu thuế và việc làm khác cho các nhà cung cấp địa phương, người lái xe tải, nhà hàng luật sư, kế toán, thợ cắt tóc trong nhiều năm sau đó.

K. R. Sridhar là người đồng sáng lập Bloom Energy, công ty có nhà máy ở California với 1.000 công nhân với công nghệ pin nhiên liệu, cung cấp năng lượng cho Google và nhiều công ty khác ở Thung lũng Silicon. Ông rất biết những lần thử đi thử lại, những khó khăn trong cải tiến công nghệ và sản xuất ở Mỹ. Điều quan trọng nhất mà chính phủ có thể làm để hỗ trợ đẩy mạnh sự phát triển của công nghệ mới và các ngành công nghiệp mới, theo ông, là sử dụng sức mua của chính phủ và đặt ra các tiêu chuẩn bắt buộc để các công ty mới thành lập có thể vượt qua cái mà ông gọi là “thung lũng chết thứ hai”. Đối với các công ty chế tạo mới thành lập, đây là hiện tượng rất quan trọng, nhưng không nhiều người biết đến nó. Trong ngôn ngữ riêng của Thung lũng Silicon, “thung lũng chết” là từ chỉ thời điểm một người sáng tạo ra một thứ gì đó hoạt động rất tốt trong phòng thí nghiệm, nhưng vẫn chưa trở thành

sản phẩm mang tính thương mại, đem lại giá trị kinh tế cho khách hàng. Vì các nhà phát minh khó mà vượt qua được thung lũng chết thứ nhất này nên Chúa mới tạo ra các nhà đầu tư mạo hiểm. Họ lập ra một nhóm người, tài trợ tiền cho nhóm đó và chứng minh rằng bất kể phát minh là gì, “bạn đều có thể đưa được nó ra khỏi phòng thí nghiệm” – Sridhar giải thích. “Đây là lĩnh vực có rủi ro lớn nhất và lợi nhuận thu được cũng cao nhất. Chính phủ không nên dùng tiền thuế của người dân để đầu tư vào đây”.

Rất nhiều công ty bit-và-byte (tức các công ty phần mềm, dịch vụ hoặc công ty mạng) đã vượt qua được thung lũng chết thứ nhất và tiếp tục “sản xuất” ra sản phẩm ở những nơi có chi phí thấp nhất và năng suất lao động cao nhất thế giới. Vì sản phẩm của họ được số hóa nên việc lắp ráp hoàn chỉnh có thể được tiến hành ở bất cứ đâu với chi phí tương đối thấp. Do đó, những việc làm mà các công ty bit-và-byte này tạo ra không mang tính “kết dính”. Những công ty như Facebook (2.000 nhân viên) và Twitter (400 nhân viên) “tạo ra rất nhiều của cải, nhưng không nhiều việc làm”. Nhưng các phát minh liên quan đến kim loại – chẳng hạn chế tạo pin nhiên liệu cho ô tô hay thiết bị cất bằng điện như của Eastman – thì không như vậy. Chúng đòi hỏi vốn đầu tư lớn vào nhà xưởng và trang thiết bị sản xuất, những thứ không dễ dàng bỏ đi được. Các công ty thuộc nhóm ngành này thường phải vượt qua “thung lũng chết thứ hai” trước khi họ kiếm được lợi nhuận, và đây chính là chỗ mà chính quyền cấp địa phương, cấp bang và liên bang thể hiện vai trò quan trọng của họ nhưng không phải hành động chọn ra người thắng cuộc.

“Giả sử bạn đã chứng minh được giá trị của sản phẩm bạn làm ra, bạn vượt qua được thung lũng chết thứ nhất”, Sridhar phân tích. Để hoạt động kinh doanh của bạn có thể cất cánh và bạn có thị phần, “bạn cần sản xuất ở quy mô nhất định vì chi phí ứng dụng công nghệ mới chỉ giảm xuống khi quy mô sản xuất đủ lớn”. Và nếu bạn sản xuất trên quy mô đủ lớn, bạn còn có cơ hội tiếp cận với nhiều nhà đầu tư hơn, vay ngân hàng dễ dàng hơn – những yếu tố cần thiết để bạn tiếp tục mở rộng, phát triển kinh doanh.

Điều chính phủ có thể làm để giúp các nhà sản xuất đạt được quy mô cần thiết là định hướng thị trường, thông qua những chính sách như miễn giảm thuế hoặc hỗ trợ vốn xây nhà xưởng với lãi suất ưu đãi, như Intel và Thống đốc Granholm đã đề xuất. Hoặc chính phủ cũng có thể tình nguyện làm người mua đầu tiên với những sản phẩm đã được chứng minh là hiệu quả, ví dụ cửa sổ tận dụng năng lượng cho các cơ quan văn phòng, thiết bị đun nước bằng năng lượng mặt trời cho quân đội, ô tô chạy điện cho bưu điện.

Hoặc chính phủ có thể đưa ra quy định nâng cao tiêu chuẩn môi trường – như Mike Biddle đề xuất đối với nhựa tái chế, qua đó sẽ tạo ngay cầu trên quy mô lớn đối với công nghệ mới sản xuất tại Mỹ.

Sridhar cho biết với những công ty chế tạo mới thành lập, câu hỏi lớn đặt ra luôn là: “Ai sẽ mua 5.000 chiếc điện thoại di động đầu tiên với giá cao hơn điện thoại có dây?” Mà 5.000 chiếc đầu tiên lại rất quan trọng, nó là quy mô cần thiết để giảm giá sản phẩm. “Đây chính là thung lũng chết thứ hai, nơi chính phủ có thể tham gia hỗ trợ”. Khi nhà sản xuất đạt được quy mô cần thiết để có hiệu quả kinh tế thì nhà xưởng anh ta xây dựng nên, máy móc anh ta đầu tư và việc làm anh ta tạo ra sẽ trở nên “hết sức kết dính” – Sridhar bổ sung. Chuyển số việc làm này sang nước khác – cộng với việc thay thế các nhà cung cấp và nhà dịch vụ đã phát triển kèm theo – sẽ rất tốn kém.

Cuối cùng, báo cáo của McKinsey phân tích: mọi chiến lược việc làm đều cần chính phủ phải “dọn đường cho hoạt động đầu tư và tuyển dụng. Sự không chắc chắn về định hướng chính sách và thời gian, chi phí cần thiết để tuân theo các quy định hiện hành đã khiến các công ty chần chừ, không muốn đầu tư. Giảm thời gian ra quyết định đầu tư – là cái thường bị kéo dài bởi các quy định chồng chéo, mâu thuẫn về môi trường và sử dụng đất hoặc bởi quy trình xử lý giấy tờ chậm chạp không cần thiết – đóng vai trò rất quan trọng. Xây dựng khu công nghiệp kiểu “cắm điện vào là chạy” – một vùng đã được thông qua hầu hết quy hoạch sử dụng đất và cấp phép về môi trường – là giải pháp giúp cắt giảm một nửa thời gian cần thiết để đưa một nhà máy mới vào hoạt động. Một thứ nữa cũng cản trở tăng trưởng việc làm là số hồ sơ tồn đọng ở Văn phòng Sáng chế và thương hiệu Mỹ, nơi bạn phải mất hơn 3 năm mới được cấp giấy chứng nhận... Nền kinh tế Mỹ có thể vẫn đạt điểm cao trong cuộc điều tra về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Thế giới, nhưng chúng ta cũng đã tụt dốc trong một số lĩnh vực quan trọng như rơi xuống vị trí thứ 27, sau cả Thái Lan và Saudi Arabia về mức độ dễ dàng xin giấy phép xây dựng”.

Chúng ta cần có quy định, cần có tiêu chuẩn; chúng là những thứ cơ bản giúp nền kinh tế vận hành trôi chảy và tạo động lực cho các nhà sáng tạo ngày càng đạt được thành quả cao hơn. Nhưng chúng ta cũng cần lưu ý hơn đến việc làm cho các tiêu chuẩn trở nên rõ ràng, dễ tiếp cận chỉ với chính sách một cửa, đồng thời thường xuyên loại bỏ những tiêu chuẩn đã trở nên lạc hậu. Sridhar nói: “Các quốc gia cởi mở với giới kinh doanh thường chỉ bố trí một cán bộ làm đầu mối làm việc duy nhất với người dân và với chính

quyền địa phương để giải quyết những gì bạn cần – bất kể đó là xin giấy phép làm đường, kết nối với hạ tầng dịch vụ công hay loại giấy phép nào khác. Sridhar cho biết ông rất sẵn sàng tuân thủ mọi quy định trên giấy tờ, nhưng nếu như vậy thì tôi cũng không muốn bị sa lầy [vào tệ quan liêu hay các vụ kiện cáo], khiến tôi không thể bắt đầu kinh doanh được”.

Sự không chắc chắn về quy định và thuế chính là kẻ tiêu diệt việc làm thầm lặng. “Tôi không quan tâm xã hội nghĩ gì về mức thuế và chi phí y tế, nhưng tôi muốn biết chính xác trong năm năm tới chúng sẽ là bao nhiêu”, Sridhar kết luận. “Vì khi bạn đầu tư vào một nhà máy, bạn phải biết chắc chắn mất bao lâu bạn sẽ thu hồi được vốn”. May mắn là ngày càng có nhiều bang hiểu được thông điệp này. Ví dụ, thống đốc bang Delaware là Jack Markell cho biết khi ông định thuyết phục công ty sản xuất ô tô điện mới thành lập Fisker Automotive tận dụng nhà máy cũ bỏ hoang của General Motor ở Delaware, ông hiểu rằng một phần trong nhiệm vụ của mình là “phải hiểu công việc kinh doanh của họ hơn bất cứ ai”. Khi đoàn của công ty Fisker tới, Markell đã triệu tập toàn bộ đại biểu nghị viện của bang, các lãnh đạo bang từ ông trở xuống và ban lãnh đạo địa phương nơi có nhà máy để cùng ông lôi kéo Fisker tới Delaware. Ông gọi cho Ellen Kullman, tổng giám đốc DuPont và thuyết phục bà đồng ý mua một số lượng ô tô điện nhất định của Fisker, đồng thời hợp tác thành lập công ty chế tạo sơn cho loại ô tô này. Sau đó, Markell ra đòn quyết định với một khoản vay trị giá 21,5 triệu dollar trong năm năm với lãi suất bằng không và sẽ chuyển thành tiền viện trợ nếu Fisker tạo ra được một số việc làm nhất định cộng thêm vài mục tiêu khác. “Cá nhân tôi đã cam kết sẽ mua chiếc ô tô đầu tiên được xuất xưởng và trưởng phòng phát triển kinh tế sẽ mua chiếc thứ hai”, Markell nói. “Phải làm giảm bất đồng và khiến họ không thể đi đâu được nữa”.

Điểm quan trọng hơn là: Chúng ta không thể dựa vào danh tiếng từ thế kỷ trước hay bằng chính sách hợp tác công - tư mà chúng ta từng có để tiến vào thế kỷ mới. Nếu muốn tạo ra được số việc làm có mức lương tốt cần thiết, chúng ta cần một chiến lược việc làm tương tự với những nước có chiến lược việc làm tốt nhất thế giới. Chiến lược này gần như chắc chắn đòi hỏi chính phủ đầu tư nhiều hơn, tạo động lực tốt hơn cho các công ty mới thành lập nếu so với những chính sách đảng Cộng hòa thường ưa chuộng. Nó cũng gần như chắc chắn đòi hỏi xã hội phải hỗ trợ nhiều hơn, tạo động lực cho các doanh nghiệp tốt hơn nếu so với những chính sách đảng Dân chủ thường ủng hộ. Đó mới là cách cập nhật công thức thành công: kết hợp ý tưởng của tất

cả phe tả, phe hữu, kiểu cũ, kiểu mới với nhau. Chúng ta cần một cách tiếp cận kiểu “hybrid”, tức là tận dụng những quan điểm tốt nhất của hai đảng.

Báo cáo McKinsey kết luận: “Nếu chờ thị trường lao động Mỹ tự khắc phục khó khăn và bám chặt lấy những giải pháp cũ thì chúng ta sẽ không thể đẩy nhanh quá trình nền kinh tế phục hồi về tình trạng đầy đủ việc làm hay đặt nền tảng cho giai đoạn tạo việc làm ổn định trong những năm tới. Để tạo ra những việc làm mà nước Mỹ cần để tiếp tục tăng trưởng và có sức cạnh tranh thì lãnh đạo chính phủ, doanh nghiệp và ngành giáo dục phải trở thành những người sáng tạo, và sẵn lòng xem xét những giải pháp mà họ chưa từng áp dụng trước đây. Bản thân người lao động cũng cần phải thu thập những kỹ năng phù hợp, thích ứng được với tương lai học tập suốt đời và cách làm việc mới. Như Peter Drucker từng cảnh báo: ‘Mối đe dọa lớn nhất trong thời kỳ hỗn loạn không phải sự hỗn loạn mà là phản ứng bằng tư duy cũ’”.

Hy vọng trong giấc mơ Mỹ

Byron Auguste, cố vấn quản lý trong lĩnh vực giáo dục và các vấn đề xã hội là người hướng dẫn rất quan trọng đối với chúng tôi – tác giả cuốn sách. Ông đã tổng kết nước Mỹ thấy mình ở đâu trong bài phát biểu trước Trường Kinh doanh Harvard ngày 05/3/2011 như sau: “Chúng ta đang phải đối mặt với những thách thức lớn ở ngay thời điểm hiện tại, trong ngắn hạn và dài hạn. Nhưng nếu mục tiêu của chúng ta là có nền kinh tế thịnh vượng nhất, năng động nhất trong 10, 20, 50 năm nữa thì tôi vẫn sẵn lòng là người Mỹ hơn là công dân bất cứ nước nào khác. Nếu so với các quốc gia giàu có khác, chúng ta có tuổi trẻ, có sự cởi mở, có sự năng động, có những trí tuệ hàng đầu từ khắp thế giới, có nguồn vốn nhân lực dồi dào nhất, có thị trường vốn phát triển nhất, có những cơ sở sáng tạo vô song, và có một thị trường mà không công ty nào có thể bỏ qua. So với các quốc gia đang phát triển, chúng ta có lòng tin của xã hội, tham nhũng thấp, có mối liên kết thường xuyên giữa nỗ lực và thành công, và có nền dân chủ tuy đôi khi cũng hỗn loạn”.

“Những yếu tố đó rất quan trọng với cá nhân tôi”, Auguste nói thêm. Cha mẹ ông lớn lên ở vùng Caribbean, “và họ biết công việc tôi làm ở cả McKinsey và nhóm Hope Street [một tổ chức phi lợi nhuận, gồm các chuyên gia và doanh nhân muốn thúc đẩy các chính sách mới để tạo điều kiện cho nhiều người gia nhập tầng lớp trung lưu Mỹ hơn]. Họ đến Mỹ vào năm 1970, khi

tôi còn nhỏ. Bố tôi phụ trách vận chuyển hàng cho một nhà máy, còn mẹ tôi làm trợ lý kiến trúc với thu nhập 6.000 dollar một năm. Họ mua được một ngôi nhà gạch nhỏ với giá 28.000 dollar gần đường 7 Mile ở trung tâm Detroit. Khi họ tiết kiệm được đủ tiền và cảm thấy đủ an toàn thì bố tôi bỏ việc và quay lại trường học nghề lập trình máy tính. Ông đổi nghề và chúng tôi chuyển sang bang Arizona, nơi tôi được học những trường công rất tốt và giành được học bổng đại học. Với mỗi bước đi của gia đình tôi, thể chế và giá trị của nước Mỹ đều tạo cho chúng tôi sự khác biệt, đem lại cơ hội và giúp chúng tôi có thể tiến lên phía trước. Nhưng không thể coi giấc mơ Mỹ đó là hiển nhiên sẽ đạt được. Vài năm sau, tôi quay lại thăm khu nhà cũ ở Detroit. Ngôi nhà gạch nhỏ sạch sẽ của chúng tôi đã nằm ở khu vực bị bỏ hoang, xung quanh không còn ai thuộc tầng lớp trung lưu, còn trường công thì cực kỳ tồi tệ. Những người làm cùng nghề cũ với bố tôi không thể kiếm đủ tiền để mua nhà ở nơi an toàn hơn. Rất nhiều người không nắm bắt cơ hội đổi nghề hoặc quay lại đi học như bố tôi vì họ sợ mất bảo hiểm y tế – khoản tiền mà giờ đây tốn kém hơn nhiều. Những công việc mà bố mẹ tôi bắt đầu làm hồi đầu những năm 1970 giờ đây bị cạnh tranh rất mạnh từ trên toàn thế giới. Đây không phải lý do để thất vọng mà là để hành động khác đi: cải cách thể chế và củng cố các giá trị chung của nước Mỹ chúng ta”.

Hành động khác đi sẽ đòi hỏi chúng ta phải thực hiện một loạt các biện pháp để khuyến khích giới lãnh đạo chính trị giảm bớt tư tưởng chia rẽ cực đoan, loại dần các nhóm lợi ích đặc biệt đầy quyền lực ra khỏi chính sách. Những việc này đòi hỏi phải gây sốc cho cả hệ thống. Cú sốc có thể do thị trường, do Mẹ Tự nhiên hoặc do nhóm người trung dung trong hệ tư tưởng chính trị gây ra. Chúng tôi ủng hộ nhóm cuối cùng, và chương sau sẽ giải thích tại sao và cú sốc sẽ xuất hiện như thế nào.

MƯỜI LĂM

Liệu pháp số

Alexis de Tocqueville là một nhà quý tộc Pháp sinh năm 1805. Năm 1831 và 1832, ông đến thăm nước Mỹ với mục đích nghiên cứu hệ thống nhà tù. Năm 1835, ông xuất bản cuốn *Nền dân chủ Mỹ* (Democracy in America) dựa trên những gì ông tìm hiểu được và thấy trong chuyến đi. Trong hàng nghìn cuốn sách viết về nước Mỹ, tác phẩm của Tocqueville vẫn là một trong những cuốn hay nhất với cái nhìn sâu sắc về xã hội, giá trị, thể chế và tính cách của nước Mỹ, những thứ vẫn đúng, vẫn phù hợp vào 175 năm sau.

Giả sử Tocqueville, với năng lực tri thức và khả năng phân tích như vậy được sinh ra vào năm 1970 chẳng hạn. Nền tảng giáo dục quý tộc sẽ chẳng giúp gì được cho sự nghiệp của ông. Có thể ông được học ở những ngôi trường danh giá nhất nước Pháp, nhưng ông sẽ không tham dự vào nền chính trị Pháp như Tocqueville thật. Ông cũng không thể tham gia và thăng tiến được trong hệ thống công chức như nhiều người khác cùng năng lực thường làm trong thế kỷ 20, nhưng ít hơn nhiều trong giai đoạn cuối thế kỷ. Thay vào đó, có thể ông sẽ đi du học. Ông sẽ học lịch sử ở một trường đại học của Anh, dành vài năm nghiên cứu ở châu Á rồi nhận bằng của Trường Kinh doanh Harvard hoặc Stanford. Cuối cùng, như rất nhiều người có bằng cấp quốc tế và năng lực phân tích giống ông vào cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, ông sẽ làm cho một công ty tư vấn quốc tế.

Hãy tưởng tượng xa hơn, công ty của Tocqueville được một tập đoàn đa quốc gia lớn mời xây dựng báo cáo đánh giá nước Mỹ xem có nên đầu tư và kinh doanh ở đây vào thập niên thứ hai và cả sau đó của thế kỷ 21 hay không, và ông là người đứng đầu nhóm đánh giá. Báo cáo cuối cùng sẽ là sản phẩm của rất nhiều người, đầy những đồ thị, hình vẽ, con số thống kê và được trình bày dưới dạng Power Point. Bản thân Tocqueville sẽ viết phần kết luận dựa trên những chuyến đi, những cuộc phỏng vấn và những suy ngẫm của ông. Theo chúng tôi, kết luận ông đưa ra sẽ như sau:

20 năm trước, thậm chí 10 năm trước, hẳn không ai đặt hàng một báo cáo như thế này. Mỹ là quốc gia mạnh nhất thế giới trong mọi lĩnh vực, với thị trường lớn nhất, cởi mở nhất, hệ thống luật pháp minh bạch nhất, quyền sở hữu trí tuệ mạnh nhất, hệ thống tài chính lớn nhất và hiệu quả nhất, cơ sở hạ tầng hiện đại nhất và hoạt động nghiên cứu và triển khai năng động nhất trong gần như mọi lĩnh vực. Mỹ giống như thổi nam châm thu hút vốn và tài năng. Bất cứ công ty nào dù quy mô lớn hay nhỏ, thực tế là bất cứ công ty nào muốn phát triển trên toàn thế giới cũng muốn có mặt ở đây – không cần ai tư vấn bạn cũng biết điều đó.

Nhưng giờ đây mọi thứ đã khác. Đặc biệt trong mười năm qua, Mỹ đã thay đổi, không phải theo chiều hướng tốt lên. Đất nước vẫn có những ưu thế kinh tế lớn và nổi bật, nhưng đã xuất hiện những dấu hiệu đáng ngại của sự chững lại, thậm chí là đi xuống. Thất nghiệp vẫn duy trì ở mức cao mặc dù cuộc Đại Khủng hoảng 2007-2009 đã chính thức kết thúc và năng suất lao động lại lên tới mức kỷ lục. Thâm hụt ngân sách liên bang tiếp tục tăng, nhưng đất nước không có kế hoạch dài hạn đáng tin cậy để đưa tình thế về trong tầm kiểm soát. Mức tiêu thụ dầu nhập khẩu cũng tăng lên, và cũng không có chiến lược nào được đưa ra để giảm nó xuống. Học sinh Mỹ vẫn có kết quả thấp hơn bạn đồng lứa các nước trong các kỳ kiểm tra quốc tế. Đường phố trở nên đông đúc, hệ thống giao thông công cộng xuống cấp, thi thoảng lại có một cây cầu bị sập. Các công ty lớn của Mỹ đang chuyển cơ sở nghiên cứu và triển khai ra nước ngoài. Người lao động trình độ thấp nhập cư bất hợp pháp ngày càng đông, trong khi đó chính phủ lại không thể thực hiện những bước đi cần thiết để thu hút và giữ những người nước ngoài có trình độ xuất sắc nhất, giàu nhiệt huyết nhất ở lại với nước Mỹ – mà họ mới là những người lập ra rất nhiều công ty công nghệ cao. Những cuộc tranh luận trong nước chỉ xoay quanh những chuyện ngớ ngẩn như liệu tổng thống có sinh ra trên đất Mỹ không, hoặc tập trung vào những vấn đề xã hội mang tính đảng phái như nạo phá thai. Còn lại thì những người tham gia dành rất ít thời gian, tâm trí vào việc thảo luận xem thế giới hiện tại đã thay đổi về cơ bản như thế nào và nước Mỹ cần làm gì để điều chỉnh, thích ứng được với nó.

Người Mỹ hiểu rằng có cái gì đó không đúng và họ lo ngại. Các cuộc điều tra cho thấy họ ngày càng bị quan về tương lai của đất nước. Bản thân tôi không tin lắm vào kết quả các cuộc điều tra vì theo tôi, đo lường thái độ của xã hội bằng một cuộc điều tra khó mà thay thế được việc quan sát trực tiếp và kỹ càng. Mặc dù tôi rất tôn trọng các đồng nghiệp làm số liệu, nhưng với các vấn đề xã

hội thì các chuyên gia nhân chủng học có thể cung cấp những chỉ dẫn đáng tin cậy hơn là nhà thống kê. Tuy nhiên, những cuộc trò chuyện mà tôi đã thực hiện trên khắp nước Mỹ trong quá trình soạn thảo báo cáo này – với bạn bè cũ, người quen mới, đồng nghiệp người Mỹ – cũng đưa ra bức tranh thống nhất với số liệu thống kê trong các cuộc điều tra. Những người mà tôi đã từng nói chuyện đều bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi rằng đất nước của họ đang bị tụt lại phía sau, và nước Mỹ sẽ không giữ được lời hứa tiêu biểu của mình, rằng tương lai sẽ tốt đẹp hơn quá khứ. Những người đủ may mắn để không phải lo ngại về việc làm và tương lai kinh tế của riêng mình thì lại lo lắng về tương lai của cả đất nước. Họ lo lắng là đúng, nhưng họ không phải những người duy nhất có lý do để lo lắng.

Tương lai của nước Mỹ có ảnh hưởng rất lớn đến công ty của bạn, dĩ nhiên. Dựa trên đánh giá của bạn về tương lai, bạn phải quyết định nên đầu tư bao nhiêu tiền vào đây, sử dụng bao nhiêu người, doanh số bán hàng trên thị trường Mỹ trong những năm tới là bao nhiêu. Tương lai nền kinh tế Mỹ rõ ràng là có tác động rất lớn lên cả người Mỹ: Nó quyết định sự giàu có và an toàn của mỗi cá nhân.

Nhưng những gì đang xảy ra trên nước Mỹ, với nước Mỹ còn quan trọng hơn nhiều, bất cứ ai có phần trong nền kinh tế toàn cầu cũng phải quan tâm. Đây là quốc gia có trách nhiệm lớn nhất trong việc tổ chức, duy trì hệ thống kinh tế quốc tế – khởi nguồn của kỷ nguyên toàn cầu hóa hiện nay. Sức mạnh kinh tế và quân sự của Mỹ chính là cơ sở cho quá trình mở rộng thương mại và đầu tư xuyên quốc gia trong 60 năm qua, đặc biệt là hai thập kỷ gần đây nhất. Nước Mỹ trong kỷ nguyên hiện tại đóng vai trò như Rome thời cổ đại mà như nhà sử học Plutarch nói: “là cái mỏ neo của thế giới thường xuyên vận động”. Nếu mỏ neo yếu đi, cả thế giới sẽ trôi theo những hướng mà chúng ta không thể dự đoán và có thể không mong muốn. Một nước Mỹ suy yếu sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh – mọi hoạt động kinh doanh, trong đó có bạn”.

Tôi muốn làm rõ chỗ này: Điểm mạnh truyền thống của Mỹ vẫn chưa biến mất. Xã hội Mỹ vẫn năng động như mọi khi. Khi tôi đi vòng quanh đất nước này, giống mọi lần, tôi vẫn gặp những nhà kinh doanh ấn tượng, những giáo viên sáng tạo, những tổ chức xã hội tích cực, những nhà lãnh đạo có tầm nhìn. Nhưng tất cả năng lượng và tài năng đó chưa góp lại tạo thành nguồn sinh lực mà thế giới kỳ vọng.

Cần làm gì để tái sinh nước Mỹ – thay đổi những xu hướng đáng ngại, khai

thác mọi nguồn năng lượng ẩn sâu bên trong xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phục hồi tinh thần quốc gia và giữ vững vị trí hàng đầu trên thế giới của Mỹ trong những thập kỷ tới và xa hơn nữa? Câu trả lời có thể làm bạn ngạc nhiên, vì nó vẫn y như những gì chúng tôi đã nói 20 năm trước, khi bạn hỏi chúng tôi tiền đề để đầu tư vào Liên Xô cũ và các thị trường hậu xã hội chủ nghĩa đang lên là gì. Bạn có nhớ câu trả lời không? Đó là “liệu pháp sốc”.

Bạn không hề đọc nhầm. Nền chính trị Mỹ đang lâm vào bế tắc, và có lẽ nó cần bị một đòn choáng váng giống như các nhà kinh tế học và chuyên gia cố vấn từng đề xuất với đất nước đã thất bại trước Mỹ trong Chiến tranh Lạnh, và đôi khi các quốc gia đang lên gặp phải vấn đề kinh tế nghiêm trọng cũng được khuyến cáo sử dụng liệu pháp này.

Không khó để hiểu được lý do. Cả hai đảng chính ở Mỹ dường như đều không thể giải quyết được những thách thức đất nước đang phải đối mặt một cách nghiêm túc. Triết lý chính trị của họ hoàn toàn khác biệt nhau. Quan điểm của cả hai bên đều không phù hợp với hiện tại. Đảng Dân chủ hành động như thể chính phủ là giải pháp cho mọi khó khăn của đất nước. Còn đảng Cộng hòa thì lại làm như chính phủ là thủ phạm gây ra tất cả những khó khăn ấy. Đảng Dân chủ cho rằng gần như mọi chương trình của chính phủ trong thế kỷ 20 đều hoàn hảo và không thể thay đổi dưới bất cứ hình thức nào. Còn đảng Cộng hòa lại tìm cách đưa đất nước quay về thế kỷ 19, khi chưa có chương trình nào trong số đó ra đời. Cả hai quan điểm đều không đem lại cho đất nước những chính sách cần thiết để thành công trong những thập niên tới.

Thực tế là hai đảng đã đi ngược lại quan điểm trước kia của họ. Đảng Dân chủ của một thế hệ trước luôn ủng hộ những thay đổi tích cực. Giờ đây, họ bảo vệ mọi chương trình phúc lợi của liên bang như thể những chương trình ấy là thần thánh. Họ trở thành lực lượng bảo thủ nhất trong nền chính trị Mỹ. Cụm từ “chủ nghĩa tự do kiểu bảo thủ” không có gì mâu thuẫn vì nó mô tả chính xác tư duy điều hành của đảng Dân chủ ngày nay. Còn đảng Cộng hòa thì từng là những người bảo thủ theo đúng nghĩa nguyên thủy ở châu Âu: phản đối mọi thay đổi nhanh chóng, đột ngột trong chính sách và thận trọng trong mọi vấn đề liên quan đến tài chính công. Nhưng giờ đây, họ lại là đảng của chủ nghĩa cấp tiến và thiếu thận trọng về mặt tài khóa, luôn muốn cắt giảm thuế nhưng lại không cắt giảm chi tiêu, vì vậy họ càng đẩy nước Mỹ lún sâu vào nợ nần hơn bao giờ hết. Nhưng thật không may, cả hai đảng vẫn giống nhau về hai thứ. Cả hai đều không đủ can đảm thực hiện những bước đi nghiêm túc cần thiết để giải quyết tình trạng thâm hụt ngân sách nghiêm trọng: đó là cắt giảm

những chương trình phúc lợi chính (gồm Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế); tăng thuế và đầu tư vào những chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Và cả hai đảng đều không đủ can đảm để giảm bớt sự phụ thuộc đáng ngại của Mỹ và của cả thế giới vào dầu mỏ bằng cách tăng giá xăng.

Tôi biết bạn đang nghĩ gì. Khi hoạt động trong những thị trường đang lên, công ty bạn thường mong muốn có sự ổn định về chính trị. Thực tế là nền chính trị rất ổn định, dễ dự báo luôn là ưu điểm chính của nước Mỹ. Nhưng hiện tại, theo chúng tôi, nó đã trở thành gánh nặng.

Giờ đây, để ngăn chặn sự suy thoái của nước Mỹ, cần có một sự bất ổn nhất định về chính trị. Đất nước cần tái tập trung vào những thứ quan trọng, loại bỏ những tư tưởng bế tắc trong chính phủ. Nhưng nước Mỹ sẽ không làm được hai việc đó nếu xu hướng hiện tại vẫn tiếp diễn. Để cho tình hình chính trị Mỹ vẫn diễn ra như bình thường chính là biện pháp khiến đất nước tiếp tục đi xuống. Như George Voinovich, Thượng nghị sỹ đảng Cộng hòa đã nghỉ hưu đã khẳng định mạnh mẽ hồi năm 2010, khi ông phát biểu về Quốc hội sau hai nhiệm kỳ công tác: “Tôi nghĩ chúng ta phải đánh sập nơi này”.

Tất nhiên ông chỉ cố tình phóng đại. Không cần phải đánh sập cả hệ thống chính trị Mỹ, nhưng nó cần một cú sốc. Với những người bị mắc một số bệnh tâm lý nhất định, các nhà tâm lý học từng thường xuyên áp dụng liệu pháp kích thích bằng dòng điện, còn gọi là “liệu pháp sốc”. Như chúng tôi đã trình bày, thuật ngữ tương tự cũng được dùng để mô tả sự thay đổi đột ngột trong chính sách kinh tế, thường được thực hiện nhằm chấm dứt lạm phát đột biến ở các nền kinh tế mới nổi hoặc các nước hậu xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là giải pháp nước Mỹ đang cần, nhưng không phải trên khía cạnh kinh tế. Họ cần liệu pháp sốc trong chính trị.

Quyết định đầu tư của bạn vào nước Mỹ nên phụ thuộc vào việc bạn có tin rằng họ sẽ thực hiện được liệu pháp sốc cần thiết hay không. Bạn có quyền biết quan điểm của tôi về vấn đề này. Xét về mọi mặt, tôi tin vào nước Mỹ. Tôi lạc quan một cách thận trọng rằng họ sẽ tập hợp được mọi người dân để giải quyết được những thách thức đang gặp phải – như họ vẫn luôn làm được trước kia. Nhưng cũng phải thú nhận rằng tôi không dám chắc chắn. Cái mà tôi biết chắc, và muốn kết luận ở đây là: tương lai của nước Mỹ, và tôi tin là tương lai của cả thế giới nữa đều phụ thuộc vào câu trả lời cho câu hỏi trên.

Trân trọng.

A. de Tocqueville

Tại sao lại cần liệu pháp sốc?

Nước Mỹ cần liệu pháp sốc nào cho hệ thống chính trị và nó đến từ đâu? Tocqueville sống vào thời cách mạng. Ông sinh ra vài năm sau cuộc cách mạng vĩ đại nhất: Cách mạng Pháp 1789, và ông cũng trải qua hai cuộc cách mạng khác vào năm 1830 và 1848. Nhưng chúng đều không phù hợp với nước Mỹ. Và Mỹ cũng không cần thay đổi hệ thống chính phủ một cách cơ bản đến thế. Hệ thống của nước Mỹ đã vận hành tốt trong hơn hai thế kỷ và đã chứng minh được rằng nó phù hợp với nhiệm vụ giải quyết một loạt các thách thức lớn. Vấn đề của nước Mỹ hiện đại không phải là ở chỗ họ có một hệ thống chính trị sai lầm mà là hệ thống rõ ràng là hữu ích ấy lại đang vận hành theo cách không phù hợp. Để nó vận hành tốt hơn, cần có một cú sốc, giống như cho người bị ngất ngủ muối hoặc đẩy nổ máy chiếc xe bị chết ắc quy. Cú sốc ấy có thể đến từ nhiều nơi: từ kẻ thù ở nước ngoài, từ cuộc khủng hoảng kinh tế tồi tệ trên toàn cầu, từ Mẹ Tự nhiên, từ phong trào dân chủ trong nước, hoặc từ chính cấp cao nhất của hệ thống chính trị đó.

Chúng tôi hy vọng nó sẽ đến từ bên trong – một sự kết hợp giữa phong trào dân chủ và chính trị cấp cao. Ý chúng tôi là từ một ứng cử viên tổng thống thực sự độc lập. Chúng tôi đồng ý với Thượng nghị sỹ Voinovich – nói một cách văn hoa là: Đã đến lúc cần đánh sập nơi này

Hệ thống chính trị của chúng ta đang bế tắc. Nó bị chi phối bởi các nhóm lợi ích đặc biệt đầy quyền lực, chuyên ủng hộ những chính sách kém phù hợp nhất, và trong tình huống tệ nhất còn phi hiệu quả nhất với những nhu cầu cấp thiết ở cả hiện tại và tương lai của đất nước. Hai đảng bị phân hóa mạnh đến mức họ không còn khả năng đi đến những thỏa hiệp sâu sắc, gây tổn hại đến tư tưởng của họ. Nhưng đó lại là những thỏa hiệp cần thiết để có những ý tưởng lớn nhằm giải quyết những thách thức lớn nước Mỹ đang phải đối mặt.

Hơn nữa, như chúng tôi đã chứng minh, những căn bệnh mà nền chính trị Mỹ đang mắc phải có nguồn gốc sâu xa từ trong hệ thống. Chúng là sản phẩm của những xu hướng lịch sử và xã hội lớn ở Mỹ. Hậu quả cuối cùng của những xu hướng mạnh mẽ ấy là sự xuất hiện của một loạt những động cơ chính trị sai lầm, khiến chúng ta tìm cách né tránh chứ không chịu đối mặt với những thách thức lớn.

Đảng Dân chủ đứng ở chỗ chính phủ nên đầu tư, tức là chi tiền vào giáo

dục và cơ sở hạ tầng nếu nước Mỹ muốn thành công trên nền kinh tế toàn cầu, nơi đang được bao phủ bởi công nghệ thông tin hiện đại với tốc độ nhanh hơn bao giờ hết. Đảng Cộng hòa đứng ở chỗ động cơ tăng trưởng kinh tế phải là khu vực tư nhân, và chính phủ cần thay đổi chính sách để khuyến khích, tạo điều kiện cho các sáng tạo cá nhân và cho tinh thần kinh doanh. Nhưng cả hai đảng đều sai lầm khi cam đoan với người dân Mỹ sẽ không bao giờ tăng thuế – như lời của đảng Cộng hòa – và không bao giờ cắt giảm phúc lợi mà chính phủ đã hứa là họ sẽ nhận được – như lời của đảng Dân chủ.

Nói cách khác, để thích ứng được với thế giới mới và những thách thức mới mà nó đem lại thì chỉ tìm ra chút điểm chung giữa hai đảng là chưa đủ. Nói theo ngôn ngữ chính trị thì đất nước phải bước lên “một bậc cao hơn”, như Don Baer, cựu giám đốc truyền thông của chính phủ Clinton từng nói. Chỉ có bước lên bậc cao hơn, chúng ta mới tạo ra được những thay đổi để duy trì được giấc mơ Mỹ, giữ được vai trò lãnh đạo toàn thế giới của Mỹ trong thập niên tới, trong thế hệ tới.

Như cựu Hạ nghị sỹ Cộng hòa bang South Carolina là Bob Inglis từng nói với chúng tôi: cái chúng ta cần ngày nay là một “nền chính trị hybrid” với tư tưởng kết hợp sáng tạo thay cho sự thỏa hiệp bất đắc dĩ giữa hai hệ tư tưởng thù địch. Inglis nói: “Chúng ta cần tận dụng sức mạnh của cả hai đảng để đem lại lợi ích cho đất nước. Đảng Dân chủ có xu hướng tập trung vào sự công bằng. Đảng Cộng hòa lại muốn xây dựng chế độ nhân tài. Sự thật là nước Mỹ muốn và cần cả hai. Chúng ta muốn và cần của cải do chế độ nhân tài tạo ra, nhưng chúng ta cũng muốn và cần sự công bằng để người yếu không bị kẻ mạnh chèn ép. Các chính trị gia hybrid – những người biết mối đe dọa từ bên ngoài mà chúng ta đang phải đối mặt – sẽ hoan nghênh những tiến bộ mà đồng nhiệm đảng đối lập có thể mang lại”.

Nói cách khác, nước Mỹ cần một nền chính trị “trung dung cấp tiến”. Từ này nghe có vẻ mâu thuẫn, nhưng thực ra không phải. Các chính sách cần thiết để đối phó được với thách thức của nước Mỹ phải nằm ở vị trí trung dung nếu xét trên dải tư tưởng chính trị tả - hữu. Nó nằm ở giữa dòng tư tưởng chính thống hiện tại của hai đảng Dân chủ và Cộng hòa. Những người ở giữa, tức là có quan điểm trung dung, thường được gọi là “ôn hòa”, có nghĩa là họ bình tĩnh trước mọi thứ. Nhưng họ không phải những người ba phải, muốn làm bạn với mọi người, không dám làm mất lòng ai, không muốn thay đổi cái gì. Những chính sách chúng ta cần là cấp tiến vì nó đòi hỏi những thay đổi rất lớn so với cách thức mà đảng Dân chủ và Cộng hòa đang ủng hộ. Đặc biệt,

về ngân sách liên bang, hai đảng đang hành động như thể họ là những cận vệ ngoan cường đang bảo vệ hiện trạng, nhưng hiện trạng lại không mang lại cho chúng ta những công cụ cần thiết để thế kỷ này trở thành kỷ nguyên thịnh vượng của nước Mỹ như hai thế kỷ trước.

Để tiến lên bậc cao hơn, để vừa đưa ra được chương trình hành động trung dung cấp tiến, vừa có khả năng thực hiện nó, chúng ta cần vượt qua hoặc thay đổi những động cơ chính trị sai lầm đang khiến cho mọi ý tưởng, mọi ứng viên đều chọn vị trí cực đoan. Nhưng chúng ta phải làm gì?

Trên lý thuyết, cả hai đảng đều có thể đề cử ứng viên tổng thống, người mà khi đắc cử có thể áp dụng một chương trình hành động trung dung cấp tiến. Nhưng trong thực tế, gần như không thể có ứng cử viên kiểu “con ngựa thành Troy” như thế. Khi thắng cử, tổng thống vẫn không phải một người hoàn toàn tự do. Ông ta nhậm chức với nghĩa vụ phải đáp ứng những người từng ủng hộ ông vào Nhà Trắng, vì vậy, đơn giản là ông ta không thể từ bỏ những lời hứa mà ông đưa ra lúc đầu để được mọi người ủng hộ. Những người ủng hộ trung thành nhất lại thường là những thành viên có tư tưởng cực đoan nhất trong mỗi đảng, nhiệt tình bảo vệ các học thuyết chính thống nhất. Tổng thống cũng không thể dựa vào uy tín của cá nhân mình mà thực hiện một chương trình hành động trung dung cấp tiến. Để làm được điều này, uy tín là chưa đủ – như chúng ta có thể thấy ở hai minh chứng gần đây. Arnold Schwarzenegger bước vào phủ thống đốc bang California trong bối cảnh không bình thường, sau khi ông giành chiến thắng ở một cuộc bầu cử đặc biệt, nhờ tính thân thiện và ưu thế của một nhân vật được công chúng biết đến rộng rãi. Ông đã nỗ lực áp dụng các chính sách để đưa cả bang thoát khỏi vòng xoáy suy thoái kinh tế, nhưng đa phần là thất bại. Ông có những sai lầm về mặt chính trị, nhưng nói cho cùng, chính sức mạnh cố hữu của hai đảng mới là thủ phạm ngăn cản ông.

Tương tự, Barack Obama đã được bầu làm tổng thống, hứa hẹn một kỷ nguyên mới của sự hợp tác trong đời sống xã hội Mỹ. Nhưng hai năm đầu nhiệm kỳ của ông vẫn lặp lại sự thù hằn giữa hai đảng giống như thời kỳ người tiền nhiệm của ông tại vị. Ông được thừa hưởng một thảm họa kinh tế cần xử lý ngay và những nỗ lực mà chính phủ của ông bỏ ra để chống đỡ cho nền kinh tế đã lấy đi phần lớn vốn chính trị mà ông có trước khi nhậm chức. Nhưng ông lại dành phần vốn chính trị còn lại để mở rộng diện chi trả bảo hiểm y tế. Đây là một mục tiêu đáng để phấn đấu và có ý nghĩa rất lớn với đảng của ông, nhưng khi thực hiện thì chưa ai rõ nó đóng góp bao nhiêu vào việc giải quyết những thách thức của nước Mỹ.

Chúng ta đã thấy “Sự thay đổi mà chúng ta tin tưởng” là câu khẩu hiệu rất hiệu quả trong chiến dịch vận động tranh cử, nhưng không phải lời chỉ dẫn phù hợp cho việc điều hành đất nước. Obama không tìm cách thực hiện chương trình hành động trung dung cấp tiến giúp người Mỹ trở nên giàu có trong thế giới chúng ta đang sống, vì vậy khi lên làm tổng thống, ông không có khả năng làm được điều đó.

Cách duy nhất giải quyết được những cản trở về mặt tư tưởng và cấu trúc hiện tại là xuất hiện một ứng cử viên đảng thứ ba hoặc độc lập, người không những thực thi được thứ chính trị hybrid giúp giải quyết những thách thức lớn và phục hồi công thức thành công mà còn làm theo cách khiến nhiều người Mỹ thấy bị thuyết phục, sẵn lòng từ bỏ quan niệm của đảng Dân chủ hoặc Cộng hòa để tham gia vào nhóm trung dung cấp tiến. Chỉ có như vậy thì mới thay đổi được hệ thống chính trị hiện tại vốn đang tạo điều kiện cho các chính trị gia trì hoãn những quyết định quan trọng và đổ lỗi cho đảng đối lập thay vì tự mình ra những quyết định đó.

Trong kinh doanh và trong chính trị, con người luôn có phản ứng khi được tạo động lực, và khi động lực tạo ra bị sai lệch thì con người cũng có phản ứng sai lệch. Nếu chúng ta di chuyển miếng pho mát thì con chuột sẽ di chuyển. Còn nếu giữ nguyên miếng pho mát thì con chuột sẽ đứng yên. Chúng ta phải thay đổi những động lực ấy trước khi thị trường hoặc Mẹ Tự nhiên làm thay chúng ta. Chúng ta cần di chuyển miếng pho mát, và chỉ một ứng cử viên thứ ba có khả năng thuyết phục với tư duy chính trị hybrid đầy thuyết phục mới làm được.

Lối thứ ba dẫn đến con đường mới

Nếu nhìn qua thì một ứng cử viên tổng thống của đảng thứ ba hoặc độc lập có vẻ là giải pháp kỳ quặc nhằm tạo cú sốc cần thiết cho hệ thống chính trị Mỹ. Nói cho cùng thì trong lịch sử nước Mỹ, chưa bao giờ có một ứng cử viên của đảng thứ ba được bầu làm tổng thống. Thực tế là ứng cử viên của đảng thứ ba rất hiếm khi trúng cử vào bất cứ vị trí nào. Kể từ khi đảng Cộng hòa thay thế đảng Whig năm 1854 và cùng với đảng Dân chủ trở thành hai đảng chính của nước Mỹ, cả hai đã chiếm lĩnh hoàn toàn nền chính trị Mỹ. Họ đã duy trì được tình thế trong một thế kỷ rưỡi vì nhiều lý do đáng kể.

Để cạnh tranh với hai đảng, đảng thứ ba phải có mặt trong vòng bầu cử

tổng thống, và điều này không hề dễ dàng. Mỗi bang có luật bầu cử riêng, và các đảng viên Dân chủ và Cộng hòa trong cơ quan lập pháp bang, những người viết ra luật bầu cử đã khiến cho đảng thứ ba cực kỳ khó tiếp cận được vòng bỏ phiếu dù ở bất cứ đâu. California lại là một ví dụ tiêu biểu: để được lọt vào vòng bầu cử tổng thống, một ứng viên không thuộc hai đảng Dân chủ và Cộng hòa phải huy động được 1,1 triệu chữ ký có giá trị, tức là phải cần đến ít nhất 1,6 triệu chữ ký cả thảy. Thu thập được từng ấy chữ ký trong một lần vận động ở siêu thị hoặc trung tâm mua sắm – cách các ứng viên thường làm – là rất khó.

Hơn nữa, thắng lợi trong một cuộc bầu cử vào gần như mọi vị trí, bao gồm cả ghế tổng thống, luôn thuộc về ứng cử viên có nhiều phiếu nhất. Có nghĩa là ứng viên trúng cử thường nhận được chưa đến 50% phiếu bầu, còn người có số phiếu nhiều thứ hai hoặc ít hơn sẽ thua hoàn toàn. Đây là hệ thống bầu cử theo khu vực bầu cử, lấy đa số tương đối chỉ cho một thành viên. Nó khác với hệ thống bầu cử dựa trên tỷ lệ đại diện trong đó mỗi đảng có một số ghế nhất định trong cơ quan lập pháp và số phiếu được tính theo tỷ lệ tương ứng trong tổng số. Đảng thứ ba có thể hy vọng giành được sức mạnh chính trị trong hệ thống bầu cử dựa trên tỷ lệ đại diện chứ với hệ thống của Mỹ thì không.

Cử tri Mỹ thường trung thành với một trong hai đảng chính – họ tự nhận mình là người Cộng hòa hoặc Dân chủ, vì vậy với họ bỏ phiếu cho đảng thứ ba là chuyện liên quan đến tình cảm. Người đã hâm mộ đội bóng chày New York Mets không bao giờ chuyển sang hâm mộ đội New York Yankees chỉ vì một hay hai năm đội nhà thi đấu kém. Trong chính trị cũng thế. Lòng trung thành với đảng càng củng cố thêm tình trạng chỉ có hai đảng nên hai đảng mới chi phối nền chính trị Mỹ được lâu đến như vậy. Ngoài ra, trong lịch sử, nền chính trị trong nước, xét về tổng thể là thành công, đặc biệt trong cuộc Nội chiến, nên người Mỹ đã quen tôn trọng hệ thống hai đảng. Mặc dù hai đảng không được nhắc đến trong Hiến pháp, nhưng các cử tri gần như tin rằng Hiến pháp đã chỉ ra là nên có hai và chỉ hai đảng – tức là việc thay đổi nó là hoàn toàn không khôn ngoan.

Thất bại của đảng thứ ba trước phe Dân chủ và Cộng hòa là đúng như mong đợi: Vì đảng thứ ba không thể giành thắng lợi nên các cử tri cũng không kỳ vọng họ sẽ thắng, và sẽ không bỏ phiếu cho họ để khỏi lãng phí phiếu bầu. Cách tính toán này là lý do chính dẫn tới nhược điểm của đảng thứ ba (và cũng là ưu điểm của đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ). Nhưng nó cũng có

thể hết sức sai lầm. Một lá phiếu bầu cho ứng cử viên tổng thống thuộc đảng thứ ba có thể là cách hiệu quả để thay đổi định hướng chính sách của Mỹ, và đó chính là chiến lược chúng tôi mong muốn.

Thành công của đảng thứ ba không phải ở chỗ họ thắng cử mà là họ tác động được lên chương trình hành động của đảng giành chiến thắng. Đảng thứ ba – hay phổ biến hơn trong thế kỷ 20 là một ứng cử viên độc lập đứng đầu một đảng không duy trì được vai trò ứng cử của mình – có thể tác động lên chương trình hành động của hai đảng chính khi họ thu hút được số lượng phiếu đáng kể. Điều đó cho thấy có tồn tại một nhóm cử tri không gắn bó với đảng chính nào cả. Vì nhiệm vụ chính của cả hai phe Dân chủ và Cộng hòa là giành chiến thắng trong cuộc bầu cử nên về cơ bản họ chỉ quan tâm đến việc thu hút càng nhiều cử tri càng tốt. Có nghĩa là ứng cử viên của đảng này hoặc đảng kia sẽ phải dựa vào những người ủng hộ ứng cử viên độc lập bằng cách đưa mọi quan điểm được ứng cử viên độc lập bảo vệ vào nội dung vận động của mình – với giả định rằng sự ủng hộ đối với ứng cử viên độc lập là đáng kể. Trong lịch sử, hai đảng chính giống như các cửa hàng bán lẻ lớn, cố tìm cách có càng nhiều khách hàng càng tốt bằng cách đưa ra rất nhiều loại hàng hóa khác nhau – giống như mỗi đảng đưa ra rất nhiều chính sách khác nhau. Và cũng như các cửa hàng, đảng viên hai đảng Cộng hòa và Dân chủ, trong giới hạn nhất định, luôn sẵn lòng thêm vào danh sách hàng hóa sẵn có của mình bất cứ thứ gì khách hàng, tức cử tri mong muốn. Khi các cửa hàng lớn bắt đầu bán mọi loại hàng hóa mà khách hàng cần thì các cửa hàng nhỏ chỉ có cách đóng cửa.

Tình thế của đảng thứ ba cũng như vậy. Nhà sử học Richard Hofstadter đã so sánh đảng thứ ba với loài ong: Sau khi đốt xong chúng sẽ chết. Đảng thứ ba và chủ các doanh nghiệp nhỏ luôn là nạn nhân, nhưng cử tri và khách hàng thì không. Ngược lại, họ luôn có được cái họ muốn.

Chúng tôi muốn chứng kiến một con ong thật lớn xuất hiện, có khả năng đốt cả hai đảng thật mạnh khiến họ không thể lơ đi hay gạt bỏ. Khi một ứng cử viên tổng thống độc lập xuất hiện một cách mạnh mẽ, cơ chế hai đảng sẽ buộc các đảng lớn phải thu hút bằng được cử tri của ứng viên đó nếu có thể. Bằng cách này, các cử tri độc lập có thể tác động lên chính sách của ứng cử viên thắng cuộc với ảnh hưởng lớn hơn so với những người thực sự ủng hộ ông ta. Thực tế này đã xảy ra ba lần trong thế kỷ 20.

Năm 1968 là năm diễn ra cuộc bầu cử tổng thống mà ứng cử viên đảng Cộng hòa Richard Nixon đã giành thắng lợi sát sao trước ứng cử viên đảng

Dân chủ Hubert Humphrey với 43,4% tổng số phiếu so với 42,7%. Cuộc chạy đua còn có sự tham gia của cựu thống đốc bang Alabama là George Wallace. Ông giành thắng lợi ở năm bang miền Nam và có hơn 13,5% số phiếu phổ thông, chủ yếu – nhưng không phải tất cả – từ các bang miền Nam, nơi ông thu được 34,3% tổng phiếu bầu. Wallace vận động tranh cử với tư cách là người phản đối các đạo luật nhân quyền được thông qua trong giai đoạn từ 1963 đến 1965. Trong thời gian này, Mỹ đang trải qua cuộc cách mạng về chủng tộc. Wallace xây dựng hình ảnh trong công chúng là người phản đối cuộc cách mạng ấy.

Ông còn đưa vào chương trình hành động quốc gia những vấn đề mà mặc dù hàm ý phân biệt chủng tộc, nhưng lại không chỉ liên quan đến chủng tộc và được coi là mối lo ngại của đất nước trong hai thập niên tới. Một trong số đó là quan niệm ủng hộ “luật pháp và trật tự”, một chính sách đối phó trước việc người dân gây rối loạn ở những thành phố như Los Angeles và Detroit từ năm 1965 đến 1968. Ngoài ra ông còn có thái độ thù hằn với chính phủ liên bang và với những người mà ông và một số người khác coi là lực lượng tự do của nước Mỹ. Wallace thể hiện rõ sự khinh thường với lực lượng này, những người mà ông gọi là “đám trí thức nhạt nhẽo lắm lời không biết để cái xe đạp sao cho thẳng”. Bằng các cách khác nhau, cả Jimmy Carter và Ronald Reagan đều sử dụng quan điểm chống Washington của ông và họ đều được bầu làm tổng thống vào các năm 1976 và 1980.

Chiến dịch của Wallace còn tác động lên chính sách nhanh hơn cả lên cách thức vận động tranh cử tổng thống. Trong và sau chiến dịch vận động, Nixon nỗ lực để giành được sự ủng hộ của những người bỏ phiếu cho Wallace, nỗ lực này được gọi là “chiến dịch miền Nam”. Ông đặt ra một chức vụ trong Nhà Trắng chuyên chịu trách nhiệm bảo vệ lợi ích của miền Nam. Ông khẳng định quan điểm phản đối việc bắt buộc học sinh phải đi xe buýt đến trường để trường học nào cũng có tỷ lệ màu da cân bằng – một chính sách mà tòa án liên bang yêu cầu một số bang phải áp dụng, trong đó có những bang không thuộc miền Nam. Chính phủ Nixon không thực hiện tất cả những chính sách mà nhiều cử tri của Wallace mong muốn – họ không thực sự định xóa bỏ những đạo luật nhân quyền chính. Nhưng các cử tri này vẫn thấy ứng viên mà họ không bỏ phiếu đã áp dụng ít nhất một số chính sách và thái độ của ứng cử viên mà họ ủng hộ.

Gần một phần tư thế kỷ sau, một ứng cử viên độc lập khác là H. Ross Perot, người rất thành công trong ngành xử lý số liệu còn đạt được kết quả tốt hơn

trong cuộc bầu cử tổng thống. Năm 1992, ông giành được 18,9% phiếu phổ thông trong cuộc đua tam mã với tổng thống đương nhiệm đảng Cộng hòa George H. W. Bush – người có 37,5% phiếu bầu và đối thủ từ đảng Dân chủ, Bill Clinton, thống đốc bang Arkansas, người đã giành thắng lợi với 43% số phiếu.

Nội dung chính trong chiến dịch tranh cử của Perot là nguy cơ mà thâm hụt ngân sách liên bang gây ra cho đất nước – hồi đó con số thâm hụt nhỏ hơn bây giờ. Cũng như Nixon, khi trúng cử, Clinton đã nỗ lực thuyết phục các cử tri của Perot bằng cách giải quyết ngay vấn đề khiến họ bỏ phiếu cho ứng cử viên độc lập kia. Đề xuất chính sách lớn đầu tiên của Clinton là chương trình giảm thâm hụt đi 500 tỷ dollar trong năm năm thông qua tăng thuế và giảm chi tiêu. Đến cuối nhiệm kỳ thứ hai của Clinton trên ghế tổng thống, lần đầu tiên trong hàng chục năm, ngân sách liên bang có thặng dư. Thượng nghị sỹ đảng Dân chủ Russ Feingold của bang Wisconsin, người được bầu vào Thượng viện lần đầu tiên năm 1992 nói với chúng tôi là chính Perot là người thúc đẩy giải quyết thâm hụt ngân sách. Mỗi lá phiếu được bỏ cho Perot không hề bị phí phạm mà đã góp phần giúp các cử tri của Perot đạt được cái họ mong muốn nhất.

Việc đề cử ứng cử viên độc lập vào vị trí tổng thống sao cho tạo được ảnh hưởng lớn hồi thế kỷ 20 mà chúng tôi thấy phù hợp nhất cho thập niên thứ hai của thế kỷ 21 lại là lần bầu cử xa hiện tại nhất. Đó là cuộc bầu cử năm 1912 khi Theodore Roosevelt nỗ lực để được tái đắc cử. Roosevelt là tổng thống đảng Cộng hòa từ năm 1901 đến 1909. Năm 1912 ông tiếp tục tranh cử với tư cách là đảng viên Cấp tiến, đối đầu với người [năm 1909 – ND] đã được chọn để kế nhiệm ông ở Nhà Trắng là William Howard Taft. Ngoài ra còn có đối thủ từ đảng Dân chủ, thống đốc bang New Jersey: Woodrow Wilson, người sau đó đã thắng cử. Roosevelt giành được 27,4% phiếu phổ thông, ông giành thắng lợi ở sáu bang, tương đương 88 phiếu đại cử tri. Wilson có 41,8% phiếu phổ thông, trong khi đó tổng thống đương nhiệm Taft chỉ được 23,2%.

Đảng Cấp tiến được thành lập khi Roosevelt chấp nhận sự đề cử của họ, nhưng nó gắn chặt với tính cách cá nhân ứng cử viên đến mức sau khi ông tự nhận xét mình “khỏe như nai sừng tấm” thì đảng của ông cũng được gọi là đảng Nai sừng tấm. Chắc chắn động cơ cá nhân góp phần không nhỏ vào quyết định tranh cử của Roosevelt năm đó. Cái tôi của ông rất lớn, đến mức người ta nói ông là người “muốn là cô dâu trong mọi đám cưới, là đũa tre trong mọi lễ rửa tội và là thi hài trong mọi đám ma”. Nhưng ông tự ứng cử với

vai trò độc lập còn để thúc đẩy những chính sách mà ông coi là quan trọng với tương lai nước Mỹ. Ông tin rằng Taft đã làm quá ít, không thể tiếp tục chương trình cải cách mà ông để lại từ thời ông làm tổng thống để đối mặt với những thách thức trong thế giới mới được cuộc Cách mạng Công nghiệp tạo ra. Roosevelt cho rằng sự tăng trưởng của các nhà máy, các thành phố đòi hỏi nước Mỹ phải có những điều chỉnh sâu rộng. Những gì nước Mỹ cần làm để đối mặt với thách thức toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin hiện nay cũng tương tự.

Trong cương lĩnh tranh cử của đảng Nai sừng tám năm 1912 có những đề xuất như bầu cử trực tiếp các thượng nghị sĩ, bầu cử sơ bộ trực tiếp để chọn ứng cử viên, quyền bầu cử của phụ nữ, luật doanh nghiệp, lương tối thiểu, quy định ngày làm việc tám tiếng và tuần làm việc sáu ngày, bảo hiểm thất nghiệp và lương hưu. Tất cả về sau đều trở thành hiện thực. Trong suốt chiến dịch, Wilson đã nỗ lực thu hút sự ủng hộ của cử tri của Roosevelt với tuyên bố rằng cũng như cựu tổng thống, ông phản đối sự độc quyền của các công ty lớn mà người ta thường gọi là tờ-rót (trust).

Trong hai năm đầu nhiệm kỳ tổng thống, những gì Wilson làm là tương đồng với tầm nhìn của Roosevelt thời còn tại nhiệm. Không giống Taft mà tương tự như Roosevelt, Wilson biến cơ quan hành pháp thành bộ phận tích cực thực hiện cải cách. Khác với William Jennings Bryan, ứng cử viên tổng thống của đảng Dân chủ năm 1908, và cũng tương tự Roosevelt, Wilson cũng đóng vai trò nhà cải cách cấp tiến chứ không phải người theo chủ nghĩa dân túy nông dân*. Ông đã thuyết phục được Quốc hội thông qua những chính sách tiến bộ mà Roosevelt từng ủng hộ như thành lập Ủy ban Thương mại liên bang hay ra đạo luật lao động trẻ em. Trong thời gian làm tổng thống, Roosevelt có ảnh hưởng sâu sắc lên chính sách của nước Mỹ, và sau này, khi làm ứng cử viên tổng thống thuộc đảng thứ ba, dù thất bại nhưng ông cũng góp phần thay đổi lịch sử đất nước.

Nếu mục tiêu của các chiến dịch vận động của Nai sừng tám năm 1912, Wallace năm 1968 và Perot năm 1992 là trở thành tổng thống Mỹ thì họ đều

* Agrarian populist movement là một phong trào đấu tranh đòi dân quyền lớn nhất trong lịch sử Mỹ. Sau Nội chiến, sự tích tụ tư bản đã tạo điều kiện cho những kẻ cho vay nặng lãi hoành hành, chiếm đoạt đất của nông dân thiếu nợ. Phong trào dân túy nông dân đã tạo ra một hệ thống hợp tác về cung ứng vật tư, vốn, bảo quản nông sản để tránh bị ép giá. Họ đã lập đảng chính trị, đưa được người vào các cơ quan lập pháp bang, Quốc hội và thậm chí nhóm ngó đến Nhà Trắng, nhưng cuối cùng bị Nhà nước dùng quyền lực dẹp tan. Phong trào kết thúc hoàn toàn vào năm 1900.

thất bại. Nhưng nếu xét trên góc độ các cử tri ủng hộ những ứng cử viên độc lập này muốn gửi thông điệp đến cho một hoặc cả hai đảng chính, yêu cầu họ phải quan tâm hơn đến một số vấn đề cụ thể thì có thể cho rằng cả ba chiến dịch đều thành công.

Liệu một chiến dịch tranh cử của ứng cử viên độc lập có thể đạt được thành tựu tương tự trong những năm tới? Cụ thể hơn, liệu một ứng cử viên độc lập ủng hộ việc tái sinh toàn bộ công thức thành công truyền thống của nước Mỹ để có tăng trưởng kinh tế, thực hiện những bước đi nghiêm túc nhằm giảm thâm hụt ngân sách, cải cách hệ thống thuế và chấm dứt con nghiện nhiên liệu hóa thạch trong nước có thể nhận được đủ sự ủng hộ của cử tri để thuyết phục hai đảng Dân chủ và Cộng hòa biến những mục tiêu trên thành chính sách của họ không? Chúng tôi có đủ lý do để tin rằng thời gian đã chín muồi để trả lời là có.

Hãy nhớ lại rằng tình trạng chia rẽ sâu sắc trong nền chính trị Mỹ đã khiến hai đảng chính ít tính đại diện cho người dân hơn bao giờ hết. Cả hai đảng đều không có được thiện cảm của đa số cử tri. Số người đăng ký bỏ phiếu với tư cách là cử tri độc lập tăng đều qua hàng chục năm qua, hiện tại đã gần như ngang bằng với số cử tri đăng ký dưới tên một trong hai đảng. Trong thực tế, một cuộc điều tra của Trung tâm Pew hồi tháng 10/2010 cho thấy số người tự coi mình là cử tri độc lập (37%) nhiều hơn số người thuộc đảng Dân chủ (31%) và đảng Cộng hòa (29%). Theo nghĩa này, Mỹ đã trở thành quốc gia có ba đảng, nhưng đảng thứ ba – nhóm trung dung cấp tiến – không có cương lĩnh hay lãnh tụ chính thức nào đại diện.

Các cuộc trưng cầu cũng thường cho thấy sự bất mãn cao độ với hướng đi của đất nước. Một trong rất nhiều ví dụ có thể nhắc đến là một cuộc điều tra khác của Trung tâm Pew vào cuối năm 2010 với kết quả đáng kinh ngạc: 72% số người được hỏi không hài lòng với tình trạng hiện tại. Người Mỹ cũng không còn coi trọng hai đảng nữa. Một cuộc điều tra của báo *Washington Post* kết hợp với kênh ABC News vào tháng 9/2010 cho thấy chỉ 34% số người được hỏi nói rằng các ứng cử viên của đảng Dân chủ xứng đáng được tái đắc cử, tỷ lệ tương ứng của đảng Cộng hòa là 31%. Năm 2010 là năm đảng Cộng hòa tiếp tục giành thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử giữa kỳ. Cuộc điều tra vào tháng 6/2010 của Ipsos Public Affairs – một phong trào độc lập kêu gọi một cuộc bầu cử tổng thống cởi mở hơn – cho thấy 71% người trả lời nói rằng họ muốn thấy có những ứng cử viên khác ngoài đại diện của đảng Dân chủ và Cộng hòa trong cuộc bầu cử tổng thống.

Còn một dấu hiệu khác chứng tỏ công chúng không hài lòng về nền chính trị và chính phủ hiện nay và ủng hộ viên độc lập có thể tận dụng nó: đó là cách thức bỏ phiếu của cử tri trong ba cuộc bầu cử vừa qua. Các nhà khoa học chính trị gọi cả ba là những cuộc bầu cử “chuyển động sóng”, trong đó các cử tri thay đổi đột ngột, bất thường từ hướng này sang hướng khác. Năm 2006, đảng Dân chủ giành được 30 ghế mới trong Hạ viện và 6 ghế mới trong Thượng viện, qua đó kiểm soát được cả hai. Năm 2008, họ có được ghế tổng thống, thêm 24 ghế nữa ở Hạ viện và 8 ở Thượng viện. Năm 2010, các cử tri chuyển hướng hoàn toàn: đảng Cộng hòa kiểm soát Hạ viện với 63 ghế, còn ở Thượng viện họ có thêm 6 ghế. Sự thay đổi này cho thấy toàn bộ cử tri – đặc biệt là các cử tri độc lập, những người nghiêng hoàn toàn về phía đảng Dân chủ hồi năm 2008 nhưng năm 2010 lại chuyển hết sang đảng Cộng hòa – đang mong muốn có phương pháp điều hành đất nước phù hợp mà đến năm 2010 họ vẫn chưa tìm thấy

Thành công trong cuộc bầu cử năm 2010 của phong trào Tea Party cũng cho thấy thời điểm của một ứng cử viên tổng thống độc lập có thể gây ảnh hưởng lớn đã đến. Phong trào Tea Party xuất phát từ những người dân bình thường chứ không phải tổ chức chính thức của hai đảng. Các thành viên trong phong trào tự tập hợp nhau lại để phản đối quy mô của chính phủ nói chung và quy mô thâm hụt ngân sách nói riêng. Các cuộc phỏng vấn cho thấy ẩn dưới sự bất mãn của họ là mối lo ngại lớn lao về tương lai của đất nước. Trước những thách thức nghiêm trọng, chưa được giải quyết của nước Mỹ, sự lo ngại đó là dễ hiểu, mặc dù để giải quyết thách thức thì không chỉ cần thái độ thận trọng trong chính sách tài khóa mà phong trào Tea Party kêu gọi mà còn cần chính phủ phải tích cực thể hiện vai trò trong một số lĩnh vực – gồm giáo dục, cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và triển khai – những vấn đề mà họ chưa quan tâm. Thực ra nên gọi phong trào Tea Party (Đảng Trà) là Tea Kettle Party (Đảng Bình trà) – như lời châm biếm của Tom – vì ảnh hưởng chính của họ chỉ như để cho hơi nước bay đi. Họ không có một chương trình hành động mạch lạc, tức là thiếu động cơ để biến hơi nước thành năng lượng đẩy quốc gia đi theo hướng cần thiết.

Trong cuộc bầu cử năm 2010, các thành viên tích cực của Tea Party ủng hộ đảng Cộng hòa, nhưng chủ yếu là vì đây là cách rõ ràng nhất để thể hiện sự bất mãn với các chính sách hiện hành của đảng Dân chủ vốn đang kiểm soát cả Nhà Trắng và Quốc hội, và cũng vì họ tin rằng đảng Cộng hòa có thể hoặc sẽ khắc phục được những vấn đề mà họ cho là đã thất bại. Rất nhiều

người tự coi mình là thành viên hoặc người có cảm tình với phong trào Tea Party cũng là cử tri độc lập. Rất nhiều người tự coi mình là thành viên đảng Cộng hòa có thể sẵn lòng ít nhất là ủng hộ ứng cử viên độc lập. Vì vậy, xét trên mọi khía cạnh, sự nổi lên của phong trào Tea Party là một bằng chứng nữa cho thấy đã đến thời điểm chín muồi cho một ứng cử viên tổng thống độc lập, người có thể tung ra một cú sốc lên hệ thống chính trị Mỹ, thu hút sự chú ý nghiêm túc vào những thách thức đất nước đang phải đối mặt.

Vì một chiến dịch tranh cử tổng thống rất tốn kém và ứng cử viên độc lập không thể có tiền như các ứng cử viên của đảng lớn được nên việc tiếp cận được với nguồn lực là rất quan trọng. Roosevelt có hai người ủng hộ rất giàu có, họ đã tài trợ cho ông phần lớn chi phí trong chiến dịch năm 1912. Perot có đủ khả năng tự chi trả cho chiến dịch của mình. Ông đã bỏ ra khoảng 75 triệu dollar.

Nhưng đồng thời, công nghệ thông tin hiện đại sẽ đem lại những công cụ để vượt qua rào cản, trở thành một ứng cử viên tổng thống độc lập thành công, đặc biệt là trong việc quyên góp tiền và tuyên truyền thông điệp của ứng cử viên. Những công cụ ấy Perot còn chưa có chứ nói gì đến thời Wallace hay Roosevelt. Chiến dịch tranh cử tổng thống của cựu thống đốc bang Vermont là Howard Dean năm 2004, của đại diện bang Texas Ron Paul và đặc biệt của Thượng nghị sỹ bang Illinois Barack Obama năm 2008 – những người có quan điểm chính trị khác nhau – cho thấy có thể quyên góp được số tiền ấn tượng từ rất nhiều cá nhân nhỏ lẻ bằng Internet. Internet và các mạng xã hội như Facebook và Twitter còn là kênh tuyên truyền chương trình hành động của các ứng viên thay cho các cơ quan tin tức chính thống, chi phí lại rẻ hơn nhiều so với số tiền phải bỏ ra để mua thời gian phát quảng cáo trên truyền hình. Khi sử dụng các kênh giao tiếp này, ứng viên có thể vừa quyên góp lại vừa tiết kiệm được tiền.

Nếu đã thấy Internet có thể san bằng những khác biệt, phá vỡ thế độc quyền ở khắp nơi như thế nào thì không thể không tin rằng nó sẽ gây ra những tác động lớn lao lên hệ thống hai đảng của Mỹ. Hệ thống này không thay đổi nhiều kể từ thế kỷ 19, nhưng chúng tôi cho rằng trong thế giới siêu kết nối, nó không thể cưỡng lại sự thay đổi được nữa. Năm 2012 có thể sẽ là thời điểm Internet tác động lên hệ thống hai đảng theo cách giống như Amazon.com đã tác động lên thị trường sách hay iTunes tác động lên thị trường âm nhạc: đó là tăng khả năng tiếp cận và lựa chọn lên nhiều lần.

Một tổ chức có tên Americans Elect đã nỗ lực làm đúng như thế. Họ đặt

ra hai mục tiêu cho bản thân. Thứ nhất là phải có tên một ứng cử viên độc lập trong vòng bỏ phiếu của tất cả 50 bang ở Mỹ. Mục tiêu này đòi hỏi phải có vài triệu chữ ký của các cử tri có đăng ký bỏ phiếu – một nhiệm vụ khó khăn và tốn kém vì hai đảng chính đã can thiệp vào hệ thống lập pháp của từng bang nhằm bảo đảm nền chính trị chỉ có hai đảng bọn họ. Mục tiêu thứ hai mà Americans Elect đưa ra là phải tổ chức một cuộc hội nghị đề cử “ảo”, sử dụng Internet để huy động hàng triệu cử tri lựa chọn ra một ứng cử viên tổng thống và một ứng cử viên phó tổng thống (theo quy định của tổ chức này thì hai người này không được phép cùng thuộc một đảng) để đưa ra xem ai đủ chữ ký của cử tri. Tuyên bố về sứ mệnh của tổ chức đã khẳng định sự cấp thiết phải có một ứng cử viên độc lập: “Như hàng triệu cử tri Mỹ khác, chúng tôi chỉ muốn có những người lãnh đạo chịu hợp tác với nhau để đưa ra những ý tưởng mới, những giải pháp thực sự cho những thách thức lớn mà đất nước đang phải đối mặt”. Còn quá sớm để nói Americans Elect sẽ tạo ra được tác động như thế nào. Nhưng chúng tôi tin rằng sự xuất hiện của họ là dấu hiệu cho thấy rất nhiều người Mỹ đã mong muốn có thêm con đường thứ ba – và họ có khả năng sử dụng công nghệ mạng xã hội để góp phần giải quyết mong muốn ấy.

Hãy tưởng tượng

Không thể biết trước một đảng thứ ba, đại diện cho tư tưởng trung dung cấp tiến với một ứng cử viên có thể thu hút được bao nhiêu người ủng hộ. Những cuộc điều tra được tiến hành trước khi một đảng, một ứng cử viên như thế xuất hiện hoàn toàn có thể đánh giá không chính xác tiềm năng của họ. Nói cho cùng thì phần lớn người Mỹ không để ý lắm đến chính trị. Chỉ trong cuộc bầu cử tổng thống bốn năm một lần thì sự quan tâm của cả nước mới lên đến đỉnh cao. Vì vậy, cuộc bầu cử tổng thống chính là một cơ hội không phải lúc nào cũng xuất hiện để tuyên truyền, thuyết phục cử tri. Chúng tôi tin rằng đất nước đang cởi mở hơn bao giờ hết trước một ứng cử viên độc lập nghiêm túc, người có thể đánh trúng nỗi lo ngại của người Mỹ về tương lai đất nước, bằng cách giải thích cho mọi người những thách thức đất nước đang phải đối mặt và đề xuất xây dựng hệ thống chính trị hybrid để giải quyết chúng. Nhưng cũng không vấn đề gì nếu một đảng viên Dân chủ hay Cộng hòa xuất chúng quyết định rời đảng của mình và đảm nhận vai

trò đó. Dù là ai đi nữa, chỉ cần là người thực sự nghiêm túc thì chúng tôi tin rằng ứng cử viên độc lập có thể tạo ảnh hưởng không kém gì Ross Perot năm 1992, thậm chí ngang với Theodore Roosevelt năm 1912. Chỉ có cách để cho nhân vật ấy xuất hiện thì ta mới biết ứng cử viên độc lập có thể làm được gì.

Matt Miller, chuyên gia tư vấn thuộc công ty McKinsey, cộng tác viên của báo *Washington Post* đã viết bài cho một chuyên mục (ngày 11/11/2010), trong đó ông tưởng tượng ra một chương trình trò chuyện ngày Chủ nhật với nội dung là có một ứng cử viên đảng thứ ba nghiêm túc như sau:

Chủ nhật tuần trước chẳng hạn, bạn có thể thấy Christiane Amanpour nổi cáu trước những lời vô nghĩa về mặt tài khóa của [hai đảng viên Cộng hòa] Rand Paul và Mike Pence. Đây không phải một nhận xét mang tính phân biệt đảng phái – vì một tuần nào đó khác, để cho công bằng, người dẫn chương trình cũng sẽ nổi cáu trước những lời nói nhảm của đảng Dân chủ...

Làm thế nào mà hai đảng lại không phải trả giá vì những lời nói của họ nhỉ? Vì còn thiếu một chiếc ghế.

Hãy bật lại băng ghi hình tối chủ nhật tuần trước, nhưng giả sử có thêm một tiếng nói “chính thức” của bên thứ ba. “Mark Johnson thuộc đảng thứ ba”, người dẫn chương trình giới thiệu, “ông giải thích chuyện này như thế nào?”

“Thực tế là cả đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ đều không cho bạn biết bức tranh thật”, Johnson trả lời. “Sự thực là một khi nền kinh tế trở lại đúng quỹ đạo thì trong những năm tới, thuế sẽ tăng bất kể đảng nào nắm quyền vì thế hệ bùng nổ dân số đang lần lượt nghỉ hưu. Có nghĩa là số người hưởng Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế sẽ tăng gấp đôi. Trong khuôn khổ hai chương trình này, chúng ta đã có những lời hứa trị giá hàng nghìn tỷ dollar mà chưa có nguồn chi. Ngay cả nếu chúng ta cắt giảm tăng trưởng phúc lợi xã hội và các khoản chi khác – một việc nên làm – thì bài toán vẫn chưa được giải quyết nếu giữ nguyên mức thuế. Và chúng ta không thể vay tiền Trung Quốc để trả lương hưu cho cả thế hệ bùng nổ dân số. Vì thế, ý kiến cho rằng chúng ta có thể giữ nguyên mức thuế hiện tại, chưa nói đến cắt giảm thuế, chỉ là trò lừa của đảng Cộng hòa”.

“Nhưng đảng Dân chủ cũng đang đùa cợt với bạn khi họ nói đại ý chúng ta có thể giải quyết được vấn đề bằng cách đánh thuế một số người giàu nhất. Sự thật là để trả lương hưu cho thế hệ bùng nổ dân số, tất cả mọi

người đều phải nộp thuế nhiều hơn. Nhưng vẫn có tin tốt: nếu chúng ta thực hiện một cách khôn ngoan, thay đổi cách đánh thuế thì chúng ta vừa có tiền chi trả lương hưu vừa duy trì được tăng trưởng kinh tế. Đây mới là cái chúng ta cần thảo luận. Những cải cách thuế cần tiến hành bao gồm...”

Miller kết luận: “Nếu bạn thấy những lời nói này thuyết phục, và tưởng tượng nó vang lên trong hàng trăm vấn đề mà cả hai đảng đang rủ nhau chối bỏ thực tế thì bạn sẽ hiểu tại sao chúng ta cần thêm một đảng thứ ba”.

Lấy ý tưởng về chương trình nói chuyện của Miller, chúng ta hãy tưởng tượng một cuộc tranh luận của các ứng cử viên tổng thống trên truyền hình giữa ba người, trong đó có ứng cử viên độc lập – người nghiêm túc cam kết sẽ giảm thâm hụt ngân sách – và hai ứng viên còn lại của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa, giống như Ross Perot từng cùng ngồi trên sân khấu với George H. W. Bush và Bill Clinton năm 1992. Ứng cử viên độc lập sẽ thách thức sự lẩn tránh quanh co điển hình của hai đảng về vấn đề bức thiết nhất hiện nay – đó là ngân sách – như sau:

“Hai ngài đang nói về chuyện gì thế? Thật ngớ ngẩn khi nói về những con số trong ngân sách mà không bắt đầu từ những câu hỏi quan trọng hơn rất nhiều: Chúng ta đang sống trong thế giới như thế nào? Nó đòi hỏi những gì trong việc đào tạo con người và xây dựng đất nước? Chi tiêu không có chiến lược cho tương lai thì rất dễ, nhưng nếu cắt giảm mà không có chiến lược thì sẽ là nguy hiểm chết người. Để tôi nói cho các ngài biết với tôi thế giới chúng ta đang sống – mà phải nói luôn là thế giới ấy do chúng ta phát minh ra – có đặc điểm gì. Sau đó tôi sẽ kết nối nó với bức tranh do tôi vẽ ra với những khoản chi phải cắt giảm, những khoản thuế phải tăng lên và những khoản đầu tư mà tôi khẳng định là cần thiết”.

Các ứng cử viên của hai đảng lớn hoặc sẽ phải mô tả nghiêm túc thế giới trong con mắt họ và kết nối nó với kế hoạch ngân sách họ đưa ra, hoặc họ sẽ bị coi là hèn nhát, ngu dốt, dối trá, hoặc hai mặt – hoặc cả bốn tính xấu đó – trong mắt hàng chục triệu cử tri đang xem truyền hình. Trước khi tham gia vào cuộc tranh luận và chiến dịch tranh cử, lý tưởng nhất là ứng cử viên độc lập sẽ thay đổi hoàn toàn nội dung câu chuyện của cả quốc gia theo hướng thúc đẩy đất nước thực hiện những giải pháp cần thiết để duy trì giấc mơ Mỹ và giữ vững sức mạnh của đất nước trên trường quốc tế. Nhưng để làm được thì ứng cử viên độc lập phải đi khắp nơi để nói những điều chúng tôi gợi ý trong cuộc tranh luận trên truyền hình. Đến nơi nào ứng cử viên độc

lập cũng phải bắt đầu bằng cách đặt câu hỏi và trả lời một cách thẳng thắn và chi tiết câu hỏi quan trọng nhất đối với việc ra chính sách: Chúng ta đang sống trong thế giới như thế nào? Các ứng cử viên tổng thống, giống như các tổng thống chính thức, đều có người tổ chức diễn thuyết cho họ. Để đưa nước Mỹ đi đúng hướng, một ứng cử viên sẽ phải sử dụng người này để thông tin cho người dân Mỹ biết về bốn thách thức lớn họ đang phải đối mặt – toàn cầu hóa, cách mạng công nghệ thông tin, thâm hụt ngân sách và nợ quốc gia, và năng lượng và môi trường – và vạch ra những biện pháp đối phó cần thiết để đảm bảo tương lai đất nước trong thế giới siêu kết nối này. Cụ thể, như lời của nhà phân tích chính trị William Galston, chuyên gia nghiên cứu cao cấp thuộc Viện Brookings: ứng cử viên của đảng thứ ba phải cho công chúng biết không chỉ tại sao giải pháp đối phó với bốn thách thức lớn của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa là “không thể chấp nhận được”, mà ông ta còn phải giải thích tại sao hiện trạng của từng vấn đề đều “không bền vững”, do đó rất cần thiết và không thể tránh khỏi phải tìm ra một giải pháp thứ ba đáng tin cậy. Thật choáng váng khi thấy chỉ vài lời tuyên truyền của những vị lãnh đạo được bầu ra trong thập kỷ qua đã gây ra những gì.

Cũng như trong cuộc tranh luận trên truyền hình, tại mỗi điểm đến, ứng cử viên tổng thống độc lập, người có thể gây ra cú sốc cho hệ thống chính trị sẽ đưa ra chiến lược để giải quyết thách thức: tăng thu ngân sách thông qua tăng thuế, trong đó có thuế năng lượng; giảm chi tiêu bằng cách cắt giảm các chương trình của chính phủ, bao gồm các chương trình phúc lợi chung như Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội và an ninh quốc phòng; đầu tư thêm tiền vào giáo dục, cơ sở hạ tầng và nghiên cứu và triển khai để nâng cấp công thức thành công truyền thống của đất nước. Ứng cử viên độc lập sẽ phải nói rõ rằng cả ba việc phải được tiến hành đồng thời: cắt giảm chi tiêu, tăng thu ngân sách, đầu tư vào công thức thành công. Tất cả đều cần thiết. Không được phép bỏ đi việc nào. Nếu kế hoạch điều hành đất nước chỉ có một hoặc hai việc thì sẽ không công bằng, không khả thi về mặt chính trị và không hiệu quả trong việc giải quyết các thách thức hoặc nắm bắt cơ hội. Kết hợp giữa đánh thuế, giảm chi tiêu và đầu tư là giải pháp bắt buộc trong ngắn hạn để đạt được mục tiêu cơ bản của nước Mỹ trong dài hạn: tăng trưởng kinh tế để đáp ứng mong muốn của mỗi cá nhân và cả đất nước. Ứng cử viên mà nước Mỹ cần sẽ cho thấy thái độ nghiêm túc trong việc làm những gì đất nước cần, bằng cách nêu *cụ thể* loại thuế nào sẽ tăng, chương trình nào sẽ bị cắt giảm, nơi nào sẽ được đầu tư và tại sao các khoản đầu tư

đó sẽ thay đổi tình trạng giáo dục, cơ sở hạ tầng và đầu tư – chứ không như các ứng cử viên tổng thống thường nói những điều chung chung và tẻ nhạt.

Cuối cùng, ứng cử viên thứ ba có thể đem lại một thứ nữa cho chiến dịch vận động: cảm hứng. Làm lãnh đạo không chỉ là mô tả trung thực những lựa chọn khó khăn, những chính sách cụ thể, mà còn có khả năng kêu gọi mọi người đứng lên khỏi chỗ ngồi. Người Mỹ không muốn mọi thứ chỉ ở mức “tốt”. Họ muốn sự vĩ đại. Họ muốn nước Mỹ luôn là một quốc gia vĩ đại. Ứng cử viên đảng thứ ba thành công là người thuyết phục được họ rằng chúng ta đã có tất cả những ưu thế tự nhiên để trở thành vĩ đại trong những thập niên tới – bằng cách khẳng định lại mình là bộ phận tốt nhất thế giới, là nơi những người nhiệt huyết, sáng tạo nhất từ khắp nơi muốn đến để khởi nghiệp, chia sẻ, chế tạo, thiết kế, phát minh ra của cải vật chất. Đó là nền tảng tạo ra sự vĩ đại của nước Mỹ. Chúng ta có đủ nguyên liệu thô để xây dựng nền tảng ấy. Cái chúng ta cần giờ đây là sự lãnh đạo đúng đắn và hành động tập thể.

Chúng tôi không nghi ngờ gì việc người Mỹ sẽ hy sinh khi được kêu gọi bởi nhà lãnh đạo có kế hoạch đáng tin cậy, chia sẻ gánh nặng cho mọi người một cách công bằng và có mục tiêu không chỉ đơn giản là cân đối ngân sách mà phải là duy trì hình ảnh nước Mỹ vĩ đại.

Nếu có một ứng cử viên tổng thống độc lập làm được tất cả những việc nói trên: mô tả thế giới chúng ta đang sống và buộc phải sống trong thế kỷ này một cách rõ ràng, chính xác hơn so với hai đảng chính, đề ra những chính sách giúp người Mỹ có thể phát triển trong thế giới ấy và nước Mỹ có thể gây ảnh hưởng trên toàn cầu như hồi thế kỷ trước; đồng thời kích thích được cả quốc gia cùng áp dụng chúng thì đó là người có thể đem lại liệu pháp sức chúng ta cần.

Liệu pháp này có vẻ khó đạt được kết quả, nhưng là giải pháp tốt nhất mà chúng ta có. Còn nếu cứ bám chặt lấy thực tại thì chắc chắn đây là con đường đi đến suy thoái.

Chúng tôi rất hiểu bài toán bất lợi cho đảng thứ ba. Chúng tôi biết một ứng cử viên như thế sẽ rất khó giành chiến thắng. Nhưng chúng tôi cũng biết rằng ứng cử viên thứ ba càng trung thực, càng đáng tin cậy, càng tạo cảm hứng thì các ứng cử viên của đảng Dân chủ và Cộng hòa càng phải tỏ ra tốt đẹp hơn. Và ít nhất, nếu ứng cử viên đảng thứ ba làm tốt thì sẽ tạo được ảnh hưởng lên các ứng cử viên chính giống như những gì Theodore Roosevelt, George Wallace và Ross Perot đã làm được lần lượt vào các năm 1912, 1968 và 1992: buộc họ phải sử dụng, thực hiện một phần trong chương trình hành động

của đảng thứ ba. Tức là ứng cử viên độc lập đã đem lại cho hệ thống chính trị Mỹ cái nó hết sức cần: một cú sốc, thu hút sự chú ý nghiêm túc thực sự vào những vấn đề quyết định tương lai của đất nước.

Ứng cử viên ấy sẽ có ảnh hưởng như một nhân vật nhân ái: làm cho đời sống của người dân tốt đẹp kể cả sau khi đã ra đi. Di sản của những nhân vật nhân ái đã thay đổi thế giới theo hướng tốt đẹp hơn. Một ứng cử viên độc lập cũng có thể thay đổi nước Mỹ và cả thế giới theo hướng tốt đẹp hơn như thế.

Có thể chắc chắn hai điều về việc đề cử ra một ứng cử viên độc lập: Thứ nhất, người đó sẽ không giành được ghế tổng thống. Thứ hai, về lâu dài, hành động đề cử có thể tạo ra ảnh hưởng lên lịch sử Mỹ lớn hơn cả chính bản thân ứng cử viên ấy.

MƯỜI SÁU

Tái khám phá nước Mỹ

“Nhưng có cái kết có hậu nào không?”

Bạn bè thường hỏi chúng tôi câu này mỗi khi chúng tôi kể với họ về nhan đề cuốn sách chúng tôi đang viết. Câu trả lời của chúng tôi lần nào cũng như nhau: Chúng tôi có thể đưa ra một cái kết có hậu, nhưng chính nước Mỹ, chính tất cả chúng ta mới quyết định cái kết ấy là thực tế hay tưởng tượng.

Có một điều chúng tôi biết chắc chắn: Con đường dẫn tới cái kết có hậu phải bắt đầu từ nhận thức rằng có điều gì đó bất ổn, cần phải thay đổi, và chúng ta phải là người thực hiện những thay đổi. Ở mức độ nhất định, người Mỹ hiểu điều này. Mối lo ngại trước sự nổi lên của Trung Quốc là một dấu hiệu cho thấy sự lo lắng hợp lý – và nếu được hiểu đúng đắn thì còn là lành mạnh – về tình hình đất nước. Và còn một dấu hiệu khác: Năm 2009 và 2010, đảng Cộng hòa phê phán Tổng thống Barack Obama, buộc tội ông đã chối bỏ lịch sử và vị thế của nước Mỹ là một quốc gia “phi thường”. Lời buộc tội bắt nguồn từ sự kiện trong một cuộc hội nghị ở nước ngoài, khi được hỏi về khái niệm “phi thường”, Obama đã trả lời: “Tôi tin vào suy nghĩ về sự phi thường của nước Mỹ chẳng khác gì người Anh tin rằng nước Anh của họ là phi thường, người Hy Lạp cũng tin rằng nước Hy Lạp của họ là phi thường”. (Sau đó ông liệt kê một loạt những đặc điểm của nước Mỹ mà theo ông, chúng làm cho nước Mỹ trở thành phi thường).

Sự phi thường, theo cách hiểu của các học giả, là do nước Mỹ khác biệt với các quốc gia châu Âu xét về lịch sử: Mỹ được thành lập dựa trên một hệ thống những tư tưởng; Mỹ không có trật tự xã hội trên dưới với tầng lớp đứng đầu là quý tộc cha truyền con nối; những người châu Âu đến Bắc Mỹ đã chiếm được một vùng lãnh thổ rộng lớn, dân cư thưa thớt; và nơi này đã thu hút được người nhập cư từ khắp nơi trên thế giới. Trong chính trị, từ “phi thường” đã mang ý nghĩa tán dương như chúng tôi vừa giải thích. Nó hàm ý

những điều khiến nước Mỹ trở nên đặc biệt: của cải, sức mạnh, cơ hội kinh tế mà đất nước đem lại cho mọi công dân, và là tấm gương về tự do và thịnh vượng đối với cả thế giới.

Những ồn ào quanh khái niệm “phi thường” chỉ là một cảnh bình thường trong những tập phim dài của nền chính trị Mỹ, là nỗ lực của một đảng nhằm mô tả đảng kia là đã xa rời các giá trị và truyền thống cơ bản của đất nước – dạng mâu thuẫn khởi đầu từ cuộc chiến chính trị dữ dội giữa đảng Liên bang của Alexander Hamilton và phe Cộng hòa - Dân chủ của Thomas Jefferson. Nhưng nó cũng đánh thẳng vào cảm giác khó chịu ngấm ngấm về hiện trạng và tương lai của đất nước, về nỗi lo ngại rằng giấc mơ Mỹ đang dần tuột khỏi tầm tay của thế hệ sau. Nói cho cùng, những nỗi sợ hãi ấy là có cơ sở.

Cuộc tranh cãi về sự phi thường nhắc chúng tôi nhớ đến một câu chuyện về Abraham Lincoln. Ông hỏi: “Nếu bạn gọi đuôi của con ngựa là chân thì con ngựa có bao nhiêu chân?” Và ông tự trả lời: “Con ngựa vẫn có bốn chân, vì bạn có gọi đuôi của nó là chân thì bạn cũng chẳng biến cái đuôi thành cái chân được”.

Tương tự, tuyên bố rằng nước Mỹ là một quốc gia phi thường – tức là đặc biệt – thì cũng không khiến nước Mỹ trở nên phi thường. Sự phi thường, có nghĩa là giàu có, hùng mạnh, năng động phi thường không phải phẩm chất đặc biệt được trời ban và tồn tại mãi mãi như bằng danh dự do trường đại học trao chẳng hạn. Bạn phải luôn nỗ lực mới có được nó, giống như các cầu thủ bóng chày phải liên tục cố gắng để giữ được điểm số trung bình. Nhưng những năm gần đây, chúng ta thường xuyên coi “sự phi thường của nước Mỹ” là một quyền lợi, một thứ mà chúng ta cứ việc tận hưởng mà không phải phấn đấu. Những ngày ấy đã qua. Sự phi thường của nước Mỹ giờ đây đang mất dần. Nó không còn là quyền lợi, không còn là cái chúng ta được hưởng. Để duy trì được vị thế phi thường mà người Mỹ đã đúng khi coi trọng, nhưng lại sai khi cho rằng nó là tự nhiên có, chúng ta phải đối phó một cách hiệu quả với bốn thách thức lớn của thế kỷ 21: toàn cầu hóa, cách mạng công nghệ thông tin, thâm hụt ngân sách lớn và ngày càng tăng, và cách thức tiêu dùng năng lượng. Không may là vẫn ít người Mỹ hiểu được hai thách thức đầu và rất nhiều người bác bỏ sự cần thiết phải giải quyết hai thách thức sau. Với hai thách thức đầu, chúng ta phải tìm hiểu kỹ càng hơn, còn với hai thách thức sau, chúng ta phải chấm dứt việc khăng khăng lờ chúng đi.

Số tiền đặt cược là cực kỳ lớn. Với người Mỹ, việc nước Mỹ có giải quyết được các thách thức hay không sẽ quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế

trong tương lai, và tốc độ tăng trưởng lại quyết định liệu những đặc điểm tốt đẹp nhất trong xã hội Mỹ còn được duy trì không – bao gồm cơ hội, sự linh hoạt và sự hòa hợp về mặt xã hội. Chúng đều đang bị đe dọa. Chỉ một con số thống kê rõ ràng, đáng ngại cũng cho thấy điều đó: Trong thập niên đầu của thế kỷ 21, tài sản của đa phần các hộ gia đình Mỹ không tăng lên.

Đối với phần còn lại của thế giới, số tiền đặt cược này cũng lớn không kém, thậm chí còn hơn. Hãy nhìn danh sách những sự kiện lớn trên thế giới cuối năm 2010 và đầu năm 2011. Tháng 11/2010, một trang web có tên là WikiLeaks bắt đầu tung ra hơn 250.000 bức điện ngoại giao mật của chính phủ Mỹ, trong đó có những bức điện khiến chính phủ Mỹ và nhiều nước khác phải bối rối. Hẳn chúng được cung cấp bởi một thành viên cấp thấp trong lực lượng vũ trang Mỹ nhưng được tiếp cận với kho thông tin này.

Tháng 12/2010, Trung Quốc đã hết sức nỗ lực để ngăn cản lễ trao giải Nobel Hòa bình cho một công dân nước họ – Lưu Hiểu Ba. Đây là nhân vật đã đấu tranh đòi dân chủ và đang chấp hành án tù 11 năm vì đã “kích động lật đổ nhà nước”. Dưới sức ép của Bắc Kinh, 18 quốc gia đã tẩy chay sự kiện trao giải. Trong những tháng đầu năm 2011, phong trào nổi dậy vì tự do đã diễn ra khắp thế giới Ả Rập và Islam – từ Tunisia, Ai Cập, Bahrain, Libya, Yemen đến Syria. Tháng 3/2011, trận động đất lớn nhất lịch sử Nhật Bản đã dẫn tới thảm họa sóng thần, giết chết hơn 22.000 người, phá hủy hoàn toàn nhiều thị trấn ở vùng Đông Bắc Nhật Bản. Dư chấn và lũ lụt xảy ra sau đó đã làm sập các lò phản ứng hạt nhân trên đường đi của sóng thần.

Giới tư vấn kinh doanh có một từ viết tắt dùng để mô tả những khoảnh khắc như thế: VUCA, tức là “bất ổn (volatility), ngoài dự đoán (unpredictability), phức tạp (complexity) và mơ hồ (ambiguity)”. Chúng ta đang trải qua một giai đoạn lịch sử có điểm số VUCA rất cao. Thế giới đang hỗn loạn vì có rất nhiều nguyên nhân gây ra hỗn loạn: những chính phủ hay bất nạt như Trung Quốc; những xã hội bị đàn áp và giận dữ như thế giới Ả Rập; sức mạnh của tự nhiên, luôn dữ dội và ngoài dự đoán, như thảm họa Nhật Bản đã nhắc nhở chúng ta; và những cá nhân nhỏ bé nhưng được hai xu hướng của thời đại là toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin trao cho quyền lực, đúng hơn là siêu quyền lực – như kẻ đã gửi các bức điện cho WikiLeaks.

Trong thế giới bất ổn này, Mỹ vẫn nổi lên khi vừa được coi là đèn hiệu, vừa là nơi đem lại sự ổn định. Đôi khi người Mỹ đánh giá thấp tầm quan trọng và giá trị của sức mạnh Mỹ đối với các quốc gia khác. (Các nước khác thường không rộng rãi trong việc đánh giá những gì nước Mỹ đã làm cho thế giới,

hay thậm chí còn không đánh giá công khai, cho dù họ có thực sự đánh giá cao đi chăng nữa, nên đánh giá của họ chẳng ích gì).

Đôi khi người Mỹ còn hiểu nhầm sức mạnh của nước mình. Những người cánh tả thường không hiểu hết vai trò mang tính xây dựng của nước Mỹ, thay vào đó, họ lại tập trung vào những lời buộc tội thi thoảng về việc lạm dụng sức mạnh. Những người cánh hữu thường không hiểu hết nguồn gốc của sức mạnh ấy – rằng sức mạnh của nước Mỹ không đơn giản là chuyện muốn hay không mà nó là một phương tiện, và chúng ta phải thường xuyên phục hồi, làm mới nó dựa trên việc giải quyết các thách thức lớn của đất nước. Trong thế giới thời chúng tôi lớn lên, nước Mỹ có rất nhiều động lực. Thực tế, đó là một thế giới được định hình thành một kiểu nhất định vì chúng ta có động lực để định hình nó như thế. Nhưng giờ chúng ta mất đi chính động lực ấy. Chúng ta không thể an toàn ở nước ngoài nếu không thay đổi hành vi ở ngay trong nước. Nhưng nền chính trị của chúng ta lại rất ít khi quan tâm đến hai điểm này. Nếu muốn định hướng cả thế giới thì chúng ta phải có thái độ nghiêm túc về sức mạnh của nước Mỹ. Nếu muốn nghiêm túc với sức mạnh của nước Mỹ, chúng ta phải có thái độ nghiêm túc về nguồn gốc của sức mạnh – chính là công thức thành công.

Về vấn đề này, chúng tôi đã nói rất rõ: Thế giới do một nước Mỹ hùng mạnh tạo ra – đủ mạnh để đi đầu thế giới về chính trị, kinh tế và đạo đức – không bao giờ là hoàn hảo, nhưng nó sẽ tốt đẹp hơn bất cứ thế giới nào khác mà chúng ta có thể hình dung ra.

Trong thực tế, Mỹ đang đem lại cho thế giới rất nhiều thứ mà các chính phủ cũng thường cung cấp cho người dân nước họ. Một nước Mỹ suy yếu, không thể vượt qua những thách thức mình đang phải đối mặt, và vì thế kém thịnh vượng hơn, ít tự tin hơn sẽ khiến cả thế giới cảm thấy không còn được cai quản chặt chẽ nữa, và nó sẽ trở nên hỗn loạn hơn, nghèo túng hơn. Khi đó, tất cả mọi người chứ không chỉ người dân Mỹ đều phải gánh chịu hậu quả.

Liệu nước Mỹ có giải quyết được những thách thức lớn và duy trì được giấc mơ Mỹ cho thế hệ tương lai, giữ vững được vai trò lớn lao, mang tính xây dựng của mình trên thế giới không? Một lần nữa, chúng tôi vẫn lạc quan về câu trả lời.

Một trong những lý do là cho dù hệ thống chính trị Mỹ đang mắc bệnh gì đi nữa thì xã hội Mỹ vẫn giữ được những đặc điểm giúp Mỹ trở thành đất nước phi thường so với cả thế giới. Chúng ta vẫn còn rất nhiều người chẳng có thông tin gì về sự đi xuống. Nhìn chung, nếu bạn muốn vẽ ra một đất nước

lý tưởng nhất cho sự thịnh vượng trong thế giới chúng ta đang sống thì nó sẽ giống Mỹ hơn bất cứ nước nào khác. Trong thế giới mà sự sáng tạo cá nhân đang trở nên ngày càng quan trọng thì Mỹ luôn ủng hộ thành tựu cá nhân và tôn vinh sự tinh khôn. Trong thế giới mà thay đổi công nghệ và sự sáng tạo mang tính hủy diệt đang diễn ra với tốc độ nhanh hơn cả ánh sáng, đòi hỏi tính linh hoạt tối đa về kinh tế thì nền kinh tế Mỹ vẫn linh hoạt như mọi quốc gia khác. Trong thế giới mà thể chế minh bạch, đáng tin cậy và đặc biệt chế độ pháp quyền ngày càng trở nên quan trọng để mọi người có thể chấp nhận rủi ro và sáng tạo thì Mỹ đã có một môi trường pháp lý tuyệt vời. Trong thời đại mà ngay cả những nhà phát minh và doanh nhân xuất sắc nhất cũng phải thử và thất bại thậm chí là nhiều lần trước khi tìm ra một sản phẩm, một ngành kinh doanh có giá trị như mỏ vàng thì nền văn hóa kinh doanh Mỹ đã hiểu rõ rằng thất bại là điều kiện cần để có thành công.

Một lý do nữa khiến chúng tôi lạc quan về tương lai của nước Mỹ là trong suốt lịch sử, Mỹ rất ít khi thất bại trước những thách thức lớn. Thực tế là chuyện chúng ta thất bại trước những thách thức lớn là sự kiện rất bất thường, hay có thể nói là “khác thường”. Khi bị thử thách, từ những ngày diễn ra cách mạng Mỹ hồi thế kỷ 18 đến cuộc Chiến tranh Lạnh kéo dài vào thế kỷ 20, nước Mỹ và người Mỹ luôn tìm ra cách để vượt lên. Quá khứ của chúng ta chính là nền tảng phong phú để lạc quan về tương lai. Đây cũng là một lý do khiến mà chúng tôi đặt cho cuốn sách viết về tương lai một cái tên như nhìn về quá khứ. Một đất nước chấp nhận mọi thách thức mình phải đối mặt và giải quyết được nó chính là đất nước của chúng ta trước đây.

Trong thực tế, chìa khóa dẫn đến thành công trong tương lai là phải dựa vào những đặc điểm trong lịch sử từng khiến chúng ta thành công trong quá khứ: đó là phải hiểu – như chúng ta đã từng làm được – thế giới chúng ta đang sống, cải tiến công thức hợp tác công tư truyền thống để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; và loại bỏ những vật cản chính trị đang ngăn không cho chúng ta thực hiện những nỗ lực tập thể cần thiết – có thể bằng giải pháp đã từng có hiệu quả trước đây.

Alexis de Tocqueville là người đầu tiên nhắc đến sự phi thường của nước Mỹ trong cuốn *Nền dân chủ Mỹ* (Democracy in America). Cái ông thấy phi thường chính là việc người Mỹ có thể tập trung vào những gì đang xảy ra ở đây, ngay lúc này, trong hoàn cảnh thực tế của họ chứ không phải những suy nghĩ trừu tượng, mang tính lý thuyết. Ông viết: “Có cả nghìn lập luận góp phần đáng kinh ngạc vào tư duy của người Mỹ về một vấn đề thuần túy thực

tế. Đam mê, khát vọng, kiến thức – mọi thứ của nước Mỹ dường như thống nhất lại với nhau để tạo nên tính cách tự nhiên của nước Mỹ trên đời này”.

Trong hai thập kỷ qua, điều đó đã thay đổi. Với tư cách là một quốc gia, một hệ thống chính trị, chúng ta đã đánh mất khả năng tập trung vào thế giới chúng ta đang sống. Chúng ta hiểu sai sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh, không nhận thấy rằng đây không chỉ là một thắng lợi vĩ đại mà còn là sự khởi đầu của một quá trình lớn lao, thay đổi cả thế giới, làm cho thế giới đòi hỏi nhiều hơn ở người Mỹ so với những thập niên xung đột với chủ nghĩa xã hội. Chúng ta đã bỏ qua chính bước ngoặt mà chúng ta góp phần tạo ra nhiều hơn bất cứ nước nào khác.

Không khó để thấy sự tương đồng giữa nước Mỹ và IBM, một trong những công ty mang tính biểu tượng của Mỹ, vừa ăn mừng một trăm năm tuổi vào năm 2011. Lịch sử nước Mỹ là sự tái khám phá không ngừng, IBM cũng vậy. Ban đầu công ty sản xuất đồng hồ, cân, máy cắt pho mát, v.v. Sau nhiều thế hệ dẫn đầu thị trường máy tính đục lỗ, vào đầu thập niên 1960, giám đốc công ty đã đặt cược toàn bộ vào máy tính cỡ lớn và cuối cùng đã chiếm lĩnh được ngành này. 20 năm sau, về cơ bản, IBM chính là công ty phát minh ra máy tính cá nhân.

Nhưng mặc dù có lịch sử hướng tới tương lai và tách khỏi quá khứ, IBM lại không hiểu ý nghĩa phát minh của chính mình. Công ty đầu tư quá nhiều, quá lâu vào máy tính cỡ lớn. Mô hình tài chính và quản lý của họ dựa trên những gì họ có trước đây chứ không phải sau này. Họ coi máy tính cá nhân chỉ là sản phẩm ngách. Sai lầm ấy gần như đã hủy hoại cả công ty.

Tại sao IBM lại đánh mất tầm nhìn về thế giới do chính họ phát minh ra. Hãy chú ý lắng nghe câu trả lời của Samuel Palmisano, hiện đang là chủ tịch kiêm tổng giám đốc điều hành của IBM khi chúng tôi hỏi ông câu đó: “Bạn dành nhiều thời gian hơn để tranh cãi về cái bánh đang nhỏ đi thay vì nhìn ra tương lai”, vì thế, “bạn bỏ lỡ một bước ngoặt quan trọng” mặc dù chính công ty bạn phát minh ra bước ngoặt đó. “Chúng tôi đã bỏ lỡ thị trường máy tính cá nhân. Không phải vì chúng tôi không có công nghệ”, ông giải thích. “Chúng tôi phát minh ra máy tính cá nhân, nhưng chúng tôi lại quên mất nó thực sự là gì. Lúc đó, mọi người [ở IBM] đều nghĩ nó chỉ là một công cụ làm việc cá nhân nhỏ bé. Nhưng thực tế nó đã trở thành một nền móng mới. Và chúng tôi đã bỏ lỡ mất”.

Khi bạn bắt đầu coi những bộ phận khác, đồng nghiệp khác trong công ty là đối thủ – thay vì tập trung vào các công ty mà bạn phải cạnh tranh thì

bạn đã đánh mất mối liên hệ với thế giới bạn đang sống. Khi bạn coi sự khác biệt của mình là một đặc điểm sẽ tồn tại mãi mãi, bạn đã tự đặt mình vào chỗ kém phi thường. Đây có thể là hành vi tự sát với công ty bạn – cũng như với một đất nước. Theo Palmisano, các đảng phái chính trị ở Mỹ hiện đang bị lạc đường “vì họ quan tâm đến bản thân nhiều hơn những vấn đề cần ưu tiên của đất nước”.

Dưới sự lãnh đạo của Louis Gerstner và sau đó là Palmisano, IBM đã quay lại đường đua bằng cách không ngừng tìm hiểu, xem xét bản thân và thế giới họ đang kinh doanh. Nhờ vậy, họ đã chiếm lĩnh được tiến bộ công nghệ lớn nhất tiếp theo, đó là công nghệ mạng – thế giới siêu kết nối với nền tảng chính không còn là máy tính cá nhân mà là hàng tỷ điện thoại thông minh, thiết bị cảm ứng, máy tính và máy chủ được kết nối với nhau. IBM cho rằng trong thế giới siêu kết nối, ngành kinh doanh có lợi nhất là tư vấn cho khách hàng làm thế nào để thu được lợi ích lớn nhất cho bản thân. IBM đã tìm ra giá trị cốt lõi mới và mở rộng nó. Trong quá trình phát triển, công ty đã tái kết nối được giá trị mới với lịch sử khám phá liên tục bản thân.

Câu chuyện với nước Mỹ cũng tương tự. Giờ đây, đã có thể thấy rõ giá trị cốt lõi của chúng ta là gì. Chúng ta có tiềm năng lớn hơn bất cứ quốc gia nào khác để phát triển được trong tương lai bằng cách trở thành bộ phận hấp dẫn nhất thế giới, nơi mà mọi người đều muốn đến làm việc, phát minh, hợp tác hoặc bắt đầu một thứ gì đó mới để thu được lợi ích cao nhất trong thế giới siêu kết nối.

Tất nhiên, Mỹ đã không chỉ đánh giá thấp thế giới mình tạo ra mà còn thổi phồng quá mức ý nghĩa của sự kiện 11/9/2001. Đất nước đã dành nhiều hơn cần thiết mối quan tâm, vốn chính trị và nguồn lực chúng ta có vào việc giải quyết mối đe dọa từ chủ nghĩa khủng bố, mặc dù đúng là mối đe dọa đó đã từng và vẫn đang nghiêm trọng. Khi theo đuổi những mục tiêu tốt đẹp nhưng không quá quan trọng như xây dựng đất nước ở Afghanistan và Iraq, chúng ta đã để cho thâm hụt hàng năm và nợ quốc gia lũy kế lên mức rất cao và nguy hiểm, đồng thời phát thải ngày càng nhiều khí nhà kính, không quan tâm đến hậu quả tàn phá nghiêm trọng có thể xảy ra.

Nhiệm vụ đầu tiên của nước Mỹ, với giai đoạn Khủng hoảng tuổi lên hai phía sau, là phải tập trung vào bản chất của thế giới mà chúng ta đang sống và những thách thức quan trọng nhất nó đặt ra. Nếu không, khả năng thích ứng của chúng ta với kỷ nguyên mới bắt đầu từ khi Chiến tranh Lạnh kết

thúc chỉ ngang với khả năng thích ứng của khủng long khi chúng gặp phải sự thay đổi đột ngột môi trường sống.

Như chúng tôi đã phân tích, chìa khóa để làm được điều đó là phải cập nhật, đổi mới công thức truyền thống vốn đã thành công của nước Mỹ nhằm giúp chính phủ tìm ra các giải pháp chọn lọc để thúc đẩy sự năng động của khu vực tư nhân. Trong năm trụ cột của công thức – gồm giáo dục, cơ sở hạ tầng, nhập cư, nghiên cứu và triển khai và các quy định quản lý, chúng tôi đã phân tích nhiều nhất vấn đề giáo dục. Trong thế kỷ 21 này, giáo dục là nền tảng của sức mạnh kinh tế, mà sức mạnh kinh tế lại là nền tảng của vai trò quan trọng, không thể thiếu được của nước Mỹ đối với thế giới. Công tước xứ Wellington, người đánh bại Napoleon từng khẳng định trận Waterloo – trận chiến quyết định thất bại của vị vua nước Pháp năm 1815 – là thắng lợi “trên sân thi đấu trường Eton”, một ngôi trường tư của Anh dành riêng cho giới quý tộc. Với tinh thần tương tự, chúng ta có thể nói rằng sự ổn định và thịnh vượng của thế giới trong thế kỷ 21 còn hay mất là do các trường công của Mỹ quyết định.

Bốn trụ cột còn lại trong công thức cũng cần được cập nhật không kém nếu Mỹ muốn tiếp tục đi lên. Nếu cơ sở hạ tầng từng là nền tảng của các hoạt động kinh tế kể từ thời đế chế La Mã với những công trình đường sá và cống thoát nước rất ấn tượng thì nghiên cứu và triển khai chỉ trở nên quan trọng sống còn vào thời hiện đại, nhưng giá trị của nó đang ngày càng tăng lên. Mỹ chỉ có thể tăng trưởng kinh tế từ các sáng tạo, và sáng tạo lại ngày càng xuất hiện nhiều từ những cải tiến nhỏ và những phát minh mang tính đột phá trong khoa học và công nghệ – kết quả của sự hỗ trợ từ quỹ dành cho nghiên cứu và triển khai.

Mỹ cũng cần phải điều chỉnh chính sách nhập cư, đáp ứng nhu cầu của thế giới chúng ta đang sống. So với việc giải quyết tình trạng của khoảng 12 triệu người đã nhập cư trái phép vào Mỹ, việc quan trọng không kém là làm cho những tài năng nước ngoài đến và ở lại nước Mỹ được dễ dàng hơn. Các kỹ sư, nhà khoa học và doanh nhân gốc nước ngoài đã có đóng góp hết sức lớn lao vào nền kinh tế Mỹ trong một phần tư thế kỷ qua và họ có thể đóng góp còn nhiều hơn thế trong những năm tới nếu chúng ta tạo điều kiện cho họ. Cuối cùng, các quy định quản lý hoạt động kinh doanh ở Mỹ cần được hiện đại hóa. Bí quyết là phải tạo được sự cân bằng hợp lý giữa một mặt là các quy định vốn quá nhiều và ràng buộc, không khuyến khích sự mạo hiểm,

còn mặt kia là các quy định chưa đủ nghiêm khắc để hạn chế những “ngoại ứng” và sự dư thừa gây tổn hại cho xã hội.

Nếu chúng ta muốn duy trì giấc mơ Mỹ cho thế hệ tương lai, chúng ta phải hiểu rằng không thể tìm được những lời chỉ dẫn cần thiết chỉ đơn giản là bằng cách đọc lại Hiến pháp hay tuyên bố ngày càng lớn tiếng hơn là nước Mỹ là quốc gia phi thường. Bí quyết thành công của chúng ta luôn là hiểu đúng thế giới mình đang sống và cập nhật công thức thành công để thích ứng với bối cảnh thế giới ấy, ngay cả khi những gì phải làm là vượt qua sự khác biệt về chính trị và thực hiện những nhiệm vụ khó khăn, lớn lao cùng nhau.

Đại tá Mark Mykleby từng phục vụ 24 năm trong lực lượng Thủy quân lục chiến ở vị trí phi công và trợ lý chiến lược đặc biệt của tổng tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu Liên quân Mỹ. Năm cuối cùng làm việc ở Lầu Năm Góc, Mykleby đã cộng tác với hạm trưởng Wayne Porter thuộc lực lượng Hải quân để viết ra “Chiến lược quốc gia” – một bài lý luận về cách thức thay đổi nước Mỹ, trong đó chú trọng các giá trị bền vững. Họ công bố bài viết dưới bút danh “Ông Y” để bày tỏ sự ngưỡng mộ với bút danh “X” của George Kennan trên tạp chí *Foreign Affairs*. Ngay trước khi nghỉ hưu năm 2011, Mykleby, cũng là bạn của Tom đã chia sẻ với chúng tôi: “Trong lịch sử, chưa bao giờ những thách thức của đất nước lại phức tạp, lâu dài như hiện tại. Nhưng đặc điểm nổi bật nhất của thời đại hiện nay không phải là mối đe dọa từ những kẻ khủng bố, từ nền kinh tế đang suy yếu hay từ biến đổi khí hậu mà là từ việc chúng ta không thể đưa ra những giải pháp mạch lạc, hiệu quả cho các vấn đề đã hiển hiện rõ ràng trước khi chúng gây ra khủng hoảng... Nếu chúng ta không thể nói chuyện ‘như những người trưởng thành’ thì làm thế nào chúng ta có thể thực hiện được những lời hứa, hoàn thành được nghĩa vụ được đề cập trong lời mở đầu Hiến pháp Mỹ là ‘thúc đẩy sự thịnh vượng trong toàn khối, giữ vững nền tự do cho bản thân và con cháu chúng ta’?”

Phải làm thế nào?

Có lẽ cách tốt nhất để chúng tôi trả lời câu hỏi quan trọng ấy là kết thúc cuốn sách này bằng chính những gì chúng tôi đã mở đầu cuốn sách: Chúng ta không cần phải bắt chước Trung Quốc. Và vận mệnh của Trung Quốc, bất kể nó như thế nào, cũng không thể quyết định được vận mệnh của nước Mỹ chúng ta. Cái chúng ta cần không phải là cái gì mới lạ hay của nước ngoài, mà là phải hiểu chính lịch sử của mình. Chúng ta cần điều chỉnh công thức thành công, điều chỉnh những ưu tiên hành động và điều chỉnh cách thức

* Bản dịch của Đại sứ quán Mỹ tại Việt Nam.

hành động trong lịch sử và văn hóa. Chúng ta cần tái kết nối với những giá trị và lý tưởng từng khiến giấc mơ Mỹ trở thành nỗi khát khao của rất nhiều thế hệ người Mỹ cũng như của hàng triệu người dân trên thế giới.

Đó là quá khứ của chúng ta. Nước Mỹ đã từng như thế. Và vì chúng ta đã từng làm được nên có thể làm được lần nữa. Vì vậy, giờ đây, cuốn sách lịch sử chúng ta cần đọc chính là lịch sử nước Mỹ, đất nước chúng ta cần khám phá cũng chính là nước Mỹ.

Lời cảm ơn

Chúng tôi đã nhận được rất nhiều từ rất nhiều người từng dành thời gian để chia sẻ với chúng tôi suy nghĩ của họ về tương lai nước Mỹ. Byron Auguste, Michael Barber, Curtis Carlson, Susan Engel, Hal Harvey, Craig Mundie, Joe Romm, và người cuối cùng nhưng hết sức quan trọng là Dov Seidman. Chúng tôi phải đặc biệt cảm ơn họ không chỉ vì họ đã đóng góp ý tưởng mà còn đọc một phần bản thảo cho chúng tôi.

Ngoài ra, chúng tôi muốn cảm ơn Peter Ackerman, Léo Apotheker, Don Baer, Evan Bayh, Robert Bennett, Mike Biddle, Joel Cawley, Alan Cohen, Martin Dempsey, Larry Diamond, John Doerr, Arne Duncan, Russ Feingold, Joel Finkelstein, Jeff Garten, Bill Gates, Lindsey Graham, Jennifer Granholm, Jeffrey Immelt, Bob Inglis, Michael Johnston, PV Kannan, Andy Karsner, David Kennedy, Wendy Kopp, Alan Kotz, Ellen Kullman, Ray Lane, Jeffrey Lesk, Michael Maniates, Jack Markell, Stan McChrystal, Ernie Moniz, Mike Murphy, Paul Otellini, Sam Palmisano, Raghuram Rajan, Kasim Reed, Ken Rogoff, Diane Rosenberg, David Rothkopf, Michael Sandel, Dan Simpkins, Alan Simpson, Brad Smith, K. R. Sridhar, Robert Stevenson, Joe Stiglitz, David Stockman, Subra Suresh, Jerry Tarde, Marc Tucker, Chuck Vest, James R. Vivian, Tony Wagner, David Walker và Randi Weingarten vì đã chia sẻ với chúng tôi thời gian và kiến thức của họ.

Tom muốn gửi lời cảm ơn tới cấp trên: Arthur Sulzberger Jr. chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty New York Times và Andy Rosenthal, trưởng ban biên tập vì đã cho Tom thời gian nghỉ phép cần thiết để viết sách. Chuyển nghỉ phép đó trùng với “Mùa xuân Arab”, và nhờ Arthur và Andy mà Tom có thể quay lại sau thời gian viết sách để viết báo khi sự kiện này tiếp tục diễn ra.

Đại diện xuất bản của chúng tôi, Esther Newberg luôn đóng góp ý kiến cũng như thể hiện năng lực tuyệt vời trong ngành xuất bản của cô, và chúng tôi được lợi rất nhiều từ cả hai điều đó.

* Cụm từ được giới chính trị gia và báo chí quốc tế sử dụng để chỉ phong trào nổi dậy của người dân các quốc gia Arab bắt đầu từ ngày 17/12/2010 ở Tunisia.

Gwenn Gorman từ báo *New York Times* và Kelley J. Kornell từ Viện Nghiên cứu quốc tế cao cấp thuộc Đại học Johns Hopkins là hai trợ lý vô giá vì đã giúp mọi thứ liên quan đến cuốn sách hoàn thành đúng kế hoạch khi mà chúng tôi vừa phải làm việc, vừa phải viết sách hàng ngày.

Đây là cuốn sách thứ sáu Tom cộng tác với nhà xuất bản Farrar, Straus và Giroux và là lần đầu tiên của Michael. Cuốn sách không thể ra đời nếu không có tư duy làm-những-gì-tốt-nhất của Jonathan Galassi – chủ tịch kiêm giám đốc nhà xuất bản – cùng các nhân viên của ông: Jeff Seroy, Sarita Varma, Debra Helfand, Susan Goldfarb, Jonathan Lippincott và Jill Priluck

Và phải đặc biệt nhắc đến người biên tập cuốn sách là Paul Elie. Cả hai chúng tôi hết sức biết ơn sự nhiệt tình và đóng góp của ông cho từng trang sách. Ông gần như thực sự là một đồng tác giả. Với tất cả những ai muốn xuất bản sách ở Farrar, Straus và Giroux, chúng tôi chỉ có một lời khuyên: “Hãy đề nghị Paul biên tập”.

Cuối cùng, như chúng tôi đã viết ở lời đề tặng, cuốn sách này có công rất lớn của hai người trong gia đình. Đó là Ann Friedman, vợ của Tom, người mà ngoài công việc dạy học còn sửa bản thảo sách, và Anne Mandelbaum, vợ của Michael, người không chỉ ủng hộ và đưa ra những ý kiến uyên bác mà còn đặt ra câu hỏi quan trọng nhất trong một lần chúng tôi nói chuyện điện thoại với nhau: “Tại sao hai anh không viết một cuốn sách về vấn đề này nhỉ?”